

VĂN KIẾN ĐẢNG TOÀN TẬP
XUẤT BẢN LẦN THỨ NHẤT
THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ
CHÍNH TRỊ BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG
SẢN VIỆT NAM, SỐ 25-QĐ/TW,
NGÀY 3 THÁNG 2 NĂM 1997

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

TRƯƠNG TẤN SANG	Chủ tịch Hội đồng
PHAN DIỄN	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN ĐỨC BÌNH	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN PHÚ TRỌNG	Ủy viên
NGUYỄN HỮU THỌ	"
NGUYỄN DUY QUÝ	"
HÀ ĐĂNG	"
ĐẶNG XUÂN KỲ	"
LÊ HAI	"
NGÔ VĂN DỤ	"
LÊ QUANG THƯỜNG	"
TRẦN ĐÌNH NGHIÊM	"
VŨ HỮU NGOẠN	"
NGUYỄN VĂN LANH	"
TRỊNH THỨC HUỠNH	"

BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

HÀ ĐĂNG	Trưởng ban
VŨ HỮU NGOẠN	Thường trực
NGÔ VĂN DỤ	Thành viên
TRỊNH THỨC HUỠNH	"
NGUYỄN VĂN LANH	"
TRỊNH NHU	"

NHÓM XÂY DỰNG BẢN THẢO TẬP 52

ĐÀO TRỌNG CẢNG (Chủ biên)
NGUYỄN ĐỨC THUY
CAO ĐỨC THÁI

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN KIẾN ĐẢNG

TOÀN TẬP

TẬP 52

1992 – 6-1993

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2007

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 52

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 52 phản ánh hoạt động lãnh đạo của Đảng trong năm 1992 và 6 tháng đầu năm 1993, triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII. Sau Đại hội VII, cách mạng nước ta đứng trước thời cơ mới và những thách thức mới. Tiếp theo sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, chủ nghĩa xã hội thế giới tạm thời lâm vào thoái trào, phong trào cách mạng, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế gặp khó khăn nghiêm trọng. Chủ nghĩa đế quốc đẩy mạnh chống phá các nước xã hội chủ nghĩa và các lực lượng cách mạng hòng xoá bỏ chủ nghĩa xã hội. Các thế lực phản động ở trong nước và nước ngoài tìm mọi cách chống phá Đảng và chế độ ta, cố vũ cho đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Trước tình hình đó, Đảng ta đã tỏ rõ bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa, tinh thần độc lập tự chủ và khả năng nhạy bén, sáng tạo, lãnh đạo nhân dân ta vượt qua khó khăn, đưa công cuộc đổi mới tiếp tục phát triển.

Tình hình trên đây được phản ánh trong các văn kiện của Đảng năm 1992 – 6-1993. Trong tập này có các văn kiện của ba hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VII): Hội nghị lần thứ ba, lần thứ tư và lần thứ năm.

Các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã giải quyết nhiều vấn đề quan trọng về kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và xây dựng Đảng vừa cơ bản, vừa cấp bách, có ý nghĩa chiến lược, do quá trình phát triển và do thời cuộc đặt ra, nhằm thúc đẩy

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 06-CT/TW, ngày 21 tháng 2 năm 1992

Về việc chỉ đạo Đại hội các cấp Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể

Theo định kỳ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể sẽ lần lượt tổ chức đại hội toàn quốc vào năm 1992-1993.

Trong bối cảnh mới của tình hình trong nước và thế giới, Đại hội Mặt trận và các đoàn thể phải thực sự đổi mới về nội dung, tổ chức và hình thức tiến hành. Để Đại hội Mặt trận và các đoàn thể các cấp đạt kết quả tốt, Ban Bí thư Trung ương Đảng yêu cầu các cấp uỷ đảng, Đảng đoàn Mặt trận và Đảng đoàn các đoàn thể với sự cộng tác của chính quyền các cấp thực hiện tốt các việc sau:

1. Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Đại hội Mặt trận và các đoàn thể các cấp, phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của Mặt trận và từng đoàn thể theo tinh thần: đổi mới, dân chủ, hiệu quả, tiết kiệm.

2. Quá trình tiến hành Đại hội phải là quá trình xây dựng, củng cố Mặt trận và các đoàn thể về chính trị, tư tưởng, tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động. Coi trọng

củng cố tổ chức cơ sở; bảo đảm chất lượng đoàn viên, hội viên cùng với việc mở rộng các hình thức tập hợp quần chúng rộng rãi; quan tâm chăm sóc lợi ích chính đáng của đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân. Nội dung đổi mới về mặt tổ chức phải thể hiện trong bản sửa đổi Điều lệ trình trước Đại hội.

3. Nội dung Đại hội, Mặt trận và các đoàn thể cần quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng và nghị quyết đại hội đảng các cấp; tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể theo nội dung Nghị quyết 8 của Ban Chấp hành Trung ương Khoá VI tập trung vào những vấn đề quan trọng về dân sinh, dân chủ. Động viên phong trào cách mạng của các tầng lớp nhân dân thực hiện thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 1992 và 5 năm 1991-1995. Trước mắt, Mặt trận và các đoàn thể cần phát huy các nhân tố mới, tổ chức quần chúng tham gia thực hiện những mục tiêu then chốt trong chương trình kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, xây dựng Hiến pháp sửa đổi, cải cách một bước bộ máy nhà nước; tham gia đấu tranh chống quan liêu, cửa quyền, gây phiền hà cho dân, xâm phạm lợi ích chính đáng của nhân dân và đấu tranh chống buôn lậu, chống tham nhũng; tích cực tham gia xây dựng Đảng, thắt chặt hơn nữa mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân. *Nội dung phương hướng, nhiệm vụ mới cần thể hiện thành chương trình và mục tiêu, biện pháp cụ thể, thiết thực, ngắn gọn, dễ hiểu, có khả năng thực hiện.*

4. Nhân sự ban chấp hành các cấp cần được chuẩn bị tốt, bảo đảm dân chủ, đúng quy trình, tránh tình trạng cập rập, thiếu chu đáo. Tham gia ban chấp hành các đoàn thể phải là

những người có phẩm chất, có năng lực, trí tuệ, đại diện được ý chí và nguyện vọng của đoàn viên, hội viên, được quần chúng tín nhiệm. Cấu tạo ban chấp hành cần tinh gọn, không nhất thiết địa phương nào, ngành nào cũng phải có đại diện tham gia, cần chú trọng cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc đủ tiêu chuẩn. Cán bộ chủ chốt do cấp uỷ đảng giới thiệu càng phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn, tránh mọi biểu hiện gò ép, áp đặt hoặc buông lỏng, thả nổi. Số lượng uỷ viên ban chấp hành không nên quá đông, trong ban chấp hành chỉ nên có một cơ quan thường trực (đoàn chủ tịch hoặc ban thường vụ, hoặc ban thư ký...). Ban Dân vận cùng Ban Tổ chức đảng các cấp có trách nhiệm tham mưu giúp cấp uỷ chỉ đạo Mặt trận và các đoàn thể thực hiện đúng đắn các yêu cầu về lựa chọn bố trí nhân sự.

5. Trong tình hình tài chính ngân sách có khó khăn, số lượng đại biểu Đại hội các cấp không nên triệu tập nhiều như các Đại hội trước. Việc mời khách nước ngoài tham dự Đại hội toàn quốc không đặt ra và cần hạn chế khách mời trong nước. Thời gian họp Đại hội không nên nhiều ngày. Trước Đại hội nên tổ chức các cuộc hội thảo, đối thoại, hội nghị chuyên đề để phát huy được trí tuệ của đoàn viên, hội viên và cán bộ tham gia xây dựng nội dung Đại hội; việc này cần chỉ đạo cụ thể để đạt hiệu quả thiết thực.

6. Đại diện chính quyền trình bày với Đại hội Mặt trận và đoàn thể cấp mình về nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội ở đơn vị, địa phương, tham gia các cuộc thảo luận của Đại hội... với tinh thần dân chủ, bình đẳng, hợp tác và trả lời những vấn đề nóng bỏng mà các đại biểu Đại hội đặt ra.

7. Thời gian Đại hội Mặt trận và các đoàn thể diễn ra

trong hai năm 1992-1993. Về thời gian Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận và các đoàn thể bố trí cụ thể như sau:

- Năm 1992 tiến hành Đại hội các đoàn thể: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

- Năm 1993 tiến hành Đại hội các đoàn thể: Hội Nông dân Việt Nam, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

8. Các cấp uỷ đảng bàn với chính quyền các cấp phối hợp, tạo điều kiện vật chất cần thiết để Mặt trận và các đoàn thể tổ chức Đại hội đạt kết quả tốt.

9. Các cấp uỷ đảng, Đảng đoàn Mặt trận và Đảng đoàn các đoàn thể với sự cộng tác của chính quyền các cấp có trách nhiệm thực hiện Chỉ thị này phù hợp với đặc điểm của từng tổ chức. Các ban của Đảng theo dõi và báo cáo kết quả lên Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 04-TT/TW, ngày 24 tháng 2 năm 1992

Về tiến hành sơ kết hai năm thực hiện Nghị quyết 8 Trung ương, Khóa VI

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ ba sắp tới sẽ sơ kết hai năm thực hiện Nghị quyết 8 Trung ương Khóa VI nhằm tiếp tục đổi mới công tác quần chúng, tăng cường hơn nữa mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân.

Ban Bí thư chủ trương các tổ chức đảng và cấp ủy đảng các ngành chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể *cần tiến hành nghiêm túc việc sơ kết thực hiện Nghị quyết 8.*

- Việc sơ kết cần tiến hành trên cơ sở quán triệt những quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ mà Nghị quyết 8 đã nêu ra và những nghị quyết, chỉ thị của các địa phương, các ngành về thi hành Nghị quyết 8 mà *đánh giá thực trạng tình hình quần chúng* về các mặt tâm trạng chính trị, đời sống vật chất và tinh thần, phong trào hành động cách mạng thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; *kiểm điểm và nhận thức sâu sắc hơn những quan điểm đổi mới công tác quần chúng*, nêu rõ những việc làm được, những việc chưa

làm được rút ra những nguyên nhân và bài học kinh nghiệm. Phải báo cáo rõ những nơi chưa thực hiện Nghị quyết 8, làm rõ nguyên nhân. Từ thực tiễn hai năm qua và bối cảnh mới, cần xác định những chủ trương mới, các chương trình và biện pháp cụ thể tạo cho được sự đổi mới thực sự về công tác quần chúng. Cũng qua sơ kết đề xuất với Hội nghị Trung ương 3 những vấn đề cần giải quyết.

Để sơ kết tốt, cần tiến hành những công tác cụ thể sau đây:

- Các tỉnh, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức đợt kiểm tra có trọng điểm việc thực hiện Nghị quyết 8 ở các cấp, các ngành, các đoàn thể, nhất là ở một số cơ sở và một số ngành chính quyền. Việc kiểm tra cần đề ra kết luận và kiến nghị cụ thể.

- Các ban đảng cùng với các thành viên Hội đồng công tác quần chúng trung ương tiến hành khảo sát, kiểm tra điều hành việc thực hiện Nghị quyết 8 ở một số địa phương, ngành, cơ sở.

- Các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư tỉnh, thành ủy báo cáo và đề xuất ý kiến với Trung ương về công tác quần chúng thuộc phạm vi công tác được phân công.

- Ban Dân vận Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn các cấp ủy đảng phối hợp với các ngành chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể tiến hành sơ kết việc thực hiện Nghị quyết 8 và chuẩn bị báo cáo về vấn đề này trình Trung ương.

- Báo cáo sơ kết của các tỉnh, thành và ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương, báo cáo của các đồng chí Ủy viên Trung ương, Bí thư tỉnh, thành ủy gửi về Trung ương qua Ban Dân vận Trung ương trước ngày 31-3-1992.

- Các phương tiện thông tin đại chúng thường xuyên tuyên truyền phổ biến những kinh nghiệm rút ra từ các địa phương, ngành, cơ sở chấp hành tốt hoặc chưa tốt Nghị quyết 8.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

THÔNG BÁO

Số 18-TB/TW, ngày 9 tháng 3 năm 1992

Kết luận của Bộ Chính trị về vấn đề điều chỉnh địa giới hành chính cấp tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương

Tại phiên họp ngày 7-3-1992, sau khi nghe các đồng chí Thường trực Hội đồng Bộ trưởng báo cáo và ý kiến phát biểu của các ngành có liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận như sau:

1. *Bộ Chính trị nhất trí với chủ trương của Hội đồng Bộ trưởng kết thúc việc điều chỉnh địa giới hành chính cấp tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Chính trị chủ trương không đặt vấn đề điều chỉnh địa giới hành chính cấp huyện trong lúc này để các địa phương ổn định xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, đưa Nghị quyết Đại hội VII vào cuộc sống.*

2. Ban Bí thư và các đồng chí Hội đồng Bộ trưởng cần tổng kết việc điều chỉnh địa giới hành chính cấp tỉnh, thành phố trong thời gian qua, rút ra những ưu điểm, khuyết điểm, và những bài học kinh nghiệm trong việc ra quyết định và chỉ đạo thực hiện của các cơ quan đảng và nhà nước các cấp.

3. Các cấp uỷ đảng cần lãnh đạo các ngành, các cấp làm tốt công tác tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, nhân dân đồng tình và thực hiện chủ trương trên của Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
ĐỖ MƯỜI

THÔNG BÁO

Số 20-TB/TW, ngày 25 tháng 3 năm 1992

Ý kiến của Bộ Chính trị về việc điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng Thủ đô Hà Nội

Trong phiên họp ngày 29-2-1992, sau khi nghe đồng chí đại diện Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội trình bày nội dung điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng Thủ đô Hà Nội, Bộ Chính trị đã có ý kiến như sau:

1. Việc điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng Thủ đô Hà Nội lần này về cơ bản vẫn phù hợp với phương hướng chủ yếu về quy hoạch, cải tạo và xây dựng Thủ đô Hà Nội tại Quyết định số 163/CP ngày 17-9-1976.

Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Bộ trưởng, Uỷ ban nhân dân Thành phố Hà Nội, Bộ Xây dựng và các ngành có liên quan kiểm điểm lại việc thực hiện Quyết định 163/CP ngày 17-9-1976 của Hội đồng Chính phủ. Trên cơ sở đó và quán triệt tư tưởng đổi mới của Đại hội VII, Hội đồng Bộ trưởng duyệt đề án thiết kế điều chỉnh quy hoạch xây dựng Thủ đô đến năm 2000 cho phù hợp với tình hình, nhiệm vụ mới. Đồng thời quy hoạch tiếp việc xây dựng Thủ đô vào các thập kỷ tiếp theo: năm 2000-2010 hoặc năm 2000-2020.

2. Bộ Chính trị lưu ý mấy điểm sau đây:

- Việc tính toán giảm bớt diện tích sử dụng đất trên đầu người như đề nghị điều chỉnh cần bảo đảm có đầy đủ luận cứ khoa học; về đường sắt vẫn theo quyết định trước đây của Hội đồng Bộ trưởng là chuyển tuyến đường sắt ra ngoài trung tâm thành phố để bảo đảm yêu cầu vận tải và môi trường đô thị nhưng cần làm kỹ luận chứng kinh tế - kỹ thuật.

- Về các dự án đầu tư các công trình xây dựng Thủ đô theo quy hoạch, hoặc điều chỉnh so với quy hoạch một số công trình cụ thể, Hội đồng Bộ trưởng tiến hành xét duyệt từng dự án bảo đảm thực hiện việc xây dựng đúng quy hoạch tổng mặt bằng, bảo vệ môi trường, có hiệu quả. Đối với những dự án quan trọng, cần có ý kiến của Bộ Chính trị, nhất là các dự án liên quan đến an ninh, quốc phòng, ngoại giao...

- Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội và các ngành có liên quan phối hợp với Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội dành sự ưu tiên thích đáng cho việc xây dựng Thủ đô; giao trách nhiệm cho từng ngành đối với từng công trình, bảo đảm thực hiện quy hoạch làm cho Thủ đô sớm xứng đáng với vị trí "trung tâm đầu não về chính trị, văn hoá và khoa học kỹ thuật, đồng thời là trung tâm lớn về kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước" như Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 21-1-1983 của Bộ Chính trị (Khoá V) đã khẳng định.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐÀO DUY TÙNG

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 26-QĐ/TW, ngày 26 tháng 3 năm 1992

Về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Ban Khoa giáo Trung ương

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng và Điều lệ Đảng do Đại hội VII thông qua,
- Căn cứ quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Khoá VII,

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

I- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA BAN KHOA GIÁO TRUNG ƯƠNG

Ban Khoa giáo Trung ương là cơ quan tham mưu của Ban Chấp hành Trung ương, mà trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác khoa giáo.

Ban Khoa giáo Trung ương có những nhiệm vụ sau:

1. *Nghiên cứu* đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đường lối, chủ trương, chính

sách trong lĩnh vực công tác khoa giáo; chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị các quyết định của Đảng về công tác khoa giáo; *thẩm định* các đề án về công tác khoa giáo trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư; góp ý kiến với các cơ quan nhà nước trong quá trình xây dựng các quyết định của Nhà nước về công tác khoa giáo; giúp Ban Bí thư chỉ đạo công tác chính trị tư tưởng trong đội ngũ trí thức và học sinh, sinh viên.

2. *Kiểm tra*, nắm tình hình việc thể chế hoá và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về công tác khoa giáo. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy chế của Trung ương và kiến nghị các vấn đề cần thiết để Bộ Chính trị, Ban Bí thư kịp thời lãnh đạo công tác khoa giáo.

3. Tiến hành công tác tổ chức và cán bộ trong khối theo quy định của Trung ương; đề xuất ý kiến về cán bộ theo danh mục quản lý của Trung ương; thẩm tra công tác tổ chức và cán bộ của các ngành trong khối; kiến nghị chủ trương, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, quản lý và đãi ngộ đối với cán bộ.

4. Hướng dẫn công tác khoa giáo cho các ban, ngành, các tỉnh, thành uỷ; hướng dẫn và bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ tham mưu của các cấp uỷ địa phương về công tác khoa giáo; phối hợp với đảng uỷ khối các cơ quan khoa giáo Trung ương làm công tác xây dựng Đảng trong khối khoa giáo.

II- TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA BAN KHOA GIÁO TRUNG ƯƠNG

- Ban Khoa giáo Trung ương được kiện toàn theo hướng nâng cao chất lượng, tinh gọn bộ máy.

Căn cứ vào Quyết định này, Ban Khoa giáo Trung ương tổ chức bộ máy, sắp xếp cán bộ và xây dựng quy chế làm việc của Ban. Ngoài số cán bộ trong biên chế, theo quy định, Ban thực hiện chế độ cộng tác viên làm công tác nghiên cứu các vấn đề về khoa giáo.

Ở các thành phố lớn và các tỉnh tập trung nhiều trường đại học và viện nghiên cứu cần tổ chức ban khoa giáo giúp cấp uỷ tham mưu về công tác khoa giáo. Ở các địa phương khác có bộ phận khoa giáo trong ban tuyên giáo.

Ban Khoa giáo Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, lề lối làm việc và biên chế của Ban Khoa giáo hoặc bộ phận khoa giáo trong ban tuyên giáo tỉnh uỷ, thành uỷ.

Ban Khoa giáo Trung ương, các ban, ngành có liên quan, các tỉnh uỷ, thành uỷ có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay cho Quyết định số 49-QĐ/TW ngày 12-4-1988 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 27-QĐ/TW, ngày 26 tháng 3 năm 1992

**Về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức
của Ban Kinh tế Trung ương**

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng và Điều lệ Đảng do Đại hội VII thông qua,

Căn cứ quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Khoá VII,

Căn cứ Quyết định số 04-QĐ/TW ngày 24-8-1991 của Bộ Chính trị về việc sáp nhập Ban Nông nghiệp Trung ương và Ban Kinh tế Trung ương thành Ban Kinh tế Trung ương,

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

**I- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ
CỦA BAN KINH TẾ TRUNG ƯƠNG**

Ban Kinh tế Trung ương là cơ quan tham mưu của Ban Chấp hành Trung ương, mà trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí

thư, về những vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế tổng hợp và kinh tế ngành.

Ban có những nhiệm vụ sau đây:

1. Nghiên cứu đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đường lối, chủ trương, chính sách trong lĩnh vực kinh tế - xã hội;

Chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị các quyết định của Đảng về kinh tế - xã hội; thẩm định các đề án về kinh tế - xã hội trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư; góp ý kiến với các cơ quan nhà nước trong quá trình xây dựng các quyết định của Nhà nước về kinh tế - xã hội.

2. Kiểm tra, nắm tình hình việc thể chế hoá và tổ chức thực hiện các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về kinh tế - xã hội. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy chế của Trung ương và kiến nghị với Bộ Chính trị, Ban Bí thư các vấn đề cần thiết để Bộ Chính trị, Ban Bí thư kịp thời lãnh đạo.

3. Tiến hành công tác tổ chức và cán bộ trong khối theo quy định của Trung ương; đề xuất ý kiến về cán bộ theo danh mục quản lý của Trung ương; thẩm tra công tác tổ chức và cán bộ của các ngành trong khối; kiến nghị chủ trương, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, quản lý và đãi ngộ đối với cán bộ.

4. Phối hợp với Đảng uỷ khối cơ quan kinh tế Trung ương làm công tác xây dựng Đảng trong khối kinh tế; hướng dẫn các ban, ngành, các tỉnh uỷ, thành uỷ triển khai các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về kinh tế - xã hội; hướng dẫn và bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ tham mưu về kinh tế - xã hội của các cấp uỷ địa phương.

II- TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA BAN KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

Ban Kinh tế Trung ương được tổ chức theo hướng nâng cao chất lượng, tinh gọn bộ máy.

Căn cứ vào Quyết định này, Ban Kinh tế Trung ương tổ chức bộ máy, sắp xếp cán bộ và xây dựng quy chế làm việc của Ban. Ngoài số cán bộ trong biên chế theo quy định, Ban thực hiện chế độ cộng tác viên làm công tác nghiên cứu các vấn đề kinh tế - xã hội.

Ban Kinh tế Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, lề lối làm việc và biên chế của Ban Kinh tế tỉnh, thành uỷ.

Ban Kinh tế Trung ương và các ban, ngành Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 01-NQ/TW, ngày 28 tháng 3 năm 1992

VỀ CÔNG TÁC LÝ LUẬN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn coi trọng vai trò của lý luận. Người đặt nền móng đầu tiên cho công tác lý luận của Đảng là đồng chí Hồ Chí Minh. Tiếp thụ và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể nước ta là cơ sở và nguồn gốc mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Ngày nay, đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra, được Đại hội VII khẳng định và tiếp tục phát triển, đang đặt ra hàng loạt vấn đề vừa cơ bản, vừa bức xúc, phải tiếp tục nghiên cứu làm sáng tỏ về mặt lý luận. Sự phát triển của thế giới, nhất là những diễn biến phức tạp mấy năm gần đây cũng đặt ra nhiều vấn đề phải nghiên cứu sâu sắc. Cuộc đấu tranh về tư tưởng - lý luận đang diễn ra gay gắt trong những điều kiện mới.

Trước tình hình đó, việc đẩy mạnh công tác lý luận trở thành một yêu cầu bức thiết đối với Đảng ta hiện nay.

I- TÌNH HÌNH CÔNG TÁC LÝ LUẬN KỂ TỪ SAU ĐẠI HỘI VI

1. Hơn 5 năm kể từ Đại hội Đảng lần thứ VI, công tác lý luận có *những tiến bộ đáng kể*:

- Nét nổi bật là đã bước đầu đổi mới tư duy lý luận, nhất là tư duy kinh tế, khắc phục được một phần những biểu hiện của chủ nghĩa giáo điều và bệnh chủ quan duy ý chí; đồng thời tỉnh táo phòng ngừa và ngăn chặn những ảnh hưởng nguy hại của chủ nghĩa cơ hội, xét lại. Những quan điểm cơ bản chỉ đạo sự nghiệp đổi mới đất nước đã được hình thành, thể hiện lập trường kiên định và sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với điều kiện cụ thể Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Những thành tựu lý luận đã tạo cơ sở khoa học cho việc xây dựng Cương lĩnh chính trị, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể hoá và phát triển đường lối đổi mới của Đảng trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, an ninh - quốc phòng, đối ngoại...

- Công tác giáo dục lý luận Mác - Lênin đã có một số cải tiến về nội dung, hình thức và phương pháp. Cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng - lý luận được tiến hành (tuy còn yếu) nhằm uốn nắn những quan niệm lệch lạc, phê phán những khuynh hướng sai lầm, chống lại các quan điểm phản động mưu toan phủ định chủ nghĩa Mác - Lênin, xoá bỏ chủ nghĩa xã hội, thủ tiêu vai trò lãnh đạo của Đảng. Những hoạt động trên đã góp phần vào việc giữ vững sự ổn định về chính trị.

- Trong những năm qua, đội ngũ cán bộ lý luận được tăng thêm về số lượng và có bước trưởng thành về trình độ qua thực tiễn đổi mới. Số đông cán bộ lý luận thể hiện được trách nhiệm của mình đối với vận mệnh đất nước và chủ nghĩa xã

hội; đã khắc phục khó khăn, thiếu thốn về đời sống và điều kiện làm việc, đi sâu nghiên cứu, góp phần tìm kiếm những giải pháp để khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội đưa đất nước đi lên. Đã xuất hiện một bộ phận cán bộ lý luận trẻ có triển vọng.

- Công tác lãnh đạo, tổ chức và quản lý các hoạt động lý luận đã và đang từng bước được đổi mới theo hướng gắn chặt lý luận với thực tiễn, thông qua tổng kết thực tiễn để phát triển lý luận, coi trọng chất lượng, hiệu quả. Không khí dân chủ trong nghiên cứu tìm tòi, trong thảo luận, tranh luận được mở rộng.

2. Bên cạnh những tiến bộ kể trên, hoạt động lý luận còn bộc lộ *những mặt yếu kém* sau đây:

- Lý luận chưa đi sâu, đi sát cuộc sống, chưa ra khỏi tình trạng lạc hậu, chưa đáp ứng những đòi hỏi của thực tiễn đổi mới. Nhiều vấn đề cơ bản và cấp bách về thời đại, về chủ nghĩa xã hội, về thời kỳ quá độ... cần phải được làm sáng tỏ một cách đầy đủ, có hệ thống và có sức thuyết phục hơn. Công tác lý luận chưa phục vụ tốt việc cụ thể hoá và phát triển đường lối, hoạch định các chính sách; việc đổi mới nội dung giảng dạy của nhiều bộ môn khoa học xã hội; việc triển khai cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng - lý luận.

- Đội ngũ cán bộ lý luận chưa đồng bộ và nói chung trình độ chưa ngang tầm đòi hỏi của sự nghiệp cách mạng. Đặc biệt là còn rất thiếu những chuyên gia lý luận đầu đàn trên các lĩnh vực trọng yếu. Trong nhiều năm qua, nội dung đào tạo đội ngũ cán bộ lý luận hầu như chỉ bó hẹp trong các bộ môn khoa học Mác - Lênin, chưa coi trọng việc nghiên cứu các trào lưu khác và tiếp nhận những thành tựu khoa học

của thế giới. Hậu quả là số đông cán bộ lý luận thiếu hiểu biết rộng rãi về kho tàng tri thức của loài người, do đó khả năng phát triển bị hạn chế.

- Công tác lãnh đạo, tổ chức và quản lý các hoạt động lý luận còn chậm được đổi mới. Hệ thống tổ chức nghiên cứu và quản lý công tác nghiên cứu còn phân tán và trùng lặp, thiếu sự phân công và phối hợp, chưa chú ý xây dựng các ngành khoa học trọng điểm, thiếu sự chỉ đạo thống nhất. Việc sử dụng các cơ quan khoa học làm chức năng tư vấn và thẩm định các dự thảo về chủ trương, chính sách chưa được quan tâm đầy đủ. Việc chậm xây dựng quy chế bảo đảm dân chủ, phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động lý luận đã hạn chế sự phát triển tiềm năng sáng tạo lý luận, mặt khác sự thiếu kỷ cương đôi khi dẫn đến những phát ngôn vô nguyên tắc, trái đường lối quan điểm của Đảng. Giao lưu và hợp tác quốc tế còn hạn chế. Kinh phí đầu tư cho khoa học xã hội và nghiên cứu lý luận quá ít. Thiếu những chính sách và chế độ cần thiết nhằm khuyến khích và trọng dụng tài năng, cải thiện đời sống và tạo điều kiện làm việc cho đội ngũ cán bộ lý luận.

Những mặt yếu kém trên đây có nguyên nhân khách quan bắt nguồn từ những hạn chế lịch sử. Trước hết là do sự lạc hậu chung về nhận thức lý luận và sự chậm trễ của khoa học xã hội kéo dài nhiều thập kỷ trong cả hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Mặt khác, về chủ quan, lãnh đạo các cấp, các ngành trước hết ở Trung ương chưa nhận thức được sâu sắc và đầy đủ tầm quan trọng của lý luận, chưa thật sự coi công tác lý luận là sự nghiệp của toàn Đảng; một số cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa coi trọng phát huy dân chủ trong công tác nghiên cứu lý luận.

Năm năm qua, tuy đã khắc phục được một bước đáng kể những quan niệm đồng nhất giản đơn giữa khoa học với chính trị, nhưng trên thực tế vẫn chưa xác lập được những quan niệm thật đúng đắn và sáng tỏ về mối quan hệ giữa khoa học với chính trị, giữa tính khoa học và tính đảng.

II- NHIỆM VỤ, PHƯƠNG HƯỚNG VÀ CÁC BIỆN PHÁP CHỦ YẾU ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC LÝ LUẬN TRONG THỜI GIAN TỐI

1. Nhiệm vụ và những phương châm lớn

Tiếp tục đổi mới tư duy lý luận, đi sâu tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận một cách sáng tạo, *trước hết là tổng kết có lý luận những kinh nghiệm cơ bản trong công cuộc đổi mới* nhằm phục vụ việc chuẩn bị cho Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ và cho Đại hội Đảng lần thứ VIII. Việc tổng kết này là nhiệm vụ *trung tâm* của công tác lý luận mấy năm trước mắt làm sáng tỏ hơn nữa căn cứ khoa học và thực tiễn của việc xây dựng mô hình về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Để thực hiện nhiệm vụ trên đây, cần nắm vững mấy phương châm lớn:

- Quán triệt bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phát huy tính độc lập sáng tạo, kế thừa những tinh hoa trí tuệ dân tộc, những kinh nghiệm và thành tựu khoa học của thế giới.

- Gắn chặt lý luận với thực tiễn, giữa yêu cầu trước mắt với nhiệm vụ lâu dài, giữa nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu ứng dụng.

- Phát huy tự do tư tưởng và tính sáng tạo trong nghiên cứu lý luận; kết hợp thống nhất tính khoa học với tính đảng, giữa khoa học với chính trị.

- Công tác lý luận và khoa học xã hội phải thể hiện sự kết hợp chặt chẽ giữa khoa học xã hội với khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật.

2. Những hướng nghiên cứu chủ yếu

a) Công tác lý luận phải khẳng định và làm rõ những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, làm rõ những vấn đề cần nhận thức cho đúng, những vấn đề cần tiếp tục bổ sung, điều chỉnh và phát triển trên cơ sở tổng kết và khái quát những kinh nghiệm thực tiễn mới và những thành tựu của khoa học hiện đại. Nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời chú trọng nghiên cứu những tinh hoa trí tuệ của dân tộc.

Đối với những học thuyết khác - ngoài chủ nghĩa Mác - Lênin - về xã hội, cần được nghiên cứu trên quan điểm khách quan, biện chứng. Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa giáo điều cũng như chống chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội dưới mọi màu sắc.

b) Nghiên cứu những kinh nghiệm lịch sử hơn 70 năm của chủ nghĩa xã hội hiện thực, những bài học rút ra từ cuộc cải tổ và sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu. Chú trọng nghiên cứu những vấn đề về thời đại, về chủ nghĩa tư bản hiện đại, về những biến đổi trong các quan hệ quốc tế, về trật tự thế giới mới, dự báo xu hướng phát triển của thế giới và của khu vực trong những thập kỷ tới.

c) Tiếp tục đi sâu nghiên cứu, phát triển và hoàn chỉnh hệ thống những luận cứ khoa học của sự lựa chọn con đường

đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Phát hiện những xu hướng, tính quy luật, các mâu thuẫn và động lực, hình thức và bước đi của con đường phát triển ấy. Làm rõ bản chất và những đặc trưng của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, công tác lý luận góp phần hoàn thiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ và Chiến lược ổn định, phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000.

d) Trong các chương trình nghiên cứu phải đặc biệt quan tâm những vấn đề về kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; về cơ cấu kinh tế; về các thành phần kinh tế; về cơ chế quản lý kết hợp kế hoạch và thị trường; những vấn đề về chống lạm phát, về tài chính, tiền tệ, tín dụng, giá cả; về chế độ sở hữu và chế độ phân phối trong thời kỳ quá độ; về quan hệ giữa sở hữu với sử dụng tư liệu sản xuất và tổ chức quản lý sản xuất; về mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại; về cơ cấu xã hội và chính sách xã hội; về giai cấp và đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ...

e) Nghiên cứu làm rõ những quan điểm về đổi mới hệ thống chính trị, cụ thể hoá các hình thức quan hệ đúng đắn giữa Đảng, Nhà nước, các đoàn thể nhân dân, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, trong đó trung tâm là vấn đề xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng lãnh đạo Nhà nước, vấn đề xây dựng chính quyền của dân, do dân, vì dân, xây dựng nền pháp chế và sự quản lý xã hội bằng pháp luật.

g) Nghiên cứu mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, giữa phát huy bản sắc văn hoá dân tộc với tiếp thu tinh hoa văn hoá thế giới, những vấn đề về phát huy nhân tố con người, về đạo đức, lối sống, tư tưởng, nghệ thuật, tôn giáo,

dân tộc... trong điều kiện phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần và mở rộng giao lưu quốc tế. Xây dựng cơ sở lý luận cho việc hình thành nền văn hoá Việt Nam và con người Việt Nam trong thời đại mới.

h) Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành hệ tư tưởng chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội ta, nâng cao giác ngộ lý tưởng và niềm tin cho đảng viên, đoàn viên thanh niên và nhân dân.

i) Cần tiến hành thường xuyên cuộc đấu tranh tư tưởng lý luận theo yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Khắc phục chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa kinh nghiệm, đồng thời chống chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh và xét lại.

k) Nghiên cứu lý luận phục vụ công tác quốc phòng, an ninh nhằm bảo vệ Tổ quốc, giữ vững và tăng cường ổn định chính trị, đánh thắng âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hoà bình" của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động.

3. Những biện pháp chủ yếu

a) Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ lý luận có trình độ cao đủ sức giải quyết những vấn đề do thực tiễn đất nước và thời đại đặt ra. Đánh giá toàn diện đội ngũ cán bộ lý luận hiện có để có kế hoạch sử dụng hợp lý, đào tạo lại và bồi dưỡng có hiệu quả. Có chính sách và biện pháp thích hợp sử dụng cho được những cán bộ tuy đã nghỉ chức vụ hay nghỉ hưu nhưng còn sức đóng góp cho công tác lý luận. Đổi mới về căn bản công tác đào tạo cán bộ lý luận từ quy hoạch, chương trình, nội dung, phương pháp đến quy chế tuyển chọn, tiêu

chuẩn đánh giá chất lượng. Đội ngũ cán bộ lý luận phải được đào tạo một cách đồng bộ, ưu tiên cho những ngành lý luận mũi nhọn. Quan tâm đặc biệt đào tạo và bồi dưỡng lớp chuyên gia giỏi, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có kinh nghiệm thực tiễn, có trình độ lý luận cao và giàu khả năng tư duy sáng tạo, hình thành đội ngũ cán bộ đầu đàn và các lớp kế tiếp ngày càng vững mạnh, đáp ứng những nhiệm vụ trước mắt, đồng thời chuẩn bị tiềm lực cho sự phát triển trong tương lai.

b) Xây dựng quy chế hoạt động nghiên cứu và quản lý công tác lý luận nhằm phát huy đầy đủ tự do sáng tạo trong quá trình tìm tòi, khám phá chân lý. Đề cao tính khách quan khoa học và tính đảng của người làm công tác lý luận. Xây dựng không khí dân chủ, cởi mở và có nguyên tắc trong thảo luận, tranh luận khoa học. Lắng nghe mọi ý kiến, phát huy mọi tài năng trí tuệ, thu hút đội ngũ cán bộ lý luận và các cơ quan nghiên cứu tham gia vào quá trình hoạch định đường lối, chiến lược, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

c) Tổ chức lại các cơ quan lý luận của Đảng, của Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, khắc phục tình trạng xa rời thực tiễn, tình trạng phân tán, trùng lặp và kém hiệu quả. Sắp xếp lại các cơ quan nghiên cứu, các cơ sở đào tạo, phân định rõ chức năng và nhiệm vụ, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ. Củng cố, tăng cường và xây dựng nhanh một số ngành khoa học quan trọng như kinh tế học, triết học, khoa học chính trị, xã hội học, luật học... và một số trung tâm nghiên cứu quốc gia mạnh.

d) Tăng ngân sách đầu tư cho các hoạt động lý luận,

phân bổ hợp lý nguồn kinh phí nhà nước cấp cho khoa học nhằm bảo đảm từng bước hiện đại hoá cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nghiên cứu lý luận, hiện đại hoá hệ thống thông tin và bảo đảm cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho việc nghiên cứu khảo sát thực tế... Đầu tư thích đáng cho việc mua thiết bị và sách báo phục vụ cho nghiên cứu. Quan tâm cải thiện điều kiện làm việc của các cơ quan lý luận.

Có chính sách khuyến khích, đãi ngộ thích đáng, bảo đảm đời sống để các nhà khoa học toàn tâm đi sâu vào lĩnh vực nghiên cứu lý luận.

e) Nâng cao trình độ phương pháp luận duy vật biện chứng, hiện đại hoá các phương pháp tiếp cận cụ thể để nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học. Các ngành, các cấp cần coi trọng và không ngừng nâng cao trình độ tổng kết thực tiễn, góp phần khái quát lý luận. Xây dựng hệ thống chương trình nghiên cứu có mục tiêu, yêu cầu nội dung cụ thể và thiết thực, bảo đảm các điều kiện vật chất cần thiết để thực hiện các chương trình đó. Cần quản lý tốt việc thực hiện các chương trình này, đặc biệt chú trọng khâu đánh giá, nghiệm thu để bảo đảm chất lượng các công trình nghiên cứu.

Đẩy mạnh công tác lý luận phê bình để thúc đẩy nâng cao chất lượng nghiên cứu. Có giải thưởng hàng năm cho các công trình khoa học xã hội và lý luận thật sự có giá trị cao.

g) Mở rộng hoạt động quốc tế và tăng cường hợp tác quốc tế trong công tác lý luận. Đa dạng hoá các hình thức hợp tác và nâng cao hiệu quả hợp tác. Cần tạo điều kiện cho sự mở rộng giao lưu quốc tế của các cơ quan lý luận của Đảng. Để bảo đảm hiệu quả cao cho hợp tác quốc tế, cần có sự lãnh đạo thống nhất, chặt chẽ và có sự chuẩn bị tốt về chính trị, chuyên môn và ngoại ngữ cho đội ngũ lý luận.

III- TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC LÝ LUẬN

Chưa bao giờ thực tiễn đặt ra những đòi hỏi bức xúc đối với công tác lý luận như hiện nay. Vì vậy, các cơ quan lãnh đạo của Đảng phải quan tâm đặc biệt công tác lý luận. Lý luận thật sự khoa học là cơ sở để nâng cao vai trò tiên phong lãnh đạo của Đảng trong hoạt động thực tiễn, là cơ sở để giáo dục lý tưởng, nâng cao niềm tin.

Ban Bí thư phối hợp với Hội đồng Bộ trưởng trực tiếp chỉ đạo công tác lý luận; nghe các cơ quan nghiên cứu, các nhà lý luận trình bày kết quả nghiên cứu, đóng góp ý kiến về những vấn đề mà Đảng và Nhà nước quan tâm; định kỳ báo cáo và xin ý kiến Bộ Chính trị về kết quả nghiên cứu và về những vấn đề cần thiết khác, bảo đảm cho công tác nghiên cứu lý luận phát triển thuận lợi.

Các cấp uỷ đảng phải thật sự coi trọng lý luận, thường xuyên tổng kết thực tiễn, đúc kết lý luận, tăng cường giáo dục để nâng cao trình độ lý luận cho đảng viên theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới. Bản thân cán bộ lãnh đạo phải có chế độ thường xuyên học tập, nghiên cứu, nâng cao trình độ lý luận.

Đảng lãnh đạo công tác lý luận bằng việc xác định quan điểm phương hướng nghiên cứu, thông qua hệ thống các chương trình, đề tài nghiên cứu. Đảng định hướng việc xây dựng mạng lưới các cơ quan nghiên cứu, việc xây dựng đội ngũ cán bộ lý luận, xây dựng các chính sách khuyến khích tài năng và lao động sáng tạo. Đảng phát huy tự do tư tưởng, tạo mọi điều kiện cần thiết cho hoạt động nghiên cứu

và các mặt công tác khác trên lĩnh vực lý luận; tổ chức, thu hút cán bộ khoa học và các cơ quan khoa học tham gia tích cực vào quá trình hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Các cấp uỷ đảng cần thường xuyên bồi dưỡng, sử dụng một cách có hiệu quả và đãi ngộ thích đáng đội ngũ cán bộ lý luận của mình. Đội ngũ này cần nêu cao tinh thần trách nhiệm, tính trung thực, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, vốn sống thực tiễn và bản lĩnh chính trị vững vàng để trở thành những chiến sĩ tiên phong trên mặt trận vô cùng quan trọng này.

Nghị quyết này là cơ sở để đưa hoạt động lý luận lên ngang tầm đòi hỏi của nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới. Các cấp uỷ đảng, các ban của trung ương, các đồng chí phụ trách các ngành, các cơ quan lý luận và khoa học xã hội có trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết này, đưa công tác lý luận của Đảng phát triển lên một trình độ mới về chất, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng nước ta. Ban Tư tưởng - Văn hoá và Ban Khoa giáo Trung ương có trách nhiệm giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi, chỉ đạo quá trình thực hiện nghị quyết.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
ĐỖ MƯỜI

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 08-CT/TW, ngày 31 tháng 3 năm 1992

Tăng cường sự lãnh đạo và quản lý nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác báo chí, xuất bản

Trong thời kỳ đổi mới, sách báo ở nước ta có những tiến bộ rõ rệt.

Báo chí (bao gồm báo viết, báo nói, báo hình) đã thông tin nhanh, phong phú, đa dạng, nhiều chiều theo định hướng chính trị của Đảng, đã phổ biến đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đồng thời phản ánh nguyện vọng chính đáng và ý kiến xây dựng của nhân dân. Báo chí đã giới thiệu những nhân tố tích cực, khẳng định những thành tựu đổi mới và con đường xã hội chủ nghĩa đã lựa chọn, chống những hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, buôn lậu, những hành vi ức hiếp nhân dân, phê phán những quan điểm sai trái, chống những luận điệu thù địch.

Công tác xuất bản sách đã đáp ứng một phần nhu cầu nhiều mặt trong đời sống tinh thần, góp phần làm sáng tỏ và tuyên truyền lý luận về chủ nghĩa xã hội, đường lối đổi mới,

nâng cao dân trí, đã quan tâm hơn đến các sách phục vụ học tập, sách chính trị, xã hội, các sách khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế.

Phần lớn cơ quan báo chí, xuất bản đã khắc phục một bước tình trạng bao cấp tràn lan, đi vào hạch toán, cố gắng tiếp cận bạn đọc, cải tiến hình thức và nội dung. Phương tiện in ấn được tăng cường, có tiến bộ nhanh về kỹ thuật.

Song, bên cạnh những ưu điểm cơ bản nói trên, công tác báo chí, xuất bản còn nhiều khuyết điểm, nhược điểm trong đó có những khuyết điểm nghiêm trọng và kéo dài.

Báo, đài còn nặng phê phán mặt tiêu cực, chưa tuyên truyền đúng mức cho những nhân tố mới, nhiều bài viết về nhân tố mới chưa sâu sắc, thiếu sức thuyết phục; một số sự việc nêu lên trên báo, đài, nhất là về chống tiêu cực chưa chính xác, thiếu thận trọng, khi sai không cải chính. Tính chiến đấu trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa xã hội chưa được coi trọng đúng mức. Trong thông tin, có lúc mất cảnh giác, để lộ bí mật. Nhiều báo, đài ở trung ương chưa phản ánh được cái chung cả nước; nhiều báo ở địa phương chất lượng yếu, số lượng phát hành quá ít.

Xuất bản sách vẫn còn lộn xộn. Nhiều cơ quan không được phép tổ chức xuất bản chuyên nghiệp cũng in sách bán rộng rãi. Một số ít sách có nội dung độc hại đã và đang được lưu hành. Có tình trạng in tràn lan bài viết, tranh ảnh và cuốn sách giải trí có chất lượng thấp hoặc kích thích những thị hiếu không lành mạnh. Không ít sách báo thường xuyên khai thác những chuyện tình dục, moi móc đời tư, đăng quá nhiều vụ án, miêu tả tỉ mỉ những hành động dâm ô, bạo lực, in nhiều hình ảnh thiếu thẩm mỹ, tuyên truyền mê tín dị

đoan, xa rời truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc. Sử dụng thông tin của người nước ngoài thiếu chọn lọc; sách dịch tràn lan, có cuốn không phù hợp với cách nghĩ, lối sống và đạo đức của dân tộc Việt Nam.

Có những số báo, cuốn sách được xuất bản không đúng tôn chỉ, mục đích, không đúng luật; thậm chí có ấn phẩm lưu hành trong xã hội không ghi rõ cơ quan xuất bản, nhà in. Việc quản lý các phương tiện in còn lỏng lẻo. Công tác phát hành sách báo còn yếu, nhất là đưa sách báo tới vùng nông thôn, miền núi. Hệ thống các thư viện bị sa sút.

Khuynh hướng thương mại hoá, chạy theo lợi nhuận đơn thuần khá nặng nề dẫn tới đua nhau đăng và phát những tin, bài, hình ảnh giật gân, câu khách. Cũng có một số bài báo, quyển sách có khuynh hướng chính trị lệch lạc, phủ định quá khứ tốt đẹp, miêu tả đen tối thực trạng, tuyên truyền cho lối sống theo chủ nghĩa thực dụng. Những khuynh hướng sai lầm đó đã được các cơ quan có trách nhiệm chỉ đạo uốn nắn, nhắc nhở, đã bị dư luận lên án nhưng chưa sửa chữa được nhiều.

Sự lãnh đạo, quản lý lỏng lẻo của các cơ quan chức năng trung ương, của nhiều cấp uỷ đảng, cấp chính quyền, cơ quan chủ quản có báo và nhà xuất bản là nguyên nhân quan trọng của tình trạng nói trên. Đồng thời cần thấy trách nhiệm trực tiếp của một số tổng biên tập báo, đài, giám đốc nhà xuất bản, nhà in và cơ quan phát hành.

Để chấp hành nghiêm túc những quan điểm cơ bản của Đại hội VII của Đảng về công tác báo chí, xuất bản, nâng cao chất lượng và tăng cường hiệu quả xã hội to lớn của hoạt

động báo chí, xuất bản, Ban Bí thư yêu cầu các ngành, các cấp thực hiện những việc sau đây:

1. Ngay sau khi nhận được Chỉ thị này, các cấp uỷ, các đồng chí phụ trách công tác báo chí, xuất bản đánh giá thực trạng báo chí, xuất bản ở địa phương và ngành mình, vạch rõ ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân, trách nhiệm; kiểm điểm sâu sắc việc chỉ đạo, quản lý công tác báo chí, xuất bản trong thời gian qua, đề ra những việc làm cụ thể nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả báo chí, xuất bản, chấn chỉnh những lệch lạc, lập lại trật tự kỷ cương trên lĩnh vực này. Những phương hướng cần nắm vững là:

Báo chí, xuất bản dù là cơ quan của Đảng, của Nhà nước, các đoàn thể quần chúng hay của tổ chức xã hội đều *đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và hoạt động theo pháp luật*. Thông tin cần kịp thời, chính xác, phong phú, đa dạng, bảo đảm quyền được thông tin của nhân dân, nhưng phải có định hướng đúng, giữ gìn bí mật, bảo đảm quyền hưởng thụ văn hoá có chọn lọc của nhân dân.

Báo chí, xuất bản có trách nhiệm góp phần làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vị trí chỉ đạo trong đời sống tinh thần xã hội, động viên toàn Đảng, toàn dân vượt qua khó khăn thử thách, năng động sáng tạo trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, giữ vững ổn định chính trị, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phát triển sự nghiệp thông tin, báo chí, xuất bản theo hướng nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu thông tin và nâng cao kiến thức mọi mặt cho nhân dân; cổ vũ mạnh mẽ

các nhân tố mới, đồng thời tích cực đấu tranh chống tiêu cực; bảo tồn và phát huy truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm cao đẹp của con người Việt Nam, đề cao tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; biểu dương tính trung thực, lòng nhân ái, tinh thần dũng cảm, tình yêu cái đẹp chân chính, phê phán những thói hư, tật xấu, mọi biểu hiện của sự giả dối, độc ác, chạy theo những thị hiếu thấp kém.

Thực hiện vai trò vừa là tiếng nói của Đảng, của Nhà nước, của các đoàn thể vừa là diễn đàn của nhân dân, sách báo cần tăng cường phản ánh ý kiến, thu hút trí tuệ của nhân dân đóng góp vào công cuộc đổi mới đất nước, đồng thời phê phán những quan điểm lệch lạc, đề cao cảnh giác, chống lại những âm mưu và thủ đoạn xảo quyệt của các thế lực thù địch.

2. Ban Bí thư giao cho Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương phối hợp với các ngành, các cấp hướng dẫn các cơ quan báo chí, xuất bản xây dựng và thực hiện kế hoạch đề tài nội dung sách báo phục vụ các nhiệm vụ đã ghi trong văn kiện Đại hội VII của Đảng cùng các văn kiện quan trọng khác của Đảng và Nhà nước từ sau Đại hội. Đề nghị Hội đồng Bộ trưởng sớm ban hành các văn bản về công tác báo chí, xuất bản. Xúc tiến hoàn thành văn bản hướng dẫn thực hiện Luật báo chí. Chuẩn bị trình Quốc hội Luật xuất bản.

Các cơ quan chủ quản phải chịu trách nhiệm chính trị về những ấn phẩm của các cơ quan báo chí, xuất bản do mình phụ trách. Các cấp uỷ đảng, các đồng chí phụ trách chính

quyền địa phương và cơ quan chủ quản tăng cường lãnh đạo và quản lý báo chí, xuất bản ở địa phương và ngành mình thực hiện đúng chỉ thị của Đảng và luật pháp của Nhà nước, có quy chế làm việc cụ thể, tạo điều kiện cho các cơ quan báo chí, xuất bản làm tốt nhiệm vụ bằng cách tăng cường cung cấp thông tin, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện, lựa chọn và bồi dưỡng cán bộ, giải quyết những vấn đề mới nảy sinh... Là người chịu trách nhiệm trực tiếp, Tổng biên tập báo, Giám đốc nhà xuất bản phải là người có trình độ chính trị, văn hoá và nghiệp vụ cần thiết, tuyệt đối không thể bố trí tuỳ tiện, thiếu cân nhắc.

Hoạt động báo chí, xuất bản cần giữ vững định hướng chỉ đạo, hấp dẫn người đọc trước hết bằng việc thoả mãn những yêu cầu về thông tin bổ ích, nâng cao hiểu biết và đáp ứng nhu cầu giải trí lành mạnh của nhân dân, hướng dẫn, hình thành dư luận đúng đắn và thị hiếu lành mạnh. Theo đúng tôn chỉ mục đích đã định, hoạt động đúng pháp luật, tuân theo sự quản lý về mặt nhà nước phải trở thành nền nếp làm việc của các cơ quan báo chí, xuất bản.

3. Đến hết tháng 6-1992, các cấp uỷ đảng, các đồng chí phụ trách các ngành phải lãnh đạo thực hiện xong việc sắp xếp lại hệ thống báo chí, xuất bản theo hướng *nâng cao chất lượng, hiệu quả chính trị, tư tưởng, văn hoá*. Sắp xếp lại một số báo chí, nhà xuất bản xét thấy không cần thiết và không đủ điều kiện hoạt động, có chức năng trùng nhau. Không tổ chức thêm, ra thêm kỳ khi các điều kiện không cho phép. Không nhất thiết ngành nào cũng có báo và nhà xuất bản. Không nhất thiết địa phương nào cũng có nhà xuất bản và báo Văn nghệ. Giảm bớt báo công an bán công khai; những

thông tin và bài viết về vụ án cần giảm nhiều và định hướng lại cách viết sao cho không gây phản tác dụng. Sắp xếp hệ thống phát thanh, truyền hình trong toàn quốc.

Hệ thống báo chí và nhà xuất bản của Đảng và của cơ quan quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản phải nêu gương trong việc sắp xếp lại trật tự và định hướng nội dung.

4. Báo chí, xuất bản thực hiện hạch toán thu chi để sử dụng tiền vốn có hiệu quả, phục vụ tốt các mục tiêu chính trị, văn hoá - tư tưởng, không ngừng nâng cao chất lượng chính trị và tính hấp dẫn đúng đắn, cố gắng có thể tự trang trải về tài chính.

Đồng thời Nhà nước có chính sách tài chính thích hợp, nhất là đối với một số sách báo chính trị và khoa học hết sức cần thiết, tạo điều kiện phát triển sự nghiệp báo chí, xuất bản. Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật để có thể sớm phủ sóng phát thanh, truyền hình trong cả nước, bảo đảm báo Đảng và các báo trung ương đến đều đặn các vùng đất nước. Nhà nước có chính sách khuyến khích sản xuất nhiều đài thu thanh đơn giản, giá rẻ để bán rộng rãi cho nhân dân nghe đài của ta.

5. Xây dựng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ báo chí, xuất bản đến năm 2000, bảo đảm đội ngũ này vững vàng về chính trị và tư tưởng, trong sạch về phẩm chất đạo đức và tinh thông nghề nghiệp; chuẩn bị tốt đội ngũ cán bộ kế cận; viết lại các giáo trình về nghiệp vụ phóng viên, biên tập viên, biên soạn giáo trình cho cán bộ chính quyền và cán bộ đảng được phân công theo dõi, quản lý công tác báo chí, xuất bản; tổ chức các lớp nghiên cứu quán triệt các văn kiện Đại hội Đảng VII cho cán bộ phụ trách báo chí, xuất bản, in và phát

hành. Đặc biệt coi trọng bồi dưỡng các tổng biên tập báo, đài và giám đốc nhà xuất bản bảo đảm có đủ bản lĩnh chính trị và nghề nghiệp đủ sức đảm đương nhiệm vụ. Người phụ trách cơ quan chủ quản không kiêm tổng biên tập báo, giám đốc nhà xuất bản. Một đồng chí tổng biên tập không phụ trách nhiều tờ báo. Sắp xếp việc tổ chức các cơ quan nghiên cứu, đào tạo cán bộ báo chí, xuất bản, bảo đảm sự chỉ đạo chặt chẽ về tư tưởng chính trị và thống nhất trong cả nước về mặt này.

6. Kiện toàn cơ quan chỉ đạo của Đảng và cơ quan quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản.

- Ban Tuyên giáo các cấp và các cơ quan có chức năng quản lý báo chí, xuất bản tương ứng cần được bổ sung các cán bộ thật sự am hiểu và có năng lực quản lý báo chí, xuất bản; thường xuyên biểu dương, phê bình, rút kinh nghiệm công tác quản lý, không để xảy ra những sơ hở, tiêu cực.

- Tiếp tục hoàn chỉnh và ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành các luật về báo chí, xuất bản.

- Chỉ đạo chặt chẽ việc cấp giấy phép ra báo, sách và kiểm tra việc thực hiện các giấy phép đó.

- Cơ quan quản lý nhà nước nhanh chóng quy định hoạt động của các nhà in, tăng cường kiểm tra, biểu dương nơi làm tốt, xử lý những nơi vi phạm pháp luật. Có quy chế quản lý các cơ sở in nhỏ.

- Khôi phục, củng cố và phát triển hệ thống thư viện, trước hết ở các huyện, quận và cơ quan, trường học...

- Tăng cường chỉ đạo công tác phát hành, phối hợp mạng lưới phát hành quốc doanh và tư nhân, đưa sách báo nhanh chóng và đều đặn đến các vùng xa, vùng sâu, vùng dân tộc ít

người. Mỗi chi bộ ít nhất cũng có một tờ báo *Nhân dân* và một tờ báo của đảng bộ tỉnh hoặc thành phố.

- Củng cố và tăng cường cơ quan xuất, nhập khẩu sách báo, thực hiện đúng chức năng, bảo đảm lưu thông sách báo. Ngành giao thông, bưu chính cần có chính sách ưu đãi đối với giá cước sách báo nói chung, nhất là đối với sách báo cho thiếu nhi, cho miền núi.

Ban Bí thư sẽ có chỉ thị riêng về công tác thông tin đối ngoại và báo chí, ấn phẩm đối ngoại.

Trong tình hình mới, công tác báo chí, xuất bản đặc biệt quan trọng. Các cấp ủy đảng và lãnh đạo các đoàn thể, các đồng chí phụ trách các ngành, các cơ quan chức năng cần căn cứ vào nội dung Chỉ thị này để kiểm điểm công tác lãnh đạo, quản lý công tác báo chí, xuất bản; có những quyết định cụ thể kịp thời chấn chỉnh, kiện toàn tổ chức và hoạt động, tăng cường kỷ luật, trật tự và nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động báo chí, xuất bản.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 09-CT/TW, ngày 31 tháng 3 năm 1992

Về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội Khoá IX

Theo quy định của Hiến pháp và Luật bầu cử đại biểu Quốc hội, đầu tháng 7-1992 sẽ tiến hành bầu cử đại biểu Quốc hội Khoá IX. Đây là công việc rất quan trọng của nhân dân ta. Thành công của việc bầu cử đại biểu Quốc hội lần này sẽ góp phần quan trọng phát huy quyền làm chủ của nhân dân, quyền lực của Quốc hội, thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới.

Để bảo đảm cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội được tiến hành thực sự dân chủ, đúng pháp luật, cần nắm vững các yêu cầu sau đây:

1. Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội Khoá IX phải thể hiện tinh thần đổi mới theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Hiến pháp 1992 và Luật bầu cử Quốc hội mới. Yêu cầu phải đạt là bầu được một Quốc hội xứng đáng là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, có năng lực làm tròn nhiệm vụ đã được Hiến pháp quy định, góp phần tích cực vào

việc tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, bảo đảm quyền làm chủ bằng Nhà nước của nhân dân, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII của Đảng.

2. Tiêu chuẩn người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội: Đại biểu Quốc hội phải là người trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới làm cho dân giàu nước mạnh, có trình độ hiểu biết và năng lực thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội, tham gia quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu chấp hành pháp luật, được nhân dân tín nhiệm.

3. Cần nắm vững tiêu chuẩn trong việc lựa chọn và giới thiệu người ra ứng cử đại biểu Quốc hội, đồng thời chú ý yêu cầu về cơ cấu thành phần đại biểu, để Quốc hội thể hiện được khối đại đoàn kết toàn dân. Cần tăng tỷ lệ đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số, đại biểu nữ, đại biểu người ngoài Đảng.

4. Đối với các cán bộ đang giữ các chức vụ trong các cơ quan hành pháp, chỉ nên giới thiệu một số thật cần thiết tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội. Đối với chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố thì chỉ giới thiệu chủ tịch một số tỉnh, thành phố cần thiết ứng cử đại biểu Quốc hội. Ban Tổ chức Trung ương sẽ có hướng dẫn về việc này.

Mỗi tỉnh, thành phố cần chọn một, hai đồng chí trong số các đồng chí bí thư, phó bí thư tỉnh, thành uỷ, uỷ viên thường vụ là chủ tịch hội đồng nhân dân hoặc chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc đủ tiêu chuẩn, ra ứng cử đại biểu Quốc hội.

Các đảng viên muốn ra ứng cử tự do làm đại biểu Quốc

hội phải được sự đồng tình của đảng bộ cơ sở và phải được tỉnh, thành uỷ hoặc cấp uỷ tương đương phê chuẩn.

5. Các cơ quan lãnh đạo phải lắng nghe ý kiến của nhân dân và của tập thể để bảo đảm chọn người xứng đáng ra ứng cử đại biểu Quốc hội, bảo đảm cách làm dân chủ, không gò ép.

Các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế, xã hội cần tạo mọi điều kiện để công dân thực hiện đầy đủ quyền bầu cử và ứng cử theo quy định của *Luật bầu cử*.

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội (Khoá IX) tiến hành trong điều kiện tình hình thế giới và trong nước đang có những diễn biến phức tạp. Các cấp uỷ đảng và các cơ quan có liên quan cần dự phòng những tình huống phức tạp có thể diễn ra, cần tăng cường lãnh đạo chặt chẽ quá trình chuẩn bị và tiến hành bầu cử; tổ chức tuyên truyền và phổ biến sâu rộng trong nhân dân về ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội Khoá IX, về Luật bầu cử Quốc hội nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của cử tri, động viên các tầng lớp nhân dân hăng hái tham gia bầu cử; giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; kịp thời ngăn chặn những âm mưu, hành động lợi dụng bầu cử để kích động gây rối. Cần có kế hoạch phòng chống bạo lực có thể xảy ra trong thời gian tiến hành bầu cử. Các tỉnh, thành uỷ cần lập Tiểu ban nhân sự Quốc hội để giúp tỉnh, thành uỷ chỉ đạo việc lựa chọn người ứng cử đại biểu Quốc hội.

Các đồng chí lãnh đạo Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng, Hội đồng bầu cử Trung ương, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân, các ban, ngành trung

ương và các cấp uỷ đảng cần có kế hoạch cụ thể để thi hành tốt Chỉ thị này, bảo đảm cho cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội Khoá IX thành công tốt đẹp.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

THÔNG BÁO

Số 21-TB/TW, ngày 2 tháng 4 năm 1992

Ý kiến của Bộ Chính trị về một số vấn đề trong dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1980

Ngày 31-3-1992, sau khi nghe báo cáo về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau trong quá trình thảo luận bản dự thảo IV sửa đổi Hiến pháp năm 1980 tại kỳ họp lần thứ 11 Quốc hội Khoá VIII, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Về sự lãnh đạo của Đảng (Điều 4).

Nên giữ nguyên như dự thảo: "theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh" là phù hợp. Không nên ghi thêm một đoạn về phương thức lãnh đạo của Đảng.

2. Về hình thức bãi miễn (Điều 7).

Có ghi thêm hình thức Quốc hội bãi miễn (đối với đại biểu Quốc hội) và hình thức Hội đồng nhân dân bãi miễn (đối với đại biểu Hội đồng nhân dân) hay không, thì nên để Quốc hội xem xét và quyết định.

3. Về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Điều 9).

Câu mở đầu nên ghi: "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân", không nên ghi là: "chỗ dựa vững chắc của Nhà nước".

4. Về chế độ sở hữu (Điều 15).

Nên giữ cụm từ "sở hữu toàn dân" như trong dự thảo.

5. Về quyền sử dụng đất (Điều 18).

Đối với cá nhân được giao đất để sử dụng, ngoài "quyền chuyển quyền sử dụng đất được giao theo quy định của pháp luật" có nên có quy định thêm "quyền thừa kế quyền sử dụng đất được giao theo quy định của pháp luật" hay không, thì nên để Quốc hội xem xét và quyết định.

6. Về tài sản của cá nhân và tổ chức (Điều 23).

Nên thêm một đoạn: "Tài sản của cá nhân hoặc tổ chức không bị quốc hữu hoá" vào đầu điều này để các công dân yên tâm bỏ tài sản ra sản xuất, kinh doanh.

7. Về một số quyền tự do dân chủ (Điều 67).

Trong Hiến pháp không nên quy định "quyền đình công, bãi công". Vấn đề này sẽ cân nhắc khi xây dựng bộ luật lao động.

8. Về Hội đồng dân tộc (Điều 93).

Không nên thành lập hội đồng dân tộc và tôn giáo hoặc uỷ ban tôn giáo. Vấn đề tôn giáo có thể giao cho Uỷ ban các vấn đề xã hội phụ trách.

9. Về nhiệm vụ, quyền hạn Chủ tịch nước (Điều 102 và Điều 103).

- Nên giữ nguyên khoản 3, Điều 102 trong dự thảo: "Trong thời gian 10 ngày kể từ khi nghị quyết, pháp lệnh của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội được thông qua, Chủ tịch nước có quyền yêu cầu Uỷ ban Thường vụ Quốc hội xem xét lại. Nếu nghị quyết, pháp lệnh vẫn được Uỷ ban Thường vụ Quốc hội biểu quyết tán thành mà Chủ tịch nước vẫn không nhất

trí, thì Chủ tịch nước trình Quốc hội xem xét, quyết định tại kỳ họp gần nhất".

- Nên bổ sung: "Chủ tịch nước có quyền tham dự các phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch nước có quyền tham dự và chủ tọa các phiên họp của Chính phủ".

10. Về Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ (Điều 110 và 112).

Nên ghi rõ nguyên tắc: những vấn đề quan trọng thì phải do Chính phủ bàn bạc tập thể và biểu quyết, có những vấn đề Thủ tướng có quyền quyết định; kết hợp nhiệm vụ, quyền hạn tập thể của Chính phủ với nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng. Luật tổ chức Chính phủ sẽ quy định cụ thể.

11. Về Hội đồng nhân dân.

Nên giữ như dự thảo: "Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương" (Điều 117).

12. Về Ủy ban nhân dân.

Nên giữ như dự thảo: "Ủy ban nhân dân là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương", giữ tên ủy ban nhân dân, chưa nên đổi thành ủy ban hành chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân do Hội đồng nhân dân bầu và cấp trên phê chuẩn.

- Cần ghi rõ Ủy ban nhân dân làm việc theo nguyên tắc: các việc quan trọng do Ủy ban nhân dân bàn bạc tập thể và biểu quyết, có những việc Chủ tịch có quyền quyết định. Cần bổ sung thêm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Nói chung về tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, trong Hiến pháp cần quy định thế nào để sau này khi

thực hiện cải cách tổ chức chính quyền địa phương thì không phải sửa đổi Hiến pháp nữa.

13. Về Viện Kiểm sát nhân dân (Điều 139 và Điều 140).

- Nên giữ cả hai chức năng kiểm sát chung và công tố của Viện Kiểm sát nhân dân.

- Nên thành lập Ủy ban Kiểm sát để "thảo luận và quyết định theo đa số những vấn đề quan trọng theo luật định" ở Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện Kiểm sát quân sự trung ương, Viện Kiểm sát quân sự cấp quân khu và tương đương.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐÀO DUY TÙNG

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 28-QĐ/TW, ngày 28 tháng 4 năm 1992

Về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Ban Tổ chức Trung ương

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng và Điều lệ Đảng do Đại hội VII thông qua,
- Căn cứ quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Khoá VII,

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

I- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA BAN TỔ CHỨC TRUNG ƯƠNG

Ban Tổ chức Trung ương là cơ quan tham mưu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng mà trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác tổ chức và cán bộ.

Ban Tổ chức có những nhiệm vụ chính sau đây:

1. Nghiên cứu, đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đường lối, chủ trương

xây dựng Đảng về tổ chức, cán bộ, chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị các quyết định của Đảng về các mặt công tác nói trên; thẩm định các đề án tổ chức, cán bộ trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Hướng dẫn các ban của Đảng, đảng đoàn, các tỉnh uỷ, thành uỷ triển khai chủ trương, chính sách của Đảng về công tác tổ chức, cán bộ.

3. Kiểm tra việc thực hiện các quyết định của Đảng về công tác tổ chức, cán bộ.

4. Làm một số việc cụ thể được Bộ Chính trị, Ban Bí thư uỷ nhiệm:

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ.
- Hướng dẫn thực hiện việc phân công phân cấp quản lý cán bộ theo quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.
- Giải quyết việc nâng lương, trợ cấp cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư uỷ nhiệm.
- Quản lý biên chế cơ quan Đảng, đoàn thể ở Trung ương.
- Tổ chức việc cấp phát và quản lý thẻ đảng viên, huy hiệu đảng.
- Giải quyết vấn đề về đảng tịch được Bộ Chính trị, Ban Bí thư uỷ nhiệm.
- Công tác bảo vệ Đảng.
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, Đảng uỷ trực thuộc Trung ương thay đổi trưởng ban tổ chức thì thảo luận trước với Ban Tổ chức Trung ương.

II- TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA BAN TỔ CHỨC TRUNG ƯƠNG

Tổ chức của Ban gồm ba bộ phận công tác chủ yếu: tổ chức; cán bộ; cơ sở đảng và đảng viên.

Căn cứ vào Quyết định này, đồng chí Trưởng ban Tổ chức Trung ương tổ chức bộ máy, sắp xếp cán bộ và xây dựng quy chế làm việc của Ban. Ngoài số cán bộ trong biên chế theo quy định, Ban được sử dụng một số cộng tác viên làm công tác nghiên cứu về tổ chức, cán bộ.

Ban Tổ chức Trung ương, các cấp uỷ đảng và ban đảng trực thuộc Trung ương thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 29-QĐ/TW, ngày 5 tháng 5 năm 1992

Về tên gọi, chức năng, nhiệm vụ mới của Viện Mác - Lênin

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng,

Căn cứ những điều kiện cụ thể hiện nay,

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

1. Đổi tên Viện Mác - Lênin thành "Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh".

2. Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là một trung tâm nghiên cứu lý luận của Đảng trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương. Trong giai đoạn hiện nay, Viện có nhiệm vụ:

a) Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm cụ thể hoá và phát triển quan niệm của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần vào cuộc đấu tranh chung nhằm bảo vệ và

phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới. Trước mắt, Viện tập trung sức vào việc tổng kết thực tiễn công cuộc đổi mới của nước ta, góp phần cụ thể hoá và phát triển đường lối đối nội, đối ngoại của Đảng.

b) Nghiên cứu lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, lý luận và thực tiễn xây dựng Đảng. Hướng dẫn nghiệp vụ nghiên cứu lịch sử Đảng ở các địa phương và các ngành.

c) Nghiên cứu có hệ thống tiểu sử, sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh, nghiên cứu tiểu sử, sự nghiệp, những di sản tư tưởng của các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng ta. Chỉ đạo về nội dung tư tưởng trong hoạt động của Bảo tàng Hồ Chí Minh.

d) Nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, những biến đổi mới của thế giới, phục vụ cho việc xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội ở nước ta và việc hoạch định đường lối đối ngoại của Đảng.

đ) Tổ chức thông tin về những vấn đề lý luận trong nước và quốc tế có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của Viện. Tăng cường quan hệ hợp tác với các cơ quan khoa học của các Đảng và các nước trên thế giới.

e) Đào tạo nghiên cứu sinh theo hướng hoạt động khoa học của Viện. Tham gia giảng dạy các bộ môn lý luận Mác - Lênin tại Học viện Nguyễn Ái Quốc và các cơ sở đào tạo khác.

3. Tăng cường cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ để làm tốt nhiệm vụ của Viện trong giai đoạn mới. Đề nghị Hội đồng Bộ trưởng giao cho Viện sử dụng một phần cơ sở vật chất kỹ thuật của Bảo tàng Hồ Chí Minh hiện nay (gồm nhà làm việc

và trang thiết bị). Đầu tư để tu bổ, nâng cấp địa điểm làm việc hiện nay của Viện, bổ sung thêm trang thiết bị mới.

4. Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh căn cứ vào Quyết định này xây dựng chương trình công tác và quy chế làm việc, phối hợp với Bộ Văn hoá - Thông tin - Thể thao trong việc chỉ đạo tốt hoạt động của Bảo tàng Hồ Chí Minh.

5. Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

THÔNG BÁO

Số 24-TB/TW, ngày 28 tháng 5 năm 1992

Ý kiến của Ban Bí thư về đề án đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy các bộ môn khoa học Mác - Lênin

Sau khi nghe Ban Khoa giáo và Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương trình bày đề án tiếp tục đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy các bộ môn khoa học Mác - Lênin trong hệ thống các trường học, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy các bộ môn khoa học Mác - Lênin đang là đòi hỏi bức thiết trong công tác giáo dục và đào tạo của nước ta, nhằm:

- Khắc phục căn bản tình trạng yếu kém kéo dài cả về nội dung và phương pháp giảng dạy các bộ môn khoa học Mác - Lênin, phát huy vai trò quan trọng của các bộ môn khoa học này trong việc xây dựng thế giới quan và phương pháp luận khoa học, bồi dưỡng nhân sinh quan và đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin vào lý tưởng xã hội chủ nghĩa, kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

- Góp phần làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng

Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong các trường học và trong đời sống tinh thần của xã hội.

- Quán triệt bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, xuất phát từ thực tiễn đất nước và thời đại, góp phần phát triển lý luận đó. Chống cơ hội, hữu khuynh và xét lại, bảo thủ và giáo điều, khắc phục tư tưởng hoài nghi, dao động về mục tiêu và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

2. Sản phẩm chủ yếu của đề án đổi mới lần này là xây dựng được *bộ giáo trình chuẩn quốc gia* về bốn môn học: triết học, kinh tế học chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Trên cơ sở giáo trình chuẩn, căn cứ vào mục tiêu và chuyên ngành đào tạo của từng loại trường mà soạn thảo các tập bài giảng mới để đưa vào giảng dạy từ đầu năm học 1994-1995. Bộ giáo trình chuẩn nói trên được xây dựng thành một chương trình khoa học cấp nhà nước.

3. Để bảo đảm chất lượng bộ giáo trình, cần gắn chặt việc nghiên cứu các tác phẩm kinh điển Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với việc tiếp thu những thành tựu khoa học của nhân loại, bám sát những vấn đề thực tiễn của đất nước và của thời đại, đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện đất nước ta trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Mở rộng quan hệ quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học lý luận phục vụ cho việc nghiên cứu soạn thảo bộ giáo trình chuẩn bằng nhiều hình thức như: mời chuyên gia nước ngoài, cử cán bộ đi trao đổi khoa học, tham dự hội thảo, phối hợp nghiên cứu, trao đổi thông tin sách báo...

Cần phối hợp chương trình nghiên cứu khoa học này với

các chương trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước đã được phê chuẩn.

4. Đề nghị Hội đồng Bộ trưởng thành lập Hội đồng Trung ương chỉ đạo việc soạn thảo, duyệt, phê chuẩn nội dung của bộ giáo trình chuẩn.

Ban Bí thư phân công các đồng chí Đào Duy Tùng, Nguyễn Đức Bình, Nguyễn Đình Tú chỉ đạo việc xây dựng bộ giáo trình chuẩn quốc gia nói trên lựa chọn các vấn đề cần thiết trình Ban Bí thư, Bộ Chính trị.

Ban Khoa giáo Trung ương và Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương giúp Ban Bí thư triển khai, kiểm tra tiến độ công việc và định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 11-CT/TW, ngày 13 tháng 6 năm 1992

VỀ ĐỔI MỚI VÀ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI

Từ Đại hội VI của Đảng đến nay, công tác thông tin đối ngoại của ta đã thu được một số kết quả tốt trong việc giới thiệu nước Việt Nam đổi mới ra nước ngoài, góp phần phân hoá những lực lượng đối địch, từng bước phá thế bao vây, cấm vận và mở rộng quan hệ với các nước trong khu vực Đông Nam Á, đa dạng hoá quan hệ quốc tế, tranh thủ được sự đồng tình và hợp tác của nhiều nước, nhiều lực lượng trên thế giới, cả giới kinh doanh và chính giới.

Tuy nhiên, công tác thông tin đối ngoại của ta vẫn ở tình trạng yếu kém kéo dài. *Những khuyết điểm và nhược điểm* chính là:

1. Chưa làm cho thế giới hiểu đúng và kịp thời tình hình Việt Nam. Sách báo, thông tin của ta ra nước ngoài quá ít, chất lượng thấp.

2. Chưa xác định chủ đề trọng tâm trong từng thời kỳ. Chưa tận dụng mọi khả năng, nhất là khả năng phong phú

về hợp tác quốc tế và đa dạng hoá các loại hình thông tin. Nội dung và hình thức đều nghèo nàn, chưa thật hợp với đối tượng từng nước, từng khu vực.

3. Sự chỉ đạo của các cơ quan Đảng, Nhà nước chưa kịp thời, sắc bén, kém hiệu lực. Lực lượng làm công tác thông tin đối ngoại còn bị phân tán. Thiếu bộ máy chỉ đạo thống nhất đối với công tác này.

Sở dĩ có những khuyết điểm trên đây là do các cơ quan lãnh đạo và quản lý công tác thông tin đối ngoại chưa có nhận thức đúng về tầm quan trọng của công tác này, buông lỏng sự chỉ đạo trong một thời gian dài; các ngành và địa phương chưa thấy rõ trách nhiệm của mình, không có chính sách, chế độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại; phương tiện, cơ sở vật chất - kỹ thuật thiếu thốn.

Tình hình thế giới diễn biến hết sức nhanh chóng và phức tạp. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô sụp đổ; phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc lâm vào tình trạng khủng hoảng. Các lực lượng thù địch với chủ nghĩa xã hội và chế độ ta đẩy mạnh các hoạt động thông tin xuyên tạc, lừa bịp nhằm chống lại nhân dân ta.

Mặt khác, nhiều người, nhiều nước trên thế giới muốn tìm hiểu đường lối, kết quả đổi mới của nước ta và đất nước, con người của ta; chúng ta cần làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ chính sách đối ngoại của ta để tranh thủ dư luận thế giới và tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Công tác thông tin đối ngoại phải được đổi mới và tăng cường nhằm đáp ứng những yêu cầu đó của cách mạng trong tình hình mới.

I- NỘI DUNG THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI

Những nội dung chủ yếu của thông tin đối ngoại là:

1. Đường lối, chính sách và thành tựu đổi mới toàn diện của nước ta, những chủ trương quan trọng của ta nhằm giải quyết một số vấn đề lớn hoặc đáng chú ý về kinh tế, chính trị, xã hội... Kịp thời phê phán, bác bỏ những thông tin xuyên tạc, sai lệch về tình hình Việt Nam, nhất là về tình hình dân chủ, nhân quyền, ngăn chặn việc truyền bá vào nước ta những quan điểm, tư tưởng, lối sống, văn hoá phản động, đồi trụy, kích động bạo lực.

2. Chính sách đối ngoại, kể cả chính sách kinh tế đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, những khả năng to lớn của Việt Nam trong quan hệ hợp tác với các nước.

3. Đất nước, con người, lịch sử và nền văn hoá lâu đời, hết sức phong phú của các dân tộc anh em trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Tuỳ từng địa bàn, đối tượng và yêu cầu của từng lúc mà xác định nội dung và hình thức thông tin cho thích hợp, có trọng tâm, trọng điểm.

Thông tin sang các nước láng giềng và trong khu vực: Trung Quốc, Lào, Campuchia; các nước ASEAN; Nhật Bản, Đông Bắc Á, Ấn Độ, Ôxtrâyliia.

Thông tin sang Mỹ, các nước Tây Âu, Bắc Âu, Đông Âu và Liên Xô (trước đây), châu Phi, Mỹ La tinh, hướng vào chính giới, các nhà kinh doanh, trí thức, báo chí, các tổ chức đoàn kết, hoà bình, hữu nghị phi chính phủ, các lực lượng tiến bộ.

Thông tin cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, nhất là ở Tây Âu, Bắc Mỹ, Liên Xô (trước đây) và Đông Âu.

II- LỰC LƯỢNG VÀ PHƯƠNG THỨC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI

Cần gấp rút tổ chức lại các lực lượng của ta; đồng thời tận dụng mọi khả năng và đa dạng hoá các phương thức hợp tác quốc tế để *tăng cường lực lượng, nâng cao chất lượng và hiệu quả* của công tác thông tin đối ngoại.

1. *Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam* cần được tăng cường. Tăng công suất phát sóng và nghiên cứu hình thức hợp tác để tiếp âm cho một số đối tượng; nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh bằng tiếng nước ngoài của Đài và chương trình phát thanh bằng tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài.

2. Nâng cao chất lượng chương trình truyền hình của *Đài Truyền hình Việt Nam*, mở rộng việc trao đổi chương trình và hợp tác với đài truyền hình các nước.

3. *Thông tấn xã Việt Nam* nâng cao chất lượng báo ảnh Việt Nam và các bản tin đối ngoại hiện có; tranh thủ mọi khả năng hợp tác và tài trợ của nước ngoài bằng nhiều hình thức như cùng viết, trao đổi xuất bản phẩm hoặc in và phát hành bản tin ở một số nước.

4. *Bộ Văn hoá, thông tin và thể thao* tổ chức tốt việc in đẹp với giấy tốt, xuất bản và phát hành sách và báo chí đối ngoại. Tăng cường trao đổi ấn phẩm, băng hình, triển lãm, các đoàn văn hoá, nghệ thuật, v.v.. Kiện toàn Nhà xuất bản ngoại văn "Thế giới" thuộc Bộ Văn hoá, thông tin và thể thao và báo "Đầu tư Việt Nam" thuộc Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư.

Tập trung cán bộ và phương tiện làm cho tờ báo đối ngoại "*Tin Việt Nam*" (Vietnam Courier) thành tờ báo có tính chất

quốc gia, có chất lượng cao về nội dung và hình thức. Việc giao báo Vietnam Courier cho cơ quan nào quản lý do Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

5. Ngành *du lịch, hàng không* cũng có nhiệm vụ tham gia công tác thông tin đối ngoại.

6. Sử dụng tốt hơn kênh *đoàn ra và đoàn vào*.

Đối với đoàn ra, các ngành và địa phương có trách nhiệm quản lý, giao nhiệm vụ trong đó có công tác thông tin đối ngoại. Từng thời kỳ Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương phối hợp với Bộ Ngoại giao, Ban Đối ngoại Trung ương có định hướng nội dung thông tin ra ngoài cho các ngành, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức đoàn kết, hoà bình và hữu nghị, kinh tế đối ngoại, v.v.. Các đoàn đi về cần báo cáo kết quả hoạt động với ngành chủ quản và Ban Đối ngoại, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương. Tận dụng giới báo chí, văn nghệ sĩ, trí thức nước ngoài viết về Việt Nam, hoặc các giới điện ảnh, nhiếp ảnh nước ngoài làm phim, chụp ảnh giới thiệu Việt Nam theo hướng ủng hộ ta. Chỉ đạo và quản lý tốt hoạt động của Trung tâm báo chí thuộc Bộ Ngoại giao.

7. Cung cấp thông tin kịp thời cho các đại sứ, tùy viên văn hoá, báo chí các nước tại Việt Nam và các đoàn nước ngoài vào Việt Nam.

Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam và Đài Truyền hình Việt Nam có chương trình phát thanh và truyền hình hàng ngày bằng tiếng Anh dành cho người nước ngoài đang ở Việt Nam.

8. Cung cấp thông tin kịp thời về tình hình trong nước cho các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài (đại sứ quán, tổng lãnh sự quán, đảng bộ ngoài nước, quản lý lao

động, quản lý lưu học sinh, kinh tế - thương mại...). Các cơ quan này có trách nhiệm làm công tác thông tin đối ngoại, phát hành rộng rãi các ấn phẩm và tuyên truyền từ trong nước gửi ra, dựng các bảng ảnh, ra bản tin... Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Văn hoá, thông tin và thể thao đề xuất tiêu chuẩn, lựa chọn tuý viên văn hoá, báo chí cử đi công tác ở các sứ quán của ta đáp ứng yêu cầu hiện nay.

Bộ Văn hoá, thông tin và thể thao phối hợp với Bộ Ngoại giao sớm thể chế hoá chế độ, chính sách, tiêu chuẩn đào tạo, sử dụng và bồi dưỡng cán bộ làm công tác thông tin đối ngoại.

9. Tăng cường đầu tư cho công tác thông tin đối ngoại, tăng thêm cơ sở vật chất kỹ thuật cho các cơ quan làm công tác thông tin đối ngoại.

Có chế độ cước phí hợp lý đối với các ấn phẩm, tài liệu thông tin đối ngoại gửi ra ngoài nước.

III- TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Ban Bí thư phối hợp với Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo và quản lý thống nhất công tác thông tin đối ngoại.

Về phía Đảng, Ban Bí thư giao cho Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Đối ngoại Trung ương và các cơ quan hữu quan để định hướng về nội dung, đơn đốc, kiểm tra và theo dõi về bố trí, quản lý, bồi dưỡng cán bộ hoạt động trong lĩnh vực công tác thông tin đối ngoại.

Về phía Nhà nước, đề nghị Hội đồng Bộ trưởng giao cho Bộ Văn hoá, thông tin và thể thao phối hợp với Bộ Ngoại

giao, Bộ Nội vụ và các cơ quan hữu quan thể chế hoá việc thực hiện công tác thông tin đối ngoại của các ngành.

2. Cuối mỗi năm, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương phối hợp với Bộ Văn hoá, thông tin và thể thao báo cáo công tác này với Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng, đề xuất phương hướng công tác tới.

3. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này đến các ngành, các cấp, theo dõi và báo cáo kết quả với Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

**BÀI PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ ĐỖ MƯỜI
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ VII***

Ngày 18 tháng 6 năm 1992

Thời cuộc hiện nay và nhiệm vụ của chúng ta

Thưa các đồng chí,

Trong năm qua, việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và Nghị quyết Trung ương 2 về kinh tế - xã hội đã đạt được những tiến bộ mới đáng kể. Quốc hội Khoá VIII đã thông qua Hiến pháp năm 1992, khẳng định mục tiêu, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong quá trình xây dựng và củng cố nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Những tiến bộ đó cho thấy những khả năng phát triển mới, khẳng định rằng chúng ta chẳng những đứng vững được mà còn ở thế đi lên. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu và thuận lợi, đất nước vẫn còn đang đứng trước nhiều khó khăn, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến nhanh chóng và phức tạp.

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

Để thích ứng với thời cuộc hiện nay, Đảng ta phải có những quyết sách đúng đắn, giữ vững ổn định chính trị, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, mà trọng tâm là *phát triển kinh tế*, chăm lo đời sống nhân dân; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại; củng cố quốc phòng, an ninh; đổi mới và chỉnh đốn Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và mối liên hệ gắn bó giữa Đảng và nhân dân, tạo ra sức mạnh của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII.

Thưa các đồng chí,

Trong năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã chủ động, tích cực *mở rộng hoạt động đối ngoại*, đẩy lùi thêm một bước chính sách bao vây, cô lập Việt Nam, góp phần bảo đảm cho đất nước đứng vững và tiếp tục phát triển.

Kết quả đó cho thấy công tác đối ngoại có vị trí ngày càng quan trọng, góp phần *kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại*, yếu tố dân tộc với yếu tố quốc tế, yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại để đưa đất nước tiến lên.

Trong bối cảnh hiện nay, chúng ta càng phải mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại nhằm góp phần thực hiện mục tiêu tổng quát trong 5 năm 1991-1995 mà Đại hội VII đề ra: "Vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay".

Chúng ta ra sức thực hiện nhiệm vụ giữ vững hoà bình; mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo môi trường và điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ

quốc, đồng thời đóng góp tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta luôn luôn nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, *bảo đảm lợi ích dân tộc, kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.*

Lợi ích cao nhất của dân tộc ta mà cũng là của giai cấp công nhân hiện nay là nhanh chóng ra khỏi khủng hoảng, giữ vững và tăng cường ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, làm cho dân giàu, nước mạnh, bảo vệ vững chắc độc lập và tự do của Tổ quốc. Lợi ích đó phù hợp với lợi ích độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội của nhân dân các nước trên thế giới.

Chúng ta nhận thức sâu sắc rằng điều quyết định thành công của công cuộc đổi mới là do sức mạnh của toàn dân ta, của con người, ý chí, trí tuệ và tiềm lực của đất nước. Đồng thời, chúng ta cũng hiểu rằng trong thời đại ngày nay, bất cứ nước nào, dù phát triển đến đâu, cũng không thể tự khép kín được. Với điểm xuất phát rất thấp như nước ta, tranh thủ nguồn lực bên ngoài là rất quan trọng. Phải có chính sách khôn khéo, cách làm có hiệu quả để mở rộng quan hệ hợp tác với bên ngoài nhằm khai thác tốt nhất tiềm lực và lợi thế bên trong.

Vì vậy, chúng ta chủ trương mở rộng, *đa dạng hoá và đa phương hoá* quan hệ đối ngoại cả về chính trị, kinh tế, văn hoá và khoa học, kỹ thuật; cả về Đảng, Nhà nước và các đoàn

thể nhân dân, các tổ chức phi chính phủ, *trên nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, bảo vệ và phát triển kinh tế, gìn giữ và phát huy những truyền thống và bản sắc tốt đẹp của nền văn hoá dân tộc.* Mở rộng của để tiếp thu tốt vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của nước ngoài, tiếp cận thị trường thế giới, nhưng phải bảo đảm ổn định chính trị, an ninh quốc gia, bảo vệ tài nguyên và môi trường, hạn chế đến mức tối thiểu những mặt tiêu cực phát sinh trong quá trình mở cửa.

Trong khi mở rộng hoạt động đối ngoại, tranh thủ mọi điều kiện quốc tế thuận lợi để tiến hành thắng lợi công cuộc đổi mới, chúng ta vẫn *thực hiện nhất quán chủ trương đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa*, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào độc lập dân tộc, phong trào không liên kết, với các lực lượng hoà bình tiến bộ khác trên thế giới, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì thắng lợi chung, phù hợp với điều kiện và khả năng thực tế của nước ta.

Chúng ta xây dựng *quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trong khu vực*, tạo môi trường hoà bình, ổn định lâu dài chung quanh nước ta, đáp ứng lợi ích của dân tộc ta và phù hợp với xu thế các nước tăng cường liên kết khu vực vì hoà bình và phát triển. Đồng thời, mở rộng *quan hệ với các nước tư bản phát triển với các nước khác và các tổ chức quốc tế*, như Đại hội VII đã tuyên bố: Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.

Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại phải phục vụ chiến

lược phát triển kinh tế, từng bước đổi mới cơ cấu sản xuất, đẩy mạnh công nghiệp hoá, tạo điều kiện cho nền kinh tế nước ta phát triển nhanh. Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại nhằm phát huy lợi thế của từng vùng, của các địa bàn trọng điểm, đồng thời bảo đảm sự thống nhất về kinh tế và chính trị của cả nước. Gắn mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại với tiếp tục đổi mới hệ thống quản lý kinh tế, chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; phát huy sức mạnh của các cấp, các ngành, khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động kinh tế đối ngoại, trong đó quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Điều rất quan trọng là phải quản lý tốt, chống khuynh hướng vô tổ chức, vô kỷ luật, thiết lập trật tự, kỷ cương theo pháp luật, phù hợp với những tiêu chuẩn, thông lệ, tập quán chung của thị trường thế giới.

Trong *tổ chức thực hiện*, phải bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự thống nhất quản lý của Nhà nước đối với công tác đối ngoại, kết hợp chặt chẽ các lĩnh vực hoạt động từ đối ngoại về mặt nhà nước, đối ngoại về đảng đến đối ngoại nhân dân; kết hợp chặt chẽ đối ngoại và quốc phòng, an ninh. Một vấn đề có ý nghĩa quyết định là đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác ngoại giao và kinh tế đối ngoại vững vàng về chính trị, có ý thức tổ chức, kỷ luật, có phẩm chất, đạo đức trong sạch và có kiến thức, thành thạo nghiệp vụ, ngoại ngữ, đáp ứng yêu cầu mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại.

Thưa các đồng chí,

Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn luôn nâng cao cảnh giác, củng cố quốc

phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng. Nhận thức này cần được quán triệt sâu sắc hơn nữa trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân. Mấy năm qua, các thế lực thù địch đã không ngừng tiến hành các hoạt động chống phá đối với nước ta. Song, mọi âm mưu và thủ đoạn của chúng đều bị nhân dân ta đánh bại. Điều đó là do toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã có nhiều cố gắng trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, áp dụng những biện pháp chủ động và có hiệu quả.

Nhiệm vụ quốc phòng và an ninh của nhân dân ta trong những năm tới là: trên cơ sở phát huy cao độ chủ nghĩa yêu nước, truyền thống cách mạng, tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, thống nhất ý chí và hành động, đề cao cảnh giác, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, chăm lo đời sống nhân dân, xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân, nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang, chấp hành thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

Để chấp hành tốt nhiệm vụ đó, phải ra sức phát triển kinh tế, xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, làm lành mạnh môi trường xã hội, tạo cơ sở nâng cao sức mạnh về quốc phòng, an ninh. Phải coi củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của toàn dân và của Nhà nước; trong đó các lực lượng vũ trang, bao gồm quân đội nhân dân và công an nhân dân, là những lực lượng nòng cốt. Xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân.

Cùng với việc từng bước củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các lực lượng vũ trang. Nâng cao chất lượng quân đội và công an, bảo đảm vững vàng trong mọi tình huống. Chăm lo đời sống cán bộ và chiến sĩ, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội; củng cố và tăng cường quan hệ quân dân; rèn luyện phẩm chất, đạo đức; ra sức xây dựng các lực lượng vũ trang thật sự trong sạch, vững mạnh.

Thưa các đồng chí,

Trong bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước hiện nay, do yêu cầu của công cuộc đổi mới đang được triển khai toàn diện, đồng bộ và đi vào chiều sâu, *công tác xây dựng Đảng* đang nổi lên như một nhiệm vụ quan trọng nhất.

Đảng ta có bản lĩnh chính trị vững vàng, được tôi luyện trong đấu tranh cách mạng lâu dài, có đường lối đúng đắn, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, luôn gắn bó với nhân dân; số đông cán bộ, đảng viên có phẩm chất cách mạng tốt đẹp. Nhờ đó Đảng đã lãnh đạo nhân dân vượt qua nhiều khó khăn, thử thách to lớn, đưa cách mạng nước ta không ngừng phát triển.

Tuy nhiên, chúng ta cần nghiêm túc nhìn nhận những mặt yếu kém của Đảng: một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu vững vàng về chính trị; một số ít có những khuynh hướng tư tưởng chính trị lệch lạc. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên giảm sút ý chí và phẩm chất cách mạng, đặc biệt phạm vào tệ tham nhũng. Một số do nhận thức chậm hoặc còn bảo thủ nên chưa quyết tâm đổi mới. Công tác cán bộ vẫn trì trệ kéo dài, nhất là chưa xây dựng được đội ngũ cán bộ lãnh đạo

một cách chủ động bảo đảm tính liên tục và kế thừa. Nhiều tổ chức cơ sở đảng yếu kém. Nguyên tắc tập trung dân chủ bị vi phạm ở nhiều nơi.

Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xác định mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các tổ chức khác trong hệ thống chính trị đang còn nhiều vấn đề cần giải quyết. Đồng thời lại có thêm những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình chuyển sang cơ chế thị trường. Từ nhận thức, quan điểm, tư tưởng, đạo đức, phẩm chất đến tiêu chuẩn cán bộ, đảng viên, chức năng và phương thức lãnh đạo của Đảng trong các loại tổ chức khác nhau, v.v. đều là những vấn đề đang đặt ra cho công tác xây dựng Đảng phải xem xét, xử lý đúng đắn.

Trong khi đó thì sự lãnh đạo công tác xây dựng Đảng, từ trung ương đến cấp uỷ các cấp, chưa được quan tâm đầy đủ. Việc tổng kết kinh nghiệm xây dựng đảng chưa được coi trọng. Chậm làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng Đảng trong giai đoạn mới, nhất là từ khi chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, dân chủ hoá đời sống xã hội.

Đã đến lúc chúng ta phải nhận thức sâu sắc và đặt đúng vị trí công tác xây dựng đảng trong toàn bộ hoạt động của Đảng. Trước hết, sự vững mạnh của Đảng ta bắt nguồn từ *đường lối chính trị* đúng đắn. Thực hiện đường lối đó, những thành tựu hiển nhiên của công cuộc đổi mới mấy năm qua đã góp phần ổn định tư tưởng trong Đảng và nhân dân, củng cố một bước niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, đẩy lùi một phần những khuynh hướng chính trị tư tưởng sai lầm.

Trong toàn bộ sự nghiệp đổi mới, thì đổi mới kinh tế là lĩnh vực khó khăn, phức tạp nhất. Chúng ta chủ trương phát

triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước. Điều đó là hoàn toàn cần thiết, phù hợp với quy luật phát triển của xã hội, nhằm giải phóng sức sản xuất, khai thác mọi tiềm năng, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Cùng với việc chăm lo phát triển kinh tế, phải chú trọng giải quyết những vấn đề xã hội, bảo đảm công bằng xã hội, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí và sức khoẻ của nhân dân.

Phải đổi mới và chỉnh đốn Đảng để bảo đảm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực; phát huy quyền làm chủ của nhân dân về mọi mặt; xây dựng và kiện toàn Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế - xã hội của Nhà nước, tạo cơ sở để vừa khai thác được mặt tích cực, vừa hạn chế mặt tiêu cực của kinh tế thị trường, đưa công cuộc đổi mới tiến lên vững chắc.

Nhiệm vụ chủ yếu của *công tác tư tưởng* lúc này là làm cho toàn thể cán bộ đảng viên thấm nhuần sâu sắc các quan điểm và đường lối đổi mới, thể hiện ở cương lĩnh, chiến lược kinh tế - xã hội và các nghị quyết hội nghị Trung ương. Một mặt, phải đấu tranh tiếp tục khắc phục bệnh giáo điều, bảo thủ, kỳ thị kinh tế hàng hoá và cơ chế thị trường; mặt khác, phải đấu tranh chống những khuynh hướng xa rời định hướng xã hội chủ nghĩa.

Các văn kiện Đại hội VII đã phác họa những nét chủ yếu về mục tiêu xã hội chủ nghĩa và con đường đi đến mục tiêu ấy. Song, còn nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn đang được đặt ra, đòi hỏi phải làm rõ hơn. Ngay từ bây giờ, cần triển

khai việc nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn để đến Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng có thể cụ thể hoá thêm một bước những luận điểm trong cương lĩnh, và đến Đại hội VIII sẽ lại phát triển hơn nữa.

Đảng phải vững về chính trị tư tưởng, đồng thời phải mạnh về *tổ chức*, kết hợp một cách hữu cơ sức mạnh tư tưởng, tinh thần với sức mạnh về tổ chức.

Tập trung dân chủ luôn luôn là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng, chỉ đạo các mối quan hệ trong tổ chức, trong sinh hoạt và trong hoạt động của Đảng. Nguyên tắc đó vừa bảo đảm phát huy tính tích cực, chủ động của từng người, từng cơ sở, địa phương, vừa gắn bó chặt chẽ toàn Đảng thành một khối thống nhất ý chí và hành động. Trước tình hình phức tạp và nhiệm vụ cách mạng to lớn hiện nay, tăng cường tập trung dân chủ, củng cố sự đoàn kết thống nhất trong Đảng là vấn đề nổi lên hàng đầu.

Trong thời gian qua, bên cạnh tệ quan liêu, độc đoán, mất dân chủ, những biểu hiện vô tổ chức, vô kỷ luật, phát ngôn tùy tiện, vi phạm điều lệ Đảng, coi thường pháp luật Nhà nước đã diễn ra ở nhiều đảng bộ, nhiều cán bộ đảng viên. Trong bước đầu đổi mới, cơ chế, chính sách còn những thiếu sót, chưa hoàn chỉnh, chưa đồng bộ. Trách nhiệm của chúng ta là phải phát hiện những thiếu sót đó, kiến nghị sửa đổi, bổ sung và hoàn chỉnh dần, nhất thiết không được lợi dụng những thiếu sót, sơ hở hoặc vin có năng động, sáng tạo để làm sai, mưu đồ lợi ích cá nhân, cục bộ, vi phạm pháp luật Nhà nước và kỷ luật Đảng.

Phải thiết lập trật tự kỷ cương trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội, trước hết từ trong Đảng, vì bản thân Đảng có giữ được

kỷ luật, kỷ cương thì mới có thể lãnh đạo việc lập lại trật tự, kỷ cương ngoài xã hội.

Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ đòi hỏi phải kết hợp chặt chẽ giữa tăng cường tập trung, kỷ luật với mở rộng dân chủ nội bộ, xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa cá nhân với tập thể, giữa cấp dưới và cấp trên, giữa địa phương với trung ương, trong đó lợi ích chung phải đặt trên lợi ích riêng, lợi ích cục bộ phải phục tùng lợi ích toàn cục. Trong nguyên tắc đó, quan hệ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách là vấn đề quan trọng nhằm tránh chủ quan, sai lầm của cá nhân khi quyết định, đồng thời khắc phục tình trạng vô trách nhiệm, ỷ lại, dựa dẫm vào tập thể khi thực hiện.

Phải kiên quyết khắc phục tình trạng hữu khuynh, buông lỏng cuộc đấu tranh giữ vững các nguyên tắc tổ chức. Mọi hoạt động vô tổ chức, vô kỷ luật, cố tình không chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, gây chia rẽ, bè phái, làm suy yếu khối đoàn kết thống nhất tư tưởng và tổ chức của Đảng... đều phải thi hành kỷ luật nghiêm khắc.

Trong xây dựng Đảng, *vấn đề cán bộ có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, là khâu then chốt*. Phải đào tạo đồng bộ đội ngũ cán bộ các ngành, các cấp, các lĩnh vực có đầy đủ phẩm chất và năng lực ngang tầm nhiệm vụ to lớn và phức tạp hiện nay. Đặc biệt là cần làm tốt việc phát hiện, lựa chọn, rèn luyện, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước ở trung ương và các cấp, chẳng những cho trước mắt, cho Đại hội VIII, mà cả cho những thập niên tới.

Yêu cầu nghiêm khắc đặt ra đối với cán bộ lãnh đạo là phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trước

khó khăn thử thách, một lòng một dạ vì Tổ quốc, vì nhân dân, vì lý tưởng xã hội chủ nghĩa, thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, phải có kiến thức, có năng lực tư duy sáng tạo, nhạy cảm với cái mới, biết vận dụng đúng đắn những nguyên lý chung vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam, biết kết hợp tính kiên định về nguyên tắc với sự khôn khéo, mềm dẻo trong sách lược. Cán bộ lãnh đạo phải có đạo đức cách mạng trong sáng, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, gần gũi nhân dân, có phong cách làm việc dân chủ, tôn trọng tập thể, trung thực, thẳng thắn, có ý thức tổ chức và kỷ luật cao, quyết đoán và dám chịu trách nhiệm, quy tụ và đoàn kết được mọi người.

Cần hình thành cơ chế phát hiện, tuyển lựa, đào tạo, bồi dưỡng và quản lý cán bộ, trước hết là đối với cán bộ lãnh đạo, bảo đảm xây dựng được đội ngũ cán bộ lãnh đạo vững vàng và tài năng, cho trước mắt và chuẩn bị những thế hệ kế tiếp; ngăn chặn được những phần tử cơ hội len lỏi vào các cơ quan lãnh đạo. Cơ chế đó phải bảo đảm tính tập thể trong việc đánh giá cán bộ, trong việc phát hiện, tuyển lựa những người ưu tú nảy nở từ phong trào quần chúng, từ hoạt động thực tiễn trên các lĩnh vực, với một quy trình dân chủ dựa vào nhân dân, vào đồng đảng cán bộ, đảng viên mà nhận xét, bầu cử hoặc bổ nhiệm cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo.

Hiện nay, số cán bộ hưu trí khá đông, cần động viên các đồng chí đó tiếp tục đóng góp cho sự nghiệp cách mạng, cung cấp thông tin để các đồng chí thường xuyên tiếp cận với những vấn đề mới và giao việc thích hợp tùy theo khả năng và điều kiện sức khỏe từng người, đồng thời quan tâm chăm sóc đời sống của cán bộ hưu.

Cần quan tâm bồi dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, khắc phục các căn bệnh quan liêu, độc đoán, gia trưởng, vụ lợi, tham nhũng, cục bộ, địa phương chủ nghĩa... Trong điều kiện Đảng cầm quyền, lại thêm tác động tiêu cực từ mặt trái của cơ chế thị trường, và do ta thiếu những biện pháp có hiệu quả, nên nạn tham nhũng vẫn đang lan tràn, gây nhức nhối và bất bình trong toàn xã hội. Đảng ta phải lãnh đạo kiên quyết bài trừ tệ nạn đó cho bằng được. Song cần nhận rõ đại bộ phận cán bộ, đảng viên là tốt, giữ vững phẩm chất, sống giản dị và lành mạnh. Vì vậy, đấu tranh bài trừ tham nhũng là cần thiết, song phải tinh táo chống lại mọi âm mưu lợi dụng cuộc đấu tranh đó để bôi nhọ Đảng và chế độ ta, kích động quần chúng.

Để chống tham nhũng, *một mặt*, phải tăng cường quản lý Nhà nước, tăng cường thanh tra và kiểm tra của các cơ quan chức năng và của nhân dân, tăng cường công tác tư tưởng và tổ chức, xử lý nghiêm minh theo kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước. *Mặt khác*, phải từng bước hoàn chỉnh cơ chế, chính sách và pháp luật nhằm bịt những kẽ hở dễ bị lợi dụng. Chủ trương cổ phần hoá một số xí nghiệp quốc doanh mà Hội nghị Trung ương 2 quyết định làm thí điểm là một giải pháp có thể giúp chống tham nhũng có hiệu quả. Theo hướng đó, cổ phần hoá, trong đó phần của Nhà nước chiếm tỷ lệ chi phối, sẽ khiến cho quyền làm chủ đối với xí nghiệp quốc doanh được cụ thể hơn; từ đó việc quản lý tài sản của các xí nghiệp đó chặt chẽ hơn, tạo điều kiện bài trừ tham nhũng ngay từ gốc. Cổ phần hoá các xí nghiệp quốc doanh chính là một hình thức thực hiện chính sách kinh tế mới của Lênin trong điều kiện hiện nay. Mong rằng trong các biện pháp

chống tham nhũng, Trung ương quan tâm hơn nữa đến vấn đề này.

Phải chăm lo *xây dựng các tổ chức cơ sở đảng*, xác định rõ vai trò, chức năng lãnh đạo của đảng bộ cơ sở, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, khắc phục tình trạng thụ động, trì trệ của nhiều cơ sở đảng hiện nay.

Cơ sở là cấp triển khai thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, tổ chức cơ sở đảng, mọi cán bộ, đảng viên phải nắm chắc và thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên một cách tích cực, năng động và sáng tạo với những hình thức, biện pháp, bước đi, cách làm phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng cơ sở. Đồng thời, từ những hoạt động thực tiễn phong phú ở cơ sở mà tích lũy kinh nghiệm, góp phần bổ sung, phát triển đường lối, chủ trương của Đảng. Trong mọi hoạt động của mình, tổ chức cơ sở đảng phải chăm lo tới lợi ích của nhân dân ở địa phương, đơn vị; đồng thời phải xuất phát từ lợi ích toàn cục, của cả nước không được cục bộ, địa phương chủ nghĩa.

Để tổ chức cơ sở đảng đủ sức đảm đương chức năng, nhiệm vụ nặng nề, các cấp uỷ đảng cấp trên phải hướng mạnh về cơ sở, nhất là đối với những cơ sở yếu kém, những cơ sở đảng ở các vùng xung yếu; chăm lo củng cố tổ chức cơ sở đảng, gắn với củng cố tổ chức chính quyền, các đoàn thể, tổ chức quản lý kinh tế.

Phải có biện pháp thiết thực *nâng cao chất lượng đảng viên* ngang tầm đòi hỏi của nhiệm vụ; đồng thời, phải có quan niệm mới về chất lượng đảng viên phù hợp với tình hình và nhiệm vụ hiện nay. Sự nghiệp đổi mới đòi hỏi đảng

viên phải có nhiệt tình cách mạng cao, có ý chí phấn đấu bền bỉ khắc phục mọi khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đảng khuyến khích đảng viên lao động cần cù, sáng tạo, gương mẫu trong sản xuất kinh doanh, tuân theo pháp luật, đạt hiệu quả cao, và hướng dẫn, lôi cuốn quần chúng cũng làm như mình, vừa ích nước vừa lợi nhà.

Nâng cao chất lượng đảng viên phải được tiến hành đồng bộ trên cả mấy mặt: giáo dục đảng viên về lý luận chính trị, về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, về quản lý kinh tế, xã hội, về kiến thức nghiệp vụ, chuyên môn; rèn luyện đảng viên trong hoạt động thực tiễn. Tiến hành sàng lọc đội ngũ đảng viên, đưa những người không còn đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Chăm lo phát triển Đảng; củng cố, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong việc giáo dục, rèn luyện thanh niên, tạo nguồn bổ sung lực lượng cho Đảng.

Tăng cường mối liên hệ chặt chẽ giữa Đảng và nhân dân là điều có ý nghĩa cực kỳ to lớn.

Có chính quyền, Đảng có nhiều điều kiện thuận lợi để mở rộng và tăng cường mối liên hệ với nhân dân, thông qua hoạt động trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, thông qua bộ máy nhà nước và nhiều tổ chức khác nhau trong hệ thống chính trị. Song bên cạnh mặt thuận lợi đó, cũng xuất hiện nguy cơ lớn là đảng cầm quyền bị quan liêu hoá, từ việc đề ra chủ trương, chính sách không hợp quy luật, không hợp lòng dân, phương pháp công tác xa rời quần chúng đến tình trạng tha hoá trong lối sống của một bộ phận cán bộ. Toàn Đảng ta phải đấu tranh loại trừ nguy cơ đó, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của Đảng, củng cố, tăng cường mối liên hệ chặt chẽ với nhân dân.

Đảng và Nhà nước phải chăm lo hoàn thiện các chính sách kinh tế – xã hội, lấy việc phục vụ lợi ích của nhân dân, thực hiện dân giàu, nước mạnh làm mục tiêu cao nhất, kết hợp đúng đắn chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với cải thiện đời sống nhân dân, đẩy mạnh sản xuất đi đôi với phân phối công bằng, đẩy lùi bất công xã hội. Trước mắt, phải cố gắng giải quyết những khó khăn về việc làm, tiền lương và đời sống của người lao động, chăm lo nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của đồng bào các dân tộc thiểu số, chăm sóc cuộc sống của những người về hưu, thương binh, gia đình liệt sĩ, những người có công với cách mạng, với đất nước, những người già cả tàn tật, neo đơn và trẻ em không nơi nương tựa... Kết hợp động lực tinh thần với lợi ích vật chất để đẩy mạnh phong trào quần chúng thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội và mọi nhiệm vụ chính trị.

Cùng với quá trình đổi mới kinh tế, cơ cấu giai cấp xã hội có những biến động mới cần được tiến hành điều tra, nghiên cứu, phân tích một cách khoa học để từ đó có chính sách phù hợp.

Các tổ chức đảng và chính quyền phải mở rộng dân chủ, xây dựng và phát huy quyền làm chủ thực sự của nhân dân trên mọi lĩnh vực. Quyền làm chủ đó phải được thể chế hoá thành pháp luật, chính sách. Đồng thời, nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật của mọi người. Bảo đảm dân chủ đầy đủ đối với nhân dân, đồng thời đấu tranh chống những phần tử xấu, lợi dụng dân chủ gây tổn hại đến lợi ích chung.

Phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" phải được xây dựng thành những quy chế cụ thể, nhất là về

sản xuất và phân phối ở cơ sở. Tổ chức để nhân dân thảo luận, tham gia ý kiến xây dựng pháp luật và những chính sách có quan hệ đến đông đảo nhân dân cũng như góp ý kiến phê bình các cơ quan và nhân viên nhà nước về đạo đức, tác phong làm việc. Mở rộng tiếp xúc, đối thoại giữa cán bộ lãnh đạo, đại diện cơ quan nhà nước với nhân dân. Đơn thư khiếu nại, tố cáo hoặc kiến nghị của dân phải được cơ quan có trách nhiệm xem xét, giải quyết và trả lời nhanh chóng. Phải chỉnh đốn các cơ quan nhà nước, xử lý nghiêm minh những cán bộ, nhân viên lợi dụng chức quyền vơ vét, tham nhũng, cửa quyền, hách dịch, ức hiếp nhân dân. Phải nghiên cứu sớm lập toà án kinh tế, toà án hành chính, ban hành luật dân sự.

Mọi đảng viên đều phải được phân công làm công tác vận động nhân dân. Chi bộ và đảng viên phải chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân, có chế độ để nhân dân nhận xét, đánh giá đảng viên, biểu dương đảng viên tốt, kiến nghị xử lý đảng viên không đủ tư cách, cũng như chế độ lấy ý kiến nhân dân trong việc kết nạp đảng viên mới.

Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các đoàn thể, chăm lo lợi ích thiết thực của nhân dân gắn với tuyên truyền, giáo dục, động viên nhân dân thực hiện nhiệm vụ chính trị. Mở rộng nhiều hình thức tổ chức xã hội đa dạng, phù hợp với nhu cầu nghề nghiệp, sở thích của mỗi lớp người để tập hợp nhân dân một cách rộng rãi.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là vấn đề bức thiết nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của Đảng, đồng thời tăng cường trách nhiệm và hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước, nâng cao vai trò của các đoàn thể nhân dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị.

Sự lãnh đạo của Đảng bao quát toàn diện các lĩnh vực hoạt động và các tổ chức nhà nước, các đoàn thể chính trị, xã hội, các tổ chức sản xuất kinh doanh. Đồng thời phải phát huy vai trò của Nhà nước trong việc quản lý, điều hành đất nước về mọi mặt. Nội dung lãnh đạo của Đảng trước hết là định ra cương lĩnh, chiến lược, đường lối, chủ trương định hướng cho hoạt động ở các lĩnh vực, cho hoạt động nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị. Song trong thực tế, có những việc cụ thể nhưng rất quan trọng về chính trị, có ảnh hưởng rộng về nhiều mặt, đòi hỏi phải có sự lãnh đạo của Đảng.

Đổi mới phương thức lãnh đạo đòi hỏi *phải lập ban cán sự* và nâng cao chất lượng *đảng đoàn* ở các cơ quan nhà nước, các đoàn thể chính trị, xã hội. Cấp uỷ thông qua đảng đoàn, ban cán sự mà thực hiện sự lãnh đạo của mình. Đảng đoàn, ban cán sự chịu trách nhiệm trước cấp uỷ về việc lãnh đạo thực hiện đường lối của Đảng, nghị quyết của cấp uỷ trong các tổ chức này; dùng phương pháp thuyết phục, vận động để biến chủ trương của cấp uỷ thành quyết định của tổ chức mình một cách tự giác; định kỳ báo cáo, xin chỉ thị của cấp uỷ; chịu trách nhiệm tập thể trước cấp uỷ về công tác cán bộ trong danh mục được phân cấp quản lý. Đương nhiên, cần xác định rõ mối quan hệ giữa đảng đoàn, ban cán sự với thủ trưởng cơ quan; tôn trọng và phát huy trách nhiệm, quyền hạn của thủ trưởng trong quản lý, điều hành.

Trong quá trình thực hiện, đảng bộ trong các tổ chức và cơ quan nhà nước cần tăng cường vai trò lãnh đạo, tiến hành công tác tư tưởng, huy động đội ngũ đảng viên gương mẫu đi đầu lôi cuốn quần chúng thực hiện; qua kiểm tra và công tác

cán bộ mà tác động tích cực vào việc tổ chức thực hiện của các cơ quan nhà nước.

Đảng phải tăng cường kiểm tra việc thể chế hoá và thực hiện các nghị quyết của Đảng trong các cơ quan nhà nước, bảo đảm cho đường lối, quan điểm của Đảng được quán triệt đúng đắn, kịp thời phát hiện và uốn nắn lệch lạc. Đồng thời, qua kiểm tra để thấy rõ các nghị quyết của Đảng có phù hợp với cuộc sống thực tế hay không, từ đó điều chỉnh và hoàn thiện chủ trương, chính sách.

Đảng phải lãnh đạo, quản lý công tác cán bộ, bảo đảm cho đường lối, chính sách cán bộ được thực hiện đúng và thống nhất trong các cơ quan nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị; lựa chọn, bố trí đúng và có quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo trong các tổ chức đó. Đảng giới thiệu những người ưu tú, có đủ tiêu chuẩn, là đảng viên hoặc không phải đảng viên, để các tổ chức này (Quốc hội, hội đồng nhân dân, các đoàn thể...) bàn bạc và tiến hành bầu cử một cách dân chủ. Đối với các chức vụ do bổ nhiệm, đề bạt thì cấp uỷ đảng phải quản lý danh mục những chức vụ chủ chốt, đồng thời phát huy trách nhiệm của cơ quan trực tiếp sử dụng, quản lý cán bộ đó.

Phương thức lãnh đạo của Đảng phải phù hợp với vị trí, chức năng của từng cấp, từng ngành, với đặc điểm của từng lĩnh vực công tác, từng tổ chức khác nhau. Chúng ta phải tiếp tục rút kinh nghiệm qua thực tiễn để xây dựng thành quy chế cụ thể cho mỗi loại tổ chức đảng ở từng cấp, từng ngành.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương phải

giải quyết nhiều vấn đề quan trọng vừa cơ bản, vừa cấp bách do quá trình phát triển và do thời cuộc đặt ra. Những vấn đề trọng đại này gắn liền với những nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà Hội nghị Trung ương 2 đã quyết định. Tất cả phải được tiến hành một cách đồng bộ, trong đó *nhiệm vụ kinh tế là trung tâm và nhiệm vụ xây dựng Đảng giữ vai trò then chốt*.

Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đồng tâm nhất trí, tăng cường đoàn kết, đề cao ý chí tự lực, tự cường, quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII, những nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 và Hội nghị Trung ương 3, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, đưa đất nước vượt qua khó khăn, trở ngại và tiếp tục phát triển.

**BÁO CÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
TRÌNH HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ VII
Về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng**

Đại hội VII của Đảng (6-1991) đã đánh giá toàn diện tình hình Đảng và đề ra phương hướng nhiệm vụ cơ bản của công tác xây dựng Đảng. Ban Chấp hành Trung ương trong chương trình toàn khoá có một nhiệm vụ lớn là tổng kết toàn bộ công tác xây dựng Đảng để trình Đại hội VIII. Bản báo cáo này chỉ tập trung vào một số vấn đề quan trọng và cấp bách nhất nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội về xây dựng Đảng trong tình hình hiện nay.

**I- TÌNH HÌNH HIỆN NAY VÀ YÊU CẦU ĐỔI MỚI,
CHỈNH ĐỐN ĐẢNG**

1. Bối cảnh chung

Từ sau Đại hội VII đến nay, cách mạng nước ta tiếp tục phát triển, đứng trước thời cơ mới và cả những thách thức mới. Hai đặc điểm nổi bật tác động đến Đảng ta là:

a) Tiếp sau sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, sự tan rã nhanh chóng của Đảng Cộng sản Liên Xô và Nhà nước Liên Xô đã làm thay đổi lớn cục diện chính trị thế giới. Cán cân so sánh lực lượng nghiêng về chủ nghĩa đế quốc. Chủ nghĩa xã hội, phong trào cách mạng, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế ở thế bất lợi và lâm vào khó khăn khủng hoảng nghiêm trọng. Chủ nghĩa đế quốc đẩy mạnh chống phá các nước xã hội chủ nghĩa và các lực lượng cách mạng, hòng xoá bỏ chủ nghĩa xã hội, mưu toan thiết lập một "trật tự thế giới mới" dưới sự khống chế của chúng.

Các thế lực phản động ở trong nước và ngoài nước đẩy mạnh hoạt động chống phá cách mạng nước ta hòng lật đổ sự lãnh đạo của Đảng ta và chế độ ta. Bằng kế hoạch "diễn biến hoà bình", chúng tìm mọi cách bôi nhọ Đảng, hạ thấp uy tín của Đảng, cổ vũ cho đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, kích động chia rẽ nội bộ Đảng, chia rẽ nhân dân với Đảng. Chúng khuyến khích các phần tử chống đối, lôi kéo những người bất mãn, nhẹ dạ, móc nối, gây dựng cơ sở, tập hợp lực lượng chống phá ta.

Tất cả tình hình đó đã tác động mạnh vào nước ta. Một mặt, gây cho chúng ta những khó khăn mới rất to lớn. Mặt khác, giúp chúng ta có thêm nhiều bài học, đặc biệt là bài học về xây dựng Đảng: *chống nguy cơ sai lầm về đường lối, vi phạm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, sai lầm về lựa chọn và bố trí cán bộ, tệ quan liêu xa rời quần chúng...* Nhiều người thấy rõ cái giá phải trả khi Đảng mất phương hướng, mất vai trò lãnh đạo và đất nước rơi vào tình trạng hỗn loạn về chính trị.

b) *Tác động hai mặt của kinh tế thị trường*: Việc chuyển sang phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, mở rộng quan hệ quốc tế có mặt tích cực là làm cho kinh tế phát triển năng động, nhộn nhịp và có hiệu quả hơn. Đồng thời cũng làm xuất hiện thêm những tệ nạn xã hội và yếu tố tiêu cực mới, đặc biệt là tình trạng bất công xã hội, chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, lối sống thực dụng tất cả vì tiền, làm suy giảm giá trị đạo đức xã hội...

Đây là môi trường xã hội rất mới và phức tạp tác động vào tư tưởng tình cảm, tâm lý của cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặt ra nhiều vấn đề mới cho sự lãnh đạo của Đảng và công tác xây dựng Đảng.

2. Tình hình Đảng

Trước những diễn biến mới nói trên, Đảng ta đã tỏ rõ bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, tinh thần độc lập tự chủ và khả năng nhạy bén, sáng tạo, lãnh đạo nhân dân vượt qua nhiều khó khăn to lớn, đưa công cuộc đổi mới tiếp tục phát triển đúng hướng và đi vào chiều sâu, *giữ vững được ổn định chính trị và nền kinh tế không bị đảo lộn lớn*, có mặt còn phát triển và có thêm nguồn lực vật chất mới. Đó là do Đảng ta được tôi luyện trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài và gian khổ, kế tục được nhiều truyền thống quý báu của Đảng; qua mấy năm lãnh đạo tiến hành đổi mới, Đảng có bước tiến bộ và trưởng thành mới, nắm bắt được yêu cầu phát triển, quyết tâm sửa chữa những khuyết điểm sai lầm trước đây mắc phải; kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn được nâng lên, dần dần thích ứng với cơ chế quản lý mới.

Tuy nhiên, trong tình hình mới Đảng ta cũng bộc lộ những khuyết điểm và nhược điểm, có những khuyết điểm đã trở thành nguy cơ không thể xem thường. Nổi bật nhất là:

- Trong Đảng có một bộ phận giảm sút ý chí chiến đấu, phai nhạt lý tưởng, dao động mất lòng tin, trong đó có một số người chịu ảnh hưởng của khuynh hướng cơ hội, xét lại muốn đi con đường khác; thậm chí đã có người phản bội, đầu hàng. Không ít cán bộ, đảng viên bị chủ nghĩa cá nhân thực dụng cuốn hút, trở nên thoái hoá, hư hỏng, ăn chơi hưởng lạc. Tệ tham nhũng, hối lộ, buôn lậu, vung phí tài sản của nhân dân rất nghiêm trọng và kéo dài. Tình trạng mất đoàn kết xảy ra ở một số nơi rất nặng nề, nhất là trong một số cán bộ chủ chốt. Những hiện tượng xấu đó gây tác hại lớn, làm tổn hại thanh danh, uy tín của toàn Đảng.

- Tổ chức và kỷ luật của Đảng lỏng lẻo. Hệ thống tổ chức có những khâu trì trệ, ách tắc, chưa bảo đảm được sự lãnh đạo thông suốt trên tất cả các lĩnh vực. Tổ chức cơ sở đảng có nơi rệu rã, tê liệt, không giữ được vai trò lãnh đạo.

- Phương thức lãnh đạo chậm được đổi mới, hoạt động của không ít cấp uỷ đảng lúng túng trước tình hình mới. Bệnh quan liêu xa thực tế, xa quần chúng rất nặng. Nhiều cán bộ, đảng viên nói không đi đôi với làm, sống xa dân, thậm chí cách biệt với cuộc sống của những người lao động.

Sở dĩ có những yếu kém nói trên, ngoài những nguyên nhân khách quan, về phía chủ quan là do *chúng ta phạm một số sai lầm khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng như*:

- Buông lỏng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ. Không chú ý quản lý và rèn luyện cán bộ, đảng viên về mặt phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng trong điều kiện kinh tế thị trường và

mở rộng quan hệ đối ngoại. Không xử lý kỷ luật nghiêm minh những cán bộ, đảng viên có nhiều sai phạm, nhất là những người có chức, có quyền. Công tác tư tưởng thiếu sắc bén và còn nặng về đối phó bị động.

- Công tác cán bộ yếu kém kéo dài, quản lý cán bộ lỏng lẻo, đánh giá cán bộ không nhất quán. Thiếu một chiến lược về cán bộ. Đội ngũ cán bộ không đồng bộ, tuổi bình quân cao, lực lượng kế cận hẫng hụt, nhưng chưa có biện pháp tích cực để làm chuyển biến tình hình. Có những cán bộ sa sút về phẩm chất, yếu kém về năng lực không được kịp thời thay thế. Một số chính sách không công bằng; chưa có chế độ đãi ngộ thích đáng và tạo điều kiện, phương tiện cần thiết cho các cán bộ làm công tác đảng, nhất là ở cơ sở.

- Khi đất nước bước vào hoà bình xây dựng kinh tế, nhất là khi chuyển sang thực hiện cơ chế mới không kịp thời tổng kết công tác xây dựng Đảng để có những chủ trương, biện pháp thích ứng đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Nhiều vấn đề lớn về nhận thức, quan niệm, phương pháp tiến hành xây dựng Đảng còn có mặt bảo thủ... Nhiều nghị quyết đúng đắn về xây dựng Đảng không được cụ thể hoá và chỉ đạo tập trung, kiên quyết, đến nơi đến chốn.

Trách nhiệm về những khuyết điểm và yếu kém trong công tác xây dựng Đảng chủ yếu thuộc về Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các ban của Đảng, trước hết là Bộ Chính trị.

3. Mục tiêu, nguyên tắc, yêu cầu và phương châm đổi mới, chỉnh đốn Đảng

Nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới đòi hỏi Đảng ta

phải khẩn trương tự đổi mới, tự chỉnh đốn. Đây là một nhiệm vụ *đặc biệt quan trọng và cấp bách, có ý nghĩa quyết định* đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nước ta và có ý nghĩa *sống còn* đối với Đảng ta.

- *Mục tiêu*: Đổi mới và chỉnh đốn Đảng là *nhằm xây dựng và bảo vệ Đảng*, bảo đảm thực hiện có kết quả các nhiệm vụ chính trị do Đại hội VII đề ra, *trong đó trọng tâm là phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị*, đồng thời chuẩn bị cho Đại hội VIII.

- *Nguyên tắc*: Việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng phải trên cơ sở quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên trì đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa; tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng; củng cố mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.

- *Yêu cầu* trong những năm trước mắt là:

+ Nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực trí tuệ, đạo đức cách mạng và lối sống lành mạnh của cán bộ, đảng viên. Khắc phục có hiệu quả tệ tham nhũng. Tăng cường dân chủ và kỷ luật, củng cố khối đoàn kết thống nhất trong Đảng.

+ Chỉnh đốn các tổ chức cơ sở đảng, trước hết là ở những cơ sở trọng yếu về chính trị và kinh tế, bảo đảm sự lãnh đạo thông suốt đến mọi cơ sở.

+ Tạo một bước chuyển biến quan trọng về công tác cán bộ, trước hết là cán bộ chủ chốt ở trung ương, tỉnh thành, một số cơ sở kinh tế quan trọng, đáp ứng yêu cầu trước mắt, đồng thời chuẩn bị cho các năm sau.

+ Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đặc biệt là đối với Nhà nước, tạo ra sức mạnh tổng hợp của hệ

thống chính trị. Khắc phục bệnh quan liêu xa rời quần chúng, củng cố mối liên hệ giữa Đảng và nhân dân.

- *Phương châm*: Đổi mới và chỉnh đốn Đảng phải gắn với đổi mới các lĩnh vực của đời sống xã hội, trước hết với quá trình thực hiện và hoàn thiện các chính sách và cơ chế quản lý, với kiện toàn hệ thống chính trị, với phong trào hành động của quần chúng, khơi dậy và phát huy trí sáng tạo của nhân dân. Phải tiến hành tích cực và kiên quyết, không né tránh, hủu khuynh; đồng thời có bước đi và phương thức phù hợp, không gây căng thẳng xã hội. Làm từ trên xuống, từ lãnh đạo đến đảng viên, giải quyết tốt những vấn đề có tầm vĩ mô đi đôi với củng cố cơ sở.

II- MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG VÀ GIẢI PHÁP LỚN

1. Xây dựng Đảng về chính trị - tư tưởng

a) Tập trung vào bốn nội dung chính là:

- Bồi dưỡng nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ và năng lực lãnh đạo, tiếp tục cụ thể hoá các quan điểm và đường lối của Đảng, từng bước xác định mô hình con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. *Xây dựng cho cán bộ, đảng viên niềm tin và ý chí kiên định lý tưởng cách mạng, kiên định mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.* Đấu tranh chống những luận điệu thù địch, những quan điểm cơ hội, xét lại muốn đưa đất nước đi chệch con đường xã hội chủ nghĩa. Phê phán những nhận thức lệch lạc, mơ hồ, khuynh hướng phủ nhận quá khứ tốt đẹp của Đảng và của dân tộc. Đề phòng sự phản bội, đầu hàng của một số người dao động, kém bản lĩnh và ý chí chiến đấu.

Thường xuyên bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên về lý luận, quan điểm, đường lối. Thông tin trung thực và phân tích sâu sắc những nhân tố mới, tổng kết thực tiễn những hoạt động đổi mới trên từng lĩnh vực, chuẩn bị cho Hội nghị đại biểu Đảng toàn quốc giữa nhiệm kỳ. Đồng thời phấn đấu thực hiện có kết quả Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, giải quyết được một số vấn đề kinh tế - xã hội cụ thể, nóng bỏng trước mắt như: việc làm, đời sống, thu hẹp diện đói nghèo; khắc phục có hiệu quả các hiện tượng tiêu cực, trước hết là tệ tham nhũng. Đó là cách tốt nhất để nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

- *Xây dựng đạo đức cách mạng và lối sống trong sạch của cán bộ, đảng viên trong điều kiện kinh tế thị trường và mở rộng giao lưu quốc tế; chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa thực dụng, tệ làm ăn gian dối, lối sống xa hoa, trụy lạc.*

Cán bộ và đảng viên phải đặt lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân lên trước hết, và phải gương mẫu trong lao động, đạo đức, lối sống. Nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng và bảo vệ đất nước, làm cho dân giàu, nước mạnh; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, lối sống nhân nghĩa của con người Việt Nam. Khắc phục tư tưởng thụ động, ỷ lại. Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, lối sống thực dụng chỉ nghĩ đến tiền tài, địa vị, lạc thú cá nhân, xa rời quần chúng, cách biệt người lao động.

- *Củng cố khối đoàn kết thống nhất trong Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân.* Lúc này hơn lúc nào hết, cán bộ và đảng viên phải có ý thức tổ chức kỷ luật cao, toàn Đảng phải thống nhất tư tưởng và hành động, gắn

bó mặt thiết với quần chúng. Đây là điều kiện trước hết để tăng cường sức mạnh của Đảng, giữ cho Đảng là hạt nhân lãnh đạo chính trị của toàn xã hội.

Mở rộng dân chủ trong quá trình ra nghị quyết để có những quyết định chính xác làm cơ sở cho sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Đồng thời giáo dục cán bộ, đảng viên chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tôn trọng quyền bảo lưu ý kiến của thiểu số, song mọi đảng viên đều phải nói và làm theo nghị quyết của Đảng. Chống áp đặt, quy chụp, đồng thời chống hủ khuynh. Đảng viên không được nói và làm trái nghị quyết của Đảng; ai vi phạm phải bị kỷ luật.

- *Nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chống âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch.*

Làm cho mọi cán bộ, đảng viên hiểu rõ âm mưu thâm độc của các thế lực thù địch muốn xoá bỏ chủ nghĩa xã hội và các nước xã hội chủ nghĩa, đè bẹp phong trào cách mạng ở các nước, làm bá chủ thế giới, đặc biệt là âm mưu thủ đoạn "diễn biến hoà bình", đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, kinh tế thị trường theo chủ nghĩa tư bản, làm thoái hoá cán bộ, đảng viên, xây dựng các tổ chức phản động.

Trong điều kiện mở rộng quan hệ quốc tế, càng cần phải cảnh giác với các âm mưu và thủ đoạn của địch. Phải vạch trần những luận điệu chiến tranh tâm lý; quản lý chặt chẽ các cuộc hội thảo, các dịch vụ thông tin, các cuộc tiếp xúc quan hệ với người nước ngoài, không để cho các thế lực thù địch lợi dụng diễn đàn để thu thập tin tức tình báo và truyền bá quan điểm trái với quan điểm của Đảng ta, truyền bá tư tưởng và lối sống tư sản hưởng lạc trái với truyền thống văn

hoá tốt đẹp của dân tộc. Phê phán mạnh thái độ miệt thị dân tộc, sùng bái và làm nô lệ cho lối sống tư sản.

b) *Trong công tác tư tưởng:* Cần kết hợp nhiều biện pháp giáo dục và hành chính, tư tưởng và tổ chức, phát triển kinh tế, ổn định đời sống...; sử dụng nhiều lực lượng và hình thức sát hợp với mỗi loại đối tượng, *tăng cường thảo luận, trao đổi ý kiến cởi mở*, giúp cho đảng viên có điều kiện tự nhận thức, tự giáo dục. *Nâng cao tinh chiến đấu, đấu tranh sắc bén*, kịp thời bảo vệ lý tưởng cách mạng, bảo vệ quan điểm, đường lối đúng đắn của Đảng và nguyên tắc xây dựng Đảng.

Nâng cao chất lượng thông tin nội bộ và công tác tuyên truyền. Xây dựng nền nếp hoạt động điều tra dư luận xã hội. Bồi dưỡng và sử dụng tốt lực lượng báo cáo viên, thực hiện có nền nếp thông báo tình hình thời sự, những chủ trương, chính sách, luật pháp mới đến đảng viên.

Tăng cường lãnh đạo, quản lý để lập lại trật tự, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác báo chí, xuất bản, văn hoá văn nghệ. Báo, đài, sách, băng hình phải thể hiện đúng quan điểm của Đảng và luật pháp của Nhà nước, không ngừng đổi mới về nội dung và hình thức, có sức hấp dẫn hơn và đáp ứng ngày càng tốt hơn cầu đa dạng về thông tin, văn hoá của đảng viên và nhân dân. Quản lý chặt chẽ những văn hoá phẩm từ nước ngoài đưa vào, không để lưu hành những ấn phẩm xấu, phản động, đối trụy, độc hại. Kiện toàn ban lãnh đạo các cơ quan báo chí, xuất bản, đặc biệt là tổng biên tập các báo và giám đốc các nhà xuất bản. Cải tiến công tác phát hành sách báo, nhất là sách báo của Đảng, mở rộng diện phủ sóng của đài phát thanh và truyền hình, bảo đảm đưa được

thông tin kịp thời tới các vùng nông thôn miền núi. Mỗi đảng viên, bất cứ ở lĩnh vực và cương vị công tác nào đều phải có chương trình học tập, nâng cao kiến thức.

Đổi mới nội dung chương trình và phương pháp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong hệ thống trường Đảng và các trường học. Sớm xây dựng bộ giáo trình chuẩn quốc gia về bốn môn học: triết học, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa xã hội khoa học, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Chinh đốn Đảng về tổ chức

a) Thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ, ngăn chặn tệ vô tổ chức vô kỷ luật, độc đoán chuyên quyền trong Đảng

Cần làm cho toàn Đảng hiểu đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thiếu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp trên, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội toàn quốc của Đảng và Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Thực hiện các nguyên tắc đó là một điều kiện hết sức quan trọng bảo đảm giữ vững bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng, tăng cường sức mạnh đoàn kết thống nhất của Đảng.

Nâng cao chất lượng sinh hoạt của cấp uỷ và của chi bộ, quản lý chặt chẽ đảng viên. Mỗi đảng viên, mỗi cán bộ phải không ngừng rèn luyện nâng cao tính tổ chức, tính kỷ luật, tự giác đặt mình trong sự quản lý của chi bộ, tham gia sinh hoạt chi bộ đầy đủ, tự giác khép mình vào khuôn khổ kỷ luật của Đảng. Không để một đảng viên nào đứng ngoài trách

nhiệm quản lý của một tổ chức, một tập thể. Chi bộ, cấp uỷ phải quản lý chặt chẽ đảng viên, cán bộ thuộc diện cấp mình quản lý. Đảng viên là thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm đầy đủ về các hiện tượng vô tổ chức, vô kỷ luật và tình trạng mất đoàn kết ở đảng bộ cơ quan, đơn vị mình.

Thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình từ trên xuống dưới, chống làm hình thức, chiếu lệ, chỉ phê bình mà không sửa chữa khuyết điểm; cán bộ lãnh đạo phải gương mẫu, chống thái độ dựa dẫm, nể nang, né tránh, không kiên quyết bảo vệ cái đúng, phê phán cái sai. Nghiêm cấm hiện tượng trấn áp, trù dập người phê bình cũng như hiện tượng lợi dụng phê bình để đả kích cá nhân, gây rối nội bộ.

Xử lý kỷ luật nghiêm minh và kịp thời những tổ chức, những đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước. Mọi hoạt động vô tổ chức, vô kỷ luật, cố tình không chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, làm suy yếu khối đoàn kết thống nhất về tư tưởng và tổ chức của Đảng đều phải bị xử lý bằng những hình thức kỷ luật nghiêm khắc.

Có quy chế quản lý chặt chẽ các cán bộ, đảng viên làm việc ở các sứ quán, đi công tác, lao động, học tập ở nước ngoài, các cán bộ, đảng viên ở trong nước có quan hệ và làm việc với người nước ngoài. Xử lý kịp thời và nghiêm minh những người có hành động làm hại đến uy tín, thanh danh của Đảng và Tổ quốc.

Giải quyết dứt điểm tình trạng mất đoàn kết nghiêm trọng kéo dài ở một số nơi, kịp thời tổng kết để rút kinh nghiệm và ngăn chặn căn bệnh nguy hại này.

Việc tăng cường kỷ luật của Đảng phải đi đôi với mở rộng dân chủ, khen thưởng kịp thời các đơn vị và cá nhân

chấp hành nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương và gìn giữ phẩm chất, đạo đức, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và hiệu lực quản lý của Nhà nước. Truy cứu trách nhiệm và xét xử theo pháp luật những đảng viên vi phạm pháp luật Nhà nước. Mọi đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước.

b) Chấn chỉnh hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng ở các cấp

- Tiếp tục *kiện toàn các cấp uỷ đảng*: tổng kết công tác bầu cử Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội VII và cấp uỷ tại đại hội các cấp vòng 2, bố trí phân công các cấp uỷ viên cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ mới, xử lý dứt điểm những vụ việc tồn đọng.

- Củng cố, nâng cao chất lượng các ban của Đảng: xác định rõ chức năng nhiệm vụ, tinh giản biên chế, tăng cường cán bộ có chất lượng. Sửa đổi lề lối làm việc, đi sâu vào công tác nghiên cứu, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện, sát với thực tế.

- Tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của các đảng đoàn trong các cơ quan dân cử và đoàn thể quần chúng.

Lập ban cán sự đảng ở Chính phủ, các bộ, các uỷ ban trực thuộc Chính phủ để giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo quán triệt và thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; thảo luận và ra nghị quyết các vấn đề về tổ chức cán bộ; kiểm tra hoạt động của các đảng viên là cán bộ lãnh đạo bộ và uỷ ban; cùng với các cấp uỷ và các đảng uỷ cơ sở trong ngành làm công tác xây dựng Đảng. Cần có quy chế quy định rõ các mối quan hệ giữa ban cán sự đảng với bộ trưởng; vừa phát huy đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm của bộ trưởng vừa bảo đảm sự hoạt động có hiệu quả của ban cán sự.

c) Chỉnh đốn tổ chức cơ sở đảng

Tổ chức cơ sở đảng là *hạt nhân lãnh đạo chính trị toàn diện ở cơ sở, là cầu nối Đảng với quần chúng, là đơn vị chiến đấu trực tiếp* đưa đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống.

- Điều lệ Đảng đã quy định bốn nhiệm vụ chung của tổ chức cơ sở đảng. Căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay cần cụ thể hoá, làm rõ thêm một số nội dung chủ yếu trong các nhiệm vụ của các tổ chức cơ sở đảng:

+ *Lãnh đạo quán triệt và thực hiện đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.* Tổ chức cơ sở đảng căn cứ vào nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tình hình thực tế của đơn vị để đề ra các nhiệm vụ công tác của đơn vị. Đồng thời tham gia ý kiến xây dựng đường lối, chính sách chung của Đảng và Nhà nước. Đặc biệt, cần chú ý lãnh đạo thực hiện dân chủ, công khai trong các vấn đề kinh tế, tài chính, phân phối thu nhập; thực hiện các chính sách xã hội... Đấu tranh chống các hiện tượng tham nhũng, tiêu cực, vi phạm pháp luật. Các tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường phải lãnh đạo các thành phần kinh tế phát triển đúng hướng, đúng pháp luật.

+ *Lãnh đạo thực hiện đúng chính sách cán bộ*, quản lý đội ngũ cán bộ cơ sở theo quy định. Đảng uỷ quyết định các vấn đề về cán bộ Đảng; giới thiệu cán bộ sang ứng cử các cơ quan chính quyền và đoàn thể để bầu cử; đề xuất ý kiến về cán bộ chủ chốt cơ sở do cấp trên trực tiếp quản lý.

+ *Kiểm tra đảng viên* chấp hành Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước, thực hiện các nhiệm vụ được giao và kiểm tra tư cách đảng viên. Công tác kiểm tra của tổ chức cơ sở

đảng phải kết hợp chặt chẽ với công tác thanh tra của chính quyền và thanh tra nhân dân để có chủ trương xử lý đúng.

+ *Làm tốt công tác tư tưởng và tổ chức*, nâng cao giác ngộ chính trị, kiến thức và năng lực của đội ngũ đảng viên. Thực hiện đúng các chế độ sinh hoạt đảng, quản lý đảng viên và phát triển đảng viên mới.

+ *Liên hệ thường xuyên với quần chúng* ở cơ sở, bảo đảm nắm chắc quần chúng. Phân công đảng viên tham gia công tác các đoàn thể, trực tiếp phụ trách quần chúng.

- Căn cứ vào chức năng chung, Ban Bí thư cần chỉ đạo cụ thể hoá chức năng nhiệm vụ của từng loại hình tổ chức cơ sở đảng. Trên cơ sở đó sắp xếp lại các tổ chức cơ sở đảng cho phù hợp với cơ chế quản lý mới, khắc phục ngay sự lỏng lẻo, sự chia cắt và những "khoảng trống" về tổ chức.

Tiếp tục xây dựng và củng cố *các chi bộ theo địa bàn dân cư* (thôn, xóm, ấp, bản, đường phố, khu vực dân cư) và *chi bộ theo ngành nghề* (sản xuất kinh doanh, dịch vụ, sự nghiệp). Đối với đảng viên là cán bộ về hưu tùy theo điều kiện cụ thể, tổ chức sinh hoạt chung với đảng viên đương chức hoặc tách thành chi bộ riêng (sẽ có hướng dẫn cụ thể).

Hiện nay ở một số khu vực chưa có tổ chức cơ sở đảng, nhất là vùng dân tộc, tôn giáo, các đơn vị kinh tế tư nhân, liên doanh với nước ngoài. Đó là "khoảng trống" mà chúng ta phải khắc phục. Ở những nơi đó phải phát triển thêm *các hình thức tổ chức phù hợp để tập hợp, vận động quần chúng*. Đảng viên công tác trong các tôn giáo và các vùng dân tộc phải làm tốt công tác vận động quần chúng, có quan hệ tốt với các chức sắc như sư sãi, linh mục và già làng. Qua các hình thức hoạt động đó, lựa chọn bồi dưỡng quần chúng ưu tú kết nạp vào Đảng.

Ở những công ty, xí nghiệp tư nhân, hợp tác, liên doanh với nước ngoài nếu có đủ số lượng đảng viên theo quy định thì lập tổ chức đảng. Nếu chưa có điều kiện lập tổ chức đảng thì đảng viên hoạt động qua các đoàn thể, nhất là công đoàn. Những cơ sở chưa có đảng viên thì cấp uỷ địa phương (quận, phường) hoặc tổ chức cơ sở đảng đơn vị thành viên xây dựng cốt cán hoạt động trong công đoàn để phát triển đảng viên, tiến tới lập tổ chức đảng.

Tách các tổ chức cơ sở đảng ở các công ty, xí nghiệp sản xuất kinh doanh ra khỏi tổ chức đảng ở các cơ quan bộ, ngành và đảng uỷ khối các cơ quan trung ương đưa về trực thuộc thành uỷ, tỉnh uỷ, hoặc huyện uỷ, thị uỷ, quận uỷ tùy theo quy mô, tính chất của các cơ sở đó. Đối với thành phố có nhiều công ty, xí nghiệp sản xuất kinh doanh có thể tổ chức đảng uỷ trên cơ sở theo từng khối trực thuộc thành uỷ.

Củng cố các chi bộ, đảng bộ cơ quan, nhất là các cơ quan trung ương.

Lập tổ chức đảng uỷ dân chính đảng cấp tỉnh, thành. Đối với Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng... lập một số đảng uỷ khối cơ quan. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa đảng uỷ dân chính đảng, đảng uỷ khối với đảng uỷ cơ quan và ban cán sự.

- Chính đốn tổ chức, xác định rõ chức năng nhiệm vụ phải đi đôi với kiện toàn đội ngũ cán bộ, đổi mới phương thức hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng.

Đặc biệt coi trọng củng cố các tổ chức cơ sở đảng ở những địa bàn và lĩnh vực trọng yếu về kinh tế và chính trị. Những nơi cần thiết có thể bố trí lại cán bộ chủ chốt. Chọn một số cán bộ có đủ tiêu chuẩn và điều kiện ở các cơ quan trung

ương, tỉnh, huyện về tăng cường cho cơ sở và giữ nguyên các chế độ đãi ngộ. Cử cấp uỷ viên và cán bộ có kinh nghiệm trực tiếp chỉ đạo, củng cố các cơ sở, thu hẹp diện yếu kém.

Các đồng chí Uỷ viên Trung ương và cấp uỷ viên các cấp phải thực hiện đúng trách nhiệm được giao và trực tiếp làm công tác xây dựng Đảng ở cơ quan và đơn vị thuộc phạm vi mình phụ trách.

d) Về công tác đảng viên

Hiện nay đang nổi lên một số vấn đề: chất lượng giảm sút, tuổi bình quân cao việc phát triển đảng có nhiều khó khăn do các cấp uỷ đảng cơ sở coi nhẹ công tác phát triển đảng.

Để tạo một bước chuyển biến quan trọng về chất lượng đảng viên, trước hết phải xác định rõ *tư cách đảng viên* trong tình hình mới: đảng viên phải là người có giác ngộ chính trị, trung thành với mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa; có đạo đức và lối sống lành mạnh, gắn bó với quần chúng; sản xuất, công tác và quản lý giỏi, gương mẫu hoàn thành nhiệm vụ được giao, chấp hành đúng Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước; thường xuyên học tập nâng cao trình độ nhận thức và năng lực công tác; có ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

- Các cấp uỷ và tổ chức đảng phải có *kế hoạch giáo dục, bồi dưỡng những kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, về đường lối của Đảng và pháp luật Nhà nước cho đảng viên*; hướng dẫn và kiểm tra đảng viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm sản xuất kinh doanh, quản lý theo cơ chế mới nhằm phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên.

- *Tiến hành sàng lọc đội ngũ đảng viên*: các cấp uỷ đảng

phải tiến hành kiểm tra phân tích chất lượng đảng viên, chi bộ tổ chức cho mỗi đảng viên tự phê bình, tự đánh giá nghiêm túc, kết hợp với sự nhận xét đánh giá của chi bộ, sự phê bình góp ý kiến của quần chúng và sự kiểm tra của cấp trên.

Trên cơ sở đó có giải pháp đối với từng loại đảng viên như sau:

+ Bồi dưỡng và phát huy những đảng viên giữ được tư cách đảng viên; có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, được quần chúng tín nhiệm.

+ Giúp đỡ những đảng viên hạn chế về kiến thức, năng lực, hoặc hoàn cảnh khó khăn. Những trường hợp không khắc phục được khó khăn hoặc không còn khả năng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ đảng viên thì bản thân tự xem xét hoặc chi bộ động viên các đồng chí đó tự nguyện rút ra khỏi Đảng; tổ chức đảng có thẩm quyền cấp giấy xác nhận tuổi đảng và thường xuyên quan tâm giúp đỡ động viên có lý có tình.

+ Giáo dục, xử lý hoặc định thời hạn phấn đấu cho những đảng viên vi phạm tư cách đảng viên, vi phạm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, không hoàn thành nhiệm vụ được giao; nếu không có chuyển biến thì đưa ra khỏi Đảng.

+ Khai trừ và đưa ngay ra khỏi Đảng những người không còn tư cách đảng viên, trước hết là những người cơ hội về chính trị, nói và làm trái quan điểm đường lối của Đảng, tham nhũng, thoái hoá biến chất, bị quần chúng oán ghét.

- *Công tác phát triển đảng*: Tăng thêm sinh lực mới cho Đảng, trẻ hoá đội ngũ, bảo đảm sự kế thừa và phát triển của Đảng. Làm tốt công tác tạo nguồn để lựa chọn, bồi dưỡng, kết

nap những quần chúng ưu tú có giác ngộ chính trị trong Đoàn Thanh niên Cộng sản, trong công nhân, nông dân, trí thức, chiến sĩ các lực lượng vũ trang... ở những cơ sở trọng yếu, những nơi còn ít và chưa có đảng viên. coi trọng chất lượng không chạy theo số lượng. Trên cơ sở nắm vững yêu cầu về tư cách đảng viên và điều kiện kết nạp người vào Đảng, cần đổi mới quan điểm đánh giá quần chúng; không định kiến hẹp hòi. Bỏ những quy định và thủ tục xem xét kết nạp đảng viên không còn phù hợp.

Các cấp uỷ đảng, nhất là ở cơ sở phải chăm lo công tác phát triển đảng; đặc biệt quan tâm lãnh đạo xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xứng đáng là đội dự bị tin cậy của Đảng, hạt nhân nòng cốt của phong trào thanh niên và là lực lượng kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc. Phải coi công tác xây dựng Đoàn và giáo dục bồi dưỡng thanh niên là nhiệm vụ chiến lược, là một bộ phận của công tác xây dựng Đảng, và đặt công tác phát triển Đảng trong thanh niên thành chương trình kế hoạch cụ thể và tổ chức chỉ đạo chặt chẽ, mang lại kết quả thiết thực.

- Trong tình hình hiện nay phải đặc biệt coi trọng công tác bảo vệ Đảng, trước hết là bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, giữ gìn sự trong sạch của tổ chức đảng, cảnh giác và tỉnh táo không để cho những phần tử cơ hội về chính trị, phản động chui vào hàng ngũ Đảng, nhất là vào các cơ quan lãnh đạo và cơ quan tham mưu của Đảng và Nhà nước. Giữ gìn bí mật nội bộ và bí mật quốc gia. Chống âm mưu thủ đoạn khống chế, mua chuộc cán bộ từ bên ngoài. Việc công bố và phê phán các vụ việc tiêu cực trên báo chí và các phương tiện truyền thông đại chúng khác cần có sự cân nhắc về

hướng giải quyết và tác dụng giáo dục, tránh để địch lợi dụng xuyên tạc bôi nhọ Đảng và Nhà nước, kích động chia rẽ Đảng, Nhà nước với nhân dân. Chấn chỉnh quy chế công tác của các cơ quan và cán bộ làm công tác cơ mật.

3. Tạo bước chuyển biến quan trọng về công tác cán bộ

Cho đến nay, vấn đề cán bộ vẫn là *khâu then chốt* có ý nghĩa quyết định toàn bộ sự nghiệp cách mạng. Toàn Đảng, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp uỷ đảng phải dành nhiều hơn công tác cho nhiệm vụ trọng yếu này.

A- Trước hết phải nắm vững một số quan điểm và nguyên tắc cơ bản trong công tác cán bộ

a) *Quan điểm đánh giá cán bộ*: Trong tình hình hiện nay, việc đánh giá cán bộ phải dựa chắc trên các căn cứ sau đây:

+ Phải dựa vào *tiêu chuẩn cán bộ*: Tiêu chuẩn hàng đầu của cán bộ lãnh đạo và quản lý hiện nay là: có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu và con đường xã hội chủ nghĩa, quyết tâm thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới; có kiến thức và năng lực tham gia các quyết định của tập thể và tổ chức thực tiễn, làm việc có hiệu quả; có đạo đức cách mạng trong sáng, thẳng thắn, trung thực, đấu tranh bảo vệ các quan điểm, đường lối của Đảng, có ý thức tổ chức kỷ luật; có lối sống cần kiệm liêm chính, gắn bó với quần chúng, giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng, được quần chúng tín nhiệm.

+ Phải lấy *hiệu quả công tác, sự đóng góp thực tế* làm thước đo phẩm chất và năng lực cán bộ.

+ Phải đặt cán bộ trong *môi trường cụ thể, điều kiện cụ*

thể, trong mối quan hệ biện chứng với *đường lối, chính sách, tổ chức và cơ chế quản lý* để xem xét toàn diện các mặt khách quan, chủ quan, trong cả quá trình phát triển của cán bộ. Không tách kết quả công việc ra khỏi điều kiện khách quan và quá trình tự vận động của cán bộ.

Xoá bỏ cách đánh giá cán bộ theo cảm tính chủ quan. Khắc phục cách nhìn nhận phiến diện như chỉ nhấn mạnh quá trình công tác, bằng cấp, lý lịch hoặc tuổi tác. Phê phán quan niệm gia trưởng, hẹp hòi, thành kiến, thiếu công tâm trong đánh giá cán bộ.

b) *Quan điểm bố trí và sử dụng cán bộ*: Sử dụng cán bộ phải căn cứ vào yêu cầu công tác và sự đánh giá đúng phẩm chất, năng lực cán bộ.

+ Trên cơ sở quán triệt quan điểm giai cấp trong công tác cán bộ, phải có chính sách *đoàn kết tập hợp rộng rãi cán bộ* theo tư tưởng và phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khuyến khích và *thu hút nhân tài* của đất nước ở tất cả các lĩnh vực, các thành phần kinh tế - xã hội, bao gồm cả những người Việt Nam yêu nước sinh sống ở nước ngoài. Làm sao để mọi người đều có thể mang hết nhiệt tình, trí tuệ, tài năng phục vụ Tổ quốc.

+ Chú ý sử dụng những cán bộ có quan điểm tư tưởng đúng, có cách làm ăn mới mang lại hiệu quả thiết thực về kinh tế và chính trị, xã hội.

+ Trên cơ sở bảo đảm đúng tiêu chuẩn, thực hiện trẻ hoá đội ngũ cán bộ, tin cán bộ trẻ; đồng thời tích cực bồi dưỡng phát huy cán bộ lớn tuổi, bảo đảm *tính liên tục* và *tính kế thừa* trong đội ngũ cán bộ.

+ Đối với cán bộ về hưu cần động viên và tạo điều kiện để các đồng chí đó tiếp tục đóng góp cho sự nghiệp cách mạng

tùy theo khả năng và điều kiện sức khoẻ của mỗi người, trước hết là làm công tác tuyên truyền giáo dục, vận động quần chúng, bồi dưỡng thế hệ trẻ, làm công tác thanh tra. Miễn công tác và sinh hoạt cho những đảng viên già yếu, ốm đau.

c) *Quan điểm quản lý và tiến hành công tác cán bộ*

+ Phải nắm vững nguyên tắc *Đảng thống nhất lãnh đạo và quản lý cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị* trong công tác cán bộ.

Đảng đề ra đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách và quy chế quản lý cán bộ; lãnh đạo kiểm tra các cấp, các ngành tổ chức thực hiện. Đảng thống nhất quản lý đội ngũ cán bộ nói chung và trực tiếp quản lý cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong các tổ chức của hệ thống chính trị.

Thông qua các tổ chức đảng, các cấp uỷ đảng lãnh đạo các cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang, đoàn thể nhân dân, tổ chức kinh tế - xã hội quản lý cán bộ theo chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và điều lệ của đoàn thể.

Đối với việc đề bạt, điều động và kỷ luật cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, các cơ quan chức năng, các đảng uỷ, ban cán sự, đảng đoàn đề xuất các phương án để Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét và quyết định. Ngoài các đối tượng trên, Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư uỷ nhiệm cho các cấp uỷ, các ban chức năng, đảng đoàn, ban cán sự trực tiếp quản lý (sẽ có quy chế và hướng dẫn cụ thể).

+ Tất cả các quyết định về cán bộ ở mỗi cấp phải theo nguyên tắc *tập thể dân chủ* đồng thời *phát huy đầy đủ trách nhiệm cá nhân*. Những quyết định về chủ trương, chính sách và nhân sự cán bộ nhất thiết phải do tập thể có thẩm quyền

quyết định. Ở Trung ương là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư; ở các tỉnh, thành là ban chấp hành, ban thường vụ; ở các ban ngành là tập thể đảng đoàn hoặc ban cán sự; ở các cơ sở là ban chấp hành, ban thường vụ đảng uỷ. Đối với các chức danh Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ phải do Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

Các cơ quan chức năng và cá nhân được phân công chuẩn bị các phương án cán bộ để tập thể thảo luận, quyết định và tổ chức thực hiện sau khi có nghị quyết; đồng thời chịu trách nhiệm về những ý kiến đề xuất của mình.

Có chế độ định kỳ đánh giá cán bộ công khai và dân chủ.

B- Trên cơ sở nắm vững các quan điểm và nguyên tắc nêu trên, cần tập trung thực hiện những nhiệm vụ trọng yếu sau đây:

a) Rà soát, sắp xếp, điều chỉnh, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hiện có

Trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt ở các ban, bộ, ngành trung ương; tỉnh, thành, quận, huyện, đơn vị kinh tế then chốt và các cơ sở trọng điểm. *Bổ sung* những cán bộ có đủ tiêu chuẩn, có triển vọng đảm đương tốt công việc, đồng thời đưa ra khỏi cơ quan lãnh đạo những cán bộ có quan điểm lập trường và việc làm sai trái nghiêm trọng với đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, vi phạm phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật kém, cá nhân chủ nghĩa, địa vị, cục bộ, gây mất đoàn kết, quần chúng không tín nhiệm. Đối với cán bộ kiến thức và năng lực yếu không đảm đương nổi nhiệm vụ cần điều chỉnh, bố trí công việc thích hợp. Ở những nơi trì trệ, yếu kém kéo dài phải thay

ngay cán bộ chủ chốt. Trường hợp cần thiết có thể tăng cường cán bộ cấp trên xuống.

Mạnh dạn đề bạt những cán bộ đã qua thử thách, đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn vào các cương vị thích hợp. Chú trọng những người ưu tú trong công nhân, nông dân, trí thức. Đối với cán bộ bị kỷ luật hoặc do năng lực yếu không đảm đương được nhiệm vụ thì cần giáo dục, giúp đỡ, sắp xếp công việc tại chỗ. Không để lặp lại tình trạng bố trí cán bộ theo kiểu để những người bị kỷ luật, không đảm đương được nhiệm vụ ở nơi này chuyển sang nhận nhiệm vụ tương đương hoặc cao hơn ở nơi khác. Phải theo nguyên tắc "vì việc đặt người", "có lên có xuống", "có vào có ra", tránh tình trạng bố trí cán bộ vào những việc mà bản thân cán bộ đó chưa được học, chưa từng làm, hoặc chưa am hiểu. Việc thay đổi và luân chuyển cán bộ cần kết hợp chặt chẽ với việc ổn định cán bộ, tránh tùy tiện, gây xáo trộn không cần thiết. Những cán bộ trực tiếp quản lý sản xuất kinh doanh, những cán bộ chuyên môn nghiệp vụ cần được chuyên môn hoá.

Có kế hoạch đưa cán bộ lãnh đạo và quản lý vào rèn luyện trong công tác thực tế. Những cán bộ hoạt động thực tiễn có triển vọng chưa được học tập có hệ thống cần được bồi dưỡng.

Trong việc bố trí cán bộ cần lưu ý tính đồng bộ, kết hợp các loại cán bộ, các lớp cán bộ, bao gồm cả cán bộ có trình độ lý luận và cán bộ từng trải thực tiễn, cán bộ các miền, các vùng... để bổ sung cho nhau. Chống tư tưởng cục bộ, địa phương.

Phân biệt cán bộ thuộc hệ dân cử và hệ bổ nhiệm, tạo điều kiện cho cán bộ đi sâu vào chuyên môn, nghiệp vụ. Mở rộng việc thực hiện chế độ hợp đồng.

Đối với cán bộ đến tuổi cần thực hiện đúng chế độ nghỉ hưu của Nhà nước. Một số cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo chủ chốt và một số cán bộ khoa học, nghệ thuật tuy tuổi cao nhưng làm việc còn có hiệu quả, được tin nhiệm thì chuyển sang làm chuyên viên trong một thời gian nhất định. Đối với sĩ quan thì thực hiện theo luật và pháp lệnh về lực lượng vũ trang nhân dân.

Những cán bộ có khuyết điểm, có đơn tố cáo cần được kiểm điểm, xem xét và kết luận rõ ràng, xử lý kịp thời.

Sớm xây dựng và ban hành quy chế về tuyển chọn, đề bạt, miễn nhiệm cán bộ.

b) Xúc tiến chuẩn bị cán bộ kế cận

Đổi mới nội dung và phương thức quy hoạch cán bộ, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở trung ương (Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, các ban, bộ, ngành), cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp (bí thư, chủ tịch, phó bí thư), và các cơ sở kinh tế then chốt. Ở mỗi cấp hình thành cho được đội ngũ cán bộ có ba độ tuổi kế tiếp nhau. Điều chỉnh, phân công lại một số cán bộ, đưa cán bộ dự bị vào các vị trí kế cận để đào tạo bồi dưỡng. Cán bộ chủ trì phải trực tiếp bồi dưỡng cán bộ dự bị thay mình và điều hành thực hiện quy định chung. Trong một năm phải có ít nhất một lần kiểm điểm việc thực hiện quy hoạch của cấp mình và kiểm tra việc thực hiện quy hoạch của cấp dưới để kịp thời bổ sung, điều chỉnh. Trước mắt phải chuẩn bị cán bộ bổ sung trong Hội nghị đại biểu Đảng giữa nhiệm kỳ và chuẩn bị cho Đại hội VIII. Đồng thời nghiên cứu xây dựng chiến lược cán bộ đồng bộ cho mười, mười lăm năm sau.

Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phải gắn với mục tiêu,

yêu cầu và địa chỉ sử dụng. Có nhiều hình thức phù hợp với từng đối tượng. Coi trọng đào tạo qua thực tiễn công tác và phong trào quần chúng; tổng kết kịp thời những kinh nghiệm thực tế. Lựa chọn những cán bộ có triển vọng cử đi học; mời chuyên gia giỏi của nước ngoài giới thiệu những vấn đề thiết thực.

Ngân sách đào tạo cán bộ thống nhất do Nhà nước cấp. Có chính sách trợ cấp cho cán bộ đi học dài hạn, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ.

c) Chính sách đãi ngộ cán bộ

Bảo đảm công bằng, chú ý tương quan giữa cán bộ đảng, cán bộ nhà nước, cán bộ đoàn thể; cán bộ giữa các vùng, các lĩnh vực. Khuyến khích những người làm việc tốt, có hiệu quả. Khắc phục tình trạng phân phối bình quân giữa những người làm việc tốt, có hiệu quả với những người làm việc kém, ít hiệu quả. Khắc phục sự chênh lệch quá lớn về thu nhập giữa các loại cán bộ. Cán bộ có công phải được khen thưởng kịp thời về tinh thần và vật chất tương xứng; cán bộ có khuyết điểm phải bị xử phạt nghiêm minh.

Thực hiện chế độ tiền lương mới trong năm 1993. Tiếp tục xoá bỏ bao cấp mang tính đặc quyền đặc lợi. Sửa đổi những chính sách đã quá lạc hậu làm cản trở phát triển tài năng của cán bộ.

Chế độ đãi ngộ với cán bộ ở cơ sở: từng bước thực hiện thống nhất chủ trương bí thư, chủ tịch xã, phường được hưởng chế độ đãi ngộ tương đương với trưởng, phó phòng huyện, quận. Tăng thêm các phương tiện và điều kiện công tác. Việc thực hiện các chế độ trên trước hết bằng các nguồn

thu của ngân sách xã, phường; phần còn thiếu do ngân sách tỉnh cấp.

Ở các xí nghiệp, đơn vị sự nghiệp và cơ quan, bí thư và cán bộ làm công tác đảng phải là những người có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực. Không bố trí những cán bộ năng lực kém phụ trách công tác đảng. Tiền lương và phụ cấp cán bộ đảng và đoàn thể (kể cả cán bộ đi học) do quỹ của xí nghiệp đảm nhiệm. Nếu lương của bí thư đảng uỷ thấp hơn giám đốc thì cần xem xét giải quyết để không chênh lệch quá đáng.

Có chính sách khuyến khích cán bộ dân tộc thiểu số, vùng cao, cán bộ miền xuôi lên công tác ở miền núi. Đối với những người có uy tín trong các dân tộc, tôn giáo có thái độ chính trị tốt (như già làng, linh mục, sư sãi...) cần có chính sách phát huy và tạo điều kiện cần thiết để các vị đó phục vụ tốt sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Có chế độ chăm sóc cán bộ có công với cách mạng, cán bộ hưu trí.

Vừa qua việc đánh giá và chính sách sử dụng, đãi ngộ, cư xử không công bằng là nguyên nhân chủ yếu làm cho cán bộ có nhiều tâm tư, hạn chế sự cống hiến của đội ngũ cán bộ. Cần thực hiện quy định cán bộ làm việc gì thì hưởng tiêu chuẩn chế độ đãi ngộ tương ứng với chất lượng và số lượng công việc đó. Phải căn cứ vào năng lực thực tế, hiệu quả công việc mà xác định trình độ chuyên môn và giá trị xã hội của cán bộ. Trả lương thích đáng cho những chuyên gia giỏi, những người thật sự có tài, công tác có hiệu quả, tạo ra bầu không khí thi đua trong cán bộ; khuyến khích sự suy nghĩ,

tìm tòi sáng tạo, phát huy trách nhiệm và quyền hạn, tạo điều kiện cho cán bộ say mê đóng góp cho đất nước.

d) Thực hiện chế độ phân công, phân cấp quản lý cán bộ

Quản lý cán bộ phải kết hợp chặt chẽ giữa ngành và lãnh thổ. Khi bổ nhiệm, đề bạt, điều động, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, cơ quan quản lý theo ngành dọc phải tham khảo ý kiến cấp uỷ địa phương; cơ quan quản lý cán bộ theo lãnh thổ thì cấp uỷ tham khảo ý kiến của ngành trước khi quyết định.

Các ban, bộ, ngành và địa phương cần xác định rõ chức danh cán bộ do cấp mình trực tiếp quản lý. Các cấp uỷ, ban cán sự và đảng đoàn được Bộ Chính trị, Ban Bí thư uỷ nhiệm quản lý theo đối tượng quy định phải chịu trách nhiệm trước Trung ương (các danh mục cán bộ do cấp nào trực tiếp quản lý hoặc được uỷ nhiệm quản lý sẽ có quy chế hướng dẫn cụ thể).

Các uỷ viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách lĩnh vực công tác nào có trách nhiệm cùng với tổ chức đảng cơ quan chăm lo công tác cán bộ của lĩnh vực đó. Lãnh đạo cơ quan cùng với bí thư cấp uỷ có trách nhiệm trực tiếp chăm lo công tác cán bộ và đội ngũ cán bộ của ngành hoặc địa phương mình.

đ) Đẩy lùi tham nhũng và các hiện tượng tiêu cực khác

Phải thấy tham nhũng là ung nhọt nhức nhối, chống tham nhũng là yêu cầu nóng bỏng, quần chúng đông đảo đang chờ đợi và hy vọng ở tinh thần kiên quyết và thái độ có trách nhiệm của Đảng và Nhà nước ta. Các cấp uỷ đảng, ban cán sự, đảng đoàn cùng với thủ trưởng phải trực tiếp chỉ đạo tiến hành cuộc đấu tranh phức tạp và gian khổ này. Ở đâu có tham nhũng thì ở đó chủ động đấu tranh một cách kịp thời,

không thụ động chờ cấp trên. Kết hợp sự kiểm tra của Đảng với thanh tra của Nhà nước và sự phát hiện, đấu tranh của quần chúng.

Làm nghiêm từ trong Đảng ra và từ trên xuống. Ở trung ương, các cơ quan pháp luật kết luận dứt khoát và xử lý ngay một số vụ lớn. Cấp uỷ và chính quyền các cấp cũng phải làm như vậy đối với cán bộ thuộc diện mình quản lý.

Thực hiện dân chủ và công khai chế độ phân phối ở tất cả các cơ quan, nhất là ở đơn vị sản xuất, kinh doanh; công khai các nguồn thu nhập của cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước các cấp. Nghiêm cấm việc lấy của công để biếu xén, quà cáp, tiếp đãi, liên hoan... Phải có quy chế cụ thể về vấn đề cán bộ, đảng viên xây dựng và sử dụng nhà cửa, nhận quà biếu và tặng phẩm, giao dịch và quan hệ với người nước ngoài...

Cùng với việc xử lý kiên quyết và dứt khoát những vụ việc trước mắt, phải:

+ Khẩn trương nghiên cứu, xây dựng, hoàn chỉnh các chính sách, luật pháp, cơ chế quản lý kinh tế, trước hết là đối với các tổ chức và đơn vị kinh tế quốc doanh. Sửa đổi những sơ hở trong chính sách và cơ chế để cán bộ lợi dụng tham ô, ăn cắp, gây lãng phí của Nhà nước.

+ Tăng cường và kiện toàn các cơ quan bảo vệ luật pháp có bản lĩnh, phẩm chất, năng lực chuyên môn, đủ sức tiến hành cuộc đấu tranh này.

+ Đẩy mạnh việc kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cải tiến tiền lương, làm cho bộ máy hoạt động có hiệu lực...

Đó là những biện pháp cơ bản để ngăn chặn tệ tham nhũng từ gốc.

4. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

Cần khẳng định dứt khoát *Đảng ta là đảng cầm quyền*; Đảng có trách nhiệm *lãnh đạo tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội*; phải nắm chắc và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Nhưng trong tình hình mới Đảng cần có phương thức lãnh đạo thích hợp để nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, hiệu lực của Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, xây dựng một hệ thống chính trị hoạt động năng động, có hiệu lực và hiệu quả.

a) *Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước*

Đây là vấn đề rất hệ trọng, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư cần căn cứ vào Nghị quyết Đại hội VII và Hiến pháp mới, từng bước hoàn chỉnh và cụ thể hoá *các quan điểm, nguyên tắc về xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân*; lãnh đạo Nhà nước xây dựng luật về tổ chức các cơ quan nhà nước; hoàn thiện dần các văn bản pháp quy về mặt này để đưa vào thực hiện.

Đồng thời *cần có quy chế quy định* phương thức lãnh đạo, quan hệ công tác giữa Đảng và các cơ quan nhà nước.

- *Đối với Quốc hội*: sự lãnh đạo của Đảng nhằm phát huy trí tuệ, tiềm năng của Quốc hội, bảo đảm hoạt động của Quốc hội thể hiện đầy đủ hơn nữa tinh thần dân chủ theo Hiến pháp và các luật tổ chức Quốc hội, quán triệt các quan điểm, đường lối của Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đưa ra Quốc hội

những quan điểm định hướng về xây dựng Hiến pháp, các đạo luật, các chính sách lớn, các vấn đề trọng đại về quốc kế dân sinh... để Quốc hội thảo luận và biểu quyết; giới thiệu cán bộ vào các cương vị chủ chốt của Nhà nước như Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao để Quốc hội bầu. Thông qua Chủ tịch Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ giới thiệu các thành viên chủ chốt của Quốc hội và Chính phủ.

Đảng lựa chọn và giới thiệu các đảng viên có trình độ, năng lực và phẩm chất, có tính đảng sang hoạt động ở Quốc hội. Một số trưởng ban hoặc phó trưởng ban của Trung ương có thể tham gia các Ủy ban của Quốc hội (đương nhiên phải thông qua bầu cử theo quy định của Nhà nước).

Đối với những vấn đề khó hoặc phức tạp, Bộ Chính trị nêu ra một số phương án hoặc giới thiệu những ý kiến khác nhau để Quốc hội thảo luận. Những vấn đề Bộ Chính trị đã có chủ trương nhưng nếu thấy ý kiến của Quốc hội là hợp lý thì tiếp thu; nếu thấy ý kiến của mình hợp lý hơn thì cần làm rõ lý lẽ để thuyết phục các đại biểu Quốc hội; không gò ép, áp đặt.

Trung ương và Bộ Chính trị thông qua *đảng đoàn* ở Quốc hội và *các đảng viên là đại biểu Quốc hội* để lãnh đạo hoạt động của Quốc hội. Đảng đoàn có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động của các đảng viên là đại biểu Quốc hội; thông qua thảo luận, tranh luận thật sự dân chủ mà thuyết phục, vận động các đại biểu Quốc hội ngoài Đảng làm theo đường lối, quan điểm của Đảng. Các đảng viên phải chấp hành các quyết định của tổ chức đảng một cách nghiêm

túc và sáng tạo. Trong những trường hợp cần thiết cần tổ chức quán triệt nghị quyết của Đảng trong các đảng viên là đại biểu Quốc hội trước khi đưa ra Quốc hội bàn; hoặc người đại diện của Đảng trình bày quan điểm của Trung ương với Quốc hội để Quốc hội thảo luận, coi đây là việc làm bình thường và đúng nguyên tắc.

- *Đối với Chính phủ*: Trung ương Đảng, Bộ Chính trị đưa ra những phương hướng, chủ trương, chính sách lớn về các mặt kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... Chính phủ thể chế hoá thành các chính sách, pháp lệnh, các quyết định và tổ chức thực hiện. Ban cán sự đảng ở các cơ quan của Chính phủ phải chủ động báo cáo với Bộ Chính trị, Ban Bí thư về các chủ trương quan trọng trước khi quyết định và thi hành; bảo đảm thực hiện đúng nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Trong những trường hợp đột xuất, Chính phủ chủ động chịu trách nhiệm giải quyết, đồng thời thông qua ban cán sự báo cáo với Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư để kiểm tra và góp ý kiến. Khi cấp dưới báo cáo với Ban Bí thư các vấn đề có liên quan đến công việc Nhà nước thì đồng thời phải báo cáo với Chính phủ để giải quyết.

Các đảng đoàn, ban cán sự phải định kỳ báo cáo công tác với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Ở địa phương, sự lãnh đạo của cấp uỷ đối với chính quyền cần dựa theo cách thức ở trung ương và có sự vận dụng thích hợp với đặc điểm của địa phương mình. Bí thư hoặc phó bí thư cấp uỷ có thể ứng cử vào chức vụ chủ tịch Hội đồng nhân dân; một số cấp uỷ viên được giới thiệu đứng đầu

cơ quan quản lý ngành của chính quyền (nhưng nhất thiết phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn của từng chức danh theo quy định của Nhà nước).

- *Đối với hoạt động của các toà án và viện kiểm sát:* cấp uỷ định kỳ nghe ban cán sự báo cáo tình hình và nêu những định hướng chỉ đạo và kiểm tra để bảo đảm thực hiện đúng pháp luật. Đối với những vụ án lớn có ảnh hưởng chính trị rộng, có liên quan đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, hoặc liên quan đến những cán bộ thuộc diện cấp uỷ quản lý, cấp uỷ cần có ý kiến về quan điểm, tư tưởng chỉ đạo việc xét xử, không quyết định tội danh và mức án. Khi xét xử, toà án chỉ tuân theo pháp luật. Chấm dứt tình trạng một số đồng chí trong cấp uỷ hoặc tập thể cấp uỷ can thiệp vào công tác xét xử của toà án.

b) Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận và các đoàn thể nhân dân

Vấn đề quan trọng bậc nhất trong việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với các đoàn thể quần chúng và tổ chức xã hội hiện nay là:

- Định hướng mục tiêu, hướng phát triển trước mắt và lâu dài của các đoàn thể. Lãnh đạo các đoàn thể chính trị xã hội đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động, khắc phục bằng được tình trạng quan liêu, hành chính. Tập trung nỗ lực hướng về cơ sở, chú trọng cải tiến sinh hoạt và hình thức tập hợp quần chúng, nâng cao chất lượng đoàn viên, hội viên.

- Lựa chọn và giới thiệu những cán bộ đủ tiêu chuẩn vào các chức vụ chủ chốt của đoàn thể để các đoàn thể bầu cử theo quy định của Điều lệ của Đảng.

- Thông qua đảng đoàn và các đảng viên trong mặt trận

và một số đoàn thể như: công đoàn, hội liên hiệp phụ nữ, hội nông dân, hội cựu chiến binh, liên hiệp các hội văn học nghệ thuật, khoa học kỹ thuật... để hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của đảng viên công tác trong các đoàn thể, bảo đảm cho đoàn thể hoạt động đúng hướng; kịp thời uốn nắn những nhận thức và phương thức hoạt động không đúng của các đoàn thể. Mặt khác, cần xây dựng quy chế và thực hiện công khai, tạo điều kiện để quần chúng giám sát và tham gia quản lý các công việc nhà nước.

Đối với các tổ chức xã hội, hội nghề nghiệp, các tổ chức phi chính phủ, Đảng khuyến khích phát triển theo hướng tự nguyện, tự quản, tự chủ về tài chính, theo đúng luật pháp. Đảng nghiên cứu nguyện vọng lập hội và xu hướng phát triển của các hội, đoàn để có định hướng chính sách chung và riêng phù hợp với từng loại.

c) Đổi mới và hoàn thiện phương thức hoạt động, phong cách công tác của Đảng

- *Tập trung hơn nữa thời gian và sức lực vào công tác lý luận, tổng kết thực tiễn và công tác chính trị tư tưởng.* Chỉ đạo công tác lý luận chặt chẽ và thường xuyên hơn. Có các cơ quan nghiên cứu lý luận đủ sức giúp Trung ương nghiên cứu những vấn đề lý luận, quan điểm, đường lối, từng bước làm sáng tỏ và sâu sắc hơn các vấn đề về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- *Cải tiến việc ra các nghị quyết, quyết định.* Cấp uỷ và tổ chức đảng chỉ ra nghị quyết khi thấy thật cần thiết và lựa chọn đúng vấn đề. Những điều đã nói nhiều, đã quyết rồi cần chỉ đạo thực hiện cho bằng được. Khi thấy nghị quyết sai thì kịp thời sửa chữa và quyết định lại. Nghị quyết cần có nội

dung thiết thực, có cơ sở khoa học, có khả năng thực thi và quy định rõ thời gian thực hiện. Các quan điểm chung phải được thể hiện ra ở các chủ trương, giải pháp cụ thể; tránh nói chung chung, nhiều khi đúng nhưng khó thực hiện.

Đổi mới hoạt động của các ban chuyên môn của Đảng trên cơ sở xác định rõ chức năng nhiệm vụ. Các ban của Đảng không quyết định công việc của các bộ tương ứng, mà phải đi sâu nắm bắt tình hình, tổng kết kinh nghiệm, đề xuất chủ trương, chính sách, để làm tham mưu cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- *Coi trọng lãnh đạo việc tổ chức thực hiện.* Phải lãnh đạo làm tốt việc cụ thể hoá và thể chế hoá nghị quyết của Đảng thành các chính sách kế hoạch, pháp luật của Nhà nước, và những quy chế, quy định cụ thể của Đảng. Ngay trong quá trình chuẩn bị nghị quyết đã phải xây dựng kế hoạch, chương trình công tác cụ thể để sau khi nghị quyết được thông qua thì triển khai thực hiện ngay được.

Cải tiến việc triển khai học tập, quán triệt nghị quyết sao cho thiết thực, hiệu quả, đỡ hình thức, tốn kém. Không nhất thiết nghị quyết nào của Trung ương cũng phải tổ chức học tập nghiên cứu chung trong toàn Đảng. Đối với mỗi nghị quyết, tùy theo tính chất, phải làm quán triệt quan điểm, chủ trương, chính sách đối với những đối tượng có trách nhiệm trực tiếp tổ chức thực hiện.

- *Thực hiện nghiêm túc các chế độ kiểm tra* là một khâu rất quan trọng trong việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, bảo đảm thực hiện tốt các nghị quyết của Đảng. Các cấp uỷ cần tăng cường và nắm chắc nhiệm vụ kiểm tra và lãnh đạo các đoàn thể tổ chức nhân dân kiểm tra, bảo vệ luật

pháp nhà nước, giúp cho Nhà nước hoạt động có hiệu lực và hiệu quả. Công tác kiểm tra phải thành chế độ, kiểm tra có chương trình, có kế hoạch. Bên cạnh việc kiểm tra tư cách đảng viên, kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Đảng, vấn đề rất quan trọng là phải kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của Đảng, kịp thời biểu dương những việc làm tốt, phát hiện những thiếu sót, lệch lạc để chấn chỉnh, uốn nắn, tổng kết kinh nghiệm để bổ sung, hoàn chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng.

- *Cải tiến lề lối làm việc*, giảm bớt các cuộc họp chưa thật sự cần thiết, dành thời gian đi nghiên cứu, khảo sát thực tế; chú trọng sơ kết, tổng kết thực tiễn, hướng mạnh về cơ sở và chỉ đạo tại chỗ. Nói đi đôi với làm và làm có hiệu quả. Cần quy định thành chế độ các cán bộ lãnh đạo phải học tập, đi khảo sát thực tế, gặp gỡ đối thoại với đảng viên và nhân dân. Coi trọng chương trình làm việc của cơ quan nhà nước đã thành quy chế.

III- TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Các cấp uỷ đảng, các cán bộ và đảng viên, trước hết là các đồng chí Uỷ viên Trung ương, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt các cấp cần nhận thức sâu sắc những yêu cầu cấp bách của vấn đề xây dựng Đảng, có quyết tâm cao và dồn nhiều sức lực cho nhiệm vụ trọng yếu này. Chưa bao giờ yêu cầu đổi mới chỉnh đốn Đảng đặt ra gay gắt và có ý nghĩa sống còn như hiện nay. Một mặt phải nghiên cứu, tổng kết những vấn đề về xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền lãnh đạo xây dựng kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, nâng cao

nhận thức và có ý nghĩa đầy đủ về xây dựng Đảng. Mặt khác *phải thực sự bắt tay vào hành động: chỉ đạo thực hiện ráo riết có hiệu quả và bản thân phải gương mẫu* chấp hành các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng, *nêu cao tính đảng*. Chúng ta đã nói quá nhiều, lúc này cần bắt tay vào làm. Làm một cách kiên quyết và có hiệu quả. Đây thực sự cũng là một cuộc đấu tranh rất gay go gian khổ, giữa cái mới và cái cũ, giữa tích cực và tiêu cực. Vì vậy, phải có biện pháp và bước đi thích hợp, phải kết hợp sự tự giác ở trong Đảng với việc tổ chức phát động quần chúng xây dựng Đảng, chống hủ khuynh, nể nang, làm lớt; đồng thời đề phòng tả khuynh, đề phòng những nơi mất đoàn kết nội bộ lợi dụng cơ hội này để trừng trị, thanh lọc nhau.

2. Bộ Chính trị, Ban Bí thư cần tập trung chỉ đạo việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Chuẩn bị các chương trình và kế hoạch để ngay sau hội nghị Trung ương này triển khai thực hiện một cách tích cực *mang lại kết quả cụ thể, trước hết ở các cơ quan trung ương*. Ban Bí thư có chỉ thị hướng dẫn các cấp thực hiện. Bộ Chính trị, Ban Bí thư sẽ chọn làm điểm một số tỉnh, thành, bộ, ngành. Mỗi tỉnh chọn làm điểm một số huyện. Cử một số cán bộ có năng lực ở các ban giúp cấp uỷ chỉ đạo điểm trong một thời gian.

3. Ở mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi đơn vị cấp uỷ phải trực tiếp chỉ đạo quán triệt tinh thần và triển khai thực hiện nghị quyết. Phải khảo sát, đánh giá tình hình, chuẩn bị kế hoạch cụ thể, đẩy mạnh các mặt công tác, xây dựng chương trình hành động, giải quyết dứt điểm từng việc cụ thể. Từng thời gian có sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm kịp thời.

4. Giao cho các ban, các cơ quan có liên quan xây dựng

các quy chế, quy trình công tác, nhất là về quan hệ làm việc giữa Bộ Chính trị, Ban Bí thư với Quốc hội, Chính phủ, giữa các ban của Đảng với các bộ của Chính phủ, quy chế làm việc của đảng đoàn, ban cán sự; ra các văn bản hướng dẫn thực hiện sàng lọc Đảng, việc củng cố từng loại hình cơ sở đảng, sắp xếp lại tổ chức và bố trí lại cán bộ, thi hành Điều lệ Đảng...

5. Kiện toàn và nâng cao chất lượng các ban và bộ máy của Đảng. Phải thấy đây là các cơ quan tham mưu và giúp việc rất quan trọng của cấp uỷ, công việc của các ban chính cũng là công việc của cấp uỷ. Bộ máy phải gọn nhẹ, không trùng lặp, gắn bó với nhau, bao gồm những cán bộ giỏi, có trình độ, có năng lực thực tế, trung thực, tận tụy.

Tăng cường phương tiện và điều kiện làm việc cho các cán bộ làm công tác đảng và công tác đoàn thể. Có kế hoạch bồi dưỡng các kiến thức cần thiết về Đảng cho các cấp uỷ, trước hết cho đồng chí bí thư. Biên soạn một số tài liệu cần thiết hướng dẫn công tác đảng cho các cấp uỷ huyện và cơ sở.

6. Các cơ quan báo chí, thông tin đại chúng cần thông báo kịp thời, cổ vũ những nơi làm tốt, nêu gương tốt, phổ biến kinh nghiệm của những nơi làm tốt và phê bình những nơi làm kém.

7. Từ nay đến hết năm 1993 phải giải quyết được một số vấn đề cấp bách:

- Ngăn chặn và đẩy lùi tệ tham nhũng, tiêu cực, gây thất thoát, lãng phí. Bộ Chính trị chỉ đạo các cơ quan pháp chế điều tra, xét xử một số vụ lớn, trước hết ở trung ương và một số tỉnh trọng điểm. Giải quyết tình trạng mất đoàn kết ở một số nơi.

- Chính đốn ba loại tổ chức cơ sở đảng trọng yếu (xã, phường, đơn vị sản xuất kinh doanh, một số cơ quan). Đưa những đảng viên thoái hoá biến chất ra khỏi Đảng.

- Rà soát, sắp xếp, điều chỉnh, bổ sung một số cán bộ.

*
* *

Đảng ta có kinh nghiệm là cứ mỗi lần gặp khó khăn lại biết tự tổ chức, chỉnh đốn đội ngũ để vượt lên và tiến tới. Chúng ta tin tưởng rằng, với quyết tâm cao và những kinh nghiệm bước đầu đã có, sau Hội nghị Trung ương này, Đảng ta nhất định sẽ có bước chuyển biến mới, khắc phục được các thiếu sót, khó khăn, tạo ra bước tiến mới trong quá trình đổi mới và chỉnh đốn Đảng, đáp ứng được yêu cầu của cách mạng và xứng đáng với niềm tin, sự mong đợi của nhân dân.

**BÁO CÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
TRÌNH HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ VII
Về phát triển kinh tế đối ngoại trong tình hình mới**

Phần thứ nhất

VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH KINH TẾ THẾ GIỚI

**I- NHỮNG CHUYỂN BIẾN MỚI TRONG KINH TẾ THẾ GIỚI
VÀ QUAN HỆ KINH TẾ QUỐC TẾ**

1. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ¹⁾ trên thế giới đang phát triển hết sức mạnh mẽ với những thành tựu được

1) Cách mạng khoa học và công nghệ: Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ mới thực chất là giai đoạn II của cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại bắt đầu từ giữa những năm 1970. Đó là cuộc cách mạng với sự ra đời của máy tính điện tử thế hệ mới được sử dụng trong mọi hoạt động kinh tế và đời sống xã hội. Gắn liền với máy tính điện tử là khoa học về thông tin, về vật liệu mới, về những dạng năng lượng mới, về công nghệ sinh học và về khoa học nghiên cứu vũ trụ.

Ở Việt Nam, cách mạng khoa học - kỹ thuật được Đảng ta xác định là then chốt trong quá trình đưa đất nước đi tới chủ nghĩa xã hội.

áp dụng mau lẹ vào cuộc sống, đưa tới bước nhảy vọt của lực lượng sản xuất. Công nghệ mới làm cho sản phẩm ngày càng tăng hàm lượng kỹ thuật, giảm hàm lượng vật chất và lao động sống. Trí thức và tay nghề cao dựa trên nền tảng giáo dục và đào tạo trở thành nhân tố quyết định của sự phát triển.

Quá trình hiện đại hoá công nghệ thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng của công nghiệp chế tạo và đặc biệt là của các ngành dịch vụ, đi liền với việc chuyển giao công nghệ cũ sang các nước ở trình độ phát triển thấp hơn.

Phần lớn công nghệ mới nằm trong tay các nước tư bản phát triển¹⁾, và các công ty xuyên quốc gia, trở thành công cụ kiếm lợi nhuận siêu ngạch, làm tăng khoảng cách về trình độ phát triển giữa các nước, làm sâu sắc thêm sự bất bình đẳng trong quan hệ kinh tế quốc tế.

Trình độ phát triển mới của lực lượng sản xuất đưa tới sự hình thành các tập đoàn kinh doanh lớn đi đôi với sự phát triển mạnh mẽ các doanh nghiệp vừa và nhỏ có khả năng thích ứng mau lẹ với những biến đổi của công nghệ và thị trường. Xu thế tích tụ, tập trung vốn trong tay một số tư bản lớn diễn ra đồng thời với sự phát triển các hình thức sở hữu cổ phần. Sự xâm nhập lẫn nhau giữa các nước trong quan hệ sở hữu tư bản, kể cả bất động sản, ngày càng tăng.

Trình độ quốc tế hoá của nền kinh tế thế giới phát triển

1) Các nước tư bản phát triển: Các nước tư bản chủ nghĩa đạt trình độ phát triển cao trong giai đoạn hiện nay. Nhóm nước này có tên là Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) gồm 28 nước, hạt nhân là nhóm G7: Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Ý, Nhật, Canada.

lên một bước mới với các hệ thống đa quốc gia trên nhiều lĩnh vực: sản xuất, thương mại, vận tải, tài chính, thông tin, dịch vụ... Sự phân công lao động quốc tế theo hướng chuyên môn hoá đi vào chiều sâu. Thị trường thế giới tăng thêm tính thống nhất với các luật lệ, thể chế kinh tế quốc tế. Những vấn đề quan hệ tới lợi ích và vận mệnh của cả loài người như gìn giữ hoà bình, chống nghèo đói, tật bệnh, bảo vệ môi sinh... là mục tiêu đấu tranh của nhân loại tiến bộ, đòi hỏi sự quan tâm, phối hợp chung trên toàn thế giới. Tất cả những yếu tố đó làm tăng sự tuỳ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia với mức độ chi phối khác nhau tuỳ theo thực lực kinh tế. Không một quốc gia nào có thể tách khỏi quan hệ kinh tế quốc tế. Một số nước đi theo chiến lược phát triển kinh tế hướng mạnh về thay thế nhập khẩu, coi nhẹ quan hệ kinh tế với bên ngoài đều không thành công. Nền kinh tế nào phát huy được lợi thế của mình, tranh thủ được yếu tố quốc tế, sử dụng được thành tựu của cách mạng khoa học và công nghệ thì phát triển nhanh, rút ngắn được quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

2. Sự sụp đổ của nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô cũ và Đông Âu¹⁾ làm cho cục diện thế giới và quan hệ kinh tế

1) Sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô cũ và Đông Âu: Chủ nghĩa xã hội được xây dựng ở Liên Xô và các nước Đông Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng trong những năm 1980. Do chậm trễ sửa chữa những sai lầm, khuyết tật, do đường lối cải tổ phạm sai lầm và đặc biệt là do các thế lực thù địch lợi dụng được sai lầm này, đẩy mạnh chiến lược "diễn biến hoà bình" từ 1989 đến 1991 các Đảng Cộng sản ở khu vực này bị mất chính quyền. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu bao gồm: Cộng hoà dân chủ Đức, Ba Lan, Tiệp Khắc, Bungari, Hunggari, Rumani, Anbani và Mông Cổ (châu Á) sụp đổ.

quốc tế bị đảo lộn bất lợi cho các nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, các nước đang phát triển và các phong trào cách mạng trên thế giới.

Thời kỳ thế giới hai cực dựa trên thế cân bằng về quân sự của hai siêu cường đã chấm dứt. Trong quan hệ quốc tế, nổi lên hàng đầu là cuộc chạy đua kinh tế giữa các quốc gia và các tập đoàn kinh doanh trong môi trường hợp tác và cạnh tranh toàn cầu, với nhiều nhân tố không ổn định. Thị trường thế giới có nhiều biến động bất trắc. Đấu tranh giai cấp diễn biến phức tạp. Tình trạng rối loạn ở các nước thuộc Liên Xô cũ và một số nước Đông Âu còn kéo dài. Nhiều nước, kể cả một số nước tư bản phát triển chưa ra khỏi suy thoái kinh tế. Các mâu thuẫn dân tộc, sắc tộc, tôn giáo dẫn tới nhiều cuộc xung đột và chứa đựng nguy cơ bùng nổ ở nhiều nơi.

Ba trung tâm kinh tế Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản nắm hầu hết các công ty xuyên quốc gia, phần lớn sản phẩm và kim ngạch xuất nhập khẩu, tuyệt đại bộ phận vốn và công nghệ hiện đại, đang giữ vai trò chi phối nền kinh tế thế giới. Mâu thuẫn và cạnh tranh giữa ba trung tâm đang phát triển gay gắt, phức tạp hơn trước cùng với việc hình thành các khối liên kết kinh tế khu vực gắn với từng trung tâm.

Là siêu cường duy nhất sau khi Liên Xô tan rã, Mỹ muốn thiết lập trật tự thế giới một cực do Mỹ chi phối, không ngừng gây sức ép và can thiệp cả về kinh tế, chính trị và quân sự đối với nhiều nước. Tuy vẫn có vai trò chi phối trong nền tài chính và thị trường thế giới, song Mỹ đã bị suy giảm thế cạnh tranh về kinh tế và công nghệ so với Tây Âu, Nhật Bản và vấp phải sức đấu tranh của phong trào độc lập dân tộc và nhân loại tiến bộ.

Cộng đồng các nước Tây Âu với vai trò nổi bật của nước Đức thống nhất đang xúc tiến quá trình nhất thể hoá kinh tế và mở rộng thị trường chung sang các nước khác ở châu Âu, lôi cuốn các nước Đông Âu và Liên Xô cũ. Với sức mạnh và tiềm năng phát triển của mình, Tây Âu đang tìm cách thoát ly dần sự khống chế và ô bảo hộ quân sự của Mỹ.

Nhật và vùng Đông Á nổi lên là khu vực phát triển năng động nhất thế giới, liên tục giữ được nhịp độ tăng trưởng cao hơn hẳn các nước Tây Âu và Bắc Mỹ. Với tiềm năng lớn về vốn và công nghệ, Nhật đang vươn lên hàng đầu trên thị trường tài chính thế giới và cố giành vị trí chính trị tương xứng với thực lực kinh tế, nhưng vẫn chưa thoát khỏi sự kiềm chế của Mỹ.

Do sự sụp đổ của nhiều nước xã hội chủ nghĩa, các nước đang phát triển bị mất chỗ dựa và đối trọng để chống lại sức ép của phương Tây, bị thua thiệt và bị bóc lột nhiều hơn do cánh kéo giá cả, do gánh nặng nợ lãi. Khoảng cách giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển ngày càng tăng; mâu thuẫn Nam - Bắc thêm gay gắt. Cuộc đấu tranh chống sức ép và sự lũng đoạn của các nước phương Tây thúc đẩy xu thế đoàn kết, hợp tác giữa các nước đang phát triển, song trình độ phát triển và lợi ích của các nước này cũng có nhiều khác biệt. Mâu thuẫn dân tộc, tôn giáo đang gây chia rẽ, xung đột ở một số nước. Giữa các nước đang phát triển cũng có sự cạnh tranh trên thị trường, đặc biệt là trong việc thu hút vốn đầu tư bên ngoài. Thị trường vốn đang khan hiếm; các nước phát triển và các nước công nghiệp mới giành phần lớn vốn đầu tư chuyển dịch giữa các nước, nên vốn đầu tư vào

các nước đang phát triển bị hạn chế, nay lại thêm các đối thủ cạnh tranh mới là các nước thuộc Liên Xô cũ và Đông Âu.

Quy mô và cường độ cạnh tranh trên thế giới tăng lên, không chỉ giữa các nhà kinh doanh mà còn bao trùm cả các nước, các nhóm nước. Quan hệ liên kết kinh tế theo từng nhóm nước ở các khu vực với sự đan xen xu hướng tự do hoá thương mại và chính sách bảo hộ mậu dịch làm cho hợp tác và cạnh tranh trên thế giới càng thêm phức tạp. Trong bối cảnh đó, cuộc chạy đua kinh tế đang tác động mạnh tới sự hình thành trật tự mới trong quan hệ kinh tế quốc tế theo xu hướng đa trung tâm, đa cực.

II- KINH TẾ VIỆT NAM VÀ QUAN HỆ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI TRONG BỐI CẢNH KINH TẾ THẾ GIỚI

1. Việt Nam nằm trong số những nước nghèo và kém phát triển, là một trong mấy nước kiên trì xây dựng chủ nghĩa xã hội theo đường lối đổi mới. Trong cuộc chạy đua kinh tế đang diễn ra sôi động trên thế giới và trong khu vực, chúng ta phải tránh nguy cơ bị tụt hậu, phấn đấu thu hẹp khoảng cách và dần dần đuổi kịp các nước xung quanh thì mới giữ vững được độc lập, bảo vệ được an ninh chính trị, xã hội, làm sáng tỏ con đường xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta. Mục tiêu chiến lược đến năm 2000 tăng gấp đôi tổng sản phẩm trong nước (GDP) so với năm 1990 đòi hỏi những nỗ lực to lớn mới thực hiện được. Song mức phấn đấu đó chưa rút ngắn được khoảng cách so với nhiều nước xung quanh; phải coi đó là mục tiêu tối thiểu mà quá trình thực hiện phải đồng thời tạo tiền đề cho nhịp độ phát triển nhanh hơn.

Kinh tế Việt Nam nhập cuộc đua tranh quyết liệt này từ điểm xuất phát rất thấp, cơ sở vật chất kỹ thuật, đặc biệt là kết cấu hạ tầng thiếu thốn, lại chưa ra khỏi khủng hoảng. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô cũ và các nước Đông Âu làm mất chỗ dựa vào nguồn viện trợ to lớn. Chính sách cấm vận của Mỹ* còn tiếp tục gây trở lực cho việc thu hút các nguồn lực bên ngoài. Âm mưu "diễn biến hoà bình"*** và hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch cùng với những tranh chấp về lãnh thổ với một số nước láng giềng buộc chúng ta phải luôn luôn cảnh giác, dành nguồn lực thích đáng cho việc củng cố quốc phòng, an ninh. Là một nước kém phát triển, mới chuyển sang cơ chế thị trường,

* Chính sách cấm vận của Mỹ: Chính sách hạn chế, đình chỉ hoặc ngăn cản các quan hệ kinh tế, thương mại của Mỹ đối với một nước hoặc một nhóm nước nhất định, là biện pháp để cưỡng chế và gây sức ép về kinh tế, chính trị, tài chính.

Từ 1951, Quốc hội Mỹ thông qua Luật cấm cung cấp và xuất khẩu các vật liệu quân sự sang các nước xã hội chủ nghĩa, ngừng viện trợ quân sự, kinh tế, tài chính cho các nước cung cấp hoặc vận chuyển các vật liệu chiến lược sang các nước xã hội chủ nghĩa. Mỹ thúc đẩy các đồng minh mở rộng cấm vận, thi hành cấm vận hoàn toàn đối với Việt Nam, Cuba. Từ tháng 2-1994, lệnh cấm vận đối với Việt Nam bị bãi bỏ.

** Chiến lược "diễn biến hoà bình" của chủ nghĩa đế quốc: là một chiến lược cơ bản, mang tính chất tổng hợp của chủ nghĩa đế quốc từ cuối những năm 80 nhằm xoá bỏ chủ nghĩa xã hội bằng phương pháp hoà bình. Phương tiện chủ yếu của chiến lược này là thông qua các hoạt động chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hoá, xã hội để đưa các nhân tố của chế độ tư bản chủ nghĩa vào các nước xã hội chủ nghĩa, đồng thời nuôi dưỡng, phát triển các nhân tố phủ định chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước này, tạo ra sự chuyển hoá nội tại chế độ chủ nghĩa xã hội sang chế độ tư bản chủ nghĩa.

chưa thiết lập được trật tự kinh doanh, chúng ta chen chân vào thị trường thế giới khi sức cạnh tranh còn yếu, còn thiếu kiến thức và kinh nghiệm, lại phải đương đầu với cánh kéo giá cả bất lợi, với những bất trắc của thị trường và những đợt suy thoái, khủng hoảng trong nền kinh tế thế giới, với tác động xấu của những cuộc xung đột cục bộ. Đó là những khó khăn lớn cho nền kinh tế và cho quan hệ kinh tế đối ngoại của nước ta.

Tuy nhiên, chúng ta cũng có những thế mạnh và thuận lợi quan trọng.

Nước ta là một quốc gia độc lập, thống nhất, đoàn kết dân tộc, có chế độ chính trị ổn định đã trải qua nhiều thử thách lớn, được nhân dân tín nhiệm.

Lợi thế của đất nước về sức lao động và con người cùng với cơ sở văn hoá và năng lực công nghệ, về tài nguyên và vị trí địa lý, về tiềm năng của thị trường vừa là nguồn lực để phát triển kinh tế, vừa có sức hấp dẫn bên ngoài vào hợp tác kinh doanh. Những nhân tố đó đang được khơi dậy và nhân lên nhờ sức mạnh đoàn kết, ý chí quật cường của dân tộc ta với sự cổ vũ và phát huy của đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

Là nước đi sau, lại nằm ở khu vực đang phát triển năng động nhất thế giới, chúng ta có thể tiếp thu những thành tựu mới của khoa học, kỹ thuật, tiếp nhận có hiệu quả sự chuyển giao công nghệ và học hỏi kinh nghiệm để rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, đưa đất nước đi nhanh.

Đường lối đổi mới toàn diện của nước ta với những thành tựu bước đầu về kinh tế và sự ổn định về chính trị trước những thử thách rất gay gắt, đi đôi với việc giải quyết hoà

bình vấn đề Campuchia, bình thường hoá quan hệ Việt - Trung, nối lại và mở rộng quan hệ với các nước Đông Nam Á và nhiều nước khác vừa tạo ra môi trường hoà bình, ổn định, hợp tác cho sự phát triển của đất nước, vừa tranh thủ được sự quan tâm và đồng tình rộng rãi trên thế giới đối với nước ta. Uy tín chính trị của Việt Nam và thiện cảm mà nhân dân thế giới đã dành cho nước ta trong những năm chiến đấu vì độc lập, tự do đang được khôi phục và phát huy.

Nhiều nước muốn tranh thủ thời gian tạo chỗ đứng ở Việt Nam trong khi các đối thủ cạnh tranh mạnh hơn đang bị ràng buộc bởi chính sách cấm vận. Thực tế cho ta thấy rõ những trở lực do chính sách cấm vận của Mỹ gây ra, đồng thời cũng chỉ ra những khả năng và cơ hội cho phép vượt qua hàng rào cấm vận và tạo sức ép từ nhiều phía để phá bỏ hàng rào đó.

Trong bối cảnh và thời điểm hiện nay, *thách thức và cơ hội đối với Việt Nam đều lớn*. Những chuyển biến tích cực trong nước đưa tới những nhân tố thuận lợi bên ngoài, tạo ra những khả năng mới mà chúng ta phải kịp thời nắm lấy và khai thác để mở rộng nhanh kinh tế đối ngoại, đưa đất nước vượt qua khó khăn, thử thách, tiến kịp thời đại. Yếu tố thời gian lúc này hết sức quan trọng, không thể bỏ lỡ.

2. Qua mấy năm thực hiện đường lối đổi mới, hoạt động kinh tế đối ngoại đã có một bước chuyển rõ nét về lượng và về chất, góp phần quan trọng đưa nền kinh tế vượt qua thử thách gay gắt và tạo thêm thuận lợi cho việc thúc đẩy quan hệ chính trị, ngoại giao.

Từ quan hệ nặng tính đơn phương, chủ yếu dựa vào Liên Xô cũ và các nước Đông Âu, với mức vay và viện trợ hàng

năm khá lớn, theo cơ chế kế hoạch pháp lệnh và do các tổ chức quốc doanh độc quyền thực hiện, hoạt động kinh tế đối ngoại đã chuyển sang mở rộng quan hệ với nhiều đối tượng, theo nhiều hình thức, đồng thời áp dụng cơ chế thị trường với sự tham gia bước đầu của nhiều thành phần kinh tế, phấn đấu tự cân bằng xuất nhập. Nhờ vậy, đã vượt qua được thử thách khi Liên Xô chấm dứt viện trợ và giảm đột ngột quan hệ kinh tế - thương mại.

Xuất khẩu tăng khá, đến năm 1990 cân bằng được và năm 1991 bắt đầu vượt kim ngạch nhập khẩu, thiết bị lẻ và vật tư, hàng hoá. Trong điều kiện Mỹ còn duy trì cấm vận, việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp của bên ngoài vẫn mỗi năm một tăng; riêng năm 1991 gần bằng ba năm trước cộng lại và bắt đầu có một số dự án tương đối lớn (ngoài dầu khí). Các doanh nghiệp có quan hệ xuất khẩu hoặc hợp tác với bên ngoài là những đơn vị có điều kiện thuận lợi nhất để phát triển sản xuất, kinh doanh.

Tuy nhiên, nền ngoại thương của ta vẫn mang đậm nét đặc trưng của một nước kém phát triển. Tỷ lệ xuất khẩu trong tổng sản lượng còn thấp; rất ít mặt hàng có kim ngạch lớn; hàng xuất thô chiếm tỷ trọng cao; sức cạnh tranh của hàng chế biến còn thấp; chỗ đứng trên thị trường bên ngoài chưa ổn định; nhiều mặt hàng chưa xâm nhập được vào thị trường chính. Nhập khẩu chưa được kiểm soát chặt chẽ; tình trạng buôn lậu còn rất nghiêm trọng. Các dịch vụ thu ngoại tệ (du lịch, bưu điện, hàng không, hàng hải...) có bước phát triển khá, nhưng chất lượng phục vụ còn nhiều mặt rất thấp so với tiêu chuẩn quốc tế. Nợ đến hạn trả nước ngoài chưa được giải quyết. Môi trường đầu tư còn những mặt hạn chế

sức hấp dẫn, nhất là về cơ sở hạ tầng, môi trường pháp chế, trật tự kỷ cương và quan hệ tài chính - tiền tệ.

Việc mở cửa ra bên ngoài gây thêm phức tạp về an ninh chính trị, tăng thêm ô nhiễm môi trường văn hoá và xã hội, song chúng ta chưa lường hết để chủ động đối phó. Trong quan hệ kinh tế với bên ngoài, nhiều trường hợp thua thiệt, nhất là về giá cả, về nhập thiết bị, công nghệ kém chất lượng, có phần do chúng ta thiếu kiến thức và kinh nghiệm, có phần do cán bộ chạy theo lợi ích cục bộ, cá nhân, thậm chí bị mua chuộc. Pháp chế không nghiêm. Tham nhũng, buôn lậu diễn ra phổ biến và phần lớn gắn với hoạt động kinh tế đối ngoại. Tình trạng thiếu trật tự, kỷ cương vừa gây thiệt hại cho nền kinh tế, vừa làm giảm tín nhiệm với bên ngoài. Quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại chậm được tăng cường, nhiều mặt bị buông lỏng; bộ máy quản lý còn nặng quan liêu, thiếu phối hợp, kém hiệu lực. Đội ngũ cán bộ hoạt động kinh tế đối ngoại vừa thiếu, vừa yếu cả về kiến thức và năng lực kinh doanh, trình độ ngoại ngữ, và chưa được chú trọng bồi dưỡng về phẩm chất, bản lĩnh chính trị.

Mục tiêu của Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 và nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 1991 - 1995 đặt ra cho kinh tế đối ngoại những yêu cầu quan trọng và cấp bách: phải tranh thủ từ nhiều nguồn bên ngoài khoảng 20 tỷ USD vốn đầu tư trong 10 năm (6-7 tỷ USD trong 5 năm 1991-1995) để bổ sung và phát huy các nguồn lực trong nước nhằm phát triển và từng bước cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới công nghệ; phải tăng xuất khẩu trong 5 năm 1991-1995 gấp 2,5 lần so với 5 năm trước và phát triển nhanh các dịch vụ thu ngoại tệ, đáp ứng được nhu cầu nhập

khẩu, tích cực giải quyết vấn đề nợ nước ngoài, cải thiện cán cân thanh toán quốc tế và tăng dự trữ ngoại tệ. Quá trình thực hiện các yêu cầu đó phải đồng thời gây uy tín và từng bước tạo chỗ đứng vững chắc trên thị trường quốc tế.

Muốn vậy, phải xác lập hệ thống quan điểm rõ ràng, nhất quán về kinh tế đối ngoại theo đường lối đổi mới, làm cơ sở cho việc hoạch định và thi hành thống nhất các chính sách, đi đôi với tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho việc thu hút vốn và công nghệ bên ngoài và cho việc phát triển có hiệu quả, có trật tự các hoạt động kinh tế đối ngoại.

Phần thứ hai

NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CHỈ ĐẠO HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

1. Mở rộng mạnh mẽ quan hệ kinh tế đối ngoại để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh trên cơ sở *giữ vững các nguyên tắc*: bảo vệ độc lập, thống nhất, chủ quyền và an ninh quốc gia; bảo đảm sự phát triển của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm bình đẳng, cùng có lợi, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Sức mạnh kinh tế cùng với chính sách đối nội, đối ngoại đúng đắn là nền tảng bảo đảm độc lập, thống nhất, chủ quyền, an ninh quốc gia. Phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa là thực hiện dân giàu nước mạnh, tiến lên hiện đại với chính quyền nhân dân do Đảng lãnh đạo. Vì mục tiêu đó, *sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước phải được đặt vào vị trí trung tâm*, chi phối mọi lĩnh vực

hoạt động; kinh tế đối ngoại cũng như mọi mặt hoạt động khác phải *xuất phát từ lợi ích quốc gia dân tộc*, góp phần tích cực vào sự nghiệp hoà bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược gắn bó với nhau, là trách nhiệm chung của mọi lĩnh vực hoạt động. Âm mưu và hoạt động phá hoại dưới nhiều hình thức của các thế lực thù địch buộc chúng ta phải luôn luôn cảnh giác, có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn. Việc mở ra bên ngoài và các hoạt động kinh tế đối ngoại phải bảo đảm yêu cầu bảo vệ an ninh chính trị - xã hội, giữ gìn bí mật quốc gia, bảo vệ cán bộ, đảng viên, chú trọng đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực quốc phòng, an ninh và phát triển quan hệ đối ngoại trong lĩnh vực này. Tăng cường bảo vệ an ninh chính trị - xã hội đi đôi với đổi mới phương thức hoạt động, nhằm phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế, tạo thuận lợi cho hoạt động kinh tế đối ngoại.

Trong quan hệ đối ngoại, chính trị và kinh tế kết hợp chặt chẽ với nhau, xoay quanh tư tưởng chỉ đạo đã được Đại hội VII xác định: "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển". Chúng ta tìm những chỗ gặp nhau về nhu cầu và lợi ích để phát triển quan hệ hợp tác với bên ngoài, đồng thời đấu tranh, khắc phục những tranh chấp và bất đồng bằng thương lượng, thoả thuận. Theo tinh thần đó, cả với những nước khác ta về *chế độ chính trị - xã hội*, thậm chí chưa có quan hệ ngoại giao, chúng ta cũng sẵn sàng mở rộng quan hệ kinh tế trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập chủ quyền, không can thiệp vào nội bộ của nhau.

Trong thế còn yếu về kinh tế, để thực hiện nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi trong kinh tế đối ngoại, cần ra sức xây dựng sức mạnh bên trong, phát huy lợi thế để tạo dần chỗ đứng vững chắc trên thị trường thế giới, hình thành quan hệ tùy thuộc lẫn nhau; đồng thời biết khai thác mâu thuẫn và cạnh tranh giữa các thế lực kinh tế, tạo ra đối trọng, đa phương hoá quan hệ để tránh lệ thuộc một chiều và tránh gây nghi ngại. Nguyên tắc cùng có lợi cần được vận dụng phù hợp với điều kiện cụ thể, kết hợp lợi ích trước mắt và lâu dài, lợi ích bộ phận và toàn cục.

2. Tận lực khai thác mọi tiềm năng trong nước theo đường lối đổi mới, với ý chí tự lực tự cường, tạo ra *các yếu tố bên trong vững mạnh là phương hướng chủ yếu để đưa đất nước đi lên, đồng thời là điều kiện cơ bản để mở rộng kinh tế đối ngoại*. Ngược lại, mọi quan hệ kinh tế với bên ngoài đều phải góp phần khơi dậy và phát huy có hiệu quả các nguồn lực trong nước. Phải coi kinh tế đối ngoại là một bộ phận rất quan trọng của nền kinh tế quốc dân, phục vụ cho sự phát triển kinh tế trong nước và có vai trò quyết định nhịp độ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Muốn tiến nhanh, nhất thiết phải ưu tiên phát triển kinh tế đối ngoại với nhịp độ cao hơn nhịp độ chung của nền kinh tế.

Phát triển kinh tế đối ngoại theo hướng *xây dựng hệ thống kinh tế mở*, hình thành thị trường đồng bộ, thông suốt trong cả nước, gắn với kinh tế và thị trường thế giới.

Cơ cấu kinh tế phải nhằm vào khai thác các lợi thế, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá theo tiêu chuẩn quốc tế, hướng mạnh về xuất khẩu, thay thế nhập khẩu những mặt hàng có thể sản xuất có hiệu quả ở trong

nước, khắc phục tình trạng khép kín, tự cấp tự túc. Áp dụng chính sách bảo hộ sản xuất trong nước một cách đúng mức, có lựa chọn, không gây ra ỷ lại, trì trệ.

Hệ thống quản lý phải chuyển đồng bộ sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, với hệ thống thể chế phù hợp với những tiêu chuẩn, luật lệ, tập quán chung của thị trường quốc tế, khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài phát triển sản xuất kinh doanh theo luật pháp.

3. *Hiệu quả kinh tế - xã hội là tiêu chuẩn hàng đầu để lựa chọn đối tượng, lĩnh vực và hình thức hoạt động kinh tế đối ngoại.*

Đối với các doanh nghiệp, hiệu quả kinh doanh là mục tiêu và động lực trực tiếp. Các chính sách và cơ chế quản lý vĩ mô phải khuyến khích các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả kinh doanh, kết hợp với hiệu quả chung về kinh tế - xã hội, tạo chữ tín trong kinh doanh. Trong luật pháp và chính sách kinh tế đối ngoại, phải chú trọng giải quyết hợp lý các mối quan hệ về lợi ích, thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội, giữ gìn và phát huy tinh hoa văn hoá, truyền thống tốt đẹp của dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái, khắc phục những hệ quả bất lợi nảy sinh khi mở rộng quan hệ với bên ngoài. Đặc biệt coi trọng việc nâng cao phẩm chất và bản lĩnh chính trị của cán bộ, đảng viên, xây dựng nếp sống lành mạnh trong xã hội. Đối với những hệ quả xấu không thể tránh được, phải có cách kiểm soát, xử lý chủ động để hạn chế tác hại.

4. *Đa phương hoá quan hệ kinh tế đối ngoại* với nhiều nước, nhiều khu vực, nhiều đối tượng là một chủ trương chiến lược phù hợp với bối cảnh quốc tế hiện nay, nhằm phá

thế bị bao vây cấm vận, khai thác nhiều nguồn lực, mở rộng thị trường và tạo ra đối trọng để tránh bị chèn ép, giữ thế cân bằng chủ động trong nhiều mối quan hệ. Đa phương hoá không loại trừ lựa chọn các đối tượng chính trong từng lĩnh vực, từng ngành kinh tế - kỹ thuật, song không lệ thuộc vào một nước hay tập đoàn nào.

Đa phương hoá gắn liền với *đa dạng hoá các hoạt động kinh tế đối ngoại*. Đi đôi với việc mở rộng xuất nhập khẩu và thu hút đầu tư là hai lĩnh vực chính, cần khai thác các khả năng phát triển du lịch và các dịch vụ khác. Mở rộng các lĩnh vực, sử dụng nhiều hình thức bổ sung, thúc đẩy lẫn nhau là phương hướng quan trọng để phát triển nhanh, linh hoạt, có hiệu quả kinh tế đối ngoại.

5. Phát huy khả năng của các thành phần kinh tế, thực hiện đầy đủ chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các doanh nghiệp đi đôi với tăng cường sự quản lý vĩ mô của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại.

Sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước; chấn chỉnh và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhà nước trong những ngành hàng và lĩnh vực then chốt có đủ sức kinh doanh có hiệu quả trong môi trường cạnh tranh, thực hiện được vai trò chủ đạo. Khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu. Xác định rõ các điều kiện cho phép các doanh nghiệp chuyên kinh doanh xuất nhập khẩu, làm dịch vụ đối ngoại và hợp tác liên doanh với bên ngoài để bảo đảm hiệu quả, trật tự và tín nhiệm trong hoạt động kinh tế đối ngoại. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận với thị trường và khách hàng nước ngoài. Khuyến khích các hình thức liên kết, hợp tác trên cơ

sở tự nguyện của các doanh nghiệp, từng bước hình thành các tập đoàn kinh doanh có đủ khả năng và trình độ trong quan hệ với bên ngoài. Phát triển các Hiệp hội kinh doanh hoạt động thiết thực, tăng cường tổ chức và hoạt động của phòng thương mại và công nghiệp, đặc biệt là trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp mở rộng quan hệ kinh tế với bên ngoài.

Nhà nước tăng cường quản lý các hoạt động kinh tế đối ngoại trên cơ sở kiện toàn pháp chế, đổi mới kế hoạch hoá và cơ chế, chính sách. Cơ quan chính quyền các cấp tập trung thực hiện tốt vai trò quản lý nhà nước: tạo môi trường; điều kiện và hành lang bảo đảm trật tự và an toàn cho các hoạt động kinh tế đối ngoại; hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, chính sách của các doanh nghiệp, chấm dứt sự can thiệp không đúng chức năng vào hoạt động kinh doanh, không thay các doanh nghiệp ký các hợp đồng hợp tác, kinh doanh với công ty nước ngoài. Trên cơ sở thực hiện đúng chức năng mà chấn chỉnh bộ máy quản lý Nhà nước. Đặc biệt chú trọng đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại.

Phần thứ ba

PHƯƠNG HƯỚNG, CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP LỚN

I- PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỐI NGOẠI GẮN VỚI ĐỊNH HƯỚNG CƠ CẤU KINH TẾ

Kinh tế đối ngoại phải phục vụ cho việc thực hiện chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, thúc

đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khắc phục những mất cân đối lớn, trước hết là giữa công nghiệp và nông nghiệp.

Tất cả các lĩnh vực trong nền kinh tế đều chịu tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của kinh tế đối ngoại; trong đó, hướng ưu tiên của kinh tế đối ngoại trong thập kỷ này nhằm vào những ngành và lĩnh vực dưới đây:

- Đáp ứng nhu cầu của sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp về vật tư nhập khẩu và đổi mới công nghệ; đẩy mạnh chế biến nông, lâm, thủy sản với trình độ tinh chế ngày càng cao; tạo thị trường ổn định cho việc tiêu thụ sản phẩm.

- Gia công, hợp tác sản xuất hàng công nghiệp xuất khẩu, từ những mặt hàng tiêu dùng thông thường, nâng dần khả năng lắp ráp, chế tạo các sản phẩm cơ khí, điện, điện tử có sức cạnh tranh trên thị trường.

- Thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí (kể cả lọc, hoá dầu, thu hồi và hoá lỏng khí, xây dựng cơ sở sản xuất từ nguyên liệu dầu khí, như phân đạm, nhiệt điện, sản phẩm hoá dầu...) và một số loại khoáng sản khác (quặng sắt, vật liệu xây dựng, bôxít, đá quý...).

- Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trước hết là điện, giao thông, thông tin liên lạc và các cơ sở giáo dục, đào tạo, y tế.

- Phát triển du lịch và các dịch vụ thu ngoại tệ.

Trong các lĩnh vực nêu trên, phải dự báo, phân tích khả năng về thị trường, về vốn và công nghệ trong từng thời gian để xác định những sản phẩm và công trình chủ yếu. Kết hợp phát triển theo chiều rộng và chiều sâu, chú ý ngay từ đầu tới chiều sâu. Phát triển các đơn vị sản xuất kinh doanh quy mô vừa và nhỏ là chính, song không loại trừ quy mô lớn khi

cần thiết, có điều kiện và có hiệu quả. Nếu điều kiện cho phép, không ngần ngại tăng nhanh tốc độ phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ trên nguyên tắc bảo đảm hiệu quả kinh tế đồng thời phải chủ động phân tích những biến đổi trong cơ cấu kinh tế để tránh những mất cân đối mới.

Việc thu hút vốn và công nghệ bên ngoài để phát triển các vùng phụ thuộc vào các dự án theo các hướng ưu tiên nêu trên, đi liền với chính sách ưu đãi các dự án đầu tư vào những vùng có nhiều khó khăn. Nguồn viện trợ không hoàn lại tranh thủ được từ bên ngoài cũng cần dành ưu tiên cho các vùng và các tầng lớp nghèo.

Mặt khác, xuất phát từ hiệu quả kinh tế - xã hội, từ khả năng thu hút đầu tư, cần xác định những địa bàn có điều kiện thuận lợi, có vị trí quan trọng đối với từng vùng lớn và đối với cả nước, là những trọng điểm đầu tư trong thập kỷ 90. Sự phát triển nhanh hơn của các địa bàn này vừa tăng tích lũy cho đất nước, vừa tạo điều kiện thúc đẩy và hỗ trợ các vùng khác cùng phát triển thông qua việc mở rộng liên kết kinh tế trong nước và với nước ngoài. Các trọng điểm này là của cả nước, vì cả nước. Theo tinh thần đó, chiến lược đến năm 2000 đã xác định trọng điểm đầu tư và thu hút vốn nước ngoài ở phía Bắc là khu vực Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, ở phía Nam là khu vực Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hoà - Vũng Tàu, ở miền Trung là Đà Nẵng, Khánh Hoà và một vài thành phố cảng khác. Các khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung được xây dựng trước hết ở các địa bàn này. Phương hướng nêu trên không loại trừ việc đầu tư xây dựng những cơ sở lớn hoặc tương đối lớn ở các địa bàn khác nếu điều kiện cho phép, như khai thác và chế biến quặng sắt ở

Hà Tĩnh, bôxít ở Lâm Đồng, thủy điện ở Tây Nguyên, xi măng ở Nghệ An, Quảng Bình...

II- HƯỚNG PHÁT TRIỂN QUAN HỆ KINH TẾ VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG BÊN NGOÀI

Tranh thủ mọi cơ hội mở rộng hợp tác kinh doanh với tất cả các đối tượng có thể gặp nhau về nhu cầu và lợi ích kinh tế; đồng thời phải nhận rõ đặc điểm của từng đối tượng, nhất là những đối tượng quan trọng để có đối sách phù hợp.

Phát triển mạnh và phối hợp chặt chẽ hoạt động ngoại giao Nhà nước, công tác đối ngoại của Đảng và ngoại giao nhân dân, kể cả sự tiếp xúc và tăng cường quan hệ với các cá nhân có vị trí và ảnh hưởng ở nước ngoài để phục vụ tốt cho mục tiêu hàng đầu là mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

1. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương

Đối với nước ta, khu vực này chiếm vị trí hàng đầu về quy mô buôn bán, về đầu tư trực tiếp, viện trợ phát triển và hợp tác trên nhiều mặt, đồng thời là khu vực mang tính cạnh tranh nhất trong thương mại thu hút vốn đầu tư.

- Trung Quốc và các nước chung biên giới đất liền

Quan hệ kinh tế với Trung Quốc cần được phát triển trên cơ sở khai thác các yếu tố thuận lợi trong quan hệ truyền thống giữa nhân dân hai nước, bảo đảm nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi, không cản trở hoặc gây nghi ngại cho các đối tượng khác trong khu vực;... Kiên quyết bảo vệ chủ quyền

quốc gia, giải quyết các tranh chấp về lãnh thổ thông qua thương lượng. Có quy chế bảo đảm trật tự, an ninh, tránh bị thua thiệt trong quan hệ giao dịch, buôn bán, hợp tác với Trung Quốc, kể cả quan hệ tiểu ngạch ở biên giới. Quan hệ buôn bán có nhiều triển vọng, nhất là đối với thị trường các tỉnh phía nam Trung Quốc; quan hệ hợp tác đầu tư và viện trợ phát triển cũng có thể xúc tiến, nhưng không lớn và cần lựa chọn kỹ, tránh tiếp nhận công nghệ lạc hậu.

Với Lào, quan hệ kinh tế cần phát triển theo hướng bảo đảm hiệu quả, cùng có lợi và có phần hỗ trợ phù hợp với tinh thần đoàn kết, hữu nghị đặc biệt giữa hai nước. Chú trọng khai thác các khả năng mở rộng buôn bán, hợp tác đầu tư, nhận thầu các công trình xây dựng.

Với Campuchia, trong tình hình còn diễn biến phức tạp, đi đôi với việc xây dựng quan hệ hữu nghị, láng giềng thân thiện, cần tích cực phát huy các thuận lợi về địa lý, giao thông và quan hệ thị trường để phát triển buôn bán và các quan hệ kinh tế thích hợp, mở rộng quan hệ trực tiếp giữa các cơ sở kinh doanh.

Ta cùng Trung Quốc, Lào, Campuchia phối hợp các biện pháp để ngăn chặn buôn lậu qua biên giới.

- *Nhật Bản và những nước kinh tế phát triển* khác trong khu vực (Nam Triều Tiên,... Xingapo, Ôxtrâyliã...) là những nước có nhiều nhu cầu và lợi ích kinh tế dễ gặp nước ta, địa lý không xa cách, nên sẽ là những đối tượng chính mà ta cần tranh thủ vốn đầu tư và công nghệ, phát triển quan hệ buôn bán ổn định.

Trình độ phát triển ít chênh lệch và quan hệ cạnh tranh

giữa các nước này là một lợi thế mà ta cần khai thác để tránh bị thua thiệt và lệ thuộc.

Nhật Bản đang dẫn đầu về quan hệ thương mại với nước ta và đang chuẩn bị sẵn sàng đầu tư mạnh vào Việt Nam khi Mỹ bỏ cấm vận. Trong khi mở rộng buôn bán và hết sức tranh thủ nguồn vốn và công nghệ của Nhật, chúng ta cần chú ý tới quan hệ Nhật - Mỹ, khai thác quan hệ cạnh tranh giữa Nhật với các đối thủ khác...

*Nam Triều Tiên, Đài Loan, Hồng Kông, Xingapo, Ôxtrâyli*a có nguồn vốn cần thị trường đầu tư và có nhu cầu phát triển thương mại, đang muốn tranh thủ xâm nhập vào thị trường Việt Nam trong khi Nhật còn bị kiềm chế mạnh hơn bởi chính sách cấm vận của Mỹ. Ta cần có đối sách thích hợp, tranh thủ thời gian phát triển mạnh quan hệ buôn bán và thu hút vốn đầu tư trực tiếp của các nước này. Quan hệ kinh tế với Đài Loan có thể mở rộng trên nhiều lĩnh vực bằng các hình thức phi chính phủ. Xúc tiến việc thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức với Nam Triều Tiên để tạo điều kiện mở rộng nhanh quan hệ kinh tế.

- Ấn Độ, quan hệ hữu nghị giữa nước ta với Ấn Độ cùng với việc Ấn Độ đang cải cách kinh tế theo hướng mở cửa tạo thêm thuận lợi cho việc tăng cường có hiệu quả hơn sự hợp tác kinh tế giữa hai nước; nhất là trong những lĩnh vực mà Ấn Độ có thế mạnh (nông nghiệp, dệt, chế tác đá quý, đào tạo cán bộ...). Bên cạnh quan hệ Nhà nước, cần phát triển quan hệ giữa các cơ sở kinh doanh, thu hút đầu tư của các công ty Ấn Độ.

- Các nước khác ở Đông Nam Á

Sự gần gũi về địa lý và về trình độ phát triển làm cho

quan hệ kinh tế giữa nước ta với các nước này vừa dễ hợp tác, vừa cạnh tranh nhau trong xuất khẩu và thu hút vốn đầu tư. Nhìn toàn cục, sự phát triển của nước ta phù hợp với lợi ích của các nước này và của cả khu vực Đông Nam Á. Cần khai thác hoàn cảnh thuận lợi mới để phát triển nhanh quan hệ hợp tác trên nhiều mặt. Trong quan hệ kinh tế với các nước này, ta cần chú ý phối hợp chính sách thương mại quốc tế, hợp tác khai thác, chế biến các nguồn tài nguyên đồng dạng và ở những vùng chồng lấn chưa thoả thuận được việc hoạch định biên giới. Bảo vệ lợi ích quốc gia trong việc giải quyết các tranh chấp thông qua thương lượng, như đối với vùng chồng lấn, đối với việc khai thác sông Mê Công. Cần tính toán bước đi trong việc liên kết kinh tế với các nước Đông Nam Á, tránh bị động và thua thiệt khi các nước ASEAN đang xúc tiến chương trình hình thành khu vực mậu dịch tự do.

2. Các nước thuộc Liên Xô cũ, Đông Âu, Cuba và Bắc Triều Tiên

Quan hệ kinh tế giữa nước ta với các nước thuộc Liên Xô cũ, Đông Âu hoàn toàn khác trước về tính chất và trước mắt còn bị hạn chế do tình hình mất ổn định kéo dài ở nhiều nước trong khu vực này.

Tuy nhiên, cần khẳng định các nước này vẫn là bạn hàng lâu dài, là thị trường lớn thích hợp mà ta phải tích cực duy trì và phát triển quan hệ buôn bán, hợp tác, kể cả hợp tác đầu tư trong một số lĩnh vực có hiệu quả.

Ta cần sớm đàm phán xử lý nợ đối với các nước này để khai thông quan hệ kinh tế, giải quyết việc làm cho các cơ

sở sản xuất hàng xuất khẩu sang các nước này. Chú ý các hình thức hợp tác đa phương giữa nước ta (có nguồn lao động kỹ thuật dồi dào và rẻ), các nước công nghiệp phát triển (có vốn và công nghệ tiên tiến) với các nước thuộc Liên Xô cũ và Đông Âu (tiêu thụ hàng hoá, cung cấp lại nguyên, nhiên liệu).

Đối với Cuba, ta tích cực củng cố và mở thêm quan hệ hợp tác và buôn bán trong những lĩnh vực có hiệu quả. Đối với Bắc Triều Tiên, quan hệ buôn bán, hợp tác có thể duy trì và phát triển theo khả năng của hai bên, trong khi chúng ta mở rộng quan hệ kinh tế với Nam Triều Tiên, phù hợp với tinh thần ủng hộ sự nghiệp hoà bình thống nhất đất nước của nhân dân Triều Tiên.

3. Các nước Tây - Bắc Âu và Thị trường chung châu Âu (EC)

Tuy những nước này ở xa ta, và mối quan tâm chính của họ đang hướng vào các nước thuộc Liên Xô cũ và các nước Đông Âu song ta vẫn có thể phát triển mạnh hơn các quan hệ kinh tế với từng nước và với cả khối EC để khai thác các thế mạnh của họ và tạo ra đối trọng trong quan hệ với Mỹ, Nhật và các nước phát triển khác, nhất là trong việc thu hút vốn và công nghệ.

Những nước lâu nay có quan hệ thân thiện với ta và muốn có vị trí và ảnh hưởng ở Việt Nam và Đông Nam Á là những đối tượng mà ta cần ưu tiên mở rộng quan hệ để tạo thuận lợi cho việc xâm nhập vào thị trường EC, khai thông quan hệ với các tổ chức tài chính quốc tế, và tác động đến các nước tư bản phát triển khác.

Xúc tiến việc xây dựng và thoả thuận hiệp định khung về hợp tác với EC, tạo cơ sở cho việc tranh thủ thị trường và vốn đầu tư.

4. Mỹ và Bắc Mỹ

Tuy sự quan tâm đầu tư vào Việt Nam chỉ có mức độ, song chính sách của Mỹ đối với Việt Nam có tác động lớn tới các nước và các tổ chức tài chính quốc tế. Khai thông quan hệ với Mỹ, giải toả cấm vận là vấn đề mấu chốt hiện nay để loại bỏ những trở ngại trong việc phát triển kinh tế đối ngoại, đặc biệt là trong việc thu hút vốn bên ngoài. Trên nguyên tắc bảo đảm an ninh chính trị, luôn luôn đề cao cảnh giác, cần có sách lược khôn khéo, phối hợp chặt chẽ các hoạt động ngoại giao, tuyên truyền, thương mại, đầu tư, bảo vệ an ninh... theo một chủ trương nhất quán, nhằm thúc đẩy quá trình giải quyết vấn đề này, không bị động chờ đợi và tránh gây thêm trở ngại. Mặt khác, cần dự tính những khả năng xấu trong chính sách của Mỹ đối với ta để chủ động đối phó trong mọi tình huống.

Tận dụng mọi khả năng phát triển các quan hệ với giới kinh doanh và khoa học, các tổ chức phi chính phủ ở Mỹ để triển khai các hoạt động không bị ngăn cấm, tăng thêm sức ép đòi xoá bỏ cấm vận và chuẩn bị cho sự phát triển khi quan hệ được khai thông.

Quan hệ kinh tế với Canada, Mêhicô cũng cần được quan tâm, góp phần tác động tới chính sách của Mỹ và làm cầu nối hiện nay trong quan hệ kinh tế với Mỹ.

5. Khu vực Trung Đông, Bắc Phi

Tuy khu vực này đang trong tình trạng không ổn định, có

nhiều cuộc xung đột cục bộ, nhưng nhiều nước có thiện cảm với ta và có những mặt có thể phát triển quan hệ kinh tế như xuất khẩu lao động, chuyên gia, hàng hoá, lương thực. Cũng có thể tiếp tục tranh thủ khả năng đầu tư của một số nước và tổ chức OPEC. Đối với các khoản ta còn nợ một số nước (Libi, Irắc), cần tìm cách giải quyết theo các hình thức cả hai bên chấp nhận được.

6. Các nước khác ở châu Phi, Mỹ Latinh

Ngoài việc hợp tác lao động, chuyên gia, cần nghiên cứu khả năng mở rộng buôn bán trực tiếp với các nước này và tranh thủ các tổ chức quốc tế nhận hàng của Việt Nam để thực hiện chương trình viện trợ cho khu vực này. Với Nam Phi, ta có thể đặt quan hệ kinh tế và nghiên cứu các quan hệ khác phù hợp với những diễn biến mới ở nước này.

7. Các tổ chức quốc tế

- Các tổ chức tài chính quốc tế (WB, IMF, ADB) có khả năng cung cấp những khoản tài trợ lớn với điều kiện ưu đãi. Ta cần tìm biện pháp khắc phục các trở lực để nối lại các nguồn tài trợ quan trọng này. ADB có khả năng sớm nối lại viện trợ mà ta cần tranh thủ, tạo điều kiện khai thông quan hệ với IMF, WB.

- Các tổ chức Liên hợp quốc bao gồm nhiều loại lâu nay giúp ta trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Viện trợ của các tổ chức này, nhất là UNDP, PAM, UNICEF, OMS... là một nguồn đáng kể đối với ta. Ta cần có đội ngũ cán bộ am hiểu hoạt động của các tổ chức này, và giảm bớt các đầu mối liên hệ để tiếp nhận các nguồn viện trợ này được lớn hơn, có hiệu quả hơn.

- Các tổ chức phi chính phủ chủ yếu là cung cấp viện trợ nhân đạo, hỗ trợ cho các chương trình xã hội. Loại viện trợ này mang tính chất phân tán, đa dạng, thất thường, song cũng là một nguồn bổ sung đáng kể cho một số ngành và địa phương. Ta cần tổ chức lại đầu mối mang danh nghĩa "phi chính phủ", với đội ngũ cán bộ cần thiết cho công việc liên hệ, đàm phán, tiếp nhận loại viện trợ này và chú ý kiểm tra việc sử dụng.

8. Người Việt định cư ở nước ngoài

Hơn một triệu người Việt và gốc Việt sinh sống ở nước ngoài là một lực lượng đáng kể, nhất là về trình độ khoa học và công nghệ và khả năng giao tiếp với các tổ chức, các công ty nước ngoài.

Nhà nước ta thực hiện nhất quán chính sách hoà hợp, đoàn kết dân tộc, phát huy tinh thần yêu nước và tình cảm quê hương của họ, khuyến khích mọi người góp phần xây dựng quê hương, đất nước. Việc đánh giá và đối xử không căn cứ vào quá trình mà xuất phát từ việc làm và thái độ hiện hành.

Theo tinh thần đó, cần đổi mới và tăng cường công tác vận động người Việt Nam định cư ở nước ngoài và bổ sung chính sách ở trong nước nhằm khuyến khích họ về thăm quê hương giúp đỡ người thân, chuyển tiền về nước theo đường chính thức, đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh dưới nhiều hình thức và quy mô, làm đại lý xuất nhập khẩu, du lịch... Tận dụng chương trình được Liên hợp quốc tài trợ trong việc sử dụng chất xám của người Việt định cư ở nước ngoài phục vụ cho đất nước và làm môi giới trong quan hệ với các tổ chức, các công ty nước ngoài.

III- CHÍNH SÁCH THU HÚT VỐN BÊN NGOÀI

Trong 10 năm 1991-2000, để tăng gấp đôi tổng sản phẩm quốc dân, nền kinh tế cần có số vốn đầu tư khoảng 40 tỷ USD, riêng 5 năm 1991-1995 khoảng 12-14 tỷ USD.

Chiến lược đến năm 2000 đặt lên hàng đầu yêu cầu nâng dần tỷ lệ tích lũy đầu tư trong nước, từ 3% thu nhập quốc dân sản xuất năm 1990 lên khoảng 8% năm 1995, 15% năm 2000. Các nguồn lực trong nước còn nhiều tiềm năng tích lũy đầu tư, cần được khơi dậy và phát huy tốt thì mới thu hút được nhiều và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn bên ngoài. Khắc phục triệt để tư tưởng, thói quen trông chờ, ỷ lại vào bên ngoài. Chính sách và cơ chế quản lý phải tạo động lực và sức ép, thúc đẩy nâng cao hiệu quả kinh tế, cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, khuyến khích các doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân tự đầu tư hoặc góp vốn phát triển sản xuất kinh doanh, áp dụng nhiều hình thức thu hút mọi nguồn vốn nhàn rỗi trong xã hội, đồng thời nâng dần tỷ lệ tích lũy, đầu tư qua ngân sách. Kết hợp vốn trong nước với vốn ngoài nước để chủ động xây dựng một số công trình then chốt của nền kinh tế. Nguồn vốn trong nước phải bảo đảm ít nhất một nửa nhu cầu đầu tư trong 10 năm. Phần vốn còn thiếu (khoảng 6 đến 7 tỷ USD trong những năm 1991-1995 và 13-14 tỷ USD trong 5 năm sau, cộng chung 10 năm khoảng 19-20 tỷ USD) phải giải quyết bằng cách thu hút các nguồn ngoài nước.

Thập kỷ này, đặc biệt là những năm 1991-1995, là thời kỳ áp dụng chính sách ưu đãi cao hơn mức bình thường đối với vốn đầu tư nước ngoài. Nhiệm vụ của kinh tế đối ngoại là phải đáp ứng cho được yêu cầu thu hút vốn nước ngoài, ưu

tiên bảo đảm xây dựng các công trình then chốt (khoảng 3,9 tỷ USD trong thời kỳ 1991-1995 cho các cơ sở thủy điện, nhiệt điện và mạng lưới chuyển tải, đường ống dẫn khí, nhà máy phân đạm, cơ sở lọc dầu, hoá dầu, giao thông, bưu điện và một số cơ sở quan trọng trong các ngành khác).

Việc thu hút vốn bên ngoài phải tuân thủ các nguyên tắc dưới đây:

- Dành cho đầu tư phát triển theo mục tiêu và định hướng của chiến lược và kế hoạch; kiên quyết không sử dụng vào mục đích tiêu dùng, kể cả các khoản viện trợ không hoàn lại (trừ viện trợ nhân đạo).

- Bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn; vốn vay theo dự án phải được thẩm định và xét duyệt chặt chẽ.

- Xác định rõ trách nhiệm trả nợ mọi khoản vay bên ngoài theo nguyên tắc ai vay người đó trả. Các khoản vay, trả của Nhà nước đều thuộc quyền hạn, trách nhiệm của Chính phủ Trung ương. Chính quyền địa phương không được ký vay hoặc bảo lãnh cho các doanh nghiệp vay nợ nước ngoài.

- Thu hút vốn bên ngoài phải đi liền với tranh thủ công nghệ tiên tiến.

Chính sách cụ thể đối với từng nguồn vốn như sau:

a) Vốn nước ngoài đầu tư trực tiếp (FDI)

Hợp tác đầu tư trực tiếp với nước ngoài theo luật đầu tư là hình thức thu hút vốn và công nghệ hết sức quan trọng, lâu dài, phù hợp với xu hướng quốc tế hoá ngày càng cao của nền kinh tế thế giới.

Đối với nguồn vốn này, người đầu tư tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn và khả năng tái tạo ngoại tệ; do đó phải tự tìm thị trường tiêu thụ, đặc biệt là thị

trường ngoài nước và phải lựa chọn công nghệ bảo đảm được sức cạnh tranh của sản phẩm làm ra. Các cơ sở do nước ngoài đầu tư và quản lý còn là nơi chuyển giao công nghệ quản lý tiên tiến.

Vốn đầu tư này nhằm mục đích thu lợi nhuận nên được tập trung chủ yếu vào các dự án sản xuất kinh doanh. Một số công trình thuộc kết cấu hạ tầng cũng có thể thu hút nguồn vốn này nếu có khả năng thu hồi vốn và có cơ chế bảo đảm việc chuyển đổi một phần thu nhập bằng tiền Việt Nam ra ngoại tệ.

Tuy có chịu ảnh hưởng của chính sách cấm vận nhưng không bị kiểm chế chặt chẽ như vốn ODA nên nguồn vốn FDI có thể thu hút được khoảng 3,5 tỷ USD trong 5 năm 1991-1995, 12-14 tỷ USD trong 10 năm, gấp đôi vốn ODA và chiếm khoảng 2/3 số vốn ngoài nước.

Do những đặc điểm trên, chúng ta chủ trương tích cực và mạnh dạn thu hút vốn FDI, không hạn chế về quy mô, địa bàn và việc lựa chọn hình thức đầu tư trong những lĩnh vực mà luật đầu tư không cấm. Chú trọng hình thức liên doanh và phải tạo điều kiện trong nước để bảo đảm hiệu quả của hình thức này.

Yêu cầu quan trọng hiện nay là nâng cao sức hấp dẫn của môi trường đầu tư, trong đó nổi lên mấy vấn đề cần giải quyết tiếp:

- Bổ sung, hoàn chỉnh luật pháp, chính sách, thể lệ đầu tư và bảo đảm việc chấp hành nghiêm chỉnh, thống nhất; giải quyết các vướng mắc trong chính sách đất đai và tài nguyên, chính sách lao động, chính sách góp vốn, mua bán cổ phần, chuyển giao tài sản, bổ sung chính sách ưu đãi theo vùng và theo ngành.

- Xúc tiến việc ký kết với các Chính phủ hiệp định bảo đảm đầu tư và tránh đánh thuế hai lần.

- Tăng cường công tác thông tin, vận động đầu tư, giới thiệu các cơ hội, các dự án gọi vốn đầu tư.

- Chấn chỉnh công tác dịch vụ đầu tư và bảo đảm các dịch vụ khác cho các nhà kinh doanh nước ngoài đến Việt Nam.

Đi đôi với việc cải thiện môi trường đầu tư, cần giải quyết vấn đề góp vốn liên doanh của phía Việt Nam, chấn chỉnh và nâng cao năng lực hoạt động của các cơ sở Việt Nam liên doanh với nước ngoài, tăng cường cán bộ giỏi về kinh doanh và vững về chính trị, thúc đẩy và hỗ trợ việc thực hiện các dự án đầu tư, tăng nhanh mức vốn đầu tư thực hiện.

b) Viện trợ chính thức cho phát triển (ODA)

Loại vốn này bao gồm viện trợ không hoàn lại và các khoản cho vay với điều kiện ưu đãi về lãi suất, thời gian trả, dưới hình thức phổ biến là tài trợ theo dự án cho các nước đang phát triển, chủ yếu là để xây dựng kết cấu hạ tầng. Nguồn cấp vốn là chính phủ các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức tài chính quốc tế. Nguồn vốn này cũng bao gồm viện trợ không hoàn lại của các tổ chức Liên hợp quốc, các tổ chức phi chính phủ.

Dự kiến khả năng tranh thủ nguồn vốn ODA có thể đáp ứng được yêu cầu đề ra trong chiến lược và kế hoạch 5 năm: khoảng 2,5 tỷ USD trong các năm 1991-1995, 6-7 tỷ USD trong 10 năm, tính theo đầu người khoảng 7-8 USD/năm (Indônêxia, Thái Lan, Philippin năm 1991 đã nhận được từ 10,3 đến 13,3 USD/người).

Nguồn vốn ODA phụ thuộc vào quan hệ chính trị và thường có những điều kiện ràng buộc, trong đó có vấn đề

thanh toán nợ cũ. Ta phải khai thông và tăng cường quan hệ chính trị, ngoại giao, đồng thời tích cực giải quyết nợ cũ theo hướng xác nhận nợ, cố gắng trả một phần, ưu tiên các khoản trả để vay thêm, áp dụng một số hình thức giải quyết nợ, thương lượng hoãn nợ và bảo đảm thực hiện các cam kết qua thương lượng. Trong cơ chế cấp ODA của các nước phương Tây, thường có mối quan hệ phức tạp, kín đáo giữa chính quyền, các đảng phái, các công ty, các tổ chức tài chính quốc tế. Ta cần tìm hiểu kỹ cơ chế này, mạnh dạn dùng các biện pháp cần thiết để tác động vào những khâu cho phép tranh thủ được nhiều vốn và sử dụng được vốn phù hợp với yêu cầu của ta, đồng thời ngăn ngừa tham nhũng, tiêu cực về phía ta.

Hướng sử dụng vốn ODA tập trung trước hết vào việc xây dựng kết cấu hạ tầng (điện, giao thông, thông tin, thuỷ lợi, bảo vệ môi trường, công trình đô thị...) và một số công trình văn hoá - xã hội. Sử dụng một phần vốn viện trợ không hoàn lại để thu hút vốn cho vay ưu đãi. Ngoài ra, một phần vốn ODA được dành để bổ sung và thúc đẩy một số dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

Theo phương hướng đó, cần chuẩn bị các dự án tranh thủ vốn ODA đáp ứng được tiêu chuẩn và thể lệ cấp vốn, với tinh thần chủ động đón trước các khả năng mới.

Toàn bộ nguồn vốn ODA đều đưa vào ngân sách nhà nước và được phân phối, sử dụng theo cơ chế vốn đầu tư của Nhà nước. Ngân sách chỉ cấp phát vốn cho một số công trình kết cấu hạ tầng hoặc phúc lợi xã hội không có khả năng thu hồi vốn. Đối với các công trình khác, áp dụng cơ chế tín dụng đầu tư với mức ưu đãi về lãi suất và thời hạn trả do chính phủ quy định cho từng loại công trình. Việc trả nợ nước ngoài về vốn vay ODA được tính vào ngân sách Nhà nước.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước chủ trì cùng Bộ Tài chính giúp Hội đồng Bộ trưởng thống nhất quản lý việc sử dụng vốn ODA, thẩm định các dự án thuộc nguồn vốn này và kiểm tra việc thực hiện.

c) Vốn vay theo lãi suất thị trường

Loại vốn này có thể vay mượn dễ dàng, được chủ động sử dụng, song do lãi suất cao, khó trả nợ nên phải hết sức hạn chế và quản lý chặt chẽ việc vay, nhất là vay để xây dựng công trình.

Tuy nhiên, trong hoàn cảnh nguồn vốn ODA chưa được khai thông, nguồn vốn FDI khó thu hút vào cơ sở hạ tầng, thì không loại trừ việc vay vốn theo lãi suất thị trường để xây dựng một số công trình đặc biệt cấp thiết mà nếu để chậm sẽ gây nhiều thiệt hại cho nền kinh tế (như đường dây siêu cao áp, một số cơ sở điện, đường ống dẫn khí...). Những trường hợp này phải luận chứng rõ lợi ích kinh tế - xã hội, nguồn trả nợ, và phải do Chính phủ quyết định.

Các doanh nghiệp có thể vay loại vốn này để đáp ứng những nhu cầu cấp bách, song phải tính kỹ hiệu quả và tự chịu trách nhiệm trả nợ. Ngân hàng phải theo dõi các khoản vay này và chỉ bảo lãnh trong trường hợp xác định được khả năng trả nợ.

IV- CHÍNH SÁCH TIẾP NHẬN CÔNG NGHỆ VÀ KINH NGHIỆM QUẢN LÝ CỦA NƯỚC NGOÀI

1. Tiếp nhận công nghệ

Trong toàn bộ nền kinh tế, phải kết hợp nhiều trình độ công nghệ phù hợp với điều kiện nước ta.

Đối với công nghệ nhập từ bên ngoài, nguyên tắc chung là tranh thủ tối đa công nghệ tiên tiến, đi thẳng vào loại hiện đại của công nghệ thương phẩm (công nghệ chuyên giao theo kênh thương mại). Đưa công nghệ hiện đại vào một khâu sẽ thúc đẩy các khâu khác phát triển tương ứng, tạo thêm nhiều việc làm trong xã hội.

Tiêu chuẩn chủ yếu để lựa chọn công nghệ là phải bảo đảm hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh của hàng hoá trên thị trường quốc tế. Cố gắng nhập thẳng công nghệ từ nước tạo ra và có trình độ cao về loại công nghệ đó, tránh nhập công nghệ chuyển tiếp qua nhiều nước trung gian. Thực hiện tốt chế độ bảo hộ sở hữu công nghệ để thu hút được các dự án đầu tư sử dụng công nghệ mới. Không nhập công nghệ lạc hậu, hiệu quả thấp, gây ô nhiễm môi trường. Trường hợp nhập công nghệ trình độ thấp gắn với viện trợ ưu đãi, phải cân nhắc kỹ hiệu quả trên nhiều mặt. Lựa chọn một vài lĩnh vực như trong kinh tế mềm, sinh học... mà ta có khả năng đi sâu, đón đầu, vươn lên trình độ công nghệ hiện đại nhất, tạo nên những mũi nhọn cho phép giành vị trí thích đáng trên thị trường quốc tế.

Hướng ưu tiên hiện đại hoá công nghệ nhằm vào sản phẩm xuất khẩu và những ngành then chốt tác động đến sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế (như chế tạo máy, hoá chất cơ bản...) và những ngành mới xây dựng ở nước ta (như dầu khí, điện tử - tin học, viễn thông...). Nâng dần tỷ lệ đổi mới thiết bị hiện có và từng bước rút ngắn thời gian khấu hao thiết bị theo nhịp độ tiến bộ kỹ thuật.

Nâng cao năng lực công nghệ của đất nước đủ sức lựa chọn, tiếp thu và làm chủ công nghệ nhập. Mỗi công nghệ nhập phải có một phần chi phí cần thiết để làm chủ công

nghệ đó. Tăng cường quản lý Nhà nước, pháp chế hoá và tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh các quy định bắt buộc phải tuân thủ mỗi khi nhập công nghệ. Việc nhập những thiết bị và công nghệ có giá trị tương đối lớn nhất thiết phải thông qua nhiều đơn chào hàng và có hội đồng xét chọn.

Tổ chức lại và nâng cao năng lực giám định công nghệ. Sử dụng các công ty dịch vụ nước ngoài trong lĩnh vực này và liên doanh, hợp tác với họ để mau chóng nâng cao trình độ giám định công nghệ của nước ta.

2. Nghiên cứu, tiếp thu kinh nghiệm quản lý

Nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc các kinh nghiệm quản lý của nước ngoài cả ở tầm vĩ mô và vi mô để vận dụng sát hợp với điều kiện của nước ta là một yêu cầu quan trọng của quá trình đổi mới, chuyển sang kinh tế thị trường. Cần có chương trình đồng bộ thực hiện yêu cầu này cho mục đích trước mắt và lâu dài.

Nâng cao chất lượng các viện nghiên cứu về kinh tế và quản lý kinh tế để trở thành các trung tâm tổng hợp, nghiên cứu kinh nghiệm nước ngoài trong lĩnh vực này và đề xuất các kiến nghị vận dụng vào điều kiện của nước ta. Các cuộc hội thảo khoa học quốc tế trong nước và ngoài nước và các hình thức khảo sát ở nước ngoài về kinh tế, xã hội cần bảo đảm tính thiết thực, có báo cáo tổng kết, rút ra kinh nghiệm gắn với thực tiễn của đất nước. Việc nghiên cứu quản lý kinh tế có trách nhiệm nghiên cứu, tổng kết thực tiễn của nước ta và vận dụng tổng hợp kinh nghiệm của nước ngoài thuộc nhiều trường phái khác nhau để xây dựng cơ chế quản lý phù hợp với nước ta; khắc phục tình trạng tiếp thu máy móc, một chiều kinh nghiệm của nước ngoài.

Tăng cường công tác thông tin khoa học và kinh tế, tiếp cận kịp thời các thành tựu mới của thế giới. Tranh thủ các hình thức giúp đỡ của bên ngoài đồng thời tăng nguồn kinh phí đáp ứng nhu cầu về sách báo, tư liệu nhập của nước ngoài. Bổ sung tư liệu và nâng cao chất lượng phục vụ của các thư viện khoa học, trước hết là các trung tâm lớn.

Đổi mới công tác đào tạo, tăng cường bồi dưỡng bằng nhiều hình thức cho đội ngũ cán bộ quản lý thuộc các thể hệ khác nhau và những nhà kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế. Chú trọng việc đào tạo, học tập thực tiễn quản lý ở các cơ sở do nước ngoài quản lý, điều hành. Đổi mới giáo trình, nâng cao chất lượng giảng dạy về kinh tế và quản lý kinh tế. Tranh thủ các nguồn tài trợ học bổng và cho phép du học tự túc để tăng nhanh số sinh viên đi học ở nước ngoài, đặc biệt chú trọng các ngành công nghệ mũi nhọn, quản lý kinh tế và kinh tế đối ngoại.

Xây dựng chính sách sử dụng chuyên gia nước ngoài, đặc biệt là Việt kiều trong lĩnh vực nghiên cứu, tư vấn và giảng dạy về quản lý kinh tế.

Đầu tư cho việc xây dựng cơ sở vật chất để từng bước ứng dụng công nghệ quản lý tiên tiến, tự động hoá, sử dụng máy vi tính và phương tiện thông tin hiện đại, trước hết vào các ngành ngân hàng, tài chính, vận tải, kế hoạch, thông tin kinh tế.

V- CHÍNH SÁCH XUẤT, NHẬP KHẨU VÀ PHÁT TRIỂN CÁC DỊCH VỤ THU NGOẠI TỆ

1. Chính sách xuất khẩu

Khuyến khích mạnh mẽ sản xuất và kinh doanh xuất

khẩu, gắn sản xuất trong nước với thị trường thế giới, thực hiện cho được kế hoạch xuất khẩu 15 tỷ USD trong kế hoạch 5 năm 1991-1995.

Tăng kim ngạch xuất khẩu đi liền với cải thiện cơ cấu và nâng cao sức cạnh tranh của hàng xuất khẩu.

- Giảm xuất thô, tăng nhanh giá trị chế biến hàng xuất khẩu. Hướng chính trong những năm tới là nâng cao trình độ chế biến và giảm mạnh việc xuất nông, lâm, thủy sản thô, đình chỉ xuất gỗ tròn, gỗ xẻ; mở rộng nhiều hình thức gia công, hợp tác sản xuất hàng công nghiệp xuất khẩu như may mặc, dệt, da, lắp ráp cơ khí, điện tử... tạo tiền đề phát triển công nghiệp chế tạo. Đây cũng là hướng trọng điểm thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài gắn với hiện đại hoá công nghệ và tạo thị trường. Đối với dầu mỏ và các khoáng sản khác, những năm tới, nhiều loại còn phải xuất nguyên liệu thô, song phải tích cực tạo điều kiện phát triển công nghệ chế biến, có loại đi vào tinh chế ngay như đá quý. Quan điểm này quán triệt khi gọi vốn nước ngoài đầu tư vào khoáng sản.

- Khai thác mọi khả năng xuất khẩu, đồng thời tạo nhiều mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 100 triệu USD/năm, có thị trường ổn định. Trong những năm tới, ngoài dầu thô, gạo, hải sản, cần sớm đưa thành sản phẩm xuất khẩu chủ lực các mặt hàng tơ tằm, chè, cao su, cà phê, rau quả, thịt (gắn với nâng giá trị các sản phẩm này qua chế biến), hàng may mặc, đá quý... chương trình xây dựng từng mặt hàng xuất khẩu chủ lực phải gắn với các chương trình phát triển kinh tế đồi rừng, kinh tế biển, chăn nuôi, mở rộng vụ đông ở đồng bằng Bắc Bộ, khai hoang tăng vụ ở đồng bằng Nam Bộ, các

chương trình tạo việc làm ở thành thị, nông thôn và các dự án gọi vốn đầu tư nước ngoài.

- Nâng cao sức cạnh tranh của hàng xuất khẩu theo hướng phát huy lợi thế về điều kiện thiên nhiên nhiệt đới và về giá nhân công rẻ, đi đôi với hiện đại hoá công nghệ trong những khâu then chốt để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm, phát triển công nghiệp bao bì, nâng cao trình độ mỹ thuật công nghiệp. Tạo điều kiện cho các nhà sản xuất nắm được kịp thời giá cả, nhu cầu, thị hiếu của thị trường thế giới. Tổ chức chặt chẽ việc kiểm tra chất lượng hàng xuất khẩu; hợp tác liên doanh với các công ty dịch vụ nước ngoài trong lĩnh vực này, nâng dần uy tín của hàng Việt Nam.

Nhà nước đã ban hành chính sách khuyến khích sản xuất và kinh doanh hàng xuất khẩu, giảm mạnh việc quản lý theo hạn ngạch, không thu thuế hoặc giảm thuế đối với hầu hết các mặt hàng. Đi đôi với việc tổ chức thực hiện chính sách đó, cần tăng cường sự hỗ trợ của Nhà nước đối với các đơn vị làm hàng xuất khẩu: mở rộng tín dụng, lập quỹ bảo trợ (trước hết là đối với nông sản), nâng cao khả năng tiếp thị, phổ biến và ứng dụng công nghệ mới. Cho phép các chi nhánh ngân hàng nước ngoài triển khai tín dụng và dịch vụ thanh toán hàng xuất khẩu. Các tổ chức chuyên doanh xuất nhập khẩu, trước hết là các đơn vị quốc doanh phải chủ động liên kết, hướng dẫn, giúp đỡ các cơ sở làm hàng xuất khẩu, xoá bỏ độc quyền, chống cửa quyền, ép giá.

2. Chính sách nhập khẩu

Cơ chế và chính sách nhập khẩu phải bảo đảm mấy yêu cầu chính:

- Đáp ứng nhu cầu nhập khẩu vật tư, hàng hoá thiết yếu

cho sản xuất và đời sống, không để xảy ra đột biến cung cầu, giá cả.

- Phục vụ yêu cầu tiếp nhận công nghệ tiên tiến, nâng cao trình độ trang bị kỹ thuật cho nền kinh tế.

- Bảo hộ đúng mức sản xuất trong nước; hạn chế nhập khẩu những mặt hàng mà trong nước đã sản xuất được và những mặt hàng xa xỉ cần hạn chế tiêu dùng.

Chính sách bảo hộ mậu dịch phải giải quyết thoả đáng lợi ích của người sản xuất và người tiêu dùng, không tạo ra độc quyền, cửa quyền, không làm cho người sản xuất ỷ lại, trì trệ mà phải không ngừng phấn đấu nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá theo tiêu chuẩn quốc tế. Theo tinh thần đó, cần có biện pháp bảo hộ đối với những mặt hàng công nghiệp cần thiết, nhất là mặt hàng mới, song phải định thời hạn áp dụng và giảm dần mức bảo hộ qua từng năm.

Thu hẹp diện mặt hàng nhập khẩu, quản lý bằng hạn ngạch, dùng thuế là chủ yếu để điều tiết nhập khẩu. Chính sách thuế và các biện pháp hạn chế nhập khẩu đối với từng mặt hàng phải tính đến điều kiện và khả năng thực hiện để góp phần cùng các biện pháp khác đấu tranh có hiệu quả chống nhập lậu và chống thất thu thuế.

Đối với một số vật tư chiến lược, Nhà nước giao nhiệm vụ và tạo điều kiện cần thiết cho một số đơn vị quốc doanh nhập khẩu theo một tỷ lệ đủ sức chi phối, ổn định thị trường, song không được độc quyền kinh doanh những mặt hàng đó.

Coi trọng việc xây dựng ngành hải quan phục vụ tốt cho việc thực hiện chính sách xuất, nhập khẩu.

3. Phát triển du lịch và các dịch vụ thu ngoại tệ

Du lịch: Trọng tâm những năm tới là phục vụ khách nước

ngoài đến ngày càng đông về công việc, đón tiếp Việt kiều về thăm quê và tăng mức thu hút khách du lịch, chú trọng loại du lịch đại chúng. Khai thác lợi thế về điều kiện thiên nhiên, sức hấp dẫn về văn hoá, lịch sử, xây dựng các trung tâm và các tuyến du lịch, phát triển đồng bộ công nghiệp du lịch với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế (khách sạn, nhà nghỉ, phục vụ giải trí, vui chơi, tham quan, quà lưu niệm...). Nâng cao chất lượng và trình độ dịch vụ du lịch theo tiêu chuẩn quốc tế; giá cả phải tương ứng với chất lượng dịch vụ, có sức cạnh tranh, thu hút nước ngoài đầu tư vào công nghiệp du lịch, đồng thời mở rộng hợp tác với các hãng du lịch các nước, trước hết là các nước trong khu vực, tổ chức các hành trình du lịch liên kết nhiều nước.

Có chủ trương, biện pháp thích hợp và có hiệu lực nhằm ngăn ngừa, kiểm soát, hạn chế tác hại đối với từng loại tệ nạn nảy sinh khi phát triển du lịch, mở cửa ra bên ngoài. Tăng cường bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nếp sống văn hoá, phòng ngừa bệnh SIDA và các bệnh hoa liễu.

Hàng không: Từng bước xây dựng ngành hàng không hiện đại với chất lượng dịch vụ được nâng cao, đáp ứng yêu cầu mở rộng kinh tế đối ngoại. Phân biệt chức năng quản lý nhà nước đối với các sân bay, quản lý không lưu và hoạt động kinh doanh đường bay của các công ty hàng không.

Nhà nước ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trước hết là các sân bay quốc tế; dành một phần vốn ODA, thu hút vốn FDI và có chính sách hỗ trợ ngành hàng không tự đầu tư để tăng thêm và đổi mới phương tiện bay, nâng cao độ an toàn bay. Hàng không Việt Nam mở rộng hoạt động trên các

đường bay quốc tế tầm ngắn, tầm trung và từng bước vươn ra tầm xa. Tăng tỷ lệ vận chuyển hàng hoá, phát triển đồng bộ các dịch vụ hàng không. Hợp tác, liên doanh với các hãng hàng không nước ngoài, thu hút các hãng nước ngoài mở đường bay vào nước ta đi đôi với việc mở đường bay quốc tế của Hàng không Việt Nam, tạo môi trường cạnh tranh để mau chóng phát triển và nâng cao chất lượng hàng không. Nhà nước có chính sách bảo hộ, tạo điều kiện cho Hàng không Việt Nam vươn lên trong cạnh tranh.

Hàng hải: Nâng cấp các cảng hiện có, quy hoạch tổng thể các khu vực xây dựng cảng nước sâu, trước hết là khu vực Vũng Tàu - Thị Vải (ở phía Nam) và Cái Lân (ở phía Bắc) để tiến hành xây dựng từng bước. Nghiên cứu việc xây dựng và khai thác thương cảng Cam Ranh. Ngoài việc tranh thủ vốn ODA, có thể hợp tác liên doanh với nước ngoài để xây dựng những cơ sở thuộc hệ thống cảng có khả năng thu ngoại tệ.

Nâng cao hiệu quả sử dụng đội tàu trong nước. Nhà nước có chính sách bảo hộ cho đội tàu Việt Nam tăng được tỷ lệ vận chuyển hàng xuất nhập khẩu, kể cả dầu thô và mở rộng việc chở thuê cho nước ngoài, tạo điều kiện cho hàng hải Việt Nam có khả năng tích lũy để phát triển. Phát triển và nâng cao chất lượng các dịch vụ hàng hải thu ngoại tệ.

Tổ chức lại hợp lý việc quản lý các cảng biển; sắp xếp và nâng cao hiệu quả các cơ sở vận tải biển, cơ sở đóng và sửa chữa tàu, chủ yếu là bằng phương thức liên kết kinh doanh.

Đường sắt: Xúc tiến việc khôi phục đường liên vận với Trung Quốc, Nga và nối với mạng đường sắt quốc tế; phát triển vận tải quá cảnh, tạo nguồn vốn bổ sung cho việc xây dựng ngành.

Bưu điện: Đẩy nhanh việc thực hiện chương trình hiện đại hoá mạng thông tin liên lạc trong cả nước và quốc tế trên cơ sở ưu tiên phân phối vốn ODA, hợp tác với nước ngoài và tích lũy tự đầu tư của ngành bưu điện.

Nâng cao chất lượng dịch vụ, điều chỉnh hợp lý giá cước để tạo thuận lợi cho quan hệ giao dịch trong, ngoài nước; tăng thu trên cơ sở phát triển nhanh khối lượng dịch vụ.

Xuất khẩu lao động, chuyên gia: Ban hành quy chế và tích cực tìm thị trường xuất khẩu lao động, chuyên gia. Áp dụng cơ chế hợp đồng trực tiếp giữa tổ chức ở trong nước làm dịch vụ cung ứng lao động với các tổ chức và doanh nghiệp nước ngoài có nhu cầu sử dụng lao động Việt Nam. Công dân Việt Nam cũng có thể trực tiếp ký hợp đồng lao động với các tổ chức và tư nhân nước ngoài trên cơ sở pháp luật Việt Nam và pháp luật của nước tiếp nhận. Nhà nước có chính sách bảo hộ quyền lợi của người lao động khi làm việc ở nước ngoài và khi trở về nước, đi đôi với xác định rõ nghĩa vụ và điều chỉnh hợp lý chính sách điều tiết thu nhập.

Các hoạt động dịch vụ khác như ngân hàng, bảo hiểm, tư vấn, kiểm toán, giám định... phải phát triển theo kịp yêu cầu mở rộng kinh tế đối ngoại; chú trọng hình thức hợp tác, liên doanh với bên ngoài, nhất là đối với những loại dịch vụ mà ta còn thiếu kiến thức và kinh nghiệm.

VI. TẠO MÔI TRƯỜNG VÀ ĐIỀU KIỆN CHO HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

1. Môi trường chính trị ổn định và trật tự an toàn xã hội ở trong nước cùng với việc giữ vững hoà bình, khai thông

và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước là điều kiện tiên quyết mà ta đang có nhiều lợi thế cần phát huy để mở rộng kinh tế đối ngoại.

Trên cơ sở các hoạt động chính trị, ngoại giao, Nhà nước xúc tiến việc chuẩn bị và ký kết các hiệp định với các chính phủ để tạo ra cái khung bảo đảm và thúc đẩy quan hệ kinh tế giữa nước ta với từng nước (như các hiệp định hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học kỹ thuật, hàng hải, hàng không, bảo hộ đầu tư, tránh đánh thuế hai lần...).

Khẩn trương tổ chức nghiên cứu và quyết định kịp thời việc tham gia các tổ chức, các định ước quốc tế cần thiết cho việc mở rộng quan hệ kinh tế như các tổ chức kinh tế - thương mại khu vực, thoả thuận chung về mậu dịch và thuế quan (GATT), các hiệp hội, hiệp định nhiều bên bảo đảm thị trường, hạn ngạch cho hàng xuất khẩu, v.v..

2. Môi trường pháp chế xác định "hành lang" và bảo đảm trật tự, an toàn cho hoạt động kinh tế đối ngoại cần được kiện toàn trên hai mặt: một mặt, bổ sung, hoàn chỉnh pháp chế kinh tế đối ngoại gắn với pháp chế kinh doanh trong nước, bảo đảm tính ổn định và nhất quán của chính sách; mặt khác, nâng cao hiệu lực của pháp chế, bảo đảm sự thi hành nghiêm chỉnh, thống nhất trong cả nước.

Việc xây dựng pháp chế cần được xúc tiến theo hai hướng: một là, khẩn trương sửa đổi, bổ sung kịp thời các luật lệ cần thiết về từng lĩnh vực; hai là, tập trung một đội ngũ cán bộ am hiểu dồi sức vào việc nghiên cứu, xây dựng bộ luật kinh doanh hoàn chỉnh. Luật, pháp lệnh, nghị định và các văn bản pháp quy hướng dẫn thực hiện cần được soạn thảo cùng một thời gian để bảo đảm sự thống nhất chặt chẽ

trong hệ thống văn bản và nâng cao hiệu lực thực hiện khi ban hành.

Đề cao trách nhiệm của cơ quan kiểm sát tính hợp hiến, hợp pháp của các văn bản pháp quy. Bộ Tư pháp quản lý thống nhất việc xuất bản các văn bản pháp quy, và việc dịch ra tiếng nước ngoài những văn bản cần thiết. Đẩy mạnh việc phổ biến luật pháp và đưa luật pháp vào chương trình giáo dục, đào tạo. Mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ pháp lý và bồi dưỡng luật pháp cho cán bộ quản lý nhà nước. Phát triển các hình thức dịch vụ, tư vấn pháp lý. Xúc tiến sớm việc thành lập Tòa án kinh tế, Tòa án hành chính.

3. Môi trường tài chính - tiền tệ lành mạnh, ổn định, là điều kiện rất quan trọng cho mọi hoạt động kinh tế trong cơ chế thị trường, đặc biệt là đối với việc đầu tư phát triển sản xuất.

Song song với các biện pháp đẩy lùi và khống chế lạm phát, ổn định sức mua của đồng tiền ở trong nước, cần từng bước ổn định tỷ giá hối đoái theo cơ chế thị trường, tăng dự trữ ngoại tệ để tạo điều kiện cho đồng tiền Việt Nam có khả năng chuyển đổi tự do, trước hết là ở trong nước. Trên cơ sở đó, ngân hàng thu hút toàn bộ ngoại tệ từ mọi nguồn trong nước thông qua mua bán thoả thuận và tổ chức việc thu đổi ngoại tệ thuận tiện cho mọi người. Ngoài việc mua bán với ngân hàng, loại trừ việc dùng ngoại tệ để thanh toán ở trong nước. Trên đất Việt Nam chỉ tiêu tiền Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước phải xác định bước đi và biện pháp tích cực nhằm thực hiện yêu cầu đó.

Trước mắt, áp dụng cơ chế quản lý ngoại tệ mới ban hành; mở rộng hoạt động của các trung tâm giao dịch ngoại

tệ; hình thành thị trường vốn bao gồm cả thị trường ngoại hối ở Thành phố Hồ Chí Minh và rút kinh nghiệm để mở ra ở các nơi khác.

Đi đôi với việc cải tổ hệ thống ngân hàng quốc doanh, cần tạo điều kiện cho sự hoạt động của các ngân hàng cổ phần, ngân hàng liên doanh với nước ngoài và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép mở ở Việt Nam, tạo ra môi trường cạnh tranh và hợp tác trong lĩnh vực kinh doanh tín dụng và dịch vụ ngân hàng, mau chóng nâng cao chất lượng hoạt động của Ngân hàng Việt Nam theo trình độ quốc tế.

4. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó chú ý các cơ sở phục vụ cho việc phát triển kinh tế đối ngoại và tạo điều kiện cho người nước ngoài vào nước ta hợp tác kinh doanh như sân bay, cảng, thông tin liên lạc, trung tâm thương mại, khách sạn, nơi ở và làm việc thường trú.

Phương thức đầu tư vào các cơ sở này phải kết hợp tranh thủ vốn ODA, huy động vốn trong nước và thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào những cơ sở có khả năng thu hồi vốn, đặc biệt là có nguồn thu ngoại tệ.

Xây dựng các khu được tập trung bảo đảm kết cấu hạ tầng và có quy chế đặc biệt về hành chính - kinh tế (như khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung...) nhằm tạo thuận lợi cho các nhà kinh doanh nước ngoài và trong nước đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất, chủ yếu là làm hàng xuất khẩu. Hợp tác với nước ngoài để triển khai nhanh việc xây dựng kết cấu hạ tầng ở các khu này.

5. Phát triển công tác thông tin, nghiên cứu thị trường

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại bằng nhiều hình thức: sách báo, phát thanh, truyền hình, hội

thảo, hội chợ, quảng cáo... giúp cho người nước ngoài có những thông tin đúng đắn, cần thiết cho việc đầu tư hợp tác kinh doanh ở Việt Nam. Bộ Văn hoá - thông tin và thể thao chủ trì phối hợp các cơ quan tham gia lĩnh vực hoạt động này.

Bộ Thương mại và du lịch nghiên cứu các hình thức phối hợp, trao đổi thông tin giữa các cơ quan, các tổ chức trong việc theo dõi, nghiên cứu tình hình kinh tế và thị trường bên ngoài để nâng cao chất lượng và hiệu quả.

Tổ chức công tác thông tin, nghiên cứu thị trường ở nước ngoài. Xem xét lại chức năng và tổ chức của cơ quan thương vụ thuộc các sứ quán Việt Nam ở nước ngoài cho phù hợp với tình hình và yêu cầu mới. Phát triển các hình thức đại diện của các doanh nghiệp, các hiệp hội kinh doanh Việt Nam ở nước ngoài, trước hết là ở một số trung tâm thương mại lớn để tổ chức thu nhập thông tin và nghiên cứu tại chỗ tình hình thị trường.

6. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hoạt động kinh tế đối ngoại

Hoạt động kinh tế đối ngoại đòi hỏi phải có đội ngũ cán bộ có phẩm chất và bản lĩnh chính trị vững vàng, thông thạo nghiệp vụ và ngoại ngữ, am hiểu luật pháp và tập quán kinh doanh quốc tế.

Xây dựng đồng bộ đội ngũ cán bộ bao gồm nhiều loại trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại; trước hết là:

- Cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước ở trung ương và cấp tỉnh, thành phố, đặc biệt là các ngành ngoại thương, hợp tác đầu tư, hải quan, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh.

- Cán bộ quản lý các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, trong đó có các đơn vị chuyên doanh xuất nhập khẩu

và dịch vụ đối ngoại, các đơn vị sản xuất có quan hệ kinh tế trực tiếp với bên ngoài, đặc biệt là các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài.

- Cán bộ nghiệp vụ, trước hết là kế toán ở các đơn vị liên doanh và cán bộ phiên dịch (rất cần thiết trong giai đoạn đầu, song phải dần dần tiến tới cán bộ quản lý trực tiếp giao dịch được với nước ngoài).

- Cán bộ hoạt động trong các cơ quan đại diện của các tổ chức quốc tế, các công ty nước ngoài và trong các doanh nghiệp do nước ngoài trực tiếp quản lý.

Cần xác định tiêu chuẩn đối với từng loại cán bộ, tổ chức điều tra, đánh giá thực chất hiện nay để có kế hoạch sắp xếp và có chương trình đào tạo, bồi dưỡng bằng nhiều hình thức. Những cán bộ kém phẩm chất hoặc không có khả năng nâng cao trình độ theo tiêu chuẩn quy định thì phải thay đổi cương vị hoặc chuyển sang công tác khác. Đi đôi với việc đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý hiện có, cần mạnh dạn tuyển chọn trong số cán bộ đã qua đại học thuộc các ngành nghề, ở lứa tuổi trung niên, những người đáp ứng được những tiêu chuẩn cơ bản và có khả năng phát triển sang hoạt động kinh tế đối ngoại để tổ chức bồi dưỡng những kiến thức cần thiết, bổ sung cho đội ngũ cán bộ kinh tế đối ngoại. Chú ý tuyển chọn trước hết trong những người chưa có hoặc chưa đủ việc làm; những người đang làm việc nay muốn chuyển sang hoạt động kinh tế đối ngoại cũng được tham gia dự tuyển.

Đối với sinh viên mới tốt nghiệp, công bố rõ tiêu chuẩn tuyển chọn đi đào tạo, bổ túc thêm ở nước ngoài về những lĩnh vực cần thiết cho hoạt động kinh tế đối ngoại, được cấp học bổng toàn phần hoặc một phần.

Các trường, lớp ở trong nước đào tạo cán bộ kinh tế đối ngoại được coi là trọng điểm cần phát triển, nâng cao chất lượng trong hệ thống đào tạo.

Cùng với việc nâng cao trình độ, năng lực công tác, phải thường xuyên bồi dưỡng cán bộ kinh tế đối ngoại về đường lối, quan điểm, chính sách và phẩm chất, đạo đức. Có chế độ kiểm tra, đánh giá, chế độ trách nhiệm, khen thưởng và kỷ luật nghiêm minh, bảo vệ cán bộ chống mọi âm mưu mua chuộc, tha hoá về chính trị và đạo đức. Lĩnh vực kinh tế đối ngoại phải thực hiện sớm việc tiêu chuẩn hoá các chức danh, áp dụng chế độ lương mới. Mở rộng các hình thức học tập, phổ biến ngoại ngữ (như ở các trường, đặc biệt là trường phổ thông, các lớp học ngoại ngữ, chương trình phát thanh, truyền hình, ra báo bằng tiếng Anh...) để nâng dần khả năng giao tiếp trong xã hội, đáp ứng yêu cầu mở rộng quan hệ với bên ngoài.

VII- TỔ CHỨC QUẢN LÝ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

1. Tổ chức và hoạt động của các doanh nghiệp, các hiệp hội

a) Hoạt động kinh tế đối ngoại chỉ có thể phát triển có hiệu quả khi có những doanh nghiệp có năng lực, được tổ chức tốt, kinh doanh theo pháp luật.

Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, chuyên kinh doanh xuất nhập khẩu, chuyên làm dịch vụ đối ngoại hoặc hợp tác liên doanh với bên ngoài, phải đăng ký rõ ngành hàng hoặc lĩnh vực kinh doanh và bảo đảm những điều kiện cần thiết đáp ứng yêu cầu hoạt động nghiêm chỉnh trong lĩnh vực ấy. Tất cả các doanh nghiệp đang hoạt động phải được

kiểm tra lại, nếu đủ điều kiện mới được cấp giấy phép kinh doanh và phải hoạt động đúng lĩnh vực đã đăng ký. Những hoạt động ngoài lĩnh vực được phép kinh doanh bị coi là vi phạm pháp luật.

Thực hiện chủ trương chung về sắp xếp và đăng ký lại các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực ngoại thương và dịch vụ đối ngoại. Giải quyết vốn và tăng cường cán bộ có phẩm chất và năng lực cho các doanh nghiệp nhà nước cần duy trì và phát triển để đảm bảo hoạt động có hiệu quả, nắm một tỷ trọng đáng kể những mặt hàng xuất nhập khẩu thiết yếu và những dịch vụ đối ngoại quan trọng, thực hiện được vai trò chủ đạo trong kinh tế đối ngoại.

Các doanh nghiệp sản xuất có sản phẩm xuất khẩu, không kể kim ngạch lớn nhỏ, thuộc mọi thành phần kinh tế, đều được quyền trực tiếp xuất khẩu sản phẩm của mình và được nhập khẩu vật tư, phương tiện cần thiết cho sản xuất, hoặc uỷ thác việc xuất nhập khẩu cho các tổ chức chuyên doanh, hoặc liên kết với nhau để thành lập công ty xuất nhập khẩu cho mình.

Phát triển các doanh nghiệp hoạt động du lịch, dịch vụ thu ngoại tệ và các dịch vụ hỗ trợ xuất nhập khẩu như ngân hàng, vận tải, bảo hiểm, tư vấn kinh doanh, tư vấn pháp lý, kiểm toán, giám định hàng hoá, môi giới thương mại quốc tế, đại lý, tái xuất, chuyển tải, v.v..

Khuyến khích các hình thức liên kết trên cơ sở tự nguyện giữa các doanh nghiệp sản xuất, các doanh nghiệp ngoại thương, các tổ chức tài chính, các cơ sở khoa học - kỹ thuật... trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu, hình thành các tập đoàn kinh doanh mạnh trong một số ngành hàng có điều kiện.

Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp và các tổ chức của các nhà kinh doanh Việt Nam phát triển các hình thức kinh doanh và lập cơ quan đại diện ở nước ngoài.

Doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp nước ngoài được hợp tác kinh doanh xuất khẩu. Đối với hoạt động đại lý bán hàng cho nước ngoài ở Việt Nam và hợp tác kinh doanh nhập khẩu, kinh doanh dịch vụ giữa các doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài ở Việt Nam, Nhà nước có thể xem xét và cho phép tiến hành trong một số lĩnh vực nhất định.

b) *Các doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam* được phát triển các hoạt động kinh tế theo luật đầu tư.

Các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế và khoa học kỹ thuật... của nước ngoài được tạo điều kiện thuận lợi trong việc thiết lập văn phòng đại diện tại Việt Nam, được phép mở chi nhánh, đại lý theo những điều kiện nhất định. Nhà nước xem xét bãi bỏ những quy định không hợp lý và đơn giản hoá thủ tục, bảo đảm việc thi hành thống nhất luật pháp, thể lệ đối với các doanh nghiệp nước ngoài và đại diện của họ ở Việt Nam.

Mặt khác, các cơ quan nhà nước cần tăng cường kiểm tra hoạt động của các cơ quan đại diện, chi nhánh của các doanh nghiệp nước ngoài ở Việt Nam, buộc họ chấp hành đúng luật pháp của nước ta.

Các doanh nghiệp nước ngoài ở Việt Nam được tham gia phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam và các hiệp hội kinh doanh ở Việt Nam nếu điều lệ của các hiệp hội này cho phép.

c) Các nhà sản xuất và các doanh nghiệp được thành lập các *hiệp hội sản xuất, kinh doanh* theo ngành hàng hoặc

ngành nghiệp, trên phạm vi cả nước hoặc theo vùng lãnh thổ. Các hiệp hội được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có điều lệ hoạt động và độc lập với các cơ quan quản lý nhà nước. Mọi hội viên không phân biệt thành phần kinh tế, quy mô lớn hay nhỏ, đều bình đẳng và được hưởng quyền lợi như nhau trong hiệp hội.

Chức năng và nội dung hoạt động chủ yếu của các hiệp hội là tập hợp, hướng dẫn, cung cấp thông tin, hỗ trợ về tiếp thị, giải quyết các tranh chấp trong sản xuất, kinh doanh thông qua thương lượng giữa các hội viên, giúp các hội viên mở rộng quan hệ bạn hàng và thị trường trong và ngoài nước. Các hiệp hội còn có vai trò đại diện các hội viên và ngành nghề mình để nêu kiến nghị về phân phối hạn ngạch xuất khẩu, nhập khẩu và phản ánh hoặc góp ý kiến với các cơ quan hữu quan của Nhà nước và trong quan hệ với các hiệp hội khác ở trong và ngoài nước hoặc hiệp hội quốc tế về ngành nghề đó. Cần chấn chỉnh các hiệp hội hiện có theo đúng tính chất và chức năng, bảo đảm hoạt động có hiệu quả thiết thực.

Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam cần được tăng cường và mở rộng tổ chức và hoạt động đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, đúng với tính chất và vị trí của một tổ chức xã hội tập hợp rộng rãi các nhà sản xuất kinh doanh ở Việt Nam, một tổ chức phi chính phủ có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy kinh doanh và mở rộng quan hệ kinh tế với bên ngoài.

Phòng thương mại và công nghiệp đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp ở Việt Nam để phản ánh tình hình và đóng góp ý kiến với Nhà nước; thực hiện chức năng thông tin, hướng

dẫn tư vấn cho các doanh nghiệp; đảm nhiệm vai trò trung tâm đoàn kết, phối hợp hoạt động của các hiệp hội ngành hàng và các tổ chức nghề nghiệp ở nước ta. Thông qua sự hợp tác với các phòng thương mại và các hiệp hội quốc tế, mở các cơ quan đại diện ở nước ngoài, phòng thương mại và công nghiệp phải tích cực góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, kinh doanh giữa các doanh nghiệp và các tổ chức hữu quan của nước ta và nước ngoài, và có vai trò chính trong việc xây dựng các quan hệ này với các nước chưa có quan hệ ngoại giao với nước ta.

Phòng thương mại và công nghiệp cần tăng cường các hoạt động mang lại nguồn thu để tự trang trải kinh phí, đồng thời tranh thủ mọi sự giúp đỡ và hợp tác của các tổ chức trong và ngoài nước để xúc tiến sớm việc xây dựng trung tâm thương mại quốc tế, trước hết là Thủ đô Hà Nội, với sự hỗ trợ tích cực của Nhà nước.

2. Tổ chức quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại

a) *Xác định rõ chức năng quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại* để nâng cao hiệu lực của bộ máy quản lý nhà nước đồng thời chấm dứt sự can thiệp không đúng chức năng vào hoạt động của các doanh nghiệp.

Chức năng hàng đầu của Nhà nước là tạo môi trường, điều kiện và hành lang cho hoạt động kinh tế đối ngoại với nội dung cụ thể đã được nêu trong mục VI. Trong chức năng này, yêu cầu cấp bách hiện nay là thiết lập trật tự, kỷ cương, đăng ký lại các doanh nghiệp, và kiểm soát, chấn chỉnh việc chấp hành pháp luật, chính sách trong mọi hoạt động kinh tế đối ngoại.

Gắn với chức năng đó, Nhà nước còn là người hướng dẫn, hỗ trợ cho các doanh nghiệp thông qua việc xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có kinh tế đối ngoại, để định hướng cho mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, đồng thời giúp các doanh nghiệp tránh các hoạt động mù quáng, gây thiệt hại cho mình và cho nền kinh tế. Chiến lược và kế hoạch đó đi vào cuộc sống bằng việc thực hiện chương trình đầu tư theo nguồn vốn tập trung của ngân sách nhà nước, bằng các chính sách đòn bẩy và điều tiết dựa vào công cụ tài chính - tiền tệ - tín dụng và bằng sự hỗ trợ của Nhà nước cho các doanh nghiệp về các mặt như: nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ, thông tin và tiếp thị, giáo dục và đào tạo...

Đối với các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại, phải tiếp tục nghiên cứu cơ chế và tổ chức bảo đảm quyền hạn, trách nhiệm quản lý của Nhà nước với tư cách người chủ sở hữu chính, đồng thời thực hiện chế độ tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm về tài chính của doanh nghiệp.

b) Trên cơ sở các chức năng chung của Nhà nước, cần quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể và tổ chức hợp lý các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại.

Trong bước đầu chuyển sang cơ chế thị trường và mở rộng kinh tế đối ngoại, việc phân giao chức năng, trách nhiệm quản lý nhà nước cho nhiều cơ quan phụ trách từng lĩnh vực hẹp tạo thuận lợi cho việc đi sâu, nắm vững công việc để xây dựng cơ chế và trật tự quản lý. Tuy nhiên mô hình tổ chức phân tán cũng gây khó khăn cho sự phối hợp công tác. Vì vậy, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý nhà nước

trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại phải đặt trong mối quan hệ tổng thể về tổ chức quản lý kinh tế và cần có thời gian nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để có cách giải quyết hợp lý.

Trước mắt, cần quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, bảo đảm cho mỗi lĩnh vực hoạt động kinh tế đối ngoại đều có một cơ quan làm đầu mối thống nhất quản lý về mặt nhà nước. Chính phủ rà soát lại để phân công, giao nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể, khắc phục tình trạng có việc trùng lặp, có việc không có cơ quan nào phụ trách. Xây dựng quy chế bảo đảm cho công việc không phải qua nhiều cửa, nhiều tầng nấc trung gian. Chống quan liêu, cửa quyền gây phiền hà và tham nhũng trong bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế đối ngoại.

Đi đôi với sự phân công cụ thể, cần có hình thức tổ chức phối hợp liên ngành (cả chính trị, ngoại giao, các lĩnh vực kinh tế đối ngoại, an ninh) ở cấp chính phủ, với nhiệm vụ giúp Thủ tướng Chính phủ trong việc tổng hợp phân tích tình hình, đề xuất các chủ trương, biện pháp lớn, thảo luận và chuẩn bị các quyết định ở tầm chính phủ về kinh tế đối ngoại.

Tổ chức phối hợp này có thể mang tính chất hội đồng, gồm bộ trưởng một số ngành chính trong lĩnh vực nêu trên, do Thủ tướng (hoặc Phó Thủ tướng được uỷ nhiệm) chủ trì với bộ máy giúp việc ở Văn phòng Chính phủ. Các kỳ họp hội đồng có thể mời thêm thủ trưởng một số ngành khác khi bàn đến những vấn đề có liên quan.

Dựa trên phương hướng chấn chỉnh bộ máy quản lý nhà nước ở trung ương theo đúng chức năng, cần xác định rõ chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan chính quyền địa phương trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại.

BỘ CHÍNH TRỊ TIẾP THU Ý KIẾN TRUNG ƯƠNG

Về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng

Tại Hội nghị đã có 42 đồng chí uỷ viên Trung ương phát biểu ý kiến ở hội trường và 127 đồng chí ghi ý kiến bổ sung, sửa chữa vào báo cáo và dự thảo nghị quyết.

Nhìn chung, các ý kiến đều nhất trí về cơ bản với nội dung và kết cấu của báo cáo và dự thảo nghị quyết, cho rằng lúc này đổi mới và chỉnh đốn Đảng là vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp cách mạng. Báo cáo và dự thảo nghị quyết được chuẩn bị công phu, nghiêm túc, tiếp thu nhiều ý kiến đóng góp của các địa phương, các ngành, do đó có chất lượng khá, đưa ra được những chủ trương và giải pháp cần thiết để củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Nhiều ý kiến yêu cầu sửa lại một số điểm cho chính xác, bổ sung, nâng cao thêm, hoặc khẳng định rõ hơn những vấn đề quan trọng.

Bộ Chính trị tiếp thu các ý kiến của Trung ương để sửa chữa, hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết. Đồng thời giao cho các cơ quan có trách nhiệm phải nghiên cứu sâu sắc các ý kiến đó

để quán triệt trong quá trình tổ chức chỉ đạo thực hiện. Dưới đây, Bộ Chính trị báo cáo thêm một số vấn đề:

1. Về chủ đề và tên gọi của nghị quyết

Một số ý kiến đề nghị sửa lại tên gọi của nghị quyết, không nên nói đổi mới Đảng, vì dễ gây hiểu lầm là Đảng ta thay đổi bản chất, chỉ nên nói đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, hoặc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Bộ Chính trị đã thảo luận kỹ và đề nghị Trung ương cho giữ tên gọi như dự thảo, vì:

- Các văn kiện Đại hội VI đã khẳng định đổi mới và chỉnh đốn Đảng là một nhiệm vụ cơ bản, quan trọng. Nghị quyết này là sự cụ thể hoá nghị quyết Đại hội, bao gồm cả hai nội dung đổi mới và chỉnh đốn.

- Nội dung đổi mới Đảng bao gồm nhiều mặt: đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức, cán bộ và đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo. Trong chỉnh đốn có đổi mới và trong đổi mới có chỉnh đốn, đổi mới và chỉnh đốn theo những nguyên tắc đã được trình bày trong dự thảo nghị quyết. Nếu chỉ nói đổi mới sự lãnh đạo hoặc phương thức lãnh đạo thì chưa đủ.

2. Về tình hình và nguyên nhân

- Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến của nhiều đồng chí Trung ương, sẽ cân nhắc sửa chữa phần đánh giá ưu khuyết điểm của Đảng cho đầy đủ, chính xác hơn. Nói rõ thêm bối cảnh mới về công tác xây dựng Đảng và sự tác động của cơ chế thị trường.

Cùng với việc khẳng định đường lối đúng và sự vững vàng của Đảng, cần khẳng định vai trò to lớn của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

- Về nguyên nhân, bổ sung thêm các ý công tác xây dựng

Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền và chuyển sang cơ chế mới chưa được nghiên cứu kỹ để có những chủ trương phù hợp và nhất quán về tổ chức, chính sách. Trong chỉ đạo thực hiện chậm cụ thể hoá, thiếu kiểm tra đôn đốc và có lúc buông lỏng, hữu khuynh.

- Quy trách nhiệm: tiếp thu ý kiến của Trung ương, không nên ghi như trong dự thảo (ở cuối trang 2) vì ghi như vậy chưa đủ và chưa rõ. Có thể ghi cụ thể một số ý: Nhiều cấp uỷ viên, cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong cơ quan chính quyền, tổ chức sản xuất kinh doanh chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với công tác xây dựng Đảng.

3. Về mục tiêu, nguyên tắc, yêu cầu và phương châm đổi mới, chỉnh đốn Đảng

Nhiều ý kiến yêu cầu phải viết cụ thể, chính xác hơn. Bộ Chính trị tiếp thu các ý kiến này để sửa lại dự thảo nghị quyết.

Cụ thể là: đổi mới và chỉnh đốn Đảng nhằm *nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, làm trong sạch đội ngũ*, bảo đảm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII; *trong đó trọng tâm là phát triển kinh tế*, giữ vững ổn định chính trị, đồng thời chuẩn bị cho Đại hội VIII.

4. Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị - tư tưởng

- Bộ Chính trị đồng ý với các ý kiến cho rằng cần tăng cường lãnh đạo công tác báo chí, văn hoá văn nghệ, bảo đảm các hoạt động này theo đúng đường lối quan điểm của Đảng, có hiệu quả, chú trọng công tác xây dựng Đảng, công tác cán bộ trong các cơ quan nói trên, để đủ sức chủ động giải quyết các công việc và các vấn đề mới nảy sinh. Ngăn ngừa và uốn nắn kịp thời những lệch lạc, lập lại trật tự trong lĩnh vực này.

- Có ý kiến cho rằng phải chống hệ tư tưởng tư sản trong Đảng. Bộ Chính trị nhận thấy cần phải nghiên cứu kỹ và chỉ rõ những biểu hiện cụ thể của nó.

5. *Chỉnh đốn Đảng về tổ chức*

- Tổ chức cơ sở đảng: nhiều ý kiến đề nghị phải đặt vấn đề chỉnh đốn tổ chức cơ sở đảng mạnh mẽ hơn, hết sức chú trọng các khu vực trọng yếu (vùng tôn giáo, dân tộc, biên giới, miền núi, các cơ quan văn hoá tư tưởng, các trường đại học...) những nơi chứa tổ chức cơ sở đảng (kinh tế tư nhân, xí nghiệp liên doanh với nước ngoài...). Bộ Chính trị tiếp thu những ý kiến này.

- Hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng ở các cấp: ý kiến chung là muốn gọn, không trùng lặp, có chất lượng, nhưng đi vào mô hình tổ chức cụ thể thì còn nhiều ý kiến khác nhau:

+ Có ý kiến đề nghị nên lồng ghép bộ máy giữa ban đảng với bộ, sở bên chính quyền; ở huyện chỉ nên lập một ban xây dựng Đảng. Ngược lại, có ý kiến cho là Đảng cần có hệ thống tổ chức bộ máy riêng của mình để bảo đảm sự lãnh đạo. Có ý kiến cho rằng phải tổ chức bộ máy đảng thống nhất trong cả nước. Có ý kiến cho rằng phải tùy nơi, tùy cấp, tùy quy mô.

Bộ Chính trị cho rằng: Đảng phải có hệ thống tổ chức bộ máy của mình để bảo đảm sự lãnh đạo thông suốt, có hiệu lực, hiệu quả; bộ máy phải rất tinh gọn, theo đúng Điều lệ Đảng. Cần nghiên cứu kỹ mô hình tổ chức cho phù hợp với mỗi cấp và đặc điểm, quy mô của mỗi địa phương, chưa nên ghi cụ thể vào nghị quyết. Về đề nghị chỉ tổ chức một ban xây dựng đảng ở huyện (bao gồm cả uỷ ban kiểm tra) Bộ Chính trị thấy rằng làm như vậy là trái với quy định của Điều lệ Đảng (uỷ ban kiểm tra là cơ quan do ban chấp hành bầu ra).

+ Về việc lập ban cán sự đảng ở Chính phủ, các bộ, các uỷ ban trực thuộc Chính phủ: một số ý kiến đề nghị cần làm rõ mối quan hệ giữa ban cán sự với thủ trưởng để hoạt động của ban cán sự có hiệu quả, vừa phát huy được vai trò lãnh đạo tập thể của Đảng, vừa phát huy được trách nhiệm cá nhân của người thủ trưởng.

Bộ Chính trị đồng ý với ý kiến này.

- Đề nghị Trung ương giao cho Ban Bí thư ban hành quy chế hoạt động của đảng đoàn, ban cán sự, hệ thống các ban đảng cấp tỉnh, huyện và tương đương, quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các loại hình cơ sở đảng.

- Có ý kiến đề nghị Đảng không nên sản xuất, kinh doanh làm tài chính, ngân sách Đảng do Nhà nước cấp.

Bộ Chính trị đề nghị Đảng cần tổ chức sản xuất kinh doanh để tạo nguồn ngân sách đảng như Điều lệ đã định. Nhưng phải chú ý điều kiện, năng lực tổ chức, quản lý, bảo đảm sản xuất kinh doanh có hiệu quả và theo đúng luật pháp, giữ gìn uy tín của Đảng.

6. *Về vấn đề đảng viên và cán bộ*

- Về đảng viên:

+ Một số ý kiến đề nghị nói rõ hơn, cụ thể hơn yêu cầu về tư cách đảng viên trong điều kiện hiện nay, nhất là vấn đề đảng viên làm kinh tế, mối quan hệ giữa lý tưởng và lợi ích chính đáng của đảng viên, giữa lợi ích riêng và lợi ích chung. Bộ Chính trị đồng ý sửa dự thảo nghị quyết theo ý kiến này.

Có ý kiến: tiêu chuẩn đảng viên đề ra "phải sản xuất, công tác, quản lý giỏi", như vậy là cao quá. Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến này và sửa là "... phải gương mẫu trong sản xuất, công tác, trong cuộc sống gia đình và quan hệ xã hội...".

+ Vấn đề sàng lọc đảng viên: nhiều ý kiến nhấn mạnh phải bồi dưỡng giúp đỡ đảng viên phấn đấu trở thành đảng viên tốt. Đồng thời đưa ra khỏi Đảng những người lạc hậu về chính trị, không tha thiết với Đảng, không còn tác dụng với quần chúng. Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến này.

Đối với những đảng viên hoạt động trong vùng tôn giáo, một số ý kiến đề nghị cần có quy định cụ thể về phương thức sinh hoạt đảng, về tham gia sinh hoạt giáo hội (như đi lễ, tham gia các sinh hoạt hội đoàn...) Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến này và giao cho Ban Bí thư quy định, hướng dẫn cụ thể.

+ Về vấn đề đảng viên là cán bộ hưu, sinh hoạt chung với đảng viên đương chức hoặc tách ra sinh hoạt riêng; đề nghị giữ như dự thảo để từng nơi tùy điều kiện cụ thể quyết định.

- Về cán bộ:

+ Một số ý kiến băn khoăn về việc đánh giá, bố trí cán bộ sao cho khách quan, công tâm, chính xác, hiểu đúng và gần gũi cán bộ, và đề nghị phải sớm có quy chế về vấn đề này. Bộ Chính trị xin tiếp thu để bổ sung vào nghị quyết.

+ Nguyên tắc quản lý cán bộ: có ý kiến còn băn khoăn về trách nhiệm quản lý đội ngũ cán bộ nói chung. Bộ Chính trị thấy cần khẳng định Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ, còn việc quản lý thì dựa trên cơ sở phân công phân cấp quản lý phù hợp với chức năng của các cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể.

+ Chính sách đãi ngộ cán bộ: nhiều ý kiến đề cập chế độ đãi ngộ cán bộ cơ sở (xã, phường, ấp hoặc bản), đề nghị cán bộ đảng trong doanh nghiệp do Đảng trả lương.

Bộ Chính trị đề nghị nên giữ như dự thảo. Một số vấn đề

cụ thể như số lượng định suất, mức phụ cấp, chế độ nhà ở... Bộ Chính trị đề nghị Trung ương giao cho Ban Bí thư và Chính phủ nghiên cứu ban hành quy định thống nhất, kết hợp với việc cải tiến chế độ tiền lương, tiếp tục xoá bỏ bao cấp trong lương, bảo đảm sự công bằng giữa các loại cán bộ. Không cần ghi cụ thể vào nghị quyết.

+ Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ: có ý kiến nhấn mạnh phải có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng yêu cầu của cơ chế thị trường, mở cửa với nước ngoài, và thống nhất quản lý việc đào tạo. Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến này.

+ Vấn đề chống tham nhũng: nhiều ý kiến đề nghị cần viết cho chính xác, không gây ấn tượng mọi cán bộ có chức, có quyền đều tham nhũng; không nên ghi mọi cán bộ, đảng viên phải công khai các nguồn thu nhập. Bộ Chính trị tiếp thu và sửa lại dự thảo nghị quyết như sau: Những người giàu có bất thường, quần chúng có dư luận thì phải báo cáo với tổ chức và có sự kiểm tra, kết luận của tổ chức quản lý.

7. Phương thức lãnh đạo của Đảng

- Bộ Chính trị đồng ý với nhiều ý kiến cho rằng phải khẳng định Đảng ta là đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo và chịu trách nhiệm về tất cả các lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, đối nội, đối ngoại... Về tổ chức, Đảng lãnh đạo thông qua việc xây dựng một bộ máy nhà nước pháp quyền vững mạnh; bố trí các cán bộ có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực hoạt động trong các cơ quan nhà nước, nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên, xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng thông suốt và có hiệu lực.

- Về vấn đề bố trí cán bộ cơ quan nhà nước: một số ý kiến đề nghị tổ chức đảng giới thiệu bí thư ứng cử vào chức vụ chủ

tịch (ở trung ương là Chủ tịch nước, ở tỉnh và thành phố là chủ tịch hội đồng nhân dân, ở huyện và xã là chủ tịch hội đồng nhân dân hoặc chủ tịch uỷ ban nhân dân). Bộ Chính trị cho rằng, hướng chung của bộ máy đảng là gọn nhẹ, có hiệu lực. Bí thư không nên kiêm chủ tịch uỷ ban nhân dân nhưng có thể ứng cử làm chủ tịch hội đồng nhân dân ở các cấp. Tuy nhiên đây là vấn đề mới mẻ và phức tạp, lại tùy thuộc vào năng lực và điều kiện của từng người cụ thể, cần vừa làm vừa rút kinh nghiệm.

- Về nội dung lãnh đạo: Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến của một số đồng chí cho rằng không cần ghi quá cụ thể trong nghị quyết, mà chỉ nêu nguyên tắc định hướng để sau này có quy định cụ thể cho từng cấp.

- Đối với hoạt động của các đoàn thể quần chúng và tổ chức xã hội: một số ý kiến yêu cầu bên cạnh sự lãnh đạo của Đảng cần đề cao trách nhiệm của Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho các đoàn thể hoạt động, đặc biệt phải coi trọng việc xây dựng tổ chức và định hướng hoạt động của đoàn thanh niên. Bộ Chính trị đồng ý tiếp thu ý kiến này.

8. Vấn đề tổ chức thực hiện

- Nhiều đồng chí cho rằng nghị quyết này nếu không được thực hiện đến nơi đến chốn thì Đảng tiếp tục bị mất uy tín. Vì vậy ngay sau Hội nghị Trung ương phải xây dựng kế hoạch thực hiện rất cụ thể. Phải đề cao trách nhiệm cá nhân của từng đồng chí Uỷ viên Trung ương, các cấp uỷ, các đảng viên là thủ trưởng các cấp, các ngành, chú trọng biện pháp tự kiểm tra, tự phê bình và phê bình. Bộ Chính trị đồng ý với ý kiến trên và sẽ theo tinh thần đó xây dựng kế hoạch cụ thể

triển khai thực hiện nghị quyết, làm từ trên xuống, từ lãnh đạo đến đảng viên.

- Có một số ý kiến đề nghị mở đợt sinh hoạt chính trị như kiểu chỉnh huấn để thực hiện nghị quyết này. Bộ Chính trị xét thấy đây là nhiệm vụ quan trọng phải đổi mới phương pháp quán triệt và thực hiện. Cấp uỷ phải tổ chức nghiên cứu, kiểm điểm nghiêm túc, tự phê bình và phê bình sâu sắc, đồng thời triển khai từng bước chặt chẽ, có bước đi thích hợp, không nên chỉ làm một đợt theo kiểu chỉnh huấn như trước đây.

BỘ CHÍNH TRỊ TIẾP THU Ý KIẾN TRUNG ƯƠNG

Về bản kết luận tiếp tục thi hành Nghị quyết Trung ương 8 (Khoá VI) về công tác quần chúng của Đảng

Nhìn chung, các đồng chí Trung ương đều nhất trí về cơ bản với bản kết luận và có một số đề nghị cụ thể, Bộ Chính trị xin tiếp thu để hoàn chỉnh văn bản.

Dưới đây Bộ Chính trị xin nói rõ thêm một số vấn đề:

1. *Về đánh giá tình hình:* tán thành ý kiến của Trung ương, cơ bản như dự thảo. Phần kết quả đạt được sẽ bổ sung thêm ý: biểu dương sự tham gia tích cực, có hiệu quả các lực lượng vũ trang (quân đội và công an) vào công tác quần chúng.

- *Phần khuyết điểm, yếu kém:* sẽ viết gọn và chặt chẽ hơn để tránh kể xấu lợi dụng.

Về nguyên nhân, sẽ nói rõ thêm ý: chưa đổi mới nội dung, phương thức tập hợp quần chúng; chính sách đãi ngộ đối với cán bộ đoàn thể và mặt trận chưa thoả đáng.

2. *Về việc tiếp tục quán triệt Nghị quyết Trung ương 8 (Khoá VI),* đồng ý không nên giới hạn trong năm 1992, mà có thể kéo dài hơn.

3. *Về bộ máy làm công tác dân vận:* có nhiều ý kiến khác nhau về tổ chức Ban dân vận ở các cấp.

- Một ý kiến cho rằng không nên tổ chức Ban Dân vận từ trung ương đến cơ sở.

- Một số ý kiến đề nghị không nên có Ban dân vận ở cấp huyện, thị và tỉnh thành, chỉ cần có đồng chí Thường vụ phụ trách và dựa vào cán bộ theo dõi của văn phòng cấp uỷ.

Về vấn đề này Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Lãnh đạo công tác quần chúng là một nhiệm vụ quan trọng của cấp uỷ đảng. Để làm được việc đó cấp uỷ cần có cơ quan tham mưu của mình, trước hết là ở trung ương và tỉnh thành, tất nhiên tổ chức cần rất gọn nhẹ. Ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cần có Ban Dân vận. Ở cấp huyện, thị thì tổ chức dưới hình thức khối dân vận do một đồng chí thường vụ phụ trách, bao gồm các đồng chí đứng đầu mặt trận, các đoàn thể, có một cán bộ của văn phòng cấp uỷ giúp việc.

4. *Về trách nhiệm của Nhà nước đối với công tác quần chúng,* Bộ Chính trị tán thành ý kiến cần đề cao trách nhiệm của Nhà nước đối với công tác quần chúng, nhất là trong tình hình hiện nay, các cơ quan và nhân viên nhà nước phải nâng cao ý thức phục vụ nhân dân và góp phần làm tốt công tác quần chúng. Hiện nay Chính phủ đã có một số tổ chức làm công tác quần chúng như các tổ chức làm công tác tôn giáo, dân tộc, chăm sóc và bảo vệ trẻ em. Sắp tới cần xúc tiến hình thành cơ quan nhà nước về công tác thanh niên (như Nghị quyết 25 Bộ Chính trị Khoá VI đã nêu).

5. *Về tiếp tục đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể.*

Bộ Chính trị tán thành đề cao hơn nữa vai trò của Hội Chữ thập đỏ trong các hoạt động từ thiện, nhân đạo và để Hội Chữ thập đỏ được hưởng chế độ tài trợ của ngân sách nhà nước. Nghiên cứu lập quỹ nhân đạo mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA, BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ VII

Số 03-NQ/HNTW, ngày 29 tháng 6 năm 1992

VỀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ ĐỔI MỚI VÀ CHỈNH ĐỐN ĐẢNG

1. Tình hình

Từ sau Đại hội VII đến nay, cách mạng nước ta tiếp tục phát triển, đứng trước thời cơ mới và những thách thức mới.

Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đã làm thay đổi lớn cục diện chính trị thế giới. Chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào, phong trào cách mạng, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế gặp khó khăn nghiêm trọng. Chủ nghĩa đế quốc đẩy mạnh chống phá các nước xã hội chủ nghĩa và các lực lượng cách mạng, hòng xoá bỏ chủ nghĩa xã hội, mưu toan thiết lập một "trật tự thế giới mới" dưới sự khống chế của chúng. Các thế lực phản động ở trong nước và ngoài nước tìm mọi cách làm mất uy tín của Đảng ta và chế độ ta, cổ vũ cho đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, kích động chia rẽ nội bộ Đảng, chia rẽ nhân dân với Đảng. Chúng khuyến khích các phần tử chống đối, lôi kéo những người bất mãn; móc nối, gây dựng cơ sở, tập hợp lực lượng chống phá ta.

Tình hình đó đã gây cho chúng ta những khó khăn mới rất to lớn. Đồng thời cũng giúp chúng ta có thêm nhiều bài học về xây dựng Đảng: *chống nguy cơ sai lầm về đường lối, vi phạm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, sai lầm về lựa chọn và bố trí cán bộ, tệ quan liêu xa rời quần chúng...*

Phát triển kinh tế thị trường, mở rộng quan hệ quốc tế là tất yếu cần thiết, nhằm làm cho kinh tế phát triển năng động và có hiệu quả. Đồng thời, kinh tế thị trường cũng làm trầm trọng thêm những tệ nạn xã hội và yếu tố tiêu cực, đặc biệt là chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, lối sống thực dụng tất cả vì tiền, tình trạng bất công xã hội, làm suy giảm giá trị đạo đức xã hội...

Trước những diễn biến nói trên, Đảng ta đã tỏ rõ bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, tinh thần độc lập tự chủ và khả năng nhạy bén, sáng tạo, lãnh đạo nhân dân vượt qua nhiều khó khăn to lớn, đưa công cuộc đổi mới tiếp tục phát triển đúng hướng và đi vào chiều sâu, *giữ vững ổn định chính trị*, nền kinh tế có mặt phát triển và có thêm nguồn lực vật chất mới. Đó là do Đảng ta được tôi luyện trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài và gian khổ, kế tục được truyền thống quý báu của Đảng và dân tộc. Qua mấy năm lãnh đạo tiến hành đổi mới, Đảng có bước tiến bộ và trưởng thành mới, nắm bắt được yêu cầu phát triển của đất nước và nguyện vọng của nhân dân, quyết tâm sửa chữa những khuyết điểm sai lầm trước đây; kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn được nâng lên.

Những thành tựu bước đầu của công cuộc đổi mới càng chứng tỏ đường lối của Đảng ta là đúng đắn, cán bộ, đảng viên và nhân dân ta đoàn kết phấn đấu vượt qua mọi khó khăn thử thách, thực hiện sáng tạo đường lối của Đảng.

Tuy nhiên, Đảng ta cũng bộc lộ những khuyết điểm và nhược điểm, có những khuyết điểm đang trở thành nguy cơ không thể xem thường. Nổi bật nhất là:

- Tổ chức và kỷ luật của Đảng lỏng lẻo. Hệ thống tổ chức có những khâu trì trệ, ách tắc, chưa bảo đảm được sự lãnh đạo thông suốt trên tất cả các lĩnh vực. Một số tổ chức cơ sở đảng rệu rã, tê liệt, không giữ được vai trò lãnh đạo. Tổ chức và hoạt động của nhiều đoàn thể nhân dân còn nặng nề hình thức, kém hiệu quả. Tình trạng mất đoàn kết xảy ra nghiêm trọng ở một số nơi.

- Trong Đảng có một bộ phận giảm sút ý chí chiến đấu, phai nhạt lý tưởng, dao động, mất lòng tin, trong đó một số chịu ảnh hưởng của khuynh hướng cơ hội, xét lại, muốn đưa đất nước đi con đường khác; thậm chí đã có người phản bội, đầu hàng. Không ít cán bộ, đảng viên bị chủ nghĩa cá nhân thực dụng cuốn hút, trở nên thoái hoá, hư hỏng. Tệ tham nhũng, hối lộ, buôn lậu, ăn chơi vung phí tài sản của nhân dân rất nghiêm trọng và kéo dài. Những hiện tượng đó gây tác hại lớn, làm tổn hại thanh danh, uy tín của Đảng.

- Chậm đổi mới phương thức lãnh đạo, hoạt động của không ít cấp uỷ lúng túng trước tình hình mới. Bệnh quan liêu xa thực tế, xa quần chúng rất nặng. Nhiều cán bộ, đảng viên nói không đi đôi với làm, sống xa dân, thậm chí cách biệt với cuộc sống của người lao động.

Sở dĩ có những yếu kém nói trên ngoài những nguyên nhân khách quan, về phía chủ quan là do *chúng ta phạm một số sai lầm, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng như:*

- Buông lỏng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ. Chưa chú ý quản

lý và rèn luyện cán bộ, đảng viên về mặt phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng. Chưa xử lý kỷ luật nghiêm minh và kịp thời những cán bộ, đảng viên có nhiều sai phạm.

- Công tác cán bộ yếu kém kéo dài. Thiếu một chiến lược về cán bộ cho giai đoạn mới. Chưa có biện pháp tích cực để khắc phục tình trạng đội ngũ cán bộ không đồng bộ, tuổi bình quân cao, lực lượng kế cận hẫng hụt. Có những cán bộ sa sút về phẩm chất, yếu kém về năng lực không kịp thời thay thế. Một số chính sách không công bằng; chưa có chế độ đãi ngộ thích đáng và tạo điều kiện, phương tiện cần thiết cho cán bộ làm công tác đảng và đoàn thể, nhất là ở cơ sở.

- Trong điều kiện Đảng cầm quyền, đất nước bước vào hoà bình xây dựng kinh tế, nhất là khi chuyển sang thực hiện cơ chế mới, không kịp thời tổng kết công tác xây dựng Đảng, công tác lãnh đạo Nhà nước và công tác vận động nhân dân để có những chủ trương, biện pháp thích ứng. Trong nhận thức, quan niệm, phương pháp tiến hành xây dựng Đảng nhiều mặt còn bảo thủ... Công tác nghiên cứu lý luận chậm so với sự phát triển của thực tiễn. Công tác tư tưởng thiếu sắc bén và còn nặng về đối phó bị động. Nhiều nghị quyết đúng đắn về xây dựng Đảng và công tác quần chúng không được cụ thể hoá và chỉ đạo thực hiện đến nơi đến chốn.

Trách nhiệm về những khuyết điểm và yếu kém trong công tác xây dựng Đảng chủ yếu thuộc về Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp uỷ và các ban của Đảng, trước hết là Bộ Chính trị.

2. Mục tiêu, nguyên tắc, yêu cầu và phương châm đổi mới, chỉnh đốn Đảng

Nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới đòi hỏi Đảng ta

phải khẩn trương tự đổi mới, tự chỉnh đốn. Đây là một nhiệm vụ *đặc biệt quan trọng và cấp bách, có ý nghĩa quyết định* đối với toàn bộ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, đối với vận mệnh chế độ ta và Đảng ta.

Mục tiêu đổi mới và chỉnh đốn Đảng là nhằm *nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng*, phù hợp với yêu cầu khách quan của cách mạng nước ta trong tình hình mới, làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên, bảo đảm thực hiện có kết quả các nhiệm vụ chính trị do Đại hội VII đề ra, trong đó trọng tâm là *phát triển kinh tế, làm cho dân giàu nước mạnh, giữ vững ổn định chính trị*.

Đổi mới và chỉnh đốn Đảng tiến hành trên *nguyên tắc* quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên trì đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa; tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng; củng cố mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.

Yêu cầu phải đạt trong những năm trước mắt là:

- Nâng cao bản lĩnh chính trị và năng lực lãnh đạo của Đảng. Nâng cao trình độ kiến thức, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên. Khắc phục có hiệu quả tệ tham nhũng. Tăng cường dân chủ và kỷ luật, củng cố khối đoàn kết thống nhất trong Đảng, trong nhân dân.

- Chỉnh đốn hệ thống tổ chức của Đảng và các tổ chức cơ sở đảng, trước hết là ở những cơ sở trọng yếu về chính trị và kinh tế, bảo đảm sự lãnh đạo thông suốt đến mọi cơ sở.

- Tạo một bước chuyển biến quan trọng về công tác cán bộ, trước hết là cán bộ chủ chốt ở trung ương, tỉnh thành, một số cơ sở kinh tế, văn hoá quan trọng, đáp ứng yêu cầu

trước mắt, chuẩn bị Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ và Đại hội VIII.

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, tạo ra sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị. Khắc phục bệnh quan liêu xa rời quần chúng, củng cố mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Phương châm đổi mới và chỉnh đốn Đảng là gắn với đổi mới các lĩnh vực của đời sống xã hội, trước hết với quá trình thực hiện và hoàn thiện các chính sách và cơ chế quản lý, với kiện toàn hệ thống chính trị, với phong trào hành động của quần chúng, khơi dậy và phát huy óc sáng tạo của nhân dân. Các cấp uỷ phải tiến hành chủ động và kiên quyết, không né tránh, hủu khuynh; đồng thời *có bước đi và phương pháp phù hợp*. Làm có trọng điểm, từ lãnh đạo đến đảng viên, giải quyết tốt những vấn đề có tầm vĩ mô đi đôi với củng cố cơ sở.

3. Xây dựng Đảng về chính trị và tư tưởng

Nâng cao bản lĩnh chính trị, trí tuệ và năng lực lãnh đạo của Đảng. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn, đẩy mạnh công tác lý luận, *tiếp tục cụ thể hoá và phát triển các quan điểm và đường lối của Đại hội VII, từng bước xác định rõ thêm con đường và giải pháp đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Xây dựng cho cán bộ, đảng viên niềm tin và ý chí kiên định lý tưởng cách mạng, kiên định mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội*. Khắc phục bệnh bảo thủ, giáo điều, đồng thời kiên quyết phê phán những quan điểm cơ hội, xét lại, khuynh hướng phủ nhận quá khứ tốt đẹp của Đảng và của dân tộc, muốn đưa đất nước đi chệch con đường xã hội chủ nghĩa.

Thường xuyên bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên về lý luận, quan điểm, đường lối. Thông tin trung thực và phân tích sâu sắc những nhân tố mới. Công tác tư tưởng phải gắn với tổ chức thực hiện có kết quả Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, giải quyết một số vấn đề kinh tế - xã hội cụ thể, nóng bỏng trước mắt như việc làm, đời sống, thu hẹp diện đói nghèo; khắc phục có hiệu quả các hiện tượng tiêu cực, trước hết là tệ tham nhũng, củng cố niềm tin của nhân dân.

Xây dựng đạo đức cách mạng và lối sống lành mạnh của cán bộ, đảng viên trong điều kiện kinh tế thị trường và mở rộng giao lưu quốc tế. Cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân lên trước hết. Nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, gương mẫu trong lao động, cần kiệm xây dựng và bảo vệ đất nước, làm cho dân giàu nước mạnh; giữ gìn, phát huy truyền thống và bản sắc tốt đẹp của dân tộc. Khắc phục tư tưởng thụ động, ỷ lại. Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, lối sống thực dụng chỉ nghĩ đến tiền tài, địa vị, lạc thú cá nhân, xa rời quần chúng, cách biệt người lao động.

Củng cố khối đoàn kết thống nhất trong Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân. Toàn Đảng, toàn thể cán bộ, đảng viên phải nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, thống nhất tư tưởng và hành động, gắn bó mật thiết với nhân dân.

Mở rộng dân chủ trong quá trình ra nghị quyết để có những quyết định chính xác làm cơ sở cho sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Đồng thời giáo dục cán bộ, đảng viên chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tôn trọng quyền bảo lưu ý kiến của thiểu số, song mọi

đảng viên đều phải nói và làm theo nghị quyết của Đảng; ai vi phạm phải bị kỷ luật.

Nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chống "diễn biến hoà bình". Vạch trần những âm mưu thâm độc và những luận điệu chiến tranh tâm lý. Quản lý chặt chẽ các cuộc hội thảo, các dịch vụ thông tin, ngăn chặn việc lợi dụng diễn đàn và các cơ hội để thu nhập tin tức tình báo, truyền bá các quan điểm thù địch và lối sống tư sản. Phê phán thái độ miệt thị dân tộc.

Cần kết hợp nhiều biện pháp giáo dục và hành chính, tư tưởng và tổ chức, gắn với chăm lo phát triển kinh tế, ổn định đời sống...; sử dụng nhiều lực lượng và hình thức sát hợp với mỗi loại đối tượng, mở rộng dân chủ trong thảo luận, trao đổi ý kiến cởi mở, giúp cho đảng viên có điều kiện tự nhận thức, tự giáo dục. *Nâng cao tính chiến đấu sắc bén*, bảo vệ lý tưởng cách mạng, bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng và nguyên tắc xây dựng Đảng.

Nâng cao chất lượng thông tin nội bộ và công tác tuyên truyền. Coi trọng biện pháp điều tra dư luận xã hội. Bồi dưỡng và sử dụng tốt lực lượng báo cáo viên, thực hiện có nền nếp thông báo tình hình thời sự, phổ biến kịp thời những vấn đề mới về chủ trương, chính sách, pháp luật.

Tăng cường lãnh đạo công tác báo chí, xuất bản, văn hoá văn nghệ. Báo, đài, sách, băng hình... phải phản ánh đúng quan điểm của Đảng và luật pháp của Nhà nước, không ngừng đổi mới về nội dung và hình thức, tăng sức hấp dẫn, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đa dạng về thông tin, văn hoá của đảng viên và nhân dân. Quản lý chặt chẽ những văn hoá phẩm từ nước ngoài đưa vào, không để lưu hành những

án phẩm phản động, đòi truy, độc hại. Kiện toàn Ban lãnh đạo các cơ quan báo chí, xuất bản, đặc biệt là tổng biên tập các báo và giám đốc các nhà xuất bản. Cải tiến công tác phát hành sách báo, nhất là sách báo của Đảng, mở rộng diện phủ sóng của đài phát thanh và truyền hình, bảo đảm thông tin kịp thời trên cả nước, nhất là tới các vùng nông thôn miền núi. Mỗi đảng viên phải có chương trình học tập, nâng cao kiến thức. Phấn đấu để các chi bộ đều có báo Đảng.

Đổi mới nội dung chương trình và phương pháp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong hệ thống trường Đảng tập trung và tại chức và các trường học. Sớm xây dựng bộ giáo trình chuẩn quốc gia về các môn học chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. Chinh đốn Đảng về tổ chức

Thực hiện nghiêm ngặt các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ, ngăn chặn và khắc phục tệ vô tổ chức, vô kỷ luật, độc đoán chuyên quyền trong Đảng.

Tiếp tục mở rộng dân chủ trong Đảng, phát huy tính tích cực, chủ động của đảng viên và các tổ chức đảng, đồng thời thực hiện đúng nguyên tắc: thiếu số phục tùng đa số, cá nhân phục tùng tổ chức, cấp dưới phục tùng cấp trên, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương. Trong các cơ quan lãnh đạo, ngoài những nguyên tắc đó còn phải quán triệt nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

Nâng cao chất lượng sinh hoạt của cấp uỷ và của chi bộ, quản lý chặt chẽ đảng viên. Mỗi đảng viên, mỗi cán bộ phải

tự giác đặt mình trong sự quản lý của chi bộ, tham gia sinh hoạt đầy đủ, tự khép mình vào khuôn khổ kỷ luật của Đảng. Không để một đảng viên nào đứng ngoài trách nhiệm quản lý của một tổ chức, một tập thể.

Thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình từ trên xuống, trước hết là trong cấp uỷ, chống làm hình thức, chiếu lệ, chỉ phê bình mà không tự phê bình, chỉ tự phê bình và phê bình mà không sửa chữa khuyết điểm. Cán bộ lãnh đạo phải gương mẫu, chống thái độ nề nang, né tránh, không kiên quyết bảo vệ cái đúng, phê phán cái sai. Nghiêm cấm việc trấn áp, trù dập người phê bình cũng như lợi dụng phê bình để đả kích cá nhân, gây rối nội bộ.

Mọi hoạt động vô tổ chức, cố tình không chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, làm suy yếu khối đoàn kết thống nhất về tư tưởng và tổ chức của Đảng đều phải bị xử lý kỷ luật.

Có quy chế quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên làm việc ở các sứ quán, đi công tác, lao động, học tập ở nước ngoài, cán bộ, đảng viên ở trong nước có quan hệ và làm việc với người nước ngoài. Xử lý nghiêm những người có hành động làm hại đến uy tín, thanh danh của Đảng và Tổ quốc.

Giải quyết dứt điểm tình trạng mất đoàn kết nghiêm trọng kéo dài ở một số nơi, tổng kết, rút kinh nghiệm để có biện pháp ngăn chặn căn bệnh nguy hại này.

Tăng cường kỷ luật phải đi đôi với mở rộng dân chủ, khen thưởng các đơn vị và cá nhân chấp hành nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương và gìn giữ phẩm chất, đạo đức, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và hiệu lực quản lý của Nhà nước.

Chấn chỉnh hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng ở các cấp.

Tiếp tục kiện toàn các cấp uỷ đảng sau đại hội các cấp

vòng 2, bố trí phân công các cấp uỷ viên cho phù hợp với nhiệm vụ mới.

Củng cố, nâng cao chất lượng *các ban* của Đảng: xác định rõ chức năng nhiệm vụ, tinh giản biên chế, tăng cường cán bộ có chất lượng. Sửa đổi lề lối làm việc, đi sâu vào công tác nghiên cứu, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết.

Tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của các *đảng đoàn* trong các cơ quan dân cử và đoàn thể nhân dân.

Lập ban cán sự đảng ở Chính phủ, các bộ, các uỷ ban nhà nước và cơ quan trực thuộc Chính phủ để giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo quán triệt và tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; thảo luận và đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư những chủ trương, chính sách, công tác lớn, quan trọng; thảo luận và ra nghị quyết các vấn đề về tổ chức cán bộ trong danh mục được phân cấp quản lý; kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng trong ngành; phối hợp với các cấp uỷ địa phương và các đảng uỷ cơ sở trong ngành trong công tác xây dựng Đảng. Cần có quy chế định rõ các mối quan hệ giữa ban cán sự đảng với bộ trưởng, bảo đảm phát huy đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của bộ trưởng và hoạt động có hiệu quả của ban cán sự.

Chỉnh đốn tổ chức cơ sở đảng.

Căn cứ vào chức năng chung đã được quy định trong Điều lệ Đảng, cần cụ thể hoá chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình tổ chức cơ sở đảng. Trên cơ sở đó sắp xếp các tổ chức cơ sở đảng cho phù hợp với cơ chế quản lý mới; khắc phục ngay sự lỏng lẻo, sự chia cắt và những "khoảng trống" về tổ chức, bảo đảm và tăng cường vai trò lãnh đạo của đảng bộ cơ sở và trên cơ sở.

Tiếp tục xây dựng và củng cố *các chi bộ theo địa bàn dân cư* (thôn, xóm, ấp, bản, đường phố) và *chi bộ theo ngành nghề* (sản xuất kinh doanh, dịch vụ, sự nghiệp). Đối với đảng viên là người về hưu tùy theo điều kiện cụ thể mà tổ chức sinh hoạt chung với đảng viên cơ sở hoặc tách thành chi bộ riêng. Xét miễn công tác và sinh hoạt cho những đảng viên già yếu, ốm đau.

Ở một số khu vực chưa có tổ chức cơ sở đảng, nhất là vùng dân tộc, tôn giáo, các đơn vị kinh tế tư nhân, các cơ sở liên doanh với nước ngoài, phải phát triển các hình thức tổ chức phù hợp để tập hợp, vận động quần chúng, qua đó lựa chọn bồi dưỡng những người ưu tú kết nạp vào Đảng. Đảng viên hoạt động trong các vùng tôn giáo và dân tộc phải làm tốt công tác vận động quần chúng, có quan hệ tích cực với các chức sắc tôn giáo, già làng, tộc trưởng... (sẽ có hướng dẫn riêng).

Ở những doanh nghiệp tư nhân, hợp tác, liên doanh với nước ngoài nếu có đủ số lượng đảng viên theo quy định thì lập tổ chức đảng. Nếu chưa có điều kiện lập tổ chức đảng thì đảng viên hoạt động qua các đoàn thể. Những cơ sở chưa có đảng viên thì cấp ủy địa phương xây dựng cốt cán hoạt động trong các đoàn thể quần chúng để phát triển đảng viên, tiến tới lập tổ chức đảng.

Tách các tổ chức cơ sở đảng ở các doanh nghiệp nhà nước ra khỏi tổ chức đảng ở các cơ quan bộ, ngành và đảng ủy khối các cơ quan trung ương, đưa về trực thuộc thành ủy, tỉnh ủy, hoặc huyện ủy, thị ủy, quận ủy tùy theo quy mô, tính chất của các cơ sở đó. Đối với thành phố có nhiều doanh nghiệp có thể tổ chức đảng ủy theo từng khối trực thuộc thành ủy.

Nghiên cứu thành lập đảng ủy hoặc ban cán sự đảng các tổng công ty, liên hiệp xí nghiệp.

Lập tổ chức đảng ủy dân chính đảng cấp tỉnh, thành. Một số thành phố lớn có thể lập đảng ủy khối cơ quan. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa đảng ủy dân chính đảng, đảng ủy khối với đảng ủy cơ quan và ban cán sự.

Đặc biệt coi trọng củng cố các tổ chức cơ sở đảng ở những địa bàn và lĩnh vực trọng yếu về kinh tế và chính trị. Bố trí lại cán bộ chủ chốt ở những nơi cần thiết. Chọn một số cán bộ có đủ tiêu chuẩn và điều kiện ở các cơ quan trung ương, tỉnh, huyện về tăng cường cho cơ sở. Cử cấp ủy viên và cán bộ có kinh nghiệm trực tiếp chỉ đạo, củng cố các cơ sở, thu hẹp diện yếu kém.

Các đồng chí Ủy viên Trung ương và cấp ủy viên các cấp phải quan tâm và trực tiếp làm công tác Đảng trong phạm vi mình phụ trách.

Về công tác đảng viên, trước hết phải xác định rõ *tiêu chuẩn đảng viên* trong tình hình mới. Đảng viên phải là người có giác ngộ chính trị, trung thành với mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa, đặt lợi ích Tổ quốc và nhân dân lên trên lợi ích cá nhân; có đạo đức và lối sống lành mạnh, gắn bó với quần chúng; gương mẫu và phấn đấu trở thành người sản xuất, công tác và quản lý giỏi, hoàn thành nhiệm vụ được giao, chấp hành đúng Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước; thường xuyên học tập nâng cao trình độ nhận thức và năng lực công tác; có ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra đảng viên học tập lý luận chính trị, đường lối của Đảng và pháp luật Nhà nước, nâng

cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm sản xuất kinh doanh, quản lý theo cơ chế mới nhằm phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên.

Tiến hành sàng lọc đội ngũ đảng viên, kiểm tra, phân tích chất lượng đảng viên, tổ chức cho mỗi đảng viên tự phê bình, tự đánh giá, kết hợp với nhận xét đánh giá của chi bộ, phê bình góp ý kiến của quần chúng và kiểm tra của cấp trên. Trên cơ sở đó có giải pháp đối với từng loại đảng viên như sau:

- Bồi dưỡng và phát huy những đồng chí giữ được tư cách đảng viên, có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, được quần chúng tín nhiệm.

- Giúp đỡ những đồng chí hạn chế về kiến thức, năng lực, hoặc hoàn cảnh khó khăn. Những trường hợp không khắc phục được khó khăn hoặc không còn khả năng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ thì bản thân tự xem xét hoặc chi bộ động viên các đồng chí đó tự nguyện rút ra khỏi Đảng; tổ chức đảng có thẩm quyền cấp giấy xác nhận tuổi đảng và thường xuyên quan tâm giúp đỡ. Những người lạc hậu về chính trị, không còn tha thiết với Đảng, không còn tác dụng với quần chúng, thì vận động ra khỏi Đảng.

- Giáo dục, xử lý hoặc định thời hạn phấn đấu cho những đảng viên vi phạm tư cách, vi phạm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, không hoàn thành nhiệm vụ được giao; nếu không có chuyển biến thì đưa ra khỏi Đảng.

- Xử lý nghiêm khắc những người cơ hội về chính trị, nói và làm trái quan điểm đường lối của Đảng, tham nhũng, thoái hoá, biến chất, bị quần chúng oán ghét.

Công tác phát triển đảng phải nhằm tăng thêm sinh lực cho Đảng, trẻ hoá đội ngũ, bảo đảm sự kế thừa và phát triển của Đảng. Làm tốt công tác tạo nguồn để lựa chọn, bồi dưỡng, kết nạp những người ưu tú có đủ tiêu chuẩn trong Đoàn thanh niên, trong công nhân, nông dân, trí thức, chiến sĩ các lực lượng vũ trang..., chú ý những cơ sở trọng yếu, những nơi còn ít và chưa có đảng viên. Coi trọng chất lượng, không chạy theo số lượng, bảo đảm chặt chẽ về nguyên tắc; đồng thời không định kiến, hẹp hòi. Quy định lại những thủ tục xem xét kết nạp đảng viên cho phù hợp với tình hình mới. Các đồng chí giới thiệu phải thực sự chịu trách nhiệm; người được giới thiệu phải trải qua thử thách cần thiết.

Phải thường xuyên quan tâm lãnh đạo *xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh*, coi đây là một nhiệm vụ quan trọng của công tác xây dựng Đảng. Đặt công tác phát triển Đảng trong thanh niên thành chương trình kế hoạch cụ thể và tổ chức chỉ đạo chặt chẽ, mang lại kết quả thiết thực.

Trong tình hình hiện nay phải đặc biệt *coi trọng công tác bảo vệ Đảng*, trước hết là bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, giữ gìn sự trong sạch của tổ chức đảng, cảnh giác và tỉnh táo không để cho những phần tử cơ hội về chính trị, phản động len lỏi vào hàng ngũ Đảng, nhất là vào các cơ quan lãnh đạo và cơ quan tham mưu của Đảng và Nhà nước. Giữ gìn bí mật nội bộ và bí mật quốc gia. Chống âm mưu thủ đoạn khống chế, mua chuộc cán bộ từ bên ngoài. Việc công bố và phê phán các vụ việc tiêu cực trên các phương tiện truyền thông đại chúng cần có sự cân nhắc về hướng giải quyết và tác dụng giáo dục, tránh để địch lợi dụng xuyên tạc bôi nhọ Đảng và Nhà nước, kích động chia rẽ Đảng, Nhà nước với

nhân dân. Chấn chỉnh quy chế công tác của các cơ quan và cán bộ làm công tác cơ mật.

5. Tạo bước chuyển biến quan trọng về công tác cán bộ. Cần nắm vững một số *quan điểm và nguyên tắc cơ bản* trong công tác cán bộ.

- *Việc đánh giá cán bộ* phải dựa vào *tiêu chuẩn cán bộ*. Tiêu chuẩn hàng đầu của cán bộ lãnh đạo và quản lý hiện nay là: có lập trường chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu và con đường xã hội chủ nghĩa, quyết tâm thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới; có kiến thức và năng lực tham gia các quyết định của tập thể và khả năng tổ chức thực tiễn, làm việc có hiệu quả; có đạo đức cách mạng cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, kiên quyết đấu tranh bảo vệ các quan điểm, đường lối của Đảng; có ý thức tổ chức kỷ luật, giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng; gắn bó với quần chúng, được quần chúng tín nhiệm. Đồng thời, dựa vào *hiệu quả công tác thực tế*, bao gồm cả hiệu quả kinh tế, chính trị, xã hội.

Đánh giá cán bộ phải toàn diện, cụ thể, công tâm; khắc phục tình trạng đánh giá theo cảm tính chủ quan, phiến diện, hẹp hòi, thành kiến, thiếu công tâm, thiếu dân chủ.

- *Việc bố trí và sử dụng cán bộ* phải căn cứ vào yêu cầu công tác và sự đánh giá đúng cán bộ. Quán triệt quan điểm giai cấp công nhân trong công tác cán bộ để *đoàn kết tập hợp rộng rãi cán bộ* theo tư tưởng và phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khuyến khích và *thu hút nhân tài* của đất nước ở tất cả các lĩnh vực, các thành phần kinh tế - xã hội, bao gồm cả những người Việt Nam yêu nước sinh sống ở nước ngoài, tạo điều kiện để mọi người đều có thể mang hết nhiệt tình, trí tuệ, tài năng phục vụ Tổ quốc.

Trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn, thực hiện trẻ hoá đội ngũ cán bộ; đồng thời tích cực bồi dưỡng để tiếp tục phát huy năng lực và kinh nghiệm của cán bộ lớn tuổi, bảo đảm *tính liên tục và tính kế thừa* trong đội ngũ cán bộ.

Đối với cán bộ đã nghỉ hưu, cần tạo điều kiện để các đồng chí tiếp tục đóng góp cho sự nghiệp cách mạng tùy theo khả năng và điều kiện sức khỏe của mỗi người.

- *Nắm vững nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo và quản lý cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị.*

Đảng đề ra đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách và quy chế quản lý cán bộ; lãnh đạo và kiểm tra các cấp, các ngành tổ chức thực hiện; trực tiếp quản lý cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong các tổ chức của hệ thống chính trị như cán bộ lãnh đạo các cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang, đoàn thể nhân dân, tổ chức kinh tế - xã hội; quản lý cán bộ theo chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và điều lệ của đoàn thể.

Đối với việc đề bạt, điều động và thi hành kỷ luật cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, các cơ quan chức năng, các đảng uỷ, ban cán sự, đảng đoàn đề xuất các phương án để Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét và quyết định. Ngoài các đối tượng trên, Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư uỷ nhiệm cho các cấp uỷ, các ban chức năng, đảng đoàn, ban cán sự trực tiếp quản lý (sẽ có quy chế và hướng dẫn cụ thể).

Tất cả các quyết định về cán bộ phải theo nguyên tắc *tập thể dân chủ* đồng thời *phát huy đầy đủ trách nhiệm cá nhân*. Những vấn đề về chủ trương, chính sách, nhận xét, đánh giá,

đề bạt, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ nhất thiết phải do tập thể có thẩm quyền quyết định theo đa số. Các cơ quan chức năng và cá nhân được phân công chuẩn bị các phương án để tập thể thảo luận, quyết định và chịu trách nhiệm về những ý kiến đề xuất của mình.

Những nhiệm vụ chủ yếu trước mắt trong công tác cán bộ là:

- Phải rà soát, sắp xếp, điều chỉnh, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hiện có, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt ở các ban, bộ, ngành trung ương, tỉnh, thành, quận, huyện, đơn vị kinh tế then chốt và các cơ sở trọng điểm thuộc các lĩnh vực. Bổ sung những cán bộ có đủ tiêu chuẩn, có triển vọng đảm đương tốt công việc, đồng thời đưa ra khỏi cơ quan lãnh đạo những cán bộ có quan điểm, lập trường và việc làm sai trái nghiêm trọng với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, vi phạm phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật kém, cá nhân chủ nghĩa, địa vị, cục bộ, gây mất đoàn kết, quần chúng không tin nhiệm. Đối với cán bộ kiến thức và năng lực yếu không đảm đương nổi nhiệm vụ, cần điều chỉnh, bố trí công việc thích hợp. Ở những nơi trì trệ, yếu kém kéo dài, phải thay ngay cán bộ chủ chốt. Trường hợp cần thiết có thể tăng cường cán bộ cấp trên xuống.

Đề bạt những cán bộ đã qua thử thách, đã được đào tạo đủ tiêu chuẩn vào các cương vị thích hợp. Chú trọng những người ưu tú trong công nhân, nông dân, trí thức. Đối với cán bộ bị kỷ luật hoặc do năng lực yếu không đảm đương được nhiệm vụ thì cần giáo dục, giúp đỡ, sắp xếp công việc tại chỗ. Nhất thiết không điều động những người bị kỷ luật, không đảm đương được nhiệm vụ ở nơi này sang nhận nhiệm vụ

tương đương hoặc cao hơn ở nơi khác. Phải theo nguyên tắc "vì việc đặt người", "có lên có xuống", "có vào có ra", tránh tình trạng bố trí cán bộ vào những việc mà bản thân cán bộ đó chưa được học, chưa từng làm, hoặc chưa am hiểu. Việc thay đổi và luân chuyển cán bộ cần kết hợp chặt chẽ với việc ổn định cán bộ, tránh tùy tiện, gây xáo trộn không cần thiết. Những cán bộ trực tiếp quản lý sản xuất kinh doanh, những cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ cần được chuyên môn hoá. Phân rõ cán bộ thuộc hệ dân cử và hệ bổ nhiệm để tạo điều kiện cho cán bộ đi sâu vào chuyên môn, nghiệp vụ. Mở rộng việc thực hiện chế độ hợp đồng.

Trong việc bố trí cán bộ, cần lưu ý tính đồng bộ, kết hợp các loại cán bộ, các lớp cán bộ, cán bộ có trình độ lý luận và cán bộ từng trải thực tiễn, cán bộ các miền, các vùng... để bổ sung cho nhau. Chống tư tưởng cục bộ, địa phương.

Thực hiện đúng chế độ nghỉ hưu của Nhà nước. Một số cán bộ lãnh đạo và quản lý tuy tuổi cao nhưng còn sức khỏe, làm việc còn hiệu quả, thì chuyển sang làm chuyên viên một thời gian. Một số ít đồng chí chủ chốt có thể tiếp tục giữ cương vị lãnh đạo và quản lý nếu tổ chức có yêu cầu và đủ tín nhiệm. Đối với các nhà khoa học, văn nghệ sĩ, cần có hình thức sử dụng linh hoạt.

Những cán bộ có khuyết điểm, có đơn tố cáo cần được kiểm điểm, xem xét và kết luận rõ ràng, xử lý kịp thời.

Sớm xây dựng và ban hành quy chế về đánh giá, tuyển chọn, đề bạt, miễn nhiệm cán bộ.

- Xúc tiến chuẩn bị cán bộ kế cận.

Đổi mới nội dung và phương thức quy hoạch cán bộ, tập trung xây dựng đội ngũ lãnh đạo chủ chốt ở trung ương, các

tình, thành và các cơ sở trọng yếu. Ở mỗi cấp hình thành cho được đội ngũ cán bộ có ba độ tuổi kế tiếp nhau. Điều chỉnh, phân công lại một số cán bộ, đưa cán bộ dự bị vào các vị trí kế cận để đào tạo bồi dưỡng. Cán bộ chủ trì phải điều hành thực hiện quy hoạch chung về công tác cán bộ, đồng thời trực tiếp bồi dưỡng người kế cận thay mình. Trong một năm phải có ít nhất một lần kiểm điểm việc thực hiện quy hoạch của cấp mình và kiểm tra việc thực hiện quy hoạch của cấp dưới để kịp thời bổ sung, điều chỉnh. Trước mắt, phải chuẩn bị cán bộ bổ sung trong Hội nghị đại biểu Đảng giữa nhiệm kỳ và chuẩn bị cho Đại hội VIII. Đồng thời nghiên cứu xây dựng chiến lược cán bộ cho những năm tiếp theo.

Đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ, đáp ứng yêu cầu của cơ chế thị trường và mở rộng quan hệ quốc tế. Có nhiều hình thức phù hợp với từng đối tượng. Coi trọng đào tạo qua thực tiễn công tác và phong trào quần chúng; tổng kết kịp thời những kinh nghiệm thực tế. Mở một số khoá đào tạo cán bộ lãnh đạo có triển vọng để chuẩn bị cho những năm sau.

Ngân sách đào tạo cán bộ thống nhất do Nhà nước cấp. Có chính sách trợ cấp cho cán bộ đi học dài hạn, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ.

- *Chính sách đãi ngộ cán bộ* phải bảo đảm công bằng, chú ý tương quan giữa cán bộ đảng, cán bộ nhà nước, cán bộ đoàn thể, cán bộ giữa các vùng, các lĩnh vực. Khuyến khích những người làm việc tốt, có hiệu quả, khắc phục tình trạng phân phối bình quân và sự chênh lệch quá lớn về thu nhập giữa các loại cán bộ. Cán bộ có công phải được khen thưởng thích đáng; có khuyết điểm phải bị xử phạt nghiêm minh.

Thực hiện chế độ tiền lương mới, xoá bỏ bao cấp, đặc quyền, đặc lợi. Sửa đổi những chính sách đã quá lạc hậu, cản trở phát triển tài năng của cán bộ.

Từng bước thực hiện thống nhất chủ trương bí thư, chủ tịch xã, phường được hưởng chế độ đãi ngộ tương đương với trưởng, phó phòng huyện, quận. Tăng thêm các phương tiện và điều kiện công tác. Việc thực hiện các chế độ trên trước hết bằng các nguồn thu của ngân sách xã, phường; phần còn thiếu do ngân sách tỉnh cấp.

Ở các doanh nghiệp, bí thư và cán bộ làm công tác đảng phải là những người có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực; không bố trí những cán bộ năng lực kém phụ trách công tác đảng, trên cơ sở đó có chế độ đãi ngộ bí thư tương đương với giám đốc.

Bổ sung và thực hiện tốt chính sách khuyến khích cán bộ dân tộc thiểu số, vùng cao, cán bộ miền xuôi lên công tác ở miền núi. Đối với những người có thái độ chính trị tốt và có uy tín trong các dân tộc, tôn giáo (như linh mục, sư sãi, già làng...) cần có chính sách phát huy và tạo điều kiện cần thiết để các vị đó phục vụ tốt sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Chăm sóc cán bộ có công với cách mạng, cán bộ hưu trí.

Thực hiện quy định cán bộ làm việc gì thì hưởng lương tương ứng với chất lượng và số lượng công việc đó. Phải căn cứ vào năng lực thực tế, hiệu quả công việc mà xác định trình độ chuyên môn và giá trị xã hội của cán bộ. Trả lương thích đáng cho những chuyên gia giỏi, những người thật sự có tài, công tác có hiệu quả, tạo ra bầu không khí thi đua trong cán bộ; khuyến khích suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo, phát huy trách

nhiệm và quyền hạn, tạo điều kiện để cán bộ đóng góp tốt cho đất nước.

- *Thực hiện chế độ phân công, phân cấp quản lý cán bộ.*

Quản lý cán bộ phải kết hợp chặt chẽ giữa ngành và lãnh thổ. Khi bổ nhiệm, đề bạt, điều động, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, cơ quan quản lý theo ngành dọc phải tham khảo ý kiến cấp uỷ địa phương; cấp uỷ địa phương phải tham khảo ý kiến của ngành trước khi quyết định.

Các cấp uỷ, ban cán sự và đảng đoàn được Bộ Chính trị, Ban Bí thư uỷ nhiệm quản lý theo đối tượng quy định phải chịu trách nhiệm trước Trung ương. Cán bộ, ban, ngành cần xác định và ban hành chức danh cán bộ do cấp mình quản lý (sẽ có quy chế hướng dẫn cụ thể).

Các Uỷ viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư phụ trách lĩnh vực công tác nào có trách nhiệm cùng với tổ chức đảng cơ quan chăm lo công tác cán bộ trong lĩnh vực đó. Lãnh đạo cơ quan cùng với bí thư cấp uỷ có trách nhiệm trực tiếp chăm lo công tác cán bộ và đội ngũ cán bộ của ngành hoặc địa phương mình.

- *Đấu tranh chống tham nhũng và các hiện tượng tiêu cực khác.*

Làm nghiêm từ trong Đảng ra và từ trên xuống. Kết hợp sự kiểm tra của Đảng với thanh tra của Nhà nước và thanh tra nhân dân, sự phát hiện, đấu tranh của quần chúng và công luận. Ở trung ương, các cơ quan pháp luật kết luận và xử lý nghiêm một số vụ. Cấp uỷ và chính quyền các cấp cũng phải làm như vậy đối với cán bộ thuộc diện mình quản lý, không thụ động chờ cấp trên.

Thực hiện dân chủ và công khai chế độ phân phối ở tất cả

các cơ quan, nhất là ở đơn vị sản xuất, kinh doanh. Những cán bộ, đảng viên giàu có bất thường, quần chúng có dư luận thì phải báo cáo trung thực nguồn thu nhập với tổ chức; tổ chức có trách nhiệm kiểm tra và kết luận. Phải có quy chế cụ thể về vấn đề cán bộ, đảng viên xây dựng và sử dụng nhà cửa, nhận quà biếu và tặng phẩm, giao dịch và quan hệ với người nước ngoài... Nghiêm cấm việc lấy của công để biếu xén, quà cáp, tiếp đãi, liên hoan... sai quy định và nhằm mục đích vụ lợi.

Cùng với việc xử lý kiên quyết và dứt khoát những vụ việc trước mắt, phải có biện pháp cơ bản để ngăn chặn tệ tham nhũng từ gốc:

- Nghiên cứu, xây dựng, hoàn chỉnh các chính sách, luật pháp, cơ chế quản lý kinh tế. Sửa đổi những sơ hở trong cơ chế và chính sách để hạn chế, ngăn chặn tình trạng lợi dụng tham ô, ăn cắp, gây lãng phí của Nhà nước, trước hết là đối với các tổ chức và đơn vị kinh tế quốc doanh.

- Tăng cường và kiện toàn các cơ quan bảo vệ pháp luật có bản lĩnh, công minh, chính trực và năng lực chuyên môn.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước, tinh giản biên chế, làm cho bộ máy hoạt động có hiệu lực.

6. Đổi mới và tăng cường công tác vận động nhân dân, củng cố mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân

Các cấp uỷ đảng cần tiến hành sơ kết việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (Khoá VI), khảo sát tình hình đời sống và tâm trạng các tầng lớp nhân dân, đề ra những nhiệm vụ tiếp tục thực hiện nghị quyết về công tác vận động nhân dân của địa phương và ngành mình.

Phổ biến kinh nghiệm của những điển hình tiên tiến. Các cơ quan thông tin báo chí thường xuyên đưa tin và bài về vấn đề này. Các trường đảng, trường hành chính, trường chuyên nghiệp có nội dung huấn luyện về công tác quần chúng. Các trường đoàn thể cần nâng cao chất lượng huấn luyện nghiệp vụ công tác vận động nhân dân.

Các cấp uỷ hàng năm có chương trình công tác quần chúng, tổ chức phối hợp, kiểm tra và kịp thời xử lý những vấn đề mới phát sinh trong nội bộ nhân dân, trong quan hệ công tác giữa các tổ chức có liên quan. Cử cấp uỷ viên có phẩm chất và năng lực phụ trách công tác đoàn thể. Chi bộ thực hiện chế độ phân công đảng viên làm công tác vận động nhân dân, định kỳ lấy ý kiến nhân dân nhận xét phê bình cán bộ, đảng viên. Mỗi đảng viên phải báo cáo kết quả và kinh nghiệm công tác vận động nhân dân, coi đó là một nội dung sinh hoạt của chi bộ cơ sở.

Nâng cao trách nhiệm của hệ thống chính quyền đối với công tác dân vận. Các bộ, ngành và chính quyền các cấp phải thực hiện cơ chế bảo đảm cho nhân dân và các đoàn thể tham gia ý kiến xây dựng luật pháp và các chế độ chính sách có quan hệ trực tiếp đến nghĩa vụ, lợi ích của nhân dân trước khi quyết định. Dựa vào mặt trận và các đoàn thể trong việc vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách và luật pháp của Nhà nước.

Các đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp thường xuyên liên hệ với cử tri, nắm vững yêu cầu, nguyện vọng của quần chúng để xây dựng, hoàn thiện luật pháp, chính sách; đồng thời làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện các chính sách, pháp luật.

Giáo dục viên chức nhà nước nâng cao trách nhiệm, ý

thức phục vụ nhân dân; chống tệ quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng, ức hiếp quần chúng. Công bố các quy chế về trách nhiệm phục vụ nhân dân của viên chức nhà nước để dân biết, theo dõi, kiểm tra và góp ý.

Có chương trình xây dựng luật về các đoàn thể nhân dân, quy chế phối hợp công tác giữa chính quyền với mặt trận và các đoàn thể. Kiện toàn các cơ quan nhà nước về công tác vận động nhân dân.

Đổi mới tổ chức và hoạt động của mặt trận và các đoàn thể nhân dân cho phù hợp với quá trình đổi mới kinh tế - xã hội. Mặt trận thực hiện tốt phương thức hiệp thương chính trị, phối hợp hành động giữa các tổ chức thành viên nhằm củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Các đoàn thể chính trị - xã hội cần đổi mới tổ chức và hoạt động, hướng về cơ sở, xây dựng lực lượng nòng cốt, tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân, thực hiện các nhiệm vụ chính trị, đáp ứng các lợi ích thiết thực của đoàn viên, hội viên.

Các hội nghề nghiệp, văn hoá, nhân đạo, hữu nghị,... cần được xây dựng tổ chức và hoạt động thích hợp phục vụ lợi ích của hội viên và xã hội. Xây dựng và phát triển các hiệp hội theo ngành nghề.

Nhà nước dành tỷ lệ ngân sách cần thiết để tài trợ cho hoạt động của các đoàn thể. Mặt trận và các đoàn thể cần rút kinh nghiệm về tổ chức các hoạt động gây quỹ (sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tranh thủ viện trợ...) theo đúng luật pháp và phù hợp với điều kiện, khả năng quản lý. Các đoàn thể tham gia thực hiện các chương trình kinh tế - xã

hội của Nhà nước được cung cấp tài chính và phương tiện theo hợp đồng.

Kiện toàn Ban Dân vận Trung ương và ban dân vận các tỉnh, thành. Ở quận, huyện lập khối dân vận gồm các đồng chí lãnh đạo các đoàn thể, do một đồng chí uỷ viên thường vụ cấp uỷ phụ trách. Có chính sách đãi ngộ công bằng đối với cán bộ dân vận và đoàn thể.

7. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

Là đảng cầm quyền, Đảng ta có trách nhiệm *lãnh đạo tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội*. Trong tình hình mới, cần có phương thức thích hợp để nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của Đảng, phát huy mạnh mẽ vai trò, hiệu lực của Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, xây dựng một hệ thống chính trị hoạt động năng động, có hiệu lực và hiệu quả.

- *Về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước*, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư căn cứ vào Nghị quyết Đại hội VII và Hiến pháp mới, từng bước hoàn chỉnh và cụ thể hoá các quan điểm, nguyên tắc về xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân; lãnh đạo Nhà nước xây dựng luật về tổ chức các cơ quan nhà nước; hoàn thiện dần các văn bản pháp quy về mặt này để đưa vào thực hiện. Đồng thời cần có quy chế về phương thức lãnh đạo, quan hệ công tác giữa Đảng và các cơ quan nhà nước.

Đối với Quốc hội, sự lãnh đạo của Đảng phải nhằm phát huy quyền lực của Quốc hội, làm cho hoạt động của Quốc hội thể hiện đầy đủ hơn nữa quyền làm chủ của nhân dân theo Hiến pháp và Luật tổ chức Quốc hội.

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị lãnh đạo Quốc

hội bằng những quan điểm định hướng về xây dựng Hiến pháp, các đạo luật, các chính sách lớn, các vấn đề trọng đại về quốc kế dân sinh...; thông qua đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự của Chính phủ, cụ thể là các đồng chí Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ để giới thiệu với Quốc hội bầu các chức vụ chủ chốt của Nhà nước, của Quốc hội và Chính phủ.

Đảng lựa chọn và giới thiệu các đảng viên có trình độ, năng lực và phẩm chất, có tính đảng sang hoạt động ở Quốc hội. Một số cán bộ lãnh đạo ban của Trung ương có thể tham gia các Uỷ ban của Quốc hội (đương nhiên phải thông qua bầu cử theo quy định của Nhà nước).

Trung ương và Bộ Chính trị thông qua *đảng đoàn* Quốc hội và *các đảng viên là đại biểu Quốc hội* để lãnh đạo hoạt động của Quốc hội. Đảng đoàn có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động của các đảng viên là đại biểu Quốc hội; thông qua thảo luận, tranh luận thật sự dân chủ mà thuyết phục, vận động các đại biểu Quốc hội ngoài Đảng làm theo đường lối, quan điểm của Đảng. Các đảng viên phải chấp hành các quyết định của tổ chức đảng một cách nghiêm túc. Trong những trường hợp cần thiết, cần tổ chức quán triệt nghị quyết của Đảng trong các đảng viên là đại biểu Quốc hội trước khi đưa ra Quốc hội bàn; hoặc người đại diện của Đảng trình bày quan điểm của Trung ương với Quốc hội để Quốc hội thảo luận.

Chính phủ có trách nhiệm thể chế hoá đường lối, chủ trương, chính sách lớn của Đảng và các quyết định của Quốc hội thành các chính sách, quyết định của Chính phủ và tổ chức thực hiện. Ban cán sự đảng ở các cơ quan của Chính

phủ phải chủ động báo cáo với Bộ Chính trị, Ban Bí thư về các chủ trương quan trọng trước khi quyết định và thi hành; bảo đảm thực hiện đúng nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Các đảng đoàn, ban cán sự phải định kỳ báo cáo công tác với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Đối với hoạt động của các toà án và viện kiểm sát, cấp uỷ định kỳ nghe ban cán sự báo cáo tình hình và nêu những định hướng chỉ đạo và kiểm tra để bảo đảm thực hiện đúng pháp luật. Đối với những vụ án lớn có ảnh hưởng chính trị rộng, có liên quan đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại hoặc liên quan đến những cán bộ thuộc diện cấp uỷ quản lý, cấp uỷ cần có ý kiến về tư tưởng chỉ đạo việc xét xử, song cấp uỷ không định tội danh và mức án. Khi xét xử, toà án chỉ tuân theo pháp luật. Chấm dứt tình trạng một số đồng chí trong cấp uỷ can thiệp vào công tác xét xử của toà án.

Ở địa phương, sự lãnh đạo của cấp uỷ đối với chính quyền cần dựa theo cách thức ở trung ương và có sự vận dụng thích hợp với đặc điểm của địa phương mình. Bí thư hoặc phó bí thư cấp uỷ có thể ứng cử vào chức vụ chủ tịch Hội đồng nhân dân; một số cấp uỷ viên được giới thiệu đứng đầu cơ quan quản lý ngành của chính quyền (nhưng nhất thiết phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn của từng chức danh theo quy định của Nhà nước).

- Đối mới sự lãnh đạo của Đảng đối với mặt trận và các đoàn thể nhân dân, Đảng định hướng phát triển trước mắt và lâu dài của các đoàn thể, lãnh đạo các đoàn thể cải tiến sinh hoạt và hình thức tập hợp quần chúng, nâng cao chất lượng đoàn viên, hội viên, khắc phục bệnh quan liêu, hành

chính. Lựa chọn những cán bộ đủ tiêu chuẩn do đảng đoàn đề xuất và giới thiệu vào các chức vụ chủ chốt của đoàn thể để các đoàn thể bầu cử theo điều lệ của mỗi tổ chức.

Thông qua đảng đoàn và các đảng viên trong mặt trận và các đoàn thể để hướng dẫn các đoàn thể hoạt động đúng hướng; kịp thời uốn nắn những nhận thức và hoạt động không đúng.

Xây dựng mối quan hệ giữa mặt trận, các đoàn thể nhân dân với cơ quan nhà nước các cấp.

- Đối mới và hoàn thiện phương thức hoạt động, phong cách công tác của Đảng.

Tập trung hơn nữa thời gian và sức lực vào công tác lý luận, tổng kết thực tiễn và công tác chính trị tư tưởng. Chỉ đạo công tác lý luận chặt chẽ và thường xuyên hơn. Tăng cường các cơ quan nghiên cứu lý luận đủ sức giúp Trung ương nghiên cứu những vấn đề lý luận, quan điểm, đường lối, từng bước làm sáng tỏ và sâu sắc hơn các vấn đề về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Cải tiến việc ra các nghị quyết, quyết định. Cấp uỷ và tổ chức đảng chỉ ra nghị quyết khi thấy thật cần thiết và lựa chọn đúng vấn đề. Những điều đã nói nhiều, đã quyết định cần chỉ đạo thực hiện cho bằng được. Khi thấy nghị quyết sai hoặc không còn phù hợp với tình hình mới, hoặc còn thiếu sót, sơ hở thì kịp thời bổ sung, sửa chữa hoặc quyết định lại. Nghị quyết cần có nội dung thiết thực, có cơ sở khoa học, có khả năng thực thi và quy định rõ thời gian thực hiện. Các quan điểm chung phải được thể hiện ra ở các chủ trương, giải pháp cụ thể.

Coi trọng lãnh đạo việc tổ chức thực hiện. Phải lãnh đạo làm tốt việc cụ thể hoá và thể chế hoá nghị quyết của Đảng

thành các chính sách, kế hoạch, pháp luật của Nhà nước, và những quy chế, quy định cụ thể của Đảng. Trong quá trình chuẩn bị nghị quyết, phải đồng thời xây dựng các kế hoạch, chương trình công tác cụ thể để sau khi nghị quyết được thông qua thì triển khai thực hiện được ngay.

Cải tiến việc triển khai học tập, quán triệt nghị quyết sao cho thiết thực, hiệu quả, đỡ hình thức, tốn kém. Đối với mỗi nghị quyết, tùy theo tính chất, phải làm quán triệt quan điểm, chủ trương, chính sách đối với những đối tượng có trách nhiệm trực tiếp tổ chức thực hiện.

Thực hiện nghiêm túc các chế độ kiểm tra, bảo đảm thực hiện tốt các nghị quyết của Đảng. Các cấp ủy phải nắm chắc nhiệm vụ kiểm tra, tăng cường kiểm tra, và lãnh đạo các đoàn thể kiểm tra, bảo vệ luật pháp nhà nước, giúp cho Nhà nước hoạt động có hiệu lực và hiệu quả. Bên cạnh việc kiểm tra tư cách đảng viên, kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Đảng, vấn đề rất quan trọng là phải kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của Đảng, kịp thời phát hiện những nhân tố mới, biểu dương những việc làm tốt, uốn nắn những thiếu sót, lệch lạc, tổng kết kinh nghiệm để bổ sung, hoàn chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Cải tiến lề lối làm việc, giảm bớt các cuộc họp, dành thời gian đi nghiên cứu, khảo sát thực tế; chú trọng sơ kết, tổng kết thực tiễn, hướng mạnh về cơ sở, chỉ đạo tại chỗ. Nói đi đôi với làm và làm có hiệu quả. Cán bộ lãnh đạo phải thực hiện chế độ học tập, đi khảo sát thực tế, gặp gỡ đối thoại với đảng viên và nhân dân một cách thiết thực, không phô trương hình thức. Coi trọng chương trình làm việc của cơ quan nhà nước đã thành quy chế.

8. Biện pháp chỉ đạo thực hiện Nghị quyết

Các cấp ủy đảng, toàn thể cán bộ, đảng viên, trước hết là các đồng chí Ủy viên Trung ương, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt các cấp, cần nhận thức sâu sắc những yêu cầu cấp bách của vấn đề xây dựng Đảng, có quyết tâm cao và tập trung sức làm tốt nhiệm vụ trọng yếu này. Một mặt, phải nghiên cứu, tổng kết những vấn đề về xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền, lãnh đạo xây dựng và phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần hiện nay, nâng cao nhận thức và có ý thức đầy đủ về xây dựng Đảng. Mặt khác, phải thực sự bắt tay vào hành động, *chỉ đạo thực hiện có hiệu quả và bản thân phải gương mẫu* chấp hành các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, *nêu cao tính đảng*. Chống hữu khuynh, nể nang, làm luớt; đồng thời đề phòng tả khuynh, đề phòng những nơi mất đoàn kết nội bộ lợi dụng cơ hội này để trừng trị, thanh lọc nhau.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư cần tập trung chỉ đạo việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Chuẩn bị các chương trình và kế hoạch để ngay sau Hội nghị Trung ương triển khai thực hiện một cách tích cực, *mang lại kết quả cụ thể, trước hết ở các cơ quan trung ương*, Ban Bí thư có chỉ thị hướng dẫn các cấp thực hiện, chọn làm điểm một số tỉnh, thành, bộ, ngành. Mỗi tỉnh chọn làm điểm một số huyện và cơ sở trọng yếu. Cử một số cán bộ có năng lực ở các ban giúp cấp ủy chỉ đạo điểm trong một thời gian.

Ở mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi đơn vị, cấp ủy phải trực tiếp chỉ đạo quán triệt tinh thần và triển khai thực hiện nghị quyết. Phải khảo sát, đánh giá tình hình, chuẩn bị kế hoạch cụ thể, đẩy mạnh các mặt công tác, xây dựng chương trình

hành động, giải quyết dứt điểm từng việc cụ thể. Từng thời gian có sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm kịp thời.

Giao cho các ban, các cơ quan có liên quan xây dựng các quy chế, quy trình công tác, nhất là về quan hệ làm việc giữa Bộ Chính trị, Ban Bí thư với Quốc hội, Chính phủ, giữa các ban của Đảng với các bộ của Chính phủ, quy chế làm việc của đảng đoàn, ban cán sự; ra các văn bản hướng dẫn thực hiện sàng lọc đảng viên, củng cố từng loại hình cơ sở đảng, sắp xếp tổ chức và bố trí cán bộ, thi hành Điều lệ Đảng...

Có kế hoạch bồi dưỡng các kiến thức về đảng cho các cấp uỷ, trước hết cho đồng chí bí thư. Biên soạn một số tài liệu hướng dẫn công tác đảng cho các cấp uỷ huyện và cơ sở.

Các cơ quan báo chí, thông tin đại chúng cần thông báo kịp thời, cổ vũ, nêu gương, phổ biến kinh nghiệm của những nơi làm tốt và phê bình những nơi làm kém.

Từ nay đến hết năm 1993 phải tập trung giải quyết một số vấn đề cấp bách sau đây:

- Ngăn chặn và đẩy lùi tệ tham nhũng, tiêu cực, gây thất thoát, lãng phí. Các cơ quan pháp luật điều tra, xét xử một số vụ lớn, trước hết ở trung ương và một số tỉnh trọng điểm.

- Giải quyết tình trạng mất đoàn kết ở một số nơi.

- Chỉnh đốn ba loại tổ chức cơ sở đảng trọng yếu (xã, phường, đơn vị sản xuất kinh doanh, một số cơ quan). Đưa những đảng viên thoái hoá biến chất ra khỏi Đảng.

- Rà soát, sắp xếp, điều chỉnh, bổ sung một số cán bộ, chuẩn bị nhân sự cho Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ và Đại hội VIII của Đảng.

- Sắp xếp và củng cố các ban của Đảng từ trung ương đến quận, huyện.

*

* *

Đảng ta có kinh nghiệm là cứ mỗi lần gặp khó khăn lại biết tự tổ chức, chỉnh đốn đội ngũ để tiến lên. Chúng ta tin tưởng rằng, với quyết tâm cao và những kinh nghiệm bước đầu đã có, sau Hội nghị Trung ương này, Đảng ta nhất định sẽ khắc phục được các thiếu sót, vượt qua mọi khó khăn, tạo ra bước chuyển biến tích cực trong quá trình đổi mới và chỉnh đốn Đảng, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn cách mạng hiện nay, xứng đáng với niềm tin và lòng mong đợi của nhân dân cả nước.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

**NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ VII**
Số 03-NQ/HNTW, ngày 29 tháng 6 năm 1992

**Về nhiệm vụ quốc phòng và bảo vệ an ninh
quốc gia, chống diễn biến hoà bình của địch**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, trong thời gian qua, sự nghiệp quốc phòng và bảo vệ an ninh quốc gia đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và làm nghĩa vụ quốc tế. Tuy nhiên, trước diễn biến mới của tình hình, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải tiếp tục củng cố quốc phòng, tăng cường bảo vệ an ninh quốc gia, chống diễn biến hoà bình của địch.

Phần I

**TÌNH HÌNH VÀ NHIỆM VỤ QUỐC PHÒNG,
AN NINH CỦA ĐẤT NƯỚC**

.....

**II- NHIỆM VỤ QUỐC PHÒNG VÀ BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA
TRONG THỜI GIAN TỚI**

Cương lĩnh của Đảng đã khẳng định: "Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn luôn nâng cao cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, xây dựng an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng".

Để chấp hành Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VII, *nhiệm vụ quốc phòng và an ninh* của nhân dân ta trong các năm tới là:

Trên cơ sở phát huy cao độ chủ nghĩa yêu nước, truyền thống cách mạng, tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, thống nhất ý chí và hành động, kiên định xây dựng chủ nghĩa xã hội, đề cao cảnh giác cách mạng, giữ vững ổn định về chính trị, phát triển kinh tế, cải thiện đời sống, triển khai có kết quả chiến lược, sách lược đối ngoại, xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân, nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang, chấp hành thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ độc lập, an ninh, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa, đập tan âm mưu và hoạt động diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ của kẻ thù và sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống phức tạp khác có thể xảy ra.

Trong nhiệm vụ chung trên đây, chống diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ là *nhiệm vụ cấp bách hàng đầu* và phải được kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ sẵn sàng ứng phó với các tình huống khác.

- Để chấp hành tốt nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, cần nắm vững một số *quan điểm cơ bản và tư tưởng chỉ đạo sau đây*:

1. Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

2. Gắn chặt nhiệm vụ quốc phòng và nhiệm vụ an ninh, hai mặt có quan hệ khăng khít với nhau của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

3. Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của toàn dân và của Nhà nước. Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân và của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành của Nhà nước để xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thể trận an ninh nhân dân, quán triệt tư tưởng cách mạng tiến công, tích cực, chủ động, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của địch.

4. Ra sức ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng phong trào quần chúng, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, làm trong sạch môi trường xã hội, làm cơ sở giữ vững ổn định về chính trị và nâng cao sức mạnh về quốc phòng, an ninh, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh trong các kế hoạch kinh tế - xã hội.

5. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và công an, đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng và an ninh. Nâng cao chất lượng quân đội và công an, bảo đảm vững vàng trong mọi tình huống.

6. Thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng, nhân tố quyết

định mọi thắng lợi trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước.

7. Tăng cường quan hệ về Đảng và Nhà nước với các nước xã hội chủ nghĩa, mở rộng quan hệ hợp tác và đoàn kết hữu nghị với các nước khác, đặc biệt là với các nước láng giềng và khu vực.

Phương châm chỉ đạo của chúng ta là: trên cơ sở nhanh chóng phát triển đất nước về mọi mặt, trước hết là về kinh tế, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị, chủ động nắm vững tình hình, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo tập trung, thống nhất, toàn diện của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và các cấp ủy đảng, sự quản lý, điều hành thống nhất của Nhà nước và chính quyền các cấp, quyết tâm ngăn ngừa, không để xảy ra bạo loạn lật đổ, giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ nước ta.

Khi có nguy cơ xảy ra thì kiên quyết, chủ động trấn áp bằng sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của toàn dân dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng và sự chỉ huy thống nhất của chính quyền. Sử dụng biện pháp chính trị là chủ yếu; khi cần thiết thì phải sử dụng lực lượng vũ trang. Lấy lực lượng công an làm nòng cốt, kết hợp chặt chẽ với bộ đội địa phương và dân quân tự vệ để hỗ trợ cho nhân dân đấu tranh; việc sử dụng bộ đội chủ lực phải theo kế hoạch thống nhất của trên. Phải gắn bó với dân, tinh táo phân biệt rõ mâu thuẫn nội bộ nhân dân với mâu thuẫn địch-ta, phân biệt và tách lực lượng chống đối với quần chúng bị mơ hồ, kích động; chia cắt, phân hóa lực lượng chống đối, cô lập cao độ và

đánh trúng bọn đầu sỏ, ngoan cố, không để chúng hình thành tổ chức, liên kết lực lượng với nhau ở trong nước và ngoài nước. Xử lý tình huống nhanh, gọn, không để kéo dài, lan rộng, sẵn sàng đánh bại lực lượng vũ trang của đế quốc và phản động quốc tế từ ngoài can thiệp vào.

Củng cố quốc phòng và bảo vệ an ninh quốc gia, chống diễn biến hòa bình của địch là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, trong đó quân đội nhân dân và công an nhân dân là những lực lượng nòng cốt. Cùng với việc củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, cần ra sức xây dựng các lực lượng vũ trang thật sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

Phần II

NHIỆM VỤ QUỐC PHÒNG VÀ NHỮNG CHỦ TRƯỞNG, BIỆN PHÁP LỚN

I

Trong mấy năm qua, các lực lượng vũ trang với sự tham gia, giúp đỡ của toàn dân, của các ngành và các địa phương, đã chấp hành nghiêm chỉnh các nghị quyết của Đảng về quốc phòng. *Đã thực hiện có kết quả một cuộc điều chỉnh chiến lược*, bố trí lại lực lượng trên các hướng chiến trường, tăng cường tổ chức phòng thủ trên các khu vực trọng yếu, củng cố thế trận chiến tranh nhân dân, bổ sung kế hoạch phòng thủ đất nước. *Nền quốc phòng toàn dân đã được củng cố thêm,*

các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố từng bước được triển khai xây dựng, lực lượng dân quân tự vệ được chấn chỉnh theo hướng bảo đảm chất lượng, giảm bớt số lượng, lực lượng dự bị động viên tương đối lớn, chương trình giáo dục về quốc phòng cho sinh viên, học sinh được cải tiến. *Tổ chức quân đội đã được chấn chỉnh một bước quan trọng*, giảm lớn tổng quân số và phấn đấu nâng dần chất lượng các mặt. Đã chấp hành tốt *nghĩa vụ quốc tế* đối với cách mạng Campuchia và cách mạng Lào. *Hệ thống các nhà máy sản xuất quốc phòng* được duy trì và củng cố thêm. Điểm nổi lên là *quân đội đã được tăng cường xây dựng về mặt chính trị*, làm cơ sở cho việc nâng cao chất lượng tổng hợp và chấp hành các nhiệm vụ được giao. Trước tình hình quốc tế và trong nước có những diễn biến phức tạp, quân đội đã tỏ ra vững vàng về chính trị, kiên định mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, chấp hành tốt nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, đối chiếu với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới thì còn có những mặt yếu kém và nhược điểm cần ra sức khắc phục: chất lượng tổng hợp của nhiều đơn vị còn hạn chế, công tác bảo đảm trang bị, bảo đảm kỹ thuật có nhiều khó khăn lớn, công tác bảo đảm đời sống còn chật vật, chính sách đối với lực lượng vũ trang chậm được đổi mới, ngân sách quốc phòng hạn hẹp, trình độ của nhiều cán bộ chưa ngang tầm nhiệm vụ, thế trận quốc phòng toàn dân chưa được củng cố toàn diện và vững chắc... Trong các nguyên nhân của các tồn tại có một điểm đáng lưu ý là nhiều nội dung về quốc phòng trong các nghị quyết của Đảng chưa được quán triệt sâu sắc và chấp hành tốt trong cán bộ các

ngành, các cấp của Đảng và Nhà nước, nhiều nội dung chưa được thể chế hóa về mặt Nhà nước.

II

Để chấp hành nhiệm vụ quốc phòng và an ninh chung trên đây, *trong lĩnh vực quốc phòng* trong thời gian tới, các lực lượng vũ trang phải cùng với toàn dân, các ngành, các cấp của Đảng và Nhà nước thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác lớn sau đây:

1. *Chấp hành tốt nhiệm vụ phòng chống diễn biến hòa bình và bạo loạn lật đổ.* Phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an, với các ngành, các cấp có nhiệm vụ nắm chắc âm mưu và hoạt động của các lực lượng thù địch ở trong nước và ngoài nước, bổ sung hoàn chỉnh kế hoạch A2, huấn luyện và diễn tập ở những nơi cần thiết, cùng với toàn dân ngăn ngừa và kịp thời đập tan mọi âm mưu và hoạt động chống phá của kẻ thù. Đồng thời nghiên cứu kỹ các tình huống khác có thể xảy ra, xây dựng các phương án đối phó, từng bước kịp thời triển khai các công việc cần thiết để thực hiện một cách chặt chẽ.

Củng cố các tổ chức nắm địch. Đẩy mạnh công tác vận động nhân dân của quân đội, tích cực tham gia xây dựng cơ sở chính trị ở các địa phương.

2. *Từng bước củng cố nền quốc phòng toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân.* Tăng cường công tác giáo dục về quốc phòng cho toàn dân, trước hết là đối với cán bộ các ngành, các cấp của Đảng và Nhà nước. Xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành, quận, huyện, làng xã đạt cho được các yêu cầu chủ yếu, trước hết là về xây dựng dân quân tự vệ,

xây dựng lực lượng dự bị động viên, bộ đội địa phương đủ sức bảo đảm an ninh chính trị và bảo vệ địa phương. Từng thời kỳ tổ chức diễn tập ở các cấp. Thực hiện có kết quả kế hoạch tăng cường bảo vệ các địa bàn trọng điểm, vùng biển, hải đảo, các vùng biên giới, xây dựng các công trình quốc phòng trọng điểm cần thiết. Đẩy mạnh công tác chuẩn bị động viên (cả về nhân lực, vật lực và công nghiệp quốc phòng).

3. *Tập trung sức nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang*

Coi trọng xây dựng các lực lượng vũ trang về chính trị, bảo đảm các lực lượng vũ trang vững vàng về chính trị trong mọi tình huống, là một lực lượng trung kiên của Đảng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, củng cố vững chắc sự lãnh đạo của Đảng đối với các lực lượng vũ trang và sự nghiệp quốc phòng. Đẩy mạnh việc xây dựng các tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên trong sạch, vững mạnh, nâng cao chất lượng các tổ chức thanh niên và công đoàn trong quân đội.

Trên cơ sở xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị, *tập trung sức xây dựng quân đội theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại,* với quân số thường trực hợp lý và có chất lượng cao. Coi trọng nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại trường và tại chức, nâng cao chất lượng huấn luyện, bộ đội sát với thực tiễn, nghiên cứu hoàn chỉnh đường lối quân sự và nghệ thuật quân sự. Xúc tiến công tác tổng kết chiến tranh. Bảo đảm đời sống và giải quyết tốt các vấn đề về chính sách đối với quân đội và hậu phương quân đội. Bằng các biện pháp có hiệu quả, tăng cường công tác bảo đảm kỹ thuật để giữ được khối vũ khí

trang bị hiện có sử dụng được lâu dài. Quản lý chặt chẽ bộ đội trên tất cả các mặt, nâng cao kỷ luật của quân đội.

4. *Khắc phục mọi khó khăn, bảo đảm đời sống vật chất và văn hóa của bộ đội không bị giảm sút* và được cải thiện một phần. Bổ sung, ban hành các chính sách cần thiết đối với quân đội và hậu phương quân đội và giải quyết tận tình các vấn đề về chính sách. Đẩy mạnh lao động sản xuất của các đơn vị thường trực nhằm bảo đảm đời sống và góp phần giải quyết chính sách.

5. *Bảo đảm trang bị, bảo đảm kỹ thuật là một vấn đề chiến lược.* Khẩn trương xây dựng quy hoạch trang bị, trên cơ sở đó tăng cường công tác bảo đảm kỹ thuật, thực hiện tốt việc dồn dịch, bảo quản, liên kết, dự trữ, sửa chữa vũ khí, trang bị, củng cố hệ thống kho tàng, hệ thống xí nghiệp sửa chữa và sử dụng chặt chẽ, có hiệu quả.

Khắc phục mọi khó khăn, duy trì và củng cố hệ thống các xí nghiệp quốc phòng, nâng cao chất lượng sản xuất vũ khí, trang bị, sản xuất phụ tùng thay thế một số trang bị có khả năng, triển khai xây dựng một số nhà máy sản xuất có nhu cầu bức thiết, có kế hoạch từng bước đổi mới và bổ sung vũ khí, trang bị hiện đại. Trong thời bình, Nhà nước đầu tư và có chính sách phù hợp để động viên các xí nghiệp quốc phòng sản xuất các mặt hàng dân dụng.

6. *Củng cố, chấn chỉnh các tổ chức làm kinh tế của quân đội* gắn với chiến lược quốc phòng, từng bước ổn định nhiệm vụ và nâng cao hiệu quả kinh tế. Chú trọng tham gia xây dựng các vùng kinh tế Bắc, Trung, Nam, đặc biệt trên các địa bàn chiến lược quan trọng.

Chỉ đạo thực hiện tốt cơ chế quản lý kinh tế của Nhà

nước đối với các tổ chức làm kinh tế và các loại xí nghiệp công nghiệp quốc phòng.

7. *Tập trung sức xây dựng, nâng cao chất lượng toàn diện của đội ngũ cán bộ,* trước hết là chất lượng chính trị, nâng cao trình độ chỉ đạo, chỉ huy, chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức khoa học kỹ thuật, năng lực quản lý bộ đội, phong cách công tác và quan hệ với quần chúng, bảo đảm chuyển tiếp đội ngũ một cách vững chắc, trọng điểm là cán bộ chủ trì, chỉ huy, chính trị ở các đơn vị và cơ quan cấp chiến lược, chiến dịch, coi trọng đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật bậc trên đại học, *phát huy vai trò nòng cốt của đội ngũ cán bộ trong việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và xây dựng lực lượng vũ trang.* Giải quyết chu đáo các vấn đề về chính sách đối với cán bộ. Khẩn trương khắc phục tình trạng thiếu cán bộ cơ sở.

8. *Chấp hành Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị về khoa học và công nghệ trong lĩnh vực quốc phòng,* tăng cường công tác nghiên cứu khoa học quân sự và kỹ thuật quân sự, xúc tiến công tác tổng kết chiến tranh và biên soạn lịch sử quân sự, kết luận các công trình nghiên cứu đã dự thảo. Dự thảo đề án chiến lược quốc phòng từ 1995 đến năm 2000 và xa hơn nữa.

9. *Trên cơ sở nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Nhà nước thể chế hóa, kịp thời ban hành các cơ chế và quyết định,* bảo đảm các mặt cho quốc phòng và các chế độ, chính sách cần thiết.

III

Một số chủ trương, biện pháp chủ yếu để chấp hành có kết quả nhiệm vụ quốc phòng.

1. *Tập trung sức xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng trong quân đội.* Đây là khâu then chốt trong xây dựng quân đội, là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, của tất cả các ngành, các cấp từ trung ương đến địa phương.

Các ngành của Nhà nước có trách nhiệm bổ sung cho quân đội những cán bộ và nhân viên kỹ thuật cần thiết và phân công cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ cao tham gia phát triển khoa học kỹ thuật quân sự. Các trường của Nhà nước có trách nhiệm đào tạo cán bộ và nhân viên kỹ thuật cần thiết cho quân đội. Các trường đào tạo sĩ quan và nhân viên kỹ thuật của quân đội là một bộ phận trong hệ thống các trường của Nhà nước, được các cơ quan chức năng của Nhà nước quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để chấp hành tốt nhiệm vụ đào tạo cán bộ và nghiên cứu khoa học, kỹ thuật.

Các ngành các cấp có trách nhiệm cẩn tổ chức chặt chẽ công tác tuyển quân, chỉ đưa vào quân đội những thanh niên có đủ tiêu chuẩn quy định, được chuẩn bị về tư tưởng để có cơ sở động viên chấp hành tốt nghĩa vụ quân sự tại ngũ và phục vụ lâu dài trong quân đội. Đối với những quân nhân đã hết hạn tại ngũ trở về, các địa phương và các ngành có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết chu đáo công ăn việc làm.

2. *Bảo đảm trang bị cho các lực lượng vũ trang là một vấn đề chiến lược hết sức quan trọng và cấp bách.*

Trong tình hình hiện nay cần có những biện pháp kiên quyết và cấp bách. Phải phát huy cao độ tinh thần tự lực tự cường, khai thác triệt để mọi nguồn lực trong quân đội và trong nền kinh tế quốc dân, đồng thời tranh thủ sự hợp tác quốc tế có thể có được, phấn đấu duy trì tốt phần lớn vũ khí, trang bị hiện có, cải tiến, nâng cao tính năng chiến đấu và

từng bước tạo thêm nguồn dự trữ cho chiến tranh. Có kế hoạch từng bước đổi mới và bổ sung vũ khí, trang bị hiện đại.

Sớm lựa chọn phương án quy hoạch trang bị thích hợp. Tập trung sức nâng cao khả năng bảo đảm kỹ thuật, củng cố kho tàng, nâng cao tốc độ bảo dưỡng, niêm cất, sửa chữa vũ khí, trang bị. Phối hợp chặt chẽ lực lượng khoa học kỹ thuật trong quân đội và ngoài quân đội phục vụ cho công tác bảo đảm kỹ thuật và bảo đảm trang bị. Biện pháp quan trọng nhất là duy trì và từng bước phát triển hệ thống công nghiệp quốc phòng. Từng bước triển khai và xúc tiến công tác chuẩn bị động viên công nghiệp.

3. *Cải tiến, đổi mới các chính sách đối với quân đội và hậu phương quân đội* cho phù hợp với tính chất lao động đặc thù của lực lượng vũ trang và theo khả năng cho phép của nền kinh tế để góp phần động viên cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên chức quốc phòng yên tâm phục vụ lâu dài sự nghiệp quốc phòng. Chăm lo tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của bộ đội. Cải tiến tiền lương của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp và công nhân viên chức quốc phòng phù hợp với tính chất đặc thù của lao động quốc phòng. Sửa đổi điều lệ đãi ngộ quân nhân khi bị thương, hy sinh, về hưu, chuyển ngành, phục viên...

4. *Hội nghị Trung ương quyết nghị tăng ngân sách quốc phòng và an ninh,* bảo đảm mức cần thiết tối thiểu cho việc trang bị và nuôi dưỡng các lực lượng vũ trang (bao gồm ba thứ quân và công an nhân dân). Trung ương giao cho Bộ Chính trị chỉ đạo, Chính phủ tính toán và báo cáo với Quốc hội để quyết định. Đồng thời, quân đội và công an cần tổ chức làm kinh tế, tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm để cải

thiện đời sống. Chính phủ cần xem xét, xác định phần ngân sách quốc phòng và an ninh trong ngân sách hàng năm của các địa phương cho phù hợp.

Phần III

NHIỆM VỤ BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA, CHỐNG DIỄN BIẾN HÒA BÌNH CỦA ĐỊCH

I- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CÔNG TÁC BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội đã có những đổi mới về quan điểm, đường lối, chủ trương, phương pháp công tác, góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ Đảng, Nhà nước, bảo vệ thành quả cách mạng, phục vụ đắc lực công cuộc đổi mới.

Hiện nay, đất nước ta chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tình hình an ninh quốc gia còn diễn biến phức tạp. Ngoài yếu tố khách quan, chúng ta còn nhiều sơ hở, yếm kém:

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành và nhân dân ta còn ảo tưởng, mơ hồ, mất cảnh giác trước các thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của địch. Mặt khác, đây là cuộc đấu tranh chính trị phức tạp, kẻ địch có nhiều âm mưu, thủ đoạn xảo quyệt, một số cán bộ, đảng viên lại thiếu bản lĩnh, kinh nghiệm, việc tổ chức đấu tranh còn lúng túng.

- Các trận địa an ninh, nhất là an ninh nội bộ, an ninh

kinh tế, tư tưởng, văn hóa và an ninh biên giới còn nhiều sơ hở. Tình trạng lộ bí mật còn nghiêm trọng.

- Công tác tư tưởng chưa chú trọng đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" và các thủ đoạn, luận điệu chống chủ nghĩa xã hội của kẻ thù.

- Công tác quản lý kinh tế - xã hội còn nhiều mặt buông lỏng, các hoạt động văn hóa, báo chí, xuất bản còn nhiều thiếu sót. Đạo đức, lối sống có những mặt xuống cấp nghiêm trọng. Pháp chế, kỷ cương không được thực hiện nghiêm minh. Một bộ phận cán bộ, đảng viên tha hóa biến chất, xa rời quần chúng, tham nhũng... làm giảm lòng tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước.

- Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc chưa phát triển đồng đều, rộng khắp. Việc tổ chức các biện pháp phòng ngừa, giải quyết nguyên nhân và điều kiện xã hội nảy sinh tội phạm chưa được quan tâm đúng mức. Tệ nạn xã hội phát triển rất nghiêm trọng.

- Lực lượng Công an nhân dân tuy đã đạt được những thành tích quan trọng, nhưng chưa được xây dựng và trang bị thực sự ngang tầm với đòi hỏi của tình hình mới; các hiện tượng tiêu cực, cửa quyền, sách nhiễu dân... chưa được ngăn chặn có hiệu quả.

II- NHIỆM VỤ BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA CHỐNG "DIỄN BIẾN HÒA BÌNH"

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ do Đại hội lần thứ VII của Đảng đề ra, mục tiêu bảo vệ an ninh quốc gia trong giai đoạn cách mạng hiện nay là: bảo vệ độc lập dân tộc, chủ

quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng, đánh bại âm mưu và hoạt động diễn biến hòa bình, chủ động loại trừ bạo loạn, lật đổ và sẵn sàng đánh bại các âm mưu, hành động khác của kẻ thù; giữ vững hòa bình, ổn định, phục vụ công cuộc đổi mới và xây dựng đất nước. Từ nay đến năm 1995, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta *cần thực hiện thắng lợi một số nhiệm vụ sau đây*:

1. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, gắn xây dựng Đảng với bảo vệ Đảng, đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp đổi mới cũng như toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, làm thất bại mọi âm mưu, hành động lật đổ Đảng và Nhà nước ta.

2. Xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân; nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước. Mở rộng dân chủ với nhân dân và thực hiện chuyên chính với kẻ thù. Củng cố và xây dựng các ngành nội chính trong sạch, vững mạnh, đảm bảo giữ vững kỷ cương, luật pháp.

3. Thông qua các đoàn thể mà tổ chức, động viên các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, làm thất bại âm mưu diễn biến hòa bình của địch.

4. Quốc phòng, an ninh phải phục vụ đắc lực nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển kinh tế, từng bước giải quyết các vấn đề xã hội, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân là cơ sở và điều kiện có ý nghĩa quyết định bảo đảm quốc phòng, an ninh ngày càng vững mạnh.

5. Bảo vệ vững chắc an ninh chính trị nội bộ. Cấp ủy và

thủ trưởng các ngành, các cấp có trách nhiệm trực tiếp trong công tác quản lý và bảo vệ nội bộ.

6. Chăm lo xây dựng các lực lượng công an nhân dân vững mạnh, chú trọng xây dựng lực lượng an ninh nhân dân, đủ sức đối phó với mọi tình huống, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và an ninh quốc gia.

7. Thực hiện chính sách đối ngoại đúng đắn, linh hoạt; phối hợp chặt chẽ công tác đối ngoại với công tác an ninh, quốc phòng.

III- CÁC CÔNG TÁC LỚN

1. *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, đối với việc xây dựng và củng cố vững chắc trận địa tư tưởng xã hội chủ nghĩa*

Việc thống nhất tư tưởng và hành động trong cán bộ, đảng viên và nhân dân ta có ý nghĩa quan trọng, tạo nên sức mạnh đánh bại mọi âm mưu, hoạt động của địch.

Phải làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta quán triệt sâu sắc và nhất trí cao với đường lối và chính sách của Đảng và Nhà nước; nâng cao cảnh giác, làm thất bại âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của địch; đề cao ý thức tổ chức kỷ luật trong cán bộ, đảng viên, chống phát ngôn vô trách nhiệm. Kết hợp chặt chẽ công tác giáo dục chính trị tư tưởng với công tác chống địch phá hoại tư tưởng.

Đẩy mạnh phong trào xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa, đấu tranh xóa bỏ lối sống không lành mạnh, thực dụng, suy đồi; bảo vệ thuần phong mỹ tục và bản sắc văn hóa dân tộc.

Kiện toàn công tác lãnh đạo và quản lý các hoạt động báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình. Chọn lọc và bố trí những cán bộ tin cậy có phẩm chất và năng lực tốt phụ trách các cơ quan thông tin tuyên truyền. Kiểm tra và lãnh đạo chặt chẽ công tác báo chí, nhất là các tờ báo có tiếp nhận các nguồn tài trợ từ bên ngoài. Các cơ quan thông tin đại chúng, các ngành văn hóa, văn nghệ phải hoạt động theo đúng định hướng công tác tư tưởng của Đảng. Tăng cường hơn nữa tính chiến đấu, chủ động đấu tranh sắc bén, kịp thời vô hiệu hóa các luận điệu chiến tranh tâm lý, phá hoại tư tưởng của địch và các khuynh hướng tư tưởng trái với đường lối của Đảng. Phát huy vai trò tích cực của trí thức, văn nghệ sĩ trong cuộc đấu tranh tư tưởng. Khơi dậy mạnh mẽ lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc; chấn hưng, bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc.

Kiểm soát và quản lý chặt chẽ các loại văn hóa phẩm từ nước ngoài đưa vào nước ta; phát hiện, tiêu hủy kịp thời các loại có nội dung phản động, đồi trụy. Phát động quần chúng tự giác và tích cực ngăn chặn việc loan truyền các luận điệu chiến tranh tâm lý của địch và phần tử xấu.

Khẩn trương xây dựng quy chế về hội thảo để bảo đảm hiệu quả thiết thực và tránh tác động xấu. Việc tổ chức hội thảo phải xin phép cấp có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về nội dung hội thảo; không được làm lộ bí mật nhà nước hoặc biến hội thảo thành diễn đàn truyền bá những quan điểm chống lại đường lối của Đảng.

Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người Việt Nam định cư ở nước ngoài gắn bó với quê hương, đất nước, tạo điều kiện thuận lợi để cộng đồng người Việt ở nước ngoài tham gia vào

sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường công tác tư tưởng và tổ chức quản lý lưu học sinh, lao động nước ta ở nước ngoài phát huy nhân tố tích cực, hạn chế tiêu cực, không để bọn phản động tác động, lôi kéo.

2. Coi trọng công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ

Thực hiện tốt nghị quyết về công tác xây dựng Đảng, chú trọng bảo vệ Đảng, đảm bảo đoàn kết, thống nhất về tư tưởng và hành động trong toàn Đảng.

Các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, các cấp, các tổ chức xã hội, đoàn thể nhân dân cần hết sức coi trọng công tác bảo vệ an ninh nội bộ, thường xuyên nắm tình hình, chăm lo giáo dục chính trị, quản lý cán bộ, đảng viên. Tích cực phòng ngừa, ngăn chặn, không để kẻ địch thâm nhập phá hoại nội bộ, mua chuộc, lôi kéo cán bộ ta. Thực hiện nghiêm túc những quy định về kỷ luật tổ chức của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy bảo vệ cơ quan, xí nghiệp. Chấn chỉnh việc thực hiện quy chế cử đoàn ra nước ngoài, đoàn nước ngoài vào nước ta và quan hệ tiếp xúc với người nước ngoài, để vừa đáp ứng yêu cầu mở rộng quan hệ đối ngoại, vừa bảo vệ bí mật quốc gia, bí mật nội bộ Đảng, bảo vệ cán bộ, đảng viên. Đối với số cán bộ, đảng viên có nhận thức lệch lạc, mơ hồ, mất cảnh giác thì phải vừa giáo dục, vừa đấu tranh, phê phán. Đối với số có quan hệ trái phép với người nước ngoài, tiết lộ bí mật Nhà nước, bí mật nội bộ Đảng thì tùy mức độ vi phạm mà xử lý theo kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước. Đối với số có quan điểm sai trái mà đi tuyên truyền, tập hợp lực lượng, có hoạt động bè phái, chống đối Đảng, Nhà nước và chế độ thì phải xử lý nghiêm minh theo kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước.

Bảo vệ nghiêm ngặt các cơ quan đầu não, các bộ phận quan trọng thiết yếu, các cơ quan đại diện và công dân Việt Nam ở nước ngoài; bảo vệ an toàn lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước.

Đảng ủy Công an Trung ương có kế hoạch tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng, chính quyền, phối hợp với cấp ủy đảng và thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong việc nắm tình hình, kịp thời phát hiện, đấu tranh với những phần tử chống đối Đảng, Nhà nước và bọn nội gián.

3. Tập trung giải quyết các vấn đề cấp bách về kinh tế - xã hội, gắn nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự

Đi đôi với đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, phải thực hiện công bằng xã hội, gắn chặt việc thực hiện những nhiệm vụ kinh tế - xã hội với đấu tranh chống tham nhũng, chống buôn lậu; xử lý nghiêm những vụ đã phát hiện. Mọi hành vi gây tổn hại đến lợi ích của nhân dân và của xã hội đều phải xử lý theo đúng pháp luật, không miễn trừ bất kỳ ai. Các cơ quan của Đảng và toàn thể cán bộ, đảng viên phải gương mẫu giữ gìn trật tự, kỷ cương, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật Nhà nước.

Phát triển kinh tế nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, mở rộng quan hệ hợp tác với nước ngoài phải đi đôi với bảo đảm an ninh quốc gia, giữ vững kỷ cương, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Tăng cường pháp chế quản lý kinh doanh, xuất nhập khẩu, đầu tư, trong đó chú trọng bảo vệ an ninh kinh tế, ngăn chặn hoạt động phá hoại, đánh cắp bí mật, lôi kéo, mua chuộc cán bộ.

4. Củng cố các trận địa an ninh nhân dân, chú trọng các địa bàn trọng điểm.

Đặc biệt chú ý là Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố lớn khác, vùng Tây Nguyên, vùng biên giới, nhất là tuyến biên giới Tây Nam ...; các cơ sở kinh tế, quốc phòng quan trọng, các khu vực tập trung đầu tư của nước ngoài.

Cần chú trọng củng cố tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở, các lực lượng dân quân tự vệ, nâng cao tinh thần làm chủ, ý thức cảnh giác, phòng gian bảo mật. Phát động sâu rộng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Chủ động xây dựng các phương án bảo vệ an ninh, trật tự; phương án phòng, chống địch xâm nhập, phá hoại, gây rối, gây bạo loạn, xung đột biên giới, hải đảo và các tình huống đột xuất, bất ngờ.

Chủ động giải quyết kịp thời những mâu thuẫn, tranh chấp, bất bình trong nội bộ nhân dân, loại bỏ những yếu tố, mầm mống có thể gây mất ổn định về chính trị, trước hết là những "điểm nóng", những nhân tố mất ổn định mà địch có thể lợi dụng, kích động gây rối an ninh, trật tự.

5. Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nghiên cứu phân tích thông tin của Đảng, Nhà nước, quân đội, công an nhằm tăng cường công tác nắm tình hình một cách chủ động, sâu rộng, toàn diện về phương thức, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch chống phá nước ta từ mọi hướng, trên mọi lĩnh vực, địa bàn, đối với mọi loại đối tượng. Phát hiện kịp thời những âm mưu, ý đồ chiến lược, chiến thuật và những chuyển hướng trong phương thức, thủ đoạn hoạt động diễn biến hòa bình của chúng trong từng thời điểm, phục vụ công

tác nghiên cứu, phân tích, dự báo các tình huống. Trên cơ sở đó, chủ động có biện pháp phòng ngừa, tấn công đẩy lùi và ngăn chặn từ xa.

6. *Chủ động và liên tục tấn công tội phạm, giữ vững an ninh quốc gia và đảm bảo trật tự an toàn xã hội*

- Tập trung phát hiện, đấu tranh với bọn tình báo, gián điệp nước ngoài, bọn phá hoại của các trung tâm phá hoại tư tưởng, chống chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; bọn phản động lợi dụng tôn giáo, trọng điểm là Thiên chúa giáo, bọn phản động lợi dụng vấn đề dân tộc và bọn chống đối trong ngũ quân, ngũ quyền, đảng phái phản động cũ; những phần tử cơ hội, bất mãn trở thành phản động.

Cần nghiên cứu, phân tích cụ thể từng loại đối tượng, đánh giá đúng bản chất để xử lý đúng. Phải chia cắt lực lượng phản cách mạng, phá tan âm mưu câu kết tập hợp lực lượng của chúng ở trong nước và giữa bọn ở trong nước với bọn ở nước ngoài. Nghiêm trị bọn cầm đầu ngoan cố, trong các tổ chức chống đối; đồng thời có kế hoạch phân hóa nội bộ chúng, tranh thủ lôi kéo bọn tay chân, cô lập, không để chúng tập hợp thành lực lượng và móc nối với bọn chống đối bên ngoài.

- Kiên quyết trấn áp mạnh bọn tội phạm hình sự nguy hiểm, chuyên nghiệp, bọn côn đồ hung hãn, bọn hoạt động trộm cướp có ổ nhóm, có vũ khí, bọn chống đối hành hung người thi hành công vụ. Tăng cường lực lượng tuần tra kiểm soát tại các tụ điểm, địa bàn phức tạp về hình sự. Kịp thời hoàn chỉnh hồ sơ đưa ra truy tố các vụ nghiêm trọng. Chống mọi biểu hiện hữu khuynh, né tránh trong đấu tranh, nhất là

trong đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu, trong xử lý các vụ có liên quan đến nội bộ.

Kết hợp chặt chẽ phòng ngừa với tấn công tội phạm, coi phòng ngừa và giáo dục cải tạo là biện pháp cơ bản nhất trong việc ngăn ngừa và đẩy lùi tội phạm. Sử dụng đồng bộ các biện pháp, huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội, kết hợp chặt chẽ giữa xã hội, nhà trường, đoàn thể và gia đình để loại trừ những nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm. Tổ chức các hình thức liên kết lực lượng (công an, quân đội, đoàn thanh niên, công đoàn...) trong công tác vận động nhân dân giữ gìn an ninh, trật tự.

Tập trung giải quyết các tệ nạn xã hội, không để lây lan, phát triển. Tổ chức quét mạnh các ổ cờ bạc, mại dâm, ma túy. Phải đặc biệt đề phòng, ngăn ngừa hiểm họa SIDA. Nghiêm trị bọn chủ chứa, cải tạo số mại dâm chuyên nghiệp. Xử lý nghiêm những người phụ trách các khách sạn, nhà khách của Nhà nước, các cơ sở văn hóa, du lịch... tự mình tổ chức hoặc do thiếu tinh thần trách nhiệm, để nhân viên lợi dụng tổ chức "kinh doanh" các tệ nạn xã hội dưới mọi hình thức. Phải làm tốt công tác giáo dục, quản lý cải tạo (tại chỗ bằng gia đình và phong trào quần chúng và đưa đi các trại tập trung giáo dục cải tạo) các loại đối tượng lưu manh côn đồ, gái mại dâm chuyên nghiệp, tái phạm nhiều lần. Nhà nước cần ban hành các văn bản pháp luật làm cơ sở cho công tác đấu tranh chống các tệ nạn xã hội.

7. *Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững an ninh, trật tự ở biên giới, vùng biển, hải đảo của Tổ quốc.* Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị hợp tác với các nước láng giềng. Thiết lập trật tự kỷ cương

đối với biên giới quốc gia và quan hệ biên giới. Thực hiện tốt các chính sách kinh tế - xã hội, chính sách dân tộc, tôn giáo; chăm lo củng cố cơ sở chính trị, giữ vững đoàn kết dân tộc, đảm bảo an ninh, trật tự, chủ quyền biên giới và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

Chủ động phát hiện, ngăn chặn kẻ địch từ ngoài xâm nhập, móc nối với bọn phản động bên trong phá hoại biên giới. Có kế hoạch bảo vệ chặt chẽ mốc biên giới, chống các hoạt động xâm canh xâm cư.

Xúc tiến đàm phán hoạch định biên giới, vùng biển với các nước; thông qua thương lượng để giải quyết hòa bình các vấn đề tranh chấp, kiềm chế không để xảy ra xung đột vũ trang, không để đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch lợi dụng can thiệp.

Nhà nước cần sớm ban hành luật biên giới quốc gia và các văn bản dưới luật để tổ chức quản lý nhà nước đối với biên giới, vùng biển của Tổ quốc, chỉ đạo việc thực hiện công tác bảo vệ chủ quyền lãnh thổ trong tình hình hiện nay.

8. Xây dựng các lực lượng công an nhân dân thực sự trong sạch, vững mạnh, có sức chiến đấu cao, là lực lượng tin cậy của Đảng và Nhà nước, xung kích trên mặt trận đấu tranh bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, chống "diễn biến hòa bình" của địch

Xây dựng lực lượng công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, dựa vào nhân dân và làm nòng cốt cho phong trào nhân dân để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm ổn định chính trị và các quyền tự do, dân chủ của công dân, bảo vệ tính mạng, tài sản

của nhân dân, tài sản của Nhà nước, đấu tranh phòng ngừa và chống các loại tội phạm.

Tiếp tục đổi mới sự chỉ đạo, đổi mới công tác nghiệp vụ, phương pháp, phong cách làm việc. Thực hiện đúng đường lối công an nhân dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh, dựa vào dân, phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị, củng cố vững chắc phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, kết hợp biện pháp quần chúng với các biện pháp nghiệp vụ, khoa học kỹ thuật, hành chính và biện pháp vũ trang; xây dựng thế trận an ninh nhân dân, kết hợp chặt chẽ với thế trận quốc phòng toàn dân; củng cố các tuyến và địa bàn an toàn về an ninh, trật tự; củng cố lực lượng công an cơ sở, các lực lượng nửa chuyên trách; xây dựng mạng lưới an ninh nhân dân rộng khắp.

Có kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ, pháp luật, ngoại ngữ, khoa học kỹ thuật cho cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân. Hết sức chú trọng nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng; kiên quyết loại khỏi ngành công an những phần tử sa đọa, biến chất; xây dựng lực lượng công an trong sạch, vững mạnh. Ưu tiên tuyển chọn cán bộ ở các ngành, học sinh tốt nghiệp các trường đại học để bổ sung cho các đơn vị cần thiết.

Tổ chức bộ máy công an từ trung ương đến cơ sở cần tiếp tục cải tiến theo hướng tinh gọn, nâng cao chất lượng về mọi mặt, có sức chiến đấu cao; giảm mạnh biên chế ở những bộ phận hành chính, giảm bớt lực lượng cảnh sát, tăng thêm lực lượng an ninh, tăng cường cho các đơn vị trực tiếp chiến đấu. Có cơ chế chỉ đạo, chỉ huy thống nhất xuyên suốt từ trên xuống dưới về chính trị, tổ chức và nghiệp vụ của toàn lực

lượng công an nhân dân, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy và chính quyền các cấp. Cần chấn chỉnh cơ chế tổ chức, lãnh đạo, chỉ huy đối với bộ đội biên phòng theo nguyên tắc tập trung, thống nhất dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy Công an Trung ương và Bộ Nội vụ.

Xây dựng cơ chế phối hợp, hiệp đồng chiến đấu giữa công an nhân dân, quân đội nhân dân, các ngành nội chính, tư tưởng, văn hóa, đối ngoại trong cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Nhà nước cần sớm ban hành các văn bản thể chế hóa chính sách đối với công an nhân dân, hậu phương công an nhân dân và cải tiến tiền lương của công an nhân dân như đối với quân đội nhân dân. Tăng cường và ổn định ngân sách an ninh với tỷ lệ thích đáng để đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. *Ban Bí thư* ra chỉ thị và chỉ đạo việc phổ biến quán triệt trong toàn Đảng, hệ thống chính quyền, các đoàn thể, toàn quân và toàn dân những nội dung cần thiết của Nghị quyết này theo phạm vi, mức độ xác định cho từng đối tượng. Cần làm sâu sắc và chặt chẽ, giữ đúng nguyên tắc bảo mật.

2. *Nhà nước* khẩn trương thể chế hóa các chủ trương đã được quyết nghị. Cần ban hành các văn bản pháp quy về chính sách đối với quân đội và công an, cơ chế bảo đảm ngân sách quốc phòng và an ninh, cơ chế đầu tư cho công nghiệp

quốc phòng và một số công trình quốc phòng lớn, cơ chế quản lý đối với các tổ chức làm kinh tế..., phấn đấu đưa việc thực hiện các cơ chế, quyết định của Nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng và an ninh đi dần vào nền nếp.

3. *Cấp ủy và chính quyền các cấp, đảng ủy, đảng đoàn, ban cán sự và thủ trưởng của các ngành* kiểm điểm việc chấp hành nhiệm vụ quốc phòng và an ninh trong phạm vi chức trách của cấp mình trong thời gian qua, đánh giá tình hình quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội trong lĩnh vực, địa phương mình phụ trách và đề ra kế hoạch cụ thể thực hiện Nghị quyết này.

Các tỉnh, thành phố cần xem xét, bổ sung các phương án bảo vệ an ninh, trật tự thường xuyên và phòng chống đột xuất, ngăn ngừa bạo loạn, báo cáo lên Đảng ủy Công an Trung ương. Đối với các vấn đề thuộc lĩnh vực quốc phòng, báo cáo lên Đảng ủy quân sự quân khu để tổng hợp báo cáo lên Đảng ủy Quân sự Trung ương. Định kỳ sơ kết, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện nghị quyết.

4. *Đảng ủy Công an Trung ương và Bộ Nội vụ* có trách nhiệm theo dõi, chỉ đạo, ra các chỉ thị, nghị quyết nhằm cụ thể hóa những yêu cầu, nhiệm vụ, nội dung các mặt công tác thuộc chức năng của lực lượng công an nhân dân đã đề cập trong Nghị quyết này. Hướng dẫn và phối hợp với các tỉnh, thành phố khẩn trương tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm xử lý các tình huống phức tạp đã xảy ra; phối hợp với các trường đảng mở các lớp tập huấn về những kinh nghiệm này cho các cấp, các ngành.

5. *Đảng ủy Quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng* ra các nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn cần thiết cho các ngành, các

địa phương trong phạm vi chức năng và chủ động tổ chức hiệp đồng với các ngành, các địa phương thực hiện các kế hoạch có liên quan chung trong lĩnh vực quốc phòng.

6. *Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương* chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng và các ngành, các đoàn thể giúp Ban Bí thư Trung ương chỉ đạo việc giáo dục trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, về cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" nhằm củng cố lòng tin, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng và tư tưởng tiến công địch; đồng thời xây dựng cơ chế hoạt động để thường xuyên và chủ động trong công tác đấu tranh chống địch phá hoại tư tưởng.

7. *Ban Cán sự Đảng ở nước ngoài* phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Ban Việt kiều Trung ương và Ban Đối ngoại Trung ương xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ cán bộ, lưu học sinh, công nhân hợp tác lao động và cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài, chống địch tác động, mua chuộc lôi kéo vào các hoạt động chống phá Việt Nam; đồng thời chủ động tấn công địch từ bên ngoài nhằm phân hóa, hạn chế các hoạt động tuyên truyền chiến tranh tâm lý, phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch đối với nước ta.

8. *Bộ Nội vụ* phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Ban Nội chính Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Ban Tư tưởng - văn hóa Trung ương và các ngành có liên quan tiếp tục nghiên cứu sâu về chiến lược "diễn biến hòa bình" của địch tiến hành đối với Việt Nam và đề xuất các biện pháp đấu tranh.

9. *Ban Đối ngoại Trung ương* nghiên cứu đề xuất hình

thức trao đổi với các đảng cộng sản, các nước xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực đấu tranh chống âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch với chủ nghĩa xã hội.

10. *Các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương và các tỉnh, thành phố* phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, định kỳ hàng quý sơ kết đánh giá tình hình, kết quả việc triển khai thực hiện Nghị quyết này ở ngành và địa phương mình. Tổ chức tốt việc phối hợp thông tin kịp thời giữa các cơ quan chức năng có liên quan.

11. *Đảng ủy Quân sự Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương* chủ trì phối hợp với Ban Nội chính Trung ương theo dõi quá trình thực hiện Nghị quyết này để giúp Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương chỉ đạo chung. Hàng quý phải tổ chức họp kiểm điểm việc thực hiện, sơ kết đánh giá những việc đã làm và chưa làm được; những mặt sơ hở, yếu kém của ta để kịp thời rút kinh nghiệm chỉ đạo, đề ra những phương hướng, nội dung biện pháp mới.

... Các tài liệu học tập, nghiên cứu cho từng cấp, từng đối tượng do Ban Bí thư chỉ đạo biên soạn và quy định ... quản lý cho chặt chẽ.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
ĐỖ MƯỜI

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 32-QĐ/TW, ngày 9 tháng 7 năm 1992

Về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Ban Dân vận Trung ương

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng và Điều lệ Đảng do Đại hội VII thông qua,
- Căn cứ quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Khóa VII.

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

I- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA BAN DÂN VẬN TRUNG ƯƠNG

Ban Dân vận Trung ương là cơ quan tham mưu của Ban Chấp hành Trung ương, mà trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác dân vận, bao gồm công tác tôn giáo, công tác người Hoa.

Ban Dân vận Trung ương có nhiệm vụ:

1. Nghiên cứu đề xuất ý kiến với Ban Chấp hành

Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đường lối, chủ trương, chính sách trong lĩnh vực công tác dân vận, bao gồm công tác tôn giáo, công tác người Hoa chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị các quyết định của Đảng về công tác dân vận; thẩm định các đề án về công tác dân vận trước khi trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư; làm tham mưu giúp Ban Bí thư chỉ đạo xử lý những vấn đề cụ thể quan trọng trong công tác tôn giáo, người Hoa; phối hợp với Ban Dân tộc Trung ương nghiên cứu, đề xuất các vấn đề về chủ trương, chính sách đối với đồng bào các dân tộc.

2. Kiểm tra, nắm tình hình thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về công tác dân vận; thực hiện chế độ báo cáo theo quy chế của Trung ương và kiến nghị các vấn đề cần thiết với Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác dân vận.

3. Tiến hành công tác tổ chức và cán bộ trong khối theo quy định của Trung ương: Đề xuất ý kiến với Bộ Chính trị, Ban Bí thư về bố trí, đề bạt, sử dụng cán bộ trong khối thuộc phạm vi Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; nắm tình hình công tác tổ chức và cán bộ của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trung ương; kiến nghị chủ trương, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, quản lý và đãi ngộ đối với cán bộ làm công tác dân vận.

4. Là cơ quan thường trực của Hội đồng công tác quần chúng trung ương, phục vụ cho Hội đồng hoạt động có hiệu quả.

5. Hướng dẫn các ban, ngành, các tỉnh, thành ủy triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng về công tác dân vận; hướng dẫn và bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ tham mưu của các cấp ủy địa phương về công tác dân vận.

Phối hợp với Đảng ủy khối cơ quan dân vận Trung ương làm công tác xây dựng Đảng trong khối.

II- TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA BAN DÂN VẬN TRUNG ƯƠNG

1. Ban Dân vận Trung ương được kiện toàn theo hướng nâng cao chất lượng, tinh gọn bộ máy.

Căn cứ vào Quyết định này, Ban Dân vận Trung ương tổ chức bộ máy, sắp xếp cán bộ và xây dựng quy chế làm việc của Ban. Ngoài cán bộ trong biên chế theo quy định, Ban được thực hiện chế độ cộng tác viên để phục vụ công tác nghiên cứu và kiểm tra theo yêu cầu của Ban.

2. Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương lập ban dân vận, do một đồng chí thường vụ tỉnh ủy, thành ủy làm trưởng ban, tham mưu giúp cấp ủy về công tác dân vận.

Các cấp ủy huyện, quận, thị xã tổ chức khối dân vận, do một đồng chí thường vụ cấp ủy phụ trách, các đồng chí đứng đầu Mặt trận và các đoàn thể nhân dân là thành viên, có một cán bộ trong văn phòng cấp ủy giúp việc.

Ban Dân vận Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, lề lối làm việc và biên chế của Ban Dân vận các cấp ủy đảng.

Ban Dân vận Trung ương, các ban, ngành có liên quan và các tỉnh ủy, thành ủy có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay cho Quyết định số 54-QĐ/TW ngày 28 tháng 5 năm 1998 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ
ĐÀO DUY TÙNG

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 13-CT/TW, ngày 21 tháng 7 năm 1992

VỀ VIỆC QUẢN TRIỆT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa VII)

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa VII) đã nhận định tình hình trong nước và quốc tế một năm kể từ sau Đại hội VII của Đảng, quyết định những chủ trương, biện pháp lớn về các mặt công tác đối ngoại và kinh tế đối ngoại, về quốc phòng và an ninh, đổi mới và chỉnh đốn Đảng (bao gồm việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 Khóa VI). Các nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc củng cố sự ổn định chính trị, tiếp tục công cuộc đổi mới, thúc đẩy toàn bộ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Các cấp, các ngành cần làm thật tốt việc quán triệt và tổ chức thực hiện nghị quyết.

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Làm cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân quán triệt

những nhận định, đánh giá, các quan điểm, tư tưởng cơ bản và những nhiệm vụ được đề ra trong các Nghị quyết Trung ương; thấy mối liên quan giữa các nhiệm vụ trong mỗi nghị quyết, mối liên quan giữa ba nghị quyết và giữa các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 với Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 về nhiệm vụ kinh tế năm 1992 và cho đến năm 1995.

- Đồng thời với quán triệt nghị quyết, cần có chương trình hành động của mỗi ngành, địa phương và đơn vị.

- Trên cơ sở đó, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thực hiện chương trình hành động đã đề ra, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 và các nghị quyết khác của Đảng, trong đó phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

II- VỀ PHỔ BIẾN QUÁN TRIỆT NGHỊ QUYẾT

- Ban Bí thư mở hội nghị cán bộ để quán triệt nghị quyết và phổ biến kế hoạch triển khai việc thực hiện. Các tỉnh, thành ủy và các ban, ngành ở trung ương tổ chức hội nghị cán bộ cấp, ngành mình để quán triệt nghị quyết và có chương trình hành động.

- Đối với các vấn đề về quốc phòng, an ninh và chính sách đối ngoại, ngoài việc phổ biến chung tại hội nghị cán bộ do Ban Bí thư triệu tập, Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương có kế hoạch tổ chức quán triệt và xây dựng chương trình hành động để thực hiện nghị quyết trong lực lượng quân đội, công an. Đảng ủy khối các cơ quan đối ngoại, Ban Đối ngoại Trung ương, Ban Cán sự Đảng ngoài nước và Bộ Ngoại giao có kế hoạch tổ chức quán triệt và xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết trong hệ

thống các cơ quan đối ngoại, kể cả các cơ quan đại diện ở nước ngoài.

- Việc tuyên truyền phổ biến nghị quyết trong nhân dân dựa vào nội dung bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười (đã đăng trên các báo ra ngày 8-7-1992) và tiến hành chủ yếu thông qua sinh hoạt của các đoàn thể, qua các phương tiện thông tin đại chúng. Các đoàn thể có kế hoạch hướng dẫn việc tuyên truyền phổ biến nghị quyết của Đảng và chương trình hành động của đoàn thể mình đến đoàn viên, hội viên.

- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương có đề cương phổ biến nghị quyết giúp cho các tỉnh, thành ủy và các đảng ủy trực thuộc Trung ương quán triệt Nghị quyết Trung ương trong cán bộ cấp, ngành mình và có đề cương phổ biến cho các cơ sở đảng. Đồng thời có kế hoạch hướng dẫn công tác tuyên truyền trên báo, đài, chú trọng nâng cao chất lượng những trang, mục chuyên đề về công tác xây dựng Đảng và công tác củng cố quốc phòng, an ninh; hướng dẫn các báo, đài quán triệt Nghị quyết Trung ương 3 để thông tin và bình luận đúng về tình hình thế giới và quan hệ đối ngoại của ta.

- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Học viện Nguyễn Ái Quốc đưa nội dung các nghị quyết Trung ương vào chương trình giảng dạy và học tập của hệ thống trường Đảng, và nội dung các chương trình giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên.

III- VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Trong các nghị quyết của Hội nghị Trung ương 3, mỗi

ng nghị quyết đều đã có nói tương đối cụ thể về việc tổ chức thực hiện. Dưới đây là một số vấn đề chung.

1. Mỗi cấp ủy đảng, mỗi ban, ngành, đảng đoàn cần chuẩn bị ngay *chương trình hành động* từ nay đến Hội nghị giữa nhiệm kỳ (cuối năm 1993) về từng nghị quyết để thảo luận đồng thời với việc phổ biến, quán triệt nghị quyết.

Chương trình và kế hoạch đề ra cần sát với thực tế địa phương, ngành, đơn vị; có trọng tâm trọng điểm, định rõ thời gian thực hiện.

2. Các đồng chí lãnh đạo Nhà nước có chương trình chỉ đạo thể chế hóa các nghị quyết của Trung ương về chính sách đối với quân đội và công an, về ngân sách quốc phòng, an ninh, về đầu tư cho công nghiệp quốc phòng, về chính sách đối ngoại và kinh tế đối ngoại. Rà soát và chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm, tích cực giải quyết những việc có khả năng giải quyết được về các mặt chăm lo đời sống nhân dân, nhất là đối với cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang, công nhân viên chức và các đối tượng chính sách; chỉ đạo kiên quyết và có hiệu quả việc đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu...

3. Cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành kiểm điểm việc chấp hành nhiệm vụ quốc phòng và an ninh trong phạm vi mình phụ trách, nhận định âm mưu và hoạt động của địch, có kế hoạch chống diễn biến hòa bình và phá hoại lật đổ, rà soát, bổ sung các phương án bảo vệ an ninh, trật tự thường xuyên và sẵn sàng đối phó với các tình hình đột xuất, ngăn ngừa bạo loạn, tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm xử lý các tình huống phức tạp đã xảy ra. Đảng ủy Công an Trung ương, Đảng ủy Quân sự Trung ương có kế hoạch hướng dẫn và phối hợp với các tỉnh, thành trong nhiệm vụ đó.

4. Ban Đối ngoại Trung ương chịu trách nhiệm phối hợp với các ban, ngành có liên quan xây dựng cơ chế để bảo đảm Đảng lãnh đạo, Nhà nước thống nhất quản lý hoạt động đối ngoại, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp, phối hợp chặt chẽ các lĩnh vực chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại; đối ngoại về mặt Nhà nước, đối ngoại về Đảng và đối ngoại nhân dân. Các ngành đối ngoại, quốc phòng, an ninh và tư tưởng gắn bó chặt chẽ với nhau, trong tình hình phức tạp hiện nay cần nắm vững nội dung tinh thần Nghị quyết Trung ương 3, phối hợp chặt chẽ với nhau xử lý các vấn đề và vụ, việc một cách chủ động và đúng quan điểm của Đảng.

5. Ban Tổ chức Trung ương cùng các ban, các cơ quan có liên quan sớm xây dựng các quy chế về quan hệ làm việc giữa Bộ Chính trị, Ban Bí thư với Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ và ban cán sự đảng các bộ; quan hệ làm việc giữa Đảng với Nhà nước; quan hệ giữa các ban đảng với ban cán sự đảng các bộ và ủy ban; giữa các đảng đoàn, ban cán sự với cấp ủy, với thủ trưởng, với đảng ủy khối, đảng ủy cơ quan, đảng ủy công ty; ra các văn bản quy định về chức năng nhiệm vụ các loại hình cơ sở, các văn bản hướng dẫn về quy hoạch, sắp xếp tổ chức và bố trí cán bộ, về sàng lọc và phát triển đảng viên, về chế độ học tập của đảng viên và cán bộ, v.v..

6. Từ nay đến cuối năm 1993 phải giải quyết cho được một vài việc nổi cộm đang chi phối tình hình nhiều mặt, như một số vụ tham nhũng lớn, tình trạng mất đoàn kết ở một số nơi, sự kém nát của một số tổ chức đảng cơ sở, tình hình sản xuất sa sút, đời sống quá khó khăn, an ninh chính trị, trật tự xã hội quá kém ở một số nơi, giải quyết dứt điểm những "điểm nóng", v.v..

7. Tăng cường công tác kiểm tra trên từng việc một của chương trình hành động, hàng tháng, hàng quý, hàng năm hay nửa năm có sơ kết, tổng kết, có báo cáo lên cấp trên. Cuối năm nay tiến hành một cuộc sinh hoạt chính trị về xây dựng Đảng gắn sơ kết chương trình hành động thực hiện các nghị quyết Trung ương 2, 3 với việc tự phê bình và phê bình sâu sắc trong Đảng. Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương giúp Ban Bí thư chuẩn bị sớm kế hoạch tiến hành cuộc sơ kết và tự phê bình và phê bình này. Các cấp ủy đảng, cán bộ đảng và mọi đảng viên, trước hết là các Ủy viên Trung ương và các đồng chí lãnh đạo chủ chốt các cấp, các ngành phải nâng cao tính đảng, tinh thần trách nhiệm, gương mẫu trong việc quán triệt thực hiện các nghị quyết Trung ương 3.

8. Các Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Ban Nội chính Trung ương giúp Ban Bí thư theo dõi, kiểm tra, chỉ đạo quá trình tổ chức thực hiện. Các tỉnh, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, các đồng chí lãnh đạo các ngành bên Nhà nước tổ chức thực hiện tốt nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương và hàng tháng có báo cáo Ban Bí thư, trước hết chậm nhất là cuối tháng 8-1992 có báo cáo về đợt phổ biến quán triệt kèm theo chương trình hành động.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 37-QĐ/TW, ngày 29 tháng 8 năm 1992

VỀ CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ TỔ CHỨC CỦA BAN TƯ TƯỞNG - VĂN HÓA TRUNG ƯƠNG

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng và Điều lệ do Đại hội VII thông qua,
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa VII,

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

I- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA BAN TƯ TƯỞNG - VĂN HÓA TRUNG ƯƠNG

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương là cơ quan tham mưu, chỉ đạo và kiểm tra của Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác tư tưởng, văn hóa trong Đảng và trong xã hội.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương có những nhiệm vụ:

1. Nghiên cứu, tổng hợp, phân tích, dự báo tình hình tư

tưởng trong Đảng và trong xã hội, những âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, để kịp thời kiến nghị, đề xuất với Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư phương hướng, nhiệm vụ, nội dung, biện pháp xây dựng Đảng về tư tưởng, đường lối, chính sách, nội dung và biện pháp lớn trên lĩnh vực công tác tư tưởng - văn hóa đối với toàn xã hội; các đối sách, nội dung, biện pháp chống chiến tranh tư tưởng và tâm lý của địch.

2. Giúp Ban Bí thư chỉ đạo và kiểm tra các tổ chức đảng trong việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về tư tưởng, văn hóa.

3. Kiểm tra về phương hướng chính trị tư tưởng trong hoạt động giảng dạy lý luận chính trị thuộc hệ thống trường đảng, hệ thống giáo dục quốc dân và hệ thống các trường ngành và đoàn thể; chăm lo giáo dục, bồi dưỡng lý luận chính trị, thời sự, chính sách cho cán bộ, đảng viên ngoài các đối tượng thuộc hệ thống trường đảng và cho đông đảo nhân dân.

4. Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn nội dung hoạt động của hệ thống báo cáo viên từ trung ương đến cơ sở, trước hết là các đối tượng ở các cơ quan trung ương, một số trường đại học, cơ sở sản xuất kinh doanh lớn, câu lạc bộ những người về hưu...

5. Chỉ đạo nội dung, định hướng chính trị cho các cơ quan truyền thông đại chúng, các cơ quan xuất bản báo chí, văn hóa - văn nghệ, thể dục thể thao, các cơ quan thông tin, tuyên truyền đối ngoại ở trung ương và địa phương.

6. Nghiên cứu, tổng kết những vấn đề lý luận nghiệp vụ công tác tư tưởng, văn hóa; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ tuyên giáo các cấp, các ngành, các đoàn thể.

7. Kiểm tra, đề xuất và kiến nghị về tổ chức, chính sách,

đội ngũ cán bộ của ngành, của khối theo quy định của Trung ương; tham gia ý kiến với các cấp, ngành liên quan trong việc sắp xếp, bố trí, đề bạt cán bộ cao cấp của các ban, ngành trong khối, các trưởng ban tuyên giáo tỉnh, thành phố, tổng biên tập báo, giám đốc các nhà xuất bản lớn ở trung ương và địa phương.

8. Phối hợp với đảng ủy khối, với đảng đoàn, Ban cán sự đảng của các cơ quan trong khối về công tác xây dựng Đảng.

II- TỔ CHỨC BỘ MÁY

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương tổ chức bộ máy tinh, gọn, có chất lượng.

Theo Quyết định này, lãnh đạo Ban sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp cán bộ, xây dựng quy chế làm việc trong cơ quan.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và biên chế của ban tuyên giáo tỉnh, thành, quận, huyện.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, các ban, ngành có liên quan, các tỉnh ủy, thành ủy có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay cho Thông báo số 43-TB/TW ngày 30-11-1987 của Ban Bí thư Khóa VI.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 33-QĐ/TW, ngày 7 tháng 9 năm 1992

Về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương

- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng.

- Căn cứ Điều lệ Đảng và quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Khóa VII,

Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định:

I- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA BAN TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ TRUNG ƯƠNG

- Ban Tài chính - Quản trị Trung ương là cơ quan tài chính của Đảng và là cơ quan hậu cần của Trung ương.

- Ban Tài chính - Quản trị Trung ương có nhiệm vụ sau đây:

1. Quản lý tài chính, tài sản của Đảng.

- Tham mưu nghiên cứu trình Ban Bí thư quyết định các chủ trương, chính sách, chế độ thu nộp và sử dụng

đảng phí, chế độ thu chi tài chính, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng.

- Giúp Ban Bí thư lập ngân sách hàng năm của Trung ương Đảng, sau khi được Ban Bí thư duyệt, quản lý thực hiện ngân sách đó; chuẩn bị báo cáo tổng hợp dự toán và quyết toán ngân sách toàn Đảng và nhiệm vụ tài chính hàng năm để trình Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Được Ban Bí thư Trung ương ủy nhiệm, làm chủ sở hữu tài sản và trực tiếp quản lý các tài sản của các cơ quan Trung ương Đảng.

2. Tổ chức và quản lý các cơ sở sản xuất kinh doanh xây dựng ngân sách Đảng ở Trung ương.

3. Bảo đảm các điều kiện vật chất và từng bước đổi mới trang bị kỹ thuật phục vụ các hoạt động của bộ máy Trung ương Đảng; phục vụ tốt các hội nghị đại biểu toàn quốc và đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng.

Góp phần bảo vệ sức khỏe, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, công nhân, viên chức trong bộ máy Trung ương Đảng và cán bộ lão thành cách mạng theo quy định của Ban Bí thư.

4. Thực hiện hợp tác quốc tế với cơ quan tài chính - quản trị của các đảng có quan hệ với Đảng ta.

5. Hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ tài chính, quản lý và sử dụng tài sản của Đảng và tổ chức sản xuất, kinh doanh xây dựng ngân sách Đảng cho các cấp ủy đảng.

II- TỔ CHỨC BỘ MÁY

- Ban Tài chính - Quản trị Trung ương căn cứ vào quyết

định này để tổ chức bộ máy, sắp xếp cán bộ và xây dựng quy chế làm việc.

Tổ chức của Ban gồm các bộ phận phân biệt theo chức năng: tài chính, quản trị, sản xuất kinh doanh xây dựng ngân sách Đảng.

- Các tỉnh ủy, thành ủy thành lập Ban Tài chính - Quản trị để giúp cấp ủy quản lý tài chính, tài sản, quản trị, tổ chức sản xuất kinh doanh xây dựng ngân sách Đảng.

Ban Tài chính - Quản trị Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, lề lối làm việc và biên chế của Ban Tài chính - quản trị các tỉnh ủy, thành ủy.

*
* *

Quyết định này thay thế Quyết định số 39-QĐ/TW ngày 28-1-1988 về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Ban Tài chính - quản trị Trung ương, các cấp ủy đảng và ban đảng trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 02-NQ/TW, ngày 10 tháng 9 năm 1992

Về chế độ đảng phí

Đảng phí có ý nghĩa quan trọng đối với công tác xây dựng Đảng về các mặt: tư tưởng, chính trị, tổ chức và tài chính.

"Tài chính của Đảng gồm đảng phí do đảng viên đóng..." (Điều 44 chương VI Điều lệ Đảng). Đóng đảng phí là tính Đảng, là trách nhiệm, là nghĩa vụ của từng đảng viên.

Chấp hành Điều lệ Đảng, để phù hợp với tình hình đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và yêu cầu của công tác xây dựng Đảng, phù hợp với tình hình thu nhập của đảng viên trong các lĩnh vực hoạt động khác nhau, Bộ Chính trị ra Nghị quyết về chế độ đảng phí như sau:

I- NGUYÊN TẮC

1. Căn cứ để đóng đảng phí là thu nhập của từng đảng viên.
2. Quy định việc thu nộp và quản lý đảng phí phải bảo đảm nguyên tắc quản lý thống nhất về tài chính của Đảng và phải đơn giản, chặt chẽ, dễ quản lý, dễ kiểm tra.

II- MỨC ĐÓNG ĐẢNG PHÍ CỦA ĐẢNG VIÊN

1. Đảng viên đang công tác, lao động trong các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể nhân dân, lực lượng vũ trang và trong các ngành nghề thuộc các thành phần kinh tế hưởng theo chế độ tiền lương; đảng viên hưởng chế độ học bổng; đảng viên hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, v.v. đóng đảng phí hàng tháng với mức thống nhất 1% (một phần trăm) thu nhập.

Đảng viên công tác, lao động, học tập ở nước ngoài đóng đảng phí bằng ngoại tệ với mức quy định 1% (một phần trăm) thu nhập.

2. Đảng viên làm nông nghiệp và các ngành nghề khác thuộc khu vực tập thể, cá thể đóng đảng phí hàng tháng bằng 1% thu nhập của bản thân. Trong trường hợp khó tính thu nhập, mức đóng đảng phí hàng tháng bằng một số tiền cố định trong từng thời gian do Ban Bí thư quy định.

3. Ngoài mức đóng đảng phí quy định tại điểm 1, 2 trên đây, những đảng viên có thu nhập đột xuất cao cần đóng thêm cho quỹ đảng.

III- QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TIỀN ĐẢNG PHÍ

1. Căn cứ vào khả năng thu và yêu cầu chi tiêu của từng loại cơ sở đảng, các tổ chức cơ sở đảng được trích giữ lại tiền đảng phí thu được để chi cho các hoạt động của Đảng như sau:

- Tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, thị trấn được trích giữ lại 2/3.

- Các tổ chức cơ sở đảng khác (cơ quan, xí nghiệp, trường học, bệnh viện, lực lượng vũ trang, v.v.) được trích giữ lại 1/3.

2. Việc quản lý và sử dụng đảng phí phải căn cứ vào chế độ quản lý tài chính của Đảng.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng viên đóng đảng phí hàng tháng trực tiếp cho Bí thư chi bộ hoặc chi ủy viên được chi bộ giao trách nhiệm thu đảng phí.

Tổ chức cơ sở đảng nộp đảng phí lên cấp trên hàng tháng, trừ một số địa bàn đặc biệt có quy định riêng.

Cấp ủy cấp trên định kỳ kiểm tra việc chấp hành ở các tổ chức đảng trực thuộc.

Những trường hợp vi phạm chế độ đảng phí cần kịp thời nhắc nhở, phê bình hoặc thi hành kỷ luật.

2. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương hướng dẫn cụ thể việc thi hành Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này thi hành từ ngày 1-1-1993.

Những quy định về chế độ đảng phí trước đây trái với Nghị quyết này đều bãi bỏ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐÀO DUY TÙNG

ĐIỆN
CỦA BAN BÍ THƯ

Số 40-ĐK:HT, ngày 29 tháng 9 năm 1992

Kính gửi: - Các tỉnh uỷ, thành uỷ,

- Các đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ,
- Các ban của Trung ương Đảng,

Đồng kính gửi:

- Bộ Ngoại giao,
- Văn phòng Chính phủ.

Nhân dân Cuba đang gặp rất nhiều khó khăn về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng... Mỹ lại mới quyết định tăng thêm những biện pháp bao vây, cấm vận đối với Cuba.

Trong năm nay, Chính phủ ta đã bán cho Cuba hàng vạn tấn gạo theo giá ưu đãi và xoá hơn 10 tỷ đồng Việt Nam nợ cho Cuba.

Để tỏ tình đoàn kết với nhân dân Cuba anh hùng đã từng nhiệt tình ủng hộ, giúp đỡ nhân dân ta kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Ban Bí thư chủ trương mở cuộc vận động các tầng lớp nhân dân ta góp tiền mua gạo tặng nhân dân Cuba.

1. Mục tiêu cuộc vận động "gạo cho Cuba" là góp được một số tiền đủ mua một vạn (10.000) tấn gạo gửi sang Cuba.

Cuộc vận động tiến hành trong 3 tháng từ tháng 10-1992 (Kỷ niệm 10 năm Hiệp định hợp tác hữu nghị Việt Nam - Cuba) đến hết tháng 12-1992 (Kỷ niệm quốc khánh Cuba 1-1-1993).

2. Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với Hội Hữu nghị Việt Nam - Cuba chủ trì tổ chức cuộc vận động này trong cả nước.

Các cấp mặt trận và đoàn thể nhân dân vận động theo kế hoạch và sự hướng dẫn của Ban Chỉ đạo cuộc vận động ở trung ương do đại diện Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam làm Trưởng ban.

3. Không làm rầm rộ, không để cuộc vận động gây trở ngại đến các công tác trọng tâm của địa phương, đơn vị, cơ quan, không tuyên truyền, thông tin trên báo đài trong quá trình cuộc vận động. Khi kết thúc cuộc vận động sẽ công bố một tin tổng hợp về kết quả cuộc vận động.

4. Yêu cầu các cấp uỷ đảng lãnh đạo, chỉ đạo các cấp mặt trận và đoàn thể nhân dân nhận rõ ý nghĩa chính trị quan trọng của cuộc vận động, nêu cao tinh thần quốc tế, làm gọn, đúng thời hạn, không gây phiền hà cho nhân dân, không để xảy ra những hiện tượng tiêu cực, bảo đảm thành công cho cuộc vận động.

5. Ban Dân vận Trung ương chịu trách nhiệm theo dõi cuộc vận động này và từng tháng báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ ĐỨC ANH

THÔNG BÁO

Số 33-TB/TW, ngày 5 tháng 10 năm 1992

**Quyết định của Bộ Chính trị về việc hợp nhất
hai cơ quan Ban Dân tộc Trung ương
và Văn phòng Miền núi và dân tộc
của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (cũ)**

Tại phiên họp ngày 23-10-1992, với sự nhất trí của đồng chí Thủ tướng Võ Văn Kiệt, Bộ Chính trị đã quyết định:

1. Hợp nhất cơ quan Ban Dân tộc Trung ương và cơ quan Văn phòng Miền núi và dân tộc của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (cũ) để xây dựng thành cơ quan Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

2. Lập Ban Cán sự Đảng Ủy ban Dân tộc và Miền núi; Ban Cán sự làm nhiệm vụ tham mưu cho Đảng về công tác dân tộc và miền núi.

3. Đồng chí Nông Đức Mạnh, đồng chí Hoàng Đức Nghi cùng Ban Cán sự Đảng Ủy ban Dân tộc và Miền núi có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

THÔNG BÁO CỦA BAN BÍ THƯ

Số 32-TB/TW, ngày 30 tháng 10 năm 1992

Ý kiến của Ban Bí thư về một số việc cấp bách cần thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 về xây dựng Đảng

Trong hai phiên họp ngày 12-10 và 27-10-1992 bàn về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3, Ban Bí thư đã có ý kiến như sau:

Lúc này, việc quy định đúng đắn chức năng, nhiệm vụ và các mối quan hệ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, và nhanh chóng lập các đảng đoàn, Ban cán sự đảng ở các cơ quan trung ương là những việc rất quan trọng để thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, làm thất bại những âm mưu thủ đoạn nham hiểm của các thế lực thù địch đang thực hiện diễn biến hoà bình đối với nước ta. Ban Bí thư chủ trương các đồng chí Bí thư Trung ương Đảng phụ trách các khối cần trực tiếp tham gia cùng với Ban Tổ chức Trung ương thúc đẩy các việc nói trên, cụ thể là:

- Bàn với Ban Đảng, Đảng uỷ Khối và đại diện một số tổ

chức cơ sở đảng trong khối soát xét, bổ sung hoàn chỉnh gấp văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ và các mối quan hệ của tổ chức cơ sở đảng ở các đơn vị trong khối để trình Ban Bí thư xét duyệt, ban hành.

- Khẩn trương tham gia ý kiến với Ban Tổ chức Trung ương và các ban ngành liên quan về nhân sự các Ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan trung ương để trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xét duyệt.

- Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 về đổi mới và chỉnh đốn Đảng trong các đơn vị thuộc khối mình phụ trách.

Ban Bí thư phân công cụ thể như sau:

+ Đồng chí Nguyễn Hà Phan chịu trách nhiệm về các tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp nhà nước và các thành phần kinh tế khác, tổ chức đảng ở các xã, phường.

+ Đồng chí Nguyễn Đình Tứ chịu trách nhiệm về các tổ chức cơ sở đảng trong các trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu.

+ Đồng chí Nguyễn Đức Bình chịu trách nhiệm về các tổ chức cơ sở đảng trong các đơn vị khối tư tưởng, thông tin, văn hoá...

+ Đồng chí Hồng Hà chịu trách nhiệm về các tổ chức cơ sở đảng trong khối đối ngoại và trong các cơ quan.

+ Đồng chí Vũ Oanh cùng đồng chí Trương Mỹ Hoa chịu trách nhiệm về các tổ chức cơ sở đảng trong khối các đoàn thể nhân dân.

+ Đồng chí Lê Khả Phiêu chịu trách nhiệm về các tổ chức cơ sở đảng trong quân đội, công an.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**
Số 42-QĐ/TW, ngày 14 tháng 11 năm 1992
Về việc lập Đảng đoàn Quốc hội

Căn cứ Điều lệ Đảng,
Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành
Trung ương Đảng Khoá VII,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1

Thành lập Đảng đoàn Quốc hội.

Điều 2

Nhiệm vụ và quyền hạn của Đảng đoàn Quốc hội:

- a) Lãnh đạo Quốc hội thực hiện đúng đắn đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng.
- b) Thực hiện các nghị quyết của Đảng về tổ chức, cán bộ; quyết định những vấn đề về tổ chức, cán bộ theo sự phân công, phân cấp của Bộ Chính trị.
- c) Kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng trong hoạt động của Quốc hội.

d) Được triệu tập đảng viên hoặc đại diện đảng viên ở các đoàn đại biểu Quốc hội để bàn chủ trương và biện pháp thực hiện nghị quyết của Đảng trong Quốc hội.

đ) Báo cáo và kiến nghị với cấp uỷ có thẩm quyền biện pháp xử lý đối với đảng viên là đại biểu Quốc hội vi phạm nguyên tắc kỷ luật Đảng trong hoạt động Quốc hội.

e) Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những đề xuất và các quyết định của đảng đoàn.

g) Phối hợp với Đảng uỷ khối và Đảng uỷ cơ quan xây dựng Đảng bộ cơ quan Văn phòng Quốc hội trong sạch, vững mạnh.

Điều 3

Tổ chức của Đảng đoàn Quốc hội:

- a) Đảng đoàn Quốc hội gồm các đồng chí đảng viên là chủ tịch, phó chủ tịch, uỷ viên Thường vụ Quốc hội.
- b) Bí thư, phó bí thư và các uỷ viên đảng, đoàn do Bộ Chính trị chỉ định.
- c) Đảng đoàn chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.
- d) Đảng đoàn có con dấu.

Điều 4

Phương thức hoạt động của Đảng đoàn Quốc hội.

- a) Làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số.
- b) Định kỳ báo cáo công tác với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.
- c) Đại diện của đảng đoàn được dự các hội nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư có liên quan đến hoạt động của Quốc hội.

d) Quan hệ với các ban của Trung ương Đảng, các đảng đoàn, các Ban cán sự đảng các cơ quan trung ương và các cấp uỷ đảng để phối hợp công tác.

Điều 5

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐỖ MƯỜI

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 43-QĐ/TW, ngày 14 tháng 11 năm 1992

Về việc lập Ban Cán sự đảng Chính phủ

Căn cứ Điều lệ Đảng,

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá VII,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1

Thành lập Ban Cán sự đảng Chính phủ.

Điều 2

Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Cán sự đảng Chính phủ:

- a) Lãnh đạo Chính phủ thực hiện đúng đắn đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng.
- b) Thực hiện các nghị quyết của Đảng về tổ chức, cán bộ; quyết định những vấn đề về tổ chức, cán bộ theo sự phân công, phân cấp của Bộ Chính trị.
- c) Kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng trong hoạt động của Chính phủ.

d) Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những đề xuất và quyết định của Ban Cán sự đảng.

đ) Phối hợp với Đảng uỷ khối và Đảng uỷ cơ quan xây dựng Đảng bộ cơ quan Văn phòng Chính phủ trong sạch, vững mạnh.

Điều 3

Tổ chức của Ban Cán sự đảng Chính phủ:

a) Ban Cán sự đảng có từ 7 đến 9 uỷ viên, gồm các đồng chí đảng viên là Thủ tướng, Phó Thủ tướng và một số đồng chí bộ trưởng.

b) Bí thư, phó bí thư và các uỷ viên Ban Cán sự đảng do Bộ Chính trị chỉ định.

c) Ban Cán sự đảng chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

d) Ban Cán sự đảng có con dấu.

Điều 4

Phương thức hoạt động của Ban Cán sự đảng Chính phủ:

a) Làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số.

b) Bảo đảm và tạo điều kiện để Thủ tướng thực hiện quyền hạn và trách nhiệm được giao theo pháp luật.

c) Đại diện Ban Cán sự đảng được dự các hội nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư có liên quan đến hoạt động của Chính phủ.

d) Quan hệ với các ban của Trung ương Đảng, các đảng đoàn, các Ban Cán sự đảng các cơ quan trung ương và các cấp uỷ đảng để phối hợp công tác.

đ) Định kỳ báo cáo công tác với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 5

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐỖ MƯỜI

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 45-QĐ/TW, ngày 14 tháng 11 năm 1992

**VỀ VIỆC LẬP BAN CÁN SỰ ĐẢNG
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

Căn cứ Điều lệ Đảng,
Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành
Trung ương Đảng Khoá VII,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1

Thành lập Ban Cán sự đảng Toà án nhân dân tối cao.

Điều 2

Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Cán sự đảng Toà án nhân dân tối cao:

- a) Lãnh đạo Toà án nhân dân tối cao thực hiện đúng đắn đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng.
- b) Thực hiện các nghị quyết của Đảng về tổ chức, cán bộ; quyết định những vấn đề về tổ chức, cán bộ theo sự phân công, phân cấp của Bộ Chính trị.

c) Kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng trong hoạt động của Toà án nhân dân tối cao.

d) Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những đề xuất và quyết định của Ban Cán sự đảng.

đ) Phối hợp với Đảng uỷ khối và Đảng uỷ cơ quan xây dựng Đảng bộ cơ quan Toà án nhân dân tối cao trong sạch, vững mạnh.

Điều 3

Tổ chức của Ban Cán sự đảng Toà án nhân dân tối cao:

- a) Ban Cán sự đảng có từ 5 đến 7 uỷ viên, gồm các đồng chí đảng viên là Chánh án, Phó chánh án, Bí thư đảng uỷ cơ quan, Vụ trưởng vụ tổ chức cán bộ.
- b) Bí thư, phó bí thư và các uỷ viên Ban Cán sự đảng do Bộ Chính trị chỉ định.
- c) Ban Cán sự đảng chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.
- d) Ban Cán sự đảng có con dấu.

Điều 4

Phương thức hoạt động của Ban Cán sự đảng Toà án nhân dân tối cao:

- a) Làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số.
- b) Bảo đảm và tạo điều kiện để Chánh án thực hiện quyền hạn và trách nhiệm được giao theo pháp luật.
- c) Đại diện Ban Cán sự đảng được dự các hội nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề có liên quan.
- d) Quan hệ với các ban của Trung ương Đảng, các đảng

đoàn, các Ban Cán sự đảng các cơ quan trung ương và các cấp uỷ đảng để phối hợp công tác.

đ) Định kỳ báo cáo công tác với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 5

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐÀO DUY TÙNG

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 46-QĐ/TW, ngày 14 tháng 11 năm 1992

VỀ VIỆC LẬP CÁC ĐẢNG ĐOÀN ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN Ở CẤP TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Điều lệ Đảng,

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá VII,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1

Thành lập các đảng đoàn đoàn thể nhân dân ở cấp trung ương.

Điều 2

Nhiệm vụ và quyền hạn của các đảng đoàn đoàn thể nhân dân ở cấp trung ương:

a) Lãnh đạo đoàn thể nhân dân thực hiện đúng đắn đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng; tăng cường ảnh hưởng của Đảng và mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.

b) Thực hiện các nghị quyết của Đảng về tổ chức, cán bộ; quyết định những vấn đề về tổ chức, cán bộ theo sự phân công, phân cấp của Bộ Chính trị.

c) Kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng trong đoàn thể.

d) Báo cáo và kiến nghị biện pháp xử lý với cấp uỷ có thẩm quyền đối với đảng viên là thành viên của đoàn thể nhân dân vi phạm nguyên tắc kỷ luật Đảng trong hoạt động của đoàn thể.

đ) Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những đề xuất và quyết định của đảng đoàn.

e) Phối hợp với Đảng uỷ khối và Đảng uỷ cơ quan xây dựng Đảng bộ cơ quan trong sạch, vững mạnh.

Điều 3

Tổ chức của các đảng đoàn đoàn thể nhân dân ở cấp trung ương:

a) Đảng đoàn có 5 đến 7 uỷ viên, gồm các đảng viên là cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong ban chấp hành, ban thư ký.

b) Bí thư, phó bí thư và các uỷ viên Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật, Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật, Liên hiệp các hội hoà bình và hữu nghị do Bộ Chính trị chỉ định.

Bí thư, phó bí thư và các uỷ viên đảng đoàn các đoàn thể nhân dân khác do Ban Bí thư chỉ định.

c) Đảng đoàn chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

d) Đảng đoàn có con dấu.

Điều 4

Phương thức hoạt động của đảng đoàn đoàn thể nhân dân ở cấp trung ương:

a) Làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số.

b) Đại diện của các đảng đoàn được dự các hội nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề có liên quan

c) Quan hệ với các ban của Trung ương Đảng, các ban cán sự đảng, các đảng đoàn các cơ quan trung ương và các cấp uỷ đảng để phối hợp công tác.

d) Định kỳ báo cáo công tác với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 5

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐÀO DUY TÙNG

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 47-QĐ/TW, ngày 14 tháng 11 năm 1992

**VỀ VIỆC LẬP BAN CÁN SỰ ĐẢNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO**

Căn cứ Điều lệ Đảng,
Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành
Trung ương Đảng Khoá VII,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1

Thành lập Ban Cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 2

Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao:

a) Lãnh đạo ngành kiểm sát thực hiện đúng đắn đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng.

b) Thực hiện các nghị quyết của Đảng về tổ chức, cán bộ; quyết định những vấn đề về tổ chức, cán bộ theo sự phân công, phân cấp của Bộ Chính trị.

c) Kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng trong hoạt động của ngành kiểm sát.

d) Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những đề xuất và quyết định của Ban Cán sự đảng.

đ) Phối hợp với Đảng uỷ khối và Đảng uỷ cơ quan xây dựng Đảng bộ cơ quan Viện Kiểm sát nhân dân tối cao trong sạch, vững mạnh.

Điều 3

Tổ chức của Ban Cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao:

a) Ban Cán sự đảng có từ 5 đến 7 uỷ viên, gồm các đồng chí đảng viên là Viện trưởng, Phó viện trưởng, Bí thư đảng uỷ cơ quan, Vụ trưởng Vụ tổ chức cán bộ.

b) Bí thư, phó bí thư và các uỷ viên Ban Cán sự đảng do Bộ Chính trị chỉ định.

c) Ban Cán sự đảng chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

d) Ban Cán sự đảng có con dấu.

Điều 4

Phương thức hoạt động của Ban Cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao:

a) Làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số.

b) Bảo đảm và tạo điều kiện để Viện trưởng thực hiện quyền hạn và trách nhiệm được giao theo pháp luật.

c) Đại diện Ban Cán sự đảng được dự các hội nghị

Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề có liên quan đến hoạt động của ngành kiểm sát.

d) Quan hệ với các ban của Trung ương Đảng, các đảng đoàn, các ban cán sự đảng các cơ quan trung ương và các cấp uỷ đảng để phối hợp công tác.

đ) Định kỳ báo cáo công tác với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 5

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐÀO DUY TÙNG

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 48-QĐ/TW, ngày 14 tháng 11 năm 1992

VỀ VIỆC LẬP BAN CÁN SỰ ĐẢNG Ở CÁC BỘ VÀ CƠ QUAN NGANG BỘ

Căn cứ Điều lệ Đảng,

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá VII,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1

Thành lập ban cán sự đảng ở các bộ và cơ quan ngang bộ.

Điều 2

Nhiệm vụ và quyền hạn của ban cán sự đảng ở các bộ và cơ quan ngang bộ:

a) Lãnh đạo bộ hoặc cơ quan ngang bộ thực hiện đúng đắn đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng.

b) Thực hiện các nghị quyết của Đảng về tổ chức, cán bộ; quyết định những vấn đề về tổ chức, cán bộ theo sự phân công, phân cấp của Bộ Chính trị.

c) Kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng trong hoạt động của bộ hoặc cơ quan ngang bộ.

d) Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những đề xuất và quyết định của ban cán sự đảng.

đ) Phối hợp với Đảng uỷ khối và Đảng uỷ cơ quan xây dựng Đảng bộ cơ quan trong sạch, vững mạnh.

Điều 3

Tổ chức của ban cán sự đảng ở các bộ và cơ quan ngang bộ:

a) Ban cán sự đảng có từ 5 đến 7 uỷ viên, gồm các đồng chí đảng viên là bộ trưởng, thứ trưởng, bí thư đảng uỷ cơ quan, vụ trưởng vụ tổ chức cán bộ, chủ tịch công đoàn ngành (nếu có).

b) Bí thư, phó bí thư và các uỷ viên của ban cán sự đảng do Bộ Chính trị chỉ định.

c) Ban cán sự đảng chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

d) Ban cán sự đảng có con dấu.

Điều 4

Phương thức hoạt động của ban cán sự đảng ở các bộ hoặc cơ quan ngang bộ:

a) Làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số.

b) Bảo đảm và tạo điều kiện để bộ trưởng thực hiện quyền hạn và trách nhiệm được giao theo pháp luật.

c) Đại diện ban cán sự đảng được dự các hội nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề có liên quan.

d) Quan hệ với các ban của Trung ương Đảng, các đảng đoàn, các ban cán sự đảng các cơ quan trung ương và các cấp uỷ đảng để phối hợp công tác.

đ) Định kỳ báo cáo công tác với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 5

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐÀO DUY TÙNG

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 14-CT/TW, ngày 19 tháng 11 năm 1992

Về việc tổ chức tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương (Khoá VII)

Cuối năm 1992 các cấp, các ngành tổ chức kiểm điểm một năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, trên cơ sở đó tiến hành việc tự phê bình và phê bình một cách thật sự nghiêm túc theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới và chỉnh đốn Đảng.

1. Yêu cầu

- Các cấp uỷ đảng, cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cấp tiến hành tự phê bình và phê bình qua một năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội VII.

- Sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình, cấp uỷ, ban cán sự đảng cần bổ sung, hoàn chỉnh chương trình hành động về đổi mới và chỉnh đốn Đảng ở ngành, địa phương mình và có biện pháp thực hiện ngay chương trình đó.

- Tiến hành tự phê bình và phê bình phải có chuẩn bị chu đáo, chỉ đạo chặt chẽ, tránh làm lướt, chiếu lệ; tự phê bình và

phê bình với tinh thần nghiêm túc, xây dựng, không xen động cơ cá nhân.

2. Nội dung tự phê bình và phê bình

a) Đối với tập thể cấp uỷ, ban cán sự đảng, đảng đoàn:

- Kiểm điểm lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ công tác, việc gì đã làm được, làm tốt, việc gì làm chưa tốt, hoặc chưa làm được, nguyên nhân và trách nhiệm, chỉ ra đơn vị làm tốt và đơn vị làm chưa tốt.

- Kiểm điểm công tác xây dựng Đảng. Nơi mất đoàn kết nội bộ kéo dài hoặc có hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, buôn lậu, cần làm rõ trách nhiệm của tập thể và của cá nhân.

b) Đối với cá nhân:

- Trên cơ sở kiểm điểm chung của tập thể cấp uỷ, ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo cơ quan, từng cá nhân tự phê bình về việc quán triệt đường lối, chính sách của Đảng, về tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức xây dựng Đảng, quan hệ với quần chúng, về đạo đức và lối sống.

- Kiểm điểm ý thức đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực trong nội bộ đảng, bảo đảm các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng.

3. Kế hoạch chỉ đạo việc phê bình và tự phê bình

- Cán bộ lãnh đạo chủ chốt phải gương mẫu tự phê bình trước, cấp trên tự phê bình trước. Đối với cán bộ có nhiều dư luận và thư tố cáo thì cần phải tiến hành kiểm điểm kết luận; nghiêm cấm việc trù dập người phê bình và lợi dụng phê bình để vu khống và xuyên tạc người khác.

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư cùng với Ban Cán sự đảng

Chính phủ trực tiếp nghe kiểm điểm của một số đồng chí Ủy viên Trung ương công tác ở các bộ và uỷ ban Nhà nước, một số tỉnh uỷ, thành uỷ.

Các đồng chí bí thư ban cán sự đảng, thường vụ các tỉnh uỷ, thành uỷ cần có kế hoạch trực tiếp nghe tự phê bình và phê bình một số cán bộ phụ trách ở các ngành, địa phương và cơ sở sản xuất kinh doanh lớn.

- Sau khi tổ chức tự phê bình và phê bình, ở những nơi cần thiết, cần tiến hành việc điều chỉnh một số cán bộ ngành và địa phương để nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng, chuẩn bị một bước nhân sự cho Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ.

- Các ngành trung ương và các cấp uỷ địa phương sau khi kiểm điểm cần báo cáo kết quả lên Ban Bí thư và gửi bản tự phê bình và phê bình cho cơ quan giúp cấp uỷ trực tiếp quản lý cán bộ.

- Việc tự phê bình và phê bình phải làm xong trong tháng 1 năm 1993.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

QUY ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 49-QĐ/TW, ngày 19 tháng 11 năm 1992

Về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ trong các doanh nghiệp nhà nước

Căn cứ Điều lệ Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Khoá VII,

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

Căn cứ đặc điểm của các doanh nghiệp nhà nước,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ, trong các doanh nghiệp nhà nước như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1

Đảng bộ, chi bộ trong doanh nghiệp nhà nước là hạt nhân chính trị, lãnh đạo thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ở doanh nghiệp; lãnh đạo sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công nhân, viên chức, hoàn thành nghĩa vụ của

doanh nghiệp đối với Nhà nước, phát huy vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế quốc dân, xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh.

II- NHIỆM VỤ

1. *Lãnh đạo việc xây dựng và thực hiện chủ trương, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, an ninh, quốc phòng... của doanh nghiệp*

Điều 2

Lãnh đạo xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nhiệm vụ, mục tiêu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian, đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo toàn và phát triển tài sản, nguồn vốn của doanh nghiệp, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công nhân, viên chức, hoàn thành nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước.

Điều 3

Lãnh đạo xây dựng và thực hiện các chủ trương, phát huy quyền làm chủ của công nhân viên chức, thực hiện công bằng xã hội; thực hiện công khai về tài chính và phân phối, chống tham nhũng, trù dập, ức hiếp quần chúng...

Điều 4

Lãnh đạo xây dựng và thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng, bảo vệ nội bộ, bảo vệ tài sản của doanh nghiệp.

2. *Lãnh đạo công tác tư tưởng*

Điều 5

Làm tốt công tác giáo dục tư tưởng trong công nhân, viên chức, phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; xây dựng tinh thần làm chủ, ý thức cần kiệm và tình đoàn kết, hợp tác, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau trong công nhân, viên chức.

Làm cho công nhân, viên chức hiểu và chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của doanh nghiệp; nâng cao trình độ kiến thức, nghiệp vụ và tay nghề của công nhân, viên chức; hiểu được tâm tư, nguyện vọng của công nhân, viên chức để kịp thời giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

Chống tư tưởng và việc làm trái với đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tư tưởng phường hội, cục bộ, gia trưởng, độc đoán, vô tổ chức, vô kỷ luật...

3. *Lãnh đạo thực hiện công tác tổ chức và cán bộ.*

Điều 6

Lãnh đạo xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong doanh nghiệp.

Điều 7

Cấp uỷ nhận xét, đánh giá cán bộ và ra nghị quyết về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều chuyển, nghỉ hưu, kỷ luật, khen thưởng, đãi ngộ... đối với những cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của cấp uỷ và những chủ trương về kiện toàn tổ chức, sắp xếp bộ máy, xây dựng quy chế làm việc của doanh nghiệp. Lãnh đạo thực hiện những nghị quyết đó.

Điều 8

Cấp uỷ doanh nghiệp đề xuất ý kiến để cấp uỷ cấp trên

xem xét, quyết định các vấn đề về tổ chức và cán bộ của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của cấp trên.

4. Lãnh đạo các đoàn thể nhân dân

Điều 9

Lãnh đạo các đoàn thể nhân dân xây dựng tổ chức vững mạnh, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo điều lệ của mỗi đoàn thể, phát huy quyền làm chủ của công nhân, viên chức, thi đua thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

Điều 10

Cấp uỷ lãnh đạo các đoàn thể nhân dân và công nhân, viên chức tham gia xây dựng và bảo vệ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, các chủ trương, nhiệm vụ của doanh nghiệp.

5. Xây dựng tổ chức đảng trong doanh nghiệp

Điều 11

Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh.

Điều 12

Thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; thực hiện đúng nền nếp sinh hoạt đảng.

Điều 13

Đảng viên phải đăng ký chương trình học tập với chi bộ; chi bộ, chi uỷ kiểm tra, hướng dẫn và tạo điều kiện để đảng viên thực hiện chương trình đã đăng ký.

Cấp uỷ và chi bộ quản lý và phân công đảng viên, tạo điều kiện để đảng viên hoàn thành nhiệm vụ, kịp thời biểu dương việc làm tốt của đảng viên, kiểm tra, xử lý đảng viên

mắc sai lầm, khuyết điểm, kiên quyết đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Điều 14

Thường xuyên làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên; chú trọng phát triển đảng trong đoàn viên Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; bảo đảm các yêu cầu về phương hướng, tiêu chuẩn, coi trọng chất lượng, không chạy theo số lượng.

Điều 15

Xây dựng cấp uỷ có đủ phẩm chất, năng lực và hoạt động có hiệu quả trong thực tiễn, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm.

Bí thư cấp uỷ là cán bộ lãnh đạo của doanh nghiệp phải tiêu biểu cho đảng bộ, chi bộ, đoàn kết, tập hợp được cán bộ, đảng viên và quần chúng.

III- QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI GIÁM ĐỐC VÀ MỘT SỐ TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 16

Đảng bộ, chi bộ, cấp uỷ bảo đảm và tạo điều kiện để giám đốc thực hiện trách nhiệm và quyền hạn được giao.

Giám đốc bảo đảm và tạo điều kiện để đảng bộ, chi bộ thực hiện quy định này.

Điều 17

Giám đốc định kỳ (3 tháng, 6 tháng... dịp đại hội Đảng) báo cáo với cấp uỷ hoặc đại hội về tình hình thực hiện các mặt công tác và những chủ trương, nhiệm vụ sắp tới của doanh nghiệp; cấp uỷ ra nghị quyết về những vấn đề lớn,

quan trọng và lãnh đạo đảng viên, quần chúng trong doanh nghiệp thực hiện.

Cấp uỷ định kỳ thông báo với giám đốc ý kiến của đảng viên, quần chúng về việc thực hiện nhiệm vụ và các chính sách, chế độ trong doanh nghiệp.

Điều 18

Cấp uỷ xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với ban cán sự đảng, cấp uỷ đảng và chính quyền địa phương nơi doanh nghiệp đóng và nơi có đảng viên là công nhân, viên chức của doanh nghiệp cư trú, để phối hợp công tác.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19

Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Điều 20

Đảng bộ, chi bộ doanh nghiệp nhà nước căn cứ vào quy định này, xây dựng quy chế hoạt động cụ thể, sát hợp với đặc điểm của đơn vị thực hiện.

Điều 21

Mọi quy định trước đây, trái với Quy định này đều bãi bỏ.

Điều 22

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và được phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ
ĐÀO DUY TÙNG

**QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 50-QĐ/TW, ngày 19 tháng 11 năm 1992

**Về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ,
chi bộ ở nông thôn**

Căn cứ Điều lệ Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Khoá VII,

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

Căn cứ tình hình, đặc điểm ở nông thôn,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ ở nông thôn như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1

Đảng bộ, chi bộ nông thôn là hạt nhân chính trị, lãnh đạo thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ở nông thôn, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, động viên nhân dân làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

II- NHIỆM VỤ

1. *Xác định chủ trương, nhiệm vụ về các mặt chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng... và lãnh đạo thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ đó ở nông thôn.*

Điều 2

Lãnh đạo xây dựng và thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

Xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển sự nghiệp văn hoá, thông tin, giáo dục, y tế, dân số và kế hoạch hoá gia đình; thực hiện tốt các chính sách xã hội, tăng hộ giàu, xoá hộ nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; động viên nhân dân hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước; xây dựng nông thôn mới giàu đẹp, văn minh.

Điều 3

Lãnh đạo xây dựng và thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ nhằm phát huy dân chủ và thực hiện công bằng xã hội; thực hiện công khai về tài chính và phân phối, chống tham nhũng, hà lạm công quỹ, ức hiếp nhân dân, lấn chiếm ruộng đất, cho vay nặng lãi...

Điều 4

Lãnh đạo xây dựng và thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng, bảo vệ nội bộ, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, tính mạng và tài sản của nhân dân.

2. *Lãnh đạo công tác tư tưởng.*

Điều 5

Làm tốt công tác giáo dục tư tưởng trong các tầng lớp nhân dân, phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; xây dựng tinh thần làm chủ, đoàn kết nông thôn, gắn bó tình làng nghĩa xóm, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau; đoàn kết các dân tộc, đoàn kết các tôn giáo.

Làm cho nhân dân hiểu và chấp hành đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của cơ sở. Hiểu được tâm tư, nguyện vọng của nhân dân để kịp thời giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

Chống tư tưởng và việc làm trái với đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chống tư tưởng cục bộ, bè phái, gia trưởng và các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan.

3. *Lãnh đạo công tác tổ chức và cán bộ.*

Điều 6

Lãnh đạo xây dựng tổ chức chính quyền, các đoàn thể nhân dân, đơn vị kinh tế, sự nghiệp... ở cơ sở.

Xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của các tổ chức đó.

Điều 7

Cấp uỷ quyết định các vấn đề về tổ chức đảng và quản lý cán bộ theo phân cấp của cấp trên; giới thiệu người vào cơ quan lãnh đạo của chính quyền, đoàn thể nhân dân, đơn vị kinh tế... và lãnh đạo thực hiện những chủ trương đó.

Điều 8

Cấp uỷ nhận xét, đánh giá, quyết định bổ nhiệm, miễn

nhiệm, kỷ luật, khen thưởng, đãi ngộ... đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của cơ sở; kiểm tra việc thực hiện chính sách cán bộ ở cơ sở.

Điều 9

Cấp uỷ đề xuất ý kiến trong việc lựa chọn, giới thiệu cán bộ tham gia vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân... ở cấp trên và cán bộ chủ chốt của cơ sở do cấp trên quản lý.

4. Lãnh đạo các đoàn thể nhân dân.

Điều 10

Lãnh đạo các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo điều lệ của mỗi đoàn thể, phát huy quyền làm chủ của các tầng lớp nhân dân, thi đua thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

Điều 11

Lãnh đạo các đoàn thể nhân dân và các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng và bảo vệ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, trước hết là những chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

5. Xây dựng tổ chức đảng.

Điều 12

Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh.

Điều 13

Sắp xếp tổ chức đảng (chi bộ, tổ đảng), thực hiện đúng

các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; thực hiện đúng nền nếp sinh hoạt đảng.

Điều 14

Đảng viên phải đăng ký chương trình học tập với chi bộ; chi bộ, chi uỷ hướng dẫn, kiểm tra và tạo điều kiện để đảng viên thực hiện chương trình đã đăng ký.

Cấp uỷ và chi bộ quản lý và phân công đảng viên, phát huy tác dụng tích cực và tiềm năng của lớp đảng viên lớn tuổi và tính tích cực, năng động, sáng tạo của lớp đảng viên trẻ, đoàn kết, thống nhất nội bộ, tạo điều kiện để đảng viên hoàn thành nhiệm vụ; kịp thời biểu dương việc làm tốt của đảng viên và kiểm tra, xử lý đảng viên mắc sai lầm, khuyết điểm, kiên quyết đưa người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Điều 15

Chăm lo công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên mới, bảo đảm tiêu chuẩn, coi trọng chất lượng; chú trọng phát triển đảng trong đoàn viên Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Điều 16

Xây dựng cấp uỷ có đủ phẩm chất, năng lực và hoạt động có hiệu quả, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm.

Bí thư cấp uỷ phải thực sự tiêu biểu cho đảng bộ, chi bộ, đoàn kết, tập hợp được cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân ở cơ sở.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ NÔNG THÔN VỚI CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 17

Tổ chức đảng, đảng viên công tác trong tổ chức chính quyền, đoàn thể nhân dân, tổ chức kinh tế... ở nông thôn, phải bảo đảm và tạo điều kiện để các tổ chức đó thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng pháp luật của Nhà nước, điều lệ của mỗi tổ chức; giám sát, kiểm tra hoạt động của các tổ chức đó. Tổ chức đảng, đảng viên được phân công phải định kỳ báo cáo và đề xuất với cấp uỷ cơ sở về tình hình hoạt động và chủ trương, nhiệm vụ công tác của các tổ chức nói trên.

Điều 18

Tổ chức đảng, đảng viên phải lắng nghe, tiếp thu và ủng hộ mọi sáng kiến của nhân dân để xây dựng các chủ trương của Đảng; nghiêm chỉnh chấp hành và vận động, thuyết phục nhân dân chấp hành nghị quyết của Đảng, quyết định của chính quyền.

Điều 19

Chủ động phối hợp với các tổ chức cơ sở đảng ở các đơn vị đóng trên địa bàn trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng nông thôn.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20

Các tỉnh uỷ, thành uỷ và cấp uỷ cấp trên trực tiếp của

các tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Điều 21

Đảng bộ, chi bộ nông thôn căn cứ vào Quy định này, xây dựng quy chế hoạt động cụ thể, sát hợp với đặc điểm của cơ sở để thực hiện.

Điều 22

Mọi quy định trước đây trái với Quy định này đều bãi bỏ.

Điều 23

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và được phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

QUY ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 51-QĐ/TW, ngày 19 tháng 11 năm 1992

Về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ trong các đơn vị sự nghiệp (trường học, viện nghiên cứu, bệnh viện)

Căn cứ Điều lệ Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá VII,

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

Căn cứ đặc điểm của các đơn vị sự nghiệp,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của các đảng bộ, chi bộ trong các đơn vị sự nghiệp như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1

Đảng bộ, chi bộ trong các đơn vị sự nghiệp là hạt nhân chính trị, lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở đơn vị; lãnh đạo thực hiện công tác chuyên môn có hiệu quả, nâng cao đời sống vật

chất và tinh thần của cán bộ, công nhân viên, hoàn thành nghĩa vụ của đơn vị đối với Nhà nước.

II- NHIỆM VỤ

1. *Lãnh đạo xây dựng và thực hiện chủ trương, nhiệm vụ chuyên môn, an ninh, quốc phòng... của đơn vị.*

Điều 2

Lãnh đạo xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nhiệm vụ, mục tiêu công tác chuyên môn của đơn vị, thực hiện đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, công nhân viên, hoàn thành nghĩa vụ của đơn vị đối với Nhà nước.

Điều 3

Lãnh đạo xây dựng và thực hiện các chủ trương nhằm phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công nhân viên, thực hiện công bằng xã hội; thực hiện công khai về tài chính và phân phối, chống tham nhũng, trù dập, ức hiếp quần chúng...

Điều 4

Lãnh đạo xây dựng và thực hiện chủ trương, nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng, bảo vệ nội bộ, bảo vệ tài sản của đơn vị, giữ gìn bí mật quốc gia...

2. *Lãnh đạo công tác tư tưởng.*

Điều 5

Làm tốt công tác giáo dục tư tưởng trong cán bộ, công

nhân viên, phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần làm chủ, xây dựng tình đoàn kết, hợp tác, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau.

Làm cho cán bộ, công nhân viên hiểu và chấp hành đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của đơn vị; hiểu được tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, công nhân viên để kịp thời giải quyết và báo cáo lên cấp trên, không ngừng bồi dưỡng nâng cao trình độ kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn của cán bộ, công nhân viên.

Chống tư tưởng và việc làm trái với đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tự do vô tổ chức, thiếu tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác...

3. Lãnh đạo thực hiện công tác tổ chức và cán bộ.

Điều 6

Lãnh đạo xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong đơn vị.

Điều 7

Cấp uỷ nhận xét, đánh giá cán bộ và ra nghị quyết về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều chuyển, nghỉ hưu, kỷ luật, khen thưởng, đãi ngộ... đối với những cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của cấp uỷ về những chủ trương kiện toàn tổ chức sắp xếp bộ máy, xây dựng quy chế làm việc của đơn vị. Lãnh đạo thực hiện các nghị quyết đó.

Điều 8

Cấp uỷ đơn vị đề xuất ý kiến đề cấp trên xem xét, quyết

định đối với các vấn đề về tổ chức và cán bộ của đơn vị thuộc thẩm quyền của cấp trên.

4. Lãnh đạo các đoàn thể nhân dân.

Điều 9

Lãnh đạo các đoàn thể nhân dân xây dựng tổ chức vững mạnh, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo điều lệ của mỗi đoàn thể, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công nhân viên, thi đua thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

Điều 10

Cấp uỷ lãnh đạo các đoàn thể nhân dân và cán bộ, công nhân viên tham gia xây dựng và bảo vệ đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương, nhiệm vụ của đơn vị.

5. Xây dựng tổ chức đảng.

Điều 11

Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh.

Điều 12

Thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình, kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng; nền nếp sinh hoạt đảng.

Điều 13

Đảng viên phải đăng ký chương trình học tập với chi bộ;

chi bộ, chi uỷ hướng dẫn, kiểm tra và tạo điều kiện để đảng viên thực hiện chương trình đã đăng ký.

Cấp uỷ và chi bộ quản lý, phân công đảng viên, tạo điều kiện để đảng viên hoàn thành nhiệm vụ, kịp thời biểu dương những việc làm tốt của đảng viên, kiểm tra, xử lý đảng viên mắc sai lầm, khuyết điểm, kiên quyết đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Điều 14

Thường xuyên làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên đúng tiêu chuẩn, coi trọng chất lượng; chú trọng phát triển đảng trong đoàn viên Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Điều 15

Xây dựng cấp uỷ có đủ phẩm chất, năng lực, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm. Bí thư cấp uỷ là cán bộ lãnh đạo của đơn vị, phải tiêu biểu cho đảng bộ, chi bộ, đoàn kết, tập hợp được cán bộ, đảng viên và quần chúng.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ

VỚI THỦ TRƯỞNG VÀ CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 16

Đảng bộ, chi bộ, cấp uỷ bảo đảm và tạo điều kiện để thủ trưởng đơn vị thực hiện trách nhiệm và quyền hạn được giao.

Thủ trưởng đơn vị bảo đảm và tạo điều kiện để đảng bộ, chi bộ thực hiện Quy định này.

Điều 17

Thủ trưởng định kỳ (3 tháng, 6 tháng... dịp đại hội Đảng) báo cáo với cấp uỷ hoặc đại hội về tình hình thực hiện các mặt công tác và những chủ trương, nhiệm vụ sắp tới của đơn vị; cấp uỷ hoặc đại hội đảng bộ, chi bộ thảo luận, ra nghị quyết về những vấn đề lớn và quan trọng, lãnh đạo đảng viên, quần chúng trong đơn vị thực hiện.

Cấp uỷ thông báo với thủ trưởng ý kiến của đảng viên, quần chúng về việc thực hiện nhiệm vụ và các chính sách, chế độ trong đơn vị.

Điều 18

Cấp uỷ xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với ban cán sự đảng, với cấp uỷ và chính quyền địa phương nơi đơn vị đóng, nơi có đảng viên là cán bộ, công nhân viên của đơn vị cư trú, để phối hợp công tác.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19

Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc trung ương, các cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Điều 20

Đảng bộ, chi bộ trong các đơn vị sự nghiệp căn cứ vào Quy định này, xây dựng quy chế hoạt động cụ thể, sát hợp với đặc điểm của đơn vị để thực hiện.

Điều 21

Mọi quy định trước đây trái với Quy định này đều bãi bỏ.

Điều 22

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và được phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

**QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 52-QĐ/TW, ngày 19 tháng 11 năm 1992

**Về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ,
chi bộ ở phường**

Căn cứ Điều lệ Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Khoá VII,

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

Căn cứ tình hình đặc điểm của phường,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ ở phường như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1

Đảng bộ, chi bộ ở phường là hạt nhân chính trị, lãnh đạo thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, xây dựng phường, đường phố văn minh, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, động viên nhân dân làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

II- NHIỆM VỤ

1. *Xác định chủ trương, nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng... và lãnh đạo thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ đó ở phường.*

Điều 2

Lãnh đạo chính quyền thực hiện đúng chức năng quản lý hành chính nhà nước, tạo môi trường xã hội thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp và dịch vụ... đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước, giải quyết việc làm cho người lao động.

Lãnh đạo chính quyền, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức kinh tế, sự nghiệp..., chủ động và phối hợp với cấp trên xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển sự nghiệp văn hoá, thông tin, giáo dục, y tế, dân số và kế hoạch hoá gia đình, xây dựng gia đình văn hoá mới, thực hiện tốt các chính sách xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, động viên nhân dân hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, xây dựng phường, đường phố giàu đẹp, văn minh.

Điều 3

Lãnh đạo xây dựng và thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi công dân, bảo đảm công bằng xã hội; thực hiện công khai về tài chính và phân phối, chống ức hiếp nhân dân, tham nhũng, trốn thuế, lậu thuế, lấn chiếm nhà đất...

Điều 4

Lãnh đạo xây dựng và thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, đoàn kết nội bộ, đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể và tính mạng tài sản của nhân dân.

2. *Lãnh đạo công tác tư tưởng.*

Điều 5

Làm công tác giáo dục tư tưởng trong các tầng lớp nhân dân, phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, xây dựng tinh thần làm chủ, đoàn kết, gắn bó, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau trong nhân dân.

Làm cho nhân dân hiểu và chấp hành đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của thành phố, quận, phường; hiểu được tâm tư, nguyện vọng của nhân dân để kịp thời giải quyết và báo cáo lên cấp trên.

Chống tư tưởng và việc làm trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tư tưởng cá nhân, cục bộ, các hủ tục lạc hậu, tệ nạn xã hội...

3. *Lãnh đạo thực hiện công tác tổ chức, cán bộ.*

Điều 6

Lãnh đạo xây dựng tổ chức chính quyền, đoàn thể nhân dân, đơn vị kinh tế, sự nghiệp... ở phường; xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ của các tổ chức đó.

Điều 7

Cấp uỷ quyết định các vấn đề về tổ chức đảng và quản

lý cán bộ theo phân cấp của cấp trên; giới thiệu người vào các cơ quan lãnh đạo của chính quyền, đoàn thể nhân dân, đơn vị kinh tế, sự nghiệp... và lãnh đạo thực hiện những chủ trương đó.

Điều 8

Cấp uỷ nhận xét, đánh giá cán bộ, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, khen thưởng, đãi ngộ... đối với cán bộ thuộc thẩm quyền; kiểm tra việc thực hiện chính sách cán bộ ở phường.

Điều 9

Cấp uỷ đề xuất ý kiến trong việc lựa chọn, giới thiệu cán bộ tham gia vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân... ở cấp trên và cán bộ chủ chốt của cơ sở do cấp trên quản lý.

4. Lãnh đạo các đoàn thể nhân dân.

Điều 10

Lãnh đạo các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo điều lệ của mỗi đoàn thể, phát huy quyền làm chủ của các tầng lớp nhân dân, thi đua thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

Điều 11

Lãnh đạo các đoàn thể và các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng và bảo vệ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trước hết là những chủ trương, chính sách về xây dựng và quản lý đô thị, giải quyết việc làm và các chính sách xã hội khác.

5. Xây dựng tổ chức đảng.

Điều 12

Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh.

Điều 13

Thực hiện đúng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình, nên nếp sinh hoạt đảng, kiểm tra đảng viên thực hiện Điều lệ Đảng.

Điều 14

Đảng viên phải đăng ký chương trình học tập với chi bộ; chi bộ, chi uỷ hướng dẫn, kiểm tra và tạo điều kiện để đảng viên thực hiện chương trình đã đăng ký.

Cấp uỷ và chi bộ quản lý, phân công đảng viên, tạo điều kiện để đảng viên hoàn thành nhiệm vụ, kịp thời biểu dương những việc làm tốt của đảng viên, kiểm tra, xử lý đảng viên mắc sai lầm, khuyết điểm, kiên quyết đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Điều 15

Thường xuyên làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên đúng tiêu chuẩn, coi trọng chất lượng; chú trọng phát triển đảng trong đoàn viên Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Điều 16

Xây dựng cấp uỷ có đủ phẩm chất, năng lực và hoạt động có hiệu quả, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm.

Bí thư cấp uỷ phải là người tiêu biểu cho đảng bộ, chi bộ, đoàn kết, tập hợp được cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 17

Tổ chức đảng và đảng viên công tác trong tổ chức chính quyền, đoàn thể nhân dân, đơn vị kinh tế, sự nghiệp... ở phường bảo đảm và tạo điều kiện để các tổ chức đó thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng pháp luật của Nhà nước, điều lệ của mỗi tổ chức; kiểm tra hoạt động của các tổ chức đó. Tổ chức đảng, đảng viên được phân công phải định kỳ báo cáo và đề xuất với cấp uỷ cơ sở về tình hình hoạt động và chủ trương, nhiệm vụ công tác của các tổ chức nói trên.

Điều 18

Tổ chức đảng và đảng viên phải lắng nghe, tiếp thu và ủng hộ sáng kiến của nhân dân để xây dựng các chủ trương của Đảng; nghiêm chỉnh chấp hành và vận động, thuyết phục nhân dân chấp hành nghị quyết của Đảng, quyết định của chính quyền.

Điều 19

Chủ động phối hợp với các tổ chức cơ sở đảng của các đơn vị đóng trên địa bàn, với đảng viên là công nhân, viên chức cư trú trên địa bàn để phối hợp công tác.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20

Các tỉnh uỷ, thành uỷ và cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các đảng bộ, chi bộ thường thực hiện Quy định này.

Điều 21

Đảng bộ, chi bộ thường căn cứ vào Quy định này xây dựng quy chế hoạt động cụ thể, sát hợp với đặc điểm của phường để thực hiện.

Điều 22

Mọi quy định trước đây trái với Quy định này đều bãi bỏ.

Điều 23

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và được phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

**QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 54-QĐ/TW, ngày 19 tháng 11 năm 1992

**VỀ CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA ĐẢNG BỘ,
CHI BỘ CƠ QUAN**

Căn cứ Điều lệ Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Khoá VII,

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ quan như sau:

I- CHỨC NĂNG

Điều 1

Đảng bộ, chi bộ cơ quan là hạt nhân chính trị, lãnh đạo cán bộ, công nhân viên trong cơ quan thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; lãnh đạo xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nhiệm vụ công tác của cơ quan; phát huy tính chủ động, sáng tạo của tập thể cán bộ, công nhân viên, làm tốt chức năng tham mưu cho

lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, đoàn thể nhân dân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, công nhân viên.

II- NHIỆM VỤ

1. *Lãnh đạo công nhân viên chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan.*

Điều 2

Lãnh đạo cán bộ công nhân viên trong cơ quan:

+ Làm tốt công tác thông tin liên quan đến nhiệm vụ được giao để phục vụ đảng đoàn, ban cán sự đảng, thủ trưởng cơ quan.

+ Nghiên cứu, đề xuất, chuẩn bị tốt các dự án trình lãnh đạo quyết định.

+ Theo dõi việc thực hiện các quyết định, sơ kết, tổng kết, đề xuất kiến nghị với lãnh đạo những vấn đề cần thiết.

+ Không ngừng cải tiến và nâng cao hiệu suất công tác để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 3

Lãnh đạo việc xây dựng và thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong cơ quan. Đoàn kết nội bộ, đề cao cảnh giác cách mạng, giữ gìn bí mật của Đảng và Nhà nước.

2. *Lãnh đạo thực hiện công tác tổ chức và cán bộ.*

Điều 4

Đề xuất ý kiến để lãnh đạo cấp trên xem xét, quyết định

đối với các vấn đề về tổ chức và cán bộ của cơ quan thuộc thẩm quyền của cấp trên.

Điều 5

Lãnh đạo xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong cơ quan.

Điều 6

Tham gia ý kiến với ban cán sự đảng, đảng đoàn và thủ trưởng cơ quan về việc nhận xét, đánh giá, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều chuyển, nghỉ hưu, khen thưởng, kỷ luật, đãi ngộ... đối với những cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan và về những chủ trương kiện toàn tổ chức, sắp xếp bộ máy, xây dựng quy chế làm việc của cơ quan. Lãnh đạo việc thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quyết định đó.

3. Lãnh đạo công tác tư tưởng.

Điều 7

Làm tốt công tác giáo dục tư tưởng trong cán bộ, công nhân viên, phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội.

Làm cho cán bộ, công nhân viên hiểu và chấp hành đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các chủ trương, nhiệm vụ của cơ quan. Không ngừng bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn của cán bộ, đảng viên.

Chống tư tưởng và việc làm trái với đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tác phong

quan liêu, xa rời thực tế, tư tưởng cục bộ, gia trưởng, vô tổ chức, vô kỷ luật. Chống tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực khác.

4. Lãnh đạo các đoàn thể nhân dân.

Điều 8

Lãnh đạo các đoàn thể trong cơ quan xây dựng tổ chức vững mạnh, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo điều lệ của mỗi đoàn thể, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công nhân viên tham gia xây dựng đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương, nhiệm vụ của cơ quan; thực hiện công khai về tài chính và phân phối; chăm lo đời sống vật chất tinh thần và điều kiện làm việc, thi đua thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

5. Xây dựng tổ chức đảng.

Điều 9

Đề ra chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh.

Điều 10

Thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình; nên nếp sinh hoạt đảng, kiểm tra đảng viên thực hiện Điều lệ Đảng.

Điều 11

Cấp uỷ và chi bộ quản lý và phân công đảng viên, tạo điều kiện để đảng viên hoàn thành nhiệm vụ; hướng dẫn,

kiểm tra và tạo điều kiện để đảng viên đăng ký chương trình học tập với chi bộ và thực hiện chương trình đã đăng ký; kịp thời biểu dương việc làm tốt của đảng viên, kiểm tra, xử lý đảng viên mắc sai lầm, khuyết điểm, kiên quyết đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Điều 12

Thường xuyên làm tốt công tác tạo nguồn và phát triển đảng viên đúng tiêu chuẩn, coi trọng chất lượng; chú trọng phát triển đảng trong đoàn viên Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Điều 13

Xây dựng cấp uỷ có đủ phẩm chất, năng lực và hoạt động có hiệu quả, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm.

Bí thư cấp uỷ phải tiêu biểu cho đảng bộ, chi bộ, đoàn kết, tập hợp được cán bộ, đảng viên và quần chúng.

III- QUAN HỆ CỦA ĐẢNG BỘ, CHI BỘ VỚI THỦ TRƯỞNG VÀ CÁC TỔ CHỨC KHÁC

Điều 14

Đảng bộ, chi bộ, cấp uỷ bảo đảm và tạo điều kiện để thủ trưởng cơ quan thực hiện trách nhiệm và quyền hạn được giao.

Thủ trưởng cơ quan bảo đảm và tạo điều kiện để đảng bộ, chi bộ thực hiện Quy định này.

Điều 15

Thủ trưởng định kỳ báo cáo với cấp uỷ hoặc đại hội về

tình hình thực hiện các mặt công tác và những chủ trương, nhiệm vụ sắp tới của cơ quan, cấp uỷ, hoặc đại hội đảng bộ, chi bộ thảo luận ra nghị quyết về những vấn đề lớn và quan trọng, lãnh đạo đảng viên và quần chúng trong cơ quan thực hiện.

Cấp uỷ cơ quan phản ánh với ban cán sự đảng, đảng đoàn, thủ trưởng cơ quan ý kiến của đảng viên, quần chúng về việc thực hiện nhiệm vụ và các chính sách, chế độ trong cơ quan.

Điều 16

Đảng bộ, chi bộ cơ quan xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với đảng bộ và chính quyền địa phương nơi cơ quan đóng, nơi có cán bộ, công nhân viên của cơ quan cư trú, để phối hợp công tác.

IV- ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17

Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các cấp uỷ cấp trên của tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Điều 18

Đảng bộ, chi bộ cơ quan căn cứ vào Quy định này, xây dựng quy chế hoạt động cụ thể, sát hợp với đặc điểm của cơ quan để thực hiện.

Điều 19

Mọi quy định trước đây trái với Quy định này đều bãi bỏ.

Điều 20

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và được phổ biến đến các chi bộ để thực hiện.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 53-QĐ/TW, ngày 20 tháng 11 năm 1992

**Về việc thành lập Nhà xuất bản Chính trị
quốc gia**

- Căn cứ yêu cầu sắp xếp, nâng cao chất lượng xuất bản sách chính trị, lý luận,
- Căn cứ đề nghị của Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Bộ Văn hoá - Thông tin và sự nhất trí của Thủ tướng Chính phủ.

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH

1. Thành lập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia trên cơ sở hợp nhất Nhà xuất bản Sự thật, Nhà xuất bản Thông tin lý luận (của Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh), Nhà xuất bản Tư tưởng - Văn hoá (của Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương) và Nhà xuất bản Pháp lý (của Bộ Tư pháp). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia lấy tên là Nhà xuất bản Sự thật.

2. Nhà xuất bản Sự thật trực thuộc Ban Bí thư, chịu sự

quản lý của Nhà nước trong hệ thống xuất bản chung theo pháp luật.

3. Nhà xuất bản Sự thật có nhiệm vụ biên tập, xuất bản các sách chính trị, lý luận, góp phần làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội; phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, nâng cao kiến thức của nhân dân về chính trị, lý luận, pháp luật... phục vụ sự nghiệp đổi mới và hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, Ban Giám đốc Nhà xuất bản Sự thật xây dựng tổ chức, bộ máy biên chế hợp lý, bảo đảm xuất bản phẩm có chất lượng, hiệu quả, đúng định hướng tư tưởng, chính trị; thực hiện hạch toán thu chi, cố gắng tự trang trải và có lãi; được Nhà nước tài trợ khi cần thiết.

5. Ban Bí thư uỷ nhiệm:

- Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương hướng dẫn Nhà xuất bản Sự thật về phương hướng hoạt động, xét duyệt kế hoạch đề tài xuất bản; phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương giúp Ban Bí thư giải quyết những vấn đề về tổ chức cán bộ; trước mắt chủ trì cùng với các tổ chức hữu quan thực hiện kế hoạch hợp nhất bốn nhà xuất bản đã nói ở Điều 1.

- Ban Tài chính - Quản trị Trung ương chịu trách nhiệm giúp Nhà xuất bản Sự thật giải quyết các vấn đề về cơ sở vật chất kỹ thuật, tài chính, thực hiện các chính sách và quy định về hạch toán thu chi.

Các ban của Đảng nói trên cần phối hợp chặt chẽ với cơ

quan quản lý của Nhà nước, tạo điều kiện cho Nhà xuất bản Sự thật thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ đã quy định.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 15-CT/TW, ngày 20 tháng 11 năm 1992

Về việc tiếp tục ngăn chặn và bài trừ tệ tham nhũng, buôn lậu

Từ sau Chỉ thị số 64 của Ban Bí thư và Quyết định số 240 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về chống tham nhũng ban hành năm 1990 đến nay, tuy các ngành, các cấp đã có cố gắng triển khai thực hiện nhiều biện pháp, nhưng kết quả đạt được còn rất thấp.

Tệ tham nhũng, buôn lậu tiếp tục diễn ra phổ biến, nghiêm trọng là do nhiều nguyên nhân. Xét về trách nhiệm lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, thì nguyên nhân quan trọng là do nhiều cấp uỷ đảng thiếu lãnh đạo chặt chẽ, chưa gắn chặt công tác xây dựng Đảng, công tác cán bộ với việc chống tham nhũng, buôn lậu. Việc xem xét, kỷ luật cán bộ tham nhũng thường thiếu nghiêm khắc, có trường hợp né tránh, thậm chí cấp uỷ can thiệp vào việc xét xử của cơ quan pháp luật đối với cán bộ tham nhũng.

Để đẩy mạnh cuộc đấu tranh ngăn chặn và bài trừ tệ

tham nhũng, buôn lậu, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp uỷ đảng thực hiện ngay những việc sau đây:

1. Từ nay trở đi, các cấp uỷ đảng phải đặt vấn đề lãnh đạo chống tham nhũng, buôn lậu thành một nội dung công tác thường xuyên của cấp uỷ. Trước mắt, cần lãnh đạo chặt chẽ các ngành, các cấp chính quyền trong việc xây dựng chương trình hành động của mỗi ngành, mỗi cấp (theo Chỉ thị số 47 ngày 3 tháng 11 năm 1992 của Thủ tướng Chính phủ), trong đó, đặc biệt nhấn mạnh chương trình ngăn chặn, bài trừ tệ tham nhũng, buôn lậu trong từng cơ quan, đơn vị. Mỗi đảng viên, nhất là đảng viên trong cấp uỷ, phải gương mẫu thực hiện đúng trách nhiệm của mình trong chương trình đã đề ra; nếu không làm tròn trách nhiệm phải nghiêm khắc kiểm điểm và xử lý.

2. Chính phủ ban hành một quyết định mới về các chủ trương và biện pháp cấp bách nhằm tiếp tục ngăn chặn và bài trừ tệ tham nhũng, buôn lậu một cách kiên quyết và có hiệu quả, đáp ứng đòi hỏi của tình hình.

Cuộc đấu tranh để ngăn chặn, bài trừ tệ tham nhũng, buôn lậu rất khó khăn, phức tạp, do đó, cần tiến hành bền bỉ, liên tục. Trong năm 1993, phải tập trung sức làm chuyển biến một bước mạnh mẽ, tạo cơ sở để đẩy mạnh thường xuyên trong thời gian tiếp theo.

Để tạo điều kiện cho việc đấu tranh ngăn chặn, bài trừ tệ tham nhũng, các cơ quan nhà nước có trách nhiệm soát xét, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới để hoàn chỉnh hệ thống cơ chế, chính sách, pháp luật, đặc biệt là những văn bản pháp luật nhằm ngăn chặn, bài trừ tệ tham nhũng, buôn lậu, như Luật hình sự, Luật tố tụng hình sự. Trước mắt chọn một số điểm trong văn bản pháp luật hiện hành cần sửa đổi, bổ sung

gấp để trình Quốc hội thông qua trong kỳ họp tháng 12-1992. Chính phủ ra quyết định và chỉ đạo thực hiện công khai tài chính, công khai phân phối ở mọi tổ chức cơ sở tạo điều kiện cho quần chúng thực hiện quyền giám sát của mình. Nghiên cứu việc ban hành pháp luật buộc kê khai tài sản đối với những đối tượng có nghi vấn, kể cả cán bộ cao cấp.

Phải kiên quyết truy tố và xét xử các tội tham ô, hối lộ, buôn lậu, lợi dụng chức vụ để làm trái pháp luật. Tập trung trước hết vào những ngành và lĩnh vực có những biểu hiện tham nhũng lớn, như: cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản, giao nhận thầu xây dựng, cho phép xuất, nhập khẩu, quản lý tài chính, thu thuế, hoá giá nhà, cấp đất xây dựng, v.v.. Đối tượng chủ yếu phải tập trung xử lý kỷ luật thật nghiêm khắc là những vụ nghiêm trọng mà người vi phạm là những cá nhân có chức, có quyền.

Phải bảo đảm yêu cầu: nghiêm trị bọn ngoan cố và khoan hồng, độ lượng với người biết khuyết điểm tự mình khai báo và nộp lại quỹ công những số tiền hoặc tài sản đã nhận một cách sai trái; triển khai nghiêm túc, nhưng không gây ra không khí nặng nề, căng thẳng, mà phải tạo ra môi trường trong sạch, ổn định cho các hoạt động kinh tế; phải qua cuộc đấu tranh này mà làm trong sạch bộ máy Nhà nước, bổ sung và nâng cao hiệu lực của luật pháp, tăng cường kỷ luật kỷ cương trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Việc xét xử phải được tiến hành theo đúng pháp luật. Trước mắt, chọn ngay một số vụ để xét xử có tác dụng giáo dục, răn đe mạnh; áp dụng thủ tục xét xử sơ thẩm, đồng thời chung thẩm đối với một số vụ án quan trọng. Xử lý nghiêm khắc mọi trường hợp ô dù, bao che, coi đây là hành vi tiếp tay cho tham nhũng, buôn lậu. Tăng cường lãnh đạo chặt chẽ

việc thi hành án, bảo đảm các vụ án đã xử phải được thi hành đầy đủ.

Tăng cường các cơ quan bảo vệ pháp luật, bổ sung cơ sở vật chất, phương tiện làm việc và kinh phí, chế độ tiền lương phù hợp cho cán bộ các cơ quan bảo vệ pháp luật.

3. Các cấp uỷ đảng phải nghiên cứu kỹ và có kế hoạch triển khai quyết định của Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp cấp bách về ngăn chặn, bài trừ tệ tham nhũng, buôn lậu gắn chặt với việc thực hiện Nghị quyết 03 về đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Phải tổ chức, động viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân, các phương tiện thông tin đại chúng, tham gia cuộc đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu, tố giác, lên án những hành vi phạm tội, đồng thời kịp thời biểu dương những nhân tố tích cực, những người gương mẫu tuân thủ luật pháp, đấu tranh với các hiện tượng sai trái.

Thường trực Bộ Chính trị, Ban Bí thư trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu và uỷ nhiệm đồng chí Võ Văn Kiệt chỉ đạo thường xuyên các cơ quan bảo vệ pháp luật của Nhà nước, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, Ban Nội chính Trung ương và các cơ quan khác có liên quan thực hiện các chủ trương đã được Bộ Chính trị thông qua và quyết định việc xét xử đối với các vụ án nghiêm trọng trong lĩnh vực này.

Bộ Chính trị yêu cầu các cấp uỷ đảng phân công một đồng chí chủ chốt trong cấp uỷ trực tiếp chỉ đạo và thường xuyên báo cáo lên cấp uỷ cấp trên để tổng hợp báo cáo Ban Bí thư về kết quả thực hiện Chỉ thị này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ ĐỨC ANH

THÔNG BÁO CỦA BAN BÍ THƯ

Số 37-TB/TW, ngày 20 tháng 11 năm 1992

Về tổ chức và hoạt động của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam*

Ngày 9-10-1992, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã họp dưới sự chủ tọa của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười để nghe lãnh đạo Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Ban Khoa giáo Trung ương báo cáo về tình hình tổ chức và hoạt động của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam sau hơn 4 năm thực hiện Chỉ thị 35-CT/TW của Ban Bí thư (Khoá VI).

BAN BÍ THƯ CÓ Ý KIẾN NHƯ SAU:

1. Hơn bốn năm qua, hệ thống tổ chức của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam đã có sự phát triển nhanh chóng. Liên hiệp hội và nhiều hội chuyên ngành và hội địa phương đã có những hoạt động thiết thực trong việc

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

đoàn kết và động viên đội ngũ các nhà khoa học và công nghệ tích cực tham gia thực hiện đường lối đổi mới của Đảng; góp phần phổ biến và ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và đời sống; từng bước thiết lập quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức khoa học và công nghệ của nước ngoài và các tổ chức quốc tế.

Tuy nhiên, một số vấn đề về tổ chức, quy chế và phương thức hoạt động của Liên hiệp hội và của các hội chuyên ngành, hội địa phương còn cần được tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện. Việc thể chế hoá Chỉ thị 35-CT/TW của Ban Bí thư còn chậm trễ. Việc tổ chức các hội khoa học và kỹ thuật ở nhiều tỉnh còn chậm.

2. Trong khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam có vị trí và vai trò rất quan trọng. Các cấp uỷ đảng, các cơ quan chức năng của Nhà nước cần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý các hội nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hội thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình đã được quy định trong Chỉ thị 35-CT/TW của Ban Bí thư:

- Ban Tổ chức Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương và các đồng chí lãnh đạo Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam phối hợp cùng các ban, ngành hữu quan xây dựng phương án sớm thành lập đảng đoàn ở cơ quan Liên hiệp hội và xây dựng quy chế, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với Liên hiệp hội và các hội thành viên.

- Ban Cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo việc thể chế hoá Chỉ thị 35-CT/TW của Ban Bí thư, xây dựng các văn bản cần thiết để vừa hướng dẫn và tạo điều kiện cho các hội khoa học

và kỹ thuật hoạt động, vừa tăng cường vai trò quản lý nhà nước đối với hội. Trước mắt cần thể chế hoá chức năng tư vấn, phản biện và giám định xã hội về khoa học và kỹ thuật của các hội; có hình thức và thời gian thích hợp cho việc chuyển đổi các tổ chức kinh tế của hội theo luật định.

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ cần quan tâm lãnh đạo về mặt tổ chức và hoạt động của các hội khoa học và kỹ thuật địa phương. Nơi chưa có tổ chức thì xúc tiến việc thành lập hội; nơi đã có tổ chức cần chỉ đạo việc củng cố và hoạt động để phát huy vai trò của hội, trong đó có vai trò tư vấn, phản biện và giám định xã hội về khoa học và công nghệ ở địa phương.

3. Để phát huy đầy đủ vai trò và vị trí của mình trong hệ thống chính quyền của đất nước, Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam cần được củng cố và đẩy mạnh hoạt động.

Ban Bí thư giao cho Ban Khoa giáo Trung ương chủ trì phối hợp cùng với các đồng chí lãnh đạo Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam và các ban, ngành hữu quan xây dựng quy chế về thành lập các hội thành viên và hội địa phương; về hệ thống và cơ cấu tổ chức cũng như mối quan hệ giữa Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam và các hội thành viên; về những vấn đề cụ thể cần bổ sung (nếu có) vào Chỉ thị 35-CT/TW cho phù hợp với tình hình mới.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

THÔNG BÁO

Số 36-TB/TW, ngày 23 tháng 11 năm 1992

Ý kiến của Bộ Chính trị về đề án Quy hoạch tổng thể xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 31-10-1992, sau khi nghe đồng chí Bộ trưởng Bộ Xây dựng và đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh báo cáo về đề án Quy hoạch tổng thể xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Về quan điểm và phương hướng chỉ đạo quy hoạch xây dựng thành phố

Nghị quyết 01 của Bộ Chính trị (Khoá V) đã khẳng định "Thành phố Hồ Chí Minh là một trung tâm kinh tế, một trung tâm giao dịch quốc tế và du lịch của nước ta. Thành phố Hồ Chí Minh có vị trí chính trị quan trọng sau Thủ đô Hà Nội". Về kinh tế, Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm công nghiệp lớn nhất của cả nước, là trung tâm khoa học - kỹ thuật, trung tâm giao dịch - thương mại - tài chính và dịch vụ, là đầu mối giao thông thuận lợi để giao lưu ở khu vực phía nam, giao lưu trong nước và quốc tế.

Do vị trí quan trọng nói trên, việc quy hoạch xây dựng

thành phố phải đặt trong mối quan hệ với khu vực, với cả nước và quốc tế, không thể chỉ khép kín trong phạm vi thành phố; phải căn cứ vào quy hoạch phân bố lực lượng sản xuất, quy hoạch phát triển mạng lưới đô thị trong cả khu vực B2 cũ; căn cứ vào phương hướng, bước đi của việc đô thị hoá nông thôn Nam Bộ, có tính đến sự phân công hợp lý và hỗ trợ lẫn nhau với các thành phố khác trong vùng và trong cả nước. Mặt khác việc quy hoạch thành phố phải tính đến bối cảnh cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đang phát triển nhanh, đã bước sang giai đoạn hậu công nghiệp để xác định phương hướng xây dựng và phát triển thành phố phù hợp, nhằm phát huy được tối đa tiềm năng và vị trí thuận lợi của thành phố trong nước và trong giao lưu quốc tế, tận dụng được lợi thế của nước đi sau, tránh được những hậu quả mà nhiều nước công nghiệp đi trước đã mắc phải trong chiến lược đô thị hoá tập trung.

Theo tinh thần nói trên, việc quy hoạch xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh cần tránh khuynh hướng tập trung dân quá mức, phát triển quy mô thành phố quá lớn.

- Cần xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thực sự là thành phố văn minh của nhân dân lao động, thể hiện được tính ưu việt của chế độ và nguyện vọng của nhân dân, cũng là nguyện vọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Quy hoạch tổng thể và các giải pháp kiến trúc của thành phố cần thể hiện được tính dân tộc, tính nhân dân, tính hiện đại và tính hiệu quả; kết hợp được các yêu cầu về kinh tế với yêu cầu về văn hoá, xã hội, yêu cầu tổ chức lao động với tổ chức đời sống sinh hoạt nghỉ ngơi giải trí của nhân dân; bảo đảm tốt điều kiện môi sinh, môi trường

trong và ngoài thành phố; đồng thời đáp ứng những yêu cầu về quốc phòng, an ninh.

Để đạt được mục tiêu trên đây, quy hoạch xây dựng thành phố phải kết hợp phát triển với cải tạo, vừa xây dựng mới vừa khắc phục những bất hợp lý trong cấu trúc của thành phố do lịch sử để lại.

2. Về một số vấn đề cụ thể

- Về quy mô dân số: cần chủ động và thực hiện các biện pháp khống chế để đến năm 2010 tổng số dân của thành phố không quá 5 triệu người.

- Về hướng phát triển không gian đô thị

Tán thành hướng phát triển chủ yếu của thành phố về phía Thủ Đức đến giáp giới Dĩ An - Biên Hoà và các hướng phụ về phía Nhà Bè, Bình Chánh, Hóc Môn. Tuy nhiên cần nghiên cứu để có phương án đảm bảo an toàn về quốc phòng trong điều kiện thành phố có hai sông lớn bao ở bên ngoài là sông Sài Gòn và sông Đồng Nai.

Riêng hướng phát triển trung tâm thành phố qua Thủ Thiêm cần được cân nhắc cụ thể về điều kiện đất đai, hạ tầng kỹ thuật, môi trường.

- Về bố trí dân cư và sử dụng đất

Chỉ tiêu sử dụng đất đai bình quân 50-60m²/người cần được tính toán sử dụng hết sức tiết kiệm bằng các giải pháp nâng tỷ lệ nhà nhiều tầng, bố trí mật độ xây dựng hợp lý, dành thêm tỷ lệ đất thích hợp để trồng cây xanh (thành thảm tập trung và xen kẽ), nhất là ở các khu phố cũ để cải thiện môi trường đô thị; dành tỷ lệ đất hợp lý, để xây dựng ở những địa điểm thích hợp các công trình phúc lợi, không chỉ tận dụng những địa điểm mà các công trình khác không sử

dụng được. Phấn đấu xoá dần những khu nhà ổ chuột trong thành phố.

- Về bố trí sản xuất công nghiệp

Cần soát xét kỹ lại phương án bố trí sản xuất công nghiệp, xem xét dẫn bớt các cơ sở công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hoá chất về các thành phố và địa phương khác trong vùng, hạn chế việc tăng dân số và lao động của thành phố, hạn chế ô nhiễm môi trường đô thị và nâng cao hiệu quả của sản xuất. Nói chung không nên phát triển thêm các cơ sở sản xuất công nghiệp mới ở khu vực trung tâm cũ của thành phố.

- Về hạ tầng kỹ thuật

Cần lưu ý bảo đảm việc xây dựng các cơ sở hạ tầng không gây cản trở đến sự phát triển tiếp tục của thành phố. Muốn vậy cần sớm có luận chứng cụ thể cho từng loại công trình, có phương án xử lý tổng thể mối quan hệ giữa cải tạo, mở rộng và xây dựng mới. Nghiên cứu kỹ hơn việc dự kiến xây dựng thêm các cầu qua sông Sài Gòn, có tính đến việc đảm bảo an toàn khi có chiến tranh và bảo vệ, phát triển các bến cảng.

- Về phương hướng triển khai quy hoạch và xây dựng trong thời kỳ 1993-1995

Tán thành hướng triển khai theo 8 chương trình nêu trong đề án, chú ý tính toán kỹ thứ tự triển khai, tập trung ưu tiên giải quyết những vấn đề cấp bách do yêu cầu cải tạo và xây dựng thành phố đang đặt ra.

- Về vốn

Tập trung động viên các nguồn vốn trong nước (của thành phố, của các địa phương trong vùng, của trung ương) là chính, đồng thời tranh thủ tối đa các nguồn vốn từ bên ngoài.

- Về tổ chức quản lý đô thị

Cần thực hiện tập trung vào một mối là kiến trúc sư trưởng thành phố. Sớm ban hành điều lệ quản lý xây dựng thành phố.

3. Về chỉ đạo thực hiện việc tiếp tục hoàn chỉnh đề án quy hoạch xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào những quan điểm, phương hướng chung và một số vấn đề cụ thể trên đây:

- Chính phủ chỉ đạo Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Xây dựng và các bộ liên quan tiếp tục làm rõ những vấn đề còn tồn tại của đề án, tiến hành những sửa đổi, điều chỉnh bổ sung cần thiết đối với đề án quy hoạch, đồng thời có kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch để đáp ứng kịp thời yêu cầu cải tạo và xây dựng thành phố ở mỗi giai đoạn phát triển.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cần tiếp tục triển khai việc nghiên cứu quy hoạch phân vùng kinh tế và phân bổ lực lượng sản xuất của khu vực B2 cũ; Bộ Xây dựng tiếp tục nghiên cứu quy hoạch phát triển mạng lưới đô thị toàn quốc để xác định rõ thêm vị trí, chức năng, quy mô của Thành phố Hồ Chí Minh trong quan hệ với khu vực, với cả nước và quốc tế.

Bộ Xây dựng, Thành uỷ và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cần tập trung đúng mức việc lãnh đạo và chỉ đạo, đồng thời phát huy đầy đủ kiến thức và năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật trong việc quy hoạch xây dựng thành phố.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ ĐỨC ANH

**BÀI PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ ĐỖ MƯỜI
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA VII)**

Ngày 4 tháng 1 năm 1993

**Chăm sóc, bồi dưỡng và phát huy nhân tố
con người vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh,
xã hội văn minh**

Thưa các đồng chí Cố vấn,

Thưa các đồng chí Ủy viên Trung ương,

Quán triệt đường lối đổi mới do Đại hội VI và Đại hội VII đề ra, và để cụ thể hóa đường lối đó, qua ba kỳ họp hội nghị toàn thể, Ban Chấp hành Trung ương Khóa VII đã bàn và ra quyết định về các vấn đề kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và xây dựng Đảng. Nghị quyết các kỳ họp ấy đều đề cập những vấn đề có ý nghĩa chiến lược, nhằm thúc đẩy sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta trong giai đoạn mới.

Với tư cách là Đảng cầm quyền, Đảng ta rất chăm lo xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam vững mạnh, làm cho Nhà nước ta thực sự là của nhân dân, do nhân dân và vì

nhân dân; duy trì hiệu lực của pháp luật, giữ vững trật tự, kỷ cương, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội. Hiến pháp 1992 đã được Quốc hội Khóa VIII nhất trí thông qua; cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa IX đã thành công tốt đẹp.

Chúng ta nhớ lại vào năm 1991, trước bối cảnh quốc tế diễn biến hết sức phức tạp và tình hình trong nước có rất nhiều khó khăn, không ít người băn khoăn liệu đất nước có đứng vững được qua phong ba, bão táp? Nhờ có đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước, nhờ quyết tâm sắt đá và sự nỗ lực vượt bậc của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, của các ngành, các cấp, trong hai năm qua, nhân dân ta đã đạt những thành tựu rất quan trọng, đây khích lệ, cho phép khẳng định rằng đất nước chẳng những vượt qua được thử thách hiểm nghèo để đứng vững mà còn tiến lên bằng chính trí tuệ và sức lực của mình. Những thành tựu và kinh nghiệm thu được tạo điều kiện cho chúng ta tiếp tục vươn lên, khắc phục những khó khăn, trở ngại đang còn khá lớn, đưa sự nghiệp đổi mới đi vào chiều sâu, ngày càng đồng bộ và toàn diện, đẩy nhanh hơn tốc độ phát triển của đất nước trong năm 1993 và những năm sau, phấn đấu hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ đã được đề ra tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII.

Để thực hiện điều đó và để tiếp tục cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội VII, tại kỳ họp toàn thể lần thứ tư này, Ban Chấp hành Trung ương sẽ thảo luận và ra nghị quyết về một số vấn đề có liên quan trực tiếp đến đời sống, nhất là đời sống tinh thần và sức khỏe của nhân dân. Đó là những vấn đề về giáo dục, và đào tạo, văn hóa, văn nghệ, về công tác bảo vệ và

nâng cao sức khỏe của nhân dân, công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình và công tác đối với thanh thiếu niên, chuẩn bị hành trang cho nhân dân ta, đặc biệt là cho thế hệ trẻ, vững bước tiến vào thế kỷ XXI.

Mỗi vấn đề trên đây đều có báo cáo và dự thảo nghị quyết trình Hội nghị Trung ương. Vì vậy, tôi không đi vào chi tiết mà chỉ nhấn mạnh một số điều quan trọng nhất.

Thưa các đồng chí,

Kể từ năm 1986, khi Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước, đây là lần đầu tiên hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương thảo luận cụ thể và ra nghị quyết theo tinh thần đổi mới về phương hướng, mục tiêu, điều kiện, giải pháp thuộc một số lĩnh vực nhằm phát triển con người, với tư cách vừa là động lực, vừa là mục đích của cách mạng, của sự nghiệp đổi mới đất nước.

Đảng ta từng khẳng định: *con người là vốn quý nhất*, chăm lo cho hạnh phúc của con người là mục tiêu phấn đấu cao nhất của chế độ ta, và đã cố gắng làm nhiều việc theo hướng đó. Song, cũng cần nhận rõ rằng những cố gắng ấy, những việc đã làm được còn thấp xa so với yêu cầu phát triển của đất nước và nguyện vọng của nhân dân. Chúng ta cần hiểu sâu sắc những giá trị lớn lao và ý nghĩa quyết định của nhân tố con người, chủ thể của mọi sáng tạo, mọi nguồn của cải vật chất và văn hóa, mọi nền văn minh của các quốc gia. Phải xuất phát từ tinh thần nhân văn sâu sắc, nhằm phát triển con người toàn diện, xây dựng một xã hội công bằng, nhân ái, thiết lập quan hệ thật sự tốt đẹp và tiến bộ giữa con người với con người trong sản xuất và trong đời sống, để từ

đó làm tăng gấp bội hiệu quả kinh tế và xã hội. Con người phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức là động lực của sự nghiệp xây dựng xã hội mới, đồng thời là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước phải quán triệt việc chăm sóc, bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người.

Để bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ, nhất thiết phải từng bước hiện đại hóa đất nước và đời sống xã hội. Chúng ta thường nói về những ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Nhưng những ưu việt ấy không thể do ai đưa đến cho ta, cũng không thể tự nhiên mà có. Đó phải là kết quả của những nỗ lực vượt bậc và bền bỉ của toàn dân ta, với những con người phát triển cả về trí lực và thể lực, cả về khả năng lao động, về tính tích cực chính trị - xã hội, về đạo đức, tình cảm trong sáng. Cần hiểu rằng chỉ có thể tăng trưởng nguồn lực con người khi quá trình hiện đại hóa các ngành giáo dục, văn hóa, văn nghệ, bảo vệ sức khỏe, dân số và kế hoạch hóa gia đình gắn liền với việc kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống và bản sắc dân tộc. Phát triển tách khỏi cội nguồn dân tộc thì nhất định sẽ lâm vào nguy cơ tha hóa. Đi vào kinh tế thị trường, hiện đại hóa đất nước mà xa rời những giá trị truyền thống sẽ làm mất bản sắc dân tộc, đánh mất bản thân mình, trở thành cái bóng mờ của người khác, của dân tộc khác.

Trong khi đất nước còn nghèo nàn, lạc hậu thì trước tiên phải lo phát triển kinh tế. Nhưng chúng ta sẽ phạm sai lầm nếu không quan tâm giải quyết tốt những vấn đề xã hội, cân đối, hài hòa giữa kinh tế và xã hội, tạo ra động lực phát triển

kinh tế. Ngày nay, sự phát triển con người đã trở thành tiêu chí ngày càng quan trọng trong việc xếp hạng các nước trên thế giới. Năm 1990, chương trình phát triển của Liên hợp quốc (PNUD) đã đưa ra chỉ dẫn nhằm đánh giá tiến bộ kinh tế và xã hội của một nước, không chỉ ở tổng sản phẩm quốc dân như trước đây, mà dựa trên cơ sở của ba chỉ tiêu cơ bản: thu nhập, trình độ giáo dục và tuổi thọ.

Nhiều nước phát triển trên thế giới, cùng với mức tăng trưởng kinh tế rất cao, đang phải đối phó với hàng loạt vấn đề gay gắt về xã hội. Từ kinh nghiệm lịch sử đó, các nước đang phát triển, trong đó có nước ta, đã rút ra bài học là ngay từ những bước đầu tiên hoạch định chiến lược và chương trình phát triển, nhất thiết phải bảo đảm tính đồng bộ giữa kinh tế và xã hội. Song song với những nỗ lực phát triển kinh tế, phải chú trọng xây dựng những mặt thuộc *hạ tầng của đời sống xã hội* như giáo dục, y tế, phúc lợi công cộng. Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam đến năm 2000 đã thể hiện tinh thần ấy: "Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường".

Để thực hiện được điều đó, phải vận dụng đúng đắn, sáng tạo quan điểm: cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; động viên toàn xã hội và từng gia đình chăm lo đầu tư phát triển con người, nhất là đối với thanh, thiếu niên; đồng thời Nhà nước cần có chính sách và nguồn ngân sách thích đáng dành cho công việc trọng đại đó.

Hướng bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người Việt Nam là không ngừng gia tăng tính tự giác, năng động, tự chủ, phát huy sức mạnh bên trong của mỗi cá nhân kết hợp

với sức mạnh của cả cộng đồng, xây dựng *nền tảng tinh thần* vững chắc của chế độ mới. Đồng thời, cũng cần nhận rõ rằng, mỗi cá nhân không tách rời hoàn cảnh xã hội. Sinh thời, Bác Hồ thường nói: "Mỗi con người đều có cái thiện và cái ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng". Cần thấm nhuần những ý tưởng sâu sắc của Bác Hồ đối với việc bồi dưỡng, nêu gương "người tốt, việc tốt".

Trong khi quan tâm đến ngày mai, cần nhấn mạnh rằng mọi kế hoạch xây dựng và phát triển nhất thiết phải gắn với kế hoạch đầu tư cho chính sự phát triển về nhân cách, trí tuệ, tình cảm, niềm vui và hạnh phúc của mỗi người dân, mỗi gia đình ngay ngày hôm nay. Tương lai tươi đẹp phải được xây dựng trên nền tảng vững chắc của hiện tại.

Vì những lý do trên, Hội nghị Trung ương lần này có ý nghĩa rất quan trọng, đòi hỏi toàn thể các đồng chí trong Ban Chấp hành nhận thức sâu sắc hơn nữa vai trò của con người trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, từ đó mà tạo ra những điều kiện vật chất và tinh thần cho *sự phát triển toàn diện của chính bản thân con người*. Trên cơ sở nhận thức ấy mà hoạch định một hệ thống chính sách thiết thực và nhất quán về giáo dục và đào tạo, về cuộc sống văn hóa lành mạnh, về chăm sóc và quản lý sức khỏe của nhân dân, về dân số và kế hoạch hóa gia đình, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi phát huy mạnh mẽ nhân tố con người, đặc biệt là thế hệ trẻ, nhằm vun đắp gốc rễ bền vững, lâu dài để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thưa các đồng chí,

Trong nhiều thập kỷ qua, Đảng ta luôn coi trọng sự nghiệp *giáo dục và đào tạo*, chăm lo đến việc "trồng người" "vì lợi ích trăm năm" của đất nước, của dân tộc. Hơn 40 năm qua, ngành giáo dục và đào tạo đã góp phần chủ yếu vào việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Gần đây, văn kiện Đại hội VII lại khẳng định rằng cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo phải được xem là quốc sách hàng đầu. Điều khẳng định đó hoàn toàn chính xác. Giáo dục và đào tạo là chìa khóa để mở cửa tiến vào tương lai. Song, chúng ta phải nhận rõ điều thiếu sót là thực tế của nền giáo dục hiện nay đang thấp xa so với yêu cầu của đất nước. Những biểu hiện xuống cấp về giáo dục những năm gần đây khá nặng nề. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng ấy; trong đó, điều quan trọng là chúng ta vẫn chưa thấy đầy đủ vai trò của trí tuệ và phẩm chất, nguồn tài sản quý báu nhất của quốc gia, do đó mà chưa đặt giáo dục cùng với khoa học và công nghệ vào đúng vị trí trung tâm của nó trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và quyết tâm tìm mọi biện pháp khắc phục.

Trong khi nhiều nước trên thế giới và trong khu vực, kể cả một số nước cách đây không lâu vốn cùng trong hoàn cảnh giống nước ta, đã bước vào giai đoạn mới của tiến bộ khoa học và công nghệ và đang lao vào cuộc chạy đua phát triển giáo dục với những chuẩn mực quốc tế về chất lượng, tạo cơ sở cho sự tăng tốc trong chạy đua về kinh tế, thì đất nước ta, về trình độ lực lượng sản xuất, về khoa học và công nghệ, còn thuộc loại thấp nhất trong nhóm nước chậm phát triển; nhiều vấn đề xã hội khá gay gắt đang đòi hỏi phải giải quyết.

Tình hình đó đặt ra những yêu cầu rất cao cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo, cơ sở để phát huy nhân tố con người.

Điều đáng lo ngại là trong nhiều năm qua, tốc độ nâng cao dân trí ở nước ta quá chậm. Năm 1979, số năm đi học của mỗi người dân từ 7 tuổi trở lên bình quân là 4,4; đến 1989, tức là 10 năm sau, con số đó mới chỉ nhích lên đến 4,5 năm. Cùng với mặt bằng dân trí còn thấp, số người được đào tạo có trình độ tay nghề cao cũng như người có học vấn đại học và sau đại học đều đang còn ít. Đến nay, phần đông người lao động chưa được đào tạo về nghề nghiệp. Trong số cán bộ giảng dạy đại học và nghiên cứu khoa học, tỷ lệ người có học vị từ phó tiến sĩ trở lên còn rất thấp, mới chỉ khoảng 12% so với 30% là tỷ lệ cần đạt tới. Điều đó có nghĩa là phải có quyết tâm cao và có chính sách đầu tư hữu hiệu để sớm nâng cao mặt bằng lẫn đỉnh cao dân trí nước ta lên trình độ của một quốc gia phát triển.

Cùng với việc tạo ra nguồn lực vật chất và nguồn lực tài chính, và để phát huy các nguồn lực đó, thì điều quan trọng nhất hiện nay là cần tăng trưởng nguồn lực con người Việt Nam, tạo ra *khả năng lao động ở một trình độ mới*, cao hơn nhiều so với trước đây. Phải tiến hành công việc này đối với những người lao động, những người đang học ở bậc đại học và trung học chuyên nghiệp cũng như đối với học sinh phổ thông, chuẩn bị một thế hệ lao động mới có trình độ cao. Đó là một quá trình không đơn giản, đầy khó khăn và mâu thuẫn. Song, do yêu cầu bức bách phát triển đất nước trước mắt cũng như lâu dài, chúng ta phải đặt nó lên hàng đầu, quyết tâm giải quyết những mâu thuẫn, vượt qua mọi khó khăn.

Hiện nay, xu hướng ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong sản xuất, kinh doanh, quản lý đang phát triển, hàm lượng chất xám, nội dung trí tuệ tăng dần trong sản phẩm; lao động mang tính sáng tạo nhiều hơn và trở nên hứng thú hơn. Song, đó mới chỉ là ở một bộ phận còn nhỏ. Lao động ở nước ta hiện nay phổ biến vẫn là lao động chân tay nặng nhọc và lao động giản đơn. Điều này ảnh hưởng tiêu cực tới thái độ đối với lao động, tới quá trình phát triển của nền kinh tế, của xã hội và tới lối sống của con người.

Để nâng khả năng lao động lên trình độ mới, phải kịp thời đưa các thành tựu khoa học, kỹ thuật hiện đại và công nghệ mới vào giáo dục, loại bỏ những hình thức và nội dung giáo dục không còn thích hợp. Cải cách nội dung và phương pháp giáo dục theo hướng hiện đại, thiết thực, có hiệu quả cao. Chẳng hạn, muốn nâng cao trình độ trí tuệ thì phải cố gắng triển khai nhanh việc đưa tin học vào giáo dục. Ngay từ đầu, việc đổi mới nền giáo dục kể từ tuổi ấu thơ, khi các cháu bắt đầu vào mẫu giáo, cho đến bậc phổ thông, đại học, đều phải thấm nhuần tinh thần nhân văn, gắn tiếp thụ nền văn minh của thời đại với việc kế thừa, phát huy truyền thống dân tộc. Làm được như vậy thì dân tộc ta dù trong tương lai phát triển đến mức nào, vẫn giữ mãi bản sắc của mình, làm sâu đậm thêm tình yêu quê hương, đất nước và lòng nhân nghĩa, vốn là bản chất của người Việt Nam, của cả dân tộc Việt Nam, được hình thành và hun đúc trong suốt lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước.

Vì vậy, khi thảo luận nhiệm vụ của giáo dục, đề nghị các đồng chí đặc biệt quan tâm tới mục tiêu nâng cao dân trí, đào

tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, hình thành nhân cách, trau dồi đạo đức và tình cảm, nhất là đối với thanh, thiếu niên, tạo ra *sự phát triển hài hòa cả đức lẫn tài* ở mỗi thành viên trong xã hội, như Chủ tịch Hồ Chí Minh thường căn dặn.

Những mục tiêu của sự nghiệp giáo dục là rất lớn lao và cao cả. Vấn đề đặt ra là Đảng ta cần có chủ trương, chính sách đúng đắn.

Trước đây, với 5% số dân biết chữ, ta đã nhanh chóng khắc phục nạn mù chữ nhờ biết phát động nhân dân theo khẩu hiệu "Người biết chữ dạy người chưa biết chữ". Ngày nay, khoảng 90% nhân dân ta đã biết chữ, trong đó một bộ phận đã đạt trình độ học vấn cao. Không lý gì chúng ta lại không thanh toán được nạn mù chữ bằng cách dựa vào sức của dân mà chỉ đòi có ngân sách thì mới làm cho người mù chữ trở thành người biết chữ. Đương nhiên, Nhà nước cần đầu tư nhiều hơn cho giáo dục, nhưng vấn đề rất quan trọng là phải quán triệt sâu sắc và tiến hành tốt việc *xã hội hóa* các nguồn đầu tư, mở rộng phong trào xây dựng, phát triển giáo dục trong nhân dân, coi giáo dục là sự nghiệp của toàn xã hội.

Để bảo đảm chất lượng của giáo dục và đào tạo, phải giải quyết tốt vấn đề *thầy giáo*, kế thừa và phát huy truyền thống tôn sư trọng đạo của dân tộc ta. Phải đổi mới hệ thống sư phạm, đào tạo lại và đào tạo mới một đội ngũ giáo viên giỏi, có trách nhiệm, có lương tâm, có lòng tự hào về nghề nghiệp. Đó là điều kiện quyết định để nâng cao chất lượng giáo dục. Có những giải pháp thích đáng để cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhà giáo. Lâu nay, kể cả lương và các khoản trợ cấp, đời sống giáo viên vẫn khó khăn, phải làm thêm

nhiều việc khác, thậm chí đến mức không ít thầy cô giáo coi dạy học chỉ là nghề phụ. Tình trạng này đã kéo dài, nay phải có biện pháp tích cực tháo gỡ, phấn đấu để "thầy ra thầy" thì "trò mới ra trò" được.

Để đáp ứng nhu cầu lớn về học tập của nhân dân, nhất là của thanh thiếu niên, phải mở ra nhiều hình thức giáo dục và đào tạo, có đóng học phí, không hạn chế người cũng như tuổi đi học, tạo điều kiện mở rộng diện học tập cho đông đảo mọi người, thật sự thể hiện tinh thần giáo dục là sự nghiệp của toàn dân, với đầu tư thích đáng của Nhà nước. Đi đôi với phổ cập giáo dục tiểu học, chủ yếu lấy kinh phí từ ngân sách, chúng ta khuyến khích mở trường, lớp dân lập ở các bậc học phổ thông, đại học, dạy nghề. Đồng thời, coi việc *người nghèo phải được đi học* là vấn đề có tính nguyên tắc. Từ đó mà quy định chế độ miễn giảm học phí cho những học sinh đáng được miễn giảm, có trợ cấp cho những học sinh cần được hưởng. Đặc biệt đối với học sinh thuộc các dân tộc thiểu số, không những phải thực hiện chính sách miễn phí mà còn phải mở các *trường dân tộc nội trú* ở cấp tỉnh và huyện, giúp cho một bộ phận trẻ em ở đây được học hành tốt hơn, chu đáo hơn.

Trong những năm tới, Nhà nước sẽ tổ chức lại hệ thống dạy nghề, cố gắng phổ cập nghề song song với phổ cập giáo dục, thật sự làm cho học đi đôi với hành, dạy chữ đi đôi với dạy nghề. Sắp xếp lại hệ thống đại học, gấn một số viện nghiên cứu với trường đại học, làm cho đào tạo và nghiên cứu khoa học hỗ trợ lẫn nhau tốt hơn, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo; gấn đào tạo, nghiên cứu khoa học với sản xuất, phấn đấu trong một, hai thập kỷ tới xây dựng được một

nền giáo dục và khoa học tiên tiến, không thua kém các nước trong khu vực.

Thưa các đồng chí,

Cùng với việc nâng cao nhận thức đối với giáo dục, chúng ta phải hiểu sâu sắc hơn vai trò của *văn hóa* trong việc bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, trong việc phát triển xã hội và xây dựng con người mới.

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, thể hiện tầm cao và chiều sâu về trình độ phát triển của một dân tộc, là sự kết tinh những giá trị tốt đẹp nhất trong quan hệ giữa người với người, với xã hội và với thiên nhiên. Nó vừa là một động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, vừa là một mục tiêu của chúng ta. Văn học, nghệ thuật là một bộ phận trọng yếu của nền văn hóa, thể hiện khát vọng của nhân dân về chân - thiện - mỹ. Vì vậy, cùng với việc xây dựng và phát triển nền kinh tế hàng hóa, phải xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, theo định hướng xã hội chủ nghĩa với những đặc trưng cơ bản là *dân tộc, hiện đại, nhân văn* như Hiến pháp năm 1992 đã ghi. Đó là nền *văn hóa đại chúng*, vì nhân dân lao động cùng đội ngũ trí thức của mình là người tham gia sáng tạo những giá trị văn hóa, đồng thời là người phải được hưởng thụ những thành quả do mình làm ra.

Trong những năm qua, hoạt động văn hóa, văn nghệ có nhiều cố gắng, đạt những thành tựu quan trọng. Song, phải thừa nhận rằng so với yêu cầu phát triển của đất nước và nhu cầu ngày càng lớn của nhân dân thì vẫn còn khoảng cách khá xa. Điều đáng quan tâm là các quan hệ đạo đức

giữa người với người, một trong những phương diện quan trọng nhất của văn hóa, có nhiều mặt bị sa sút nghiêm trọng. Trong lĩnh vực văn nghệ, đã để những quan điểm lệch lạc, những biểu hiện tiêu cực kéo dài. Văn hóa, văn nghệ chịu tác động sâu sắc của nhiều yếu tố như: hậu quả chiến tranh, khủng hoảng kinh tế - xã hội, những mặt trái của xu hướng "thương mại hóa" và những diễn biến phức tạp trên thế giới. Nhưng, nguyên nhân chủ yếu của việc chậm khắc phục những biểu hiện tiêu cực trong văn hóa, văn nghệ là do lãnh đạo và quản lý bị buông lỏng, hữu khuynh, thiếu những luật lệ, thể chế của Nhà nước, thiếu đầu tư thích đáng cho lĩnh vực văn hóa, văn nghệ. Tình hình đó làm nảy sinh nguy cơ phá hoại những giá trị nhân bản, những truyền thống lâu đời của dân tộc ta. Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp, các ngành phải tự phê bình nghiêm khắc về trách nhiệm của mình và tìm mọi biện pháp khắc phục.

Nhiệm vụ trung tâm của văn hóa, văn nghệ nước ta là góp phần bồi dưỡng con người Việt Nam về trí tuệ, đạo đức, tâm hồn tình cảm, lối sống, có nhân cách cao đẹp, có bản lĩnh ngang tầm sự nghiệp đổi mới đất nước, mau chóng bắt kịp xu thế phát triển của thời đại ngày nay. Để góp phần tích cực vào việc đó, các hoạt động văn hóa, văn nghệ phải được phát triển lành mạnh, phong phú và đa dạng.

Việc tạo ra môi trường văn hóa của chủ nghĩa xã hội, trong đó có sự kết hợp hài hòa giữa các giá trị truyền thống và giá trị hiện đại, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn là trách nhiệm to lớn của toàn Đảng và toàn dân ta, đặc biệt là của ngành văn hóa, văn nghệ. Phải lấy việc mở rộng các hoạt động văn hóa lành mạnh, bổ ích, sáng tạo những giá trị

mới, sâu sắc, có tầm cỡ, bồi dưỡng, bảo vệ và phát huy mọi tài năng làm phương hướng phấn đấu không mệt mỏi để chấn hưng và phát triển nền văn hóa Việt Nam lên tầm cao mới.

Văn hóa, văn nghệ là một bộ phận khăng khít của sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Thấm nhuần quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "văn hóa, nghệ thuật là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy", cần nâng cao tính chiến đấu trong sáng tác, lý luận, phê bình, đoàn kết rộng rãi, tập hợp mọi văn nghệ sĩ, mọi nhà hoạt động văn hóa yêu nước, vì mục tiêu *độc lập của Tổ quốc, tự do của nhân dân, hạnh phúc của đồng bào*.

Tính chiến đấu của các hoạt động văn hóa và văn học, nghệ thuật thể hiện trước hết trong việc khẳng định mạnh mẽ những nhân tố mới, những xu hướng tích cực trong cuộc sống, những giá trị cao đẹp của xã hội ta, kiên quyết phê phán những gì đang cản trở quá trình phát triển của đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội; đẩy lùi các tệ nạn xã hội đang phá hoại thuần phong, mỹ tục; bài trừ hủ tục, mê tín, dị đoan và những biểu hiện lạc hậu khác. Văn học, nghệ thuật không né tránh việc phản ánh bóng đen của xã hội, nhưng là để làm nổi bật ánh sáng của chế độ mới, cuộc sống mới. Phê phán cái sai, lên án cái ác, cái xấu là để hướng con người tới cái đúng, cái thiện, cái đẹp. Phải kiên quyết đấu tranh loại trừ những nọc độc về văn hóa, khắc phục cơ bản những mặt tiêu cực và những khuynh hướng lệch lạc hiện nay trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ.

Một mặt, phải bảo đảm dân chủ, tự do cho mọi sự sáng tạo và hoạt động văn hóa. *Mặt khác*, cần nhấn mạnh rằng sự sáng tạo chân chính gắn liền với trách nhiệm trước công

chúng, trước dân tộc và thời đại. Bình đẳng trước công lý, sáng tạo và hưởng thụ văn hóa, văn học, nghệ thuật trong *khuôn khổ của pháp luật* là những định hướng giá trị căn bản của mọi hoạt động của chúng ta. Đồng thời, chính sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và những chuẩn mực pháp luật có hiệu lực của Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho mỗi người bồi dưỡng, nâng cao đạo đức và thẩm mỹ, vừa hiện đại, vừa dân tộc. Chúng ta khuyến khích tự do sáng tạo các giá trị văn hóa, vun đắp các tài năng, đồng thời đòi hỏi mỗi văn nghệ sĩ, trước hết là các đảng viên làm công tác văn hóa, văn nghệ, có ý thức đầy đủ về trách nhiệm công dân, nghiêm chỉnh chấp hành kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, góp phần tích cực vào quá trình đổi mới và dân chủ hóa mọi mặt đời sống, bảo đảm ổn định chính trị, củng cố niềm tin, xây dựng lẽ sống cao đẹp.

Văn hóa, văn nghệ là một sự nghiệp đòi hỏi sự đóng góp của toàn xã hội, phải được *xã hội hóa*. Theo quan điểm đó, tiến hành sắp xếp lại lực lượng và tổ chức trong toàn ngành; phát triển các hoạt động văn hóa, văn nghệ của Nhà nước, tập thể và cá nhân, đúng đường lối của Đảng và tuân thủ sự quản lý thống nhất của Nhà nước. Động viên mọi khả năng của các tầng lớp xã hội để xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho sự nghiệp văn hóa, văn nghệ; đồng thời, Nhà nước cần có chính sách đầu tư thích đáng, khuyến khích những tài năng chân chính phát huy sức sáng tạo, bảo đảm cho các nhà văn hóa, văn nghệ sĩ chuyên nghiệp có thể sống tốt bằng những công trình nghiên cứu và sáng tác của mình. Phổ biến rộng rãi những tác phẩm, công trình có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, như

phát thanh, truyền hình, sách báo, thư viện...; bảo tồn và phát huy những di sản văn hóa tốt đẹp của dân tộc; tiếp thụ những tinh hoa văn hóa, nghệ thuật của nhân loại. Có chính sách khuyến khích xuất khẩu văn hóa phẩm nhằm mở rộng giao lưu văn hóa, làm cho người nước ngoài hiểu biết về nền văn hóa Việt Nam; đồng thời, khuyến khích nhập khẩu văn hóa phẩm lành mạnh, tạo điều kiện để nhân dân ta tiếp cận với nền văn minh của loài người, góp phần củng cố, tăng cường tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới. Nghiêm cấm việc truyền bá những sản phẩm phản động, đồi trụy đang lan tràn, đầu độc đời sống tinh thần của nhân dân ta, nhất là thế hệ trẻ. Thực sự đổi mới phương thức lãnh đạo và quản lý văn hóa, văn nghệ, vừa bảo đảm nội dung tư tưởng chính trị cao, đạt được mục tiêu và định hướng của Đảng và Nhà nước, vừa bảo đảm quyền tự do sáng tạo của cá nhân, tạo điều kiện cho mọi tài năng nảy nở và phát triển. Khắc phục cả tình trạng "hành chính hóa" các tổ chức văn hóa, văn nghệ lẫn xu hướng "thương mại hóa" trong lĩnh vực này.

Thưa các đồng chí,

"Giáo dục cho mọi người" là một mục tiêu có ý nghĩa chiến lược. Nhưng "sức khỏe cho mọi người" cũng không kém phần quan trọng. Trí tuệ là tài sản quý giá nhất trong mọi tài sản, nhưng chính sức khỏe là một tiền đề cần thiết để làm ra tài sản đó. Vì vậy, cùng với giáo dục, văn hóa, văn nghệ chúng ta phải quan tâm thích đáng đến *sự nghiệp y tế* của nước ta. Từ những ngày đầu Cách mạng Tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất quan tâm chăm lo sức khỏe của toàn dân. Người thường nói: mỗi người dân khỏe thì cả nước khỏe.

Tư tưởng đó cần được nhắc lại để mọi người chúng ta luôn ghi nhớ và cùng nhau thực hiện. Điều này đặc biệt quan trọng đối với thanh niên, lực lượng trụ cột trong việc bảo tồn và phát triển giống nòi. Thanh niên phải ra sức học tập, rèn luyện để có học vấn, trí tuệ cao, tâm hồn trong sáng, lành mạnh và thân thể khỏe mạnh, cường tráng.

Những quan điểm chỉ đạo lớn của Đảng và Nhà nước đối với công tác này như chăm lo phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao, coi đó là biện pháp hàng đầu để tăng cường sức khỏe, nâng cao khả năng đề kháng của cơ thể đối với bệnh tật; coi trọng y học dự phòng, kết hợp y học cổ truyền dân tộc với y học hiện đại, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân..., đã được cụ thể hóa bằng nhiều chính sách và biện pháp thiết thực, hữu hiệu. Ngành y tế và thể dục thể thao đã có nhiều cố gắng chăm lo bảo vệ sức khỏe, nâng cao thể lực của nhân dân, chăm sóc người già, phụ nữ và trẻ em và đã đạt những thành tựu to lớn. Đã từng có thời kỳ giáo dục và y tế nhân dân đánh giá là hai bông hoa đẹp của xã hội ta. Bè bạn trên thế giới cũng khẳng định đó là hai thành tựu rất lớn trong sự nghiệp xây dựng đất nước ta.

Song, trong những năm gần đây, ngành y tế có nhiều biểu hiện xuống cấp, có mặt khá nghiêm trọng. Do những khó khăn về kinh tế - xã hội, do ngân sách đầu tư vào y tế còn rất eo hẹp và nhất là do nhận thức của chúng ta chưa coi y tế là sự nghiệp của toàn xã hội, của toàn dân, nên ở nhiều nơi, bệnh viện không còn ra bệnh viện, phòng khám không còn ra phòng khám. Cũng cần nhấn mạnh rằng, những quan niệm lệch lạc về kinh tế thị trường được thực hiện trong một số bệnh viện, một số cơ sở y tế đã làm tổn hại đến đạo lý của

ngành. Có rất nhiều vấn đề cần được làm rõ trong quá trình xây dựng, đổi mới sự nghiệp bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân, khôi phục và đề cao y đức của cha ông: "thầy thuốc như mẹ hiền".

Hiện nay, một số bệnh tật sau nhiều năm đã được thanh toán hoặc từng bước bị đẩy lùi, nay lại đang có xu thế tăng lên, như bệnh sốt rét, bệnh lao, bệnh tả. Trong khi đó, ở nhiều địa phương, dân ốm mà thuốc không đến tay, do quá đắt so với sức mua của dân, hoặc gặp thuốc giả. Bệnh viện thì ở xa, trạm y tế cơ sở hoặc đã bị xóa sổ, hoặc không còn ra trạm y tế. Vì thế người bệnh nặng nhiều khi bị chết do không kịp chuyển đến bệnh viện.

Sự xuống cấp còn biểu hiện ở tình trạng mất vệ sinh của nhiều bệnh viện, ở thái độ phục vụ của một số thầy thuốc. Điều đó khiến chúng ta, những người lãnh đạo Đảng, Nhà nước và nhất là ngành y tế, phải thấy rõ trách nhiệm của mình, suy nghĩ để mau chóng đổi mới cách chỉ đạo, tổ chức công tác phòng bệnh, khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

Nhà nước cần quy định rõ những điều kiện và ban hành những chính sách nhằm bảo đảm cho mọi người nghèo đều được khám và chữa bệnh trong điều kiện thuốc men và phương tiện y tế hiện có. Trong xã hội ta, *mọi người nghèo phải được khám, chữa bệnh và chăm sóc chu đáo*, dù không có tiền.

Bằng mọi cách, phải bảo đảm thuốc đến tay người dân thật sự cần dùng nó. Nghiêm trị những kẻ sản xuất và buôn bán thuốc giả. Chấn chỉnh ngay tình trạng lộn xộn của bệnh viện. Phục hồi các trạm y tế cơ sở ở từng cụm dân cư. Ở vùng

sâu, vùng cao phải tổ chức những đội y tế lưu động để chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Ngành y tế nghiên cứu và sớm trình Nhà nước đề án trả lương cho cán bộ y tế cơ sở cũng như những đề án về thuốc cho dân, về chế độ bảo hiểm sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên, cho nhân dân, đặc biệt là các đối tượng chính sách và về xây dựng một số trung tâm y tế hiện đại. Ban hành những quy định về khám, chữa bệnh và quản lý chặt chẽ việc thực hiện những quy định đó.

Trước đây, việc giải quyết các vấn đề xã hội nói chung và y tế nói riêng thường dựa vào ngân sách do Nhà nước bao cấp. Nay phải chuyển mạnh sang phương thức *xã hội hóa*, nhà nước và nhân dân cùng làm. Cần nhấn mạnh rằng, sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho nhân dân không chỉ do ngành y tế thực hiện, mà phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo của đảng bộ, chính quyền các cấp, có sự đóng góp của các ngành, của toàn dân, của cả xã hội. Phải coi trọng việc kế thừa và phát triển y học cổ truyền dân tộc; hiện đại hóa không chỉ tây y mà cả đông y. Xuất phát từ quan điểm đó, Nhà nước cho phép mở bệnh viện dân lập, bệnh viện, phòng khám, cửa hàng dược phẩm và các dịch vụ y tế tư nhân theo những quy định của Bộ Y tế, đúng pháp luật hiện hành.

Môi trường sống của chúng ta đang bị ô nhiễm nặng nề. Trong thành phố cũng như ở làng xã, từ đồng bằng đến miền núi, trong nhà máy, cơ quan, trường học, cửa hàng, nơi làm việc cũng như nơi ở đều có tình trạng mất trật tự, mất vệ sinh. Chúng ta thường nói đến chăm sóc sức khỏe, nhưng lại ít nói đến giáo dục sức khỏe, thực hiện phương châm "phòng bệnh hơn chữa bệnh". Tri thức nuôi con đúng khoa học còn

thiếu, để các cháu còi cọc, ốm yếu, suy dinh dưỡng. Nạn nghiện hút, ma túy, mại dâm phát triển do nhiều nguyên nhân, trong đó có phần do thiếu kiểm tra, hướng dẫn, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước về y tế, của các đoàn thể, có phần đáng kể là do nhân dân ít được giáo dục để tránh những tệ nạn đó.

Đối với những việc này, nếu yêu cầu phải có đầu tư mới làm thì cả lúc nước ta trở nên giàu có cũng không thể nào làm tốt, huống hồ là khi còn khó khăn như hiện nay. Cần thống nhất quan điểm là trong khi còn nghèo, chúng ta vẫn có thể làm nhiều việc có tác dụng tốt bảo vệ và tăng cường sức khỏe với mức đầu tư rất ít, như ăn ở hợp vệ sinh, giữ gìn nhà cửa, xóm ngõ, trường học, nơi làm việc sạch sẽ, phong quang, thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, tránh lối sống gây độc hại như ma túy, mại dâm, cờ bạc, rượu chè... Làm tốt những việc đó thì chẳng những không mất tiền mà còn tiết kiệm được để nâng cao mức sống và đầu tư phát triển. Điều quan trọng là phải tuyên truyền, giáo dục sâu rộng để mọi người có ý thức và quyết tâm biến thành thói quen trong nếp sống hàng ngày, tạo ra phong trào quần chúng rộng khắp, nhất là đối với tuổi trẻ.

Thư các đồng chí,

Toàn bộ vấn đề giáo dục, văn hóa văn nghệ, y tế đều có mối liên quan mật thiết với *công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình*. Sự gia tăng nhanh chóng dẫn đến tình trạng bùng nổ dân số là một nguy cơ đe dọa nhân loại, cũng là nguy cơ đe dọa nước ta, làm cho những mục tiêu về đời sống vật chất và

văn hóa, dân trí và sức khỏe mới được đề ra đã không thể thực hiện được.

Chúng ta cần nhận thức sâu sắc rằng nếu tốc độ phát triển dân số không phù hợp thì dù kinh tế tăng trưởng nhanh, thu nhập bình quân đầu người, cũng tức là chỉ tiêu về mức sống vật chất, văn hóa của nhân dân, chẳng những không tăng lên mà còn bị suy giảm. Hơn ba năm qua, với mức tăng dân số xấp xỉ 2,3%, chúng ta đã có thêm 4,5 triệu người, gần bằng dân số của ba tỉnh Thái Bình, Quảng Nam - Đà Nẵng, Tiền Giang cộng lại. Trong khi đó, mức tăng trưởng kinh tế của nước ta mặc dù có nhiều tiến bộ, song vẫn còn chậm chạp, khiến cho đời sống của một bộ phận nhân dân có chiều giảm sút, hạn chế đáng kể sự phát triển về thể lực và trí lực nói riêng của giống nòi, làm cho nước ta ngày càng trở thành lạc hậu so với các nước trong khu vực. Chẳng hạn, với nhịp độ tăng thu nhập quốc dân 5,3% như năm 1992, cần đến 24 năm chúng ta mới tăng được gấp đôi thu nhập quốc dân bình quân đầu người, trong khi nhiều nước chỉ cần 10 năm để làm việc đó. Điều này cho thấy rõ tầm quan trọng của vấn đề dân số kế hoạch hóa gia đình ở nước ta hiện nay.

Do dân số tăng nhanh, cùng với lực lượng lao động tăng nhanh hơn so với nhịp độ tạo ra việc làm, nên đã nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến mức sống, sức khỏe, việc học hành, sinh hoạt văn hóa... của từng người dân, từng gia đình và của cả cộng đồng, gây sức ép nhiều mặt lên xã hội. Đó là một trong những nguyên nhân quan trọng làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội như trộm cắp, mại dâm, ma túy...

Thông thường thì giữa trình độ phát triển của một nước và tốc độ tăng dân số có mối quan hệ ngược chiều nhau. *Một mặt*, để giảm mức tăng dân số, chúng ta phải chăm lo nâng cao dân trí, phát triển kinh tế và văn hóa. *Mặt khác*, đối với một nước nghèo, chậm tiến và đang đứng trước nguy cơ bùng nổ dân số như nước ta hiện nay thì việc giảm tỷ lệ tăng dân số lại tạo tiền đề quan trọng cho việc đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế và văn hóa, nâng cao dân trí. Cần nhận thức rõ điều này để có chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình chủ động, tích cực, và có quyết tâm lãnh đạo toàn xã hội thực hiện bằng được mục tiêu đề ra trong hai thập kỷ tới, phấn đấu ổn định quy mô dân số từ giữa thế kỷ sau.

Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình có mục đích sâu xa, đồng thời cũng là một yếu tố cơ bản để nâng cao chất lượng cuộc sống của từng người và của toàn xã hội thông qua việc xây dựng gia đình, gắn liền với việc bảo vệ bà mẹ và trẻ em, nâng cao dân trí và phát triển kinh tế. Vì vậy, công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình là một bộ phận quan trọng của chiến lược phát triển đất nước, được đưa vào danh mục các vấn đề kinh tế - xã hội hàng đầu.

Đảng và Nhà nước trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo công tác này theo một chiến lược và chương trình quốc gia, được hoạch định trên cơ sở khoa học và thực tiễn, động viên lực lượng toàn xã hội tham gia, nhất là giáo dục để tất cả các thành viên chủ chốt của từng gia đình nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của vấn đề này và tích cực thực hiện; đồng thời, quản lý tập trung các nguồn lực để sử dụng có hiệu quả. Coi trọng việc tăng cường tổ chức sinh hoạt văn hóa, nhất là ở nông thôn, tạo môi trường thuận lợi cho công tác kế hoạch hóa gia đình.

Phải coi đầu tư cho công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình là đầu tư mang lại hiệu quả cao và trực tiếp về kinh tế - xã hội. Nguồn lực đầu tư cho công tác này được huy động từ ngân sách, viện trợ quốc tế và sự đóng góp của toàn xã hội. Trong giai đoạn đầu, chủ yếu Nhà nước phải làm; khi đã thành phong trào tự nguyện và rộng khắp của toàn dân thì từng người, từng gia đình sẽ đảm nhiệm vai trò chính.

Thư các đồng chí,

Những vấn đề giáo dục và đào tạo, văn hóa văn nghệ, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, dân số và kế hoạch hóa gia đình thực chất là vấn đề đầu tư phát triển con người, đặc biệt là thế hệ trẻ. Đảng ta nhận thức sâu sắc về *vai trò của thanh niên*, coi thanh niên vừa là lớp người được thừa hưởng lâu dài những kết quả của sự phát triển, vừa là lực lượng chính trong việc làm ra những kết quả ấy. Vì vậy, không phải ai khác mà chính thanh niên giữ *vị trí trung tâm* trong chiến lược phát huy nhân tố và nguồn lực con người của nước ta.

Thật vậy, sự nghiệp đổi mới đất nước có thành công hay không, đất nước ta bước vào thế kỷ XXI có vị trí xứng đáng trong cộng đồng thế giới hay không, chủ yếu là do lực lượng thanh niên ngày nay quyết định. Cách mạng Việt Nam có vững bước theo con đường xã hội chủ nghĩa hay không là tùy thuộc vào việc bồi dưỡng, rèn luyện thế hệ thanh niên. Có thể nói *công tác thanh niên là vấn đề sống còn của dân tộc, là một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng*, đúng như Bác Hồ đã nói: "Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người".

Thanh niên nước ta là lực lượng lao động đông đảo, có

tiềm năng to lớn. Song thanh niên cũng đang gặp nhiều khó khăn gay gắt về việc làm, về học tập và sức khỏe. Mặt khác, một số thanh niên có những lệch lạc, tiêu cực về lối sống và mắc nhiều tệ nạn xã hội nghiêm trọng.

Để phát huy đầy đủ sức mạnh và tiềm năng to lớn của thanh niên, giúp thanh niên vượt qua những khó khăn, khắc phục những tiêu cực, thực hiện tốt vai trò của tuổi trẻ, Đảng ta phải gấp rút tăng cường và đổi mới công tác thanh niên. Trong đó, việc quan trọng hàng đầu là phải xây dựng một chiến lược thanh niên trong thời kỳ mới.

Mục tiêu mà chiến lược đó cần đạt tới là *một mặt*, phải đào tạo, bồi dưỡng, hình thành một thế hệ con người mới có ý thức trách nhiệm công dân, có tri thức, có sức khỏe và lao động giỏi, sống có văn hóa và tình nghĩa, giàu lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính; trong đó xuất hiện một *lớp thanh niên ưu tú* có giác ngộ chính trị cao, có tài năng, đi đầu mở đường cho đất nước ta bước vào thời kỳ mới. *Mặt khác*, phải đạt tới sự đổi mới thật sự công tác thanh niên của Đảng, của Nhà nước và toàn xã hội, để thanh niên thực hiện được trách nhiệm lịch sử của mình.

Để đạt tới mục tiêu đó, Đảng và Nhà nước ta phải xây dựng và hoàn thiện *các chính sách đối với thanh niên* nhằm vừa phát huy tiềm năng sáng tạo của tuổi trẻ, vừa tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để thanh niên cống hiến tốt nhất, nhiều nhất và trưởng thành nhanh nhất. Cổ vũ thanh niên hăng say lập thân và lập nghiệp, chấn hưng đất nước, bảo vệ chế độ, động viên thanh niên đi đôi với bồi dưỡng và đãi ngộ công bằng. Những chính sách đó bao gồm các vấn đề

sử dụng tốt nguồn lực trẻ, tạo việc làm, giao trách nhiệm xứng đáng, bồi dưỡng các mặt trí, đức, thể, mỹ, phát huy tài năng trẻ, chăm lo những vấn đề xã hội của thanh niên.

Phải nâng cao trách nhiệm và năng lực công tác vận động thanh niên của *các tổ chức đảng*, mỗi cán bộ, đảng viên cần có sự hiểu biết về thể hệ trẻ, góp phần chăm sóc thể hệ trẻ; hình thành các tổ chức cần thiết làm tham mưu cho cấp ủy đảng về công tác thanh niên. Trong đó, điều rất quan trọng là cán bộ, đảng viên phải gương mẫu trong công việc và trong đời sống, làm tấm gương sáng cho thanh niên. Muốn dạy người tốt, trước hết phải biết tự dạy mình.

Để phát huy lực lượng thanh niên, điều quan trọng hàng đầu là Đảng phải lãnh đạo việc xây dựng và củng cố *Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh*, nâng cao chất lượng của tổ chức đoàn và từng đoàn viên, để Đoàn thực sự đóng được vai trò hạt nhân chính trị của phong trào thanh niên. Đồng thời, phải mở rộng khối đoàn kết, tập hợp mọi tầng lớp thanh niên trong các tổ chức thích hợp, mau chóng hình thành mặt trận thanh niên rộng rãi, phấn đấu vì lợi ích của đất nước và của tuổi trẻ.

Song, công tác thanh niên không chỉ là việc của Đảng, của Đoàn mà còn là việc của Nhà nước, của mọi tổ chức, của xã hội và của từng gia đình.

Nhà nước có trách nhiệm rất lớn trong việc thực hiện chiến lược thanh niên. Đất nước càng phát triển, trách nhiệm quản lý nhà nước với công tác thanh niên càng rộng và toàn diện hơn. Khẩn trương xây dựng các đạo luật cần thiết, bổ sung và hoàn thiện các chính sách liên quan đến thể hệ trẻ;

hình thành các cơ quan quản lý của chính quyền về công tác thanh niên; xây dựng các chương trình, kế hoạch và đầu tư thích đáng cho công tác thanh niên.

Các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội có chương trình công tác thanh niên để chăm sóc lợi ích, đào tạo bồi dưỡng và phát huy lực lượng thanh niên trong tổ chức mình.

Tổ chức phối hợp trên quy mô toàn xã hội làm công tác thanh niên cho đến *từng gia đình*. Tăng cường giúp đỡ các gia đình về nội dung, phương pháp và điều kiện nuôi dạy con cái, làm cho gia đình thực hiện tốt chức năng sản xuất của cải vật chất, tiếp nối và cải tạo giống nòi, nuôi dạy con cái trưởng thành, trở thành những người hữu ích cho xã hội.

Thư các đồng chí,

Nhân dân cả nước đang chăm chú theo dõi, đặt niềm tin và hy vọng vào Hội nghị lần này, vì hội nghị giải quyết những vấn đề quan trọng, trực tiếp liên quan đến đời sống, đến tương lai của mọi người, mọi gia đình và của toàn xã hội. Vì vậy, chúng ta cần phân tích sâu sắc thực trạng, làm rõ trách nhiệm của các ngành, các cấp, xác định quan điểm cơ bản, những chủ trương và chính sách lớn, tìm mọi biện pháp hữu hiệu để giải quyết những yêu cầu của cuộc sống. Làm thế nào để trong điều kiện cho phép và với cố gắng cao nhất của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, ai cũng được chăm sóc về thể chất và tinh thần một cách công bằng, ai cũng được học hành, được tham gia sáng tạo và hưởng thụ văn học, nghệ thuật, được chữa bệnh khi ốm đau. Đáp ứng được những yêu cầu đó, chúng ta sẽ khơi dậy và phát huy

cao độ nhân tố và nguồn lực con người trong sự nghiệp phát triển đất nước.

Hội nghị Trung ương 3 đã xác định: "Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, chi phối các lĩnh vực hoạt động khác". Phát triển kinh tế là tạo cơ sở và điều kiện thuận lợi để giải quyết các vấn đề xã hội. Song, mặt khác, cần nhận rõ rằng không ít vấn đề xã hội có thể giải quyết không hoàn toàn phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế nếu có nhận thức và chủ trương đúng đắn và biết dựa vào sức mạnh của toàn dân. Đồng thời việc giải quyết tốt các vấn đề xã hội sẽ nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, mở ra triển vọng phát triển lực lượng sản xuất nhanh hơn và với chất lượng cao hơn. *Chăm sóc, bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh* là vấn đề vừa cơ bản, vừa cấp bách mà Ban Chấp hành Trung ương phải thảo luận và quyết định trong kỳ họp lần này.

Trên cơ sở nhận thức sâu sắc những quan điểm cơ bản của Đảng ta về con người, với mục tiêu cao cả "tất cả vì con người; tất cả vì hạnh phúc của nhân dân" mà động viên cao độ sức mạnh với những nỗ lực vượt bậc của toàn bộ hệ thống chính trị, từ Đảng, Nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể, các ngành, các cấp đến toàn thể nhân dân, thực hiện một cách thật sáng tạo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm, toàn xã hội cùng làm". Phải biến quyết tâm của Đảng, của dân tộc thành quyết tâm của từng gia đình, từng người, đoàn kết phấn đấu vì sự nghiệp đó. Trước mắt, cần khẩn trương tiến hành việc thể chế hóa những nội dung của Nghị

quyết Trung ương lần này và tích cực tổ chức thực hiện, làm cho những chủ trương, giải pháp ghi trong nghị quyết sớm trở thành hiện thực.

Chúc các đồng chí khỏe,

Chúc Hội nghị Trung ương thành công.

**BÁO CÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
TRÌNH HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA VII)
Về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo
theo Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng**

Đại hội lần thứ VII của Đảng đã quyết nghị: "Đẩy mạnh hơn nữa sự nghiệp giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, coi đó là quốc sách hàng đầu để phát huy nhân tố con người, động lực trực tiếp của sự phát triển" và chỉ rõ "phải tổng kết cuộc cải cách giáo dục vừa qua" và chuẩn bị tiến hành một cuộc cải cách giáo dục mới.

Phần I

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO HIỆN NAY**

1. Hơn nửa thế kỷ qua, trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn luôn coi trọng sự nghiệp giáo dục. Đề cương Văn hóa năm 1943 đã hướng tới xây dựng nền

giáo dục Việt Nam - dân tộc - khoa học - đại chúng. Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám (1945) thành công, một trong những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước là chống nạn mù chữ và xây dựng nền giáo dục mới. Trải qua 2 cuộc kháng chiến trường kỳ và những năm khó khăn sau chiến tranh, sự nghiệp giáo dục không ngừng được phát triển. Từ một nước dân trí thấp, 95% dân số mù chữ năm 1945, đến nay gần 90% dân số biết chữ, đại bộ phận nhân dân ta có học vấn từ tiểu học trở lên. Hiện nay trong cả nước, chúng ta có một đội ngũ trí thức gần 700.000 cán bộ có trình độ đại học và cao đẳng, gần 7.000 phó tiến sĩ, 400 tiến sĩ, 2.176 phó giáo sư và 459 giáo sư, trong đó có những chuyên gia đầu ngành về khoa học và công nghệ có thể đạt trình độ quốc tế. Đây là một lực lượng quý giá của đất nước.

Nước ta hiện có: hơn 20.000 nhà trẻ, trường lớp mẫu giáo với gần 2 triệu cháu, 63.000 cô nuôi dạy trẻ, bên cạnh đó có hàng ngàn nhóm trẻ gia đình, nhà trẻ mẫu giáo tư nhân với 113.200 cháu; 15.223 trường cấp I, cấp II với 9.105.900 học sinh cấp I và 252.400 giáo viên, 2.708.000 học sinh cấp II và 141.900 giáo viên; 1.113 trường cấp III (trong đó có 44 trường ngoài quốc lập) với 575.700 học sinh và 37.500 giáo viên; 444 cơ sở dạy nghề (trường chính quy và trung tâm dạy nghề quận huyện) với 221.400 học sinh và 6.305 giáo viên, 261 trường trung học chuyên nghiệp với 118.400 học sinh và 9.500 giáo viên, 105 trường cao đẳng và đại học với 121.500 sinh viên và 20.870 cán bộ giảng dạy, 12 trường và viện đào tạo cao học, 74 trường và viện đào tạo nghiên cứu sinh.

Nền giáo dục nước ta thực sự đã có tính đại chúng "của

dân, do dân và vì dân" đã và đang mở rộng trên tất cả mọi miền của đất nước.

Đại hội lần thứ IV của Đảng (năm 1976) đã quyết nghị: "Tiến hành cải cách giáo dục trong cả nước làm cho hệ thống giáo dục quốc dân gắn chặt hơn nữa với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa". Bộ Chính trị ra Nghị quyết 14 về cải cách giáo dục (tháng 1-1979). Mục tiêu cuộc cải cách giáo dục "nhằm tạo cơ sở ban đầu rất quan trọng của người Việt Nam mới, người lao động làm chủ tập thể và phát triển toàn diện, kế tục sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, hết lòng lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc", "thực hiện phổ cập giáo dục toàn dân", "đào tạo bồi dưỡng với quy mô ngày càng lớn đội ngũ lao động mới".

Trong những năm đầu của thập kỷ 80, cuộc cải cách giáo dục chỉ triển khai được ở giáo dục phổ thông. Nhà nước công bố cơ cấu hệ thống giáo dục phổ thông mới. Ngành giáo dục lần lượt thay sách giáo khoa từ năm học 1981-1982 với lớp 1 (đến nay đã hết lớp 12 phổ thông trung học) và phát triển công tác dạy nghề. Từ sau Đại hội VI (1986), cuộc cải cách giáo dục được điều chỉnh theo đường lối đổi mới của Đảng. Trên cơ sở đổi mới tư duy giáo dục, một chương trình phát triển giáo dục 3 năm (1987-1990) đã được đề xuất, nhấn mạnh việc gắn mục tiêu giáo dục với mục tiêu kinh tế - xã hội, duy trì, củng cố, ổn định giáo dục phổ thông, thực hiện nền nếp, kỷ luật, kỷ cương trong các trường và trong quản lý giáo dục. Ngành giáo dục đại học và chuyên nghiệp đã nêu ra được những tiền đề để định hướng cho việc đổi mới sự nghiệp đào tạo, đã đề ra ba chương trình hành động nhằm cải cách đào tạo, tăng quy mô, đa dạng hóa loại hình đào tạo, gắn liền

giảng dạy với nghiên cứu thực nghiệm khoa học, lao động sản xuất, cải thiện điều kiện vật chất kỹ thuật của đào tạo, phân cấp và dân chủ hóa việc quản lý ngành. Cuộc điều chỉnh cải cách giáo dục này về thực chất là theo hướng bắt đầu một cuộc cải cách giáo dục mới làm cho giáo dục thích nghi với những yêu cầu của kinh tế - xã hội đang đổi mới.

Nhìn chung trong hoàn cảnh có nhiều hạn chế về nguồn lực và điều kiện thực hiện, sự nghiệp giáo dục và đào tạo vẫn được duy trì, bước đầu ổn định và có mặt phát triển, đáp ứng một phần không nhỏ nhu cầu học tập của đông đảo thanh thiếu niên và nhân dân, phát triển đội ngũ những người lao động có kỹ thuật và trí thức xã hội chủ nghĩa, góp phần thiết thực xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Kết quả đó biểu hiện qua các mặt sau đây:

a) Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân mới từ giáo dục mầm non đến đại học, được xác lập và đang tiếp tục cải tiến cho phù hợp với đường lối đổi mới. Mạng lưới trường học phát triển rộng khắp trong cả nước đang được sắp xếp lại để nâng cao chất lượng.

b) Khi mới bước vào cơ chế thị trường, giáo dục mầm non (nhà trẻ, mẫu giáo) có lúc tan vỡ từng mảng, nay đã được ổn định, đã có những cải tiến về nội dung phương pháp nuôi dạy trẻ. Hệ thống giáo dục phổ thông 12 năm với chương trình mới và sách giáo khoa mới, đã thống nhất trong cả nước. Công tác phổ cập tiểu học có tiến bộ. Các trường chuyên lớp chọn phát triển, chất lượng khá. Ngành giáo dục bổ túc đạt nhiều tiến bộ.

c) Ngành dạy nghề đã trở thành một bộ phận quan trọng của hệ thống giáo dục quốc dân, bao gồm các trường dạy

nghề chính quy và các trung tâm dạy nghề ngắn hạn, góp phần phổ cập nghề cho hàng triệu thanh niên. Ngành đại học và trung học chuyên nghiệp đã tổ chức lại quá trình đào tạo, mở rộng quy mô, đa dạng hóa loại hình, phương thức đào tạo, nhằm thích nghi với những chuyển biến của đất nước đang đổi mới về kinh tế và xã hội. Công tác đào tạo sau đại học được đẩy mạnh.

d) Hệ thống quản lý nhà nước về giáo dục từ giáo dục mầm non đến sau đại học được thống nhất, công tác quản lý ngành, quản lý trường học bước đầu được đổi mới, có hiệu quả tốt.

đ) Quán triệt Nghị quyết Đại hội VI và VII của Đảng, ngành giáo dục và đào tạo đã vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới, đã xây dựng một hệ thống quan điểm mới, thực hiện một số chủ trương, giải pháp lớn ngày càng sát với thực tiễn kinh tế và xã hội.

Trong điều kiện khó khăn của nước ta, 30 năm chiến tranh giải phóng, kinh tế khủng hoảng, mức đầu tư cho giáo dục - đào tạo vào loại thấp của thế giới..., những kết quả đạt được thể hiện sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, tinh thần phấn đấu và sự tận tâm của đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, sự cố gắng của đa số học sinh, sinh viên, sự quan tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng, sự đóng góp to lớn của nhân dân và cha mẹ học sinh.

Sự nghiệp giáo dục đạt được những tiến bộ nêu trên cho chúng ta nhiều kinh nghiệm quý báu cần được tổng kết để kế thừa trong giai đoạn mới.

2. Tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển giáo dục phục

vụ những mục tiêu kinh tế - xã hội, đặc biệt so với yêu cầu đổi mới toàn diện của đất nước trong những năm tới và bước sang thế kỷ XXI thì nền giáo dục của ta còn nhiều yếu kém rất đáng lo ngại. Thực trạng yếu kém của giáo dục hiện nay là:

a) Mục tiêu giáo dục - đào tạo của các ngành học, cấp học chưa phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế - xã hội đang đổi mới, chưa tạo điều kiện cho thế hệ trẻ được chuẩn bị về nghề nghiệp, về khả năng thích ứng với các hoạt động kinh tế khi ra trường. Mục tiêu đào tạo nhân tài chưa được chú ý đúng mức.

b) Việc phổ cập giáo dục tiểu học thực hiện chậm (đến nay mới có 7 tỉnh, thành phố đạt tiêu chuẩn quốc gia). Số lượng người mù chữ còn khá đông. Quy mô trung học phổ thông (cấp II và cấp III) đang có xu hướng giảm dần, tỷ lệ học sinh bỏ học trên dưới 20% (riêng ở cấp II, hai năm gần đây tỷ lệ này lên 32%). Giáo dục ở vùng các dân tộc thiểu số, vùng khó khăn suy giảm nhiều so với 10 năm trước đây. Quy mô giáo dục đại học và chuyên nghiệp còn nhỏ, đứng vào loại thấp nhất ở Đông Nam Á, làm cho tỷ trọng lao động kỹ thuật trong lao động xã hội nước ta ở mức rất thấp (12%), chưa tương xứng với yêu cầu đào tạo lực lượng lao động kỹ thuật của nền kinh tế đang đổi mới.

c) Chất lượng và hiệu quả giáo dục còn thấp. Một bộ phận đáng kể học sinh, sinh viên yếu kém về nhận thức chính trị, đạo đức, văn hóa và lối sống. Về học lực, mặc dù số học sinh khá, giỏi, xuất sắc ngày càng nhiều hơn nhưng số học sinh yếu, kém cũng tăng lên rất nhiều, do động lực học

tập suy giảm. Trình độ văn hóa chung của học sinh, sinh viên còn yếu, ngoại ngữ kém, thiếu những hiểu biết cần thiết về xã hội, nhân văn. Công tác giáo dục thể chất, giáo dục thẩm mỹ không có điều kiện thực hiện đại trà. Thể lực học sinh phổ thông sút kém, gần 50% trẻ em ở tuổi mầm non bị suy dinh dưỡng. Nhiều học sinh, sinh viên tốt nghiệp không có việc làm, trong khi cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ quan nhà nước lại sử dụng nhiều người chưa qua đào tạo. Việc hình thành nhân cách người lao động chưa đạt yêu cầu cần thiết. Con người được đào tạo thường thụ động, thiếu năng động, sáng tạo, chưa đủ năng lực tự chủ, thích ứng với yêu cầu của thị trường sức lao động.

d) Đời sống vật chất và tinh thần của đa số giáo viên quá khó khăn, thu nhập quá thấp, động lực dạy học suy giảm. Hiện tượng giáo viên bỏ nghề (nhất là ở giáo dục phổ thông) hoặc phải làm thêm các nghề khác (kể cả những công việc không thích hợp với nghề dạy học) khá phổ biến. Việc giáo viên "dạy thêm" mang tính bắt buộc để kiếm sống đang là hiện tượng nhức nhối trong ngành. Vị trí xã hội của nghề dạy học bị hạ thấp, truyền thống tôn sư trọng đạo bị xói mòn nghiêm trọng. Vì vậy nghề dạy học không có sức thu hút được những người giỏi vào nghề và cũng không đủ sức giữ lại những người giỏi gắn bó với nghề.

Một bộ phận quan trọng trong đội ngũ giáo viên, cán bộ giảng dạy chưa được đào tạo, bồi dưỡng tốt nên bất cập với yêu cầu cải cách giáo dục và đổi mới kinh tế - xã hội. Cải cách sư phạm thiếu đồng bộ với cải cách giáo dục. Giáo viên tiểu học thiếu trầm trọng (cả nước thiếu 4 vạn, có tỉnh thiếu hơn 1.000).

đ) Cơ cấu hệ thống giáo dục - đào tạo chưa được hoàn chỉnh, thiếu đa dạng. Mạng lưới trường học còn nhiều bất hợp lý. Cơ sở vật chất kỹ thuật giáo dục rất nghèo nàn, trường sở, bàn ghế xuống cấp nghiêm trọng, nhiều nơi thiếu phòng học, phải học 3-4 ca, thiết bị thí nghiệm kể cả ở các trường đại học và chuyên nghiệp cũng thiếu thốn, lạc hậu nhiều thế hệ.

e) Công tác tổ chức và quản lý của Nhà nước về giáo dục - đào tạo nhìn chung chuyển biến chậm. Sự phân công, phân cấp trách nhiệm, quyền hạn giữa các ngành các cấp, giữa quản lý dọc theo ngành và quản lý ngang theo lãnh thổ còn vướng mắc. Việc sử dụng và quản lý các nguồn đầu tư cho giáo dục hiệu quả thấp chưa tập trung vào những hướng ưu tiên. Cán bộ quản lý giáo dục các cấp thiếu được đào tạo, bồi dưỡng.

3. Nguyên nhân chủ yếu của thực trạng yếu kém và sự giảm sút nói trên là:

a) Các cấp ủy đảng, các cơ quan nhà nước và xã hội chưa nhận thức đúng vai trò, tác dụng của giáo dục đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Chưa nhận thức đầy đủ giáo dục và đào tạo là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Do đó sự quan tâm của Đảng đối với giáo dục chưa đúng với tầm quan trọng của sự nghiệp này. Thực trạng yếu kém của giáo dục, trước hết thuộc trách nhiệm của Đảng, từ Bộ Chính trị, Ban Bí thư đến các cấp ủy đảng địa phương. Đảng và Nhà nước chưa xây dựng được cơ chế cần thiết để xã hội, các ngành, các cấp có trách nhiệm đối với sự phát triển của giáo dục.

b) Vấn đề cơ bản của giáo dục là phải phát triển để đáp ứng những yêu cầu rất cao của đất nước trong thập kỷ này và vài ba thập kỷ tới, nhưng nguồn lực và điều kiện để làm giáo dục lại rất thấp, rất khó khăn, trong đó ngân sách Nhà nước dành cho giáo dục còn ít.

c) Kinh tế khủng hoảng, tình hình thiếu việc làm trong xã hội và sự gia tăng dân số gây nhiều khó khăn lớn cho sự phát triển giáo dục.

d) Bản thân nền giáo dục chậm đổi mới về cơ cấu hệ thống, mục tiêu, nội dung và phương pháp để thích nghi với chuyển biến của kinh tế - xã hội.

4. Về cuộc cải cách giáo dục theo Nghị quyết 14 (tháng 1-1979) của Bộ Chính trị (Khóa IV) có thể đánh giá như sau:

Bản thân Nghị quyết đã nêu một số vấn đề có ý nghĩa nguyên tắc, cần tiếp tục kế thừa. Vì Nghị quyết được xây dựng trên mô hình kinh tế, xã hội cũ, nên nhiều nội dung không còn phù hợp với giai đoạn mới hiện nay.

Nghị quyết đã nêu ra một số mục tiêu quá cao, không có khả năng thực hiện được, đồng thời lại không có những quyết định về điều kiện thực hiện tương ứng với mục tiêu. Cuộc cải cách giáo dục có đạt được một số thành tựu nhất định trong từng giai đoạn, nhất là ở giai đoạn điều chỉnh cải cách. Nhưng nhìn chung, nhiều mục tiêu chủ yếu mà Nghị quyết 14 đề ra không thực hiện được.

Với những thay đổi sâu sắc về tiền đề kinh tế - xã hội, cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ sự nghiệp giáo dục và đào tạo, chuẩn bị tiến hành một cuộc cải cách giáo dục mới, như Đại hội VII đã đề ra.

Phần II

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

I- NHỮNG QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO TIẾP TỤC ĐỔI MỚI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo được tiếp tục đổi mới theo những quan điểm chỉ đạo như sau:

1. Đại hội VII chỉ rõ: "Giáo dục đóng vai trò then chốt trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, là một động lực đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới", "Phát triển sự nghiệp giáo dục nhằm phát huy nhân tố con người. Con người là mục tiêu và động lực chính của sự phát triển, là vị trí trung tâm của chiến lược kinh tế - xã hội". Vì vậy "Giáo dục và đào tạo phải được xem là quốc sách hàng đầu".

Quan điểm này phải được thể hiện ở những điểm cơ bản sau đây:

a) Giáo dục phải được coi trọng là ưu tiên hàng đầu để bảo đảm việc thực hiện những mục tiêu chiến lược của quốc gia, nhất là các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; các ngành, các cấp, các tổ chức, đoàn thể, các cộng đồng đều phải có mục tiêu giáo dục và đào tạo trong chương trình hành động của mình. Những mục tiêu này vừa phải được bảo đảm bằng những chính sách và đầu tư tương xứng vừa phải được tổ chức thực hiện bằng phát động phong trào quần chúng rộng lớn.

b) Phải coi đầu tư cho giáo dục là loại đầu tư cơ bản, đầu tư cho phát triển, tạo động lực và đòn bẩy thúc đẩy toàn bộ

nền kinh tế - xã hội. Giáo dục phải được ưu tiên trong tỷ trọng của ngân sách Nhà nước. Đầu tư cho giáo dục còn bao gồm các nguồn lực ngoài ngân sách Nhà nước, các nguồn vay và viện trợ của nước ngoài. Phải đầu tư có trọng điểm và phải có cơ chế quản lý và sử dụng tốt các nguồn đầu tư.

c) Những chính sách về giáo dục phải được thể chế hóa bằng luật pháp, đồng bộ và ăn khớp với các chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

d) Nhà nước cần có chính sách ưu tiên đối với giáo viên, ưu đãi về lương và phụ cấp nhằm bảo đảm cho mỗi giáo viên sống bằng chính nghề dạy học có thu nhập ít nhất cũng ngang mức thu nhập trung bình trong xã hội. Nâng cao vị trí xã hội của nghề dạy học, làm cho giáo viên yên tâm đem hết tâm trí cống hiến cho nghề dạy học và thu hút được những người giỏi trong xã hội vào nghề dạy học.

đ) Phải huy động toàn xã hội làm giáo dục, tổ chức nhiều lực lượng xã hội tạo thành phong trào quần chúng rộng lớn xây dựng nền giáo dục quốc dân dưới sự quản lý thống nhất của Nhà nước. Thu hút các giới trong xã hội, các gia đình làm giáo dục hỗ trợ điều kiện vật chất, động viên tinh thần, xây dựng môi trường giáo dục gia đình và xã hội, động viên con em đi học, phấn đấu học tốt, rèn luyện tốt, lập nhiều loại trường lớp, thực hiện nhiều cách học, tạo nhiều cơ hội học tập cho mọi người. Phải có sự tổ chức chỉ đạo đủ mạnh của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể nhân dân để động viên nhân dân có quyết tâm cao làm cách mạng trong sự nghiệp giáo dục.

e) Phát động và tổ chức toàn xã hội xây dựng sự nghiệp giáo dục, đồng thời chỉ đạo và kiểm tra việc sử dụng có hiệu quả mọi nguồn đầu tư cho giáo dục.

2. Phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đạo đức, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài đáp ứng nhu cầu của những năm 90 và chuẩn bị cho tương lai. Phải mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục. Nhà trường phải đồng thời dạy người, dạy chữ và dạy nghề, trong đó "dạy người" phải được đặt lên hàng đầu. Coi trọng đào tạo và bồi dưỡng lực lượng lao động giỏi, có kỹ năng nghề nghiệp.

3. Nền giáo dục Việt Nam trong giai đoạn mới phải có các tính chất: hiện đại, dân tộc, nhân văn, dân chủ và đại chúng. Sự phát triển của giáo dục Việt Nam vừa phải gắn chặt với yêu cầu của thực tiễn đất nước, vừa phải phù hợp với xu thế tiến hóa của thời đại. Từ mục tiêu, nội dung phương pháp đến tổ chức quản lý giáo dục phải hiện đại hóa, đồng thời giữ vững và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Thực hiện một nền giáo dục thường xuyên cho mọi người theo hướng phổ cập giáo dục phổ thông và nghề nghiệp, từng bước từ thấp đến cao. Nền giáo dục Việt Nam phải giao lưu thường xuyên với thế giới, tiến lên có vị trí xứng đáng trong quan hệ hợp tác quốc tế, đạt trình độ cao về chất lượng trên một số mặt so với các nước trong vùng.

4. Giáo dục và đào tạo cần thích nghi với những đổi mới về kinh tế. Phải đa dạng hóa loại hình đào tạo, đa dạng hóa mục tiêu, chương trình, mở rộng quy mô, thực hiện nghiêm ngặt chất lượng và hiệu quả giáo dục, bảo đảm năng lực và phẩm chất người lao động, tạo động lực cho sự phát triển. Người lao động được đào tạo phải chủ động tìm việc làm, tự tạo việc làm. Người đi học phải đóng một phần học phí. Người sử dụng lao động phải đóng góp chi phí đào tạo (qua thuế, đảm phụ giáo dục, qua hợp đồng kế hoạch đào tạo...).

Người làm giáo dục và đào tạo phải được trả công thỏa đáng và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo.

Phải hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường đang tác động xấu đến tư tưởng đạo đức học sinh, sinh viên. Giáo dục phải được bảo đảm là một lĩnh vực hoạt động không vụ lợi, không được thương mại hóa việc cung ứng giáo dục cho xã hội. Nhà trường bao giờ cũng phải là môi trường lành mạnh, gương mẫu, có kỷ cương, nền nếp để giáo dục và rèn luyện con người.

II- NHỮNG MỤC TIÊU VÀ CHỦ TRƯỞNG LỚN CỦA GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẾN NĂM 2000

A- Mục tiêu phát triển giáo dục

1. Đổi mới sâu sắc về giáo dục và đào tạo để thực sự thích ứng với nền kinh tế - xã hội, cả về cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục, cả về xây dựng tiềm lực cho giáo dục, quan trọng nhất là nâng cao động lực và chất lượng của đội ngũ giáo viên, cải thiện điều kiện làm giáo dục.

2. Mục tiêu đào tạo chung của hệ thống giáo dục quốc dân là hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực của công dân, đào tạo những con người tự chủ, năng động, sáng tạo, có kiến thức văn hóa, khoa học, công nghệ, có kỹ năng nghề nghiệp, có lòng yêu nước, có lối sống lành mạnh, có năng lực hành động đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

B- Một số chính sách, chủ trương lớn

1. *Tiếp tục hoàn chỉnh cơ cấu mới của hệ thống giáo dục*

quốc dân cho phù hợp với nền kinh tế - xã hội đang đổi mới. Xác định quy mô của từng ngành học, bậc học, cấp học.

Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân gồm: Giáo dục mầm non (nhà trẻ và mẫu giáo); giáo dục phổ thông 12 năm (tiểu học và trung học cơ sở, trung học chuyên ban); giáo dục chuyên nghiệp (trung học chuyên nghiệp và dạy nghề); giáo dục đại học và sau đại học; giáo dục thường xuyên (xóa mù chữ, bổ túc văn hóa, đào tạo tại chức, bồi dưỡng ngắn hạn, tự học có hướng dẫn, đào tạo từ xa...).

Tiếp tục đẩy mạnh việc đa dạng hóa các loại hình trường, lớp; đa dạng hóa các loại hình giáo dục và đào tạo. củng cố các trường công lập, chuyển một số trường công lập sang bán công. Khuyến khích mở các trường, lớp dân lập. Bên cạnh loại hình giáo dục và đào tạo chính quy, khuyến khích mở rộng các loại hình phi chính quy. Khuyến khích tự học. Đảm bảo cho mọi công dân trong khuôn khổ pháp luật có quyền được học, được thi, được chọn trường, chọn thầy, chọn nghề; được học tập ở trong nước và khuyến khích đi học ở nước ngoài.

2. Sắp xếp lại hệ thống mạng lưới các trường của các ngành học, bậc, cấp học, trước hết là mạng lưới các trường đại học và cao đẳng. Phải lấy học sinh làm trung tâm để xác định địa điểm trường lớp giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đến trường. Mạng lưới các trường trung học (trung học phổ thông, chuyên ban, trung học dạy nghề, trung học chuyên nghiệp) phải phù hợp với xu thế đổi mới kinh tế - xã hội và bậc trung học mới. Sắp xếp lại hợp lý và đồng bộ mạng lưới các trường đại học và cao đẳng và mạng lưới các viện nghiên cứu khoa học

nhằm phát huy tiềm lực của đội ngũ cán bộ giáo dục và cơ sở vật chất kỹ thuật của mỗi trường và toàn hệ thống, đồng thời tạo ra một mạng lưới mới gắn bó chặt chẽ các trường với các viện nghiên cứu khoa học có đủ sức tạo ra chất lượng cao và hiệu quả lớn của hệ thống đại học và nghiên cứu khoa học của cả nước, đáp ứng những yêu cầu mới của sự phát triển đất nước đặt ra cho các nhà trường đại học và các viện nghiên cứu khoa học.

Hình thành từng bước các "trung tâm chất lượng cao" có vai trò dẫn đầu trong việc nâng cao chất lượng, tạo tiền đề để nâng cao chất lượng của toàn hệ thống giáo dục, bao gồm: các trường trọng điểm trong các ngành học, bậc học, cấp học, các trường chuyên, lớp chọn, trường năng khiếu ở phổ thông, xây dựng vài trường Đại học trọng điểm quốc gia là trung tâm nghiên cứu khoa học trình độ cao và đào tạo cán bộ có chất lượng cao.

Khuyến khích phát triển, mở rộng các trường - lớp cho trẻ em có tật và những người bị thiệt thòi thất học (chú ý phụ nữ và trẻ em gái ở nông thôn, miền núi). Các trường - lớp này do Nhà nước, các đoàn thể, các tổ chức xã hội và các hội từ thiện xây dựng và bảo lãnh.

Đổi mới giáo dục bổ túc và đào tạo bồi dưỡng tại chức, từng bước hình thành và phát triển hệ giáo dục thường xuyên để góp phần cải thiện chất lượng của lực lượng lao động xã hội và tạo cơ hội học tập cho những người có nhu cầu học theo sở thích và lợi ích của mình.

3. Chuyển cấp I phổ thông thành bậc tiểu học, thực hiện luật phổ cập tiểu học và chống mù chữ. Phấn đấu đến năm 2000 phổ cập giáo dục tiểu học có chất lượng, trước hết "đối

với trẻ em trong độ tuổi từ 6 đến 14 tuổi". Thực hiện phổ cập giáo dục cấp II ở những nơi có điều kiện làm cho "đại bộ phận thanh niên có học vấn từ cấp II trở lên".

Giảm cơ bản nạn mù chữ cho người lao động trong độ tuổi từ 15 đến 35 tuổi. Kế thừa và phát huy truyền thống và cách làm của phong trào thanh toán nạn mù chữ và bình dân học vụ trước đây.

4. Hình thành bậc trung học mới nhằm chuẩn bị cho một bộ phận học sinh tiếp tục học lên và đa số tốt nghiệp có thể vào đời, theo các hướng: liên kết giữa giáo dục phổ thông và giáo dục chuyên nghiệp; giáo dục kỹ năng lao động và hướng nghiệp cho học sinh phổ thông; phân ban ở cấp trung học chuyên ban nhằm chuẩn bị chuyên môn cho học sinh vào đại học và chuẩn bị cho học sinh vào đời với kỹ năng lao động nhất định.

5. Mở rộng giáo dục nghề nghiệp, từng bước hình thành nền giáo dục kỹ thuật trong xã hội, đào tạo lực lượng công nhân lành nghề và lành nghề bậc cao. Phát triển các trung tâm dạy nghề quận, huyện, các trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp; phát triển các trường, lớp dạy nghề dân lập, tư thục, khuyến khích dạy các nghề truyền thống, các nghề có nhu cầu lớn ở địa phương.

6. Mở rộng hợp lý quy mô đào tạo đại học gắn với các viện nghiên cứu khoa học. Các trường đại học phải trở thành những trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học của cả nước, hoặc từng vùng lãnh thổ. Nhà nước cần tập trung đầu tư đào tạo cán bộ cho một số ngành rất cần thiết mà nhân dân không làm (như mỏ - địa chất, thủy lợi, sư phạm...). Phát triển hệ cao học nhằm đào tạo cán bộ khoa học, cán bộ giảng dạy, cán

bộ quản lý theo hướng mở rộng và chuyên sâu, đáp ứng yêu cầu của các ngành kinh tế - xã hội. *Đẩy mạnh đào tạo nghiên cứu sinh nhằm tăng cường đội ngũ có trình độ khoa học cao của các ngành kinh tế - xã hội trong nước.*

7. Thực hiện tốt, có chất lượng chương trình giáo dục về quốc phòng cho học sinh đại học và trung học đã được ban hành.

8. *Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, triển khai công nghệ, lao động sản xuất, gắn nhà trường với xã hội*

Các trường đại học và chuyên nghiệp thực hiện nghiên cứu và triển khai, lao động sản xuất trên tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ, từ nghiên cứu cơ bản đến nghiên cứu ứng dụng, triển khai thực nghiệm và áp dụng các kết quả đạt được vào sản xuất, đời sống. Cho phép các trường lập các cơ sở nghiên cứu khoa học, triển khai thực nghiệm, tổ chức sản xuất phù hợp với pháp luật Nhà nước.

Các cơ sở doanh nghiệp trong xã hội (nhà máy, xí nghiệp, công - nông - lâm trường, hợp tác xã, tổng công ty, công ty, v.v..) có trách nhiệm nhận và giúp đỡ cán bộ, học sinh, sinh viên đến thực hành, thực tập, nghiên cứu.

Đẩy mạnh nghiên cứu và triển khai những vấn đề về khoa học giáo dục và đào tạo phục vụ cho mục tiêu phát triển ngành, phát triển sự nghiệp giáo dục.

9. *Củng cố và phát triển giáo dục ở vùng các dân tộc thiểu số và những vùng khó khăn*

Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng các dân tộc thiểu số, trong đó coi trọng việc đầu tư xây dựng hệ thống đào tạo cán bộ cho các vùng dân tộc thiểu số từ trung

ương đến địa phương, đồng bộ với đầu tư xây dựng trường lớp tạo nguồn.

Thực hiện ngay một số biện pháp cấp bách nhằm ngăn chặn tình trạng sa sút về quy mô giáo dục, từng bước phổ cập giáo dục tiểu học cho trẻ em trong độ tuổi theo trường, lớp quy mô nhỏ (hoặc lớp ghép) với chương trình phù hợp. Ban hành các chính sách, các chế độ có tính ưu đãi đối với giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, đào tạo và bổ sung đủ giáo viên và cán bộ quản lý những vùng này.

Xây dựng, củng cố và phát triển những trường phổ thông dân tộc nội trú, trường tiểu học ở xã (hoặc liên xã), trường cấp II ở liên xã (hoặc huyện), trường cấp III ở tỉnh, một vài trường dân tộc nội trú ở Trung ương.

Mở rộng hơn nữa việc đào tạo cán bộ và quan tâm xây dựng các trường đại học, cao đẳng ở vùng dân tộc thiểu số. Các trường đại học lớn có trách nhiệm giúp đỡ những trường này nhất là về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giảng dạy.

Các tỉnh có vùng đồng bào dân tộc vùng khó khăn cần có kế hoạch đào tạo cán bộ "theo địa chỉ", theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện kế hoạch tạo nguồn và tuyển sinh hàng năm, giúp đỡ điều kiện, phương tiện dạy và học, hỗ trợ về đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ giảng dạy và sinh viên của các trường này.

10. *Đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục và đào tạo ở tất cả các bậc học*

Xây dựng lại mục tiêu giáo dục và đào tạo cụ thể của từng bậc học, cấp học, ngành học, thiết kế lại chương trình, kế hoạch, nội dung, phương pháp giáo dục và phương pháp

đánh giá kết quả nhằm làm cho chất lượng phù hợp với yêu cầu của kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ.

Cần chú trọng nội dung nhân văn, giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc, đạo đức Hồ Chí Minh, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại. Tạo điều kiện để đẩy mạnh giáo dục thẩm mỹ, rèn luyện thể chất cho học sinh - sinh viên, từng bước phổ cập ngoại ngữ, phổ cập tin học.

Thực hiện phương pháp kết hợp học với hành, kết hợp giảng dạy học tập với lao động sản xuất, thực nghiệm và nghiên cứu khoa học. Áp dụng những phương pháp giáo dục - đào tạo hiện đại để bồi dưỡng cho người học năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sử dụng những phương tiện xử lý thông tin hiện đại.

Đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin, khoa học kinh tế, khoa học quản lý nhằm cung cấp được cho học sinh, sinh viên những cơ sở khoa học về thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận của tư duy và hành động.

11. Ngành giáo dục cần tiếp tục củng cố và phát huy những nhân tố mới, tổng kết thực tiễn đổi mới, tiến lên hoàn chỉnh đồng bộ các mục tiêu, nội dung và hệ thống biện pháp, tích cực chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để chuyển công cuộc đổi mới giáo dục thành một cuộc cải cách giáo dục mới như Đại hội VII đã đề ra.

III- NHỮNG BIỆN PHÁP LỚN

1. *Nâng cao tỷ trọng đầu tư cho giáo dục - đào tạo trong ngân sách nhà nước, đồng thời xây dựng thể chế huy động các*

nguồn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước. Tranh thủ viện trợ, hợp tác của các tổ chức quốc tế và nước ngoài. Sử dụng hợp lý, có hiệu quả cao những nguồn lực, cơ sở vật chất kỹ thuật đang có

a) Hiện nay tỷ trọng ngân sách nhà nước dành cho giáo dục quá thấp. Trước mắt, Nhà nước tăng tỷ trọng này, không để thấp hơn mức cao nhất đạt được thời gian qua và sau đó hàng năm tiếp tục tăng lên theo khả năng thực tế của nền tài chính nước nhà.

b) Hoạch định cơ sở pháp lý cho việc huy động các nguồn đầu tư khác vào giáo dục - đào tạo ngày càng rộng rãi. Lập những loại "quỹ giáo dục", đặc biệt là quỹ hỗ trợ giáo dục tiểu học. Nhà nước có chính sách vay vốn của nước ngoài và của các tổ chức quốc tế với điều kiện ưu đãi để phát triển giáo dục - đào tạo.

Có chính sách mới về: học phí, học bổng, trợ cấp xã hội cho học sinh, tín dụng giáo dục. Trừ "học sinh học tại trường lớp tiểu học quốc lập không phải trả học phí", Nhà nước tính toán chi phí đào tạo cho mỗi học sinh, sinh viên và theo nguyên tắc: "đã đi học thì phải trả tiền", ở tất cả các cấp học khác đều thu học phí (đồng thời có chế độ miễn giảm học phí đối với diện chính sách xã hội).

Chế độ học bổng cần phát huy tác dụng động viên khuyến khích tài năng, khuyến khích các ngành nghề khó tuyển sinh, học sinh các trường ở vùng khó khăn. Thực hiện trợ cấp xã hội cho học sinh, sinh viên thuộc diện chính sách xã hội. Có chính sách huy động trách nhiệm đóng đảm phụ giáo dục của các doanh nghiệp. Khuyến khích sinh viên nhận kinh phí ứng trước của các doanh nghiệp để sau khi tốt

nghiệp về làm việc tại đó. Nhà nước nghiên cứu xây dựng tín dụng giáo dục và đào tạo. Tranh thủ và sử dụng có hiệu quả viện trợ hợp tác của các tổ chức quốc tế và nước ngoài. Khuyến khích các nhà hảo tâm, Việt kiều đóng góp xây dựng cơ sở vật chất giáo dục - đào tạo và có chính sách động viên, khen thưởng, ghi nhận công lao.

2. *Bảo đảm đủ số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên*

a) Xây dựng chính sách mới về lương của giáo viên các bậc học theo hướng khuyến khích người giỏi làm nghề dạy học. Có phụ cấp nghề sư phạm, phụ cấp dạy giỏi và phụ cấp lao động ở những vùng khó khăn.

b) Bảo đảm đào tạo đủ số lượng giáo viên, nhất là đối với bậc tiểu học. Thực hiện nghiêm túc quy chế bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao trình độ nghiệp vụ của giáo viên. Quan tâm bồi dưỡng giáo viên trẻ kế cận cho lớp giáo viên đầu đàn ở các trường trong mọi cấp học, bậc học.

c) Hoàn thành việc định chức danh nghề nghiệp cho từng loại giáo viên ở mọi cấp học.

Thường xuyên kiểm tra trình độ, năng lực, phẩm chất của giáo viên. Người đạt tiêu chuẩn và người giỏi được đãi ngộ thỏa đáng.

d) Sắp xếp, tổ chức lại ngành sư phạm. Hệ thống các trường sư phạm phải được ưu tiên về đầu tư và chỉ đạo để sớm tạo ra những chuyển biến về chất.

Chú trọng đào tạo bồi dưỡng giáo viên có năng lực giáo dục đạo đức, luân lý cho học sinh. Nhà nước có chính sách mới nhằm thu hút những học sinh giỏi vào học các trường sư phạm.

3. *Đổi mới cơ chế quản lý giáo dục và đào tạo*

a) Xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm quản lý giáo dục - đào tạo giữa các bộ, các ngành, giữa cấp trung ương, cấp tỉnh, huyện, quận và cơ sở trường học về các khâu: quy hoạch, kế hoạch, tổ chức - nhân sự, tài chính, thanh tra, kiểm tra.

Ngành giáo dục và đào tạo quản lý toàn diện sự nghiệp này trên nguyên tắc đề cao vai trò chức năng quản lý nhà nước của cấp bộ, cấp sở và tăng cường tự chủ cho cơ sở, trường học.

b) Công tác kế hoạch hóa phát triển giáo dục - đào tạo phải bao gồm hệ thống giáo dục của Nhà nước và các trường bán công, dân lập, tư thục (dạy nghề) phù hợp với các bậc học, cấp học, ngành học trên các địa bàn dân cư; tạo ra sự liên hệ chặt chẽ giữa đào tạo và sử dụng. Dự báo kế hoạch dài hạn nhằm đón đầu sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước vào đầu thế kỷ XXI.

Đổi mới cơ chế quản lý tài chính giáo dục, giao cho ngành giáo dục và đào tạo trực tiếp quản lý ngân sách và các nguồn đầu tư ngoài ngân sách.

c) Tiếp tục thể chế hóa công tác quản lý toàn ngành bằng hệ thống luật lệ, quy chế nhằm bảo đảm kỷ cương, nền nếp quản lý từ vĩ mô đến vi mô. Mở rộng dân chủ trong nhà trường, trong quá trình giáo dục - đào tạo.

Xây dựng hệ thống thông tin quản lý giáo dục, áp dụng những phương pháp và sử dụng phương tiện hiện đại vào công tác thông tin quản lý.

Tăng cường công tác thanh tra giáo dục với trọng tâm là thanh tra chuyên môn và quản lý.

d) Đẩy mạnh phong trào thi đua dạy tốt - học tốt trong

ngành giáo dục. Cải tiến các hình thức và biện pháp thi đua phù hợp với đổi mới giáo dục đào tạo và cơ chế mới của kinh tế - xã hội. Gắn công tác kiểm tra thi đua với thanh tra giáo dục. Đặc biệt coi trọng các nhân tố mới và phát hiện các điển hình tiên tiến.

d) Mở rộng, nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo.

e) Khẩn trương đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục các cấp, những cán bộ tham mưu, nghiên cứu xây dựng chủ trương, chính sách, những cán bộ thanh tra giáo dục.

Phần III

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC, PHÁT HUY VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM CỦA XÃ HỘI, GIA ĐÌNH ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO

Về phía Đảng

Các cấp ủy đảng có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền vận động làm cho toàn xã hội có nhận thức mới về vị trí, vai trò chiến lược của giáo dục - đào tạo là "quốc sách hàng đầu" trong sự nghiệp đổi mới kinh tế, xã hội, trực tiếp chỉ đạo thực hiện các định hướng về chính sách đối với giáo dục - đào tạo.

Đảng lãnh đạo và chỉ đạo chính quyền các cấp, các đoàn thể và tổ chức xã hội... có trách nhiệm thực hiện chức năng của mình đối với sự nghiệp giáo dục - đào tạo; tổ chức sự tham gia của các tầng lớp nhân dân xây dựng giáo dục thành

phong trào cách mạng quần chúng. Các cấp ủy đảng cử những cán bộ, đảng viên có phẩm chất và năng lực để giúp Đảng lãnh đạo tốt công tác giáo dục - đào tạo.

Tăng cường xây dựng Đảng và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng trong toàn ngành giáo dục - đào tạo. Có chính sách, chế độ thỏa đáng đối với cán bộ chuyên trách công tác đảng trong ngành giáo dục.

Về phía Nhà nước

Nhà nước phải có một hệ thống luật lệ bảo đảm để giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu; thể chế hóa việc kết hợp các biện pháp về đầu tư và chính sách với các biện pháp phát động phong trào quần chúng trong sự nghiệp đổi mới giáo dục.

Kế hoạch của Nhà nước phải coi trọng những dự án về giáo dục có tầm chiến lược quốc gia, ưu tiên cho các chương trình mục tiêu và các đề án cụ thể của giáo dục và đào tạo. Các ngành, các cấp trong hệ thống bộ máy Nhà nước phải kết hợp chặt chẽ với ngành giáo dục và đào tạo trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách và kế hoạch phát triển giáo dục đồng bộ và ăn khớp với các chính sách và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Về phía xã hội và gia đình

Toàn xã hội làm giáo dục và hưởng thụ thành quả giáo dục là bản chất của một nền giáo dục dân chủ.

Các cộng đồng, các đoàn thể nhân dân, các lực lượng xã hội và mọi gia đình phải cùng với ngành giáo dục - đào tạo chăm lo xây dựng giáo dục theo quan điểm "Sự nghiệp giáo dục là của dân, do dân, vì dân" theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm giáo dục" hướng vào mục tiêu "Giáo

dục cho tất cả mọi người", phải tổ chức thành phong trào quần chúng hỗ trợ giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục gia đình và xã hội.

Xã hội, gia đình và nhà trường là ba môi trường giáo dục có quan hệ mật thiết và tác động qua lại trong việc giáo dục, rèn luyện nhân cách cho học sinh - sinh viên. Định kỳ tổ chức các Đại hội giáo dục, củng cố Hội đồng giáo dục các cấp, nhất là ở cơ sở.

Nhà nước thể chế hóa việc huy động các nguồn lực của xã hội đóng góp vào hoạt động giáo dục (về xây dựng trường sở, mua sắm trang thiết bị đồ dùng dạy học, - giúp đỡ giáo viên, khen thưởng học sinh giỏi, trợ cấp học sinh - sinh viên nghèo, khó khăn, vận động những người có tài năng và đức độ, trong đó có những cán bộ hưu trí, cựu chiến binh và các nghệ nhân...) tham gia công tác giáo dục, giảng dạy ở các trường và ở gia đình, v.v..

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có trách nhiệm kết hợp với nhà trường tổ chức các phong trào hoạt động của tuổi trẻ học đường. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam có trách nhiệm kết hợp chặt chẽ với ngành giáo dục và đào tạo để bảo vệ chăm sóc giáo dục thiếu nhi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và về công tác chống mù chữ trong phụ nữ. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có trách nhiệm vận động lao động cả nước tham gia xây dựng giáo dục - đào tạo, chỉ đạo thường xuyên công đoàn giáo dục và đào tạo Việt Nam xây dựng và thực hiện tốt các chế độ chính sách về lao động của giáo viên, cán bộ giáo dục các cấp. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành viên của Mặt trận đề cao trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp giáo dục. Công tác giáo dục và đào tạo

phải trở thành một nhiệm vụ không thể thiếu trong chương trình hành động của từng hội, từng đoàn thể quần chúng, từng thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Tăng cường công tác tuyên truyền vận động làm cho mọi gia đình nhận thức rõ giáo dục gắn bó mật thiết với lợi ích của gia đình mình, con em mình. Mỗi gia đình, mỗi công dân đều có trách nhiệm và nghĩa vụ: nuôi con khỏe, dạy con ngoan, rèn luyện con nên người; giáo dục con em hiếu học, trọng thầy. Gia đình kết hợp chặt chẽ với nhà trường để giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ xứng đáng là người chủ tương lai của đất nước.

**BÁO CÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
TRÌNH HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VII)**

**Tình hình văn hoá, văn nghệ hiện nay
và nhiệm vụ văn hoá, văn nghệ trong những năm
trước mắt**

I- THỰC TRẠNG VĂN HOÁ, VĂN NGHỆ

Những năm vừa qua, công cuộc đổi mới do Đảng đề xướng và lãnh đạo đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, làm thay đổi nhiều mặt đời sống xã hội, trong đó có đời sống văn hoá, văn học, nghệ thuật. Tuy nhiên, những tiêu cực nảy sinh trong văn hoá, văn nghệ nước ta mấy năm gần đây đang là mối quan tâm lo lắng, là điều nhức nhối của xã hội.

Tình hình trên đòi hỏi Trung ương phải phân tích sâu sắc, toàn diện, đánh giá đúng thực trạng văn hoá, văn nghệ hiện nay, khẳng định những mặt tốt, mặt làm được, vạch ra những mặt yếu kém, tìm đúng nguyên nhân, từ đó rút ra những kết luận, những bài học kinh nghiệm, đề ra được

những giải pháp thiết thực nhằm phát triển sự nghiệp văn hoá, văn nghệ.

1. Những mặt tiến bộ, tích cực của tình hình

Từ sau ngày đất nước thống nhất, đặc biệt từ sau Đại hội VI của Đảng, nhiều vấn đề mới của cuộc sống đặt ra, nhu cầu hưởng thụ văn hoá của các tầng lớp nhân dân ngày một lớn đòi hỏi sự phong phú, đa dạng, nhiều vẻ về nội dung cũng như hình thức. Các ngành văn hoá, văn nghệ đã có nhiều cố gắng đáp ứng những yêu cầu mới của xã hội, đóng góp tích cực vào đời sống tinh thần của nhân dân. Các hoạt động văn hoá được mở rộng. Nhiều hình thức văn hoá truyền thống được khôi phục, tinh thần "uống nước nhớ nguồn" được khơi dậy trong nhân dân. Trong điều kiện eo hẹp về ngân sách, một số công trình văn hoá tiêu biểu đã được xây dựng. Các phương tiện truyền thông, nhất là báo, sách, cùng với diện phủ sóng phát thanh, truyền hình ngày càng mở rộng, đã góp phần làm phong phú thêm các hình thức và phương tiện đưa văn hoá, nghệ thuật đến nhân dân. Một số hoạt động văn hoá được tổ chức trên quy mô cả nước, thu hút hàng triệu lượt người tham gia, đã góp phần phát huy tính xã hội của các hoạt động văn hoá. Trong phong trào xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá mới, đã xuất hiện tuy chưa nhiều, những điển hình tốt, có tính sáng tạo của quần chúng. Giao lưu văn hoá với nước ngoài được mở ra, đã góp phần tạo nên sự hiểu biết đúng và ấn tượng tốt về Việt Nam trong dư luận tiến bộ của nhiều nước trên thế giới.

Tiếp tục và phát triển đường lối văn hoá, văn nghệ đúng đắn của Đảng trong cách mạng và kháng chiến, Nghị quyết Đại hội VI và Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị (Khoá VI) về

"Đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật và văn hoá", tạo cho văn hoá, văn nghệ góp phần tích cực hơn vào quá trình dân chủ hoá xã hội, cổ vũ tinh thần đổi mới trong nhân dân.

Các hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật phong phú hơn về nội dung và đề tài, đa dạng hơn về hình thức, thể loại và phong cách biểu hiện, tỏ rõ sự tự tin, mạnh bạo hơn của văn nghệ sĩ trong tìm tòi và sáng tạo. Một số tác phẩm mới, nhất là về văn học, sân khấu, điện ảnh miêu tả sâu sắc những tình huống gian khổ, phức tạp của hai cuộc kháng chiến trước đây, phản ánh sinh động cuộc sống nhiều mặt của nhân dân, kịp thời đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực trong xã hội sau chiến tranh và trong nền kinh tế thị trường. Các ngành âm nhạc, mỹ thuật đã phát huy sức sáng tạo mới, ca ngợi những tình cảm và những vẻ đẹp mới trong đời sống bình thường với nhiều phong cách khác nhau. Ngành nhiếp ảnh nghệ thuật có nhiều cố gắng thể hiện cuộc sống đang thay đổi thông qua những cảnh vật, những con người thật. Nghệ thuật kiến trúc đã tạo thêm nhiều vẻ đẹp trong xây dựng nhà ở và các công trình công cộng.

Đội ngũ văn nghệ sĩ và cán bộ văn hoá gồm nhiều lớp kế tiếp nhau, đã trải qua thử thách, ngày càng phát triển và trưởng thành, có nhiều tài năng đáng trân trọng. Trước những khó khăn của đất nước và những biến động quốc tế phức tạp trong mấy năm gần đây, đại bộ phận vẫn tin tưởng và gắn bó với Đảng và sự nghiệp cách mạng của dân tộc, giữ vững phẩm chất, đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển văn hoá, văn nghệ theo đường lối đổi mới của Đảng. Một thế hệ các văn nghệ sĩ được đào tạo trong và

sau kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đang hoạt động năng nổ, có nhiều triển vọng.

Trong công tác lãnh đạo và quản lý, nhiều cấp uỷ đảng và cơ quan nhà nước đã nhận thức rõ hơn vai trò vị trí của văn hoá, văn nghệ, tạo không khí dân chủ, cởi mở, quan tâm các ý kiến của văn nghệ sĩ, khuyến khích, giúp đỡ các hoạt động sáng tạo. Trong hoàn cảnh kinh tế, xã hội còn nhiều khó khăn, Nhà nước đã cố gắng giải quyết một bước cơ sở vật chất kỹ thuật cho các hoạt động văn hoá, văn nghệ và một số chính sách đối với văn nghệ sĩ, cán bộ văn hoá. Các hội sáng tác chuyên ngành và các hội văn nghệ của các tỉnh, thành phố đã có một số cố gắng phát huy tính chủ động, khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động sáng tạo của hội viên, bồi dưỡng những tài năng mới, bằng hoạt động thiết thực của giới mình góp phần giữ vững ổn định chính trị, góp ý kiến với Đảng và Nhà nước phát triển văn hoá, văn nghệ, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới.

2. Bên cạnh những kết quả và những tiến bộ đạt được trên đây, trong thời gian qua đã nảy sinh một số hiện tượng phức tạp. Đó là sự sa sút của nhiều mặt hoạt động văn hoá và đạo đức xã hội; những biểu hiện tiêu cực trong sáng tác, lý luận phê bình văn học, nghệ thuật.

Lối sống chạy theo đồng tiền và những thị hiếu không lành mạnh, những hủ tục, mê tín được phục hồi và phát triển đang làm xói mòn nếp sống văn hoá, tinh thần và đạo đức tốt đẹp mà nhân dân ta đã từng đạt được trong cách mạng và kháng chiến. Nền văn hoá dân tộc đang đứng trước những nguy cơ bị băng hoại bởi sự tràn ngập của những văn hoá phẩm xấu đưa từ bên ngoài vào bằng những con đường: dịch

sách thiếu chọn lọc, nhập lậu phim ảnh, băng hình, sách báo phản động đồi trụy... thậm chí còn có cả việc "tái bản" những tác phẩm độc hại dưới chế độ cũ. Các ngành điện ảnh, sân khấu... trước đây đã đạt được nhiều thành tựu, nay đang lâm vào tình trạng khó khăn và sa sút nghiêm trọng. Hoạt động văn hoá chủ yếu tập trung ở thành thị. Nhiều vùng nông thôn, nhất là ở miền núi và các vùng sâu, đời sống văn hoá của đông đảo nhân dân lao động vẫn nghèo nàn, có nơi kém cả thời chiến tranh, các thiết chế văn hoá (thư viện, nhà văn hoá...) và hoạt động văn hoá quần chúng nhiều nơi chỉ còn lay lắt hoặc tan rã. Ở thành thị, lớp công chúng thị dân có nhiều tiền dần dần chiếm lĩnh vị trí của người hưởng thụ văn hoá, văn nghệ, có tác động mạnh đến khuynh hướng thương mại hoá văn hoá, nghệ thuật.

Một bộ phận văn nghệ sĩ mất lòng tin vào con đường xã hội chủ nghĩa, một số ít sa vào chủ nghĩa cơ hội, sùng bái chủ nghĩa tư bản, rơi vào cạm bẫy của quan điểm văn nghệ tư sản. Văn nghệ sĩ đảng viên không phát huy được vai trò tiên phong, bảo vệ quan điểm của Đảng, cá biệt có người phản bội, đầu hàng. Mấy năm qua, đã xuất hiện không ít các tác phẩm có những khuynh hướng sai lầm, lệch lạc, một số tác phẩm xấu về tư tưởng chính trị và quan điểm nghệ thuật.

Khuynh hướng phủ nhận quá khứ, phủ nhận thành tựu của cách mạng và kháng chiến thể hiện trong nhiều tác phẩm với mức độ khác nhau. Có những tác phẩm chỉ phản ánh một chiều, khuếch đại những sai lầm trong quá khứ, xoáy sâu vào những tiêu cực, đau thương, mất mát, những cảnh ngộ bi thảm trong chiến tranh, không những làm mờ nhạt mà còn hạ thấp thành tựu to lớn và phẩm chất anh

hùng của dân tộc. Cá biệt có tác phẩm bôi đen và xuyên tạc thắng lợi lịch sử của cách mạng và kháng chiến, phủ nhận con đường đúng đắn mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn. Có tác phẩm còn bôi nhọ, "hạ bệ" cả anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá, xúc phạm thô bạo niềm tự hào và truyền thống tốt đẹp từ bao đời nay của nhân dân ta.

Một số tác phẩm miêu tả xã hội một cách méo mó, toàn những cái ác, trong đó có những người viết về cái ác dường như không phải để chống lại nó mà là mượn chiêu bài phê phán để bôi đen chế độ. Một số vin vào phản ánh "đời thường", cho ra những tác phẩm dung tục, tối tăm, hoặc quá say sưa viết về "những thân phận, những cảnh ngộ đau khổ, ép le" không lối thoát, coi đó là nạn nhân tất yếu của chế độ xã hội, thể hiện tâm trạng bế tắc, sự phản kháng đối với thực tại.

Một số người vì kiếm sống chạy theo những thị hiếu thấp kém của bộ phận công chúng lạc hậu, sa đà vào "sáng tác" những chuyện tình dục và bạo lực, lối sống sa đọa, bệnh hoạn, xa lạ với thuần phong mỹ tục của nhân dân ta, gây ảnh hưởng rất tai hại, nhất là đối với lớp trẻ.

Công tác lý luận, phê bình ít phát triển, tính chiến đấu kém, còn nhiều biểu hiện sơ lược, một chiều, khen chê không chính xác. Dư luận đúng đắn không đồng tình về một số tác phẩm có những lệch lạc về tư tưởng chính trị và quan điểm nghệ thuật nhưng lại được tặng thưởng. Những quan điểm lệch lạc đã bị phê phán trước đây (1979-1981) (như coi xu hướng miêu tả cái cao cả trong văn học là "tiêu cực", đánh giá văn học kháng chiến và cách mạng là "chủ nghĩa hiện thực phải đạo", cho quan điểm văn học phải gắn bó với cuộc sống

là "bắt buộc văn học phải khiếp sợ trước đời sống", lấy tự do cá nhân đối lập với tập thể) đã xuất hiện lại và phát triển đến mức công khai phủ nhận những thành tựu của văn nghệ cách mạng và kháng chiến, ca ngợi một chiều "văn nghệ tiên chiến", bác bỏ thuyết phản ánh, chủ trương "văn học không làm nhiệm vụ giáo dục đạo đức". Đề cao một chiều chức năng "dự báo" của văn nghệ, cường điệu vai trò và chức năng của văn học nghệ thuật đến mức đối lập văn học, nghệ thuật với chính trị, cho rằng đối với văn hoá, văn nghệ "Đảng chỉ nên định hướng rộng", "để cho quần chúng tự chọn món ăn". Có trường hợp còn tỏ ra "sám hối" vì đã viết ca ngợi cách mạng và kháng chiến.

Sự tồn tại của các quan điểm sai lầm trên kéo dài, tác động tiêu cực nhiều mặt trong các cơ quan văn học, nghệ thuật, kể cả cơ quan của Đảng. Các thế lực thù địch ở bên ngoài đã nhanh chóng sử dụng những tác phẩm xấu và những quan điểm sai trái trên để chống lại ta. Những tác phẩm xấu ấy dù không có gì là văn chương đều được chúng dịch và in lại, tác giả được chúng tâng bốc, khen thưởng và mời mọc.

3. Nguyên nhân của những tiêu cực nói trên.

Tuy đã đạt được những thành tựu đổi mới rất quan trọng, nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội; những khó khăn, va vấp của bước chuyển sang nền kinh tế thị trường dưới sự quản lý của Nhà nước; nạn tham nhũng, buôn lậu và các tiêu cực xã hội khác chưa đẩy lùi được, trái lại có xu hướng tăng lên; sự tan rã của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu; chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch thực hiện chiến lược "diễn biến hoà bình", v.v., tất cả

những yếu tố đó đã tác động đến ý thức xã hội, đến tình hình văn hoá, văn nghệ nước ta mấy năm qua. Song nguyên nhân chủ yếu để cho tình hình tiêu cực nói trên kéo dài, lan rộng, có mặt nghiêm trọng và nguy hiểm là do những khuyết điểm, yếu kém trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.

Đường lối, chủ trương về phát triển văn hoá, văn nghệ đã đề ra trong Nghị quyết của Đại hội VI, trong Nghị quyết của Bộ Chính trị số 05-NQ/TW ngày 28-11-1987 và những chỉ thị sau đó của Ban Bí thư về cơ bản là đúng đắn và kịp thời. Nghị quyết 05 có một số nhược điểm như: chưa nêu bật được cuộc đấu tranh trên mặt trận văn hoá, văn nghệ; chưa lường trước và đề ra được những biện pháp nhằm hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường đối với văn hoá - văn nghệ. Nghị quyết 05 còn có một số sơ hở, chưa chặt chẽ. Song nhìn tổng thể Nghị quyết 05 là tích cực, thể hiện được những quan điểm có tính nguyên tắc của Đảng trên lĩnh vực văn hoá, văn học nghệ thuật trong thời kỳ đổi mới. Sai sót chủ yếu là trong tổ chức thực hiện.

Khi triển khai nghị quyết, một số cán bộ phụ trách trong lĩnh vực văn hoá, văn nghệ đã theo ý riêng của mình truyền bá những quan điểm lệch lạc, trái với quan điểm của Đảng. Việc làm sai trái đó đã bị một số cấp uỷ phản ánh. Ban Bí thư phải triệu tập hội nghị phổ biến lại nghị quyết. Kết quả thi hành nghị quyết bước đầu đã tạo được một số chuyển biến tốt. Tuy vậy, những người có quan điểm lệch lạc tiếp tục có những hoạt động vô tổ chức, vô kỷ luật, gây nhiều tác động tiêu cực. Việc phê phán và uốn nắn những lệch lạc tuy có tiến hành song chưa sâu sắc, thiếu kiên quyết, chưa giải quyết

đúng mức cả hai mặt tư tưởng và tổ chức. Mặt khác, các cấp uỷ đảng, chính quyền, các đoàn thể xã hội chưa nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò quan trọng của văn hoá, văn nghệ, thiếu sự quan tâm đúng mức đến lĩnh vực này. Nghị quyết 05 không được quán triệt sâu rộng và chưa được thể chế hoá. Nhiều việc nêu trong Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị và các Chỉ thị 52, 61 của Ban Bí thư như đẩy mạnh công tác lý luận, phê bình, lập đảng đoàn trong các hội văn nghệ, v.v. chưa được thực hiện. Phương thức lãnh đạo và quản lý trên mặt trận này từ trung ương đến các cấp uỷ, các ngành chủ quản còn lúng túng. Trước những lệch lạc xuất hiện trong văn hoá, văn nghệ ở địa phương, có những cấp uỷ và cơ quan nhà nước e ngại, rụt rè trong việc xử lý; nhưng cũng có nơi sử dụng những biện pháp hành chính không thích hợp; một số địa phương trong khi kiếm thêm nguồn thu cho ngân sách, đã có những chủ trương không đúng lập ra nhà xuất bản mà không kiểm soát được. Tình trạng buông lỏng, lúng túng và có một số chủ trương sai đó đã tạo cơ hội cho bọn "đầu nậu" thao túng cho ra những tác phẩm xấu và sự lan tràn của những văn hoá phẩm độc hại từ ngoài vào.

Việc *bố trí cán bộ chủ chốt* trên lĩnh vực này có một số trường hợp sai. Việc tổ chức một số đại hội của các hội văn học, nghệ thuật có nhiều thiếu sót. Phương thức lãnh đạo và quản lý của Đảng, Nhà nước chậm được đổi mới. Hội nhà văn và các hội sáng tạo nghệ thuật tuy có nhiều cố gắng thay đổi cách làm việc nhưng vẫn chưa tìm ra được phương thức hoạt động thích hợp. Trách nhiệm và sự thiết tha của hội viên đối với Hội có phần phai nhạt. Một số đơn vị còn tình trạng mất đoàn kết, nhất là giữa các đồng chí

lãnh đạo chủ chốt. Sự chậm trễ trong việc thành lập đảng đoàn đã hạn chế việc phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng đối với các hội văn nghệ.

Việc *thiếu những chính sách đầu tư*, những chế độ cần thiết (nhuận bút, mua bán các tác phẩm nghệ thuật, lương nghiệp vụ, quyền tác giả, v.v..) trong tình hình đời sống còn khó khăn, điều kiện làm việc rất thiếu thốn đã hạn chế nhiều tiềm năng sáng tạo nghệ thuật; khá nhiều người phải bỏ hoạt động văn nghệ, đi làm nghề khác để kiếm sống. Những năm đầu chuyển sang cơ chế mới, xoá bao cấp song lại chưa kịp thời có chính sách tài trợ đối với văn hoá, văn nghệ. Do thiếu sự hỗ trợ cần thiết của Nhà nước, nhiều mặt hoạt động văn hoá, nghệ thuật không tự tháo gỡ được khó khăn, lâm vào tình trạng sa sút. Số vốn đầu tư ít ỏi được cấp cũng chưa sử dụng có hiệu quả cao, có trường hợp còn thất thoát, lãng phí. Phong trào văn hoá quần chúng, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá mới không được coi trọng và chỉ đạo tốt.

Cuối cùng cần phải nói tới trách nhiệm của *cá nhân văn nghệ sĩ - đảng viên*. Sáng tạo văn học, nghệ thuật là hoạt động của từng cá nhân. Đảng tôn trọng và tạo điều kiện cho tự do sáng tác của mỗi người, đồng thời Đảng yêu cầu văn nghệ sĩ đảng viên tự giác tuân thủ kỷ luật của Đảng. Vừa qua, một số đảng viên văn nghệ sĩ từ tâm trạng dao động, giảm sút lòng tin đã không giữ vững được vị trí và lập trường đảng trên mặt trận văn hoá, văn nghệ, có những biểu hiện mệt mỏi, thủ tiêu đấu tranh, thậm chí còn có những hành động sai trái. Việc phê phán và xử lý kỷ luật không nghiêm đối với một số đảng viên có hành vi vô tổ chức, vô kỷ luật, xa rời

quan điểm của Đảng, không những làm chậm khắc phục những mặt tiêu cực của tình hình mà còn làm giảm sút tinh thần đấu tranh của những người có tâm huyết.

Tóm lại, khuyết điểm chính của lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước trên lĩnh vực văn hoá, văn nghệ thời gian qua là *buông lỏng, sai lầm trong bố trí cán bộ chủ chốt, hữu khuynh, thiếu quan tâm đúng mức, thiếu đầu tư thích đáng.*

II- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, MỤC TIÊU VÀ NHỮNG BIỆN PHÁP CHỦ YẾU NHẪM TIẾP TỤC XÂY DỰNG, ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP VĂN HOÁ, VĂN NGHỆ TRONG NHỮNG NĂM TỚI

Việc xây dựng một chiến lược văn hoá cho nhiều thập kỷ tới phù hợp với Cương lĩnh chính trị của Đảng là một đòi hỏi cơ bản và cần thiết. Tuy nhiên, để làm được điều đó, cần có thời gian và sự chuẩn bị, dựa trên cơ sở tổng kết sâu sắc hoạt động và sự lãnh đạo về văn hoá, văn nghệ qua các thời kỳ. Hội nghị Trung ương lần này bàn và quyết định một số phương hướng, nhiệm vụ, chủ trương và những biện pháp chủ yếu nhằm tiếp tục xây dựng, đổi mới và phát triển sự nghiệp văn hoá, văn nghệ trong những năm tới.

A- Phương hướng và những quan điểm cần nắm vững

Văn hoá là *một động lực* thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là *một mục tiêu* trong xây dựng xã hội mới. Văn học, nghệ thuật là bộ phận trọng yếu của nền văn hoá dân tộc, thể hiện khát vọng của dân tộc về chân - thiện - mỹ. Trong quá trình tiến lên chủ nghĩa xã hội, cùng với việc xây

dựng và phát triển nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa phải xây dựng và phát triển một *nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.*

Văn hoá dân tộc Việt Nam là thành quả mấy ngàn năm lịch sử phát triển của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Thành quả ấy đã hun đúc nên tâm hồn, khí phách, bản lĩnh dân tộc Việt Nam, đã bảo đảm cho dân tộc ta tồn tại, phát triển và làm rạng rỡ non sông, đất nước. Nền văn hoá Việt Nam kế thừa những tinh hoa tốt đẹp của truyền thống các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam và tiếp thu những thành tựu cao đẹp của văn hoá nhân loại.

Nền văn hoá mà Đảng ta lãnh đạo toàn dân xây dựng có những đặc trưng cơ bản: *dân tộc, đại chúng, hiện đại, nhân văn.*

Để xây dựng và phát triển nền văn hoá, văn nghệ theo phương hướng nói trên cần nắm vững những quan điểm sau đây:

1. Vì *độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*, đó là nhiệm vụ chính trị, là tư tưởng cốt lõi trong văn hoá, văn nghệ của nước ta. Sự nghiệp văn hoá, văn nghệ là bộ phận khăng khít của sự nghiệp đổi mới do Đảng khởi xướng đưa đất nước từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Mọi biểu hiện hoặc mưu toan đối lập hay tách rời mối quan hệ giữa văn hoá, văn nghệ với đường lối chính trị và sự lãnh đạo của Đảng, đi chệch mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đều phải được kiên quyết phê phán và bác bỏ.

2. Kim chỉ nam trong việc xây dựng và phát triển nền văn hoá dân tộc Việt Nam là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Thấm nhuần và thực hiện quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Văn hoá - văn nghệ là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy".

3. Bảo đảm dân chủ, tự do cho sự sáng tạo và hoạt động văn hoá. Sự sáng tạo chân chính bao giờ cũng gắn liền với trách nhiệm trước công chúng, trước dân tộc và thời đại. Đảng khuyến khích tự do phát triển mọi năng lực sáng tạo, vun đắp cho các tài năng, đồng thời mỗi một văn nghệ sĩ, trước hết là các đảng viên làm công tác văn học, nghệ thuật, cần có ý thức đầy đủ trách nhiệm công dân, góp phần tích cực vào việc thực hiện các đường lối, chủ trương của Đảng và của Nhà nước, vào quá trình dân chủ hoá mọi mặt đời sống xã hội, bảo đảm ổn định chính trị, củng cố niềm tin, xây dựng lễ sống cao đẹp.

4. Phát triển văn hoá dân tộc đi liền với mở rộng giao lưu văn hoá với nước ngoài, tiếp thu những tinh hoa của nhân dân, làm giàu thêm nền văn hoá Việt Nam. Kiên quyết ngăn chặn sự xâm nhập của các loại văn hoá xấu, độc, bảo vệ nền văn hoá dân tộc.

5. Tính chiến đấu của các hoạt động văn hoá và văn học, nghệ thuật thể hiện trước hết trong việc khẳng định mạnh mẽ những nhân tố mới, những giá trị cao đẹp của xã hội ta, kiên quyết phê phán những hiện tượng tiêu cực, tất cả những gì cản trở quá trình phát triển đi lên của đất nước. Phê phán cái sai, lên án cái ác, cái xấu là để hướng tới cái đúng, cái thiện, cái đẹp.

Tính chiến đấu của các hoạt động văn hoá, nghệ thuật còn phải được thể hiện trong cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống lại các thế lực thù địch. Chủ nghĩa đế quốc và các lực lượng phản động đang ra sức thực hiện âm mưu "diễn biến hoà bình" nhằm xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản, xoá bỏ chủ nghĩa xã hội và độc lập dân tộc của nhân dân

ta. Vì vậy trên trận địa tư tưởng, các chiến sĩ văn hoá, văn nghệ phải vạch trần những âm mưu, thủ đoạn phá hoại, những luận điệu độc hại của các thế lực thù địch trong và ngoài nước, khẳng định niềm tin vào thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.

6. Văn hoá, văn nghệ là một sự nghiệp đòi hỏi sự đóng góp của toàn xã hội, phải được xã hội hoá. Phát triển các hoạt động văn hoá, nghệ thuật của cả nhà nước, tập thể và cá nhân theo đường lối, quan điểm của Đảng và quản lý thống nhất của Nhà nước. Khắc phục tình trạng "hành chính hoá" các tổ chức văn hoá, nghệ thuật và xu hướng "thương mại hoá" đơn thuần trong lĩnh vực này.

B- Mục tiêu và biện pháp trong những năm trước mắt

Căn cứ vào thực trạng văn hoá, văn nghệ như đã được phân tích, các hoạt động văn hoá, văn nghệ *từ nay đến 1995* phải đạt những *mục tiêu* sau:

Một mặt, các hoạt động văn hoá, văn nghệ phải được phát triển lành mạnh, phong phú, đa dạng, đáp ứng những nhu cầu thiết yếu về đời sống tinh thần của nhân dân, động viên anh chị em văn nghệ sĩ sáng tác về công cuộc đổi mới, phản ánh những hiện tượng, những nhân tố, những xu hướng tích cực trong cuộc sống và trong các mặt hoạt động xã hội. Mặt khác, kiên quyết đẩy lùi các tệ nạn xã hội đang phá hoại thuần phong mỹ tục của dân tộc, đấu tranh không khoan nhượng chống mọi hành động và luận điệu thù địch với Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, khắc phục các mặt tiêu cực và những khuynh hướng lệch lạc hiện nay trong lĩnh vực văn hoá, văn nghệ.

Các cấp uỷ đảng phải thấy hết mức độ và tính chất

nghiêm trọng của những mặt tiêu cực trên lĩnh vực văn hoá, văn nghệ, từ đó kiên quyết chấn chỉnh các cơ quan lãnh đạo, quản lý và đội ngũ cán bộ làm công tác văn hoá, văn nghệ theo phương hướng và các quan điểm mà Nghị quyết Trung ương lần này nêu lên. Tuy nhiên, phải thấy hết tính đặc thù của lĩnh vực này, nhất là của văn học, nghệ thuật. Hơn lĩnh vực nào khác, trong văn hoá, văn nghệ, phải lấy việc xây dựng những giá trị mới, sâu sắc, có tầm cỡ trong sáng tạo, phải lấy việc bồi dưỡng, bảo vệ và phát huy mọi tài năng làm mục tiêu lớn nhất. Với những thành tựu sẽ đạt được sắp tới, phải tính đến một thời kỳ chấn hưng và phát triển mới của nền văn hoá Việt Nam vào cuối thập kỷ 90, bước vào thế kỷ XXI.

Để đạt được những mục tiêu đó, cần tập trung chỉ đạo *thực hiện những biện pháp* sau đây:

1. *Mở đợt sinh hoạt chính trị - tư tưởng* nhằm quán triệt các quan điểm, phương châm, chủ trương của Nghị quyết Trung ương lần này, kiểm điểm việc thực hiện đường lối văn hoá, văn nghệ của Đảng nêu trong các văn kiện của Đảng từ Đại hội VI đến nay. Các cấp uỷ đảng và đảng đoàn các hội văn nghệ phải lãnh đạo chặt chẽ đợt sinh hoạt, có chương trình hành động cụ thể để thực hiện mục tiêu, các biện pháp lớn đã nêu trong nghị quyết.

2. *Củng cố và kiện toàn các tổ chức quản lý, đào tạo và nghiên cứu*

Kiện toàn *Ủy ban Trung ương Liên hiệp Văn học - nghệ thuật*. Củng cố các *hội văn học - nghệ thuật* ở trung ương và địa phương, trước hết là ban chấp hành và các cơ quan ngôn luận của các hội.

Cán bộ lãnh đạo chủ chốt của các hội sáng tạo nghệ thuật phải là những người có lập trường chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu và con đường xã hội chủ nghĩa, quyết tâm thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, có phẩm chất đạo đức cách mạng, có năng lực, uy tín nghề nghiệp, có khả năng tập hợp, đoàn kết các văn nghệ sĩ trong hoạt động sáng tạo theo đường lối văn hoá, văn nghệ của Đảng.

Hết sức tránh "hành chính hoá"; làm tê liệt hoạt động của các hội. Chuẩn bị tốt đại hội của các hội văn học, nghệ thuật ở trung ương vào năm 1994.

Chấn chỉnh các *trường văn hoá, nghệ thuật*. Rà soát lại chương trình, nội dung giảng dạy, kiện toàn ban giám hiệu và đội ngũ giáo viên. Bảo đảm chất lượng *giáo dục văn học, nghệ thuật* ở các trường phổ thông và đại học. Quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị cho các trường.

Những học sinh của các trường văn học, nghệ thuật cần được tuyển chọn kỹ về năng khiếu và phẩm chất. Những tài năng đặc biệt được hưởng chế độ ưu đãi.

Nâng cao chất lượng *công tác lý luận* văn học, nghệ thuật, tăng cường *công tác phê bình* văn học, nghệ thuật trên báo chí. Chỉnh đốn các *viện nghiên cứu* văn học và nghệ thuật, các *nhà xuất bản, báo chí* văn học, nghệ thuật, các trang văn nghệ trên các báo chí, đài phát thanh và vô tuyến truyền hình.

Chấn chỉnh tổ chức và hoạt động ngành *điện ảnh*. Có chính sách cụ thể và hoạt động điện ảnh của Nhà nước và nhân dân, về hợp tác và dịch vụ làm phim với nước ngoài. Có chính sách thích hợp với ngành phát hành phim và chiếu bóng, tạo điều kiện cho điện ảnh đến với nhân dân. Kiên

quyết chấm dứt việc sản xuất, phổ biến và nhập khẩu những phim và băng hình phản động, đồi trụy, nghiêm trị các hoạt động phạm pháp nói trên.

3. *Khôi phục, phát triển và đổi mới các hoạt động văn hoá ở cơ sở* để từng bước đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hoá của nhân dân, hết sức quan tâm đối với miền núi, các vùng xa, vùng sâu.

Củng cố và đẩy mạnh hoạt động của các ban vận động xây dựng *nếp sống mới*, Ủy ban mặt trận các cấp có trách nhiệm cùng với cơ quan văn hoá - thông tin ở địa phương chủ trì công việc này, hoạt động thiết thực, có hiệu quả.

Các cấp uỷ chỉ đạo tổng kết và nhân ra trên diện rộng những điển hình tốt về xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá mới.

4. *Xây dựng luật pháp, lập các hội đồng tặng thưởng quốc gia*

Hoàn chỉnh và xây dựng đồng bộ các *luật lệ về hoạt động văn học, nghệ thuật* bao quát mọi hoạt động văn học, nghệ thuật của Nhà nước, tập thể và cá nhân. Trước mắt, tập trung xây dựng để sớm ban hành Luật xuất bản và Luật bảo vệ di sản văn hoá dân tộc. Những vi phạm luật về hoạt động văn học, nghệ thuật phải được xử lý nghiêm minh. Thực hiện "bình đẳng trước pháp luật" là điều kiện đảm bảo quyền tự do sáng tạo và lập lại trật tự trên mặt trận tư tưởng - văn hoá.

Thành lập *hội đồng văn học, nghệ thuật* các cấp để xem xét, đánh giá các tác phẩm và tác giả về văn học, nghệ thuật làm tham mưu cho cấp uỷ, các cơ quan chủ quản và cơ quan quản lý nhà nước trong việc quyết định khen thưởng.

Thực hiện quyết định của Nhà nước về các giải thưởng quốc gia tặng cho các tác phẩm có giá trị lớn, cho những văn nghệ sĩ có nhiều cống hiến cho nền văn học, nghệ thuật dân tộc. Giải thưởng này do Hội đồng Văn học và nghệ thuật quốc gia đề nghị Chính phủ quyết định.

5. *Bảo vệ bản sắc văn hoá của các dân tộc thiểu số*

Đất nước ta có nhiều dân tộc, bởi vậy cần có chính sách cụ thể gìn giữ và nâng cao tinh hoa văn hoá của cộng đồng các dân tộc và của từng dân tộc. Vấn đề này cần được quan tâm một cách toàn diện: từ sưu tầm, nghiên cứu, bảo tàng, phổ biến các di sản văn hoá các dân tộc đến đào tạo cán bộ văn hoá cho các dân tộc. Giao cho Bộ Văn hoá - Thông tin cùng Ủy ban Dân tộc và miền núi nghiên cứu vấn đề này với sự quyết định của Chính phủ.

6. *Đầu tư thoả đáng cho lĩnh vực văn hoá, văn nghệ; chăm lo đời sống của cán bộ văn hoá, văn nghệ; sử dụng mọi tiềm năng trong nhân dân mở rộng các hoạt động văn hoá, nghệ thuật*

Cần xác định một tỷ lệ thích đáng trong ngân sách Nhà nước chi cho văn hoá, văn nghệ cũng như tỷ lệ ngân sách cho giáo dục khoa học và công nghệ.

Nhà nước nói chung không đánh thuế hoặc chủ trương giảm thuế đối với các văn hoá phẩm, đưa lợi tức thu được trong một số hoạt động văn hoá có danh thu bù đắp cho các hoạt động văn hoá khác không có doanh thu.

Sớm cải tiến chế độ nhuận bút, thù lao, mua bán tác phẩm nghệ thuật, bảo đảm quyền tác giả, tạo điều kiện thực tế cho tác giả có thể sáng tạo nghệ thuật và sống được thoả đáng bằng tác phẩm của mình.

Có chế độ lương hoặc thù lao thích đáng đối với các nghệ sĩ các ngành nghệ thuật sân khấu, điện ảnh, ca nhạc, v.v.. Khuyến khích phát triển các tài năng.

Có chính sách sử dụng các tiềm năng của các tập thể và cá nhân hoạt động văn hoá theo hướng xã hội hoá (dưới những hình thức: tổ chức các cuộc thi, triển lãm, biểu diễn nghệ thuật, xây dựng các công trình văn hoá, v.v.). Những hoạt động này phải được đặt dưới sự quản lý của Nhà nước và các đoàn thể; không để cho tư nhân lũng đoạn các hoạt động văn hoá, đặc biệt không để cho những phần tử xấu lợi dụng các hoạt động đó vào mục đích chống chế độ.

7. Mở rộng các loại hình thông tin đại chúng và hiện đại hoá các phương tiện nghe nhìn

Tăng cường, bổ sung và hiện đại hoá công tác *thông tin đại chúng, trước hết các phương tiện nghe nhìn* để chuyển tải các chương trình văn hoá đến mọi người. Tiếp tục phủ sóng phát thanh, truyền hình đến mọi vùng của đất nước. Nâng cao chất lượng các chương trình văn hoá, văn nghệ của các cơ quan truyền thanh và truyền hình; nâng cao trình độ hiểu biết và hưởng thụ văn hoá, nghệ thuật của nhân dân. Các phương tiện thông tin đại chúng có trách nhiệm lớn đóng góp vào sự hình thành nếp sống và tâm lý xã hội có sức đề kháng chống những lề thói, tư tưởng lạc hậu, lối sống thấp hèn suy đồi đạo đức.

Chỉnh đốn và phát triển *công tác xuất bản, in và phát hành* bảo đảm các văn hoá phẩm tốt đến tận cơ sở, phục vụ đông đảo quần chúng lao động ở thành thị và nông thôn.

Khôi phục và phát triển *hệ thống thư viện* từ trung ương đến cơ sở. Xây dựng thư viện quốc gia có tầm cỡ xứng đáng

với yêu cầu phát triển trí tuệ của nhân dân, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học, văn hoá, văn học, nghệ thuật kịp với đà phát triển của thế giới. Lựa chọn những bộ sách hay trang bị cho thư viện, tủ sách ở cơ sở; nâng cao chất lượng phục vụ người đọc.

Nhà nước có kế hoạch *xây dựng các bảo tàng*, bảo vệ và tôn tạo các di tích văn hoá lịch sử, xây dựng những tượng đài, trước hết những tượng đài về các anh hùng dân tộc và danh nhân văn hoá ở Thủ đô và các thành phố lớn.

8. *Mở rộng giao lưu văn hoá với nước ngoài* trên những nguyên tắc và quy định chặt chẽ. Phải có những quy định cụ thể của Nhà nước khuyến khích đưa ra nước ngoài và nhập vào trong nước những tác phẩm có giá trị của dân tộc và thế giới. Cấm những tác phẩm phản động và đồi trụy. Hàng rào thuế quan về văn hoá phải được giao cho những cán bộ am hiểu văn hoá và có phẩm chất.

Trong khi mở rộng giao lưu với nước ngoài, cần nhạy bén nắm bắt những luận điệu, thủ đoạn và mưu đồ của các thế lực phản động dùng văn hoá, văn học, nghệ thuật chống ta. Bộ Văn hoá - Thông tin cùng Bộ Nội vụ và các đoàn thể nghệ thuật kịp thời có kế hoạch tấn công lại chúng.

III. TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- Kiện toàn bộ máy tham mưu của Đảng về văn hoá, nghệ thuật từ trung ương đến các cấp uỷ tỉnh, thành. Kiểm tra chặt chẽ phẩm chất, năng lực của những cán bộ lãnh đạo, quản lý và một số chuyên viên chủ chốt.

- Thành lập đảng đoàn ở các hội văn nghệ và ban cán sự đảng ở các cơ quan quản lý nhà nước về văn hoá, văn nghệ.

- Tăng cường cán bộ lãnh đạo ở Bộ Văn hoá (kể cả các cục, vụ, viện, các đơn vị nghệ thuật).

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Xác định quan hệ cụ thể giữa cơ quan đảng với cơ quan nhà nước trong lãnh đạo, quản lý văn hoá; giữa Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Bộ Văn hoá - Thông tin và các hội văn học, nghệ thuật. Phương thức lãnh đạo của Đảng là thông qua đảng đoàn, ban cán sự và đảng viên, nhất là các đảng viên văn nghệ sĩ, nhà văn hoá có tên tuổi trong và ngoài nước, có uy tín trong giới.

Yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo và quản lý văn hoá, văn nghệ là phải vừa bảo đảm nội dung tư tưởng chính trị đúng định hướng của Đảng và Nhà nước, vừa bảo đảm đầy đủ quyền tự do dân chủ trong sáng tạo cá nhân, tạo điều kiện cho mọi tài năng nảy nở và phát triển, làm nên những tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật.

Nghị quyết lần này của Trung ương về văn hoá, văn nghệ có ý nghĩa quan trọng đối với sự nghiệp đổi mới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước trên lĩnh vực văn hoá, văn nghệ nước ta trong những năm trước mắt. Nghị quyết đáp ứng đúng đòi hỏi của tình hình hiện nay, phù hợp nguyện vọng chính đáng của văn nghệ sĩ yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, sẽ được các tổ chức của Đảng và Nhà nước, và nhất là các hội văn học, nghệ thuật ở trung ương và địa phương trong cả nước nhất trí và thi hành nghiêm chỉnh, tạo nên một bước tiến lớn trong sự nghiệp văn hoá, nghệ thuật, trở thành một động lực mạnh mẽ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**BÁO CÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
TRÌNH HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VII)**

**Những vấn đề cấp bách về chăm sóc và bảo vệ
sức khoẻ nhân dân trong tình hình hiện nay**

I- TÌNH HÌNH CÔNG TÁC BẢO VỆ SỨC KHOẺ

A- Thành tựu

Từ sau Cách mạng Tháng Tám, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, ở miền Bắc, hệ thống y tế trong một thời gian dài đã đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của nhân dân, làm thay đổi một cách đáng kể tình trạng sức khoẻ và bệnh tật.

Trong thời kỳ này nhiều bệnh dịch và bệnh xã hội như đậu mùa, dịch tả, thương hàn, bại liệt, sốt rét, lao, hoa liễu... đã được loại trừ hoặc khống chế.

Mạng lưới y tế cơ sở được nhanh chóng hình thành, tuy lúc này trình độ kỹ thuật còn thấp, song y tế cơ sở đã giải quyết tương đối tốt các nhiệm vụ được giao ngay cả trong chiến tranh chống Mỹ ác liệt.

Mạng lưới y tế tuyến trung ương và tỉnh cũng được hình thành tương đối đồng bộ kể cả quân và dân y với một hệ thống các trường, viện, bệnh viện lớn ở tuyến trung ương, các bệnh viện đa khoa, các trạm chuyên khoa và các trường trung học y tế ở tuyến tỉnh, các bệnh viện và đội vệ sinh phòng dịch ở tuyến huyện. Hệ thống sản xuất, cung ứng thuốc và trang thiết bị y tế cũng từng bước được xây dựng.

Khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, nhiều bệnh dịch và bệnh xã hội ở phía Nam như dịch hạch, dịch tả, sốt rét, bệnh hoa liễu, nạn ma túy... đã dần dần được khống chế. Mạng lưới y tế thống nhất trong cả nước mở rộng diện phục vụ tới xã, ấp, nơi mà trước đây người dân hầu như chưa hề nhận được một sự chăm sóc sức khỏe đáng kể nào. Phong trào quần chúng tham gia công tác y tế với kinh nghiệm ở miền Bắc đã được đẩy mạnh ở các địa phương phía Nam.

Cho tới những năm đầu của thập kỷ 80, những thành tựu trên, đã góp phần ổn định đời sống xã hội, tạo ra niềm tin của quần chúng đối với chế độ, được bạn bè trên thế giới coi là những thành tựu đáng kể.

Trong suốt thời kỳ này chúng ta đã nhận được những nguồn viện trợ quan trọng từ bên ngoài, Nhà nước đã chú ý đầu tư và các hợp tác xã đã có đóng góp lớn cho y tế cơ sở.

Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta trên lĩnh vực bảo vệ sức khỏe là đúng đắn, được sự đồng tình của các tầng lớp xã hội, các tổ chức quốc tế và các nước. Hệ thống y tế có mạng lưới rộng, có đội ngũ cán bộ khá lớn mạnh gồm gần 30 vạn người, cơ sở vật chất kỹ thuật tuy còn nghèo nhưng cũng đã đáp ứng được một phần nhu cầu.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trong những năm

này có những bài học, kinh nghiệm rất quý báu, cần được vận dụng phù hợp với tình hình hiện nay.

B- Khuyết điểm, nhược điểm

Những năm gần đây, trong lĩnh vực sức khỏe còn tồn tại những vấn đề rất lớn. Nổi lên là thể lực phát triển chậm, tỷ lệ người suy dinh dưỡng, mắc bệnh nhiễm khuẩn và nhiễm ký sinh trùng cao, đáng lưu ý nhất là bệnh sốt rét. Mặt khác, nước ta vừa ra khỏi cuộc chiến tranh chưa lâu nên những di chứng chiến tranh còn lớn, kể cả những hậu quả do chiến tranh hoá học của Mỹ để lại. Bệnh nghề nghiệp, ung thư, huyết áp cao... phát triển.

Công tác dự phòng yếu, hoạt động thiếu đồng bộ, không mang tính quần chúng. Y tế cơ sở suy yếu, bệnh viện ở nhiều nơi xuống cấp, mạng lưới sắp xếp chưa hợp lý. Hệ thống khám chữa bệnh thái độ phục vụ giảm sút, vệ sinh kém, thiếu phương tiện và thuốc men.

Hệ thống y tế chưa thay đổi kịp những đổi mới về kinh tế. Một số chủ trương không đồng bộ như thu một phần viện phí, cho phép các cơ sở y tế Nhà nước khám chữa bệnh ngoài giờ... tuy có giải quyết được một phần khó khăn nhưng từ đó lại nảy sinh những vấn đề mới, những tiêu cực mới. Cách thu viện phí ở nhiều nơi còn tùy tiện, gây phiền hà cho nhân dân đặc biệt gây khó khăn cho những bệnh nhân nghèo.

Các dịch vụ y tế tư nhân, tập thể và dịch vụ cung ứng thuốc chữa bệnh phát triển, tuy có tạo ra khả năng cho nhân dân được chăm sóc y tế thuận lợi hơn trước, làm giảm một phần gánh nặng về khám chữa bệnh đối với khu vực y tế nhà nước, song hệ thống y tế tư nhân (cả y và dược) mới hình

thành, chưa được quản lý chặt chẽ đang có những ảnh hưởng xấu đến công tác bảo vệ sức khoẻ.

Nền kinh tế thị trường phát triển dẫn tới phân cực giàu nghèo trong xã hội ngày càng tăng, trong đó tầng lớp dân nghèo bị thiệt thòi nhất trong việc bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ song chưa có những chính sách để giải quyết vấn đề này.

C- Nguyên nhân

1. Trước hết là sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ đảng và các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương đối với công tác y tế còn bị xem nhẹ. Các ngành quản lý môi trường, quản lý đô thị, sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, xây dựng, v.v. khi triển khai các hoạt động đã không tính đến tác hại đối với sức khoẻ của nhân dân. Các đoàn thể nhân dân và tổ chức xã hội cũng chưa quan tâm đầy đủ đến vấn đề bảo vệ sức khoẻ. Trong nhân dân không có phong trào quần chúng. Trong tình hình ấy, hệ thống y tế lại chậm đổi mới, không phát huy được các thành tựu của hệ thống y tế cơ sở đã đạt được trong những thập kỷ 60, 70, không nuôi dưỡng được các phong trào của nhân dân, chưa có các chính sách thích hợp, chậm đổi mới tổ chức và quản lý, chưa có các quy chế chặt chẽ khi đưa ra các chủ trương mới như thu một phần viện phí, tổ chức khám chữa bệnh ngoài giờ, cho phép mở phòng mạch tư..., cũng như chưa làm tốt việc quản lý, giáo dục cán bộ nhân viên. Một bộ phận cán bộ y tế đã coi nhẹ lương tâm thầy thuốc, y đức bị xói mòn, thiếu quan tâm công tác dự phòng. Thiếu các chủ trương và giải pháp đồng bộ để giải quyết những khó khăn về điều kiện vật chất và phương tiện kỹ thuật, không động viên được các nguồn lực

cần thiết và chưa sử dụng hợp lý các nguồn lực sẵn có, ít quan tâm đến công tác quản lý nhà nước và các giải pháp xã hội như giáo dục dinh dưỡng và sức khoẻ, tuyên truyền và giáo dục về vệ sinh phòng bệnh, chưa tích cực động viên các tiềm năng trong nhân dân. Chưa có các biện pháp tích cực và hữu hiệu để kiểm tra, ngăn ngừa các ảnh hưởng tiêu cực của nền kinh tế hàng hoá xâm nhập vào hệ thống y tế. Không ít cán bộ y tế muốn đi vào hệ thống khám chữa bệnh hơn là vào hệ thống dự phòng làm cho lĩnh vực này đã khó khăn lại càng khó khăn hơn.

2. Nền kinh tế chậm phát triển, hậu quả chiến tranh nặng nề, dân số tăng nhanh, môi trường bị ô nhiễm và hệ sinh thái bị phá huỷ, sự chuyển động dân cư... là những thách thức đối với công tác bảo vệ sức khoẻ của nhân dân ta và không dễ khắc phục trong một thời gian ngắn.

3. Từ giữa những năm 80, nguồn viện trợ từ các nước xã hội chủ nghĩa giảm dần, nguồn đầu tư của Nhà nước còn thấp (chỉ đáp ứng khoảng 40% nhu cầu), các hợp tác xã sau khi thực hiện cơ chế khoán không còn hỗ trợ cho y tế cơ sở được như cũ. Chính sách chế độ đối với cán bộ y tế còn chưa thoả đáng và đời sống của họ còn quá nhiều khó khăn.

II- QUAN ĐIỂM CƠ BẢN VÀ MỤC TIÊU

Trên cơ sở những thuận lợi, khó khăn và nhu cầu phát triển sự nghiệp bảo vệ sức khoẻ nhân dân, chúng ta cần xác định rõ những quan điểm cơ bản và mục tiêu về công tác bảo vệ sức khoẻ trong giai đoạn mới, từ đó có giải pháp đúng đắn

phát triển sự nghiệp bảo vệ sức khoẻ nhân dân trong những năm tới.

A- Những quan điểm cơ bản

1. Sức khoẻ là vốn quý nhất của mỗi con người và của toàn xã hội, là điều kiện để mỗi gia đình có hạnh phúc, là cơ sở để bảo tồn và phát triển nòi giống, là nhân tố quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Khi nhân dân có sức khoẻ tốt, đất nước sẽ có đội ngũ lao động cần thiết để xây dựng kinh tế và khi nền kinh tế phát triển, xã hội lại có thêm tiền để ngày càng chăm lo tốt hơn sức khoẻ của nhân dân. Chính vì vậy chúng ta phấn đấu để *mọi người đều được chăm sóc sức khoẻ một cách bình đẳng*.

2. Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ của nhân dân phải chuyển mạnh và phát triển theo quan điểm dự phòng tích cực và chủ động.

3. *Kết hợp y học cổ truyền dân tộc với y học hiện đại* là một quan điểm cơ bản cần được quán triệt sâu sắc trong toàn bộ công tác chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ, làm cho y tế và y học của nước ta có bản sắc dân tộc, góp phần vào kho tàng y học chung của thế giới.

4. Bảo vệ sức khoẻ là *trách nhiệm của mọi tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội* là trách nhiệm của cộng đồng và mỗi người dân. Ngành Y tế với vai trò nòng cốt, phải phát huy truyền thống "Thầy thuốc như mẹ hiền" và bản chất nhân đạo của chế độ xã hội chủ nghĩa.

5. Tổ chức bảo vệ sức khoẻ phải đa dạng (nhà nước, tập thể, tư nhân), thực hiện phương châm *Nhà nước và nhân dân cùng làm*, phát huy tốt tiềm năng trong nước, sử dụng có hiệu quả nguồn viện trợ và hợp tác quốc tế.

B- Các mục tiêu

Công tác bảo vệ sức khoẻ cần đạt các mục tiêu sau đây:

1. Từng bước khắc phục về cơ bản các bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng, bệnh sốt rét, hạ tỷ lệ mắc các bệnh dịch có vắc-xin dự phòng, tiến tới thanh toán bệnh bại liệt, hạ dần tỷ lệ mắc bệnh bướu cổ, các bệnh lao, phong, hoa liễu,... ngăn ngừa bệnh SIDA, khắc phục các hậu quả của chiến tranh trong lĩnh vực sức khoẻ. Chủ động phòng chống các bệnh ung thư, cao huyết áp, tâm thần, tai nạn giao thông, bệnh nghề nghiệp trong sản xuất công nghiệp,...

Hạ thấp tỷ lệ suy dinh dưỡng và các bệnh tật về dinh dưỡng ở trẻ em để từng bước cải thiện chất lượng nòi giống.

2. Phát triển các hoạt động bảo vệ sức khoẻ cả về số lượng và chất lượng, đặc biệt là các dịch vụ về khám chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ ban đầu, tạo điều kiện để đến năm 2000 mọi người dân đều có thể được chăm sóc sức khoẻ. Bảo đảm ở các xã, phường đều có cơ sở y tế hoạt động. Từng bước làm giảm khoảng cách giữa cung và cầu trong các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của đất nước hiện nay.

3. Có những chính sách bảo đảm công bằng xã hội trong hưởng thụ chăm sóc sức khoẻ, đặc biệt quan tâm tới những người nghèo, những gia đình và những người có công với đất nước, đồng bào các dân tộc thiểu số. Tăng cường bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ bà mẹ và trẻ em.

III- CÁC CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP LỚN

Nhằm đạt được các mục tiêu về bảo vệ sức khoẻ nhân

dân trong cơ chế kinh tế mới, chúng ta cần thực hiện các chính sách và giải pháp sau đây:

1. Tăng cường sự lãnh đạo và chỉ đạo của các tổ chức đảng và chính quyền các cấp đối với công tác bảo vệ sức khoẻ nhân dân. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quan trọng nhất bảo đảm đạt được các mục tiêu về chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước không những chỉ thể hiện ở chỗ xây dựng đường lối, chính sách, mà còn phải thể hiện ở chỗ trực tiếp chỉ đạo, tổ chức, động viên các ngành, các đoàn thể nhân dân và tổ chức xã hội cũng như toàn thể nhân dân tham gia vào các hoạt động bảo vệ và tăng cường sức khoẻ. Ngành Y tế có trách nhiệm đề xuất để chính quyền các cấp ra các quyết định thích hợp về các vấn đề chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân. Các tổ chức đảng trong hệ thống y tế có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các hoạt động cụ thể, bảo đảm các quan điểm và chủ trương của Đảng nhanh chóng đi vào cuộc sống.

2. *Chính sách huy động sự tham gia của cộng đồng* trong công tác bảo vệ sức khoẻ.

Kinh nghiệm ở hầu hết các quốc gia cho thấy công tác bảo vệ và tăng cường sức khoẻ nhân dân muốn đạt được hiệu quả cao thì phải huy động sự tham gia tối đa của cộng đồng:

a) Nâng cao ý thức và kiến thức của nhân dân về sức khoẻ và bệnh tật, về mối liên quan giữa sức khoẻ, bệnh tật với môi trường để nhân dân tự giác, chủ động xây dựng nếp sống vệ sinh, ý thức phòng bệnh, phòng dịch, thường xuyên rèn luyện thân thể để nâng cao sức khoẻ.

b) Nhân dân tham gia tích cực vào các hoạt động bảo vệ sức khoẻ ở cơ sở như tiêm chủng mở rộng, vệ sinh môi trường

sống và lao động, chú ý đặc biệt giải quyết các vấn đề phân, rác, cung cấp nước sạch, dinh dưỡng hợp lý, tham gia ý kiến về các quyết định và hoạt động liên quan tới công tác bảo vệ sức khoẻ, đấu tranh chống tiêu cực, góp phần nâng cao tinh thần phục vụ của cán bộ nhân viên y tế.

c) Mở rộng các hoạt động chăm sóc sức khoẻ tại nhà với các hình thức từ thấp đến cao bằng các nguồn lực tại chỗ của nhân dân.

d) Khuyến khích các hoạt động nhân đạo vì sức khoẻ tại cơ sở.

đ) Tổ chức, tạo điều kiện cho các nhân viên y tế đã nghỉ hưu ở cơ sở tham gia vào công tác bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

3. *Chấn chỉnh và hoàn thiện hệ thống bảo vệ sức khoẻ*

a) *Củng cố y tế cơ sở để thực hiện công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu.* Củng cố và tăng cường y tế cơ sở là nhiệm vụ cấp bách hiện nay. Y tế cơ sở được tổ chức, hoạt động và phát triển dựa trên những nguyên tắc cơ bản sau đây:

Y tế cơ sở là một bộ phận rất quan trọng trong hệ thống y tế được Nhà nước thống nhất quản lý. Y tế cơ sở trực tiếp với dân, vận động nhân dân thực hiện các biện pháp phòng bệnh, tăng cường sức khoẻ, phát hiện dịch sớm, chữa bệnh thông thường cho dân tại cơ sở, được tổ chức phù hợp theo địa bàn dân cư và nhu cầu chăm sóc sức khoẻ của cộng đồng. Các dịch vụ y tế đơn giản được thực hiện ở cấp thôn, ấp, bản, làng. Công tác xây dựng và quản lý kế hoạch y tế, các dịch vụ y tế phức tạp hơn được thực hiện tại tuyến xã. Cán bộ y tế cơ sở phải được trả lương thoả đáng và thường xuyên theo hiệu quả công việc. Đối với vùng cao, vùng núi khó khăn, vùng sâu, biên giới, hải đảo, Nhà nước đảm bảo trả lương cho cán

bộ y tế tới thôn, bản. Ở những nơi khác thì tùy theo điều kiện của từng vùng mà vận dụng các hình thức thích hợp. Là cầu nối giữa y tế nhà nước và nhân dân, hoạt động của y tế cơ sở phải dựa vào dân và tổ chức vận động nhân dân cùng tham gia, kinh phí hoạt động do dân đóng góp, có sự hỗ trợ của Nhà nước.

Đối với các vùng cao, vùng núi có nhiều khó khăn, vùng sâu cần tổ chức các đội y tế lưu động để tuyên truyền vệ sinh phòng bệnh trong nhân dân, phòng chống sốt rét, đặc biệt quan tâm nâng cao chất lượng điều trị sốt rét ác tính, chống dịch, khám và chữa bệnh thông thường cho nhân dân. Tạo điều kiện về trang thiết bị và có chính sách thoả đáng cho các đội y tế lưu động. Y tế huyện cùng với hệ thống phòng khám trực thuộc huyện có trách nhiệm trực tiếp về mọi hoạt động chăm sóc sức khoẻ ban đầu trên địa bàn toàn huyện.

b) *Củng cố và phát triển các cơ sở y tế chuyên sâu*, trước mắt đầu tư có trọng điểm để nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật của hai khu vực Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Tiến tới khi có khả năng sẽ phát triển thêm một khu vực ở miền Trung. Phát triển một số lĩnh vực khoa học kỹ thuật mũi nhọn mà ta có ưu thế. Tạo điều kiện để các nhà khoa học có thể tiếp cận và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật của thế giới. Chú trọng đào tạo cán bộ giỏi về y học chuyên sâu cũng như y tế cộng đồng để vừa đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khoẻ ngày càng cao của nhân dân trong nước và tạo khả năng để có thể thực hiện các chương trình hợp tác quốc tế.

c) *Ổn định và chấn chỉnh hệ thống khám chữa bệnh có quy mô phù hợp với yêu cầu*, nâng cao tinh thần trách nhiệm

của cán bộ y tế gắn liền với nâng cao chất lượng chuyên môn. Xây dựng điều lệ quản lý bệnh viện để nhanh chóng lập lại trật tự, kỷ cương và vệ sinh trong bệnh viện. *Nhà nước bảo đảm cho mọi người dân được chăm sóc bình đẳng ở mức cơ bản theo khả năng tối đa của ngân sách dành cho công tác khám chữa bệnh. Những đối tượng ưu tiên và người nghèo không đủ khả năng chi trả khi có nhu cầu cao hơn được Nhà nước hỗ trợ trong chính sách xã hội. Các đối tượng khác khi có nhu cầu cao được tạo mọi điều kiện thuận tiện phù hợp với khả năng đóng góp.*

Trên địa bàn cụm dân cư, các cơ sở khám chữa bệnh hiện có của trung ương, địa phương và các ngành cần được ổn định và chấn chỉnh lại với quy mô thích hợp theo nhu cầu và khả năng, đặt dưới sự chỉ đạo thống nhất của ngành y tế với đủ cán bộ chuyên môn và trang thiết bị cần thiết để khám chữa bệnh cho mọi đối tượng trong địa bàn. Một số bệnh viện của một vài ngành có nhu cầu đặc biệt như Quân đội, Công an... muốn đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của ngành phải được Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Các cơ sở sản xuất kinh doanh muốn giữ lại các cơ sở khám chữa bệnh phải chuyển sang chế độ tự trang trải kinh phí.

Sắp xếp lại các bệnh viện tuyến huyện và giảm số giường bệnh xuống quy mô phù hợp, trên cơ sở đó nâng cao chất lượng phục vụ bệnh nhân.

d) *Tổ chức hợp lý và thay đổi phương thức chỉ đạo trong các hoạt động dự phòng*. Đặc biệt quan tâm triển khai các hoạt động dự phòng ở cơ sở theo phương thức chủ yếu dựa vào dân. Thông qua công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động để hình thành các phong trào quần chúng có sự hỗ trợ

thích hợp về mặt kỹ thuật y tế, tạo ra nếp sống mới văn minh, lành mạnh, hợp vệ sinh. Các ngành khi triển khai các hoạt động phải tuân thủ điều lệ vệ sinh, trước hết là vệ sinh ăn uống và thực phẩm, vệ sinh môi trường, vệ sinh lao động. Tổ chức tốt các phong trào vận động nhân dân rèn luyện thân thể để tăng cường sức khoẻ, nâng cao thể lực và phòng chống bệnh tật. Hoàn thiện chức năng và làm rõ phân công trách nhiệm giữa các viện, phân viện và trạm, đội trong hệ thống y tế.

e) *Tổ chức lại ngành dược và trang thiết bị y tế ở trung ương và địa phương.* củng cố vai trò chủ đạo của ngành dược - trang thiết bị y tế quốc doanh, lập lại trật tự thị trường trong sản xuất, xuất nhập khẩu và lưu thông phân phối thuốc và trang thiết bị y tế. Ngăn chặn nguồn nhập thuốc bất hợp pháp. Tích cực phòng chống tệ nạn thuốc giả. Có chính sách bảo hộ thuốc sản xuất trong nước có chất lượng cao. Củng cố, kiện toàn cơ sở kiểm tra chất lượng thuốc và nghiên cứu khoa học dược. Khai thác tiềm năng các thành phần kinh tế trong nước và tranh thủ viện trợ quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho nước ngoài đầu tư vốn, kỹ thuật và công nghệ tiên tiến (hoặc liên doanh) để xây dựng và phát triển ngành công nghiệp dược và trang thiết bị y tế, đặc biệt là công nghiệp sản xuất nguyên liệu làm thuốc. Có chính sách cụ thể để ưu tiên phát triển dược liệu, đặc biệt là dược liệu có giá trị chữa bệnh cao và xuất khẩu.

f) *Phát huy truyền thống kết hợp quân dân y* trên các mặt vệ sinh phòng chống dịch, khám chữa bệnh, đào tạo cán bộ và nghiên cứu khoa học. Bệnh viện quân đội có thể chữa bệnh cho bệnh nhân là nhân dân. Ở những nơi xa xôi,

vùng biên giới cần dựa vào lực lượng quân y và y tế công an biên phòng làm nòng cốt để xây dựng phong trào y tế cơ sở. Lực lượng quân dân y hợp tác chặt chẽ khi có tình huống khẩn cấp.

g) *Y tế tư nhân và tập thể* cũng là một lực lượng đáng kể tham gia vào việc bảo vệ sức khoẻ nhân dân. Vì vậy, cần tạo điều kiện để y tế tư nhân, tập thể phát triển một cách lành mạnh, đồng thời Nhà nước cần tăng cường thanh tra y tế và phối hợp với Tổng hội Y Dược học, bác sĩ đoàn, dược sĩ đoàn nhằm phát huy các nhân tố tích cực và hạn chế các mặt tiêu cực trong các dịch vụ y tế tư nhân và tập thể.

Tư nhân (người Việt Nam, người nước ngoài) được phép tổ chức bệnh viện tư (hoặc liên doanh) theo quy chế của Nhà nước trên cơ sở xác định trách nhiệm về mặt pháp lý và theo đúng những tiêu chuẩn về chuyên môn. Các bệnh viện này được phép thu viện phí phù hợp với những trang bị, kỹ thuật khám chữa bệnh và tiện nghi phục vụ cho bệnh nhân, đồng thời phải nộp thuế cho Nhà nước (có thể bổ sung vào ngân sách y tế của Nhà nước hoặc quỹ trợ cấp cho các bệnh nhân nghèo, các đối tượng thuộc diện chính sách xã hội).

Ngoài ra cũng khuyến khích các tổ chức xã hội trong và ngoài nước thành lập các bệnh viện nhân đạo (từ thiện) để giúp các bệnh nhân nghèo.

4. *Đổi mới phương thức chỉ đạo và hoạt động của ngành y tế* nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý ở tất cả các cấp. Triển khai Luật Bảo vệ sức khoẻ nhân dân và các điều lệ áp dụng Luật bằng tuyên truyền, giáo dục luật pháp y tế và tăng cường công tác thanh tra y tế. Từng bước hình thành và

phát triển hệ thống thông tin và thống kê về tình hình sức khoẻ, thể lực, bệnh tật... của nhân dân ở các cấp.

5. *Có chính sách đầu tư hợp lý và tạo nguồn ngân sách để duy trì hoạt động và phát triển hệ thống y tế:*

Dù trong cơ chế kinh tế nào, Đảng và Nhà nước ta vẫn khẳng định trách nhiệm trong việc chăm sóc sức khoẻ mọi người một cách công bằng, bảo đảm các điều kiện cơ bản cho hệ thống y tế từ trung ương tới cơ sở hoạt động một cách có hiệu quả.

Từ năm 1985 đến nay Nhà nước đã đầu tư cho công tác bảo vệ sức khoẻ từ 3-3,7% ngân sách chi hàng năm, mới đáp ứng 40% nhu cầu tối thiểu. Các địa phương đầu tư từ 10-13% ngân sách. Đây là nguồn ngân sách quan trọng nhất bảo đảm thực hiện các chính sách xã hội trên lĩnh vực bảo vệ sức khoẻ.

Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho công tác bảo vệ sức khoẻ nhân dân phát triển, Nhà nước cần tăng cường đầu tư hơn nữa, thay đổi cách cấp ngân sách theo đầu người dân và thay đổi các cơ chế quản lý ngân sách cho phù hợp, như giao cho Bộ Y tế quản lý kế hoạch ngân sách dành cho sức khoẻ trên phạm vi cả nước. Sở Y tế quản lý kế hoạch ngân sách y tế trên địa bàn tỉnh, thành phố. Bộ Y tế trực tiếp quản lý và điều hành ngân sách để thực hiện các chương trình mục tiêu như phòng chống sốt rét, bướu cổ, tiêm chủng mở rộng, v.v.. Cần tranh thủ viện trợ quốc tế, sử dụng hợp lý và có hiệu quả tất cả nguồn lực.

Việc huy động sự tham gia đóng góp của nhân dân được thể hiện qua các hình thức sau đây:

a) *Bảo hiểm y tế* là phương thức quan trọng nhất trong

các phương thức huy động từ trong cộng đồng. Nếu huy động được 50-70% nhân dân đóng bảo hiểm thì có thể đảm bảo được phần lớn kinh phí tiêu hao trong khám chữa bệnh. Bảo hiểm y tế không những là biện pháp chính để huy động nguồn lực từ trong cộng đồng, mà còn là biện pháp thực hiện công bằng xã hội và nhân đạo trong khám chữa bệnh: khi khoẻ đóng góp cho người đau ốm khám chữa bệnh và như vậy sẽ đảm bảo được mặt bằng phí tổn tối thiểu để đảm bảo chất lượng khám chữa bệnh.

Thực hiện bảo hiểm y tế bắt buộc đối với cán bộ công nhân viên nhà nước, các tổ chức sản xuất, kinh doanh công và tư. Nhà nước trả bảo hiểm cho các đối tượng thuộc diện hưởng các chính sách ưu tiên. Đối với nhân dân thì vận động, thuyết phục tự nguyện tham gia bảo hiểm y tế, dần dần tiến tới bắt buộc.

b) *Chấn chỉnh việc thu một phần viện phí:* Hiện nay viện phí thu được bằng khoảng 10% chi tiêu của các bệnh viện. Đây là nguồn thu không nhiều nhưng cũng đáp ứng được một phần chi tiêu của các cơ sở khám chữa bệnh. Ngành Y tế cần chấn chỉnh việc thu viện phí một cách hợp lý nhất, thu đúng đối tượng để tăng nguồn kinh phí hỗ trợ cho những người nghèo, đồng thời chấm dứt hiện tượng người nghèo không được chữa bệnh hoặc không được đối xử tốt vì không có tiền đóng viện phí. Khi bảo hiểm y tế đã phát triển rộng thì tiến tới xoá bỏ việc thu viện phí trực tiếp từ người bệnh, trừ khi bệnh nhân tự nguyện chi trả cho những nhu cầu riêng.

c) *Vận động các tổ chức phi chính phủ, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước hỗ trợ kinh phí* cho các hoạt động bảo vệ

sức khoẻ. Các khoản này phải được sử dụng đúng mục tiêu, đúng đối tượng, không để bị lạm dụng.

6. *Y học dân tộc*: Trên cơ sở những kinh nghiệm đã sâu tâm, thừa kế được của y học cổ truyền dân tộc, triển khai mạnh mẽ việc nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại. Phát triển nuôi trồng cây, con làm thuốc y học dân tộc, trang bị thêm phương tiện cho việc khám chữa bệnh và sản xuất thuốc y học cổ truyền dân tộc. Khẩn trương đào tạo đội ngũ cán bộ và cán bộ đầu đàn y học dân tộc. Tăng thêm đầu tư và nâng cấp các cơ sở y học dân tộc. Nghiên cứu việc tổ chức đào tạo cán bộ y học dân tộc tương xứng với vị trí và yêu cầu của y học dân tộc trong hệ thống chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

7. *Chính sách đối với cán bộ y tế*

Đào tạo một đội ngũ cán bộ có cơ cấu đồng bộ, thích hợp với từng giai đoạn phát triển của hệ thống y tế, có tinh thần phục vụ cao, có kiến thức và kỹ năng phù hợp với nhiệm vụ được giao.

Tạo điều kiện để cán bộ y tế không ngừng nâng cao trình độ nghề nghiệp, đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng phục vụ. Có chính sách thoả đáng để thu hút lao động y tế trên những địa bàn cần ưu tiên (miền núi, vùng cao, vùng sâu, lĩnh vực vệ sinh phòng dịch, lưu động...). Xây dựng chính sách tiền lương tương xứng với thời gian đào tạo, thích hợp với những đặc thù nghề nghiệp để giúp cho cán bộ y tế yên tâm công tác, không phải làm thêm các dịch vụ y tế ngoài giờ vì đời sống. Đặc biệt quan tâm tới việc đào tạo cán bộ y tế cho cơ sở theo hướng lấy người do cơ sở cử để đào tạo

cho cơ sở, có chính sách đãi ngộ thoả đáng đối với cán bộ y tế cơ sở.

Cùng với việc thực hiện các chính sách đối với cán bộ y tế, cần phải tăng cường công tác giáo dục chính trị và tư tưởng, nâng cao ý thức trách nhiệm và thái độ phục vụ của cán bộ nhân viên y tế theo lời Bác Hồ dạy "Lương y như từ mẫu", ngăn ngừa và khắc phục mọi hành vi tiêu cực trong khi làm nhiệm vụ khám bệnh và chữa bệnh, chăm sóc bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

Kết luận: Với cách nhìn mới về vị trí và vai trò của sức khoẻ trong sự nghiệp phát triển của đất nước, với trách nhiệm nặng nề mà Đảng ta được nhân dân cả nước giao phó, toàn Đảng cần làm hết sức mình để sức khoẻ của nhân dân ngày càng phát triển, mỗi người, mỗi gia đình, mỗi cộng đồng ngày càng được hạnh phúc, ngày càng có những đóng góp to lớn vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**BÁO CÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
TRÌNH HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VII)
Chính sách về dân số và kế hoạch hoá gia đình**

I- ĐẶT VẤN ĐỀ

Vấn đề dân số trong Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 được Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng chỉ rõ: "thực hiện đồng bộ chiến lược dân số trên cả ba mặt: quy mô dân số, cơ cấu dân số và sự phân bố dân số...". Trong báo cáo về dân số và kế hoạch hoá gia đình này (dưới đây viết tắt là DS-KHHGĐ) chỉ đề cập đến quy mô dân số và cấu trúc tuổi là vấn đề bức xúc nhất của nước ta và cũng là mối lo chung của toàn cầu. Giải quyết được vấn đề quy mô dân số và cấu trúc tuổi sẽ góp phần giải quyết tốt các nội dung khác của vấn đề dân số, cũng như các vấn đề kinh tế - xã hội.

Năm 1992, dân số Việt Nam đã lên đến 70 triệu người, như vậy từ tổng điều tra dân số năm 1989 đến nay mới 3 năm, dân số Việt Nam đã tăng thêm 4,5 triệu người, tương

đương với số dân của ba tỉnh đông dân như Thái Bình, Quảng Nam - Đà Nẵng và Tiền Giang cộng lại.

Nếu cứ tiếp tục tốc độ tăng dân số hàng năm trên 2% và bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có gần 4 con như hiện nay, thì cứ khoảng 30 năm một lần dân số Việt Nam sẽ tăng gấp đôi; theo phương án này, Liên hợp quốc dự báo năm 2025 số dân của nước ta sẽ là 159 triệu người.

Sự gia tăng dân số quá nhanh là một trong những nguyên nhân làm cho đất canh tác bình quân đầu người ngày một thu hẹp và thoái hoá, rừng bị tàn phá nghiêm trọng, nguồn nước ngày càng khan hiếm và ô nhiễm, nạn thất nghiệp, thất học, thiếu chăm sóc y tế, suy dinh dưỡng, tệ nạn xã hội gia tăng, hạn chế điều kiện phát triển về mặt trí tuệ, văn hoá và thể lực của giống nòi, đồng thời cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trong hoàn cảnh kinh tế - xã hội còn yếu kém của nước ta.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, được Đại hội VII thông qua, yêu cầu phải tăng tổng thu nhập trong nước (GDP) lên gấp đôi, nếu tính bình quân đầu người cũng chỉ ở mức 320-350 đôla Mỹ, tức là vẫn thuộc những nước cực nghèo của thế giới. Phát triển kinh tế dù có tăng nhanh nhưng nếu tốc độ phát triển dân số không được kìm lại, trong lúc các nước khác đã ổn định hoặc đang ổn định quy mô dân số, thì chắc chắn khoảng cách giữa mức sống của nhân dân ta với các nước sẽ ngày càng tăng. Xét về phương diện này, vấn đề quy mô dân số không còn chỉ là vấn đề kinh tế - xã hội, mà đã trở thành vấn đề có ý nghĩa chính trị.

Vì vậy, việc giảm nhanh tỉ lệ phát triển dân số, tiến tới ổn định quy mô dân số là vấn đề rất quan trọng và bức xúc

đối với nước ta. Nó phải được đặt trong mối tương quan với các thách thức và cơ hội mà Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ ba đã nêu.

Hạ tỷ lệ phát triển dân số đòi hỏi phải làm tốt công tác kế hoạch hoá gia đình, thực hiện gia đình quy mô nhỏ, khoẻ mạnh, văn minh và giàu có. Hạ tỷ lệ phát triển dân số sẽ góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng cuộc sống cho thế hệ chúng ta và các thế hệ mai sau.

Yêu cầu của việc giảm nhanh tỷ lệ phát triển dân số là hết sức bức bách, nhưng bản thân công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình lại mang tính tâm lý - xã hội rất phức tạp. Nước ta là một nước nông nghiệp, gần 80% dân cư nông thôn, ít tiếp cận với lối sống đô thị, dân trí nói chung thấp, lại bị tác động mạnh của cách nghĩ và các tập quán cũ (quan niệm: trời sinh voi, trời sinh cỏ; phải có con trai để nối dõi tông đường; họ tộc đông người là họ tộc mạnh...). Mặt khác, cũng do chưa thực tin vào khả năng chăm sóc về mặt y tế, nên có tâm lý sinh nhiều con cho an toàn. Nhiều nơi còn bị ảnh hưởng của các tôn giáo, không chấp nhận các biện pháp kế hoạch hoá gia đình, chưa nói đến chủ trương của một số tôn giáo tăng giáo dân bằng cách khuyến khích tăng dân số.

Tuy khó khăn, phức tạp, nhưng do tầm quan trọng và tính bức xúc của công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình nên nhiều nước trên thế giới, trong đó có những nước lúc bắt đầu thực hiện chính sách này cũng có những điều kiện kinh tế - xã hội tương tự như nước ta nhưng họ đã dứt điểm mục tiêu giảm mức tăng dân số trong một hoặc hai thập kỷ và đã thành công trong phát triển kinh tế, khoa học, kỹ thuật.

II- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH TRONG THỜI GIAN QUA

Đảng và Nhà nước đã sớm đề ra vấn đề dân số và kế hoạch hoá gia đình, được thể hiện trong nhiều văn bản của Đảng và Nhà nước từ những năm 60. Trong thời kỳ trước năm 1975 do cả nước còn chiến tranh nên công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình chỉ được thực hiện ở một số địa phương trên miền Bắc. Sau khi đất nước thống nhất công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình mới được tiến hành trên phạm vi cả nước.

Công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình đã đạt được một số kết quả:

- Phát động được cuộc vận động về kế hoạch hoá gia đình; từng bước huy động các lực lượng xã hội tham gia cuộc vận động, đặc biệt là ngành y tế, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tổng Liên đoàn Lao động... Một số tỉnh như Thái Bình, Hải Hưng, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội... đã đạt được kết quả trong cuộc vận động này.

- Tranh thủ được sự giúp đỡ về vật chất và kinh nghiệm của quốc tế (từ năm 1978 đến năm 1991 đã nhận được 51 triệu đôla Mỹ từ Quỹ hoạt động dân số của Liên hợp quốc).

- Số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đã giảm từ trên 6 con (vào những năm 60) xuống khoảng 4 con hiện nay.

Những kết quả đạt được tạo thuận lợi cho việc triển khai công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình trong thời gian tới.

Tuy nhiên, mục tiêu giảm tỷ lệ phát triển dân số xuống 1,7% được đề ra từ Đại hội V cho năm 1985, đến Đại hội VI

lập lại cho năm 1990, nếu với cách làm như hiện nay, thì đến năm 2000 và sau đó vẫn chưa có khả năng đạt được vì những nguyên nhân sau (ở đây chỉ tập trung nêu nguyên nhân chủ quan, còn những nguyên nhân khách quan về tâm lý - xã hội, về dân trí, về tôn giáo... đã nêu trong phần đặt vấn đề):

- Sự lãnh đạo của Đảng và chỉ đạo của Nhà nước các cấp chưa thể hiện được nhận thức về nguy cơ bùng nổ dân số. Quan niệm về công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình chưa rõ ràng và quá đơn giản (thường chỉ đồng nghĩa với vòng tránh thai).

- Mục tiêu đề ra thiếu căn cứ khoa học và thực tiễn và không được bảo đảm bằng các chính sách tương ứng (Quyết định 94/CP năm 1970 của Chính phủ về việc đẩy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch đề ra chỉ tiêu là trong vài năm phấn đấu giảm tỷ lệ phát triển dân số từ khoảng 3,3% xuống còn 2,2 - 2,4%).

- Các giải pháp được tiến hành không đồng bộ, không thường xuyên liên tục, một số chính sách kinh tế - xã hội đề ra không tính đến mục tiêu dân số, thậm chí khuyến khích gia tăng dân số (chính sách chia ruộng đất theo hộ gia đình và nhân khẩu gần đây đã gây ra nạn tảo hôn và tăng tỷ lệ phát triển dân số ở một số vùng nông thôn...).

- Tổ chức bộ máy làm công tác dân số mang tính hội đồng hình thức, chưa đủ năng lực tham mưu, quản lý, điều phối và tổ chức thực hiện.

- Đầu tư nguồn lực quá ít, cho đến nay chủ yếu vẫn dựa vào viện trợ quốc tế, mà nguồn viện trợ này còn xa mới đáp ứng nhu cầu; chưa huy động được sự đóng góp của cộng đồng.

Nguồn vốn lại không được quản lý tập trung, sử dụng chưa có hiệu quả.

Tóm lại, vấn đề dân số và kế hoạch hoá gia đình vẫn chưa được đặt đúng vị trí trong nhận thức, hành động của Đảng, Nhà nước và xã hội ta.

III- CHÍNH SÁCH DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Các quan điểm cơ bản

- Công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình là một bộ phận quan trọng của chiến lược phát triển đất nước, và phải được đưa vào danh mục các vấn đề kinh tế - xã hội hàng đầu của nước ta. Công tác này có mục đích sâu xa, đồng thời cũng là một yếu tố cơ bản để nâng cao chất lượng cuộc sống của từng người và của toàn xã hội thông qua việc xây dựng gia đình quy mô nhỏ gắn liền với việc bảo vệ bà mẹ và trẻ em, nâng cao dân trí và phát triển kinh tế.

- Công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình lấy vận động, tuyên truyền và giáo dục gắn liền với dịch vụ kế hoạch hoá gia đình đến tận người dân làm giải pháp cơ bản. Đồng thời, để tạo động lực, chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình phải mang lại lợi ích trực tiếp cho người chấp nhận gia đình quy mô nhỏ.

- Đầu tư cho công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình là đầu tư mang lại hiệu quả kinh tế trực tiếp rất cao. Nguồn lực đầu tư cho công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình được lấy từ ngân sách nhà nước, viện trợ quốc tế và sự đóng góp của cộng đồng. Trong giai đoạn đầu chủ yếu là của Nhà nước, khi

đã thành phong trào tự nguyện và rộng khắp sẽ do cộng đồng đảm nhiệm là chính.

- Huy động lực lượng của toàn xã hội tham gia công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình, đồng thời phải có bộ máy chuyên trách tập trung cao để quản lý theo chương trình mục tiêu, làm cho các nguồn lực phân phối cho công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình được sử dụng có hiệu quả và đến tận người dân.

- Để đạt được mục tiêu trong thời gian tương đối ngắn phải có sự cam kết mạnh mẽ của Đảng và chính quyền các cấp, thể hiện bằng việc trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình theo một chiến lược và chương trình quốc gia được hoạch định trên cơ sở khoa học và thực tiễn.

2. Mục tiêu

Mục tiêu tổng quát: thực hiện gia đình quy mô nhỏ, khoẻ mạnh, văn minh, giàu có, làm nền tảng cho sự phát triển của đất nước.

Mục tiêu cụ thể: mỗi gia đình chỉ có 1 hoặc 2 con, đặt mức sinh thay thế vào năm 2015 hoặc sớm hơn, tiến tới ổn định quy mô dân số từ giữa thế kỷ XXI. Tập trung mọi nỗ lực nhằm tạo bước ngoặt ngay trong thập kỷ 90 này.

Đạt được mục tiêu trên thì đến năm 2000 có thể tránh được 3,5 triệu người, năm 2015 tránh được 22 triệu và năm 2025 tránh được 45 triệu người.

3. Các giải pháp đến năm 2000

Căn cứ mục tiêu và các quan điểm cơ bản nêu trên, và để cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội VII: "Giảm tốc độ gia tăng dân số là một quốc sách, phải trở thành cuộc vận động rộng lớn,

mạnh mẽ và sâu sắc trong toàn dân. Tăng kinh phí, phương tiện, cán bộ, đồng thời thực hiện đồng bộ các biện pháp để đẩy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch. Củng cố các tổ chức chuyên trách công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình", cần thực hiện các giải pháp sau:

a) Sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình

Công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình phải là một nội dung trọng tâm được đưa vào các nghị quyết, kế hoạch, chương trình và hoạt động cụ thể của các cấp bộ đảng, của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, của các đoàn thể xã hội. Không một tổ chức nào đứng ngoài cuộc vận động này. Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt ở các cấp trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo công tác này, huy động toàn xã hội tham gia, với quyết tâm thực hiện cho được mục tiêu đã đề ra trong vòng vài thập kỷ.

Chấp nhận có những chính sách, giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt được thể chế hoá thành luật, pháp lệnh.

Chương trình dân số và kế hoạch hoá gia đình phải được cụ thể hoá cho từng vùng, từng loại đối tượng.

b) Hệ thống tổ chức làm công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình

Kiện toàn Ủy ban dân số và kế hoạch hoá gia đình các cấp từ trung ương đến cơ sở. Cơ quan thường trực của Ủy ban dân số và kế hoạch hoá gia đình các cấp được bố trí đủ cán bộ chuyên trách có năng lực để tham mưu, quản lý và điều phối việc thực hiện chương trình dân số và kế hoạch hoá gia đình của các ngành, đoàn thể và các tổ chức xã hội. Bộ máy chuyên trách mạnh, nhưng gắn chặt với các ngành, các cấp

trong việc quản lý, kiểm tra, đôn đốc công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình.

Hệ thống làm công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình phải được bố trí đến tận thôn, xóm bản, làng để đưa công tác truyền thông dân số và kế hoạch hoá gia đình và việc cung cấp các dịch vụ kế hoạch hoá gia đình đến tận người dân.

Các ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội có trách nhiệm và được tạo điều kiện để tổ chức thực hiện chương trình dân số và kế hoạch hoá gia đình.

Phương thức thực hiện là ổn định để thường xuyên nâng cao nghiệp vụ cho những người làm công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình, nhưng không đưa vào biên chế nhà nước, đặc biệt là ở cấp xã, mà chỉ thù lao thích đáng theo kết quả công việc được kiểm tra.

c) Kinh phí cho công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình

Bố trí đủ kinh phí để đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho những hoạt động về thông tin - giáo dục - truyền thông, dịch vụ kế hoạch hoá gia đình, xây dựng và thực hiện chính sách, hệ thống quản lý công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình, điều tra động thái dân số, v.v. trên cơ sở các chương trình được tính toán và quản lý chặt chẽ, có tham khảo mức tối thiểu của các nước trong khu vực đã thành công trong công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình là 0,6 đôla Mỹ bình quân đầu người mỗi năm.

Ngân sách nhà nước đảm bảo khoảng 80% nguồn đầu tư, phần còn lại tranh thủ viện trợ quốc tế. Tăng dần sự đóng góp của nhân dân.

Thực hiện phương thức quản lý các nguồn kinh phí

theo chương trình mục tiêu, đảm bảo phân bổ và sử dụng có hiệu quả.

d) Công tác thông tin, giáo dục, truyền thông (TGT)

Tăng cường công tác thông tin, giáo dục, truyền thông nhằm làm cho mọi người hiểu rõ lợi ích của kế hoạch hoá gia đình, chấp nhận gia đình quy mô nhỏ như một chuẩn mực xã hội bằng việc cung cấp đầy đủ các thông tin về dân số, phát triển, và về các biện pháp kế hoạch hoá gia đình.

Công tác thông tin, giáo dục, truyền thông cần được tiến hành mạnh mẽ, thường xuyên, liên tục, mở rộng ra mọi miền, đến với mọi đối tượng bằng những nội dung, hình thức và phương pháp phong phú, đa dạng, thích hợp với từng loại đối tượng nhằm làm chuyển biến sâu sắc nhận thức, thái độ của mọi tầng lớp xã hội, tạo ra dư luận xã hội tích cực, thuận lợi cho công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình.

Gắn chặt thông tin, giáo dục, truyền thông với dịch vụ kế hoạch hoá gia đình làm tăng nhanh số người trong độ tuổi sinh đẻ, đặc biệt là nam giới chấp nhận thực hiện kế hoạch hoá gia đình. Thực hiện giáo dục dân số với nội dung thích hợp cho từng nhóm đối tượng thông qua giáo dục chính quy và không chính quy làm cho thế hệ trẻ chấp nhận quy mô gia đình nhỏ.

Phương thức chủ yếu để thực hiện là xã hội hoá công tác thông tin, giáo dục, truyền thông, kết hợp chặt chẽ truyền thông đại chúng và truyền thông trực tiếp; thực hiện đồng thời trên cả ba bình diện: mở rộng, củng cố và thể chế hoá. Coi trọng việc tuyên truyền trực tiếp ở cấp cơ sở.

e) Dịch vụ kế hoạch hoá gia đình

Tăng tỷ lệ các cặp vợ chồng sử dụng các biện pháp tránh

thai trên cơ sở cung cấp đầy đủ, kịp thời dụng cụ, phương tiện kế hoạch hoá gia đình theo yêu cầu của người sử dụng. Từng bước đa dạng hoá các biện pháp tránh thai, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, an toàn và thuận tiện. Đặc biệt tăng tỷ lệ nam giới chấp nhận và sử dụng các biện pháp kế hoạch hoá gia đình.

Củng cố và phát triển mạng lưới dịch vụ kế hoạch hoá gia đình thông qua hệ thống y tế của Nhà nước, song song với việc tăng cường vai trò của cộng đồng để đưa dịch vụ đến từng gia đình và người sử dụng. Khuyến khích các tổ chức, tập thể và tư nhân làm dịch vụ kế hoạch hoá gia đình dưới sự quản lý của Nhà nước, của Bộ Y tế.

Bán rộng rãi các phương tiện, dụng cụ kế hoạch hoá gia đình.

g) Một số chính sách cụ thể cần sớm ban hành

Các cơ quan nhà nước cần nghiên cứu luật hoá hệ thống các chính sách trực tiếp và gián tiếp phục vụ cho công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình, tập trung vào các nội dung sau:

- Xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống các chính sách có tác dụng cổ vũ trực tiếp đối với những gia đình, những tổ chức và những cá nhân thực hiện tốt hoạt động kế hoạch hoá gia đình như:

+ Đối với các cặp vợ chồng thực hiện kế hoạch hoá gia đình: được cung cấp các phương tiện và dịch vụ kế hoạch hoá gia đình, được theo dõi y tế, được khuyến khích vật chất khi tự nguyện triệt sản (đã có hai con trở lên).

+ Đối với các gia đình thực hiện quy mô gia đình nhỏ (1 hoặc 2 con) được tạo điều kiện để yên tâm trong cuộc sống

(Nhà nước có thể mua bảo hiểm y tế và bảo hiểm thân thể cho con họ đến tuổi thành niên).

+ Đối với những người vận động thực hiện và làm dịch vụ kế hoạch hoá gia đình: được khuyến khích về tinh thần và được thù lao về vật chất.

+ Nghiên cứu tăng tuổi kết hôn quy định trong Luật hôn nhân và gia đình. Xử phạt nặng đối với các trường hợp tảo hôn, vi phạm luật.

+ Thực hiện nguyên tắc phân phối lợi ích thì tính theo đơn vị gia đình, còn thực hiện nghĩa vụ thì tính theo đầu người.

+ Sản xuất và nhập khẩu các phương tiện kế hoạch hoá gia đình tiên tiến. Bảo hộ các mặt hàng kế hoạch hoá gia đình sản xuất trong nước có chất lượng cao, khuyến khích xuất khẩu các mặt hàng đó; miễn thuế nhập khẩu các mặt hàng kế hoạch hoá gia đình, đồng thời nghiêm cấm tái xuất.

+ Trợ giá đối với các mặt hàng kế hoạch hoá gia đình bán rộng rãi với giá rẻ trên thị trường.

+ Xây dựng cơ chế đầu tư, huy động và quản lý có hiệu quả các nguồn lực cho chương trình dân số và kế hoạch hoá gia đình.

Xây dựng các chính sách cụ thể về bảo vệ và phát triển một số dân tộc ít người đang có chiều hướng suy giảm dân số.

Sửa đổi và ban hành chính sách kinh tế - xã hội có liên quan nhằm hỗ trợ mạnh mẽ cho công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình, bao gồm: cải thiện chế độ dinh dưỡng và chăm sóc sức khoẻ bà mẹ và trẻ em, giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh, tạo công ăn việc làm, phân bố dân cư, hợp lý, xoá nạn mù chữ, nâng cao dân trí, mở rộng các thiết chế văn hoá,

phát triển nông thôn, nâng cao vị thế của phụ nữ, bảo hiểm sức khoẻ và tuổi già, v.v..

Thắng lợi của công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình phụ thuộc hoàn toàn vào sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân. Nhân dân ta, Đảng và Nhà nước ta quyết tâm thực hiện thành công công tác này trong vòng vài thập kỷ như nhiều nước trên thế giới, tạo tiền đề quan trọng để đưa đất nước thoát khỏi tình trạng kém phát triển, thực hiện được mục tiêu dân giàu, nước mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa như Cương lĩnh của Đảng đề ra.

**BÁO CÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
TRÌNH HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VII)
Về công tác thanh niên của Đảng**

Vấn đề thanh niên và công tác thanh niên luôn ở vị trí trung tâm trong chiến lược con người của Đảng ta. Trong giai đoạn mới, công tác vận động thanh niên càng có ý nghĩa quan trọng và cần được đổi mới một cách toàn diện, từ đánh giá thanh niên, đến xác định mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và phương thức vận động thanh niên. Đó là đòi hỏi của công cuộc đổi mới, là nguyện vọng của tuổi trẻ và đông đảo nhân dân, là việc làm có ý nghĩa quyết định đối với việc hình thành và phát triển lực lượng chính trị - xã hội của đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

**I- TÌNH HÌNH THANH NIÊN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ
THANH NIÊN TRONG GIAI ĐOẠN MỚI**

1. Hiện nay dân số nước ta có hơn 70 triệu người, trong đó số người dưới 30 tuổi chiếm 69%, thanh niên (tính từ 15-

30 tuổi) là 20,55 triệu người. Dự báo trong 10 năm tới, số người dưới 30 tuổi tiếp tục chiếm tỷ lệ cao.

Những số liệu trên đây phản ánh rằng *dân tộc ta là một dân tộc trẻ, có tiềm năng rất dồi dào về nguồn nhân lực*. Lịch sử dân tộc ta đã chứng minh rằng trong bất cứ thời kỳ nào, thanh niên cũng là một lực lượng, là tiềm năng thực tế và to lớn của công cuộc dựng nước và giữ nước. Ngày nay, tiềm năng đó được thể hiện ở một số mặt sau.

a) Thanh niên tích cực tham gia công cuộc đổi mới đất nước

Kết quả khảo sát cho thấy đại bộ phận thanh niên cho đổi mới là cần thiết và tin tưởng vào thắng lợi của công cuộc đổi mới. Những thành tựu của công cuộc đổi mới và những bài học phản diện về cải tổ, đa nguyên, đa đảng ở Liên Xô (cũ) và Đông Âu, thảm họa chia cắt, xung đột sắc tộc... ngày càng củng cố thêm niềm tin của thanh niên vào đường lối đổi mới của Đảng, vào con đường phát triển của đất nước.

Với thái độ tích cực tham gia công cuộc đổi mới đất nước, đông đảo thanh niên nước ta đã phát huy truyền thống cách mạng của các thế hệ cha anh, phấn đấu vượt qua những thử thách ngặt nghèo của quá trình chuyển đổi cơ chế để sống, làm việc, học tập. Bộ phận thanh niên tiên tiến đang nỗ lực phấn đấu cao để vươn tới lý tưởng cao đẹp. Nhiều tấm gương sáng, nhiều tài năng trẻ đã xuất hiện trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

b) Thanh niên có tiềm năng trí tuệ to lớn

Thế hệ trẻ Việt Nam ngày nay có trình độ học vấn cao hơn các thế hệ trước, tiếp cận nhanh nhạy với kiến thức khoa học kỹ thuật hiện đại và công nghệ mới. Từ khi đất nước đi

vào công cuộc đổi mới, thanh niên sống tự chủ và năng động hơn. Hiện nay nước ta có khoảng 12 triệu học sinh phổ thông, 23 vạn sinh viên đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp. Trong tổng số trên 20 triệu thanh niên, gần 8 triệu thanh niên có trình độ văn hoá cấp II, 3 triệu thanh niên có trình độ văn hoá cấp III, 42 vạn có trình độ trung cấp kỹ thuật và quản lý kinh tế, 22 vạn thanh niên có trình độ đại học, cao đẳng và trên đại học. Tỷ lệ người có chỉ số trí tuệ giỏi trong thanh thiếu niên nước ta chiếm từ 4-5% (trên 1 triệu người). Nhiều tài năng trẻ trên nhiều lĩnh vực đã xuất hiện trong cộng đồng người Việt Nam ở trong và ngoài nước.

c) Thanh niên là lực lượng lao động chủ yếu trên mọi lĩnh vực

Trong tổng số 36,9 triệu lao động xã hội của cả nước, thanh niên chiếm 49,9%. Tính đến tháng 6 năm 1992 có 14,2 triệu thanh niên lao động sản xuất trong các ngành kinh tế, xã hội (nông nghiệp: 10,2 triệu; công nghiệp: 1,5 triệu; ngành không sản xuất vật chất: 1,13 triệu, trong kinh tế quốc doanh: 15%, kinh tế hợp tác: 73%; kinh tế cá thể, tư bản tư doanh: 11,9%).

Là lực lượng lao động chủ yếu trên mọi lĩnh vực, lại có khả năng tiếp thu nhanh những kiến thức mới về khoa học kỹ thuật, công nghệ và quản lý kinh tế, thanh niên đang là một nguồn lực rất quan trọng đối với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta.

2. Những vấn đề đang đặt ra

a) Lý tưởng, niềm tin đang bị khủng hoảng trong nhiều thanh niên

Trước tình hình chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và

Đông Âu sụp đổ, đất nước chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, các thế lực thù địch tăng cường hoạt động chống phá..., nhiều thanh niên mất phương hướng, lý tưởng không rõ ràng. Một bộ phận thanh niên sống bàng quan, vô trách nhiệm với xã hội, lười lao động, trốn tránh nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, thích ăn chơi, cờ bạc, nghiện hút. Một số lao vào kiếm tiền với bất cứ giá nào, bất chấp đạo lý làm người, sống ích kỷ, coi thường truyền thống, coi thường giá trị nhân văn. Không ít thanh, thiếu niên trở nên hung bạo, dễ dàng gây tội ác.

Ý thức phấn đấu về mặt chính trị của một bộ phận đoàn viên, thanh niên giảm sút. Do nhiều nguyên nhân khác nhau, hiện tượng thanh niên không muốn vào Đoàn, đoàn viên không muốn sinh hoạt đoàn, không thiết tha phấn đấu vào Đảng, ngần ngại sinh hoạt chính trị đang tăng lên. Qua điều tra, số lượng đoàn viên ưu tú được kết nạp Đảng ngày càng giảm và giảm nhanh trong 10 năm gần đây, năm 1981 có 8,7 vạn đoàn viên được kết nạp Đảng thì năm 1990 chỉ còn 3,2 vạn và năm 1991 còn 1,7 vạn. Tỷ lệ đoàn viên trong tổng số đảng viên mới được kết nạp cũng giảm, năm 1988 là 72,2% thì năm 1991 còn 63,7%, điều đó làm tuổi bình quân của đảng viên ngày càng cao. Đó là một nguy cơ đối với Đảng.

Hiện tượng thanh niên đi tu, chịu ảnh hưởng của các tôn giáo, của mê tín dị đoan đang tăng lên ở tất cả các đối tượng. Trong cả nước có gần 7 triệu thanh niên theo đạo (1,8 triệu theo Thiên chúa giáo, 3,4 triệu theo đạo Phật, 64 vạn theo đạo Hoà Hảo, 62 vạn theo đạo Tin Lành, 60 vạn theo đạo Cao Đài). Hiện nay các giáo hội tăng cường truyền giáo, bỏ tiền và phương tiện vật chất ra để tổ chức và hoạt động thu hút

thanh thiếu nhi. Số liệu tháng 8-1990 cho thấy trong cả nước có trên 5 ngàn hội đoàn công giáo tồn tại với tên gọi khác nhau (hội trống, hội kèn, hội dâng hoa, hội thánh ca, hội công đức mẹ...). Đạo Phật phát triển hàng ngàn "gia đình phật tử" (riêng Huế có 150 "gia đình phật tử" thu hút trên 1 vạn thanh thiếu niên; đạo Cao Đài tổ chức ra Hưng Đạo đoàn; đạo Tin Lành tổ chức truyền đạo bằng nhiều phương tiện... Tình hình đó làm cho công tác tổ chức các hoạt động của thanh niên càng thêm phức tạp.

Kinh tế thị trường và việc mở rộng quan hệ, giao lưu quốc tế đang thúc đẩy sự phân cực giàu nghèo, sự phân hoá về lối sống. Một tầng lớp các nhà doanh nghiệp tư nhân trẻ có tri thức và có quan hệ quốc tế rộng rãi đã xuất hiện. Đang nảy sinh một số khuynh hướng tiêu cực cần quan tâm:

- Khuynh hướng mơ hồ về chính trị, không phân biệt rõ bản chất của các chế độ xã hội, dễ mất cảnh giác trước âm mưu thủ đoạn của kẻ thù, đòi hỏi dân chủ cực đoan;
- Khuynh hướng sống thực dụng, đơn thuần chạy theo lợi ích vật chất, mờ nhạt lý tưởng, suy thoái đạo đức và lối sống;
- Tâm lý sùng ngoại, coi thường và phủ nhận bản sắc tốt đẹp của dân tộc;
- Sự cách biệt giữa thế hệ trẻ và lớp người lớn tuổi về cách nghĩ và lối sống đang tăng lên.

b) Tình trạng thiếu việc làm và thu nhập thấp là một vấn đề xã hội bức xúc nhất của thanh niên

Theo thống kê chưa đầy đủ, cả nước có khoảng 1,5 triệu thanh niên cần được sắp xếp việc làm và hàng triệu thanh niên chưa có việc làm đầy đủ (ở nông thôn, trung bình mỗi lao động mới sử dụng hết 50% thời gian lao động). Hàng năm

có trên 1 triệu thanh niên đến tuổi lao động cần phải thu xếp việc làm, riêng năm 1991, con số đó là 1,7 triệu người; năm 1992 theo kế hoạch cần giải quyết việc làm cho 1,2 triệu, thực tế chỉ đạt dưới 50% kế hoạch. Trong số thanh niên cần sắp xếp việc làm thì 90% chưa được đào tạo nghề. Từ nay đến năm 1995 ước tính có khoảng 7 triệu người đến tuổi lao động cần có việc làm, điều đó sẽ tạo ra sức ép xã hội lớn.

Thu nhập của thanh niên và gia đình trẻ mấy năm qua có được cải thiện. Trên 10 vạn thanh niên nông thôn, hàng chục vạn thanh niên trong các ngành sản xuất kinh doanh, dịch vụ, lao động hợp tác ở nước ngoài và với nước ngoài, kinh doanh tư nhân... có thu nhập khá và ổn định. Tuy nhiên, ở nhiều khu vực, nhất là khu vực hành chính sự nghiệp, những cơ sở sản xuất thua lỗ, ở miền núi và nhiều vùng nông thôn, thanh niên có thu nhập rất thấp. Đời sống của thanh niên các lực lượng vũ trang còn rất khó khăn.

Thiếu việc làm và thu nhập thấp là một trong những nguyên nhân thanh niên không ham học tập, làm cho nhiều tệ nạn xã hội trong thanh niên như cờ bạc, trộm cắp, mê tín, dị đoan, mãi dâm, nghiện hút, v.v. phát triển.

c) Tình trạng thất học, mù chữ trong thanh, thiếu niên ngày càng tăng

Hàng năm có khoảng 50 vạn học sinh lớp 1 không được lên lớp 2, khoảng 1,2 triệu trẻ em không qua được văn hoá cấp II, phân đông thanh, thiếu niên miền núi, dân tộc thiểu số có trình độ văn hoá thấp, mù chữ hoặc tái mù chữ, không biết tiếng phổ thông (dân tộc Lô Lô: 91%, Hmông: 87%, Êđê 82%... mù chữ). Gần 2 triệu thanh niên còn mù chữ. Tình hình trên ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng lao động trẻ

hiện nay và trong 1-2 thập kỷ tới, làm cho các vấn đề xã hội của thanh niên vốn đã gay gắt lại càng gay gắt hơn.

Trình độ dân trí của thanh niên có nhiều mặt sa sút. Theo mức độ và xu hướng như hiện nay thì nước ta khó có thể hoàn thành phổ cập tiểu học, xoá mù chữ vào năm 2000, và nếu không chú ý nâng cao dân trí, tạo điều kiện cho đông đảo thanh thiếu niên được học tập, thì trong một vài thập kỷ tới trình độ dân trí, học vấn chung của thanh niên có thể sẽ thấp hơn so với hiện tại.

d) Tình trạng sức khoẻ và các tệ nạn xã hội trong thanh niên là rất đáng lo ngại. Các bệnh nghề nghiệp, bệnh xã hội, bệnh tâm thần, rối loạn hành vi giới tính trong thanh niên đều có xu hướng tăng. Qua khảo sát của Bộ Y tế cho thấy số thanh niên hút thuốc lá ở nông thôn chiếm từ 50-70%, trong quân đội: 30-50%, trong các trường học: 15-20%. Số thanh niên nghiện rượu, nghiện hút thuốc phiện, tiêm chích xì ke, ma tuý tăng nhanh. Chiều cao, cân nặng thể lực của thanh niên Việt Nam giảm và thấp so với nhiều nước trên thế giới. Từ năm 1978 đến năm 1988, chiều cao trung bình của thanh niên giảm 1 cm, chiều cao trung bình của nam chưa vượt quá 1,6m, nữ chưa quá 1,53m. Số trẻ em sơ sinh nặng dưới 2500 gam tăng, chiếm 21,7%.

Các tệ nạn xã hội những năm gần đây phát triển, nhất là nạn **cờ bạc, nghiện hút, mãi dâm, cướp của giết người**. Tỷ lệ thanh thiếu niên phạm tội chiếm 72,7% trong tổng số tội phạm, mức độ phạm tội và phạm vi tội phạm ngày càng rộng và nghiêm trọng. Hiện tượng tảo hôn và tỷ lệ ly hôn trong thanh niên có xu hướng tăng cũng là một vấn đề xã hội đáng quan tâm.

Theo báo cáo của Bộ Lao động thương binh và xã hội, hiện nay có khoảng 5 vạn trẻ em lang thang, cơ nhỡ. Nếu không có chính sách đầu tư nhằm tập hợp và giáo dục các em thì đây sẽ là nguồn bổ sung thường xuyên vào số thanh thiếu niên phạm tội.

Thực trạng trên đây của thanh niên đang đặt ra cho Đảng, Nhà nước và toàn xã hội ta những nhiệm vụ nặng nề. Đất nước sẽ phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa tùy thuộc và liên quan chặt chẽ đến việc quản lý và điều tiết nền kinh tế thị trường và vấn đề *ai nắm được thanh niên*. Tương lai của đất nước ta trong thế kỷ sau tùy thuộc vào việc Đảng chăm lo đào tạo, bồi dưỡng lớp trẻ hiện nay ra sao. Do đó, bàn về công tác thanh niên, định hướng cho sự phát triển của tuổi trẻ là yêu cầu khách quan, cấp bách của giai đoạn cách mạng mới, của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

II- TÌNH HÌNH CÔNG TÁC THANH NIÊN

1. Đảng với nhiệm vụ lãnh đạo công tác thanh niên

Trải qua các giai đoạn cách mạng, Đảng ta luôn đặt cao vai trò thanh niên và tầm quan trọng của công tác thanh niên. Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khoá III), Bộ Chính trị (Khoá V và Khoá VI) đều ra nghị quyết chuyên đề về công tác thanh niên (Nghị quyết 181 của Ban Bí thư Trung ương Đảng tháng 9-1968, Nghị quyết 26 Bộ Chính trị (Khoá V), Nghị quyết 25 Bộ Chính trị Khoá VI...). Các nghị quyết của Đảng đã góp phần tạo ra những chuyển biến nhất định trong

nhận thức và chỉ đạo của các cấp uỷ đảng, chính quyền, các đoàn thể xã hội đối với công tác thanh niên.

Việc thực hiện các nghị quyết đó đã động viên thanh niên tham gia tích cực hơn vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng Đoàn, xây dựng Đảng được bổ sung thường xuyên.

Tuy nhiên, sự lãnh đạo của nhiều cấp uỷ đảng đối với công tác thanh niên trước bước ngoặt mới của đất nước chậm được đổi mới. Chúng ta chưa chuẩn bị cho thanh niên bước vào cơ chế mới, chưa xử lý nhanh nhạy những vấn đề mới nảy sinh, còn để cho thanh niên tư duy và hành động tự phát. Cách tiếp cận, cách hiểu, cách đánh giá thanh niên của nhiều cấp uỷ đảng và đảng viên vẫn theo lối cũ, có phần chịu ảnh hưởng của tư tưởng Khổng giáo, thiếu tin tưởng, thiếu tôn trọng thanh niên. Trong công tác thanh niên thì có lúc có nơi còn nặng về khai thác, sử dụng sức thanh niên mà chưa chăm lo bồi dưỡng, tạo điều kiện cho thanh niên phát triển.

Các nghị quyết của Đảng mới chỉ dừng lại ở những quan điểm, chủ trương lớn, chậm được thể chế hoá thành chính sách của Nhà nước, chậm cụ thể hoá thành giải pháp và chương trình hành động, do đó hiệu lực thấp. Gần đây, Nghị quyết 25 của Bộ Chính trị có tạo ra một số kết quả bước đầu tốt, nhưng nhìn tổng thể Nghị quyết vẫn chưa đi vào cuộc sống. Nghị quyết ra đời trước Đại hội VII, khi chưa có Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ, nên nội dung Nghị quyết cũng còn nhiều hạn chế.

Từ khi Đảng thành lập đến nay, mới có hai hội nghị Trung ương Đảng bàn và ra nghị quyết về công tác vận động thanh niên (lần thứ nhất tháng 10-1930), lần thứ hai tháng

3-1931). Trung ương Khoá IV, Khoá V, Khoá VI đều có ý định đưa vấn đề thanh niên ra bàn nhưng chưa thực hiện được. Tình hình đó đã hạn chế sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với công tác vận động thanh niên.

2. Nhà nước với công tác thanh niên

Trong những năm qua, Nhà nước đã ban hành một số văn bản, chính sách tạo điều kiện cho hoạt động của thanh niên và đoàn thanh niên trên một số lĩnh vực kinh tế, văn hoá, giáo dục, chăm sóc và bảo vệ trẻ em, v.v.. Tuy nhiên, còn nhiều khuyết điểm:

- Một số cơ quan nhà nước vẫn coi công tác thanh niên là việc của Đảng, của Đoàn thanh niên, chưa có những cơ chế chính sách cụ thể đối với công tác thanh niên, không ít nơi vẫn còn nặng về hô hào, động viên chính trị, chưa tạo ra được động lực tinh thần, vật chất cho phong trào thanh niên.

- Việc chuẩn bị Luật thanh niên được tiến hành từ năm 1978, nhưng đến nay vẫn chưa được Quốc hội thảo luận, thông qua. Nhiều chủ trương lớn của Đảng về công tác thanh niên chưa được thể chế hoá thành chính sách, chương trình của Nhà nước. Chưa có tổ chức của chính quyền chuyên lo công tác thanh niên.

3. Các đoàn thể quần chúng và xã hội đối với công tác thanh niên

- Thực hiện các nghị quyết của Đảng về công tác thanh niên, các đoàn thể quần chúng như Tổng Liên đoàn Lao động, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân và các tổ chức xã hội khác đã có những chuyển biến về mặt nhận thức và có những hoạt động thiết thực trong đối tượng trẻ thuộc tổ chức mình.

- Việc phối hợp giữa Đoàn thanh niên và các đoàn thể quần chúng và xã hội được tăng cường hơn trước thông qua các phong trào sáng tạo kỹ thuật, CKT (chất lượng, kiểu dáng, tiết kiệm), phong trào làm VAC, phong trào nuôi con khoẻ, dạy con ngoan, giúp nhau làm kinh tế gia đình, thực hiện kế hoạch hoá dân số.

- Cán bộ, đảng viên, các bậc phụ huynh... đã bước đầu ý thức được tầm quan trọng về vai trò của gia đình trong việc giáo dục con em. Tâm lý ỷ lại, khoán trắng cho nhà trường, đoàn thể đã bớt.

Tuy nhiên, việc phối hợp trên quy mô toàn xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng trong công tác đào tạo, giáo dục, sử dụng thanh niên còn hạn chế, thiếu đồng bộ, có lúc có nơi còn chông chéo về chức năng.

Việc nêu gương người tốt việc tốt một cách sâu rộng cho thế hệ trẻ nơi theo ít được coi trọng, trái lại sự thiếu gương mẫu trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và người lớn tuổi làm cho tuổi trẻ suy giảm lòng tin và có những hành vi thiếu đạo đức; đạo đức truyền thống của dân tộc ngày càng mờ nhạt trong một bộ phận không nhỏ thanh thiếu niên.

- Chính sách xã hội và chiến lược con người, nhất là chiến lược đối với thế hệ trẻ chưa được xây dựng và quán triệt trong toàn xã hội. Có đoàn thể quần chúng còn coi công tác thanh niên là việc của Đoàn thanh niên, của Đảng.

- Môi trường xã hội là vấn đề rất lớn đối với công tác thanh niên nhưng chưa được quan tâm đúng mức, nhiều quan hệ xã hội suy thoái. Do thiếu sót trong quản lý và chỉ đạo mà trong nhà trường, khu dân cư, gia đình cũng như môi

trường văn hoá, kinh tế..., đang bị ô nhiễm và nảy sinh những tiêu cực đáng lo ngại.

4. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh với công tác tập hợp, giáo dục thanh niên

Đoàn hiện có 2,5 triệu đoàn viên. Thực hiện quá trình tự đổi mới, những năm vừa qua, Đoàn thanh niên đã có nhiều chủ trương và biện pháp về công tác xây dựng Đoàn, Đoàn tham gia xây dựng Đảng, về công tác đoàn kết tập hợp thanh niên, về công tác giáo dục thanh thiếu niên, thực hiện các chương trình, dự án về phát triển kinh tế - xã hội của đất nước... Sự đổi mới của Đoàn theo tinh thần hướng về cơ sở và chăm lo lợi ích chính đáng của đoàn viên thanh niên đã hướng đoàn viên thanh niên vào các hoạt động cụ thể gắn liền với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở từng địa phương, cơ sở. Nhiều phong trào của Đoàn mang ý nghĩa giáo dục và ý nghĩa kinh tế - xã hội như phong trào phấn đấu "xúng danh Bộ đội Cụ Hồ" trong thanh niên quân đội nhân dân, phong trào làm theo 6 lời Bác Hồ dạy trong thanh niên công an nhân dân, phong trào sản xuất - kinh doanh giỏi trong nông nghiệp, phong trào sáng tác mẫu mã mặt hàng mới, CKT trong công nghiệp; chương trình Đoàn tham gia giải quyết việc làm thông qua các đội hình thanh niên xung phong và lao động trẻ, các trung tâm dạy nghề, giới thiệu việc làm cho thanh niên; cuộc vận động xây dựng chi đoàn mạnh, thực hiện 3 mục tiêu về dân số - sức khoẻ - môi trường; phong trào "đền ơn đáp nghĩa", xây dựng nhà tình nghĩa, phong trào vì bạn nghèo vượt khó, v.v..

Hoạt động và tổ chức của Đoàn tuy đã đạt được một số kết quả song chưa trở thành diện rộng và phát triển vững

chắc. Vai trò, uy tín của Đoàn trong xã hội và trong tuổi trẻ giảm sút và chưa được cải thiện. Số lượng, chất lượng đoàn viên tiếp tục giảm, trên 70% số giảm là do tự bỏ sinh hoạt. Nhiều chi đoàn, đoàn cơ sở hoạt động cầm chừng, thụ động, công tác cán bộ của Đoàn chưa có chuyển biến căn bản. Khả năng thu hút, tập hợp thanh niên của Đoàn, của Hội liên hiệp thanh niên, Hội Sinh viên Việt Nam còn rất hạn hẹp, nhất là đối với thanh niên có đạo, thanh niên các dân tộc thiểu số và Hội Đoàn mới thu hút không quá 20% tổng số thanh niên.

Vấn đề đặt ra là phải củng cố, xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh với phương châm coi trọng chất lượng, xứng đáng là đội dự bị tin cậy bổ sung lực lượng trẻ cho Đảng, là hạt nhân nòng cốt trong phong trào thanh niên. Đồng thời phải mở rộng Mặt trận đoàn kết rộng rãi các tầng lớp thanh niên và phong trào thanh niên phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu nước mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Toàn bộ thực trạng - nguyên nhân đã nêu trên, đặt ra cho Đảng ta phải có một chiến lược, chính sách mới về thanh niên, có định hướng vừa cơ bản vừa cấp bách cho thanh niên và công tác thanh niên, để thích ứng với tình hình và nhiệm vụ chính trị mới của Đảng.

Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Về những vấn đề Trung ương thảo luận tại Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (Khoá VII)

Đã có trên 443 lượt đồng chí phát biểu ở tổ và 41 đồng chí phát biểu ở Hội trường. Các ý kiến đã làm rõ và bổ sung thêm nhiều nội dung quan trọng vào các dự thảo Nghị quyết. Trong thảo luận cũng có một số vấn đề có ý kiến khác nhau.

Dưới đây Bộ Chính trị xin trình bày những vấn đề cần tiếp thu để bổ sung, hoàn chỉnh các nghị quyết, và nói rõ ý kiến của Bộ Chính trị về một số vấn đề còn ý kiến khác nhau để Trung ương xem xét, quyết định.

I- VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Về đánh giá thực trạng giáo dục

- Trong thảo luận có những ý kiến đánh giá khác nhau về mức độ những thành tựu và yếu kém của hệ thống giáo dục quốc dân. Số đông đồng tình với nhận định trong dự thảo nghị quyết; có đồng chí lại cho rằng đánh giá thế là quá cao; nhiều ý kiến nhấn mạnh các mặt yếu kém; một số đồng chí

cho rằng dự thảo trình bày thành tựu và yếu kém có phần mâu thuẫn.

Bộ Chính trị cho rằng những yếu kém mà các đồng chí nhấn mạnh là chính xác, Bộ Chính trị đề nghị tiếp thu để sửa chữa phần đánh giá thực trạng, nhưng trong báo cáo và nghị quyết của Trung ương đề nghị không viết dài và quá chi tiết.

Về nhận xét tổng quát thành tựu và yếu kém, Bộ Chính trị đề nghị sửa lại như sau: "hơn 10 năm qua, mặc dù có nhiều khó khăn, sự nghiệp giáo dục đã có những tiến bộ và phát triển *nhưng cũng có một số mặt quan trọng giảm sút hơn trước*".

Theo tinh thần ấy sẽ cân nhắc lại cách thể hiện các nội dung cụ thể của phần này cho chính xác, chặt chẽ hơn.

- Về nguyên nhân:

Về cơ bản các đồng chí nhất trí với nội dung dự thảo và có bổ sung một số ý kiến cụ thể: mục tiêu, quy mô phát triển giáo dục chưa phù hợp; giáo dục còn nhiều yếu kém; sử dụng tiền đầu tư cho giáo dục chưa hợp lý; ngành giáo dục chưa làm tốt chức năng tham mưu và trách nhiệm quản lý nhà nước. Bộ Chính trị đề nghị tiếp thu các ý kiến trên đây.

Một số ý kiến chưa đồng tình với nhận xét "các cấp uỷ đảng, các cơ quan nhà nước và xã hội chưa nhận thức đúng vai trò, tác dụng của giáo dục đối với sự phát triển của đất nước" và nhận trách nhiệm trước hết thuộc về "trách nhiệm của Đảng từ Bộ Chính trị, Ban Bí thư đến các cấp uỷ đảng địa phương".

Bộ Chính trị quan niệm rằng: khi nói về nhận thức vai trò của giáo dục thì không phải chỉ là nói tầm quan trọng của

sự nghiệp giáo dục, mà nhận thức đó phải được thể hiện ở các chủ trương, chính sách, biện pháp cụ thể và kịp thời để phát triển giáo dục phù hợp với tình hình và yêu cầu phát triển của đất nước.

Hiểu như vậy, thì nhận thức của nhiều cấp uỷ đảng và cơ quan nhà nước có thiếu sót, chúng ta cần thừa nhận để có biện pháp khắc phục.

Vì vậy, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho giữ nội dung đã nêu trong dự thảo nhưng có bổ sung theo quan niệm trên.

2. Về đánh giá cải cách giáo dục theo Nghị quyết 14-NQ/TW của Bộ Chính trị (Khoá IV)

Các ý kiến phát biểu còn có sự khác nhau về đánh giá mức độ thành công của cải cách giáo dục. Một số ý kiến tán thành nội dung đánh giá như dự thảo, nhiều ý kiến đề nghị nói thẳng là cải cách giáo dục không thành công, phải tổng kết cuộc cải cách giáo dục vừa qua và tiến hành một cuộc cải cách mới.

Bộ Chính trị có ý kiến như sau: Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị (Khoá IV) về cải cách giáo dục ra đời năm 1979, có đề ra một số mục tiêu quá cao và một số nội dung không thích hợp, nhưng trong quá trình thực hiện, Nhà nước đã có sự điều chỉnh cho phù hợp hơn, cách đánh giá Nghị quyết 14 như dự thảo nghị quyết về cơ bản thoả đáng. Tại Hội nghị này, chúng ta cũng bàn và quyết định nhiều chủ trương, giải pháp để tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục, ngay trong tiêu đề mục 2 của dự thảo nghị quyết cũng đã ghi rõ: "tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo". Như vậy là hội nghị Trung ương lần này đang thực hiện quyết định của Đại hội

VII. Hơn nữa, việc đổi mới, cải cách giáo dục là một quá trình liên tục. Vì thế trong Nghị quyết này không cần đề ra nhiệm vụ chuẩn bị một cuộc cải cách giáo dục mới.

3. Về những quan điểm chỉ đạo giáo dục

- Nhiều ý kiến yêu cầu viết lại phần này cho gọn, chặt chẽ và rõ hơn, một số ý kiến đề nghị bổ sung các nội dung: coi trọng giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quan tâm đến người nghèo và các đối tượng chính sách, xác định giáo dục là sự nghiệp của quần chúng, kết hợp chặt chẽ giữa giảng dạy và nghiên cứu khoa học... Bộ Chính trị đề nghị Trung ương tiếp thu những ý kiến trên và giao cho Bộ Chính trị cân nhắc để bổ sung vào nghị quyết những nội dung cần thiết.

- Về ý kiến đặt vấn đề: có coi giáo dục là quốc sách hàng đầu hay chỉ là quốc sách? Bộ Chính trị đề nghị viết như Cương lĩnh của Đảng đã xác định: "Khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo phải được xem là quốc sách hàng đầu".

- Có ý kiến đề nghị không nên nói giáo dục và đào tạo cần thích nghi với đổi mới về kinh tế. Bộ Chính trị đề nghị tiếp thu và sửa lại là: "Giáo dục và đào tạo phải đáp ứng với yêu cầu đổi mới và phát triển kinh tế".

- Về đầu tư cho giáo dục có coi là đầu tư phát triển hay không?

Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Thực tiễn trong nước và thực tiễn phát triển của thế giới hiện đại đều cho thấy rằng, trong sự phát triển kinh tế - xã hội, nếu giáo dục không làm được nhiệm vụ đón đầu, mà chỉ chạy theo kinh tế thì không thể tạo ra sự phát triển. Vì vậy,

đầu tư cho phát triển sự nghiệp giáo dục có ý nghĩa quan trọng, đó là sự đầu tư cho sự phát triển. Ngoài ngân sách nhà nước, cần huy động có nguồn đầu tư khác ở trong và ngoài nước, thực hiện phương châm "nhà nước và nhân dân cùng làm". Về lập quỹ bảo trợ giáo dục, Bộ Chính trị nhất trí với một số ý kiến phát biểu cần có quỹ bảo trợ, nhưng do Nhà nước quy định cụ thể, bỏ những khoản đóng góp không hợp lý, nhưng vẫn cần huy động được sự đóng góp của nhân dân xây dựng sự nghiệp giáo dục.

4. Về tính chất của nền giáo dục

Ý kiến phát biểu còn rất khác nhau về vấn đề này. Một số ý kiến đề nghị phải giải thích rõ nội dung các tính chất này để Trung ương hiểu; một số ý kiến nói rõ sự cần thiết giáo dục phải có tính chất dân chủ, số đông chỉ khác lại đề nghị bỏ từ này; có ý kiến đề nghị thay từ "hiện đại" bằng từ "khoa học", v.v..

Bộ Chính trị thấy rằng nhiều nội dung các khái niệm về tính chất nền giáo dục mới còn chưa rõ, chưa được nghiên cứu kỹ, ý kiến thảo luận tại hội nghị cũng còn rất khác nhau, vì vậy chưa nên ghi vào nghị quyết.

- Về các ý kiến nhấn mạnh nhà trường phải đồng thời dạy chữ, dạy nghề, dạy người, đặc biệt phải coi trọng "dạy người" trong công tác giáo dục. Bộ Chính trị tán thành nhà trường của chúng ta phải thật sự đổi mới, không chỉ có nhiệm vụ truyền đạt cho học sinh kiến thức thuần túy, mà phải đào tạo ra những con người vừa có tri thức, vừa có phẩm chất chính trị, đạo đức, vừa có năng lực hành động, tay nghề, trong đó rất coi trọng việc giáo dục đạo đức, phẩm chất chính

trị, đào tạo học sinh thành những công dân có năng lực tham gia xây dựng và bảo vệ đất nước, tất cả những nội dung đó đều là dạy người. Vì vậy đề nghị sẽ nói rõ hơn tinh thần trên đây trong nghị quyết nhưng không nên dùng những từ "dạy người" vì khái niệm này khó hiểu.

5. Về một số chính sách giáo dục

a) Chính sách đối với thầy giáo

- Về tiền lương:

Ý kiến phát biểu thống nhất phải chăm lo tốt hơn đời sống giáo viên, nhưng kiến nghị chính sách cụ thể thì còn rất khác nhau.

Một số đề nghị có chính sách giải quyết lương cho giáo viên và gia đình đủ sống, lương giáo viên phải cao hơn lương một số ngành nghề khác. Có ý kiến đề nghị cụ thể lương giáo viên cấp I bằng lương trưởng phòng huyện, lương giáo viên cấp II bằng lương cán bộ lãnh đạo huyện và cần đặc biệt ưu đãi giáo viên dạy ở vùng cao, vùng dân tộc thiểu số...

Nhưng cũng có ý kiến cho rằng phải đặt chính sách lương giáo viên trong tương quan chính sách lương chung của Nhà nước.

Bộ Chính trị cho rằng, những nội dung cụ thể về nâng bậc lương giáo viên và mức lương cụ thể do Chính phủ xem xét quyết định. Nghị quyết Trung ương chỉ nên ghi: có chính sách khuyến khích đối với giáo viên, nhất là đối với những giáo viên dạy giỏi.

Nhiều ý kiến đề nghị phải đặc biệt coi trọng xây dựng các trường sư phạm, đầu tư cho một số trường sư phạm để có đủ phương tiện vật chất - kỹ thuật cho việc đào tạo đạt chất lượng cao, có chính sách học bổng khuyến khích để thu hút được

những thanh niên giỏi theo nghề dạy học. Bộ Chính trị đề nghị tiếp thu ý kiến trên để bổ sung, hoàn chỉnh nghị quyết.

b) Về chế độ học phí

Nhiều đồng chí đề nghị nên có thu học phí đối với cả học sinh tiểu học.

Bộ Chính trị có ý kiến như sau: Miễn học phí cho học sinh tiểu học là để tạo thuận lợi cho phổ cập giáo dục tiểu học, Quốc hội ta đã ban hành luật này và công ước quốc tế về quyền trẻ em mà nước ta tham gia ký kết đã khuyến nghị tất cả các nước không thu học phí của học sinh bậc tiểu học. Vì vậy đề nghị không nên đặt lại vấn đề này. Tuy nhiên vẫn có thể nghiên cứu có hình thức huy động sự bảo trợ của những người có khả năng trong xã hội đối với cả bậc tiểu học.

c) Về các loại hình trường

Trong đề án giáo dục có nêu lên các loại trường gồm trường quốc lập, trường bán công, trường dân lập, trường tư thục. Ý kiến phát biểu còn khác nhau về trường tư thục. Có đồng chí cho rằng nên mở rộng diện trường tư thục, có đồng chí lại e ngại việc mở lại trường này.

Bộ Chính trị có ý kiến như sau: Về hệ thống phổ thông, chúng ta chủ trương chỉ có hai loại hình là trường công lập, trường bán công và trường dân lập. Ở các hệ khác có thể mở trường tư thục trong khuôn khổ những quy định cụ thể của Nhà nước.

d) Về chế độ cho đi học nước ngoài

Có hai loại ý kiến trái nhau.

Ý kiến thứ nhất: nên khuyến khích thanh niên đi học nước ngoài, do vậy thủ tục hành chính cho phép đi phải dễ dàng, không nên rườm rà, khó khăn.

Ý kiến thứ hai: Hiện yêu cầu đào tạo chưa rõ, nếu đi ô ạt sẽ gây ra nhiều rắc rối, phức tạp.

Bộ Chính trị thấy rằng, hiện nay, việc đưa thanh, thiếu niên ra học nước ngoài, nhất là về những lĩnh vực khoa học và công nghệ mà ta chưa có điều kiện đào tạo, hoặc chưa có điều kiện đào tạo tốt, là rất cần thiết. Ngoài diện đi học nước ngoài theo kế hoạch nhà nước và hiệp định hợp tác với nước ngoài, những thanh thiếu niên có điều kiện tự túc theo học ở nước ngoài, có người bảo lãnh, chấp hành pháp luật nghiêm chỉnh thì tạo điều kiện để họ xuất dương học tập.

e) Về quan hệ giữa quy mô phát triển và chất lượng giáo dục

Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến thảo luận để làm rõ các nội dung: trong khi tiếp tục phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, cần đề cao chất lượng hơn số lượng, chú trọng đào tạo theo yêu cầu, quy hoạch, gắn với địa chỉ.

6. Về chính sách giáo dục đối với dân tộc thiểu số

Các ý kiến phát biểu đều nhất trí phải coi trọng việc đầu tư xây dựng hệ thống đào tạo cán bộ cho các vùng dân tộc thiểu số và các nội dung cụ thể nêu trong dự thảo nghị quyết.

Một số đồng chí nhấn mạnh và đề nghị thêm một số điểm cụ thể như cần có chế độ ưu đãi đặc biệt về tiền lương và phụ cấp đối với giáo viên ở các nơi có nhiều khó khăn thuộc vùng cao, vùng sâu, hải đảo và một số vùng núi; củng cố và mở rộng các trường dân tộc nội trú, mở các lớp dự bị đại học để bồi dưỡng học sinh dân tộc thiểu số trước khi thi vào đại học, v.v..

Bộ Chính trị đề nghị tiếp thu ý kiến này để sửa nghị quyết.

II- VỀ VẤN ĐỀ VĂN HOÁ - VĂN NGHỆ

Qua thảo luận ở tổ cũng như ở hội trường, các đồng chí Trung ương đã bày tỏ sự nhất trí về cơ bản với đề án mà Bộ Chính trị trình trước Trung ương. Các đồng chí đã góp nhiều ý kiến làm rõ và bổ sung thêm các nhận định và chủ trương nêu trong đề án, đặc biệt là trong dự thảo nghị quyết. Có những điểm đề nghị bổ sung hoặc sửa đổi, cả về nội dung và câu chữ, Bộ Chính trị thấy hợp lý và xin tiếp thụ để chỉnh lý văn bản. Sau đây Bộ Chính trị xin trình bày ý kiến về một số vấn đề ý kiến còn khác nhau.

1. Phạm vi của vấn đề

Có nhiều định nghĩa về văn hoá với nội dung rộng, hẹp khác nhau, nhưng tựu trung có ba loại chính:

Một là, văn hoá hiểu theo nghĩa rộng bao gồm cả trình độ phát triển vật chất và tinh thần.

Hai là, văn hoá hiểu theo nội dung bao gồm cả khoa học, kỹ thuật, giáo dục, văn học, nghệ thuật.

Ba là, văn hoá đặt trong phạm vi nếp sống, lối sống, đạo đức xã hội, văn học, nghệ thuật.

Trong đề án này, Bộ Chính trị đề nghị Hội nghị Trung ương bàn và ra nghị quyết về vấn đề văn hoá theo quan niệm thứ ba.

2. Về tên gọi của nghị quyết

Có những đề nghị cụ thể như sau:

- Một số nhiệm vụ cấp bách về văn hoá, văn nghệ.

- Về nhiệm vụ của văn hoá, văn nghệ trong những năm trước mắt.

- Tiếp tục phát huy tiềm năng sáng tạo văn học, nghệ thuật nâng cao mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân lao động, xây dựng nếp sống văn hoá dân tộc lành mạnh.

- Về nhiệm vụ của văn học, nghệ thuật trong những năm trước mắt.

Với cách đặt vấn đề về nội dung văn hoá, văn nghệ của nghị quyết như đã nói ở trên, Bộ Chính trị đề nghị lấy tiêu đề của nghị quyết là: *Một số nhiệm vụ văn hoá, văn nghệ những năm trước mắt.*

3. Về đánh giá thực trạng văn hoá, văn nghệ

Số đông ý kiến phát biểu về cơ bản nhất trí với đánh giá của báo cáo và dự thảo nghị quyết cả về thành tựu cũng như thiếu sót, tồn tại. Nhưng trong phát biểu cũng có sự đánh giá khác nhau. Một số ý kiến muốn nhấn mạnh hơn nữa mặt sai lầm, khuyết điểm, cho rằng cần thấy hết tình trạng lan tràn của những văn hoá phẩm độc hại đang làm ô nhiễm môi trường xã hội; sự sa sút nghiêm trọng về đạo đức xã hội và lối sống đang ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục và bản sắc dân tộc, những quan điểm lệch lạc, những tác phẩm xấu đang gây tác hại lớn.

Một số ý kiến khác lại cho rằng cần đánh giá đúng mức những cố gắng, tiến bộ và thành tựu đã đạt được. Trong thời gian qua các ngành văn hoá, văn nghệ đã đáp ứng được nhiều nhu cầu mới của xã hội, đóng góp tích cực vào đời sống tinh thần của nhân dân, có những sáng tác mới có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật, đội ngũ văn nghệ sĩ nói chung là tốt, tính năng động, sáng tạo, tự tin của văn nghệ sĩ và cán bộ văn hoá là đáng ghi nhận. Trong sáng tạo, một số khuyết điểm thể hiện rõ trong văn học, nhưng bên cạnh một số tác phẩm xấu,

vẫn có nhiều tác phẩm tốt, một số ngành nghệ thuật khác như nhạc, họa, kiến trúc... thì có nhiều khởi sắc rõ rệt hơn, cần đánh giá toàn diện, khách quan. Không nên từ những hiện tượng riêng lẻ, những bộ môn riêng biệt mà quy thành bản chất và xu hướng của cả lĩnh vực, cả phong trào.

Bộ Chính trị đề nghị giữ tinh thần đánh giá cơ bản như trong báo cáo đồng thời cần tiếp thu những khía cạnh nội dung mà các đồng chí Trung ương đã góp ý kiến để phân tích và làm sáng rõ thêm thực trạng tình hình văn hoá, văn nghệ.

Bộ Chính trị cũng tán thành là ở phần đánh giá tình hình cũng như các phần khác của dự thảo nghị quyết cần lược bớt nhiều câu chữ như "kiên quyết phê phán", "kiên quyết chấn chỉnh", "kiên quyết bác bỏ", "đấu tranh không khoan nhượng", v.v.. Vấn đề quan trọng là nói rõ được nội dung cần thiết của việc làm.

4. Về nguyên nhân

Có ý kiến cho rằng cần nêu rõ cả nguyên nhân của những thành tựu. Bộ Chính trị thấy dự thảo đã ghi nhận sự lãnh đạo của Đảng và đường lối văn hoá, văn nghệ của Đảng, tạo điều kiện cho văn hoá, văn nghệ góp phần tích cực vào sự nghiệp đổi mới, vào quá trình dân chủ hoá và đưa đất nước từng bước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Trong phần tình hình cũng đã trình bày rõ những cố gắng của đội ngũ văn nghệ sĩ và cán bộ văn hoá cũng như sự đóng góp của toàn xã hội để tạo nên những thành tựu trong lĩnh vực văn hoá, văn nghệ. Do đó không cần thiết phải bổ sung thêm một đoạn phân tích về nguyên nhân của những thành tựu, vấn đề chủ yếu đặt ra ở đây là làm rõ nguyên nhân chủ quan của những mặt tiêu cực và yếu kém để có biện pháp khắc phục.

Về nguyên nhân của những khuyết điểm, yếu kém, phần lớn các ý kiến đều đồng tình với cách trình bày trong báo cáo và dự thảo nghị quyết. Nhưng có một số ý kiến đáng chú ý như sau:

- Một số đồng chí muốn nói rõ Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị có sai về quan điểm do chịu ảnh hưởng những khuynh hướng không đúng ở bên ngoài trong quá trình xây dựng nghị quyết.

- Một số ý kiến khác lại muốn nói rõ thêm về mức độ nghiêm trọng của khuyết điểm buông lỏng, hữu khuynh trong lãnh đạo, quản lý.

Về Nghị quyết 05, Bộ Chính trị cho rằng nhận định như trong báo cáo và dự thảo nghị quyết là thoả đáng (nghị quyết có một số sơ hở nhưng về cơ bản là đúng, tốt).

Về nguyên nhân buông lỏng, hữu khuynh trong lãnh đạo và quản lý, Bộ Chính trị cho rằng những ý kiến nêu trên là hợp lý, nhưng trong nghị quyết thì ghi như dự thảo là đủ. Khi truyền đạt nghị quyết, có thể giải thích thêm theo tinh thần phát biểu của Trung ương. Hơn nữa, Bộ Chính trị cho rằng khi đề cập khuyết điểm buông lỏng, hữu khuynh trong lãnh đạo và quản lý thì không nên hiểu rằng đó chỉ là đấu tranh kiên quyết chống lại các lệch lạc, sai lầm, mà còn là trong thời gian qua chúng ta chưa chú ý đầy đủ việc tổ chức lực lượng, xây dựng phong trào, cổ vũ và phát huy những nhân tố tích cực.

5. Về tính chất (hoặc đặc trưng) của nền văn hoá

Có các loại ý kiến như sau:

- Viết như Cương lĩnh: nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Viết như Hiến pháp năm 1992: nền văn hoá Việt Nam: dân tộc, hiện đại, nhân văn.

- Viết như dự thảo nghị quyết: dân tộc, đại chúng, hiện đại, nhân văn.

Bộ Chính trị thấy cách trình bày của Hiến pháp cũng chỉ là sự cụ thể hoá Cương lĩnh. Tuy vậy, về các đặc trưng *hiện đại* và *nhân văn* thì còn có những cách hiểu biết khác nhau. Thêm đặc trưng *đại chúng* thì có thể gây hiểu lầm rằng chúng ta không coi trọng văn hoá đỉnh cao. Vì vậy, Bộ Chính trị đề nghị viết như Cương lĩnh, vì cách trình bày này gọn, đủ và chính xác, chữ tiên tiến là gồm cả ý nghĩa tiên tiến về chế độ xã hội, tức là có ý nói tới chủ nghĩa xã hội, đồng thời tiên tiến cũng bao hàm cả hiện đại. Một nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đương nhiên bao gồm tính nhân văn.

6. Về các quan điểm

Bộ Chính trị tán thành ý kiến của nhiều đồng chí đề nghị thay từ *quan điểm* thành cụm từ *tư tưởng chỉ đạo*. Như vậy câu cần nắm vững 6 quan điểm sẽ được sửa lại là: cần nắm vững các *tư tưởng chỉ đạo*.

Việc sắp xếp lại theo thứ tự các nội dung trong mục này như thế nào cho hợp lý và cho gọn hơn (như ghép quan điểm 1 và quan điểm 2 thành một quan điểm), đề nghị Trung ương uỷ nhiệm cho Bộ Chính trị cân nhắc chỉnh lý sau.

7. Về mục tiêu

- Có một số ý kiến cho rằng mục tiêu chỉ đặt cho tới năm 1995 là quá gần, nên đặt mục tiêu dài hơn.

Bộ Chính trị cho rằng nêu mục tiêu cho đến năm 1995 là

cần thiết, vì trong mấy năm tới, cùng với việc phát triển kinh tế - xã hội và mở rộng giao lưu kinh tế, văn hoá với các nước ngoài, ta phải vừa phát triển các hoạt động văn hoá - văn nghệ lành mạnh, đa dạng và phong phú, vừa khắc phục cho được những mặt tiêu cực trong đời sống văn hoá, trong văn học và nghệ thuật.

Trong dự thảo nghị quyết cũng đã ghi:

"Cùng với việc phấn đấu đạt cho được những mục tiêu nói trên, phải tích cực chuẩn bị điều kiện cho việc phát triển mạnh mẽ nền văn hoá Việt Nam vào cuối thập kỷ 90, bước vào thế kỷ XXI".

- Có một số ý kiến cho rằng:

Về văn hoá, văn nghệ nên chú ý tới không khí tự do, dân chủ, tự do sáng tạo, tránh hiểu lầm kỳ này Trung ương "xiết lại".

Bộ Chính trị thấy cách đặt vấn đề và ghi như trong dự thảo nghị quyết là theo tinh thần đó. Dự thảo đã nhấn mạnh: Trong văn hoá, văn nghệ phải lấy việc mở rộng các hoạt động văn hoá lành mạnh, bổ ích, việc xây dựng và sáng tạo những giá trị mới, việc bồi dưỡng, bảo vệ và phát huy mọi tài năng làm mục tiêu lớn nhất. Tuy vậy cũng cần sửa cách viết ở một số đoạn để thể hiện cho được ý này.

III- VỀ VẤN ĐỀ BẢO VỆ SỨC KHOẺ NHÂN DÂN

Bộ Chính trị xin trình bày thêm một số vấn đề như sau:

1. Về tình hình công tác bảo vệ sức khoẻ và nguyên nhân

- Một số đồng chí nhận xét phần này trình bày còn thiếu

chặt chẽ, mạch lạc; hoặc muốn làm rõ và nhấn mạnh thêm một số khía cạnh về thành tựu, khuyết nhược điểm và nguyên nhân.

Bộ Chính trị đề nghị tiếp thu các ý kiến đó để sửa chữa, hoàn chỉnh.

- Có một số đồng chí không tán thành nhận định cho rằng: kinh tế thị trường phát triển dẫn đến tình trạng dân nghèo bị thiệt thòi nhất trong việc bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ.

Bộ Chính trị đề nghị sửa lại đoạn đó theo nội dung sau đây: Do không nhận thức đầy đủ mặt trái của cơ chế thị trường, không có chính sách để kịp thời khắc phục mặt trái đó, nên đã làm tổn hại đến đạo lý của ngành y tế dưới chế độ ta, làm cho người dân, nhất là dân nghèo bị thiệt thòi.

- Về nguyên nhân: nhiều đồng chí đề nghị phải nhấn mạnh đến những yếu kém của bản thân ngành y tế, đặc biệt đối với công tác khám, chữa bệnh. Bộ Chính trị đồng tình với những ý kiến đó.

2. Về quan điểm

- Bộ Chính trị tán thành ý kiến của một số đồng chí đề nghị cân nhắc lại từ "bình đẳng" trong quan điểm "phấn đấu để mọi người được chăm sóc sức khoẻ một cách bình đẳng" và sửa lại là "phấn đấu để mọi người được chăm sóc sức khoẻ một cách công bằng" trên cả hai lĩnh vực phòng bệnh và chữa bệnh.

- Về quan điểm coi trọng công tác y học dự phòng tuy đã được Đảng ta nêu ra trong nhiều kỳ đại hội, nhưng trong tổ chức thực hiện chưa quán triệt đầy đủ. Do đó Bộ Chính trị đề nghị trong nghị quyết trung ương lần này vẫn cần khẳng định y học dự phòng như một quan điểm cơ bản của Đảng.

- Về quan điểm kết hợp y học cổ truyền dân tộc với y học hiện đại, một số đồng chí đề nghị cần đề cao hơn vai trò, vị trí của y học cổ truyền. Bộ Chính trị cho rằng kết hợp y học cổ truyền dân tộc với y học hiện đại là một quan điểm cơ bản cần được quán triệt sâu sắc trong toàn bộ công tác chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân, làm như vậy nên y học nước ta cũng sẽ góp phần vào kho tàng y học chung của thế giới. Điều quan trọng là phải thực sự coi trọng vấn đề này trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Một số đồng chí đề nghị cần đề cao trước hết trách nhiệm của nhân dân (từng người và cả cộng đồng) trong chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ. Bộ Chính trị đề nghị tiếp thu các ý kiến đó.

3. Về các mục tiêu

- Bộ Chính trị nhất trí ý kiến một số đồng chí đề nghị trước khi nêu những mục tiêu cụ thể cần nêu mục tiêu chung của sự nghiệp bảo vệ sức khoẻ nhân dân là giảm tỉ lệ mắc bệnh, nâng cao thể lực và từng bước phát triển giống nòi.

- Dự thảo xác định thời điểm để tất cả mọi người dân được chăm sóc sức khoẻ là năm 2000. Một số ý kiến còn phân vân vì chưa thấy rõ nội dung của mục tiêu này.

Bộ Chính trị tán thành ý kiến trên và đề nghị trong nghị quyết chỉ nêu một số vấn đề cụ thể cần phải đạt trong những năm trước mắt.

4. Về chính sách và giải pháp lớn

- Một số ý kiến đề nghị trong nghị quyết chỉ nêu những vấn đề lớn, còn những chính sách cụ thể để Nhà nước ban hành. Bộ Chính trị tán thành ý kiến này và đề nghị Trung

ương giao cho Bộ Chính trị theo tinh thần đó mà chỉnh lý hoàn chỉnh nghị quyết.

- Bộ Chính trị tán thành ý kiến của nhiều đồng chí đề nghị cần phát động mạnh mẽ phong trào quần chúng tham gia công tác bảo vệ sức khoẻ. Mỗi người phải có ý thức phòng và chữa bệnh ngay trong gia đình, đường phố, xóm thôn và coi đây là một trong những nhân tố quan trọng trong công tác bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

- Về nhiệm vụ củng cố và tăng cường y tế cơ sở đã được nhiều đồng chí quan tâm và nhấn mạnh. Bộ Chính trị nhất trí với ý kiến nhiều đồng chí cho rằng muốn củng cố và tăng cường y tế cơ sở thì Nhà nước phải chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ y tế cơ sở và có chính sách đãi ngộ hợp lý đối với đội ngũ này. Việc xác định số cán bộ y tế cơ sở là viên chức nhà nước do Chính phủ nghiên cứu mà quyết định.

- Bộ Chính trị tán thành ý kiến nhấn mạnh chủ trương đầu tư phát triển hai trung tâm y tế lớn, với trình độ cao ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ yêu cầu bảo vệ sức khoẻ của nhân dân cả nước.

- Về y tế tư nhân, qua thảo luận, có nhiều ý kiến khác nhau về phạm vi và mức độ. Bộ Chính trị cho rằng phải đa dạng hoá các loại hình khám, chữa bệnh để tận dụng được tiềm năng về cơ sở vật chất và cán bộ y tế trong xã hội. Điều cơ bản là Nhà nước phải có quy chế rõ ràng và ngành y tế phải tăng cường việc thanh tra, kiểm tra để hạn chế tiêu cực trong các hoạt động khám, chữa bệnh.

- Bộ Chính trị đồng ý với nhiều ý kiến cho rằng cần tiếp tục thực hiện chủ trương thu viện phí, nhưng cần phải chấn chỉnh lại cách thu, đối tượng thu và quản lý chặt chẽ.

IV- VỀ CHÍNH SÁCH DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH

Trong các ý kiến đóng góp cho đề án dân số và kế hoạch hoá gia đình, đa số ý kiến đã thống nhất với bản báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị. Có một số vấn đề nổi lên như sau:

1. Về đánh giá: Một số ý kiến đánh giá về kết quả việc giảm tỷ lệ phát triển dân số đạt thấp, số liệu chưa đáng tin cậy, hiệu quả sử dụng nguồn lực chưa cao, chưa có chiến lược về dân số và kế hoạch hoá gia đình, chỉ đạo không nhất quán, chính sách mâu thuẫn, triệt tiêu lẫn nhau, chưa tạo thành một phong trào sâu rộng, nhất là ở nông thôn, miền núi.

Một số trong những ý kiến đó đã được nêu trong báo cáo, một số vấn đề còn lại, Bộ Chính trị đề nghị tiếp thu bổ sung và sửa chữa vào nghị quyết.

- Có ý kiến đề nghị không nên dùng khái niệm "gia đình quy mô nhỏ". Bộ Chính trị tán thành không đưa khái niệm này vào nghị quyết.

2. Một số ý kiến còn phân vân cho rằng mục tiêu cụ thể bình quân mỗi gia đình chỉ có hai con vào năm 2015 có thực hiện được hay không, nhất là ở nông thôn.

Về vấn đề này, ý kiến của Bộ Chính trị như sau:

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII đã khẳng định: "... giảm tốc độ gia tăng dân số là một quốc sách". Song trong thực tế thì Đảng và Nhà nước các cấp lơ lửng trong lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát; phong trào quần chúng thực hiện kế hoạch hoá gia đình chưa được phát động rộng khắp; dụng cụ và phương tiện cho công tác này còn

thiếu nghiêm trọng; công tác khai sinh, khai tử và thống kê dân số không chính xác; đầu tư của Nhà nước cho công tác này chưa thoả đáng, kinh phí chủ yếu dựa vào viện trợ, mà nguồn viện trợ còn xa mới đáp ứng nhu cầu; bộ máy chuyên trách yếu kém, không toả xuống được bản làng, thôn xóm để làm công tác này. Với cách làm như thế thì không thể đạt được mục tiêu đã đề ra.

Nhưng Bộ Chính trị cho rằng phấn đấu giảm bình quân mỗi gia đình từ gần 4 con hiện nay đến năm 2000 xuống còn 2,9 - 3 con và đến năm 2015 xuống còn 2 - 2,1 con, là mục tiêu cần và có thể thực hiện được.

Chúng ta cần phấn đấu để đạt mục tiêu trên vì đó là mục tiêu tạo ra bước ngoặt trong phát triển dân số. Đạt được mục tiêu này thì tốc độ tăng dân số hàng năm sẽ giảm xuống còn 1,1 - 1,2% sau đó khoảng 40-50 năm nữa dân số sẽ có quy mô ổn định.

Bộ Chính trị đề nghị với toàn thể Ban Chấp hành Trung ương là chúng ta cần phải nhận thức rõ ràng, nếu không thực hiện được mục tiêu kế hoạch hoá dân số này thì không thể thực hiện tốt được các mục tiêu kinh tế - xã hội khác; nhiều nỗ lực về phát triển kinh tế, văn hoá sẽ bị triệt tiêu và trong tương lai không xa đất nước ta sẽ đứng trước những khó khăn rất lớn, thậm chí những nguy cơ về nhiều mặt.

Trên cơ sở nghị quyết của Trung ương lần này, nếu các tổ chức đảng, Nhà nước và các cơ quan dân cử, các đoàn thể xã hội các cấp đều nhất trí và có kế hoạch hoạt động, trước hết mỗi đảng viên, mỗi chi bộ phải coi đây là trách nhiệm của mình thì chắc chắn đó là mục tiêu hoàn toàn có thể thực hiện được. Hiện nay không chỉ ở thành thị, mà ngay cả ở vùng dân

cư nông nghiệp cũng đã có những mô hình toàn tỉnh, toàn huyện và đặc biệt nhiều mô hình toàn xã đã thực hiện tương đối tốt mục tiêu nói trên. Mặt khác, các nước quanh ta khi bắt tay vào thực hiện cũng có những điều kiện kinh tế - tâm lý xã hội gần giống ta, nhưng đã thực hiện được mục tiêu này trong vòng 10-20 năm. Vì vậy, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương ra nghị quyết khẳng định mục tiêu này.

3. Về một số chính sách cụ thể để đạt mục tiêu trên, Bộ Chính trị thấy rằng cách nói thực hiện nguyên tắc phân phối lợi ích thì tính theo đơn vị gia đình, còn thực hiện nghĩa vụ thì tính theo đầu người, tuy có thể áp dụng với một số việc, song nói chung thì không đúng vì nguyên tắc phân phối cơ bản trong xã hội ta phải là phân phối theo lao động. Vì vậy đề nghị bỏ cách diễn đạt này, chỉ cần nói Nhà nước phải có các chính sách khuyến khích về tinh thần và vật chất cho các cặp vợ chồng tích cực thực hiện kế hoạch hoá gia đình, có biện pháp xử phạt hành chính với cán bộ, đảng viên vi phạm chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình, các tổ chức xã hội phải có quy ước xử lý cụ thể.

Về vấn đề nghiên cứu tăng tuổi kết hôn trong Luật hôn nhân và gia đình, có một số ý kiến đề nghị cần được cân nhắc thêm. Bộ Chính trị đề nghị tiếp thu, chưa nên ghi vấn đề này vào nghị quyết. Mặt khác cần nhấn mạnh phải khắc phục bằng được nạn tảo hôn ở nông thôn hiện nay.

V- VỀ CÔNG TÁC THANH NIÊN

Trên cơ sở những ý kiến thảo luận, Bộ Chính trị xin trình bày một số vấn đề sau đây:

1. Về đánh giá tình hình thanh niên và công tác thanh niên

Đa số các đồng chí Trung ương phát biểu khẳng định thanh niên có những mặt mạnh cơ bản (lòng yêu nước, khát vọng vươn lên chiến thắng nghèo nàn lạc hậu, trình độ học vấn cao, tiếp thu khoa học kỹ thuật, công nghệ nhanh...). Có nhiều tấm gương mới của thanh niên trên nhiều lĩnh vực. Mặt khác các đồng chí phát biểu cũng nhấn mạnh: thanh niên gặp nhiều khó khăn, nhất là những khó khăn về định hướng chính trị trong tình hình khủng hoảng kinh tế - xã hội ở nước ta. Trong thanh niên tồn tại nhiều yếu kém.

Các đồng chí Trung ương lưu ý đến hai yếu tố sau đây trong đánh giá tình hình thanh niên. Một là, phải có phương pháp và thái độ đánh giá đúng đắn, tránh chủ quan lấy mình làm thước đo, thiếu tôn trọng và thiếu niềm tin vào tuổi trẻ. Hai là, cần lưu ý đúng mức đến những xu hướng tiêu cực mới cả về chính trị, về lối sống và đạo đức đang diễn ra trong một bộ phận thanh niên.

Bộ Chính trị tán thành các ý kiến trên và cho rằng chúng ta cần có nhận thức đầy đủ cả ba mặt của tình hình thanh niên. Đó là:

- Phải thấy mặt tiến bộ, năng động và sáng tạo của thanh niên là cơ bản.
- Phải thấy hết những khó khăn của thanh niên. Đó là những vấn đề xã hội gay gắt mà thanh niên đang phải thử thách và toàn xã hội phải chăm lo tích cực giải thích.
- Đồng thời cần thấy rõ những yếu kém của chính bản thân thanh niên dù là do nguyên nhân nhà trường, gia đình hay xã hội.

Tuy đã có những biểu hiện rõ của những xu hướng tiêu cực. Nhưng chưa có thể nhận định như một vài ý kiến cho là "thanh niên đã trượt khỏi vòng tay của Đảng và Nhà nước về tổ chức và tư tưởng".

Một số đồng chí muốn bản đề án có sự đánh giá sâu sắc về từng đối tượng thanh niên để có cơ sở đề ra các giải pháp sát hợp. Bộ Chính trị cho rằng yêu cầu đó rất xác đáng, song lần này chưa kịp làm, sắp tới cần phải tiếp tục làm việc này.

Về đánh giá công tác thanh niên, nhiều đồng chí Trung ương đã nêu các khuyết điểm chủ yếu sau: chưa nhận thức và đặt đúng vị trí công tác thanh niên trong tình hình hiện nay; chỉ đạo còn chung chung và còn chậm trễ trong thể chế hoá thành chính sách của Nhà nước; và chưa thật coi trọng môi trường của gia đình đối với thanh thiếu niên.

Bộ Chính trị đề nghị chấp nhận những ý kiến trên.

2. Về chiến lược thanh niên

Trong thảo luận, có các ý kiến không tán thành việc đề ra chiến lược thanh niên trong giai đoạn mới vì thấy nội dung không rõ ràng, không đúng tầm. Mặt khác, nếu đã nói tới chiến lược phát huy nhân tố và nguồn lực con người của đất nước ta và xác định thanh niên giữ vị trí trung tâm trong chiến lược đó như đồng chí Tổng Bí thư đã trình bày, thì không nên đề ra chiến lược thanh niên nữa.

Bộ Chính trị tán thành ý kiến đó, bỏ phần nói về chiến lược thanh niên và sẽ lựa chọn những nội dung thích hợp của phần này để trình bày về phương hướng, chính sách lớn về công tác thanh niên.

3. Về xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh và mở rộng mặt trận đoàn kết thanh niên

Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến của một số đồng chí là đặt vấn đề xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản phải chú trọng cả chất lượng và số lượng. Coi trọng củng cố tổ chức đoàn cơ sở và giải quyết vấn đề tổ chức đoàn ở các cơ sở kinh tế khác nhau. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đoàn, nhất là cán bộ đoàn cơ sở. Bộ Chính trị cũng tán thành ý kiến là cùng với xây dựng Đoàn thanh niên, phải chăm lo xây dựng Đội thiếu niên và Đội nhi đồng, xây dựng tổ chức rộng rãi của các tầng lớp thanh niên nhằm tăng cường đoàn kết, giáo dục, phát huy tiềm lực của thanh niên.

4. Về Đảng, Nhà nước, các đoàn thể và các tổ chức xã hội đối với công tác thanh niên

Phần này nhiều đồng chí Trung ương nhấn mạnh phải làm thật tốt công tác chính đồn và đổi mới hoạt động của Đảng để có tác động tốt đến thanh niên và Đoàn thanh niên. Đảng phải tin thanh niên, mạnh dạn giao việc cho thanh niên và tăng cường cán bộ ở độ tuổi thanh niên tham gia vào các cấp uỷ đảng. Đồng thời các ý kiến cũng nhấn mạnh vai trò gia đình trong công tác giáo dục thanh niên. Bộ Chính trị đề nghị tiếp thu các ý kiến trên.

Về bộ máy nhà nước làm công tác thanh niên, Bộ Chính trị cho rằng cần lập Uỷ ban thanh niên của Chính phủ với bộ máy gọn nhẹ, làm chức năng phối hợp liên ngành giải quyết một số yêu cầu cụ thể đối với công tác thanh niên (tên gọi, chức năng nhiệm vụ, tổ chức bộ máy do Nhà nước xem xét quyết định).

VI- HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 4 CẦN RA NHỮNG NGHỊ QUYẾT GÌ

1. Hội nghị Trung ương cần ra nghị quyết về những vấn đề gì?

Đa số các ý kiến phát biểu đều nhất trí Hội nghị Trung ương cần ra nghị quyết về các vấn đề: văn hoá, văn nghệ; giáo dục và đào tạo; dân số và kế hoạch hoá gia đình. Có hai vấn đề sau còn có ý kiến khác nhau:

Về công tác bảo vệ sức khoẻ nhân dân, một số ý kiến đề nghị cần cân nhắc có nên ra nghị quyết hay không vì đã có Luật bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

Bộ Chính trị cho rằng Quốc hội đã ban hành Luật bảo vệ sức khoẻ nhân dân, tuy nhiên, luật chỉ đề cập đến việc xác định quyền và trách nhiệm cụ thể của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và mỗi người dân trong việc bảo vệ sức khoẻ. Ta còn thiếu những quan điểm, chính sách chăm sóc sức khoẻ nhân dân thích hợp với nền kinh tế thị trường. Đó là những vấn đề phức tạp. Đảng cần xác định rõ các quan điểm, mục tiêu và phương hướng, chính sách, giải pháp để tạo cơ sở thuận lợi cho Nhà nước cụ thể hoá, và toàn Đảng, toàn dân thống nhất nhận thức, quyết tâm hành động.

Vì vậy, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương ra nghị quyết về lĩnh vực bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

Về công tác thanh niên, cả thảo luận ở tổ và thảo luận ở hội trường nổi lên hai loại ý kiến:

Loại ý kiến thứ nhất: Trung ương cần ra nghị quyết, vì đây là vấn đề rất quan trọng, trong hội nghị này, đề án cũng như ý kiến đóng góp của Trung ương đã chỉ rõ những yếu tố

mới về nhận thức và những nội dung cụ thể cần tiến hành và chỉ đạo công tác thanh niên. Thực chất đó là cơ sở cho một nghị quyết hành động của Trung ương. Hơn nữa thanh niên biết Hội nghị Trung ương lần này có bàn về công tác thanh niên đều đang chờ đợi thái độ của Trung ương về vấn đề này.

Loại ý kiến thứ hai: tại kỳ họp này Trung ương không ra nghị quyết. Vì Nghị quyết 8B của Trung ương và Nghị quyết 25 của Bộ Chính trị (Khoá VI) đang được tổ chức thực hiện, chưa có tổng kết, sơ kết; nội dung đề án trình Trung ương chưa đủ tầm của nghị quyết Trung ương. Đề nghị đề án cần được chuẩn bị kỹ hơn và có tầm chiến lược hơn để Trung ương bàn và ra nghị quyết sau.

Ý kiến của Bộ Chính trị là: do tầm quan trọng của công tác thanh niên, do đã đưa vấn đề này ra hỏi ý kiến rộng rãi trong cán bộ và thanh niên, nếu Trung ương không ra nghị quyết sẽ nảy sinh vấn đề tư tưởng và tâm lý phức tạp. Vì vậy đề nghị Trung ương ra nghị quyết về công tác thanh niên trong tình hình mới; nghị quyết cần viết thật gọn, rõ, tập trung vào những việc phải làm trước mắt.

2. Về số lượng nghị quyết của Hội nghị Trung ương 4

Qua thảo luận ở tổ và hội trường, các ý kiến phát biểu đã đề cập tới các phương án sau:

- Mỗi lĩnh vực có một nghị quyết riêng.
- Trong các nghị quyết của hội nghị, có một nghị quyết chung cho hai lĩnh vực: chăm sóc bảo vệ sức khoẻ nhân dân và dân số và kế hoạch hoá gia đình.
- Chỉ có một nghị quyết chung cho cả mấy lĩnh vực.

Bộ Chính trị cho rằng đây là lần đầu tiên hội nghị toàn

thể Ban Chấp hành Trung ương bàn và quyết định những vấn đề quan trọng như văn hoá, giáo dục đào tạo, chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ nhân dân, dân số và kế hoạch hoá gia đình. Trong mỗi lĩnh vực có đặc thù riêng, có những vấn đề phức tạp cần có nhận thức thống nhất cả về nhận định tình hình cũng như quan điểm, mục tiêu và phương hướng thực hiện. Các vấn đề đó phải được trình bày rõ ràng để hiểu nhất quán, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức quán triệt, cụ thể hoá và thể chế hoá về mặt nhà nước.

Do vậy, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương chấp nhận phương án đã trình: *mỗi lĩnh vực có một nghị quyết riêng*. Nghị quyết cần ngắn gọn, chủ yếu trình bày các chủ trương và việc cần làm sắp tới.

BÁO CÁO KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT
Một số vấn đề về nội dung các nghị quyết
của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành
Trung ương Đảng (Khoá VII)
 Ngày 14 tháng 1 năm 1993

Tổng số phiếu biểu quyết phát đến Ủy viên Trung ương: 145 phiếu.

Tổng số phiếu thu về 137. Trung ương không có kiến nghị thêm vấn đề phải biểu quyết

Dưới đây là kết quả biểu quyết về từng vấn đề, tỉ lệ được tính theo số phiếu trên tổng số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương:

I- VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Đầu tư cho giáo dục - đào tạo

"Tăng dần tỷ trọng chi ngân sách cho giáo dục và đào tạo".
 129 phiếu đồng ý chiếm 88,36% tổng số Ủy viên Trung ương.
 4 phiếu không đồng ý.
 4 phiếu có ý kiến khác.

Như vậy, Trung ương đồng ý "Tăng dần tỷ trọng chi ngân sách dành cho giáo dục và đào tạo".

2. Chính sách đối với giáo viên

a) Về việc Nhà nước có chính sách khuyến khích về vật chất và tinh thần cho giáo viên (do Chính phủ quy định cụ thể).

Có 134 đồng chí đồng ý, chiếm 91,7%.

Không có đồng chí nào không đồng ý.

Có 2 đồng chí có ý kiến khác.

1 đồng chí không ghi ý kiến.

Như vậy, Trung ương nhất trí Nhà nước có chính sách khuyến khích về vật chất và tinh thần cho giáo viên (do Chính phủ quy định cụ thể).

b) Có chính sách ưu đãi đặc biệt về tiền lương và phụ cấp đối với giáo viên dạy ở những nơi có khó khăn thuộc vùng cao, vùng sâu, hải đảo và một số vùng miền núi (Chính phủ quy định cụ thể).

130 phiếu đồng ý, chiếm 89%.

3 phiếu không đồng ý.

1 phiếu có ý kiến khác.

3 phiếu không ghi ý kiến.

Như vậy, Trung ương đồng ý có chính sách ưu đãi đặc biệt về tiền lương và phụ cấp đối với giáo viên dạy ở những nơi có khó khăn thuộc vùng cao, vùng sâu, hải đảo và một số vùng miền núi (Chính phủ quy định cụ thể).

3. Về tính chất của nền giáo dục

109 phiếu đồng ý không ghi vào nghị quyết tính chất của nền giáo dục, chiếm tỷ lệ 74,66%.

Có 2 phiếu đồng ý ghi vào nghị quyết "Nền giáo dục Việt Nam trong giai đoạn mới phải có các tính chất: hiện đại, dân tộc, nhân văn, dân chủ và đại chúng".

8 phiếu đồng ý ghi vào nghị quyết "Nền giáo dục Việt Nam trong giai đoạn mới phải có các tính chất: hiện đại, dân tộc, nhân văn và đại chúng".

7 phiếu đồng ý ghi vào nghị quyết "Nền giáo dục Việt Nam trong giai đoạn mới phải có các tính chất: dân tộc, khoa học, nhân văn và đại chúng".

9 phiếu đồng ý ghi vào nghị quyết "Nền giáo dục Việt Nam trong giai đoạn mới phải có các tính chất: dân tộc, khoa học và đại chúng".

2 đồng chí có ý kiến khác.

Như vậy, Trung ương đồng ý không ghi vào nghị quyết tính chất của nền giáo dục.

4. Về học phí

121 phiếu đồng ý không thu học phí đối với học sinh cấp tiểu học, chiếm 82,88%.

14 phiếu tức 10% không đồng ý.

2 ý kiến khác.

Như vậy, Trung ương đồng ý không thu học phí với học sinh cấp tiểu học.

5. Về trường tư thục

96 phiếu đồng ý không cho lập trường tư ở cấp phổ thông (cho lập trường tư ở mẫu giáo, nhà trẻ, dạy nghề và đại học), chiếm 65,7%.

10 phiếu tán thành không cho lập trường tư ở tất cả các cấp học.

27 phiếu tán thành cho lập trường tư ở tất cả các cấp học chiếm 18,4%.

3 đồng chí có ý kiến khác.

1 phiếu không ghi ý kiến.

Như vậy, Trung ương đồng ý không cho lập trường tư ở cấp phổ thông (cho lập trường tư ở mẫu giáo, nhà trẻ, dạy nghề và đại học).

II- VỀ VĂN HOÁ - VĂN NGHỆ

6. Về tên nghị quyết

115 đồng chí đồng ý ghi: "Một số nhiệm vụ văn hoá, văn nghệ những năm trước mắt", chiếm 78,77%.

1 đồng chí tán thành ghi tên nghị quyết là "Tiếp tục phát huy tiềm năng sáng tạo văn học - nghệ thuật, nâng cao mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân lao động, xây dựng nếp sống văn hoá dân tộc lành mạnh".

Không có đồng chí nào tán thành với tên nghị quyết là: "Một số nhiệm vụ văn học, nghệ thuật".

6 đồng chí đồng ý ghi như dự thảo "Về nhiệm vụ văn hoá, văn nghệ những năm trước mắt".

8 đồng chí có ý kiến khác.

7 phiếu không ghi ý kiến.

Như vậy, Trung ương đồng ý tên nghị quyết là: "Một số nhiệm vụ văn hoá, văn nghệ những năm trước mắt".

7. Về tính chất nền văn hoá

125 phiếu tức 85,62% tán thành ghi như Cương lĩnh: "Nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc".

7 phiếu đồng ý ghi như Hiến pháp 1992: "... phát triển nền văn hoá Việt Nam: dân tộc, hiện đại, nhân văn..."

5 phiếu đồng ý ghi như dự thảo: "Nền văn hoá mới mà Đảng ta lãnh đạo toàn dân xây dựng phải mang những đặc trưng cơ bản: dân tộc, đại chúng, hiện đại, nhân văn".

Không có ý kiến khác.

Như vậy, Trung ương đồng ý ghi như Cương lĩnh: "Nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc".

III- VỀ BẢO VỆ SỨC KHOẺ NHÂN DÂN

8. Về quan điểm "phấn đấu để mọi người đều được chăm sóc sức khoẻ một cách công bằng"

127 phiếu đồng ý, chiếm 86,99%.

2 phiếu không đồng ý.

5 ý kiến khác.

3 phiếu không ghi ý kiến.

Như vậy, Trung ương đồng ý quan điểm ghi vào nghị quyết: "phấn đấu để mọi người đều được chăm sóc sức khoẻ một cách công bằng".

9. Về chính sách lương đối với cán bộ y tế cơ sở

100 phiếu đồng ý việc xác định số cán bộ y tế ở cơ sở là viên chức nhà nước do Chính phủ nghiên cứu và quyết định, chiếm 68,49%.

7 phiếu xác định tất cả cán bộ y tế xã có chế độ phụ cấp do ngân sách xã, huyện trả, nhưng không phải là viên chức nhà nước.

21 phiếu tức 14% đồng ý xác định việc trả lương cán bộ y

tế xã do Chính phủ quy định cụ thể. Nghị quyết Trung ương không quyết định cán bộ y tế xã có là viên chức nhà nước và được Nhà nước trả lương hay không.

4 phiếu không ghi ý kiến.

5 phiếu đồng ý nhiều phương án (không hợp lệ).

Như vậy, Trung ương đồng ý việc xác định số cán bộ y tế ở cơ sở là viên chức nhà nước do Chính phủ nghiên cứu và quyết định.

10. Cho phép tổ chức bệnh viện, phòng khám và các dịch vụ y tế tư nhân

133 phiếu đồng ý, chiếm 91,1%.

2 phiếu không đồng ý.

2 phiếu không ghi ý kiến.

Như vậy, Trung ương đồng ý cho phép tổ chức bệnh viện, phòng khám và các dịch vụ y tế tư nhân.

IV- VỀ CHÍNH SÁCH DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH

11. Mục tiêu

137 phiếu đồng ý "Tới năm 2015 bình quân mỗi gia đình (một cặp vợ chồng) có 2-2,1 con", chiếm 93,86%.

Không có phiếu không đồng ý.

Như vậy, Trung ương đồng ý "Tới năm 2015 bình quân mỗi gia đình (một cặp vợ chồng) có 2-2,1 con".

12. Các chính sách cụ thể về dân số và kế hoạch hoá gia đình

a) 132 phiếu đồng ý "Có chính sách khuyến khích về tình

thần và vật chất với cặp vợ chồng tích cực thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình", chiếm 90,41%.

1 phiếu không đồng ý.

4 phiếu không ghi ý kiến.

Như vậy, Trung ương tán thành "Có chính sách khuyến khích về tinh thần và vật chất với cặp vợ chồng tích cực thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình".

b) 124 phiếu tức 85% đồng ý "Có biện pháp hành chính với đảng viên, cán bộ viên chức nhà nước không thi hành chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình. Các tổ chức đoàn thể xã hội xây dựng những quy ước cụ thể xử lý đối với những trường hợp sinh 3 con trở lên".

5 phiếu không đồng ý.

8 phiếu không ghi ý kiến.

Như vậy, Trung ương đồng ý "Có biện pháp hành chính với đảng viên, cán bộ viên chức nhà nước không thi hành chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình. Các tổ chức đoàn thể xã hội xây dựng những quy ước cụ thể xử lý đối với những trường hợp sinh 3 con trở lên".

V- VỀ CÔNG TÁC THANH NIÊN

13. Về tổ chức thanh niên

96 phiếu chiếm 65,76% đồng ý giữ tổ chức: Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam.

40 phiếu tán thành chuyển tổ chức Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam thành Liên hiệp các hội thanh niên, chiếm 27,4%.

Không có ý kiến khác.

1 phiếu không ghi ý kiến.

Như vậy, Trung ương đồng ý giữ tổ chức: Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam.

14. Về bộ máy làm công tác thanh niên của Chính phủ

74 phiếu đồng ý lập cơ quan về thanh niên của Chính phủ (tên gọi, hình thức cụ thể do Nhà nước quy định) chiếm 50,68%.

60 phiếu không đồng ý, chiếm 41,1%.

3 phiếu không ghi ý kiến.

Như vậy Trung ương đồng ý lập cơ quan về thanh niên của Chính phủ (tên gọi, hình thức cụ thể do Nhà nước quy định).

VI- HỘI NGHỊ RA NHỮNG NGHỊ QUYẾT GÌ VÀ CÁCH RA CÁC NGHỊ QUYẾT

90 đồng chí chiếm 61,64% nhất trí ra 5 nghị quyết về các lĩnh vực: 1- Giáo dục và đào tạo; 2- Văn hoá văn nghệ; 3- Chăm sóc sức khoẻ nhân dân; 4- Dân số và kế hoạch hoá gia đình; 5- Thanh niên.

13 đồng chí đồng ý ra 4 nghị quyết về các lĩnh vực: 1- Giáo dục và đào tạo; 2- Văn hoá văn nghệ; 3- Chăm sóc sức khoẻ nhân dân và dân số kế hoạch hoá gia đình (ghép 2 đề án này làm 1 nghị quyết); 4- Thanh niên, chiếm 8,9%.

8 đồng chí đồng ý ra 4 nghị quyết về các lĩnh vực: 1- Giáo dục và đào tạo; 2- Văn hoá văn nghệ; 3- Chăm sóc sức khoẻ nhân dân; 4- Dân số và kế hoạch hoá gia đình (không ra nghị quyết về thanh niên).

8 đồng chí đồng ý ra nghị quyết về: 1- Giáo dục và đào tạo;

2- Văn hoá văn nghệ; 3- Chăm sóc sức khoẻ nhân dân và dân số - kế hoạch hoá gia đình.

4 đồng chí đồng ý ra 1 nghị quyết: dựa theo bài của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười ra chung 1 nghị quyết bao hàm cả 5 lĩnh vực.

13 đồng chí đồng ý ra 3 nghị quyết và 2 kết luận: Nghị quyết về giáo dục và đào tạo; Nghị quyết về văn hoá văn nghệ; Nghị quyết về dân số và kế hoạch hoá gia đình; Kết luận về công tác bảo vệ sức khoẻ nhân dân; Kết luận về công tác thanh niên, chiếm 8,9%.

Không có ý kiến khác.

1 phiếu không ghi ý kiến.

Như vậy, Trung ương nhất trí ra 5 nghị quyết: 1- Giáo dục và đào tạo; 2- Văn hoá văn nghệ; 3- Chăm sóc sức khoẻ nhân dân; 4- Dân số và kế hoạch hoá gia đình; 5- Thanh niên.

**BÀI PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ ĐỖ MƯỜI
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VII)**

Ngày 14 tháng 1 năm 1993

Thưa các đồng chí Cố vấn,

Thưa các đồng chí Ủy viên Trung ương,

Thưa các đồng chí,

Sau 10 ngày làm việc khẩn trương, hôm nay Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Khoá VII đã hoàn thành nhiệm vụ. Có được kết quả đó là do chúng ta đã động viên được trí tuệ và nhiệt tình của đông đảo cán bộ tham gia chuẩn bị Hội nghị từ khá sớm; các ban, ngành có liên quan đã làm tốt việc dự thảo các văn kiện trình Hội nghị; Bộ Chính trị đã chỉ đạo sát sao, thảo luận nhiều lần và kịp thời có ý kiến về nhiều vấn đề quan trọng để đưa vào dự thảo. Chúng ta cũng đã tham khảo ý kiến đóng góp rộng rãi của các đồng chí lão thành và nhiều chuyên gia để bổ sung, làm phong phú thêm nội dung các dự thảo nghị quyết. Đây là cách làm tốt mà chúng ta cần phát huy, làm cho các nghị

quyết của Đảng gắn bó với cuộc sống, thể hiện được ý chí và nguyện vọng của nhân dân.

Đương nhiên, bên cạnh việc chuẩn bị tốt đó, quyết định thành công của Hội nghị là do các Ủy viên Trung ương và các đồng chí được mời dự hội nghị nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của những vấn đề đặt ra, đã thảo luận sôi nổi, đóng góp nhiều ý kiến, thể hiện sự quan tâm và tinh thần trách nhiệm của mình trước Đảng, trước nhân dân và đất nước.

Từ kinh nghiệm của mấy kỳ họp vừa qua, Ban Chấp hành Trung ương đang làm quen dần với cách làm việc mới, khẩn trương và có kết quả. Kinh nghiệm đó là nếu có sự chuẩn bị chu đáo thì một kỳ Hội nghị Trung ương có thể bàn và ra quyết định về nhiều vấn đề, nhất là đối với những vấn đề có liên quan mật thiết với nhau.

Qua thảo luận, Hội nghị chúng ta đã nhất trí cao về mấy điểm lớn sau đây:

Một là, xuất phát từ bản chất của Nhà nước và của chế độ ta: *tất cả là do con người, tất cả vì hạnh phúc con người*, chúng ta coi con người là nhân tố quyết định, là động lực to lớn nhất, là chủ thể sáng tạo mọi nguồn của cải vật chất và tinh thần của xã hội; đồng thời, coi hạnh phúc của con người là mục tiêu phấn đấu cao nhất của chúng ta. Vì vậy, để thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh, phải ra sức chăm sóc, bồi dưỡng, phát huy cao độ nhân tố con người, đặc biệt là đối với thanh, thiếu niên, rường cột của nước nhà, những người sẽ kế tục cha anh đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đến thắng lợi. Đó là vấn đề vừa cơ bản, vừa cấp bách của cách mạng nước ta. Quan điểm cơ bản này cần thấu suốt trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội và

phải thể hiện trong mọi mặt công tác của tất cả các ngành, các cấp, các đoàn thể và các tổ chức xã hội, trong sinh hoạt của mỗi gia đình.

Hai là, song song với phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng an ninh, chúng ta phải chăm lo ngay từ đầu xây dựng *cơ sở hạ tầng xã hội* như giáo dục, y tế, dân số - kế hoạch hoá gia đình, phúc lợi công cộng, bảo hiểm xã hội; chăm lo xây dựng cơ sở vật chất đi đôi với phát triển văn hoá, tạo ra *nền tảng tinh thần* vững chắc của dân tộc và của chế độ. Phải làm cho mỗi con người phát triển toàn diện, xây dựng xã hội công bằng, giữ gìn và phát huy truyền thống nhân nghĩa của tổ tiên, tiếp thụ những tinh hoa của nhân loại, hội nhập với nền văn minh của thời đại nhưng vẫn luôn luôn thể hiện rõ bản sắc dân tộc Việt Nam. Phải chăm lo ngày hôm nay và cả ngày mai. Thế hệ trước phấn đấu vì hạnh phúc của mình và vì hạnh phúc của con cháu. Thế hệ sau lại kế thừa và phát huy những thành quả của cha anh. Như vậy, dân tộc ta sẽ phát triển, trường tồn trong độc lập, tự do, hạnh phúc, hướng tới dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh. Đó là lý tưởng, là mục tiêu cao cả trước mắt cũng như lâu dài mà toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta nhất định phải phấn đấu thực hiện cho bằng được. Đó chính là con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam với những ưu việt thuộc về bản chất của chế độ mới.

Ba là, để từng bước thực hiện mục tiêu trên đây, chúng ta phải xác định những chủ trương, chính sách và giải pháp đúng đắn. Hội nghị Trung ương đã thảo luận và chỉ rõ chúng ta cần và có thể làm được nhiều việc hơn nữa về mặt xã hội ngay cả trong hoàn cảnh đất nước còn nghèo, với nhiều khó

khẩn chống chất đang phải ra sức khắc phục, với nguồn ngân sách còn eo hẹp hiện nay. Vấn đề then chốt là biết cách làm. Xuất phát từ quan điểm: xây dựng đất nước là sự nghiệp của toàn dân. Nguồn ngân sách đầu tư phát triển con người là cần thiết và quan trọng. Chúng ta phải tiết kiệm, chống tham nhũng, chống lãng phí để có thêm ngân sách đầu tư vào việc đó. Song mặt khác, điều quan trọng hơn nữa là phương pháp và chính sách đúng đắn để huy động được nguồn lực con người, nguồn lực của nhân dân, của toàn xã hội. Xét cho cùng thì chính ngân sách nhà nước cũng là tiền do dân đóng góp, cũng là của toàn dân. Dù có đi vay thì nhân dân vẫn là người làm ra để trả. Đương nhiên, Đảng phải lãnh đạo, Nhà nước phải quản lý để toàn dân đoàn kết một lòng, đồng tâm nhất trí xây dựng đất nước, làm nên lịch sử. Thấm nhuần sâu sắc quan điểm này, chúng ta có thể tìm ra giải pháp thích hợp để giải quyết những vấn đề xã hội, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả nước, thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm".

Điều đáng mừng là dù còn nhiều khó khăn, song công cuộc đổi mới mấy năm qua đã đạt những thành tựu rất quan trọng, nền kinh tế có bước phát triển mới, cho phép chúng ta chăm lo được nhiều hơn đến những vấn đề xã hội, đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ của nhân dân, phát triển văn hoá, kế hoạch hoá gia đình, tạo công ăn việc làm, săn sóc những người thuộc diện chính sách, đền ơn đáp nghĩa đối với những người có công với nước, chăm sóc thiếu niên, nhi đồng... Vì vậy, việc Trung ương bàn và ra nghị quyết về một số vấn đề xã hội là đúng lúc và có những thuận lợi hơn trước đây. Từ những quan điểm lớn trên đây,

Hội nghị Trung ương đã ra nghị quyết về giáo dục và đào tạo, một số nhiệm vụ văn hoá - văn nghệ trong những năm trước mắt, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ của nhân dân, dân số - kế hoạch hoá gia đình và công tác thanh niên, với những phương hướng, mục tiêu, giải pháp cụ thể trong từng lĩnh vực mà ở đây tôi không nhắc lại.

Hội nghị Trung ương đã góp nhiều ý kiến bổ sung bản kiểm điểm sự lãnh đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư từ sau Đại hội VII. Bộ Chính trị hoan nghênh ý kiến đóng góp của Trung ương, xin tiếp thu để phát huy những ưu điểm, sửa chữa những thiếu sót và tham khảo những ý kiến khác của các đồng chí nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, cùng Ban Chấp hành Trung ương phấn đấu thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội VII và các Nghị quyết Hội nghị Trung ương.

Thưa các đồng chí,

Có nghị quyết tốt là đòi hỏi đầu tiên. Song điều quyết định là việc triển khai tổ chức và chỉ đạo thực hiện. Thành bại chính là ở khâu này. Và đây vẫn đang là khâu yếu mà chúng ta phải khắc phục cho được.

Trước hết, cần đổi mới cách truyền đạt nghị quyết, không phải học tập triển miên để quán triệt nghị quyết, mà phải cùng với việc truyền đạt nhanh chóng tinh thần và nội dung nghị quyết, cần có ngay kế hoạch, chương trình hành động và từng bước triển khai thực hiện.

Các Ủy viên Trung ương, các cấp uỷ đảng, các ban cán sự, các đảng đoàn, nhất là các đảng bộ thuộc các ngành trực tiếp liên quan phải nắm vững tinh thần và nội dung nghị quyết, trên cơ sở kiểm điểm trách nhiệm của mình, phân tích

tình hình, khẩn trương nghiên cứu, lập kế hoạch, chương trình để giải quyết từng vấn đề một cách cụ thể, thiết thực, lấy ý kiến đóng góp rộng rãi của nhân dân. Trên cơ sở gắn những nội dung Hội nghị Trung ương 2, 3 và 4 vào chương trình hành động thống nhất, đồng bộ mà xác định thứ tự công việc, từ những việc bức thiết nhất cần làm sớm, đến những việc lâu dài, cơ bản hơn để tiến hành theo kế hoạch, định thời hạn hoàn thành đối với từng việc. Trong đó, chúng ta luôn luôn khẳng định: phát triển kinh tế là trọng tâm; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là yếu tố quyết định thắng lợi.

Việc truyền đạt nghị quyết và triển khai thực hiện có thể kết hợp với việc tổng kết công tác cuối năm và xác định nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong năm mới, làm một cách thiết thực, có hiệu quả, hết sức tránh hình thức. Riêng ngành văn hoá - văn nghệ cần có kế hoạch mở đợt sinh hoạt để kiểm điểm sâu sắc những mặt làm được và những mặt tiêu cực trong thời gian qua, đề ra biện pháp cụ thể; phát huy những mặt tốt, kịp thời uốn nắn, khắc phục những thiếu sót, lệch lạc; kiện toàn tổ chức và cán bộ; tạo ra bước phát triển mới trong hoạt động sáng tạo văn hoá, văn nghệ. Đồng thời, phân tích những hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch trong lĩnh vực văn hoá, văn nghệ để chủ động đấu tranh có hiệu quả, làm thất bại những âm mưu, thủ đoạn của chúng.

Các tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước cần khẩn trương chỉ đạo việc thể chế hoá nội dung các nghị quyết, đôn đốc việc soạn thảo các dự luật cần thiết để sớm trình Quốc hội thông qua; cần sớm có quyết định về các chính sách cụ thể, về các công tác lớn phải làm ngay từ đầu năm 1993 trên

các lĩnh vực văn hoá, giáo dục, y tế, dân số - kế hoạch hoá gia đình, chỉ đạo việc đầu tư ngân sách cho các hoạt động văn hoá xã hội theo những quan điểm và chủ trương đã nêu trong các nghị quyết Trung ương. Phải làm tốt việc kiểm tra, sơ kết và tổng kết để kịp thời rút kinh nghiệm.

Đảng đoàn mặt trận và các đoàn thể phải có chương trình, kế hoạch phát huy vai trò của mặt trận và đoàn thể mình, tích cực đi sâu, đi sát từng cơ sở để vận động nhân dân, làm dấy lên những phong trào rộng rãi của nhân dân thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật và chính sách của Nhà nước, tạo ra cách nghĩ, cách làm, cách giải quyết các vấn đề xã hội theo tinh thần đổi mới.

Nhân dân luôn luôn nhìn vào việc làm để đánh giá cán bộ, đảng viên cũng như để xác định thái độ và hành động của họ. Vì vậy, để thực hiện tốt nghị quyết Hội nghị Trung ương, toàn thể cán bộ, đảng viên phải nghiêm chỉnh, gương mẫu trong hành động, mỗi đồng chí phải có chương trình, kế hoạch nâng cao trình độ, phải chịu khó, kiên trì học tập, vì chỉ có nâng cao hiểu biết, thường xuyên trau dồi kiến thức thì mới có thể thực hiện được vai trò lãnh đạo của mình. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu, trong việc bảo vệ và nâng cao sức khoẻ, trong đời sống vật chất và văn hoá, trong việc kế hoạch hoá gia đình, nuôi dạy con em cũng như trong mọi sinh hoạt xã hội. Bất kỳ hành động sai trái nào của cán bộ, đảng viên, không tuân thủ pháp luật, không chấp hành chính sách đều làm tổn hại đến uy tín của Đảng, đều ảnh hưởng tiêu cực đến việc thi hành nghị quyết. Mỗi đảng viên cần hiểu rõ rằng nghị quyết của Đảng là có tính bắt buộc đối

với bản thân, vì vậy phải nghiêm chỉnh chấp hành, làm gương cho mọi người noi theo.

Nhân dịp năm mới, tôi xin chúc các đồng chí Cố vấn, các đồng chí Trung ương cùng toàn thể các đồng chí dồi dào sức khoẻ, hạnh phúc, đạt nhiều kết quả trong công tác.

Tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Khoá VII.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ VII
Số 04-NQ/HNTW, ngày 14 tháng 1 năm 1993
Về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo

I- THỰC TRẠNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HIỆN NAY

Cuộc cải cách giáo dục theo Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Khoá IV (1-1979) triển khai đến năm 1987 chủ yếu mới ở giáo dục phổ thông. Từ sau Đại hội VI, cuộc cải cách giáo dục này được điều chỉnh một bước theo đường lối đổi mới của Đảng và được thực hiện trong hệ thống giáo dục và đào tạo. Hơn 10 năm qua, mặc dù có nhiều khó khăn, sự nghiệp giáo dục đã có những tiến bộ và phát triển, nhưng cũng có một số mặt quan trọng giảm sút so với trước.

1. Hệ thống giáo dục quốc dân mới từ mầm non đến đại học được xác lập, mạng lưới trường học phát triển rộng khắp trong cả nước.

Giáo dục mầm non (nhà trẻ, mẫu giáo) có lúc tan vỡ từng mảng khi bước vào cơ chế thị trường nay đang được chấn

chỉnh và củng cố. Hệ thống giáo dục phổ thông 12 năm với chương trình và sách giáo khoa mới đã thống nhất trong cả nước. Công tác phổ cập tiểu học có tiến bộ. Các trường chuyên, lớp chọn phát triển, chất lượng khá.

Ngành dạy nghề đã trở thành một bộ phận quan trọng của hệ thống giáo dục quốc dân, bao gồm các trường dạy nghề chính quy và các lớp dạy nghề không chính quy. Ngành đại học và trung học chuyên nghiệp đã bắt đầu tổ chức lại quá trình đào tạo, đa dạng hoá phương thức đào tạo. Công tác đào tạo sau đại học được đẩy mạnh.

Công tác quản lý nhà nước về giáo dục từ mầm non đến sau đại học được thống nhất. Công tác quản lý ngành, quản lý trường học bước đầu được đổi mới.

Những kết quả đạt được thể hiện sự nỗ lực của đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, sự cố gắng của học sinh, sinh viên, sự lãnh đạo và quản lý của các cấp uỷ đảng, chính quyền, các đoàn thể và sự đóng góp to lớn của nhân dân.

2. Tuy nhiên so với yêu cầu phát triển của đất nước, nền giáo dục của ta còn nhiều yếu kém. Cuộc cải cách giáo dục theo Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị Khoá IV (1979) đã đề ra một số chủ trương đúng cần tiếp tục kế thừa. Nhưng nghị quyết đã nêu ra một số mục tiêu quá cao, một số nội dung không thích hợp. Từ sau Đại hội VI đã có sự điều chỉnh, tuy vậy cho đến nay, mục tiêu, nội dung, phương pháp và quy mô giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Nhiệm vụ bồi dưỡng nhân tài chưa được chú trọng đúng mức.

Chất lượng và hiệu quả giáo dục còn thấp. Trình độ văn hoá, nghề nghiệp, năng lực thực hành, hiểu biết về xã hội,

nhân văn của học sinh còn yếu. Một bộ phận đáng kể học sinh yếu kém về nhận thức chính trị, đạo đức, lối sống. Thể lực học sinh giảm sút. Số học sinh, sinh viên khá giỏi, xuất sắc có tăng lên nhưng số học sinh yếu kém, chất lượng thấp lại tăng nhanh hơn. Con người được đào tạo thường thiếu năng động, chậm thích nghi với nền kinh tế - xã hội đang đổi mới. Học sinh, sinh viên tốt nghiệp khó tìm việc làm.

Giáo dục trung học, giáo dục bổ túc đều giảm sút. Quy mô giáo dục đại học và chuyên nghiệp còn nhỏ bé. Giáo dục vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng khó khăn suy giảm nhiều so với 10 năm trước đây.

Đại bộ phận đội ngũ giáo viên chưa được đào tạo và bồi dưỡng tốt, bắt cập với yêu cầu đổi mới giáo dục. Đời sống của giáo viên khó khăn, nhiều người phải làm thêm, "dạy thêm" để sinh sống. Truyền thống tôn sư trọng đạo bị xói mòn, vị trí xã hội của người thầy bị hạ thấp. Ngành giáo dục không thu hút được người giỏi. Hệ thống các trường sư phạm rất yếu, chất lượng thấp. Tình trạng yếu kém của đội ngũ giáo viên và hệ thống trường sư phạm rất đáng lo ngại.

Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân còn bất hợp lý. Cơ sở vật chất kỹ thuật của các trường rất nghèo nàn, nhiều trường sở xuống cấp nghiêm trọng, thiết bị thí nghiệm, nghiên cứu khoa học thiếu thốn và lạc hậu.

Công tác quản lý giáo dục chuyển biến chậm; sự phân công, phân cấp trách nhiệm, quyền hạn giữa các ngành, các cấp còn chưa hợp lý. Việc sử dụng và quản lý các nguồn đầu tư cho giáo dục còn ít hiệu quả, chưa tập trung vào những hướng ưu tiên. Cán bộ quản lý giáo dục các cấp thiếu được đào tạo, bồi dưỡng.

3. Nguyên nhân chủ yếu của thực trạng yếu kém và giảm sút nói trên là:

Bản thân ngành giáo dục chậm đổi mới về cơ cấu hệ thống, mục tiêu, nội dung và phương pháp, chưa làm tốt chức năng tham mưu và trách nhiệm quản lý nhà nước.

Các cấp uỷ đảng, các cơ quan nhà nước và xã hội chưa nhận thức đầy đủ vai trò, tác dụng của giáo dục, chưa kịp thời đề ra các chủ trương và giải pháp có hiệu quả để thúc đẩy sự nghiệp giáo dục phát triển.

Kinh tế chậm phát triển, ngân sách nhà nước dành cho giáo dục còn có hạn, dân số tăng nhanh, gây nhiều khó khăn lớn cho sự phát triển giáo dục.

II- TIẾP TỤC ĐỔI MỚI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

A- Những quan điểm chỉ đạo

1. Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đã được Đại hội VII xem là quốc sách hàng đầu. Đó là một động lực thúc đẩy và là một điều kiện cơ bản bảo đảm việc thực hiện những mục tiêu kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ đất nước. Phải coi đầu tư cho giáo dục là một trong những hướng chính của đầu tư phát triển, tạo điều kiện cho giáo dục đi trước và phục vụ đắc lực sự phát triển kinh tế - xã hội. Huy động toàn xã hội làm giáo dục, động viên các tầng lớp nhân dân góp sức xây dựng nền giáo dục quốc dân dưới sự quản lý của Nhà nước.

2. Phát triển giáo dục nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đào tạo những con người có

kiến thức văn hoá, khoa học, có kỹ năng nghề nghiệp, lao động tự chủ, sáng tạo và có kỷ luật, giàu lòng nhân ái, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, sống lành mạnh, đáp ứng nhu cầu phát triển đất nước những năm 90 và chuẩn bị cho tương lai. Phải mở rộng quy mô, đồng thời chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, gắn học với hành, tài với đức.

3. Giáo dục phải vừa gắn chặt với yêu cầu phát triển đất nước, vừa phù hợp với xu thế tiến bộ của thời đại. Thực hiện một nền giáo dục thường xuyên cho mọi người, xác định học tập suốt đời là quyền lợi và trách nhiệm của mỗi công dân.

4. Đa dạng hoá các hình thức đào tạo. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục: Người đi học phải đóng học phí, người sử dụng lao động qua đào tạo phải đóng góp chi phí đào tạo. Nhà nước có chính sách bảo đảm cho người nghèo và các đối tượng chính sách đều được đi học.

B- Những chủ trương, chính sách và biện pháp lớn

1. Tiếp tục hoàn chỉnh cơ cấu mới của hệ thống giáo dục quốc dân. củng cố các trường công, chuyển một số trường công sang bán công. Khuyến khích mở các trường lớp dân lập. Cho phép mở trường lớp tư thục ở giáo dục mầm non, giáo dục chuyên nghiệp (bao gồm dạy nghề và trung học chuyên nghiệp), giáo dục đại học. Không mở trường lớp tư thục ở giáo dục phổ thông. Khuyến khích mở rộng các loại hình giáo dục và đào tạo không chính quy. Khuyến khích tự học, bảo đảm cho mọi công dân trong khuôn khổ pháp luật có quyền được học, được thi, được chọn trường, chọn thầy, chọn nghề, được học tập ở trong nước và đi học ở nước ngoài.

2. Sắp xếp lại hệ thống các trường nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, sử dụng cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên. Đạc

biệt phải sắp xếp hợp lý các trường đại học và trường cao đẳng và các viện nghiên cứu khoa học, gắn viện với trường, gắn công tác giáo dục đào tạo với công tác nghiên cứu khoa học.

Hình thành từng bước các trường lớp trọng điểm có chất lượng cao trong các ngành học, bậc học, cấp học; mở rộng hệ thống trường, lớp năng khiếu ở phổ thông; xây dựng một số trường đại học trọng điểm quốc gia.

Đổi mới giáo dục bổ túc và đào tạo bồi dưỡng tại chức.

3. Phấn đấu đến năm 2000 thanh toán nạn mù chữ trong những người lao động ở độ tuổi từ 15 đến 35, tích cực thu hẹp diện người mù chữ ở độ tuổi khác, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, trước hết là đối với trẻ em trong độ tuổi từ 6 đến 14. Đẩy mạnh thực hiện phổ cập giáo dục cấp II, nhất là ở các đô thị.

4. Hình thành bậc trung học mới nhằm chuẩn bị cho một bộ phận học sinh tiếp tục học lên và đa số tốt nghiệp có thể vào đời, giáo dục kỹ năng lao động và hướng nghiệp cho học sinh phổ thông theo hướng liên kết giáo dục phổ thông với giáo dục chuyên nghiệp; hình thành cấp trung học chuyên ban.

5. Mở rộng giáo dục nghề nghiệp, từng bước hình thành nền giáo dục kỹ thuật trong xã hội, đào tạo lực lượng công nhân lành nghề bậc cao. Xây dựng các trung tâm dạy nghề, trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp; phát triển các trường, lớp dạy nghề dân lập, tư thục, khuyến khích dạy các nghề truyền thống, đãi ngộ thoả đáng các nghệ nhân làm việc truyền nghề.

6. Mở rộng hợp lý quy mô đào tạo đại học. Phát triển hệ cao học, đẩy mạnh đào tạo nghiên cứu sinh.

7. Xác định lại mục tiêu, thiết kế lại chương trình, kế hoạch, nội dung, phương pháp giáo dục và đào tạo cụ thể của từng bậc học, cấp học, ngành học.

Chú trọng giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nội dung nhân văn và bản sắc văn hoá dân tộc, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học các môn khoa học, công nghệ, đặc biệt là các môn khoa học kinh tế, khoa học quản lý. Đẩy mạnh giáo dục pháp luật, đạo đức, thẩm mỹ, môi trường, dân số, rèn luyện thể chất cho học sinh. Mở rộng dạy và học ngoại ngữ, tin học. Thực hiện tốt chương trình giáo dục quốc phòng.

Đổi mới phương pháp dạy và học ở tất cả các cấp học, bậc học. Kết hợp tốt học với hành, học tập với lao động sản xuất, thực nghiệm và nghiên cứu khoa học, gắn nhà trường với xã hội. Áp dụng những phương pháp giáo dục hiện đại để bồi dưỡng cho học sinh năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề. Chú ý bồi dưỡng những học sinh có năng khiếu.

8. Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ, nghiên cứu những vấn đề về khoa học giáo dục phục vụ cho mục tiêu phát triển sự nghiệp giáo dục.

9. Củng cố và phát triển ngành giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số và những vùng khó khăn.

Thực hiện ngay một số biện pháp cấp bách nhằm ngăn chặn tình trạng sa sút về giáo dục ở miền núi. Củng cố và xây dựng mới các trường phổ thông dân tộc nội trú.

Coi trọng việc đầu tư xây dựng hệ thống đào tạo cán bộ cho các vùng dân tộc thiểu số từ trung ương đến địa phương.

10. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng đối với

sự nghiệp giáo dục, quán triệt sâu sắc Nghị quyết này trong Đảng, trong các ngành, các cấp; xây dựng Đảng vững mạnh và bồi dưỡng lại cán bộ Đảng, cán bộ quản lý trong ngành giáo dục.

Nhà nước ban hành hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách và xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể nhằm thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ về giáo dục, đào tạo nói trên. Tăng dần tỷ trọng chi trong ngân sách cho giáo dục và đào tạo. Huy động các nguồn đầu tư trong nhân dân, viện trợ của các tổ chức quốc tế, kể cả vay vốn của nước ngoài để phát triển giáo dục.

Chấn chỉnh việc thu học phí. Thực hiện miễn học phí ở bậc tiểu học. Quy định diện được miễn giảm học phí, được hưởng học bổng, trợ cấp xã hội. Lập những quỹ hỗ trợ giáo dục do những tổ chức và cá nhân có khả năng ở trong và ngoài nước đóng góp, xoá bỏ những khoản đóng góp tùy tiện, không hợp lý.

Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, mọi gia đình và mọi người cùng với ngành giáo dục - đào tạo chăm lo xây dựng sự nghiệp giáo dục theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", xây dựng môi trường giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội.

11. Xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục.

Thực hiện chính sách khuyến khích vật chất và tinh thần đối với giáo viên, khuyến khích người giỏi làm nghề dạy học. Có chính sách ưu đãi đặc biệt về tiền lương và phụ cấp đối với giáo viên dạy ở những nơi khó khăn thuộc vùng cao, vùng sâu, hải đảo và một số vùng miền núi. Nhà nước có chính sách thu hút những học sinh giỏi vào học trường sư phạm;

tăng mức đầu tư và tăng cường chỉ đạo để tạo ra những chuyển biến về chất ở các trường sư phạm.

Sắp xếp lại giáo viên theo chức danh và tiêu chuẩn. Kết hợp đào tạo giáo viên mới với bồi dưỡng thường xuyên những giáo viên đang làm việc.

12. Đổi mới quản lý giáo dục và đào tạo.

Định rõ quyền hạn, trách nhiệm quản lý giáo dục và đào tạo của Bộ Giáo dục - đào tạo, của các bộ và các tỉnh, thành phố, các huyện, quận và cơ sở về các khâu: quy hoạch, kế hoạch, tổ chức và cán bộ, tài chính, thanh tra và kiểm tra.

Tăng cường công tác thanh tra giáo dục của Nhà nước.

Công tác kế hoạch hoá phát triển giáo dục phải bao gồm cả hệ thống giáo dục của Nhà nước và các trường bán công, dân lập, tư thục; có cơ chế gắn liền đào tạo với sử dụng.

Đề cao trách nhiệm quản lý nhà nước của bộ, các sở giáo dục đào tạo đồng thời tăng cường quyền tự chủ của cơ sở, nhất là các trường đại học, mở rộng dân chủ trong nhà trường.

Khẩn trương đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục các cấp; chú trọng những cán bộ làm công tác nghiên cứu chính sách, cán bộ thanh tra giáo dục.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VII)

Số 04-NQ/HNTW, ngày 14 tháng 1 năm 1993

VỀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ VĂN HOÁ, VĂN NGHỆ
NHỮNG NĂM TRƯỚC MẮT

I

Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là một mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Văn học, nghệ thuật là bộ phận trọng yếu của nền văn hoá dân tộc, thể hiện khát vọng của nhân dân về chân - thiện - mỹ. Phát triển đường lối văn hoá, văn nghệ đúng đắn của Đảng qua các thời kỳ trước, Nghị quyết Đại hội VI, Đại hội VII và Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị Khoá VI đã tạo điều kiện cho văn hoá, văn nghệ đạt nhiều thành tựu, đáp ứng một phần nhu cầu hưởng thụ văn hoá của các tầng lớp nhân dân, đóng góp tích cực vào sự nghiệp đổi mới.

Hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật phong phú hơn về nội dung và đề tài, đa dạng hơn về hình thức, thể loại và

phong cách biểu hiện. Một số tác phẩm mới có giá trị tư tưởng và nghệ thuật được quần chúng hoan nghênh. Nhiều hình thức văn hoá truyền thống được khôi phục. Các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là phát thanh, truyền hình ngày càng phát triển, làm phong phú những hình thức và phương tiện đưa văn hoá, văn nghệ đến với đông đảo nhân dân. Một số hoạt động văn hoá được tổ chức trên quy mô cả nước, thu hút hàng triệu lượt người tham gia. Giao lưu văn hoá với nước ngoài từng bước được mở rộng.

Đội ngũ văn nghệ sĩ và cán bộ văn hoá gồm nhiều lớp kế tiếp nhau, trải qua thử thách, ngày càng phát triển và trưởng thành. Trước khó khăn của đất nước và những biến động quốc tế phức tạp trong mấy năm gần đây, đại bộ phận vẫn tin tưởng, gắn bó với Đảng và sự nghiệp cách mạng của dân tộc, giữ vững phẩm chất, đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển văn hoá, văn nghệ.

Bên cạnh những chuyển biến tích cực, tình hình văn hoá, văn nghệ có nhiều điều đáng lo ngại: lối sống chạy theo đồng tiền, những thị hiếu không lành mạnh, những hủ tục, mê tín tăng nhanh; nhiều văn hoá phẩm độc hại lan tràn trên thị trường. Trong sáng tác và lý luận, phê bình nảy sinh một số khuynh hướng sai lầm: phủ nhận thành tựu cách mạng và văn hoá, văn nghệ cách mạng; tách văn nghệ khỏi sự lãnh đạo của Đảng; xúc phạm anh hùng, vĩ nhân của dân tộc; khuynh hướng "thương mại hoá", truyền bá lối sống thực dụng, sa đoạ, bạo lực phát triển. Các thế lực thù địch đã và đang lợi dụng những tác phẩm xấu để chống phá ta.

Những tiêu cực trên đây có phần chịu tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội nước ta và những diễn biến

quốc tế phức tạp mấy năm gần đây, nhất là sự tan rã của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Nhưng, nguyên nhân chủ yếu để cho tình hình tiêu cực xảy ra nghiêm trọng và kéo dài là do lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước từ trung ương đến các cấp đã buông lỏng, hữu khuynh, bố trí sai một số cán bộ chủ chốt, thiếu những luật lệ, thể chế của Nhà nước, thiếu đầu tư thích đáng cho lĩnh vực văn hoá, văn nghệ, thiếu tổ chức động viên nhân dân biểu dương, cổ vũ những nhân tố tích cực và phê phán, lên án những biểu hiện tiêu cực, độc hại trong lĩnh vực văn hoá, văn nghệ.

Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị Khoá VI thể hiện những quan điểm đổi mới có nguyên tắc của Đảng trên lĩnh vực văn hoá, văn nghệ, có tác dụng thúc đẩy hoạt động sáng tạo nghệ thuật. Nhưng nghị quyết chưa đánh giá thật đúng tính phức tạp của cuộc đấu tranh trên mặt trận này, chưa lường trước và đề ra được những biện pháp nhằm hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường đối với văn hoá, văn nghệ. Việc truyền đạt và tổ chức thực hiện nghị quyết lại có nhiều sai sót. Trước những lệch lạc xuất hiện trong văn hoá, văn nghệ, một số cấp uỷ và cơ quan nhà nước không kịp thời phân rõ đúng sai, thường né tránh, rụt rè trong việc xử lý; cũng có nơi sử dụng những biện pháp hành chính không thích hợp. Một số văn nghệ sĩ đảng viên dao động, giảm sút lòng tin, không giữ vững lập trường của Đảng.

II

Nhiệm vụ trung tâm của văn hoá, văn nghệ nước ta là góp phần xây dựng con người Việt Nam về trí tuệ, đạo đức,

tâm hồn, tình cảm, lối sống, có nhân cách tốt đẹp, có bản lĩnh vững vàng ngang tầm sự nghiệp đổi mới vì dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh.

Trong những năm trước mắt, các hoạt động văn hoá, văn nghệ phải được phát triển lành mạnh, phong phú, đa dạng, đáp ứng những nhu cầu thiết yếu về đời sống tinh thần của nhân dân; phấn đấu có nhiều tác phẩm tốt về công cuộc đổi mới, phản ánh những hiện tượng, những nhân tố, những xu hướng tích cực trong cuộc sống; lấy việc xây dựng và sáng tạo những giá trị mới, việc bồi dưỡng, bảo vệ và phát huy mọi tài năng làm mục tiêu lớn nhất. Mặt khác, kiên quyết phê phán những hiện tượng tiêu cực, những khuynh hướng lệch lạc, đấu tranh chống mọi hành động và luận điệu thù địch với Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, đẩy lùi các tệ nạn xã hội đang phá hoại thuần phong mỹ tục của dân tộc. Cùng với việc phấn đấu đạt được những mục tiêu nói trên, cần tích cực chuẩn bị điều kiện cho sự phát triển mạnh mẽ nền văn hoá Việt Nam vào cuối thập kỷ 90, bước vào thế kỷ XXI.

Nền văn hoá mà Đảng ta lãnh đạo toàn dân xây dựng là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Cần nắm vững các tư tưởng chỉ đạo sau đây:

1. Vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là cốt lõi tư tưởng trong văn hoá, văn nghệ nước ta. Sự nghiệp văn hoá, văn nghệ là bộ phận không thể thiếu của sự nghiệp đổi mới. Thấm nhuần và thực hiện quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Văn hoá, nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy".

2. Bảo đảm dân chủ, tự do cho mọi sự sáng tạo và hoạt

động văn hoá, vun đắp các tài năng, đồng thời đề cao trách nhiệm của văn nghệ sĩ trước công chúng, dân tộc và thời đại.

3. Phát triển văn hoá dân tộc đi liền với mở rộng giao lưu văn hoá với nước ngoài, tiếp thụ những tinh hoa của nhân loại, làm giàu đẹp thêm nền văn hoá Việt Nam. Ngăn chặn và đấu tranh chống sự xâm nhập của các loại văn hoá độc hại, bảo vệ nền văn hoá dân tộc.

4. Nâng cao tính chiến đấu của các hoạt động văn hoá và văn học, nghệ thuật, khẳng định mạnh mẽ và sâu sắc những nhân tố mới, những giá trị cao đẹp của dân tộc ta, khắc phục những gì cản trở quá trình đi lên của đất nước. Phê phán cái sai, lên án cái ác, cái xấu là để hướng con người tới cái đúng, cái tốt, cái đẹp. Đấu tranh không khoan nhượng chống các luận điệu độc hại của các thế lực thù địch.

5. Văn hoá, văn nghệ là sự nghiệp của toàn xã hội. Phát triển các hoạt động văn hoá văn nghệ của Nhà nước, tập thể và cá nhân theo đường lối của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Khắc phục tình trạng "hành chính hoá" các tổ chức văn hoá, nghệ thuật và xu hướng "thương mại hoá" trong lĩnh vực này.

III

Để đạt những mục tiêu nêu trên, cần tập trung thực hiện những biện pháp sau:

1. Làm cho cán bộ, đảng viên quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tư về văn hoá, văn nghệ. Mở một đợt sinh hoạt chính trị - tư tưởng về Nghị quyết này trong giới văn hoá, văn nghệ và cán bộ tuyên huấn, khoa giáo.

2. Kiện toàn các cơ quan, đoàn thể làm công tác văn hoá, văn nghệ về mặt tổ chức và cán bộ.

Thành lập đảng đoàn ở các hội văn nghệ và ban cán sự đảng ở các cơ quan quản lý nhà nước về văn hoá, văn nghệ.

Chỉnh đốn và tăng cường các viện nghiên cứu, các khoa và các trường thuộc bộ môn văn học và nghệ thuật, các báo, tạp chí văn nghệ và các trang văn nghệ trên báo chí, đài phát thanh và vô tuyến truyền hình.

Nâng cao chất lượng sách giáo khoa về văn học và đội ngũ giảng viên trong các trường văn hoá, nghệ thuật và các trường phổ thông, đại học. Có chế độ cấp học bổng cho học sinh nghệ thuật; có chế độ ưu đãi những tài năng sáng tạo.

Sắp xếp lại tổ chức và hoạt động ngành điện ảnh. Chỉnh đốn công tác xuất bản, in và phát hành. Phổ biến rộng rãi những tác phẩm có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật; cấm sản xuất, xuất bản và phổ biến những tác phẩm, phim ảnh, băng hình độc hại, phản động và đồi trụy.

Bố trí đúng cán bộ, bảo đảm cán bộ chủ chốt phụ trách văn hoá, văn nghệ có quan điểm đúng đắn, có trình độ hiểu biết, có năng lực lãnh đạo, quản lý, có phẩm chất tốt và có khả năng đoàn kết các lực lượng sáng tạo, nhiệt tâm vì sự nghiệp chung.

3. Đầu tư có trọng điểm và tài trợ cho các hoạt động văn hoá, văn nghệ phục vụ đại chúng hoặc những tác phẩm, công trình có giá trị cao nhưng không có hoặc ít có khả năng đem lại doanh thu. Tiếp tục bổ sung và hoàn chỉnh các chế độ lương, thù lao, mua bán tác phẩm, thuế, chính sách khuyến khích sáng tác, v.v. bảo đảm cho văn nghệ sĩ chuyên nghiệp có thể sống bằng nghề nghiệp chính của mình.

Thực hiện tốt quyết định của Nhà nước tặng giải thưởng quốc gia hàng năm về văn hoá, văn nghệ.

4. Thể chế hoá kịp thời những chủ trương, biện pháp nêu trong Nghị quyết Trung ương. Có chương trình nghiên cứu và ban hành sớm các văn bản pháp quy thuộc lĩnh vực hoạt động văn hoá, nghệ thuật. Trước mắt, tập trung xây dựng một số luật cần thiết như Luật xuất bản, Luật bảo vệ di tích văn hoá dân tộc...

5. Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ và phát triển văn hoá, văn nghệ dân tộc. Bằng mọi cách, đưa những giá trị văn hoá, văn nghệ dân tộc và thế giới đến với nhân dân.

Tiếp tục mở rộng các loại hình thông tin đại chúng, hiện đại hoá các phương tiện nghe, nhìn, tăng cường việc phát hành sách báo để chuyển tải được tốt và nhanh các giá trị văn hoá, văn nghệ.

Khôi phục và phát triển hệ thống thư viện từ trung ương đến cơ sở. Xây dựng thư viện quốc gia có tầm cỡ, đáp ứng được yêu cầu phát triển trí tuệ của nhân dân, yêu cầu nghiên cứu khoa học và văn hoá, văn nghệ.

Đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá.

Đầu tư nâng cấp và chống xuống cấp các bảo tàng, các di tích lịch sử và văn hoá, xây dựng những tượng đài, trước hết là những tượng đài về các anh hùng dân tộc và danh nhân văn hoá.

6. Có chính sách toàn diện bảo vệ và phát triển văn hoá các dân tộc thiểu số trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

7. Mở rộng giao lưu văn hoá với nước ngoài dưới nhiều hình thức: giới thiệu rộng rãi những giá trị văn hoá của dân

tộc ta với thế giới, đưa vào nước ta những giá trị văn hoá của nhân dân các nước; mở rộng xuất nhập khẩu văn hoá phẩm; khuyến khích việc trao đổi với nước ngoài và các đoàn văn hoá, nghệ thuật... Có quy định nghiêm ngặt bảo vệ những giá trị văn hoá của dân tộc, chống thâm nhập vào nước ta những tác phẩm xấu, độc hại.

8. Xây dựng có trọng điểm cơ sở vật chất và kỹ thuật cho hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thông tin đại chúng, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, từng bước đuổi kịp trình độ kỹ thuật tiên tiến của thế giới.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA VII)

Số 04-NQ/HNTW, ngày 14 tháng 1 năm 1993

**Về những vấn đề cấp bách của sự nghiệp
chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân**

I- TÌNH HÌNH CÔNG TÁC BẢO VỆ SỨC KHỎE

1. Trong sự nghiệp chống ngoại xâm, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngành y tế đã có nhiều đóng góp to lớn, đã đạt được nhiều thành tựu. Nhiều bệnh dịch và bệnh xã hội đã được khống chế hoặc loại trừ, sức khỏe và tuổi thọ của nhân dân tăng. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân đã góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với chế độ ta.

2. Tuy nhiên, việc chăm sóc sức khỏe còn những vấn đề lớn phải giải quyết. Đó là tình trạng phát triển thể lực chậm, tỉ lệ người suy dinh dưỡng, mắc bệnh nhiễm khuẩn và nhiễm ký sinh trùng cao, nhất là bệnh sốt rét. Những di chứng chiến tranh còn lớn, các bệnh nghề nghiệp, ung thư, huyết áp cao... đang phát triển.

Những năm gần đây, ngành y tế có nhiều biểu hiện

xuống cấp, có mặt khá nghiêm trọng. Công tác vệ sinh phòng bệnh kém, chưa quan tâm đầy đủ các hoạt động mang tính quần chúng. Y tế cơ sở suy yếu. Nhiều bệnh viện xuống cấp cả về cơ sở vật chất, tổ chức quản lý, điều trị và tinh thần phục vụ.

Một số chủ trương như thu viện phí, cho các cơ sở y tế nhà nước khám chữa bệnh ngoài giờ... tuy có giải quyết được một phần khó khăn, nhưng lại làm nảy sinh những vấn đề mới, những tiêu cực. Việc thu viện phí còn tùy tiện, gây nhiều khó khăn, phiền hà cho nhân dân, nhất là cho những bệnh nhân nghèo. Các cơ sở y tế tư nhân phát triển nhanh, giúp cho nhân dân khám chữa bệnh thuận lợi hơn, nhưng quản lý không chặt chẽ nên cũng gây ra những ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Những biểu hiện tiêu cực trên đây đã làm tổn hại đến đạo lý, uy tín của ngành y tế và đạo đức của người thầy thuốc dưới chế độ ta, gây bất bình trong nhân dân.

3. Nguyên nhân chủ yếu của những yếu kém trên là:

Ngành y tế chậm đổi mới. Công tác quản lý còn nhiều yếu kém, ít quan tâm đến các giải pháp xã hội như giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe, tuyên truyền vệ sinh phòng bệnh. Chưa động viên tốt các tiềm năng của cộng đồng, của nền y học cổ truyền dân tộc; chưa có các biện pháp hữu hiệu để ngăn ngừa những hiện tượng tiêu cực.

Các cấp bộ đảng về chính quyền còn xem nhẹ việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác chăm sóc sức khỏe. Các đoàn thể nhân dân và tổ chức xã hội chưa chú trọng tổ chức và vận động nhân dân tham gia các phong trào vệ sinh phòng bệnh, rèn luyện thân thể, bảo vệ sức khỏe.

Đầu tư của Nhà nước còn hạn chế. Không kịp thời có chính sách hỗ trợ cho y tế cơ sở ở nông thôn khi thực hiện cơ chế khoán mới trong nông nghiệp. Tâm lý ỷ lại, hậu quả của nhiều năm thực hiện các chính sách bao cấp còn khá phổ biến.

Kinh tế phát triển chậm, dân số tăng nhanh, hậu quả chiến tranh và thiên tai nặng nề, là những khó khăn đối với sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

II- NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN VÀ NHỮNG MỤC TIÊU

A- Những quan điểm cơ bản

1. Sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi con người và của toàn xã hội, là nhân tố quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy chúng ta phấn đấu để mọi người đều được quan tâm chăm sóc sức khỏe.

2. Việc chăm sóc sức khỏe và giải quyết các vấn đề về bệnh tật cần phải theo quan điểm dự phòng tích cực và chủ động, đẩy mạnh phong trào vệ sinh phòng bệnh, rèn luyện thân thể, đi đôi với nâng cao hiệu quả điều trị.

3. Kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền dân tộc.

4. Sự nghiệp chăm sóc sức khỏe là trách nhiệm của cộng đồng và mỗi người dân, là trách nhiệm của các cấp ủy đảng và chính quyền, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội, trong đó ngành y tế giữ vai trò nòng cốt.

5. Thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", đa dạng hóa các hình thức tổ chức chăm sóc sức khỏe (nhà nước, tập thể, nhân dân) trong đó y tế Nhà nước là chủ đạo, tận dụng mọi tiềm năng sẵn có trong nước và mở rộng hợp tác quốc tế.

B- Các mục tiêu

Mục tiêu tổng quát là giảm tỷ lệ mắc bệnh, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, làm cho giống nòi ngày càng tốt. Các mục tiêu cụ thể:

1. Từng bước khắc phục về cơ bản các bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng. Khống chế và giảm dần tỷ lệ mắc bệnh sốt rét và các bệnh dịch khác. Hạ dần tỷ lệ mắc bệnh bướu cổ, các bệnh lao, phong, hoa liễu...; khắc phục các hậu quả của chiến tranh trên lĩnh vực sức khỏe. Chủ động phòng chống các bệnh SIDA, ung thư, cao huyết áp, tâm thần, bệnh nghề nghiệp; chống các tệ nạn xã hội như mại dâm, ma túy...

2. Phát triển các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, đặc biệt là các dịch vụ khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu.

3. Thực hiện công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe, quan tâm những người có công với nước, những người nghèo, đồng bào các dân tộc thiểu số. Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, hạ thấp tỷ lệ suy dinh dưỡng và các bệnh tật về dinh dưỡng ở trẻ em.

III- CÁC CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP LỚN

1. Tăng cường sự lãnh đạo và chỉ đạo của các tổ chức đảng và chính quyền các cấp, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, tạo ra phong trào chăm sóc sức khỏe sâu rộng trong nhân dân.

2. Ngành y tế phối hợp với các ngành, các đoàn thể, nhất là với Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục sức khỏe và hỗ trợ về mặt kỹ thuật - chuyên môn, để nhân dân tự giác, chủ động xây dựng nếp sống trật

tự, vệ sinh, có ý thức phòng bệnh, phòng dịch, bảo vệ môi trường, môi sinh, thường xuyên rèn luyện thân thể và tham gia tích cực vào các hoạt động chăm sóc sức khỏe ở cơ sở. Phải tuân thủ điều lệ vệ sinh, nhất là vệ sinh ăn uống và thực phẩm, vệ sinh môi trường, vệ sinh lao động, vệ sinh nơi ở và nơi làm việc.

Mở rộng các hoạt động chăm sóc sức khỏe tại nhà. Khuyến khích các hoạt động nhân đạo vì sức khỏe. Tạo điều kiện cho cán bộ chuyên môn y tế đã nghỉ hưu tham gia chăm sóc sức khỏe nhân dân.

3. Chấn chỉnh hệ thống chăm sóc sức khỏe.

a) Củng cố y tế cơ sở là nhiệm vụ cấp bách hiện nay. Nhà nước phải chăm lo xây dựng và có chính sách đãi ngộ hợp lý đối với cán bộ y tế cơ sở. Việc xác định số cán bộ y tế cơ sở là viên chức nhà nước do Chính phủ nghiên cứu và quyết định.

Tổ chức các đội y tế lưu động để chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ở những nơi có khó khăn thuộc vùng cao, vùng núi, vùng sâu, hải đảo.

b) Củng cố và phát triển các cơ sở y tế chuyên sâu. Trước mắt, đầu tư phát triển hai trung tâm y tế lớn, với trình độ cao ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, khi có khả năng sẽ phát triển trung tâm ở miền Trung. Phát triển một số lĩnh vực khoa học kỹ thuật y tế mà ta có ưu thế. Tạo điều kiện để các nhà khoa học có thể tiếp cận và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật của thế giới. Chú trọng đào tạo cán bộ giỏi về y học chuyên sâu cũng như y tế cộng đồng.

c) Sắp xếp và bố trí hợp lý hệ thống khám, chữa bệnh trên địa bàn dân cư, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán

bộ y tế gắn liền với nâng cao chất lượng chuyên môn. Nhanh chóng lập lại kỷ cương, trật tự và vệ sinh trong bệnh viện.

d) Tổ chức lại ngành dược và trang thiết bị y tế ở trung ương và địa phương. Củng cố ngành dược và trang thiết bị y tế quốc doanh, lập lại trật tự trong sản xuất, xuất nhập khẩu và lưu thông phân phối thuốc và trang thiết bị y tế. Ngăn chặn nguồn nhập thuốc bất hợp pháp. Nghiêm trị bọn sản xuất và buôn bán thuốc giả. Có chính sách bảo hộ thuốc sản xuất trong nước có chất lượng cao. Kiện toàn các cơ sở kiểm tra chất lượng thuốc và nghiên cứu khoa học dược. Khai thác tiềm năng các thành phần kinh tế trong nước và mở rộng hợp tác quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho nước ngoài đầu tư vốn, kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để xây dựng và phát triển ngành công nghiệp dược và trang thiết bị y tế, đặc biệt là công nghiệp sản xuất nguyên liệu làm thuốc. Có chính sách ưu tiên phát triển dược liệu, nhất là dược liệu quý hiếm.

đ) Phát huy truyền thống kết hợp quân dân y trong vệ sinh phòng chống dịch, khám chữa bệnh, đào tạo cán bộ và nghiên cứu khoa học. Bệnh viện quân đội kết hợp chữa bệnh cho nhân dân. Ở những nơi xa xôi, vùng biên giới cần dựa vào lực lượng quân y và y tế công an biên phòng làm nòng cốt để xây dựng phong trào y tế cơ sở.

e) Nhà nước cho phép tổ chức bệnh viện, phòng khám và các dịch vụ y tế tư nhân, và có quy chế quản lý chặt chẽ.

4. Triển khai mạnh mẽ việc nghiên cứu, ứng dụng và hiện đại hóa y học cổ truyền dân tộc, kết hợp với y học hiện đại. Phát triển nuôi trồng cây, con làm thuốc, trang bị thêm phương tiện cho việc khám chữa bệnh và sản xuất thuốc y học cổ truyền dân tộc. Khẩn trương đào tạo đội ngũ cán bộ và

cán bộ đầu đàn y học dân tộc. Tăng thêm đầu tư và nâng cấp các cơ sở y học dân tộc.

5. Đổi mới phương thức chỉ đạo và hoạt động của ngành y tế nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý nhà nước ở tất cả các cấp. Triển khai Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân và các văn bản dưới luật, giáo dục luật pháp y tế và tăng cường công tác thanh tra y tế, từng bước xây dựng và phát triển hệ thống thông tin y tế.

6. Có chính sách đầu tư hợp lý và tạo nguồn ngân sách để duy trì hoạt động và phát triển hệ thống y tế: Nhà nước cần tăng cường đầu tư hơn nữa về ngân sách bảo vệ sức khỏe. Thực hiện cấp ngân sách y tế theo đầu người dân và thay đổi các cơ chế quản lý ngân sách cho phù hợp, tăng cường sự quản lý và điều hành của ngành y tế đối với ngân sách y tế.

Trong khi khẩn trương phát triển bảo hiểm y tế, tiếp tục thu một phần viện phí nhưng phải chấn chỉnh cách thu và quản lý chặt chẽ việc thu chi. Nhà nước có biện pháp thực hiện chính sách xã hội về y tế.

Vận động các tổ chức, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động bảo vệ sức khỏe. Các khoản này phải được sử dụng đúng mục tiêu, đúng đối tượng, không để bị lạm dụng.

7. Chính sách đối với cán bộ y tế.

Đào tạo một đội ngũ cán bộ có cơ cấu đồng bộ, thích hợp với từng giai đoạn phát triển của hệ thống y tế, giáo dục y đức và tinh thần phục vụ, truyền thống "thầy thuốc như mẹ hiền", bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng phù hợp với nhiệm vụ được giao. Coi trọng việc trang bị kiến thức phòng bệnh cho cán bộ y tế. Chăm lo đời sống cán bộ y tế. Xây dựng chính

sách tiền lương tương xứng với những đặc thù nghề nghiệp. Ngăn chặn và khắc phục mọi hành vi tiêu cực trong việc khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Quan tâm đào tạo cán bộ y tế cơ sở theo hướng cơ sở cử người đi đào tạo để trở về phục vụ cơ sở.

Có chính sách thỏa đáng thu hút lao động y tế đến những địa bàn cần ưu tiên (miền núi, vùng cao, vùng sâu...).

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA VII)

Số 04-NQ/HNTW, ngày 14 tháng 1 năm 1993

Về chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình

I- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN SỐ
VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH TRONG THỜI GIAN QUA

Thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã sớm đề ra chủ trương, chính sách về dân số và kế hoạch hóa gia đình, và đã đạt được một số kết quả:

Đã phát động cuộc vận động về kế hoạch hóa gia đình, từng bước huy động các lực lượng xã hội tham gia, tranh thủ được sự giúp đỡ về vật chất và kinh nghiệm của quốc tế, đã giảm số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ từ trên sáu con (vào những năm 60) xuống khoảng bốn con hiện nay.

Tuy nhiên những kết quả đạt được còn thấp so với yêu cầu. Đến cuối năm 1992, dân số Việt Nam đã lên đến 70 triệu người. Nếu cứ tiếp tục tốc độ tăng dân số hàng năm trên 2% và bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có gần bốn

con như hiện nay, thì cứ khoảng 30 năm một lần dân số Việt Nam sẽ tăng gấp đôi.

Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng tăng dân số quá nhanh trước hết là do các cấp ủy đảng và chính quyền chưa thực sự quán triệt chủ trương coi việc giảm tốc độ gia tăng dân số là một quốc sách, lơ là việc lãnh đạo và chỉ đạo tổ chức thực hiện; phong trào quần chúng thực hiện kế hoạch hóa gia đình chưa được phát động rộng khắp; công tác tuyên truyền giáo dục nhằm khắc phục ảnh hưởng tâm lý và tập quán cũ làm còn yếu; đầu tư của Nhà nước cho công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình chưa thỏa đáng; dụng cụ và phương tiện cho công tác này còn thiếu nghiêm trọng; bộ máy chuyên trách yếu kém, thống kê dân số không chính xác.

Sự gia tăng dân số quá nhanh là một trong những nguyên nhân quan trọng cản trở tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, gây khó khăn lớn cho việc cải thiện đời sống, hạn chế điều kiện phát triển về mặt trí tuệ, văn hóa và thể lực của giống nòi. Nếu xu hướng này cứ tiếp tục diễn ra thì trong tương lai không xa đất nước ta sẽ đứng trước những khó khăn rất lớn, thậm chí những nguy cơ về nhiều mặt.

Vì vậy, làm tốt công tác kế hoạch hóa gia đình, thực hiện gia đình ít con, giảm nhanh tỉ lệ phát triển dân số, tiến tới ổn định quy mô dân số là vấn đề rất quan trọng và bức xúc đối với nước ta.

II- CHÍNH SÁCH DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH
TRONG THỜI GIAN TỚI

A- Các quan điểm cơ bản

1. Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình là một bộ

phần quan trọng của chiến lược phát triển đất nước, là một trong những vấn đề kinh tế - xã hội hàng đầu của nước ta, là một yếu tố cơ bản để nâng cao chất lượng cuộc sống của từng người, từng gia đình và của toàn xã hội.

2. Giải pháp cơ bản để thực hiện công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình là vận động, tuyên truyền và giáo dục gắn liền với đưa dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến tận người dân; có chính sách mang lại lợi ích trực tiếp cho người chấp nhận gia đình ít con, tạo động lực thúc đẩy phong trào quần chúng thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

3. Đầu tư cho công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình là đầu tư mang lại hiệu quả kinh tế trực tiếp rất cao. Nhà nước cần tăng mức chi ngân sách cho công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình, đồng thời động viên sự đóng góp của cộng đồng và tranh thủ sự viện trợ của quốc tế.

4. Huy động lực lượng của toàn xã hội tham gia công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình, đồng thời phải có bộ máy chuyên trách đủ mạnh để quản lý theo chương trình mục tiêu, bảo đảm cho các nguồn lực nói trên được sử dụng có hiệu quả và đến tận người dân.

5. Để đạt được mục tiêu trong thời gian tương đối ngắn, điều có ý nghĩa quyết định là Đảng và chính quyền các cấp phải lãnh đạo và chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình theo chương trình.

B- Mục tiêu

Mục tiêu tổng quát: Thực hiện gia đình ít con, khỏe mạnh, tạo điều kiện để có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Mục tiêu cụ thể: Mỗi gia đình chỉ có một hoặc hai con, để

tới năm 2015 bình quân trong toàn xã hội mỗi gia đình (mỗi cặp vợ chồng) có hai con, tiến tới ổn định quy mô dân số từ giữa thế kỷ XXI. Tập trung mọi nỗ lực nhằm tạo chuyển biến rõ rệt ngay trong thập kỷ 90 này.

C- Các giải pháp đến năm 2000

1. *Sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đối với công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình*

Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình phải là một nội dung trọng tâm trong chương trình hoạt động cụ thể của các cấp ủy đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội, là trách nhiệm của mỗi gia đình. Không một tổ chức và cá nhân nào đứng ngoài cuộc vận động này. Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt ở các cấp trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo công tác này, huy động toàn xã hội tham gia, quyết tâm thực hiện mục tiêu đã đề ra.

Có những chính sách, giải pháp mạnh mẽ, được thể chế hóa thành các văn bản pháp quy.

2. *Kinh phí cho công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình*

Bảo đảm đủ kinh phí cho công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình theo kế hoạch do Chính phủ quyết định.

Thực hiện phương thức quản lý các nguồn kinh phí theo chương trình mục tiêu, bảo đảm phân bổ và sử dụng có hiệu quả.

3. *Hệ thống tổ chức làm công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình*

Kiện toàn Ủy ban dân số và kế hoạch hóa gia đình các cấp từ trung ương đến cơ sở. Cơ quan thường trực của Ủy ban dân số và kế hoạch hóa gia đình các cấp được bố trí đủ cán bộ

chuyên trách có năng lực, gắn chặt với các ngành, các cấp trong việc quản lý và điều phối việc thực hiện chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Hệ thống làm công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình phải được bố trí đến tận thôn, xóm, bản, làng, phố phường để đưa công tác truyền thông dân số và kế hoạch hóa gia đình và việc cung cấp các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến tận người dân.

4. Công tác thông tin, giáo dục, tuyên truyền

Tăng cường công tác thông tin về dân số, tuyên truyền rộng rãi các chủ trương và biện pháp kế hoạch hóa gia đình, thực hiện giáo dục dân số với nội dung thích hợp, hình thức đa dạng, có sự tham gia của toàn xã hội, mở rộng đến các vùng, các đối tượng, nhất là vùng nông thôn và đối với lớp trẻ, nhằm làm cho mọi người, trước hết là lớp trẻ, chuyển biến sâu sắc nhận thức, hiểu rõ sự cần thiết và lợi ích của kế hoạch hóa gia đình, chấp nhận gia đình ít con.

5. Dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

Cung cấp đầy đủ, kịp thời dụng cụ, phương tiện theo yêu cầu của người sử dụng. Từng bước đa dạng hóa các biện pháp tránh thai, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, an toàn và thuận tiện. Đặc biệt tăng tỉ lệ nam giới chấp nhận và sử dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình.

Củng cố và phát triển mạng lưới dịch vụ kế hoạch hóa gia đình thông qua hệ thống y tế của Nhà nước, song song với việc tăng cường vai trò của cộng đồng để đưa dịch vụ đến từng gia đình và người sử dụng, bán rộng rãi các phương tiện, dụng cụ kế hoạch hóa gia đình. Khuyến khích các tổ

chức, tập thể và tư nhân làm dịch vụ kế hoạch hóa gia đình dưới sự quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

6. Một số chính sách và quy định cụ thể cần sớm ban hành

Có chính sách khuyến khích về tinh thần và vật chất với những cặp vợ chồng tích cực thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Khuyến khích về tinh thần và thù lao về vật chất cho những người vận động thực hiện và làm dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

Có biện pháp hành chính với những đảng viên, viên chức nhà nước không thi hành chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình. Các đoàn thể nhân dân xây dựng những quy ước cụ thể xử lý đối với những trường hợp sinh ba con trở lên.

Sản xuất và nhập khẩu các phương tiện kế hoạch hóa gia đình tiên tiến. Bảo hộ các mặt hàng kế hoạch hóa gia đình sản xuất trong nước có chất lượng cao, khuyến khích xuất khẩu các mặt hàng đó; miễn thuế nhập khẩu đồng thời nghiêm cấm tái xuất các mặt hàng kế hoạch hóa gia đình.

Trợ giá đối với các mặt hàng kế hoạch hóa gia đình bán rộng rãi với giá rẻ trên thị trường.

Xây dựng cơ chế đầu tư, huy động và quản lý có hiệu quả các nguồn lực cho chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Xây dựng các chính sách cụ thể về bảo vệ và phát triển một số dân tộc ít người đang có chiều hướng suy giảm dân số.

Sửa đổi và ban hành một số chính sách kinh tế - xã hội nhằm hỗ trợ cho công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình, bao gồm: cải thiện chế độ dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe

bà mẹ và trẻ em, giảm tỉ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh, tạo công ăn việc làm, phân bổ dân cư hợp lý, xóa nạn mù chữ, nâng cao dân trí, mở rộng các thiết chế văn hóa, phát triển nông thôn, bảo hiểm sức khỏe và tuổi già, v.v..

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
ĐỖ MUỖI

**NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VII)**

Số 04-NQ/HNTW, ngày 14 tháng 1 năm 1993

Về công tác thanh niên trong thời kỳ mới

I- TÌNH HÌNH THANH NIÊN VÀ CÔNG TÁC THANH NIÊN

1. Tình hình thanh niên

- Thanh niên ta ngày nay là lực lượng xã hội to lớn, có tiềm năng hùng hậu. Kế thừa tinh hoa truyền thống của dân tộc và những thành quả của cách mạng, qua mở rộng giao lưu quốc tế, thanh niên ta ngày nay có mặt mạnh cơ bản và trình độ học vấn cao hơn trước, tầm nhìn rộng, nhạy cảm với thời cuộc, giàu lòng yêu nước, có khát vọng mau chóng đưa đất nước vượt qua nghèo nàn, lạc hậu, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh. Thanh niên đồng tình, ủng hộ và hăng hái tham gia sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đã và đang xuất hiện nhiều tài năng trẻ, nhiều tấm gương trong sản xuất, kinh doanh, bảo vệ chủ quyền và an ninh đất nước, trong học tập, hoạt động

khoa học kỹ thuật, văn hoá nghệ thuật và thể thao, trong công tác xã hội.

- Một bộ phận thanh niên đang gặp nhiều khó khăn về định hướng chính trị trong tình hình nền kinh tế - xã hội ở nước ta chưa ra khỏi khủng hoảng, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ. Hàng triệu thanh niên chưa có hoặc thiếu việc làm, thu nhập thấp. Tình trạng thất học, mù chữ tăng lên, nhất là ở nông thôn, miền núi. Sức khoẻ của thanh niên và trẻ em có chiều hướng giảm sút; số trẻ lang thang còn nhiều.

- Một bộ phận thanh niên ít quan tâm sinh hoạt chính trị, coi thường truyền thống cách mạng, trốn tránh nghĩa vụ quân sự. Một số dao động, thiếu niềm tin ở chủ nghĩa xã hội.

Một bộ phận thanh niên có xu hướng chạy theo lối sống không lành mạnh, coi thường giá trị nhân văn, kỷ cương, đạo lý, mắc nhiều tệ nạn xã hội. Tình trạng mê tín dị đoan tăng lên.

Không ít thanh niên vẫn mang tâm lý thụ động, ỷ lại từ thời kỳ bao cấp; tâm lý lao động và khả năng nghề nghiệp chưa chuyển kịp với nền kinh tế thị trường.

2. Về công tác thanh niên

- Đường lối đổi mới của Đảng với những thành tựu đã đạt được đang tạo ra môi trường mới để thanh niên phát triển tài năng, cống hiến cho xã hội, từng bước cải thiện đời sống. Việc thực hiện Nghị quyết 25 của Bộ Chính trị Khoá VI đạt được kết quả bước đầu.

Tuy nhiên, bước vào giai đoạn mới của cách mạng, công tác vận động thanh niên chưa đổi mới kịp thời. Khuyết điểm lớn là thiếu nhận thức sâu sắc vai trò của thanh niên và nội

dung công tác thanh niên trong thời kỳ mới. Xử lý các vấn đề thanh niên không sát đúng với tâm lý và những nhu cầu mới của thanh niên. Một số cán bộ, đảng viên lớn tuổi còn thiếu tôn trọng, thiếu niềm tin vào thanh niên. Tình trạng thoái hoá, biến chất cùng với sự hạn chế về năng lực của nhiều đảng viên đã làm cho niềm tin của tuổi trẻ đối với Đảng bị giảm sút. Công tác thanh niên chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới và phát triển Đảng.

- Lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ đảng còn chung chung, Nhà nước còn chậm trễ trong thể chế hoá nghị quyết của Đảng, thiếu đầu tư thích đáng và chưa có tổ chức chuyên trách về công tác thanh niên. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có cố gắng, song bước vào thời kỳ mới đã bộc lộ nhiều nhược điểm, thiếu sót. Vai trò và ảnh hưởng của Đoàn trong thanh niên bị giảm sút. Công tác đoàn kết tập hợp thanh niên và giáo dục thiếu niên, nhi đồng còn hạn chế. Các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội và nhiều gia đình chưa quan tâm đầy đủ đến việc chăm sóc, giáo dục thanh, thiếu niên.

II- PHƯƠNG HƯỚNG LỚN TRONG CHÍNH SÁCH THANH NIÊN

1. Thanh niên là lực lượng xung kích trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Sự nghiệp đổi mới có thành công hay không, đất nước bước vào thế kỷ XXI có vị trí xứng đáng trong cộng đồng thế giới hay không, cách mạng Việt Nam có vững bước theo con đường xã hội chủ nghĩa hay không phần lớn tùy thuộc vào lực lượng thanh niên, vào việc bồi dưỡng,

rèn luyện thế hệ thanh niên; công tác thanh niên là vấn đề sống còn của dân tộc, là một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng. Đúng như Bác Hồ đã nói: "Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người", vì vậy vấn đề thanh niên phải đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược phát huy nhân tố và nguồn lực con người.

Đảng đặt niềm tin sâu sắc vào thanh niên, phát huy vai trò làm chủ và tiềm năng to lớn của thanh niên để thanh niên thực hiện được sứ mệnh lịch sử, đi đầu trong cuộc đấu tranh chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng và bảo vệ đất nước giàu mạnh, xã hội văn minh, nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

2. Đào tạo, giáo dục, bồi dưỡng và tạo mọi điều kiện cho thanh niên phấn đấu để hình thành một thế hệ con người mới có lý tưởng cao đẹp, có ý thức trách nhiệm công dân, có tri thức, có sức khoẻ và lao động giỏi, sống có văn hoá và tình nghĩa, giàu lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính. Cổ vũ thanh niên Việt Nam nuôi dưỡng hoài bão lớn, tự cường dân tộc, năng động, sáng tạo, làm chủ được khoa học và công nghệ mới, vươn lên ngang tầm thời đại, sánh vai cùng thanh niên các nước trên thế giới. Hình thành một lớp thanh niên nam, nữ ưu tú, vững vàng về chính trị, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, tiêu biểu cho thế hệ trẻ, trở thành những nhà lãnh đạo, quản lý, kinh doanh giỏi, những chuyên gia xuất sắc trên mọi hoạt động của xã hội, những trí thức uyên bác chiếm lĩnh các đỉnh cao của khoa học, những văn nghệ sĩ có tài năng, những người lao động có tay nghề cao.

3. Phát huy lực lượng và tiềm năng của thế hệ trẻ

- Giải quyết việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho thanh niên là một ưu tiên hàng đầu của Đảng và Nhà nước. Khuyến khích thanh niên hăng say lập nghiệp, tự tạo việc làm và giúp nhau tạo việc làm. Nhà nước tổ chức và huy động thanh niên tham gia xây dựng các công trình, các lĩnh vực, các vùng kinh tế quan trọng; đầu tư ngân sách thích đáng cho các chương trình giải quyết việc làm. Mở rộng việc cho các gia đình vay vốn để sản xuất kinh doanh. Sửa đổi, bổ sung những quy định về quản lý lao động và cư trú để thanh niên dễ dàng tìm việc làm. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Mở rộng mạng lưới dạy nghề và giới thiệu việc làm cho thanh niên.

- Đáp ứng thiết thực các yêu cầu về học tập, lao động, sinh hoạt văn hoá, du lịch, thể dục, thể thao, xây dựng hạnh phúc gia đình cho thanh niên.

- Bồi dưỡng tài năng trẻ, giao việc cho thanh niên; sử dụng và đề bạt cán bộ trẻ vào các vị trí xứng đáng với đức - tài của họ; nâng cao tỷ lệ cán bộ trẻ trong cơ quan lãnh đạo, quản lý ở các cấp, các ngành.

- Tổ chức tốt việc phục hồi chức năng, chăm lo dạy nghề, dạy văn hoá, bố trí việc làm thích hợp cho thương binh, thanh niên, thiếu niên tàn tật.

- Có chủ trương, biện pháp cụ thể thích hợp đối với hoạt động của thanh niên dân tộc.

4. Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thực sự là đội dự bị của Đảng. Củng cố tổ chức và đổi mới phương thức hoạt động của Đoàn, nhất là đoàn cơ sở. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

đoàn, nhất là cán bộ đoàn cơ sở. Đoàn kết, tập hợp rộng rãi các tầng lớp thanh niên trong các tổ chức Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt. Chăm lo xây dựng Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh và các hình thức tập hợp, giáo dục nhi đồng.

5. Xây dựng môi trường xã hội lành mạnh là điều kiện phát triển của thế hệ trẻ và cũng là nhiệm vụ của chính thanh niên.

Tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách: lập lại trật tự kỷ cương xã hội, xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật; chống văn hoá độc hại; đồi trụy, mê tín, dị đoan; chống nạn ma tuý, mại dâm, cờ bạc; chống tham nhũng, buôn lậu, làm hàng giả và các hành vi tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự và an toàn xã hội.

Xây dựng và thực hiện các quy ước về nếp sống văn minh ở các địa bàn dân cư, các đơn vị cơ sở, trường học, những nơi công cộng.

Xây dựng gia đình văn hoá, tăng cường trách nhiệm của gia đình trong việc giáo dục, chăm sóc thanh, thiếu niên.

III- ĐẢNG, NHÀ NƯỚC, CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN ĐỐI VỚI CÔNG TÁC THANH NIÊN

1. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị thực hiện nhiệm vụ công tác thanh niên.

Các cấp uỷ từ trung ương đến cơ sở có chương trình công tác thanh niên trong nhiệm kỳ, lãnh đạo các cơ quan nhà nước xây dựng luật pháp, chính sách, chương trình kế hoạch công tác thanh niên. Các tổ chức đảng chăm lo củng cố Đoàn,

xây dựng mặt trận thanh niên và đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng trong thanh niên. Đảng viên phải là người lãnh đạo, là tấm gương, là người bạn của giới trẻ.

Quan tâm phát triển đảng trong thanh niên.

Các ban của Đảng, các viện khoa học cần tăng cường công tác nghiên cứu và phối hợp xây dựng các chương trình, đề tài giải đáp những vấn đề lý luận và thực tiễn về thanh, thiếu niên và công tác thanh, thiếu niên.

2. Nhà nước ban hành và hoàn thiện các chính sách về việc làm, thu nhập, giáo dục, văn hoá, chăm sóc sức khoẻ và các chính sách kinh tế - xã hội khác, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lành mạnh của thế hệ trẻ và phong trào thanh niên. Xây dựng và ban hành các văn bản pháp quy liên quan đến công tác thanh niên.

Lập cơ quan phụ trách công tác thanh niên của Chính phủ. Xây dựng quy chế phối hợp giữa cơ quan chính quyền với các tổ chức thanh niên.

Quan tâm xây dựng cơ sở vật chất cho công tác thanh niên như các trung tâm, các cơ sở hoạt động văn hoá, thể dục thể thao, dạy nghề và giới thiệu việc làm. Đầu tư cho việc nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng các loại cán bộ vận động thanh, thiếu niên.

3. Các đoàn thể, các lực lượng vũ trang và tổ chức xã hội có chương trình về công tác thanh niên của tổ chức mình, xây dựng quy chế phối hợp hành động với Đoàn và các tổ chức thanh, thiếu niên.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
ĐỖ MƯỜI

THÔNG BÁO CỦA BAN BÍ THƯ

Số 41-TB/TW, ngày 6 tháng 3 năm 1993

VỀ VIỆC TIẾN HÀNH TỔNG KẾT CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

Ban Bí thư họp ngày 20-2-1993 bàn việc thực hiện Quyết định số 39-QĐ/TW, ngày 17-10-1992 của Bộ Chính trị về tổng kết công tác xây dựng Đảng. Sau khi nghe Tiểu ban tổng kết xây dựng Đảng trình bày đề cương và kế hoạch tổng kết, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Về mục đích yêu cầu và phạm vi tổng kết

- Ban Bí thư nhấn mạnh rằng trong tình hình hiện nay, xây dựng Đảng đang trở thành vấn đề then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Do đó tổng kết xây dựng Đảng là một công tác quan trọng, cần được tiến hành khẩn trương, nghiêm túc, bảo đảm đạt kết quả thiết thực, góp phần chuẩn bị cho Đại hội VIII của Đảng, trước mắt là Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ.

- Cần tập trung tổng kết công tác xây dựng Đảng từ khi Đảng lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên

phạm vi cả nước, đặc biệt là từ khi thực hiện đường lối đổi mới, rút ra những bài học kinh nghiệm lớn và những vấn đề lý luận bức thiết về Đảng cầm quyền trong điều kiện mới của cách mạng Việt Nam, trên cơ sở đó đề ra những nhiệm vụ và giải pháp cơ bản về xây dựng Đảng nhằm nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của Đảng.

2. Về phương châm, phương pháp tổng kết

- Phải có quan điểm lịch sử, khách quan, toàn diện, quan điểm đổi mới và xuất phát từ thực tiễn.

- Tổng kết thực tiễn của Đảng ta đồng thời có tham khảo kinh nghiệm của các đảng khác trên thế giới.

- Thực hiện dân chủ và tự do tư tưởng, phát huy trí tuệ của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

3. Về nội dung tổng kết

Ban Bí thư nhất trí về cơ bản với đề cương tổng kết của Tiểu ban và nhấn mạnh một số vấn đề sau:

- Tổng kết công tác xây dựng Đảng về chính trị là vấn đề quan trọng nhất, cần tập trung nghiên cứu, phân tích rõ những đúng, sai trong việc xây dựng và thực hiện đường lối chính trị từ năm 1975, đặc biệt từ Đại hội VI đến nay, nguyên nhân và hoàn cảnh của những đúng, sai đó.

- Tổng kết công tác xây dựng Đảng về tư tưởng cần coi trọng tư tưởng chính trị, các khuynh hướng tư tưởng trong Đảng, đặc biệt là ở những bước ngoặt của lịch sử; công tác tư tưởng trong điều kiện kinh tế thị trường, mở cửa và cuộc đấu tranh chống "diễn biến hoà bình".

- Tổng kết xây dựng Đảng về tổ chức cán tập trung nghiên cứu những vấn đề về tính chất đảng, các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, về tổ chức cơ sở đảng và xây dựng đội ngũ đảng viên trong điều kiện mới.

- Tổng kết xây dựng Đảng về cán bộ chú trọng những vấn đề chiến lược và bức thiết trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

- Tổng kết xây dựng Đảng về phương thức lãnh đạo, tập trung vào vấn đề đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân.

Nghiên cứu sự sụp đổ của Đảng Cộng sản Liên Xô và Đông Âu, rút ra những bài học về xây dựng Đảng.

4. Về tổ chức chỉ đạo

- Do tầm quan trọng của vấn đề, việc tổng kết công tác xây dựng Đảng đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Tiểu ban tổng kết xây dựng Đảng giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư chuẩn bị nội dung tổng kết, hướng dẫn các cấp, các ngành có liên quan tổng kết; chỉ đạo tổ biên tập nghiên cứu và soạn thảo các văn bản. Tiểu ban có một văn phòng giúp việc gọn nhẹ, được cung cấp các văn bản, tài liệu như một đầu mối trực thuộc Ban Bí thư.

- Để tận dụng thành tựu nghiên cứu của các chương trình nghiên cứu nhà nước về khoa học xã hội, các đồng chí phụ trách các chương trình cung cấp cho Tiểu ban tổng kết xây dựng Đảng những kết quả đã đạt được.

- Ban Tài chính - Quản trị Trung ương có trách nhiệm liên hệ với Bộ Khoa học - công nghệ - môi trường và Bộ Tài chính để bảo đảm kinh phí cho việc tổng kết.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 64-QĐ/TW, ngày 10 tháng 3 năm 1993

Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Văn phòng Trung ương Đảng

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII và Điều lệ Đảng,

Căn cứ quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Khoá VII,

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

I- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

Văn phòng Trung ương là một ban của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, có chức năng tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổ chức và điều hành công việc lãnh đạo của Đảng; đồng thời là một trung tâm thông tin phục vụ lãnh đạo.

Văn phòng Trung ương có những nhiệm vụ sau đây:

1. Giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban

Bí thư (dưới đây viết tắt là Trung ương) xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình công tác, quy chế làm việc.

2. Theo dõi, đôn đốc, thẩm tra việc chuẩn bị các đề án trình Trung ương, trước hết về mặt yêu cầu, phạm vi của đề án; về quy trình, tiến độ chuẩn bị và thể thức văn bản của đề án. Tham gia cùng các cơ quan chủ đề án chỉnh lý các văn bản của Trung ương. Trực tiếp biên tập những văn bản và chuẩn bị các đề án được Ban Bí thư giao.

3. Trực tiếp theo dõi, tổng hợp tình hình các tỉnh uỷ, thành uỷ lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, phối hợp với các ban đảng theo dõi tình hình hoạt động của các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ, các ban đảng trực thuộc Trung ương, phản ánh kịp thời với Ban Bí thư; kiến nghị với Ban Bí thư và các cấp uỷ về những vấn đề cần thiết.

Theo dõi, đôn đốc các ban đảng và các cấp uỷ đảng trực thuộc Trung ương thực hiện chế độ báo cáo và các quy chế, hoạt động của Trung ương.

4. Góp phần bảo đảm các điều kiện lãnh đạo của Trung ương.

a) Tổ chức công tác thông tin phục vụ Trung ương.

b) Tiếp nhận, phát hành và quản lý các tài liệu của Trung ương; thông báo các ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đến các cấp uỷ trực thuộc Trung ương.

c) Tổ chức ghi biên bản, lập hồ sơ các cuộc họp của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Quản lý tập trung thống nhất phong lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam, trực tiếp quản lý kho lưu trữ của Trung ương Đảng.

d) Tổ chức tiếp dân; tiếp nhận và chuyển giao cho các

cơ quan có trách nhiệm giải quyết những đơn thư gửi đến Trung ương, kiến nghị với Ban Bí thư cách xử lý một số vụ việc; theo dõi kết quả giải quyết một số vụ việc được Ban Bí thư giao.

e) Phối hợp với Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các cơ quan có liên quan để bảo đảm các điều kiện làm việc tại trụ sở Trung ương Đảng, từng bước hiện đại hoá phương tiện làm việc bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt, bảo đảm an toàn tuyệt đối trụ sở Trung ương Đảng.

5. Chỉ đạo và hướng dẫn nghiệp vụ văn thư, lưu trữ cho văn phòng các cấp uỷ, các ban Trung ương Đảng; bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ văn phòng các cấp uỷ trực thuộc Trung ương.

II- TỔ CHỨC BỘ MÁY, CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Căn cứ vào quyết định này, Văn phòng Trung ương tổ chức bộ máy, xây dựng các quy chế, quy trình công tác để bảo đảm thực hiện có chất lượng các chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chuyên viên Văn phòng Trung ương làm việc trực tiếp với Chánh Văn phòng, khi cần thiết trực tiếp với các đồng chí Bí thư Trung ương. Chuyên viên Văn phòng Trung ương được dự các cuộc họp của các cấp uỷ Đảng, các ban đảng, các đảng đoàn và ban cán sự đảng của các đơn vị được phân công theo dõi, kể cả các cuộc họp về tổ chức cán bộ, kiểm điểm cá nhân các đồng chí lãnh đạo chủ chốt.

Quyết định này thay cho Quyết định 33-QĐ/TW, ngày

15-12-1987. Văn phòng Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, các cấp uỷ đảng và các ban đảng trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 62-QĐ/TW, ngày 15 tháng 3 năm 1993

Về việc thành lập Đảng đoàn, Ban cán sự đảng ở các cơ quan cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

Căn cứ Điều lệ Đảng,

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành
Trung ương Đảng Khoá VII,

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH

Điều 1:

Lập các Đảng đoàn và ban cán sự đảng sau đây ở cấp
tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân; có từ 5 đến 7 đồng chí, gồm các đảng viên là chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng. Đồng chí đảng viên là chủ tịch hội đồng làm bí thư đảng đoàn.
- Các đảng đoàn ở Mặt trận Tổ quốc, Liên đoàn Lao động,

Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Văn học nghệ thuật (hoặc Hội Văn nghệ), Hội Khoa học kỹ thuật; mỗi đảng đoàn có từ 5 đến 7 đồng chí, gồm các đảng viên trong ban chấp hành, ban thư ký. Đồng chí đảng viên là người đứng đầu mỗi đoàn thể làm bí thư đảng đoàn.

- Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân có từ 5 đến 7 đồng chí, gồm các đảng viên là chủ tịch, phó chủ tịch uỷ ban, trưởng ban tổ chức chính quyền. Đồng chí đảng viên là chủ tịch uỷ ban nhân dân làm bí thư ban cán sự đảng.

- Các ban cán sự đảng ở Viện Kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân, các sở ngân hàng, hải quan, đài phát thanh, truyền hình...; mỗi ban cán sự đảng có từ 3 đến 5 đồng chí, gồm các đảng viên là viện trưởng, viện phó, chánh án, phó chánh án, giám đốc, phó giám đốc, trưởng phòng tổ chức, bí thư đảng uỷ cơ quan. Đồng chí đảng viên là thủ trưởng cơ quan làm bí thư ban cán sự đảng.

Điều 2:

Lập các đảng đoàn và ban cán sự đảng sau đây ở cấp
huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh:

- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân có từ 3 đến 5 đồng chí, gồm các đảng viên là chủ tịch, các phó chủ tịch, trưởng ban thư ký. Đồng chí đảng viên là chủ tịch Hội đồng làm bí thư đảng đoàn.

- Các đảng đoàn ở Mặt trận Tổ quốc, Liên đoàn Lao động, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, mỗi đảng đoàn có từ 3-5 đồng chí, gồm các đảng viên là cán bộ chủ chốt trong ban chấp hành, ban thư ký. Đồng chí đảng viên là người đứng đầu mỗi đoàn thể làm bí thư đảng đoàn.

- Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân có từ 3 đến 5 đồng chí gồm các đảng viên là chủ tịch, phó chủ tịch. Đồng chí đảng viên là chủ tịch Ủy ban làm bí thư ban cán sự đảng.

Điều 3:

Các tỉnh uỷ, thành uỷ, huyện uỷ, quận uỷ, thị uỷ chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo việc thành lập các đảng đoàn, ban cán sự đảng nói trên và căn cứ hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương mà xây dựng quy chế làm việc cụ thể của từng đảng đoàn, ban cán sự đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 67-QĐ/TW, ngày 6 tháng 4 năm 1993

**Về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức
của Ban Cán sự đảng ngoài nước**

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng và Điều lệ Đảng do Đại hội VII thông qua,
- Căn cứ quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Khoá VII,
- Căn cứ Nghị quyết số 38-NQ/TW ngày 16-5-1981 và Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 20-12-1991 của Ban Bí thư,

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH**I- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA BAN CÁN SỰ ĐẢNG
NGOÀI NƯỚC**

Ban Cán sự đảng ngoài nước là ban tham mưu của Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư được Ban Bí thư uỷ nhiệm "tập thể chịu trách nhiệm giúp Trung ương chỉ đạo và quản lý các Đảng bộ ngoài nước" như một cấp uỷ.

Ban Cán sự đảng ngoài nước có những nhiệm vụ chính sau đây:

1. Nghiên cứu, đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đường lối, chủ trương công tác đảng ở ngoài nước; chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị các quyết định của Đảng về các mặt công tác nói trên; thẩm định các vấn đề về công tác đảng ở ngoài nước trước khi trình Ban Bí thư.

2. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng đảng ở ngoài nước về các mặt: tư tưởng, tổ chức, kiểm tra, bảo vệ đảng và công tác quần chúng, nhằm bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chính trị của cơ quan đại diện, của tổ chức và cá nhân cán bộ, công nhân viên, chuyên gia, học sinh và người lao động được cử đi công tác ở ngoài nước.

3. Được Trung ương uỷ quyền thành lập, giải thể, tách, nhập các đảng bộ ngoài nước; chỉ định các ban chấp hành đảng bộ tại các nước; chuẩn y các chi uỷ trực thuộc Ban do đại hội chi bộ bầu cử; quản lý đảng viên và thực hiện công tác đảng vụ theo quy định của Trung ương.

4. Đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp và sử dụng đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác đảng ngoài nước theo quy hoạch cán bộ của Ban.

5. Đôn đốc, kiểm tra việc thu nộp và chi tiêu đảng phí của các đảng bộ ngoài nước theo đúng quy định hiện hành.

6. Phối hợp với Ban Đối ngoại, Bộ Ngoại giao, Đảng uỷ khối Đối ngoại Trung ương, các ban, ngành, các đoàn thể có liên quan để làm tốt công tác đảng và công tác quần chúng ở ngoài nước.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 16-CT/TW, ngày 7 tháng 4 năm 1993

**Về lãnh đạo thực hiện chủ trương chống nạn
mãi dâm và ma túy**

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương và sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ đã ra Nghị quyết số 05/CP ngày 29-1-1993 về ngăn chặn và chống tệ nạn mãi dâm, Nghị quyết số 06/CP ngày 29-1-1993 về phòng, chống và kiểm soát ma túy.

Chống tệ nạn mãi dâm và ma túy là chủ trương có ý nghĩa xã hội và chính trị sâu sắc; là nhiệm vụ cấp bách và lâu dài của các cấp, các ngành, các đoàn thể và của toàn dân.

Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn thực hiện các việc sau đây:

1. Các tổ chức đảng cần đặt việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện việc chống nạn mãi dâm và ma túy là một nhiệm vụ công tác thường xuyên, có kế hoạch chỉ đạo các cấp chính quyền và các đoàn thể nhân dân phối hợp để thực hiện thật đầy đủ các biện pháp đã đề ra trong hai bản nghị quyết của Chính phủ.

2. Tổ chức truyền đạt nội dung của hai nghị quyết (số 05/CP và 06/CP) của Chính phủ trong các tổ chức đảng đến chi bộ cơ sở để toàn thể cán bộ, đảng viên hiểu rõ ý nghĩa quan trọng và cấp bách của việc này, nhất trí với các chủ trương, biện pháp đã đề ra.

3. Cán bộ, đảng viên gương mẫu thực hiện nghiêm túc và có trách nhiệm vận động quần chúng tổ chức thành phong trào thực hiện các quy định của Nhà nước. Cán bộ, đảng viên có vi phạm hoặc dung túng, bao che, không tố giác người vi phạm, phải được xử lý nghiêm túc về kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước.

Chỉ thị này được phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 17-CT/TW, ngày 8 tháng 4 năm 1993

Về tăng cường chỉ đạo công tác văn phòng tỉnh uỷ, thành uỷ

Trong quá trình đổi mới, nhất là từ sau Đại hội VII, nhiều tỉnh uỷ, thành uỷ đã quan tâm tăng cường xây dựng tổ chức và chỉ đạo công tác văn phòng cấp uỷ. Nhiều văn phòng tỉnh uỷ, thành uỷ đã trưởng thành nhanh chóng, phục vụ đắc lực hoạt động của các cấp uỷ, giúp cấp uỷ đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo, giải quyết kịp thời và ngày càng có hiệu quả các mặt công tác ở địa phương.

Tuy nhiên một số nơi, các cấp uỷ còn có nhận thức chưa thật đúng đắn về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của văn phòng cấp uỷ; chưa quan tâm đúng mức việc chăm lo xây dựng tổ chức, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chỉ đạo công tác và tạo điều kiện để văn phòng cấp uỷ phát huy tốt vai trò tham mưu giúp cấp uỷ đảng tổ chức điều hành công việc. Cán bộ văn phòng, nhất là đội ngũ chuyên viên nghiên cứu ở nhiều nơi chưa đủ và yếu; điều kiện và phương tiện làm việc thiếu, lạc hậu; việc bồi dưỡng nghiệp vụ cho văn phòng các cấp uỷ chưa

được chú ý. Văn phòng cấp uỷ yếu đã hạn chế hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ.

Để khắc phục tình hình nói trên, Ban Bí thư yêu cầu các tỉnh uỷ, thành uỷ tăng cường chỉ đạo công tác văn phòng cấp uỷ theo hướng sau đây:

1. Xác định văn phòng tỉnh, thành uỷ là một cơ quan thuộc hệ thống các ban đảng, có chức năng tham mưu giúp cấp uỷ, trực tiếp là giúp Ban thường vụ và thường trực tổ chức điều hành công việc lãnh đạo của Đảng. Xây dựng văn phòng cấp uỷ mạnh, phát huy tốt chức năng nói trên là yếu tố rất quan trọng để giúp cấp uỷ đảng đổi mới phương thức lãnh đạo và lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo của cấp uỷ và bảo đảm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng.

2. Tăng cường chỉ đạo văn phòng để giúp tỉnh uỷ, thành uỷ làm tốt các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- Cải tiến việc xây dựng và thực hiện chương trình công tác của cấp uỷ sao cho vừa bảo đảm giải quyết công việc trước mắt vừa chú ý nghiên cứu giải quyết những nhiệm vụ lâu dài; bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng đi đôi với phát huy hiệu lực quản lý, điều hành của bộ máy Nhà nước và vai trò của các đoàn thể nhân dân; nắm vững lãnh đạo kinh tế là nhiệm vụ trung tâm và công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt; giảm bớt họp hành, tăng cường chỉ đạo cơ sở và công tác kiểm tra...

- Nâng cao chất lượng các quyết định của cấp uỷ, trước hết là làm tốt việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc quá trình chuẩn bị các đề án và tổ chức các cuộc họp, chú trọng phát huy dân chủ, tập trung được trí tuệ của tập thể cấp uỷ, cán

bộ, đảng viên và nhân dân. Chỉ đạo văn phòng giúp cấp uỷ làm tốt công tác thẩm định, chỉnh lý cuối cùng và ban hành các văn bản quyết định; phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể liên quan tổ chức việc truyền đạt, thực hiện và kiểm tra thực hiện các nghị quyết của Đảng.

- Thường xuyên nâng cao chất lượng công tác thông tin phục vụ lãnh đạo, thực hiện đúng chế độ báo cáo cho cấp uỷ, báo cáo lên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, thông báo truyền đạt sự chỉ đạo của cấp uỷ xuống cấp dưới. Chú trọng bảo đảm thông tin đúng đối tượng, khách quan, trung thực, kịp thời; phản ánh được những ý kiến còn khác nhau và ý kiến chỉ đạo của cấp uỷ.

- Làm tốt công tác thư từ, tiếp dân; nâng cao hiệu quả việc xử lý tại chỗ những kiến nghị và khiếu nại của nhân dân.

- Đưa công tác văn thư, lưu trữ của Đảng vào nền nếp theo đúng Quyết định số 20 ngày 23-9-1987 của Ban Bí thư; thực hiện tốt việc văn bản hoá các hoạt động của cấp uỷ; chấp hành đúng quy chế quản lý tài liệu, văn kiện của Đảng, giữ gìn bí mật.

- Tích cực cải tiến phương pháp công tác và có kế hoạch từng bước hiện đại hoá phương tiện làm việc của cấp uỷ.

3. Để tạo điều kiện cho văn phòng có đủ khả năng giúp cấp uỷ làm tốt các nhiệm vụ trên đây, cần tổ chức bộ máy văn phòng tinh, gọn, gồm những cán bộ tin cậy, trung thực, có trình độ nghiệp vụ; chú trọng xây dựng đội ngũ chuyên viên mạnh, có trình độ nghiên cứu, tổng hợp và khả năng biên tập tốt. Chánh văn phòng nên là cấp uỷ viên. Coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ công tác, nghiệp vụ của cán bộ văn phòng. Quan tâm bố trí cho chuyên viên văn

phòng các cấp uỷ tham gia các đoàn khảo sát, nghiên cứu trong nước và ngoài nước.

Văn phòng Trung ương cần có kế hoạch giúp các tỉnh, thành uỷ bồi dưỡng nghiệp vụ công tác cho cán bộ văn phòng cấp uỷ; tổ chức trao đổi kinh nghiệm công tác giữa văn phòng Trung ương với văn phòng các tỉnh, thành uỷ.

Đi đôi với việc thực hiện chế độ lương mới, các tỉnh uỷ, thành uỷ nên căn cứ vào đặc điểm, tính chất của công việc văn phòng cấp uỷ và tình hình cụ thể của địa phương mà có những chế độ bồi dưỡng thích hợp.

Căn cứ vào Chỉ thị này, các tỉnh uỷ, thành uỷ, các cấp uỷ trực thuộc Trung ương vận dụng để tiếp tục nâng cao chất lượng văn phòng cấp uỷ cấp mình và các cấp dưới.

Chỉ thị này phổ biến đến các huyện uỷ, quận uỷ và các cấp uỷ tương đương.

Văn phòng Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương giúp Ban Bí thư theo dõi việc thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 18-CT/TW, ngày 14 tháng 4 năm 1993

Về việc lãnh đạo lấy ý kiến nhân dân đối với dự án Luật đất đai (sửa đổi)

Đất đai là tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá, có vị trí đặc biệt quan trọng trong đời sống xã hội, liên quan đến lợi ích của Nhà nước, của xã hội và từng người dân; vấn đề đất đai đang là vấn đề nóng bỏng, phức tạp và rất nhạy cảm ở các địa phương.

Trong tình hình mới, việc sửa đổi, bổ sung Luật đất đai là chủ trương lớn nhằm cụ thể hoá các quy định của Hiến pháp năm 1992, thể chế hoá chính sách của Đảng và Nhà nước về đất đai, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng loại đất, tạo căn cứ pháp lý cho việc giải quyết những tranh chấp về đất đai trong nhân dân, góp phần bảo đảm phát triển kinh tế và ổn định xã hội.

Cần tổ chức tốt việc lấy ý kiến nhân dân về dự án Luật đất đai (sửa đổi) để có thêm căn cứ hoàn chỉnh dự luật, bảo đảm các quy định trong luật sát hợp với thực tiễn cuộc sống, kết hợp được lợi ích của Nhà nước với lợi ích chính đáng của

người dân, đồng thời góp phần nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật trong mọi tầng lớp nhân dân. Nhằm mục đích đó, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng, các đảng đoàn và các ban cán sự đảng thực hiện tốt một số điểm sau đây:

1. Quán triệt mục đích của việc lãnh đạo lấy ý kiến nhân dân về dự án Luật đất đai (sửa đổi) lần này là:

- Làm cho nhân dân, cán bộ, đảng viên nắm được những quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước ta về đất đai được thể hiện trong dự án luật: toàn bộ đất đai đều thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý, Nhà nước chỉ giao cho các tổ chức và cá nhân quyền sử dụng đất, không cho mua bán đất; bảo đảm cho những người làm nghề nông đều có ruộng đất để canh tác, Nhà nước giao ruộng đất cho nông dân sử dụng ổn định lâu dài theo thời hạn thích hợp, người sử dụng đất có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước, v.v..

- Việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân phải thiết thực, hết sức tránh hình thức, tốn kém; bảo đảm dân chủ, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của dân.

2. Các tổ chức đảng theo chức năng của mình cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

a) Đảng đoàn Quốc hội phối hợp với Ban cán sự Đảng Chính phủ, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, các đoàn thể nhân dân khác và ban cán sự đảng của các cơ quan hữu quan ở Trung ương, lãnh đạo tốt việc lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch lấy ý kiến nhân dân; theo dõi sát sao quá trình thảo luận trong phạm vi cả nước, kịp thời giải thích, uốn nắn những tư tưởng và việc làm lệch lạc; tổng hợp đầy đủ, nghiêm túc tiếp thu ý kiến đóng góp của nhân dân để chỉnh lý dự án luật trình Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp

hành Trung ương xem xét, cho ý kiến về những chủ trương lớn, làm cơ sở cho việc hoàn chỉnh dự án Luật đất đai (sửa đổi) trình Quốc hội thông qua vào tháng 6-1993.

b) Các tỉnh uỷ, thành viên lãnh đạo Ban chỉ đạo lấy ý kiến của tỉnh, thành phố và các tổ chức đảng ở địa phương tổ chức tốt việc lấy ý kiến nhân dân theo kế hoạch của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chú ý những đặc điểm tình hình của địa phương, kịp thời ngăn chặn những hoạt động tiêu cực liên quan đến đất đai, những hành vi vi phạm pháp luật trong lúc chờ ban hành Luật đất đai (sửa đổi).

Chỉ thị này được phổ biến đến các chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 19-CT/TW, ngày 19 tháng 4 năm 1993

VỀ VIỆC LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM

Hội Luật gia Việt Nam là một tổ chức thống nhất của những người làm công tác pháp luật trong cả nước, thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Hoạt động của Hội có vị trí quan trọng trong việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền, góp phần thực hiện nhiệm vụ đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Hội có nhiệm vụ huy động giới luật gia tích cực tham gia nghiên cứu chuẩn bị các dự án pháp luật, đáp ứng kịp thời yêu cầu của công cuộc đổi mới; tuyên truyền, phổ biến pháp luật, xây dựng ý thức tự giác chấp hành pháp luật, giám sát việc thực hiện pháp luật và đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật, chống tham nhũng, buôn lậu và những tệ nạn xã hội khác.

Hội cần mở rộng quan hệ và sự hợp tác với các tổ chức Luật gia tiến bộ trong khu vực và trên thế giới, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh nhằm tạo điều kiện môi trường pháp lý quốc tế thuận lợi phục vụ công cuộc phát triển kinh tế, xây dựng đất nước, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của

đất nước; đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Để làm tốt những nhiệm vụ trên đây, Hội Luật gia Việt Nam cần được củng cố, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động. Hội vận động, tập hợp rộng rãi các luật gia thuộc các thành phần xã hội, tự nguyện hoạt động vì sự nghiệp dân giàu nước mạnh, xã hội văn minh; vừa coi trọng phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của đất nước, vừa quan tâm đáp ứng nguyện vọng, lợi ích của hội viên. Hội chăm lo bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị và kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho hội viên. Hội cần mở rộng quan hệ hợp tác với các đoàn thể nhân dân, các tổ chức kinh tế - xã hội, các đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân; hoạt động của Hội phải đi sát nhân dân, đáp ứng những đòi hỏi và nguyện vọng của nhân dân.

Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng, các ban cán sự đảng, các đảng đoàn thực hiện tốt những việc sau đây:

1. Coi trọng lãnh đạo việc xây dựng và tăng cường hoạt động của Hội Luật gia Việt Nam. Những nơi đã có Hội thì quan tâm củng cố Hội, tạo điều kiện cho Hội hoạt động, nơi nào chưa có và có điều kiện, thì xúc tiến việc thành lập Hội và triển khai hoạt động.

2. Tăng cường sự chỉ đạo về tư tưởng, tổ chức, chính sách đối với Hội Luật gia, thường xuyên phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cho các hội viên; và định kỳ nghe Hội báo cáo và có ý kiến chỉ đạo. Ở trung ương cần thành lập đảng đoàn để lãnh đạo công tác của Hội.

3. Lãnh đạo Hội Luật gia Việt Nam phối hợp chặt chẽ với

Mặt trận Tổ quốc và các cơ quan nhà nước, nhất là các cơ quan chuyên trách về pháp luật, trong việc nghiên cứu xây dựng pháp luật, tuyên truyền phổ biến pháp luật, đấu tranh chống vi phạm pháp luật. Ở cơ sở, hội viên luật gia nên tham gia các tổ chức thanh tra nhân dân, tổ hoà giải, v.v.. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cần tham khảo ý kiến của Hội Luật gia trong việc thành lập và giám sát hoạt động của các đoàn luật sư và các tổ chức tư vấn pháp lý.

4. Ban Nội chính Trung ương giúp Ban Bí thư theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thi hành Chỉ thị này, Ban Đối ngoại Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn công tác đối ngoại với Hội Luật gia Việt Nam.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

THÔNG BÁO CỦA BAN BÍ THƯ

Số 46-TB/TW, ngày 20 tháng 4 năm 1993

Về công tác kiểm tra*

I- VỀ CÔNG TÁC CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

Ngày 20-4-1993, sau khi nghe Ủy ban Kiểm tra Trung ương báo cáo tình hình hoạt động từ sau Đại hội VII đến nay, nhiệm vụ công tác trong thời gian tới, Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Từ sau Đại hội VII đến nay, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã nghiêm túc, khẩn trương, làm được nhiều việc triển khai thực hiện Điều lệ Đảng và nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao. Song, cần nghiên cứu, phân tích sâu sắc hơn nguyên nhân công tác kiểm tra đạt hiệu quả thấp, đề ra biện pháp khắc phục.

2. Để bảo đảm không đi chệch đường lối, công tác kiểm tra của Đảng phải coi kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách và chấp hành nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

(nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ) là nhiệm vụ then chốt. Các cấp ủy phải chỉ đạo và tiến hành công tác kiểm tra.

2. Ủy ban Kiểm tra Trung ương phải tập trung kiểm tra các cấp ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc Trung ương, các ban của Trung ương Đảng, các cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý (chú ý cán bộ chủ trì), về hai nội dung nói trên. Qua kiểm tra thấy có vấn đề gì cần xem xét mà thuộc về nguyên tắc, đường lối, kể cả việc phải bổ sung Điều lệ Đảng thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương trình Bộ Chính trị.

Cần phát huy vai trò của đảng ủy cơ quan và đảng ủy khối trong công tác kiểm tra.

4. Để tăng cường công tác kiểm tra, Ban Bí thư quyết định:

- Cần bổ sung, sửa đổi quy định về việc thi hành kỷ luật và xem xét thu tố cáo đối với cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật, kỷ luật nhà nước và các đoàn thể, phù hợp với nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo và quản lý công tác cán bộ như Quyết định số 44 ngày 14-11-1992 của Bộ Chính trị.

- Bố trí cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương một số cán bộ cao cấp để đáp ứng yêu cầu công tác của Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong tình hình hiện nay.

Khi cần thiết, Ủy ban Kiểm tra Trung ương có thể sử dụng những chuyên gia giỏi về từng lĩnh vực, nhất là lĩnh vực kinh tế để hỗ trợ cho công tác kiểm tra.

- Bổ sung quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về nhiệm vụ tham gia ý kiến với Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác cán bộ.

Các tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương cần bổ sung một số điểm cần thiết vào quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra cấp mình. Chú ý quy định các nội dung:

+ Theo dõi tình hình chấp hành quy chế làm việc của cấp uỷ và có trách nhiệm báo cáo trước hội nghị kiểm điểm cuối năm của cấp uỷ.

+ Uỷ viên uỷ ban kiểm tra không phải là cấp uỷ viên được tham dự hội nghị cấp uỷ mở rộng.

+ Được tham gia ý kiến với cấp uỷ trước khi quyết định những vấn đề về công tác cán bộ.

- Uỷ ban Kiểm tra Trung ương cùng Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương quy định một số chế độ đối với cán bộ làm công tác kiểm tra; trang bị một số phương tiện kỹ thuật hiện đại phục vụ công tác kiểm tra; quy định biên chế bộ máy giúp việc của uỷ ban kiểm tra các cấp.

II- VỀ QUY ĐỊNH THI HÀNH KỶ LUẬT ĐẢNG VIÊN

Cũng trong phiên họp trên, sau khi nghe Uỷ ban Kiểm tra Trung ương báo cáo dự thảo quy định về thi hành kỷ luật đảng viên trong tình hình hiện nay, Ban Bí thư giao Uỷ ban Kiểm tra Trung ương chủ trì, có sự tham gia của Ban Tổ chức Trung ương và các ban có liên quan chuẩn bị với nội dung toàn diện các quy định mang tính chất điều luật đối với kỷ luật đảng viên, có quy định rõ mức độ kỷ luật, các hình thức kỷ luật, các hình thức ra Đảng.

Mục đích của kỷ luật đảng viên là xây dựng đảng vững mạnh, nâng cao tinh thần cách mạng, ý chí chiến đấu của đảng viên để thực hiện đường lối của Đảng, đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Kỷ luật đảng nhằm xây dựng đảng và qua kỷ luật mà giáo dục đảng viên.

Sau khi Bộ Chính trị cho ý kiến sẽ đưa ra lấy ý kiến của các cấp uỷ đảng, các ban đảng, kể cả các đảng viên - luật gia để hoàn chỉnh trước khi ban hành.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 03-NQ/TW, ngày 6 tháng 5 năm 1993

**VỀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN
TRONG NHỮNG NĂM TRƯỚC MẮT**

I

Trong thời đại ngày nay, sự phát triển khoa học và công nghệ cho phép con người mở rộng khả năng khai thác tài nguyên biển vượt qua các giới hạn về độ sâu và tiến tới khả năng sinh sống ở môi trường biển. Trước sức ép ngày càng tăng về dân số và sự cạn kiệt dần tài nguyên trên đất liền, tiến ra biển trở thành một hướng phát triển của loài người, một chiến lược lâu dài của nhiều nước trên thế giới.

Việt Nam là một quốc gia ven biển. Với diện tích rộng gấp ba lần lãnh thổ trên đất liền, vùng biển và thềm lục địa thuộc chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của nước ta chứa đựng nhiều tài nguyên và tiềm năng phong phú để phát triển kinh tế tổng hợp. Nằm ở vòng cung phía tây Thái Bình Dương, một vùng phát triển kinh tế năng động, biển Việt Nam cùng với các đảo, quần đảo và hơn 3.200km bờ biển có

nhiều cửa ngõ thông thương và vị trí thuận lợi trên các tuyến giao lưu quốc tế, tạo lợi thế lớn cho sự phát triển hệ thống kinh tế mở và các loại hình vận tải, dịch vụ hàng hải, du lịch.

Biển Đông cùng các hải đảo là nơi đang diễn ra những tranh chấp phức tạp và quyết liệt về chủ quyền giữa các quốc gia, đẩy tới xu hướng tăng cường lực lượng quân sự, đặc biệt là hải quân của các nước trong vùng. Những nước có lực lượng lớn về kinh tế và quân sự, đang sử dụng ưu thế của mình trên biển để xâm phạm và uy hiếp chủ quyền trên vùng biển, vùng thềm lục địa và hải đảo của nước ta và của các nước khác ven biển Đông hòng giành các nguồn lợi biển và khống chế các hoạt động trên biển ở trong vùng.

Vị trí và đặc điểm địa lý của nước ta cùng với bối cảnh phức tạp trong vùng vừa tạo điều kiện, vừa đòi hỏi chúng ta phải đẩy mạnh phát triển kinh tế biển đi đôi với tăng cường khả năng bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia, bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái biển, phấn đấu trở thành một nước mạnh về kinh tế biển.

II

Qua mấy năm đổi mới, các ngành kinh tế biển đã có bước khôi phục và phát triển với những tiến bộ rõ nét, nhất là các ngành dầu khí, hải sản và một số lĩnh vực dịch vụ. Tuy vậy, nhìn chung cho đến nay các nguồn lợi biển của nước ta mới được khai thác ở mức thấp. Sự hiểu biết về tiềm năng biển của nước ta còn sơ sài và phiến diện. Công tác điều tra cơ bản và nghiên cứu khoa học về biển, kể cả đối với một số lợi thế của nước ta trên biển, chưa tạo được cơ sở khoa học và công

nghệ cần thiết cho sự phát triển các ngành, các vùng kinh tế biển cũng như việc hoạch định quy hoạch, kế hoạch, chính sách về biển. Sự phát triển các ngành kinh tế biển và các địa phương có biển chưa kết hợp theo một quy hoạch chung để hình thành một nền kinh tế biển thống nhất với cơ cấu hợp lý, phát huy được những lợi thế của biển.

Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở vùng ven biển và hải đảo còn thiếu thốn và lạc hậu, nhất là thông tin liên lạc và giao thông vận tải. Ở các đảo có dân, kinh tế kém phát triển, đời sống của dân còn nghèo nên khó thu hút thêm và định cư được dân ở những nơi xung yếu. Một số đảo có thể bố trí dân cư nhưng vẫn còn bị bỏ trống. Điều đó hạn chế việc khai thác các nguồn lợi biển và làm giảm khả năng bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.

Thực trạng phát triển kinh tế biển ở nước ta còn thấp so với tiềm năng. Diện tích đất ven biển có thể trồng cói mới được canh tác khoảng 40%; diện tích có thể làm đồng muối cũng mới khai thác được khoảng 40%. Hơn một triệu hécta mặt nước lợ và 1,5 triệu ha đất rừng ngập mặn chưa được sử dụng hợp lý. Tiềm năng khoáng sản, vật liệu xây dựng ở vùng ven biển chưa được điều tra, đánh giá đầy đủ và mới bắt đầu được khai thác ở quy mô nhỏ. Nghề cá còn đang ở tình trạng sản xuất nhỏ lạc hậu, vùng gần bờ đã khai thác gần đến mức tối đa, trong khi vùng ngoài khơi xa còn ít được khai thác do chưa nắm vững ngư trường, thiếu phương tiện thích hợp và các điều kiện cần thiết khác. Nghề nuôi trồng thủy sản gần đây phát triển nhưng hầu hết còn quảng canh, năng suất và hiệu quả thấp.

Hệ thống cảng biển phân bố tương đối đều dọc ven biển

nhưng cơ sở vật chất và trang bị kỹ thuật yếu, hiệu quả sử dụng thấp, lại bị sa bồi làm giảm dần độ sâu; chưa có thương cảng cho tàu vài vạn tấn. Tổng khối lượng hàng thông qua mạng lưới cảng biển chưa được 10 triệu tấn/năm. Đội tàu vận tải biển của ta còn nhỏ, tuổi tàu và thiết bị đều già cỗi. Dịch vụ hàng hải chậm phát triển cả về loại hình và chất lượng.

Ngành dầu khí mấy năm qua tăng nhanh được sản lượng khai thác, bắt đầu có đóng góp đáng kể cho nền kinh tế nhưng phát triển chưa đồng bộ, chưa tận dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên đã khai thác. Cơ sở dữ liệu quốc gia về dầu khí chưa đầy đủ, độ tin cậy thấp đang cản trở việc hoạch định chính sách, mở rộng thăm dò, khai thác, sử dụng các tranh chấp về chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển.

Sự phát triển du lịch còn thiếu quy hoạch chung, chưa khai thác được tiềm năng tổng hợp về du lịch của vùng biển.

Chưa coi trọng bảo vệ môi trường, tái tạo và làm giàu tiềm năng về các nguồn lợi biển. Khoáng sản, rừng ngập mặn, ngư trường và các nguồn lợi khác ở ven biển đang bị khai thác bừa bãi. Môi trường và hệ sinh thái biển, nhất là dải ven bờ ở một số vùng đã bị ô nhiễm, một số nguồn tài nguyên có thể tái tạo đang bị sút giảm do các hoạt động kinh tế tự phát và cục bộ gây ra.

Quản lý nhà nước về biển và các hoạt động kinh tế biển yếu cả về pháp chế và kỷ cương, về tổ chức quản lý, về sự phối hợp giữa các ngành và các địa phương.

III

Trở thành một nước mạnh về biển là mục tiêu chiến lược

xuất phát từ yêu cầu và điều kiện khách quan của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Việc thực hiện mục tiêu đó phải quán triệt những quan điểm dưới đây:

Kết hợp hữu cơ kinh tế và quốc phòng, an ninh, kết hợp nguồn lực trong nước với việc tăng cường quan hệ về nhiều mặt với bên ngoài, đặc biệt là các nước vùng Thái Bình Dương và biển Đông theo hướng đa phương hoá, ...

Xem việc phát triển kinh tế biển, mở rộng nhanh phạm vi hoạt động kinh tế trên vùng biển và hải đảo thuộc chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của nước ta là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để vừa khai thác nguồn lợi biển, vừa khẳng định chủ quyền và nâng cao khả năng bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và lãnh hải.

Xây dựng vùng ven biển và hải đảo, trước hết là ở một số địa bàn kinh tế trọng điểm của cả nước, thành "bàn đạp" tiến ra biển, đồng thời là "đầu tàu" lôi kéo các vùng khác trong nước phát triển.

Khai thác các nguồn lợi biển phải gắn ngay từ đầu với bảo vệ môi trường sinh thái, sử dụng tài nguyên có hiệu quả, khôi phục và làm giàu tài nguyên có thể tái tạo.

Dưới đây là phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế biển trong những năm trước mắt:

1. Xây dựng các địa bàn và trung tâm kinh tế biển

a) Quy hoạch để hình thành từng bước các trung tâm kinh tế biển theo hướng phát triển tổng hợp: vận tải biển và dịch vụ hàng hải; khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản và

dịch vụ nghề cá; công nghiệp lọc và hoá dầu, đóng và sửa chữa tàu, khai thác và chế biến khoáng sản, vật liệu xây dựng...; xây dựng các khu chế xuất, các căn cứ trên bờ cho vận tải, du lịch và dịch vụ.

Tập trung sức xây dựng các đô thị trung tâm kinh tế biển nối liền với địa bàn nội địa thuộc các vùng kinh tế trọng điểm dưới đây:

- Phía bắc: vùng trọng điểm Hà Nội - Hải Phòng, Quảng Ninh, trong đó thành phố Hải Phòng và thành phố Hạ Long trong tương lai (bao gồm Hòn Gai - Bãi Cháy - Hoành Bồ) là các đô thị trung tâm kinh tế biển.

- Phía nam: vùng trọng điểm Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hoà - Vũng Tàu. Thành phố tiền duyên là Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Miền Trung: cụm Huế - Đà Nẵng - Quy Nhơn và Nha Trang - Cam Ranh đóng vai trò cửa ngõ ra biển Đông đối với miền Trung, Tây Nguyên, đối với một số nước như Campuchia, Thái Lan.

Các tỉnh khác có biển và hải đảo ở biển Đông và vịnh Thái Lan phải có kế hoạch xây dựng kinh tế biển phù hợp với điều kiện của từng địa bàn; trong đó các đô thị ven biển được xây dựng thành trung tâm kinh tế đối với từng vùng biển.

b) Nâng cấp, xây dựng mới theo hướng hiện đại hoá các cảng biển (chú ý cảng nước sâu) trong một quy hoạch hợp lý liên kết với hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường sông:

+ Cụm cảng phía bắc, trọng tâm là cảng Hải Phòng, cảng Cái Lân.

+ Cụm cảng phía nam, trọng tâm là các cảng Vũng Tàu, Thị Vải, Sài Gòn. Xem xét cảng Cần Thơ và Hòn Chông ở miền Tây Nam Bộ.

+ Các cảng quan trọng ở miền Trung: Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Cam Ranh... nghiên cứu để có chủ trương về cảng Hòn La.

Đồng bộ hoá và hiện đại hoá dân cơ sở vật chất kỹ thuật quản lý, điều hành hàng hải, hàng không quốc tế trên vùng biển, vùng trời của ta (hệ thống điều hành, radar, đèn hiệu, phao tiêu, cứu hộ...).

c) Tổ chức đưa dân ra các đảo còn ít hoặc chưa có người ở, trước hết là những đảo và quần đảo xung yếu... Khẩn trương xây dựng một số nhà nổi ở những nơi xung yếu trên thêm lục địa, tạo chỗ đứng cho việc kiểm soát, bảo vệ vùng biển và đưa các hoạt động kinh tế, nghiên cứu khoa học tiến ra biển.

Xây dựng trú phủ một số đảo ven biển quan trọng như Phú Quốc, Côn Đảo, Phú Quý, Lý Sơn, Côn Cỏ, Hòn Mê, Cát Bà, cung đảo Hạ Long - Cô Tô.

Trong việc xây dựng kinh tế đảo, Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trước hết là những công trình thiết yếu về giao thông, cầu cảng, sân bay, thông tin liên lạc, đồng thời có chính sách ưu đãi đặc biệt để khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế, hỗ trợ những gia đình ra đảo lập nghiệp.

2. Đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế biển

a) Triển khai nhanh việc thăm dò và khai thác *dầu khí*, xây dựng công nghiệp lọc, hoá dầu, sử dụng khí, phát triển toàn diện ngành dầu khí, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên này. Xúc tiến khẩn trương việc thu

hút đầu tư nước ngoài, đặc biệt là những nước có ưu thế về vốn và công nghệ dầu khí vào việc thăm dò, khai thác ở vùng đảo Trường Sa, vịnh Bắc Bộ, đưa nhanh ra vùng thuộc chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của ta... Đàm phán và triển khai thực hiện các thoả thuận với các nước hữu quan về hợp tác khai thác những vùng chồng lấn về ranh giới chủ quyền. Tăng cường xây dựng lực lượng thăm dò và khai thác của ta. Dành một số lô để nước ta tự khai thác kết hợp với việc thuê thiết bị và vay vốn nước ngoài.

Việc khai thác và vận chuyển dầu khí phải chấp hành nghiêm chỉnh Luật bảo vệ môi trường; có biện pháp ngăn ngừa và xử lý sự cố tràn dầu gây ô nhiễm biển ở các dàn khoan và khi chuyên chở dầu.

b) *Thủy sản* cần phát triển thành một ngành kinh tế có kim ngạch xuất khẩu lớn, có sức cạnh tranh trên thị trường, đặc biệt là thị trường khu vực.

Phát triển năng lực đánh bắt cá và hải sản khác, nâng dần tỷ trọng đánh bắt xa bờ. Có biện pháp bảo vệ và làm giàu nguồn hải sản. Nghiêm cấm các hình thức đánh bắt mang tính chất phá hoại ngư trường. Mở rộng nuôi trồng thủy sản đi dần vào chiều sâu với công nghệ mới. Phát triển cân đối khai thác, nuôi trồng với chế biến thủy sản và dịch vụ trên bờ. Tăng nhanh đầu tư phát triển bằng nguồn vốn trong nước đi đôi với mở rộng hợp tác liên doanh với nước ngoài.

c) *Vận tải biển* cần phát triển đồng bộ về cảng, đội tàu, dịch vụ hàng hải, công nghiệp sửa chữa và đóng tàu. Nâng cấp và xây dựng mới các cảng biển. Tổ chức lại hợp lý việc quản lý các cảng biển, phân biệt với hoạt động kinh doanh của các hãng vận tải biển.

Phát triển các đội tàu viễn dương và cận dương, kể cả tàu biển pha sông. Tăng tỷ lệ vận chuyển hàng xuất nhập khẩu cho đội tàu Việt Nam. Phát triển dịch vụ hàng hải; hợp tác với nước ngoài mở thêm các tuyến và hình thức vận tải biển; tăng việc chở thuê cho nước ngoài.

Đầu tư chiều sâu để cải tạo và nâng cao năng lực sửa chữa và đóng tàu.

d) *Du lịch biển* cần có quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển đồng bộ, hợp tác liên doanh với nước ngoài, hình thành các quần thể du lịch kết hợp nhiều mặt: nghỉ ngơi, giải trí, tham quan, điều dưỡng. Chú trọng các địa bàn có điều kiện đầu tư chiều sâu sớm đưa lại hiệu quả như vùng Hạ Long, Đồ Sơn, Sầm Sơn, Lăng Cô, Đà Nẵng, Nha Trang, Vũng Tàu, Long Hải. Phát triển các loại hình du lịch hỗn hợp biển và đất liền, tổ chức các hành trình du lịch liên kết nhiều nước.

e) **Đẩy mạnh công tác *lấn biển*** ở những nơi có điều kiện mở thêm diện tích đất nông, lâm, ngư nghiệp ven biển. Việc này cần tiến hành trên cơ sở khoa học phù hợp với điều kiện sinh thái biển, tránh các hình thức khai thác bất lợi cho sự phát triển rừng ngập mặn tự nhiên, kiên quyết đình chỉ những hoạt động khai thác bờ bãi gây hại cho sinh thái môi trường. Việc nuôi trồng hải sản ở vùng rừng ngập mặn phải có quy hoạch bảo đảm cân bằng sinh thái cho sự phát triển lâu dài.

g) Tăng cường điều tra và xây dựng quy hoạch *khai thác, chế biến các khoáng sản* vùng giáp biển. Đối với những khoáng sản còn tạm thời xuất thô, cần có kế hoạch nâng dần từng bước trình độ chế biến.

3. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và đào tạo cán bộ về biển. Cần tổ chức điều tra, nghiên cứu sâu và có hệ thống về tài nguyên, môi trường biển, đồng thời thực hiện nhanh những dự án triển khai công nghệ phục vụ cho việc phát triển kinh tế biển và bảo đảm an ninh, quốc phòng.

Tiếp tục hoàn thiện chiến lược về biển của cả nước (tới sau năm 2000) và hướng dẫn các ngành, các địa phương lập quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế biển, gìn giữ môi trường, bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển.

Tăng cường đào tạo cán bộ cho các ngành kinh tế biển và nghiên cứu khoa học về biển; chú trọng nâng cao kiến thức về luật pháp, kinh tế và quản lý biển.

4. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực phát triển kinh tế, nghiên cứu, đào tạo và gìn giữ chủ quyền biển. Khuyến khích đầu tư trực tiếp của nước ngoài, đặc biệt là các công ty lớn, dưới nhiều hình thức liên doanh, đầu tư 100% vốn, BOT vào phát triển kinh tế biển và hải đảo. Tham gia vào những công ước biển tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ lợi ích quốc gia khi giải quyết tranh chấp và hỗ trợ cho phát triển kinh tế biển của nước ta. Tham gia vào các tổ chức quốc tế về khoa học, khai thác và quản lý biển, chủ động đảm nhiệm và có đóng góp đáng kể vào các phần hoạt động liên quan đến biển Đông.

5. Bổ sung, hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách về biển và nâng cao hiệu lực thực hiện. Trước mắt, phê chuẩn Công ước Luật Biển, thông qua Luật Dầu khí. Nghiên cứu xây dựng Luật về quản lý nguồn lợi hải sản, về môi trường biển, về chủ quyền quốc gia của nước ta trên biển Đông và các hải đảo. Đầu tư xây dựng theo hướng hiện đại lực lượng

tuần tra, kiểm soát trên biển nhằm giữ gìn luật pháp quốc gia và phù hợp với luật pháp quốc tế. Kiểm soát chặt chẽ việc khai thác tài nguyên không tái tạo ở biển và ven biển, đình chỉ những việc làm tự ý không theo pháp luật và quy hoạch. Tăng cường công tác điều hành hàng không, hàng hải vùng biển, tìm kiếm cứu hộ và chống ô nhiễm biển.

6. Củng cố hệ thống tổ chức quản lý Nhà nước về biển, phối hợp chặt chẽ giữa chỉ đạo kinh tế biển và bảo vệ an ninh, quốc phòng trên biển. Củng cố ban chỉ đạo Nhà nước về biển Đông và các hải đảo nhằm vạch các chính sách chung về biển, xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển biển và các vùng ven biển; xử lý các vấn đề liên ngành và các nội dung quan trọng trong kinh tế biển và bảo vệ chủ quyền quốc gia. Ở các thành phố, tỉnh ven biển quan trọng (như Kiên Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Ninh Thuận, Khánh Hoà, Quảng Nam - Đà Nẵng, Hải Phòng, Quảng Ninh...) cần thành lập Ban chỉ đạo về biển và hải đảo.

Xây dựng quốc gia Việt Nam mạnh về biển và phát triển kinh tế biển thành một bộ phận mũi nhọn của nền kinh tế quốc dân là một mục tiêu chiến lược, đồng thời là nhiệm vụ bức bách đang đặt ra cho dân tộc ta trước thách thức lớn trên biển Đông.

Chính phủ cùng với các đồng chí lãnh đạo các ngành, các tỉnh, thành phố ven biển có trách nhiệm cụ thể hoá nghị quyết này trong các quy hoạch, kế hoạch, chính sách và biện pháp để thực hiện khẩn trương và có kết quả.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐÀO DUY TÙNG

**BÀI PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ ĐỖ MUỘI
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA VII)**

Ngày 3 tháng 6 năm 1993

**Tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ kinh tế -
xã hội nông thôn**

Thưa các đồng chí Cố vấn,

Thưa các đồng chí Trung ương,

Thưa các đồng chí,

Trải qua các thời kỳ cách mạng từ khi thành lập đến nay, Đảng ta và Bác Hồ kính yêu luôn luôn khẳng định ý nghĩa to lớn của vấn đề nông dân. Khẩu hiệu chiến lược: Độc lập cho Tổ quốc, ruộng đất cho dân cày đã trở thành ngọn cờ tập hợp toàn dân đấu tranh giành thắng lợi trong sự nghiệp cách mạng dân tộc, dân chủ. Công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo trong những năm qua cũng lấy nông thôn làm một địa bàn trọng điểm, lấy nông nghiệp làm khâu đột phá. Chỉ thị 100 của Ban Bí thư (Khóa IV) và Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (Khóa VI) là hai mốc lớn, góp phần rất quan

trọng tạo ra bước ngoặt trên con đường phát triển của nông nghiệp và nông thôn nước ta.

Thực hiện đường lối đổi mới đó, trong mấy năm qua, nền nông nghiệp nước ta đạt được nhiều tiến bộ với những kết quả đáng phấn khởi, chủ yếu là do sức sản xuất ở nông thôn được giải phóng một bước quan trọng, do tiềm năng to lớn của nông dân được phát huy. Nổi bật là sản lượng lương thực tăng liên tục mấy năm liền, đến năm 1992 đã đạt 24 triệu tấn, tiến gần tới mục tiêu mà Đại hội VII đề ra. Đó là thành tựu quan trọng góp phần ổn định chính trị - xã hội ở nông thôn và trên cả nước, tạo tiền đề tăng tốc độ phát triển kinh tế và đẩy mạnh công nghiệp hóa trong thời gian tới.

Cùng với sự gia tăng về diện tích, năng suất và sản lượng cây lương thực, sản xuất cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày, cây ăn quả, cây đặc sản, chăn nuôi, nghề rừng, nghề cá, nhất là nghề nuôi tôm cá, các loại đặc sản ven biển và nội địa, tiểu, thủ công nghiệp đều có tiến bộ, cả về năng suất, sản lượng, chủng loại và chất lượng; đáp ứng tốt hơn nhu cầu trong nước và tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản, làm cho một số vùng nông thôn nước ta thoát dần khỏi thế độc canh, thuần nông, hướng tới một nền kinh tế hàng hóa với hiệu quả cao hơn.

Kinh tế nhiều thành phần phát triển với những hình thức đa dạng, khơi dậy nhiều nguồn lực, làm cho sản xuất kinh doanh phát triển năng động hơn. Cơ sở vật chất - kỹ thuật trong nông lâm ngư nghiệp và phục vụ nông lâm ngư nghiệp có bước phát triển; tiến bộ khoa học - kỹ thuật được tiếp thu và ứng dụng tốt hơn; công tác khuyến nông bước đầu được coi trọng. Bộ mặt nông thôn và đời sống nông dân có

nhiều thay đổi tích cực. Hệ thống chính trị trong nông thôn bước đầu có chuyển biến phù hợp hơn với quá trình đổi mới về kinh tế.

Đạt được những thành tựu đó là nhờ đường lối chủ trương đổi mới của Đảng đã đúc kết được kinh nghiệm sáng tạo của quần chúng, hợp quy luật, hợp lòng dân, sự quản lý, điều hành ngày càng tiến bộ hơn của Nhà nước; nhờ nỗ lực vượt bậc của toàn dân, nhất là của nông dân; nhờ cố gắng đầu tư và sử dụng có hiệu quả hơn cơ sở vật chất kỹ thuật, trong nông nghiệp và phục vụ nông nghiệp, ứng dụng tốt hơn một số tiến bộ khoa học - kỹ thuật, quan tâm hơn đến công tác khuyến nông. Sự giúp đỡ quốc tế cũng góp phần không nhỏ vào thành tựu đã đạt được.

Mặc dầu có nhiều tiến bộ, song về cơ bản, nông nghiệp nước ta vẫn chưa thoát khỏi tình trạng sản xuất nhỏ, tự cung tự cấp, tỷ suất hàng hóa thấp và ít hiệu quả, chủ yếu lấy công làm lãi; kỹ thuật canh tác lạc hậu, năng suất cây trồng, vật nuôi, nhất là năng suất trên một lao động, đều thấp xa so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Nhiều tiềm năng của đất nước và của nhân dân chưa được phát huy, thậm chí một số mặt còn bị kìm hãm, có mặt bị hủy hoại nghiêm trọng, gây hậu quả lâu dài.

Chúng ta chưa phát huy được truyền thống cần cù, trí thông minh, kinh nghiệm và năng lực sáng tạo của đội ngũ lao động đông đảo thuộc nhiều lĩnh vực, nhiều thành phần kinh tế; chưa sử dụng có hiệu quả những năng lực sản xuất và cơ sở vật chất hiện có; chưa động viên được cao độ khả năng tiết kiệm để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh nông, lâm, ngư nghiệp, dịch vụ. Một bộ phận không nhỏ lao

động nông thôn còn thiếu việc làm; đất canh tác chưa được sử dụng tốt; hàng chục triệu ha đất trống đồi trọc, bãi bồi ven biển còn bị hoang hóa; hàng chục vạn ha mặt nước, nhất là vùng biển khơi chưa được khai thác đáng kể.

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn chậm đổi mới. Những ưu thế của nông nghiệp nhiệt đới và á nhiệt đới với hệ số tăng trưởng cao về sinh học chưa được tận dụng để thâm canh tăng vụ, nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi, đa canh hóa và đa ngành hóa nông nghiệp, tạo ra nền sản xuất hàng hóa có hiệu quả cao, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Các ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp, công nghiệp, dịch vụ mới chiếm tỷ trọng nhỏ và tăng trưởng chậm, chưa thu hút được bao nhiêu lao động dôi thừa và phân công lại lao động nông nghiệp, nông thôn một cách hợp lý.

Công tác nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhất là công nghệ sinh học, chưa được chú trọng đúng mức.

Tài nguyên đất, rừng, khoáng sản bị khai thác bừa bãi, phá hoại cân bằng sinh thái, đe dọa môi trường sống của cả nước.

Đời sống nông dân còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Một bộ phận chưa thoát khỏi tình cảnh đói nghèo. Các vấn đề về văn hóa, xã hội ở nông thôn chưa được chú trọng đúng mức. Trình độ dân trí còn thấp, tỷ lệ người mù chữ còn lớn; sức khỏe nhân dân chưa được chăm sóc tốt; các đối tượng thuộc chính sách xã hội, nhất là các gia đình có công với nước chưa được quan tâm đầy đủ; chưa làm tốt việc giúp đỡ các hộ nghèo về điều kiện và cách thức làm ăn để vươn lên; bản sắc văn hóa dân tộc chưa được chú ý giữ gìn và phát huy; mê tín,

dị đoán phát triển, nhiều tiêu cực xã hội nảy sinh ở nông thôn. Chưa tập trung sức giải quyết các khó khăn về kinh tế - xã hội của đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu, vùng căn cứ cách mạng trước đây. Dân chủ và công bằng xã hội trong nông thôn chưa được bảo đảm.

Những khuyết điểm, yếu kém trên đây có phần do những khó khăn khách quan về kinh tế - xã hội của đất nước, hậu quả chiến tranh còn rất nặng nề, tình hình quốc tế diễn biến rất phức tạp. Song chủ yếu là do Cương lĩnh và Chiến lược mà Đại hội VII đã đề ra, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước chưa được quán triệt sâu sắc trong nhận thức, quan điểm, giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội trong nông nghiệp, nông thôn. Một số vấn đề mới nảy sinh chưa được thảo luận kỹ và xử lý kịp thời để thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng, toàn dân.

Kiến thức, kinh nghiệm và trình độ tổ chức, quản lý, điều hành của Nhà nước chưa theo kịp yêu cầu mới, bệnh quan liêu, xa thực tế, cửa quyền, tham nhũng và những biểu hiện tiêu cực khác trong bộ máy còn khá nặng nề.

Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở còn chậm và lúng túng trong đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, lựa chọn cán bộ không theo kịp sự phát triển của công cuộc đổi mới ở nông thôn.

Thưa các đồng chí,

Đối với mọi quốc gia, nông nghiệp luôn luôn là một trong những lĩnh vực quan trọng nhất. Điều đó lại càng đúng đối với nước ta, khi 80% dân số đang làm ăn sinh sống ở nông

thôn. Trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập và bảo vệ Tổ quốc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp nông dân đã giữ vai trò đội quân chủ lực, góp phần to lớn cùng giai cấp công nhân và toàn dân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Ngày nay, trong khối đại đoàn kết toàn dân với liên minh công nhân - nông dân - trí thức là nền tảng, giai cấp nông dân tiếp tục đóng vai trò to lớn trong sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Những thành quả trong nông nghiệp cần được tích cực phát huy, những yếu kém phải sớm được khắc phục, những vấn đề mới nảy sinh cần được khẩn trương giải quyết, làm cho nền kinh tế - xã hội nói chung và nông nghiệp, nông thôn nói riêng tiến nhanh hơn và vững chắc hơn. Yêu cầu đó đặt ra cho kỳ họp Trung ương lần này nhiệm vụ rất quan trọng. Đây là lần đầu tiên Ban Chấp hành Trung ương bàn sâu về chính sách đối với nông dân, nông nghiệp, nông thôn nhằm cụ thể hóa và phát triển nội dung Đại hội VII, *tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ kinh tế - xã hội nông thôn nước ta*. Những quyết định của Trung ương tại kỳ họp này phải hợp quy luật, hợp lòng dân, bắt kịp yêu cầu cuộc sống, mở ra một thời kỳ phát triển mới của nông thôn nước ta.

Mục tiêu đặt ra là tiếp tục giải phóng sức sản xuất, khai thác và huy động cao nhất mọi nguồn lực, mọi tiềm năng để phát triển mạnh nông nghiệp và kinh tế nông thôn, bảo đảm thu hút đại bộ phận lao động dôi thừa thông qua sự phát triển đa dạng của kinh tế nông thôn và công cuộc công nghiệp hóa đất nước; tăng năng suất lao động xã hội, tạo ra khối lượng sản phẩm lớn, chất lượng cao, giá thành hạ, giải quyết vững chắc nhu cầu lương thực và thực phẩm cho nhân

dân, đáp ứng yêu cầu nguyên liệu cho công nghiệp, tăng kim ngạch xuất khẩu và tăng tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp hóa; giữ gìn và khai thác hợp lý tài nguyên, bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

Tăng thu nhập, cải thiện một bước cơ bản đời sống vật chất - văn hóa của nông dân; khắc phục cơ bản nạn suy dinh dưỡng. Tăng thêm diện giàu và đủ ăn, thu hẹp diện nghèo và vùng nghèo.

Xây dựng nông thôn mới. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, phát huy dân chủ, bảo đảm công bằng xã hội; tăng cường ổn định chính trị, giữ vững trật tự xã hội, củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh.

Để đạt được mục tiêu trên đây, phải gắn phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn với quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, coi đó là nhiệm vụ có tầm quan trọng hàng đầu và có ý nghĩa chiến lược. Thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách kinh tế nhiều thành phần trong nông nghiệp và kinh tế nông thôn; xây dựng, đổi mới quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất, trình độ và yêu cầu phát triển không ngừng của lực lượng sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội nông thôn, xây dựng nông thôn mới. Đổi mới kinh tế đi đôi với đổi mới hệ thống chính trị ở nông thôn. Đặt sự phát triển nông nghiệp và kinh tế - xã hội nông thôn trong bối cảnh mở cửa và cạnh tranh trong khu vực và trên thế giới; có chiến lược thị trường, chiến lược khoa học và công nghệ, chính sách khuyến khích và bảo vệ sản xuất trong nước đúng đắn, vừa tăng khả năng đáp ứng nhu cầu nội địa, vừa bảo đảm cạnh tranh thắng lợi trên thị trường nước

ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu đi đôi với thay thế nhập khẩu, không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đó là những quan điểm cần nắm vững.

Nhiều chủ trương giải pháp đã được nêu lên trong báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị Trung ương, làm cơ sở để Ban Chấp hành Trung ương thảo luận và ra nghị quyết. Tôi thấy cần phân tích rõ và nhấn mạnh thêm một số điểm sau đây.

Trước hết, về vấn đề *chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn*.

Đến nay, mặc dầu còn nhiều khó khăn, thử thách, song có thể nói đất nước ta đang có nhu cầu cấp bách và đã có một số điều kiện trong nước cũng như quốc tế cần thiết để *đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa*. Là một bộ phận hữu cơ của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, ở nông thôn cũng sẽ diễn ra quá trình hình thành cơ cấu kinh tế mới: *nông - công nghiệp và dịch vụ*, bao gồm cả nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp chế biến nói riêng và công nghiệp nông thôn nói chung, thương nghiệp, du lịch và các dịch vụ khác.

Mục tiêu của việc chuyển dịch đó là nhằm khai thác tốt nguồn tài nguyên to lớn về đất đai, rừng, biển, bao gồm vùng đặc quyền kinh tế rộng lớn của nước ta, nguồn lao động dồi dào, ưu thế địa lý và sinh thái, nhằm tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh, từng bước đa dạng hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn, cải thiện đời sống nông dân, tăng tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, tạo nguồn tích lũy và thị trường rộng lớn để đẩy mạnh công nghiệp hóa. Vấn đề phải xác định là bắt đầu từ đâu, nắm những khâu trọng yếu nào và lựa chọn cơ cấu

đầu tư, cơ cấu công nghệ, cơ cấu thị trường ra sao để bảo đảm hiệu quả của quá trình chuyển dịch đó.

Cần khẳng định rằng, sản xuất lương thực luôn luôn là một trong những nhiệm vụ chiến lược để ổn định cuộc sống của nhân dân, ổn định xã hội. Trong những năm tới, cần chú trọng các vùng trọng điểm sản xuất lương thực và những tiểu vùng có khả năng làm lương thực; tiếp tục đổi mới chính sách và cơ chế để khuyến khích áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, trong gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch nhằm sản xuất lương thực đáp ứng nhu cầu của cả nước, có dự trữ vững chắc và có khối lượng xuất khẩu với chất lượng và hiệu quả cao.

Đồng thời, để thoát khỏi thế độc canh của nền nông nghiệp truyền thống, từng bước tiến tới một nền nông nghiệp hiện đại, cơ cấu nông nghiệp phải hướng vào tăng nhanh tỷ suất hàng hóa phù hợp với nhu cầu của thị trường, nâng cao năng suất và hiệu quả trên mỗi đơn vị diện tích và mỗi lao động. Theo hướng đó, phải đẩy mạnh thâm canh để tăng năng suất, sản lượng lương thực và dành được diện tích phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả có giá trị cao. Đưa chăn nuôi lên thành một ngành chính. Đẩy mạnh phát triển và khai thác có hiệu quả các nguồn lợi rừng và biển. Chú trọng phát triển các vùng có khối lượng nông sản hàng hóa lớn, chuyên canh kết hợp với đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp, đa dạng hóa ngành nghề ở nông thôn, phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội, hệ sinh thái và lợi thế so sánh của từng vùng, đi đôi với mở rộng giao lưu trong nước và ngoài nước; có chương trình, giải pháp thiết thực để hỗ trợ những vùng nghèo, vùng khó khăn vươn lên nhanh.

Cùng với sự chuyển dịch nội bộ nông nghiệp như trên,

phải có chính sách và chương trình, biện pháp xúc tiến quá trình công nghiệp hóa nông thôn, nhằm triệt để giải phóng sức sản xuất, tạo thêm việc làm, thúc đẩy phân công lại lao động, theo hướng ai giỏi việc gì làm việc nấy. Mấy năm qua năng suất cây trồng trên một đơn vị diện tích tăng đáng kể. Song, năng suất trên một lao động nông nghiệp nước ta hiện còn quá thấp. Vì vậy, phải chuyển dịch cơ cấu để chuyển dần lao động trong nông nghiệp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ nói chung, trước hết là ngay tại chỗ. Chỉ có như vậy mới có thể vươn tới hiệu quả thực sự của một nền sản xuất hàng hóa trong kinh tế thị trường; thúc đẩy nhu cầu tiếp cận với công nghiệp hiện đại và khoa học, công nghệ tiên tiến, nâng cao dân trí và tăng nhanh đội ngũ trí thức ở nông thôn; cải thiện điều kiện lao động và đời sống của nông dân.

Trước mắt, nếu không sớm phát triển công nghiệp nông thôn, đặc biệt là công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản ở cả nông thôn và thành phố, thị xã thì hàng hóa nông sản sẽ bị ứ đọng do dư thừa vào lúc thu hoạch rộ, chất lượng và giá cả bị giảm đi rất nhiều, gây thiệt hại cho nông dân, làm giảm nhiệt tình của họ đối với sản xuất. Vì vậy, phải coi *công nghiệp chế biến* nông lâm thủy sản là một trọng tâm phát triển công nghiệp tại nông thôn, theo hướng chung là cơ chế tại chỗ và tinh chế tập trung. Mặt khác, cần phát triển công nghiệp nông thôn một cách toàn diện, từ công nghiệp hàng tiêu dùng đến công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp cơ khí, chế tạo và sửa chữa... với *quy mô nhỏ và vừa là chủ yếu*. Lựa chọn các loại hình công nghiệp thích hợp với từng bước phát triển ở từng vùng, vừa tranh thủ công nghệ hiện đại, vừa kết hợp tận dụng công nghệ truyền thống; chú trọng

những công nghệ thu hút nhiều lao động, tạo nhiều công ăn việc làm. Công nghiệp và nông nghiệp có mối quan hệ khăng khít, giúp đỡ, thúc đẩy nhau cùng phát triển; trong đó, công nghiệp đóng vai trò chủ đạo, vì chỉ có công nghiệp hóa thì nông nghiệp mới có thể đạt năng suất và hiệu quả cao. Giữa thành phố và nông thôn cũng phải có mối quan hệ hiệp tác, hỗ trợ, bình đẳng, cùng có lợi và cùng phát triển.

Phải có chính sách mở rộng thị trường, khuyến khích khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống, nâng cao độ tinh xảo, tính dân tộc độc đáo trong các chủng loại mặt hàng. Đồng thời, mở mang nhiều ngành nghề mới ở nông thôn. Khuyến khích các hộ nông dân và các tổ chức hợp tác đầu tư phát triển công nghiệp, đi đôi với khuyến khích các nhà kinh doanh từ thành phố, thị trấn về nông thôn lập nghiệp, góp phần tích cực cùng nông dân phát triển mạnh mẽ công nghiệp nông thôn.

Công nghiệp nông thôn vừa phục vụ nhu cầu tại chỗ, nhu cầu trong nước, vừa tham gia thị trường xuất khẩu. Theo hướng đó, phải phấn đấu đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về sản phẩm tiêu dùng, từ thị trường địa phương vươn ra thị trường cả nước. Đối với xuất khẩu, cần nhanh chóng áp dụng công nghệ chế biến hiện đại, tăng hàm lượng kỹ thuật và giá trị sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh, phấn đấu thâm nhập, từng bước tạo chỗ đứng vững chắc trên thị trường thế giới và khu vực, thu hút nước ngoài đầu tư phát triển công nghiệp và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nước ta.

Một nền kinh tế muốn phát triển đòi hỏi phải được cung ứng đủ, kịp thời, với chất lượng tốt các dịch vụ cần thiết. Vì vậy, cùng với và nhằm tạo điều kiện thuận lợi phát triển

nông nghiệp và công nghiệp, phải phát triển mạnh *dịch vụ nông thôn*. Dịch vụ nông thôn nước ta có nhiều dạng, nhiều cấp độ khác nhau và ngày càng phong phú theo đà phát triển của nền kinh tế. Yêu cầu quan trọng và cấp bách đối với các hoạt động dịch vụ ở nông thôn là phải đảm nhiệm vai trò cung ứng các yếu tố của sản xuất và gắn sản xuất với thị trường.

Trước hết, đó là những dịch vụ thuộc kết cấu hạ tầng như thủy lợi, điện, giao thông vận tải, thông tin liên lạc, vừa tạo ra năng lực sản xuất mới, vừa tăng nhanh khả năng tiếp thị. Đây là lĩnh vực Nhà nước phải tập trung đầu tư, kết hợp với huy động sức dân ở những khâu cần thiết và có điều kiện. Các loại dịch vụ khác không kém phần quan trọng là dịch vụ cung ứng vật tư kỹ thuật và công nghệ, từ giống, phân bón, phòng trừ sâu bệnh, đến công nghệ bảo quản sau thu hoạch, hệ thống kho tàng, bốc xếp chuyên chở, bao bì, là những khâu hiện còn rất yếu và chưa được quan tâm thích đáng. Các dịch vụ tiếp thị và tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ tài chính, pháp lý cũng ngày càng cần thiết với nông dân.

Nông dân vừa là người cung cấp sản phẩm nông nghiệp cho thị trường trong nước và xuất khẩu, vừa là người tiêu dùng đông đảo, với nhu cầu ngày càng tăng, cả về khối lượng, chủng loại và chất lượng hàng hóa - dịch vụ. Nông thôn cung cấp sản phẩm cho thị trường, đồng thời chính nông thôn là một thị trường rộng lớn mà các ngành sản xuất, dịch vụ phải hướng vào phục vụ, đáp ứng nhu cầu cả về sản xuất lẫn tiêu dùng, cả về vật chất cũng như về văn hóa. Phát triển kinh tế nông thôn sẽ làm tăng sức mua của nông dân, tạo động lực thúc đẩy các ngành công nghiệp và dịch vụ.

Tóm lại, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, công

nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn là con đường cơ bản để tiến hành phân công lại lao động, xã hội hóa nền sản xuất, phát triển kinh tế hàng hóa, tạo ra nhiều việc làm, sản xuất ra nhiều của cải, nâng cao thu nhập, tăng sức mua, ổn định và cải thiện đời sống của đồng bào, tác động tích cực đến phát triển công nghiệp và dịch vụ của cả nước. Thực hiện "rời ruộng không rời làng", không làm nông nghiệp nhưng vẫn sinh sống ở nông thôn là cách làm đúng đắn, bằng biện pháp kinh tế là chủ yếu để ngăn làn sóng cư dân nông thôn đổ vào thành phố và các trung tâm công nghiệp lớn, gây rất nhiều khó khăn và hậu quả lâu dài về kinh tế - xã hội như nhiều nước đang gặp phải. Đó là bài học kinh nghiệm lớn mà chúng ta cần tránh và hoàn toàn có khả năng làm việc đó.

Hiện nay công nghiệp hóa nông nghiệp đang là nhu cầu cấp bách để nâng cao giá trị hàng hóa nông sản, tăng năng suất lao động, phân công lại lao động xã hội nông thôn nước ta. Chúng ta đang phải xuất khẩu hầu hết nông sản dưới dạng thô, với giá rẻ; lại phải nhập rất nhiều vật tư kỹ thuật, hàng hóa công nghiệp, vừa mất việc làm, giảm thu nhập, chịu thiệt thòi do lệ thuộc vào bên ngoài và do cánh kéo giá cả có lợi cho các nước công nghiệp. Trong khi đó, nhiều năng lực sản xuất, nhiều nguồn lực chưa được huy động để đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn.

Nhiều cơ sở công nghiệp hiện có, bao gồm công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp hóa chất, phân bón, cơ khí, sản xuất hàng tiêu dùng, v.v. chưa huy động hết công suất sản xuất, chưa định hướng phục vụ nông nghiệp, nông thôn có hiệu quả. Nhiều vùng nông thôn đã có điện, nhưng chủ yếu mới dùng để thắp sáng. Nếu dành một phần vốn của Nhà

nước để hỗ trợ đầu tư chiều sâu, đổi mới trang thiết bị, có chính sách khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh tốt hơn, bảo hộ sản xuất trong nước đúng mức hơn thì hoàn toàn có thể tăng năng lực sản xuất công nghiệp phục vụ nông nghiệp một cách đáng kể trong thời gian tương đối ngắn.

Nhiều ngành nghề, làng nghề truyền thống trong nông thôn đang được khôi phục và phát triển ở nhiều nơi trong cả nước, chứng tỏ còn nhiều tiềm năng có thể khai thác tốt hơn để phân công lại lao động, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tiến bộ. Sắp tới cần điều tra, tổng kết về những điển hình này để nhân rộng ra nhiều nơi khác với sự hướng dẫn, giúp đỡ của Nhà nước.

Đương nhiên, chỉ tận dụng các năng lực sản xuất hiện có, phát triển các ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp thì chưa đủ. Sắp tới, chúng ta phải xúc tiến xây dựng mới một số cơ sở công nghiệp thiết yếu, từng bước hiện đại hóa công nghệ - kỹ thuật. Khó khăn chính là vốn. Nhưng một phần không nhỏ nguồn vốn trong dân và nguồn lực của Nhà nước đang bị lãng phí hoặc chưa được huy động. Nếu có chính sách tích lũy, tiêu dùng hợp lý, động viên mọi người tiết kiệm để đầu tư, kết hợp với thu hút vốn bên ngoài dưới nhiều hình thức, thì có thể đẩy mạnh hơn quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Cùng với việc mở rộng quan hệ đối ngoại, phát triển hợp tác làm ăn với bên ngoài, chúng ta ngày càng có thêm điều kiện tranh thủ nguồn vốn, tiếp thụ tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, thúc đẩy cạnh tranh, mở rộng thị trường cho việc phát triển công nghiệp nông thôn và công nghiệp phục vụ nông

nghiệp. Cần nhạy bén, chủ động, tranh thủ tận dụng có hiệu quả những khả năng này.

Thưa các đồng chí,

Để phát huy những thành tựu và tiến bộ mấy năm qua, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới trong kinh tế nông thôn và nông nghiệp, Đảng ta khẳng định trước sau như một kiên trì và nhất quán thực hiện *chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần* vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi khuyến khích mọi người dân, mọi thành phần kinh tế phát huy cao độ nguồn lực và tài năng sáng tạo, ra sức phát triển sản xuất, kinh doanh vì lợi ích của mình và của toàn xã hội.

Sự tồn tại các thành phần kinh tế khác nhau là một tất yếu khách quan trên con đường đi lên của đất nước. Tất cả mọi người, mọi doanh nghiệp, mọi thành phần kinh tế không phân biệt quan hệ sở hữu, đều bình đẳng trước pháp luật. Mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng như hoạt động xã hội phù hợp với pháp luật đều được hoan nghênh, khuyến khích.

Chúng ta nhất thiết không lặp lại cách làm cũ nhiều năm trước đây: phát triển tràn lan kinh tế quốc doanh, gò ép tập thể hóa, phủ nhận vai trò tự chủ của hộ xã viên, kỳ thị kinh tế tư nhân, cá thể. Song điều đó không có nghĩa là cứ để các thành phần tự nó phát triển mà vẫn có thể đưa nông thôn đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Phải có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự quản lý, điều hành có hiệu lực của Nhà nước, củng cố và phát huy hơn nữa vai trò chủ đạo của kinh

tế quốc doanh trong toàn bộ nền kinh tế; khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển của các loại hình hợp tác xã; tạo đủ điều kiện nhằm huy động tối đa tiềm năng to lớn của kinh tế hộ gia đình xã viên, hộ nông dân cá thể, hộ tư nhân; mở rộng và tăng cường các quan hệ liên doanh liên kết giữa các thành phần, trong đó quốc doanh và hợp tác xã là nòng cốt, dần dần hình thành "chế độ kinh tế hợp tác" trong nông nghiệp và nông thôn như Lenin từng đề cập.

Công cuộc đổi mới trong những năm tới đây cần quán triệt sâu sắc hơn tư tưởng chỉ đạo đó.

Trong chủ trương đổi mới hợp tác xã nông nghiệp, với việc xác định *hộ nông dân xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ* và với chính sách kinh tế nhiều thành phần, chúng ta đã cụ thể hóa một bước rất quan trọng đường lối chiến lược của Đảng: giải phóng sức sản xuất, khai thác tiềm năng to lớn của nông dân. Hàng triệu hộ nông dân trên cả nước, bao gồm các hộ xã viên hợp tác xã, hộ công nhân viên thuộc các đơn vị quốc doanh nông, lâm, ngư nghiệp và hộ cá thể, tư nhân đã hăng hái hưởng ứng và ra sức thực hiện, đưa đến những thành tựu nổi bật trong nông thôn, nông nghiệp mấy năm qua.

Việc phát huy vai trò đơn vị kinh tế tự chủ của hộ nông dân trong thời gian qua là một nhân tố quyết định sự chuyển biến mạnh mẽ trong nông nghiệp, nông thôn. Bản thân hộ nông dân có vị trí không thay thế được. Song không thể vì thế mà đi đến tuyệt đối hóa kinh tế hộ; có những giới hạn mà riêng từng hộ không thể vượt qua. Phải liên kết, hiệp tác lại, có sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý, hỗ trợ của Nhà nước thì mới tạo ra được sức mạnh, mới làm nên được sự nghiệp chung của cả dân tộc và của mỗi người, mà từng cá nhân,

từng hộ riêng rẽ không thể nào làm được. Đương nhiên, chúng ta sẽ không tập hợp lại theo cách nghĩ, cách làm giản đơn trước đây, mà phải có quan điểm mới, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và yêu cầu trong giai đoạn mới. Đó là sự tập hợp của các hộ nông dân với tư cách là các đơn vị kinh tế tự chủ, tự nguyện liên kết với nhau để cùng hợp sức làm những công việc mà từng hộ một làm không có hiệu quả hoặc không làm được.

Các tổ chức kinh tế hợp tác của hộ nông dân tự chủ có nhiều hình thức, nhiều quy mô, mức độ và trình độ, trên từng lĩnh vực hoặc trên nhiều lĩnh vực, ngành nghề, do nông dân tự nguyện tham gia, phục vụ cho lợi ích của chính họ. Các tổ chức đó phải lấy nội dung kinh tế làm mục tiêu hoạt động, từ đó mà xây dựng vững chắc cơ sở chính trị, xã hội ở nông thôn, thực hiện tốt liên minh kinh tế, chính trị, xã hội giữa nông dân với công nhân và trí thức, giữa nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ, giữa nông thôn và đô thị. Những năm trước đây, trong hoàn cảnh chiến tranh với những yêu cầu đặc biệt, hợp tác xã nông nghiệp đã đóng vai trò to lớn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Song trong điều kiện và hoàn cảnh mới, chức năng, nhiệm vụ trước đây của hợp tác xã có nhiều điểm không còn phù hợp. Quá trình đổi mới diễn ra trong nông thôn, nông nghiệp mấy năm qua đã và đang đặt ra những đòi hỏi khách quan phải đổi mới một cách căn bản các hợp tác xã cả về tổ chức, phương thức hoạt động, nội dung kinh doanh và cơ chế quản lý. Việc đổi mới đó hoàn toàn không có nghĩa là không cần có hợp tác xã. Ngược lại, khi kinh tế nông nghiệp, nông thôn càng phát triển thì càng có nhu cầu hợp tác rất đa dạng, phong phú, từ thấp đến cao,

trên từng lĩnh vực, từng địa bàn cụ thể, hợp tác trong nội bộ nông dân, hợp tác giữa các đơn vị kinh tế, hợp tác trong từng ngành và hợp tác liên ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ, hợp tác giữa các thành phần kinh tế. Đó là quy luật vận động khách quan của quá trình hình thành và phát triển nền sản xuất hàng hóa lớn trong nông thôn, nông nghiệp.

Các hợp tác xã nông nghiệp từ chỗ là người trực tiếp quản lý ruộng đất, chỉ huy sản xuất và phân phối sản phẩm, nay chuyển sang thực hiện chức năng hướng dẫn và làm dịch vụ cho hoạt động sản xuất của các hộ xã viên, chăm lo phát triển ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp và công nghiệp nông thôn, làm tốt các khâu dịch vụ: thủy lợi, làm đất, giống, vật tư, bảo vệ thực vật, thú y, ứng dụng công nghệ mới... cũng như dịch vụ chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm của các hộ xã viên và các hộ nông dân khác; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của xã viên; đồng thời tham gia cùng chính quyền chăm lo phúc lợi xã hội, kiến thiết nông thôn mới. Quá trình đổi mới hợp tác xã đi liền với việc hoàn thiện quyền tự chủ của các hộ xã viên, giúp đỡ kinh tế hộ nông dân phát triển. Đến nay, một bộ phận hợp tác xã đã chuyển được cả về tổ chức, phương thức và nội dung hoạt động của mình phù hợp với cơ chế mới. Số đông còn lại tuy có cố gắng, song đang gặp nhiều lúng túng trong việc chuyển sang cơ chế mới. Vì vậy, cần sớm tổ chức tổng kết việc này, giúp các hợp tác xã về kinh nghiệm chuyển đổi, để hợp tác xã thật sự trở thành tổ chức tập hợp nông dân, lấy việc hỗ trợ kinh tế hộ xã viên phát triển làm mục tiêu hoạt động chủ yếu. Điều lệ hợp tác xã phải thể hiện nguyên tắc tự nguyện, dân chủ và cùng có lợi, tôn trọng tính sáng tạo, quyền làm chủ của xã viên. Ban quản trị được xã

viên trực tiếp bầu ra, chọn trong số người có uy tín và có khả năng nhất để bảo đảm hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Bộ máy quản lý phải gọn nhẹ, thu nhập dựa vào hiệu quả kinh doanh của hợp tác xã.

Những hợp tác xã chỉ tồn tại trên hình thức, sau nhiều lần tiến hành đổi mới nhưng vẫn không còn tác dụng và không có khả năng chuyển đổi, nông dân không đồng tình thì cấp ủy đảng, chính quyền ở đó xem xét kỹ, làm rõ nguyên nhân, có giải pháp xử lý để nông dân tổ chức các hình thức hợp tác mới phù hợp với yêu cầu của bà con.

Ở một số nơi hợp tác xã và tập đoàn sản xuất tan rã hoặc chỉ còn là hình thức, nông dân đã lập ra nhiều tổ chức hợp tác với mức độ khác nhau, từ vãn đối công, tổ hợp đường nước, làm đất, dịch vụ cho sản xuất, sơ chế và tiêu thụ sản phẩm. Thực tế đó cần được tổng kết và có sự hướng dẫn, giúp đỡ cần thiết để các tổ chức hợp tác này hoạt động có hiệu quả. Do tính đa dạng của sản xuất nông nghiệp, với đặc thù sinh học và do trình độ ở các vùng rất khác nhau, chúng ta phải chấp nhận tính đa dạng trong quá trình tổ chức và hoạt động của các hình thức kinh tế hợp tác, nhất thiết không thể máy móc, áp đặt; đồng thời phải lãnh đạo tốt, bảo đảm các hình thức hợp tác đó phát triển đúng hướng, hoạt động thật sự vì lợi ích của nông dân.

Đổi mới các hợp tác xã hiện có, phát triển rộng rãi các hình thức kinh tế hợp tác mới là một quá trình. Việc thực hiện chủ trương Nhà nước trực tiếp giao ruộng đất cho hộ nông dân lâu dài là một yếu tố quan trọng thúc đẩy quá trình đó. Không phải mọi vấn đề đã được giải quyết xong mà sự vật đang vận động, cuộc sống còn phát triển, thực tiễn sẽ

chỉ cho ta những bước đi, cách làm thích hợp. Phải coi trọng tổng kết, phổ biến kinh nghiệm và kiên trì hướng dẫn nông dân những cách làm hay để bà con vận dụng.

Trong cơ cấu các thành phần kinh tế, *kinh tế quốc doanh* có vai trò quan trọng. Đó là một công cụ của Nhà nước để hỗ trợ nông dân sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Vì vậy, chúng ta khẳng định cần thiết phải có các doanh nghiệp quốc doanh trong nông - lâm - ngư nghiệp, kết hợp với các doanh nghiệp quốc doanh trong công nghiệp, dịch vụ để phục vụ nông dân. Sự có mặt của kinh tế quốc doanh có ý nghĩa to lớn thúc đẩy kinh tế nông nghiệp và nông thôn phát triển, bảo đảm mối quan hệ tốt giữa công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp.

Để vươn lên đóng vai trò trung tâm lõi cuốn, hướng dẫn các thành phần kinh tế khác, các nông, lâm, ngư trường quốc doanh phải tìm tòi và áp dụng các hình thức khoán thích hợp đến công nhân viên chức, gia đình thành viên, và hộ dân cư sở tại, phát huy tốt nhất tiềm năng đơn vị kinh tế tự chủ của hộ. Đồng thời làm tốt quy hoạch, định rõ phương hướng sản xuất, kinh doanh; đưa tiến bộ khoa học và công nghệ vào nông thôn, nông nghiệp; tổ chức chế biến, tiêu thụ sản phẩm; thực hiện tốt vai trò trung tâm công nghiệp dịch vụ, nhất là công nghiệp chế biến; trung tâm khoa học kỹ thuật, trung tâm văn hóa - xã hội đối với các thành phần kinh tế và dân cư trên địa bàn.

Quốc doanh công nghiệp, giao thông vận tải phải thực sự đóng vai trò đòn bẩy trong việc xây dựng kết cấu hạ tầng, thực hiện tốt các quá trình thủy lợi hóa, sinh học hóa, cơ giới hóa, điện khí hóa, hóa học hóa trong nông nghiệp một cách hợp lý, mở mang ngành nghề, phục vụ đắc lực công cuộc công nghiệp hóa nông thôn.

Quốc doanh thương nghiệp, tín dụng phải vươn lên giữ vai trò chủ đạo, để cùng các thành phần kinh tế khác làm tốt việc cung ứng về vốn, vật tư kỹ thuật... và tiêu thụ sản phẩm. Trong quan hệ với nông dân, một mặt phải thực hiện trao đổi ngang giá, nhất thiết không được độc quyền, ép buộc, bắt chẹt nông dân; mặt khác, phải hỗ trợ nông dân trong cuộc đấu tranh chống đầu cơ, trục lợi.

Tiếp tục khuyến khích *kinh tế tư nhân*, kể cả tư bản tư nhân trong nước và thu hút đầu tư nước ngoài phát triển nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ nông thôn, vận dụng và phát triển tư tưởng của Lênin về chủ nghĩa tư bản nhà nước trong thời đại hiện nay, phù hợp với hoàn cảnh nước ta. Động viên các hộ tư nhân đầu tư phát triển các giống cây, con mới có hiệu quả kinh tế cao; khai thác đất trống, đồi trọc ở các vùng trung du, miền núi, bãi bồi ven biển; nuôi trồng và khai thác thủy sản; ra khơi đánh cá; xây dựng các nông - lâm - ngư trại với quy mô thích hợp; phát triển tiểu, thủ công nghiệp và công nghiệp, dịch vụ nông thôn; tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng. Đồng thời, ngăn chặn những biểu hiện tiêu cực, xử lý nghiêm minh những hành vi phạm pháp.

Để bảo đảm cho nền kinh tế - xã hội nói chung và kinh tế - xã hội nông thôn nói riêng phát triển liên tục, duy trì được nhịp độ tăng trưởng cao, đúng hướng và lành mạnh, phải tăng cường *hiệu lực quản lý nhà nước*. Trên thế giới, không một quốc gia nào, một nền kinh tế nào có thể phát triển nếu không có vai trò thích đáng của nhà nước, đặc biệt là khi chính trị gắn chặt với kinh tế như ngày nay. Nội dung quản lý nhà nước bao gồm các biện pháp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; phát triển một số ngành sản xuất và

dịch vụ trọng yếu; tạo môi trường thuận lợi, đặc biệt là môi trường pháp lý nghiêm minh, tài chính, tiền tệ ổn định; ban hành hệ thống chính sách đòn bẩy để định hướng và hỗ trợ các hoạt động kinh tế - xã hội trong nông nghiệp, nông thôn.

Nhà nước dành phần ngân sách thích đáng để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn. Xác định thứ tự ưu tiên đầu tư theo lĩnh vực và theo địa bàn. Về lĩnh vực, trước hết cho thủy lợi, kế đó đến giao thông, điện, thông tin liên lạc. Chú ý cơ sở hạ tầng xã hội, trước hết là trường học, trạm xá. Về địa bàn, cần đầu tư đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế hàng hóa ở một số vùng trọng điểm, làm đầu tàu lôi kéo các vùng khác phát triển theo. Đồng thời, có giải pháp thích đáng giúp các vùng khó khăn vươn lên, đặc biệt quan tâm đến vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng cao, vùng sâu, vùng căn cứ cách mạng, làm cho trình độ phát triển của các vùng xích dần lại gần nhau. Có kế hoạch, chương trình, dự án tiến hành trong một số năm để đạt mục tiêu trên, không thể nóng vội, rải số vốn ít ỏi khắp nơi, không ra tấm món nào, hiệu quả rất thấp.

Nhà nước cũng phải đầu tư nguồn lực thích đáng để sản xuất những hàng hóa - dịch vụ có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển nông nghiệp và kinh tế - xã hội nông thôn, trong đó có những hàng hóa dịch vụ mà khu vực ngoài quốc doanh không đủ sức làm hoặc không muốn làm cũng như những hàng hóa - dịch vụ phải do quốc doanh trực tiếp làm.

Nhà nước phải quản lý, điều tiết, can thiệp vào thị trường đúng lúc, đúng chỗ khắc phục tình trạng nắm chặt cái cần buông, nhưng lại buông lỏng cái cần nắm. Bỏ mặc thị trường không can thiệp hoặc can thiệp một cách tùy tiện, không cần thiết đều làm trở ngại cho sự phát triển.

Cùng với việc giữ nghiêm kỷ cương phép nước, bảo đảm hiệu lực của pháp luật, Nhà nước phải có lực lượng vật tư hàng hóa và tài chính đủ sức can thiệp kịp thời vào thị trường khi cần thiết, giữ cho nền kinh tế hoạt động ổn định, cân đối, lành mạnh; khắc phục những đột biến do nhiều nguyên nhân khác nhau; ngăn chặn tệ đầu cơ, trục lợi.

Mặc dầu còn nhiều khó khăn, chúng ta phải quan tâm đúng mức đến đầu tư cho giáo dục, y tế, văn hóa và xã hội ở nông thôn. Chăm lo đến cuộc sống vật chất và văn hóa, phổ cập các phương tiện truyền thông, nâng cao dân trí và sức khỏe của đồng bào vừa là mục tiêu, vừa tạo ra động lực to lớn phát triển kinh tế - xã hội nông thôn. Bài học kinh nghiệm của một số nước phát triển nhanh là ngay từ lúc bắt tay vào kiến thiết đất nước, cùng với xây dựng kết cấu hạ tầng vật chất, phải chăm lo xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội, coi đó là nền móng để phát triển lâu bền.

Cùng với pháp luật, Nhà nước phải ban hành hệ thống chính sách để định hướng và thúc đẩy nền kinh tế phát triển theo những mục tiêu đã đề ra. Đối với nông nghiệp và nông thôn, *chính sách ruộng đất* là một trong những chính sách quan trọng nhất. Nông dân cả nước đang chăm chú theo dõi và chờ đợi các quyết định của hội nghị Trung ương và kỳ họp Quốc hội sắp tới về vấn đề này. Trên cơ sở xác định đất đai thuộc sở hữu toàn dân, hội nghị Trung ương lần này và kỳ họp Quốc hội sắp tới sẽ bàn và quyết định về những quyền và nghĩa vụ của nông dân về ruộng đất, sao cho trên mỗi mảnh đất, mỗi khoảnh rừng, mặt nước đều có người làm chủ cụ thể, làm cho đất đai, đồng ruộng ngày càng màu mỡ, phì nhiêu, sinh lời ngày càng lớn, hiệu quả khai thác ngày càng cao, gắn với bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

Các quyền mà dân được giao, nghĩa vụ mà dân phải thực hiện, thời hạn và mức độ đến đâu là những điều chúng ta cần thảo luận kỹ. Những quyền tự chủ về ruộng đất giao cho nông dân phải đủ rộng rãi để khuyến khích bà con yên tâm đầu tư phát triển lâu dài; song đó không phải là quyền tự hữu, vì Nhà nước nắm quyền định đoạt tối cao. Người được giao quyền mà không làm tròn nghĩa vụ của mình, vi phạm các quy định của pháp luật thì đất đai có thể sẽ bị thu hồi. Quyết định đúng đắn về giao quyền tự chủ ruộng đất cho nông dân sẽ tạo ra động lực phát triển nông nghiệp, nông thôn. Cần tránh khuynh hướng sai lầm muốn tư hữu hóa ruộng đất, trái với Cương lĩnh của Đảng, Hiến pháp của Nhà nước, với đường lối phát triển nông nghiệp, nông thôn theo định hướng xã hội chủ nghĩa, làm thiệt hại đến lợi ích của chính nông dân.

Trước mắt, phải làm sao cho mỗi nông dân có nhu cầu sản xuất nông nghiệp đều có quyền làm chủ một phần ruộng đất, với giới hạn tùy theo đặc điểm của từng vùng. Đó cũng là thực hiện công bằng xã hội trong thời điểm hiện nay. Trong tương lai, trên con đường công nghiệp hóa đất nước, công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn, sẽ diễn ra phân công lại lao động, đa dạng hóa ngành nghề ngay tại nông thôn, thì tất yếu cũng diễn ra quá trình tích tụ ruộng đất. Phải làm cho quá trình này diễn ra một cách lành mạnh, bảo đảm đoàn kết và ổn định ở nông thôn, thúc đẩy nâng cao năng suất trên mỗi đơn vị diện tích và mỗi lao động, nâng cao hiệu quả kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Đồng thời, pháp luật phải nghiêm cấm phát canh thu tô, buôn đi bán lại ruộng đất kiếm lời; ngăn chặn chuyển nhượng ruộng đất để tiêu xài,

rượu chè, cờ bạc. Có chính sách điều tiết thích hợp để thực hiện công bằng xã hội.

Ngoài chính sách ruộng đất, cần đổi mới và bổ sung thêm các chính sách về thị trường tiêu thụ nông sản, chính sách thuế, tín dụng, bảo hiểm, khuyến nông, chính sách hỗ trợ đối với sản xuất nông nghiệp và đối với nông dân; chính sách ưu đãi về thuế, vốn, lãi suất đối với vùng miền núi và vùng đồng bào dân tộc còn nhiều khó khăn; đối với việc ra khơi đánh bắt cá, lên trung du miền núi phủ xanh đất trống đồi trọc, mở mang tiểu, thủ công nghiệp và công nghiệp nông thôn, tạo nhiều việc làm cho nông dân, tận dụng lao động nông nhàn, tạo ra giống cây, con mới, ứng dụng công nghệ cao..., phục vụ thiết thực phát triển nông nghiệp, nông thôn, phân công lại lao động, xã hội hóa nền sản xuất.

Có chính sách đầu tư, khuyến khích nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, nhất là công nghệ sinh học, vào phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

Chính sách xã hội có vai trò rất quan trọng, nhất là trong hoàn cảnh nước ta hiện nay, vừa phải khắc phục những hậu quả lâu dài, dai dẳng của mấy thập kỷ chiến đấu, hy sinh giành độc lập, vừa đang chuyển mạnh sang kinh tế thị trường. Những hậu quả cũ chưa khắc phục xong thì những vấn đề mới lại nảy sinh, đòi hỏi phải giải quyết. Tư tưởng chỉ đạo của Đảng ta là: tăng trưởng kinh tế đi đôi với công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường. Đương nhiên, Nhà nước phải dành ngân sách để giải quyết vấn đề xã hội, song một nguồn quan trọng nữa là phải động viên toàn xã hội cùng Nhà nước chăm lo. Nhà nước và nhân dân mãi mãi biết ơn những người con đã hy sinh xương máu, cuộc đời cho

độc lập, tự do của Tổ quốc. Việc đền ơn đáp nghĩa không chỉ là trách nhiệm, nghĩa vụ của chúng ta, mà còn là tấm lòng, tình cảm sâu đậm thuộc bản chất dân tộc.

Xây dựng nông thôn là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, trực tiếp là của nông dân. Vì vậy, phải động viên toàn xã hội cùng nông dân cả nước xây dựng nông thôn mới, thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Ra sức phát triển sản xuất, thực hành tiết kiệm để tăng đầu tư phát triển bằng nguồn trong nước là chính. Đồng thời tận dụng các nguồn viện trợ, vốn vay xây dựng nông thôn - nông nghiệp đúng mục đích, đúng đối tượng. Có cơ chế và tổ chức để kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm mọi nguồn vốn đều đến tận tay người trực tiếp sử dụng, nhất thiết không được "bỏ lái" để làm việc khác; chống mọi biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, đục khoét, nghiêm trị những hành vi xâm phạm tài sản và vốn liếng của Nhà nước và của nhân dân.

Nhằm động viên toàn dân phát huy cao độ tiềm năng sáng tạo, tiết kiệm để đầu tư phát triển, chủ trương nhất quán, lâu dài của Đảng ta là khuyến khích mọi người thi đua làm giàu hợp pháp, đi đôi với xóa đói giảm nghèo, phấn đấu để mọi gia đình đều trở nên khá giả, thực hiện lời dạy của Bác Hồ, làm cho "người nghèo thì đủ ăn, người đủ ăn thì khá giàu, người khá giàu thì giàu thêm". Khuyến khích nông dân tham gia các hình thức bảo hiểm sản xuất, bảo hiểm sinh hoạt hoặc bảo trợ tự nguyện do nông dân, các hợp tác xã, các doanh nghiệp nhà nước cùng lập ra để ứng phó với rủi ro, thiên tai, khắc phục các khó khăn bất thường về sản xuất và đời sống.

Khuyến khích mọi người làm việc nghĩa và từ thiện. Song, điều quan trọng hơn nữa là giúp những người nghèo,

người có hoàn cảnh khó khăn về điều kiện và kinh nghiệm làm ăn, để tự vươn lên thoát khỏi cảnh nghèo, phấn đấu cùng mọi người làm giàu cho mình và cho đất nước. Đó mới là sự giúp đỡ lâu dài, căn bản.

Để thực hiện được phương hướng, nhiệm vụ như đề án đã nêu, phải đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của *hệ thống chính trị* hiện hành.

Cần tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 3 về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, *tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn*, bảo đảm cho mỗi tổ chức thực sự đóng vai trò hạt nhân lãnh đạo mọi lĩnh vực đời sống xã hội trên từng địa bàn. Đảng bộ phải lãnh đạo tốt quá trình chuyển đổi hợp tác xã hiện có và hình thành các tổ chức hợp tác mới, tôn trọng nguyên tắc tự nguyện, phát huy quyền làm chủ của xã viên và đồng bào nông thôn, bảo đảm cho kinh tế nông nghiệp, nông thôn phát triển mạnh mẽ, làm cho nông dân và nông thôn ngày càng trở nên giàu có hơn, dân chủ và công bằng hơn, củng cố, tăng cường khối đoàn kết toàn dân ở từng làng, xã. Mỗi tổ chức đảng ở nông thôn cần nhận thức rõ nhiệm vụ hàng đầu của mình là đề ra được định hướng phát triển toàn diện kinh tế - xã hội, phương án bảo đảm an ninh - quốc phòng của địa phương, cơ sở, có chương trình, kế hoạch cụ thể, thiết thực để lãnh đạo và tổ chức nhân dân thực hiện.

Giáo dục cán bộ, đảng viên thấu suốt quan điểm, đường lối đổi mới, thể hiện trong các nghị quyết của Đảng, nhất là nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này. Từ đó mà giao nhiệm vụ cho đảng viên gương mẫu đi đầu trong mỗi phong trào; nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, chính sách của Đảng và Nhà nước, làm gương cho mọi người noi theo. Đạc

biệt là tập trung xây dựng cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy đầy đủ dân chủ, trước hết là dân chủ trong kinh tế; chống tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi, và mọi biểu hiện hống hách, xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân trong sản xuất và trong sinh hoạt mọi mặt của thôn, xã.

Chính quyền cấp xã có vị trí rất quan trọng, vì đây là nơi trực tiếp tổ chức thực hiện mọi đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nơi mọi người trực tiếp bày tỏ nguyện vọng và thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi công dân của mình. Trong thời gian tới, chính quyền xã cần tập trung thực hiện *chức năng quản lý nhà nước* trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội ở địa phương, xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn; xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn. Trước đây, những công việc này thường do các hợp tác xã nông nghiệp đảm nhiệm. Nay chính quyền xã cùng các hợp tác xã và tổ chức kinh tế hợp tác động viên nhân dân toàn xã tích cực tham gia thực hiện những nhiệm vụ đó, có sự đầu tư, hỗ trợ của nhà nước các cấp.

Xu hướng chung là ở nông thôn sẽ ngày càng xuất hiện nhiều ngành nghề, từ nông nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp đến thương nghiệp, dịch vụ, nhiều thành phần và tổ chức kinh tế như doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, hộ xã viên, hộ cá thể, doanh nghiệp tư nhân, liên kết, liên doanh giữa các thành phần kinh tế, và trong một số trường hợp có cả các cơ sở hợp tác, liên doanh với nước ngoài; sẽ hình thành một số thị trấn, thị tứ ngay tại địa bàn thôn, xã. Vì vậy, chính quyền xã cần nâng cao năng lực để thực hiện việc quản lý nhà nước đối với tất cả các lĩnh vực, các thành phần, các tổ chức kinh

tế trên địa bàn trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao; trước hết tập trung vào việc quản lý đất đai, thu thuế, điều hòa, phối hợp hoạt động kinh tế của các tổ chức, các thành phần, nắm vững pháp luật và chính sách để giải quyết đúng đắn và kịp thời các vấn đề nảy sinh thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình. Nhà nước cần sớm nghiên cứu đề ra quy chế thích hợp với chức năng, vai trò của xã, của thôn xóm, làng bản trong tình hình mới. Trong khuôn khổ pháp luật và dựa vào những quy định này, xã có thể xây dựng "hương ước" làm cơ sở để tổ chức, quản lý hoạt động kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng... trên địa bàn.

Để thích ứng với những biến đổi về cơ cấu kinh tế - xã hội nông thôn, cần *đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương thức hoạt động của mặt trận và các đoàn thể* một cách thiết thực. Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh và các hội nghề nghiệp cần dựa vào chức năng của tổ chức mình mà vận động, tổ chức hội viên, đoàn viên thi đua sản xuất, tiết kiệm, đền ơn đáp nghĩa những người có công với nước, đẩy mạnh phong trào xóa đói giảm nghèo, xóa nạn mù chữ, giúp đỡ người tàn tật, neo đơn, thực hiện kế hoạch hóa gia đình... tham gia xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án phù hợp với điều kiện từng vùng, từng địa phương, cơ sở; góp phần giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội, củng cố quốc phòng; tăng cường khối đoàn kết dân tộc ở nông thôn.

Các đoàn thể phải củng cố tổ chức vững mạnh, xây dựng lực lượng nòng cốt, đổi mới hình thức sinh hoạt, bàn và làm những việc thiết thực, đáp ứng lợi ích và nguyện vọng của đoàn viên hội viên.

Để thực hiện được nhiệm vụ của cơ sở trong giai đoạn mới, phải kiện toàn đội ngũ cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ quản lý hợp tác xã ở nông thôn; bồi dưỡng, đào tạo và bố trí những người có đủ năng lực và phẩm chất, biết lãnh đạo, quản lý, điều hành công việc theo cơ chế mới, được nhân dân tín nhiệm. Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng để anh chị em yên tâm làm việc, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

Thưa các đồng chí,

Chúng ta tin tưởng sâu sắc rằng Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này và nghị quyết kỳ họp Quốc hội sắp tới sẽ là mốc lớn đánh dấu bước phát triển mới trong nông nghiệp và nông thôn, đẩy lên phong trào cách mạng sâu rộng, động viên toàn dân đoàn kết phấn đấu, đẩy mạnh sản xuất, tiết kiệm, phát huy cao độ trí thông minh, óc sáng tạo trong việc triển khai thực hiện, nhằm phát triển mạnh mẽ kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh, phấn đấu giành nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa trong sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh.

Chúc các đồng chí dồi dào sức khỏe.

Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

**BÁO CÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
TRÌNH HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VII)**

**Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội
nông thôn đến năm 2000**

Phần I

**THỰC TRẠNG NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN NƯỚC TA
QUA NHỮNG NĂM ĐỔI MỚI**

Vào cuối những năm 70, nước ta lâm vào khủng hoảng kinh tế. Trước thực trạng đó, Hội nghị Trung ương 6 (Khoá IV, tháng 9 năm 1979) ra nghị quyết về những vấn đề kinh tế - xã hội cấp bách nhằm làm cho sản xuất "bung ra". Sau hội nghị này, hiện tượng khoán mới đến hộ xã viên tự phát triển ở nhiều nơi và đem lại những kết quả tích cực. Tổng kết thực tiễn đó, Ban Bí thư Trung ương Khoá IV ra Chỉ thị 100 (1-1981) cho phép và hướng dẫn áp dụng rộng rãi hình thức khoán mới trong các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất trên phạm vi cả nước. Chỉ thị 100 và những chỉ thị của Ban Bí thư

Trung ương Khoá V thừa nhận và khuyến khích hộ xã viên đầu tư vốn, sức lao động vào ruộng khoán và hợp tác xã để hưởng thêm thu nhập từ phần vượt khoán, đã đáp ứng tốt hơn nguyện vọng và lợi ích của nông dân chặn đứng sa sút trong sản xuất, mở đầu cho quá trình đổi mới và phát triển trong nông nghiệp. Bình quân thời kỳ 1981-1985, sản xuất nông nghiệp tăng 4,9% năm, trong khi thời kỳ 1976-1980 chỉ tăng 2,2% năm.

Nhưng trong bối cảnh vẫn duy trì cơ chế tập trung quan liêu bao cấp; tổ chức và quản lý hợp tác xã căn bản không thay đổi; mức khoán thường bị nâng lên làm giảm phần thu nhập của xã viên, nghĩa vụ bán lương thực cho Nhà nước với giá thấp tăng hơn trước; lạm phát phi mã; tệ ngăn sông cấm chợ, chia cắt giao lưu nông sản - hàng hoá nặng nề, lại gặp thiên tai, v.v. nên sự phát triển của nông nghiệp bị chậm lại. Bình quân thời kỳ 86-90 giá trị sản lượng nông nghiệp chỉ tăng 3,7%/năm. Sản xuất lương thực giảm sút, kê đọng sản phẩm tăng lên, một số nơi nông dân trả lại ruộng khoán. Nạn đói trên quy mô nhiều triệu người ở nhiều địa phương do nhiều nguyên nhân đã xảy ra vào tháng 3 năm 1987 và tháng 3 năm 1988. Việc cung ứng lương thực, thực phẩm cho nhân khẩu phi nông nghiệp hết sức căng thẳng.

Đại hội Đảng lần thứ VI đã phân tích sâu sắc những thành quả và sai lầm khuyết điểm của Đảng ta trong lãnh đạo kinh tế, rút ra những bài học lớn, đặc biệt là bài học về hành động phù hợp với quy luật khách quan để xác định đường lối, chủ trương đổi mới toàn diện nhất là về kinh tế theo hướng phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang

cơ chế hạch toán - kinh doanh xã hội chủ nghĩa (thực chất là cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước); xây dựng nền kinh tế mở cả ở trong nước và với bên ngoài.

Sau Đại hội VI, quá trình đổi mới nông nghiệp được tiến hành tương đối đồng bộ, đặt trong tổng thể của công cuộc đổi mới toàn diện về kinh tế - xã hội, thể hiện qua Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và các nghị quyết khác của Trung ương. Quán triệt các nghị quyết này, các hợp tác xã đã tiến hành một số điều chỉnh lớn:

- Giao khoán ruộng đất với thời hạn dài hơn, hoá giá trâu bò, chuyển nhượng, đấu thầu những tư liệu sản xuất và cơ sở vật chất kỹ thuật mà tập thể quản lý kém hiệu quả cho hộ xã viên;

- Khẳng định vai trò của xã viên, coi hộ xã viên là một đơn vị kinh tế tự chủ trong sản xuất nông nghiệp;

- Xoá bỏ chế độ hạch toán công điểm và phân phối hiện vật theo ngày công. Điều chỉnh và ổn định mức khoán theo hướng tăng thêm phần thu nhập cho hộ xã viên.

Nghị quyết Trung ương 2 (Khoá VI) xác định xã viên được tự do lưu thông sản phẩm sau khi thực hiện nghĩa vụ duy nhất là nộp thuế cho Nhà nước. Nghị quyết Trung ương 6 (Khoá VI) chủ trương thực hiện chính sách một giá, thương mại hoá vật tư, khẳng định sự cần thiết phải phát huy vai trò đơn vị kinh tế tự chủ của hộ xã viên đi đôi với đổi mới quản lý của hợp tác xã, đồng thời tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật trong phát triển nông nghiệp.

Những chủ trương, chính sách của Đảng ta về đổi mới trong nông nghiệp thực chất là một hệ thống giải pháp điều chỉnh các mối quan hệ về sở hữu, quản lý, và phân phối, đặt trong tổng thể công cuộc đổi mới toàn diện về kinh tế - xã hội,

gắn với những nỗ lực đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, nhằm giải phóng và tăng cường sức sản xuất trong nông thôn, trong từng hộ nông dân, đã tạo ra động lực quan trọng thúc đẩy nông nghiệp phát triển, đạt được nhiều thành tựu nổi bật.

I- NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Một là, sức sản xuất được giải phóng một bước, sản xuất nông nghiệp đã đạt được những kết quả cao hơn hẳn.

Sản xuất lương thực phát triển khá nhanh¹, nhờ đó đã có thể giải quyết cơ bản lương thực cho nhân dân, có dự trữ và xuất khẩu², tạo ra khả năng mới trong việc cơ cấu lại kinh tế

1.	Bình quân thời kỳ 76-80	Bình quân thời kỳ 81-88	Bình quân thời kỳ 89-92
Tổng sản lượng lương thực quy thóc (tr. tấn)	13,3	17,6	22,2
Trong đó riêng lúa (tr. tấn)	11,0	15,2	19,7
Năng suất lúa bình quân 1 vụ (tạ/ha)	20,2	26,6	32,2
Lương thực (kg/ng)	254	294	330

2. Liên tục từ năm 1989 đến năm 1992 bình quân mỗi năm xuất khẩu trên 1,4 triệu tấn gạo, trong đó năm 1992 đã xuất khẩu 1,95 triệu tấn gạo và 100.000 tấn ngô và sắn, là một trong những nước xuất khẩu gạo lớn của thế giới. Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ thì lượng gạo xuất khẩu của thế giới như sau (triệu tấn):

	1989	1990	1991	1992
Thế giới	15,1	12,1	12,7	14,5
Trong đó: - Thái Lan	6,0	3,9	4,0	4,6
- Mỹ	3,0	2,4	2,2	2,2
- Việt Nam	1,4	1,5	1,0	2,0

nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng đa ngành và gia tăng tỷ trọng hàng hoá. Đã xuất hiện thêm nhiều vùng cây công nghiệp chuyên canh tập trung, chủ yếu dành để xuất khẩu. Thủy hải sản phát triển khá, cả về đánh bắt, nuôi trồng và chế biến. Đặc biệt nghề nông trồng thủy sản, nhất là nuôi tôm, đặc sản, cá ở vùng nước lợ đã tăng nhanh và đang trở thành một ngành sản xuất hàng hoá lớn¹.

Ngành lâm nghiệp tiến hành giao đất, giao rừng cho hộ gia đình ở một số địa phương, nhờ vậy, việc trồng mới, khoanh nuôi và bảo vệ rừng có tiến bộ. Công tác định canh định cư đã có được một số kinh nghiệm, hiệu quả hơn, một số vùng đồng bào đã thực sự định canh, định cư, kinh doanh nông - lâm kết hợp.

Một số địa phương đã khôi phục phát triển ngành nghề thủ công và công nghiệp nông thôn.

Kim ngạch xuất khẩu hàng nông lâm thủy sản trong 4 năm qua tăng với nhịp độ khá, đã cân đối được nhu cầu nhập vật tư kỹ thuật phục vụ nông nghiệp và có thêm nguồn ngoại tệ phục vụ nhu cầu chung của nền kinh tế quốc dân.

Có thể đánh giá sự tiến bộ của nông nghiệp, nhất là lương thực là thành tựu nổi bật của công cuộc đổi mới.

Hai là, kinh tế nhiều thành phần trong nông nghiệp đã được phát triển dưới nhiều hình thức đa dạng phong phú, theo hướng chuyển sang sản xuất hàng hoá hoạt động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

1. Giá trị sản lượng thủy sản trong thời kỳ 89-92 tăng hàng năm là 4%. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản tăng 25%, năm 1990 đạt 205 triệu USD, năm 1991 đạt 312 triệu USD.

Kinh tế hợp tác xã theo mô hình tập thể hoá trước đây đã tỏ ra không phù hợp với hoàn cảnh mới. Một bộ phận hợp tác xã nông nghiệp nhờ có cán bộ quản lý năng động, nhạy bén với cơ chế thị trường, có vốn tích lũy khá, đã chủ động đổi mới tổ chức, đổi mới phương thức hoạt động và cơ chế quản lý, thiết lập quyền tự chủ cho hộ xã viên, tiến hành đấu thầu, hoá giá những tài sản cố định mà việc quản lý và sử dụng chung không có hiệu quả; chuyển sang hướng dẫn sản xuất, chỉ đạo thời vụ gieo trồng, làm dịch vụ những khâu sản xuất cần thiết cho hộ xã viên theo quan hệ hợp đồng, tổ chức cung ứng vật tư, giống, vốn, phòng trừ dịch bệnh, chế biến, tiêu thụ sản phẩm... với bộ máy gọn nhẹ, chủ yếu lấy thu nhập từ hoạt động kinh doanh để trả thù lao cho cán bộ quản lý. Ở loại hình này, hợp tác xã và hộ xã viên là hai chủ thể kinh tế gắn bó với nhau đã kết hợp được sức mạnh của hộ xã viên với sức mạnh tập thể của hợp tác xã, là một mô hình tốt cần được tổng kết và nhân ra diện rộng.

Đối với hợp tác xã nghề cá, đại bộ phận đã hoá giá tàu thuyền; kiểm kê vốn, quỹ; tiến hành cổ phần hoá và thu hút thêm vốn của ngư dân, tiến hành hợp tác sản xuất theo đơn vị thuyền, nghề; hợp tác dịch vụ cung ứng xăng dầu, ngư lưới cụ, chế biến, tiêu thụ sản phẩm... được ngư dân đồng tình.

Cùng với việc chuyển đổi của một bộ phận hợp tác xã kiểu cũ sang mô hình mới, đã xuất hiện nhiều tổ chức hợp tác đa dạng dưới những hình thức và trình độ khác nhau, bắt nguồn từ nhu cầu khách quan của sản xuất và đời sống nông dân.

Ở đồng bằng sông Cửu Long, bên cạnh các hình thức dịch vụ của tư nhân, nông dân ở nhiều tỉnh đã tự xây dựng các

loại hình hợp tác như tổ đường nước liên kết vay vốn, tổ dịch vụ, tổ chức khuyến nông. Một số nơi ở Cần Thơ xây dựng hợp tác xã tín dụng, ngân hàng cổ phần, dịch vụ tín dụng đến hộ nông dân với phương thức, thủ tục cho vay đơn giản, chủ yếu dựa vào tín chấp, đã tạo điều kiện cho nông dân phát triển kinh tế.

Ở miền Đông Nam Bộ, nông dân liên kết đóng cổ phần xây dựng cơ sở vật chất chung: đường giao thông, hệ thống điện, giếng khoan công nghiệp và bơm nước cho vùng cây công nghiệp, cơ sở chế biến, dịch vụ những khâu thiết yếu mà từng hộ nông dân không làm được.

Một số nơi ở đồng bằng sông Hồng và Khu IV cũ, trong lòng các hợp tác xã theo mô hình cũ, xuất hiện nhiều hình thức hợp tác tự nguyện như: tổ hợp liên gia, liên kết theo địa bàn, theo quan hệ thân tộc, phát triển sản xuất trên các vùng đất mới, quai đê lấn biển nuôi tôm, rong câu, các loại thủy đặc sản, tổ hợp trồng rừng, tổ hợp phát triển ngành nghề thủ công nghiệp, tổ hợp dịch vụ. Nhiều hình thức hợp tác dưới dạng hội nghề nghiệp như hội làm vườn, nuôi tôm, nuôi hươu, nuôi ong, nuôi bò sữa... có tác dụng hỗ trợ vốn, kỹ thuật phát triển sản xuất, đem lại lợi ích cho các thành viên hợp tác.

Thực tế nói trên chứng tỏ nhu cầu khách quan và sự cần thiết phải tiếp tục đổi mới, khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy việc hình thành những loại hình kinh tế hợp tác đa dạng, từ thấp đến cao, tập trung vào những lĩnh vực, những khâu công việc mà kinh tế hộ không làm được hoặc làm không có hiệu quả, dựa trên nguyên tắc dân chủ, tự nguyện, cùng có lợi, nhằm mục tiêu phục vụ sản xuất kinh doanh có hiệu quả,

hạn chế những tác động tiêu cực của kinh tế tư nhân và cơ chế thị trường, cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của nông dân, góp phần đưa nông dân đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Việc thừa nhận *hộ xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ* đã tạo nên động lực phát triển mạnh mẽ, năng động trong kinh tế nông thôn cả nước. Nhờ đó nông dân gắn bó trở lại với ruộng đất, đầu tư vốn, lao động để thâm canh, tăng vụ trên vùng đất thuộc, khai phá thêm nhiều đất hoang hoá, năng động trong sản xuất, kinh doanh. Ruộng đất được sử dụng tốt hơn, vừa đi vào thâm canh, vừa đổi mới cơ cấu sản xuất, đổi mới cơ cấu mùa vụ. Ở Tây Nguyên, trung du, miền núi phía Bắc, các hộ nông dân bỏ vốn đầu tư cùng với các doanh nghiệp nhà nước phát triển cây công nghiệp như chè, cà phê, dâu tằm, cao su, cây ăn quả, mía đời, bông... đang tạo ra những vùng nguyên liệu gắn liền với công nghiệp chế biến, hình thành cơ cấu kinh tế mới ở một số vùng vốn trước đây là kinh tế tự nhiên, chậm phát triển. Trong lâm nghiệp, mấy năm gần đây, mặc dù đầu tư cho trồng rừng bằng vốn ngân sách giảm mạnh, mỗi năm cả nước vẫn trồng từ 12 đến 15 vạn ha rừng, trong đó 52% bằng vốn của dân. Rừng đặc sản quế, hồi được khôi phục và phát triển. Trong nghề cá, các hộ gia đình đã bỏ vốn và lao động để mở rộng các vùng nuôi trồng thủy sản từ ven biển Quảng Ninh đến Cà Mau, đưa diện tích nuôi trồng lên trên 500.000 ha, tạo thêm công ăn việc làm cho trên 20 vạn lao động. Khai thác hải sản được tiến hành theo hình thức tổ chức thuyền nghề là chính đã tạo điều kiện để thu hút vốn ngư dân khôi phục và phát triển năng lực tàu thuyền và ngư cụ, tạo việc làm cho lao động nghề cá. Các

làng nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống đang được khôi phục. Nhiều ngành công nghiệp nhỏ và dịch vụ mới trong nông thôn được phát triển.

Kinh tế hộ cá thể, tư bản tư nhân được khuyến khích phát triển lâu dài trong nông, lâm, ngư nghiệp, công thương nghiệp, dịch vụ nông thôn, đang trở thành một lực lượng sản xuất đáng kể, năng động, góp phần quan trọng vào việc tăng nhanh sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, tạo thêm công ăn việc làm, cung cấp một số điển hình và kinh nghiệm quý về cách làm giàu hợp pháp vừa ích nước vừa lợi nhà trên nhiều vùng và nhiều lĩnh vực.

Doanh nghiệp nhà nước trong nông lâm ngư nghiệp, công nghiệp chế biến đổi mới quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh.

Ở vào thời điểm đổi mới, doanh nghiệp nhà nước trong nông lâm ngư nghiệp đứng trước tình thế rất khó khăn: thiếu vốn, thị trường tiêu thụ sản phẩm bị thu hẹp đột ngột, công nghệ lạc hậu, biên chế công kênh, tổ chức sản xuất không thích hợp, hiệu quả kinh doanh rất thấp, không phát huy được vai trò của kinh tế quốc doanh. Nhiều doanh nghiệp đứng trước nguy cơ bị giải thể. Trước hiện trạng đó, một bộ phận doanh nghiệp sớm nhận thức được vai trò của kinh tế hộ, đã áp dụng cơ chế khoán với nhiều hình thức khác nhau nhằm phát huy vai trò tự chủ kinh tế của hộ thành viên, gắn tiền lương, thu nhập của người lao động với việc tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, khuyến khích hộ tự đầu tư thêm vốn, vật tư, sức lao động để mở rộng sản xuất kinh doanh.

Doanh nghiệp giảm bớt biên chế gián tiếp, tập trung vào việc chỉ đạo phương hướng kinh doanh, điều hành những

khâu sản xuất cần thiết, làm các dịch vụ công thương đầu vào đầu ra cho kinh tế hộ. Nhờ vậy đã giữ vững và phát triển được sản xuất, cải thiện được đời sống của cán bộ, công nhân viên. Một số doanh nghiệp phát huy tốt vai trò trung tâm kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hoá xã hội trên cả địa bàn, liên kết và tạo điều kiện phát triển cho mọi hộ dân cư, sử dụng có hiệu quả đất đai, tư liệu sản xuất và sức lao động, tỏ rõ tính ưu việt và vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh trong nông lâm ngư nghiệp.

Ba là, cơ sở vật chất kỹ thuật trong nông lâm ngư nghiệp và phục vụ nông lâm ngư nghiệp có bước phát triển, tiến bộ khoa học kỹ thuật được tiếp thu nhanh nhạy hơn, công tác khuyến nông bước đầu được coi trọng.

Hệ thống điện đã đến được nhiều vùng nông thôn rộng lớn; mạng lưới giao thông đang được củng cố và nâng cấp, ở một số nơi đã thông suốt tới tận làng, xã, nhiều công trình thuỷ lợi lớn nhỏ được xây dựng đã hạn chế hạn hán lũ lụt, tăng diện tích tưới tiêu, thau chua rửa mặn, làm thay đổi hẳn bộ mặt của một số vùng; hàng chục vạn hecta đất hoang hoá được khai phá, trở thành ruộng lúa hoặc nuôi trồng thuỷ hải sản; hàng chục vạn hecta đất trống đồi trọc trở thành vườn, rừng cây lấy gỗ, cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả; hàng vạn tàu thuyền được đóng mới, trang bị động cơ, tăng thêm năng lực đánh bắt hải sản; nhiều cơ sở công nghiệp bảo quản, chế biến nông lâm thuỷ sản được xây dựng mới, thay đổi trang thiết bị và công nghệ, tạo ra những sản phẩm đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu...

Tiến bộ khoa học kỹ thuật được tiếp thu nhanh nhạy hơn, đặc biệt là đối với việc sản xuất những sản phẩm mà thị

trường có nhu cầu lớn: sản xuất lúa và chế biến gạo: nuôi trồng thuỷ hải sản và các loại đặc sản xuất khẩu. Công nghệ sinh học bước đầu được áp dụng. Việc chuyển đổi mùa vụ, né tránh thiên tai ở nhiều nơi đã cho kết quả tốt.

Công tác khuyến nông bắt đầu được coi trọng. Một số địa phương đã tổ chức lại bộ máy ngành nông, lâm, ngư nghiệp, đầu tư ngân sách, đào tạo cán bộ, liên kết với các cơ quan có liên quan đến nông nghiệp và nông thôn như các phòng ban khoa học - kỹ thuật, các tổ chức y tế, kế hoạch hoá gia đình, các tổ chức văn hoá xã hội, thông tin báo chí, các đoàn thể xã hội như Hội nông dân, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên... để làm công tác khuyến nông, cung cấp thông tin thị trường, hướng dẫn áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đổi mới tổ chức sản xuất - kinh doanh... đến hộ gia đình nông dân. Cách làm đó đã có tác dụng thiết thực về kinh tế - kỹ thuật, lại góp phần xây dựng nếp sống mới ở nông thôn, được nông dân rất hoan nghênh.

Bốn là, bộ mặt nông thôn và đời sống nông dân có nhiều thay đổi tích cực.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn có bước phát triển mới: điện, nước, giao thông, trường học, nhà ở nhiều nơi được cải thiện rõ rệt; truyền thanh, truyền hình phủ sóng khắp nước; phương tiện đi lại dễ dàng hơn; giao lưu hàng hoá có nhiều thuận lợi. Những trung tâm công thương nghiệp dịch vụ, các thị tứ, thị trấn hình thành và phát triển góp phần vào quá trình giảm bớt sự cách biệt giữa thành thị với nông thôn.

Đời sống nông dân ở nhiều vùng được cải thiện so với trước về ăn, mặc, ở, đi lại, hưởng thụ văn hoá, thông tin, chăm sóc sức khoẻ. Diện hộ giàu và mức độ giàu tăng lên,

diện nghèo, mức độ nghèo ở nhiều nơi có được giảm bớt¹, nạn đói được đẩy lùi ở phần lớn các vùng nông thôn trong cả nước.

Dân chủ trong nông thôn có mặt tiến bộ.

Năm là, hệ thống chính trị trong nông thôn bắt đầu có một số chuyển biến cho phù hợp hơn với quá trình đổi mới về kinh tế.

Ở một số nơi, tuy chưa nhiều, các tổ chức đảng đã đổi mới phương thức lãnh đạo; chính quyền cơ sở bắt đầu đi vào quản lý nhà nước theo pháp luật, tổ chức hướng dẫn nông dân thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, giúp nông dân phát triển kinh tế, giải quyết các vấn đề văn hoá - xã hội, an ninh - trật tự, củng cố và kiện toàn thôn (ấp, bản), lấy đó làm địa bàn để phát huy quyền làm chủ của dân; các đoàn thể nhân dân, nhất là hội phụ nữ, thông qua việc tổ chức các hình thức kinh tế hợp tác mới, bảo trợ cho nông dân vay vốn, giúp đỡ kinh nghiệm làm ăn, khắc phục những khó khăn trong đời sống... đã tập hợp được quần chúng, củng cố uy tín của đoàn thể.

Những thành tựu trên đây là rất quan trọng, trực tiếp tác động đến 80% dân cư, góp phần to lớn vào việc ổn định kinh tế - chính trị - xã hội cả nước trong điều kiện tình hình quốc tế có những biến động hết sức phức tạp.

1. Theo điều tra nông thôn năm 1992, số hộ giàu có mức thu nhập (V + m) 1 triệu đồng/nhân khẩu/năm so với tổng số hộ nông dân: năm 1990 là 8,06%, năm 1991 là 9,7%, năm 1992 là 12%. Mức thu nhập hộ giàu năm 1992 tăng 10,04% so với năm 1991, tăng 18,9% so với năm 1990; số hộ nghèo so với tổng số hộ nông dân, năm 1990 là 34,4%, năm 1991 là 26,7%, năm 1992 là 19,6%. Mức thu nhập của hộ nghèo năm 1992 tăng 15% so với năm 1991, tăng 27,78% so với năm 1990.

Có được những thành tựu đó là do:

1. Đội ngũ nông dân, công nhân, trí thức nước ta có ý thức giác ngộ chính trị cao, tinh thần lao động kiên cường, sáng tạo, vững vàng trước những thách thức, khó khăn, biết phát huy năng lực trí tuệ con người Việt Nam kết hợp kinh nghiệm cổ truyền phong phú của cha ông với những tiến bộ mới về khoa học kỹ thuật, phấn đấu không mệt mỏi trên mặt trận hàng đầu là sản xuất nông nghiệp, từng bước đưa nông nghiệp - nông dân - nông thôn tiến lên trên con đường dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh.

2. Đảng, Nhà nước có đường lối, chủ trương, chính sách đổi mới đúng đắn, sáng tạo, có bước đi phù hợp và có hiệu quả. Đã tập trung đổi mới về kinh tế, mà khâu đột phá là nông nghiệp. Trong các quyết sách quan trọng nhất tác động đến phát triển sản xuất nông nghiệp, trước hết phải kể đến chủ trương đổi mới hợp tác xã, khẳng định hộ xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ, được giao ruộng đất ổn định lâu dài, phát huy tiềm năng của mọi thành phần kinh tế, tạo điều kiện cho nông dân tự do làm ăn theo pháp luật trong cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Những quyết sách đó được đặt trong tổng thể công cuộc đổi mới toàn diện về kinh tế - xã hội, gắn với những nỗ lực nhằm ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, giải phóng sức sản xuất trong nước, thu hút nguồn lực bên ngoài... đã tỏ ra phù hợp với quy luật khách quan và điều kiện lịch sử cụ thể, đáp ứng được nguyện vọng và lợi ích của đông đảo nhân dân, được nhân dân đồng tình và vận dụng một cách sáng tạo.

3. Việc đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp và phục vụ nông nghiệp, với phương châm nhà nước và nhân

dân cùng làm, đã được chú trọng và phát huy hiệu quả, đặc biệt là điện, thủy lợi, khai hoang, lấn biển, giao thông; các cơ sở công nghiệp phân bón, thuốc trừ sâu, bảo quản và chế biến nông lâm hải sản, dịch vụ xuất nhập khẩu phục vụ nông nghiệp, v.v.. Không kể những công trình đầu tư trong giai đoạn trước, chỉ tính từ năm 1987 đến nay, bình quân hàng năm Nhà nước đã đầu tư trực tiếp cho nông lâm ngư nghiệp 315 tỷ đồng, bằng 17% tổng vốn đầu tư cho nền kinh tế quốc dân.

Đầu tư trực tiếp và gián tiếp của Nhà nước, tạo điều kiện và kết hợp với đầu tư của bản thân từng doanh nghiệp và mọi tầng lớp nhân dân, đã làm tăng thêm năng lực sản xuất, góp phần quan trọng thúc đẩy nông nghiệp phát triển, xây dựng nông thôn mới.

4. Công tác quản lý, điều hành của Nhà nước có tiến bộ. Nhu cầu về phân bón, thuốc trừ sâu, xăng dầu nhìn chung được đáp ứng đủ và kịp thời. Việc chế biến, tiêu thụ nông sản được quan tâm hơn; lực lượng dự trữ quốc gia, dự trữ lưu thông một số loại hàng hoá vật tư chiến lược được tăng cường đã cho phép hạn chế những hậu quả tiêu cực của cơ chế thị trường, của thiên tai...

Công tác thông tin thị trường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật có chuyển biến tốt. Hoạt động khuyến nông đang được chú trọng hơn.

5. Sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế, các chính phủ và các tổ chức phi chính phủ trên nhiều lĩnh vực cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn nước ta thời gian qua là hết sức quý báu và góp phần không nhỏ vào những thành tựu chung.

6. Tuy có gặp thiên tai ở một số vùng hoặc mùa vụ,

nhưng nhìn chung, điều kiện tự nhiên những năm gần đây tương đối thuận lợi cho phát triển nông lâm ngư nghiệp nước ta.

II- NHỮNG TỒN TẠI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ MỚI NẢY SINH

1. Mặc dù có bước phát triển, nền nông nghiệp nước ta hiện nay vẫn là một nền nông nghiệp sản xuất nhỏ, 80% dân cư sống ở nông thôn và hơn 70% lực lượng lao động sống bằng nghề nông, cơ sở vật chất kỹ thuật yếu kém; công nghệ và kỹ thuật sản xuất lạc hậu, chủ yếu dựa trên kinh nghiệm cổ truyền và lao động thủ công; năng suất lao động, năng suất cây trồng và vật nuôi còn rất thấp, tính chất tự cấp tự túc còn nặng; mức phát triển sản xuất chưa đáp ứng được nhu cầu cải thiện đời sống của nhân dân, nguyên liệu cho công nghiệp, hàng hoá cho xuất khẩu; chưa tạo được nguồn tích lũy và thị trường trong nước cần thiết cho sự nghiệp công nghiệp hoá.

2. Cơ cấu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn chưa thoát khỏi độc canh và thuần nông, ở nhiều vùng vẫn chủ yếu là độc canh về lúa, cơ cấu sản xuất chậm đổi mới và chưa phát huy được lợi thế của các vùng sinh thái, các tiến bộ kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ sinh học chậm được ứng dụng. Chăn nuôi chưa phát triển mạnh, giá trị chăn nuôi chưa vượt quá 25% tổng giá trị nông nghiệp, chưa xuất hiện ngành chăn nuôi với tỷ suất hàng hoá cao. Sản xuất nông nghiệp chưa gắn với chế biến bảo quản và tiêu thụ là một khuyết tật lớn của nền nông nghiệp nước ta. Lâm nghiệp nặng về khai thác. Mặc dù chủ trương giao đất, giao rừng

được đề ra rất sớm, song vẫn chưa tìm được giải pháp hữu hiệu để giải quyết khâu trọng tâm nghề rừng là lâm sinh, bảo vệ và phát triển vốn rừng. Trồng rừng và bảo vệ rừng chưa trở thành nghề nuôi sống người lao động, trực tiếp là nhân dân các dân tộc thiểu số, đã dẫn đến tình trạng tàn phá tự nhiên làm cạn kiệt tài nguyên, suy thoái môi trường trên nhiều vùng miền núi, để lại hậu quả xấu rất nghiêm trọng. Công nghiệp chế biến sâu và tận dụng lâm sản chưa được quan tâm. Đầu tư cho thủy hải sản chưa thỏa đáng, nhất là đầu tư mua sắm các phương tiện đánh bắt xa bờ và xây dựng các trung tâm kinh tế ven biển và hải đảo, đã hạn chế khả năng phát triển nghề khơi để làm chủ lãnh hải và khai thác tài nguyên vùng biển. Mặt khác, lại tập trung đánh bắt ven bờ với những phương tiện lạc hậu (mắt lưới nhỏ, đánh mìn), đã gây nên cạn kiệt nguồn lợi ven bờ.

Công nghiệp nông thôn quá nhỏ bé, ngành nghề thủ công truyền thống chưa được khôi phục và phát triển tương xứng với tiềm năng, kỹ thuật lạc hậu. Chưa có các trung tâm công nghiệp mạnh ở nông thôn, thu hút được nhiều lao động để tạo ra thể phân công lao động mới. Các ngành công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải... chuyển hướng phục vụ kinh tế nông nghiệp - nông thôn chậm, chưa có cơ cấu bước đi thích hợp, thiếu những sản phẩm và mặt hàng thiết yếu đối với sản xuất và đời sống nông thôn. Các hoạt động dịch vụ cho sản xuất và đời sống của cư dân nông thôn còn yếu kém, thiếu quy hoạch, lực lượng vật chất còn nhỏ bé, phạm vi hoạt động chưa bao quát đến vùng xa, vùng sâu, vùng núi cao. Vì vậy yêu cầu nhanh chóng chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn đang là đòi hỏi bức bách đặt ra hiện nay.

3. Các thành phần kinh tế trong nông nghiệp tuy đã được các nghị quyết của Đảng khẳng định, song việc đổi mới chưa đạt yêu cầu mong muốn, chậm tổng kết những điển hình tốt, nhân tố mới về đổi mới quốc doanh, đổi mới hợp tác xã. Cơ chế quản lý vẫn còn nhiều mặt trói buộc sức sản xuất trong nông thôn phát triển.

Đã để kéo dài tình trạng buông lỏng, thả nổi kinh tế hợp tác xã, chưa có biện pháp tích cực để thúc đẩy việc đổi mới phương hướng, đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của gần 90% số hợp tác xã kiểu cũ; chưa tổng kết kinh nghiệm, hướng dẫn và thúc đẩy sự phát triển các loại hình kinh tế hợp tác đa dạng đang nảy sinh. Trong số 10.349 hợp tác xã trước đây hiện đang tồn tại, có khoảng 12% số hợp tác xã đã chuyển đổi nội dung và phương thức quản lý, 50-60% dịch vụ một vài khâu, 30% tồn tại chỉ là hình thức; hợp tác xã loại này vẫn duy trì bộ máy quản lý công kênh, chưa giao ruộng đất ổn định cho hộ, có chỗ lại khoán trắng, buông trôi cho hộ tự thân vận động; nông dân còn phải đóng góp nhiều khoản không hợp lý cho hợp tác xã, nhưng chưa được đáp ứng các dịch vụ đầu vào, đầu ra, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Nhiều loại hình kinh tế hợp tác mới nảy sinh một cách tự phát, không được chỉ đạo, lãnh đạo kịp thời.

Kinh tế hộ xã viên nhiều nơi chưa được tạo đủ điều kiện để phát huy hết tiềm năng của đơn vị kinh tế tự chủ. Kinh tế cá thể, tư nhân bung ra phát triển ở nhiều nơi, tuy có những đóng góp tích cực, song do thiếu sự quản lý, can thiệp của nhà nước, kinh tế quốc doanh và hợp tác xã bỏ trống trận địa, nên cũng dễ ra không ít tiêu cực, gây thiệt hại cho người lao động, nhất là đối với hộ nông dân nghèo (ép cấp, ép giá, đầu

cơ tích trữ, cho vay nặng lãi, v.v.), làm tăng mức độ phân hoá giàu nghèo không đáng có trong nông thôn. Một số chính sách của Đảng và Nhà nước chưa ổn định, thiếu nhất quán, thi hành không nghiêm, làm cho nhiều hộ nông dân chưa yên tâm đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

Hệ thống doanh nghiệp nhà nước có 1.921 đơn vị đang quản lý 7,5 triệu ha đất, trong đó có 6,3 triệu hécta đất rừng thuộc doanh nghiệp lâm nghiệp, 1,2 triệu ha đất nông nghiệp thuộc các doanh nghiệp nông nghiệp, 20.000 ha mặt nước thuộc các doanh nghiệp thuỷ sản, quản lý 377.000 lao động, nhưng phần lớn các doanh nghiệp đó đổi mới quản lý chậm, hiệu quả thấp. So với khu vực kinh tế hộ, vốn đầu tư cho cây công nghiệp đắt hơn 1,5-1,8 lần, hệ số sinh lợi mới đạt 5%. Trong doanh nghiệp lâm nghiệp, chỉ có 29% làm ăn có lãi. Các doanh nghiệp nhà nước vẫn bao chiếm hàng triệu hécta đất đai, không có khả năng sử dụng có hiệu quả, nhưng không giao lại cho dân sử dụng. Nhiều nông trường, lâm trường vẫn chưa có hình thức khoán thích hợp cho gia đình thành viên, hạn chế tính năng động sáng tạo của người lao động. Những điển hình quốc doanh hoạt động tốt chưa được tổng kết và nhân ra diện rộng.

Quốc doanh thương nghiệp nhiều nơi bỏ trống thị trường nông thôn, phó mặc cho tư thương trực tiếp mua bán với hộ nông dân, có lúc lũng đoạn thị trường. Quốc doanh phục vụ nông nghiệp như điện lực, công ty thuỷ nông, ngân hàng, giao thông, vận tải, chế biến nông sản, xuất nhập khẩu... tuy có nhiều cố gắng, song cũng còn không ít tiêu cực như cửa quyền, tham nhũng, bắt chẹt nông dân, làm phương hại đến quan hệ liên minh công nông.

Khuynh hướng buông lỏng vai trò điều tiết, can thiệp của Nhà nước đối với sự phát triển nông nghiệp nông thôn theo định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện ở chỗ hạ thấp vai trò của kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác xã trong nông nghiệp là khá phổ biến trong nhiều cấp uỷ đảng và chính quyền từ trung ương đến cơ sở.

4. Nước ta đất ít người đông, bình quân cả nước chỉ 0,23ha/1 lao động (đồng bằng sông Cửu Long 0,4 ha, đồng bằng sông Hồng 0,15 ha). Ở nhiều vùng, diện tích đất canh tác của một gia đình làm nông nghiệp không đủ để họ tự nuôi sống mình. Khai thác tiềm năng miền núi, ven biển là yêu cầu khách quan đặt ra. Mặc dầu đã có nhiều nghị quyết về miền núi, ven biển nhưng chuyển biến chậm. Cả nước còn 12 triệu ha đất trống, đồi núi trọc (trong đó có 1 triệu ha đất bằng) chưa đưa vào sử dụng, chỉ tính diện tích đất có khả năng làm nông nghiệp còn có thể thêm 2 triệu ha. Vùng biển và vùng đặc quyền kinh tế rộng lớn trên biển chưa được khai thác đáng kể. Tài nguyên đất đai rừng biển bị cạn kiệt, nhiều diện tích còn hoang hoá, vừa không tạo ra của cải vật chất, vừa là nhân tố chủ yếu gây tác động xấu đến môi trường sinh thái, để lại hậu quả nghiêm trọng cả trước mắt và lâu dài.

5. Ruộng đất vẫn là vấn đề nổi cộm và là sự quan tâm đặc biệt của nông dân. Mặc dầu đã có Nghị quyết của Đại hội VII, Nghị quyết Trung ương 2 (Khoá VII), Hiến pháp năm 1992, nhưng vấn đề ruộng đất vẫn chưa được giải quyết dứt điểm. Do chưa có sự nhận thức và cách làm thống nhất, đến nay nhiều nơi vẫn chưa thực hiện xong chủ trương giao ruộng đất ổn định lâu dài cho hộ nông dân sử dụng, để đáp ứng nguyện vọng lâu đời của nông dân và khuyến khích nông dân yên

tâm đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh; chưa có quy định pháp lý về những điều kiện cụ thể để thực hiện các quyền chuyển nhượng, thừa kế, cho thuê, thế chấp đối với ruộng đất được giao quyền sử dụng. Tranh chấp ruộng đất vẫn xảy ra, gây mất ổn định ở một số nơi. Nhiều hợp tác xã ở đồng bằng sông Hồng và duyên hải miền Trung vẫn quản lý ruộng đất và giao khoán cho hộ theo thời hạn ngắn, tiếp tục thu các loại quỹ không hợp lý nhưng không làm tốt các dịch vụ cho hộ xã viên. Ở nhiều địa phương cán bộ có chức, có quyền tùy tiện cấp, bán ruộng đất công, thu lợi cá nhân, vi phạm nghiêm trọng luật lệ nhà nước gây nên bất bình trong nông dân. Một bộ phận nông dân bị bần cùng hoá, mất ruộng đất, trở thành lao động làm thuê trong nông nghiệp.

6. Vấn đề thị trường đang đặt ra hết sức gay gắt. Phân công lao động chưa phát triển, năng suất lao động xã hội tăng chậm, tiền lương công nhân viên chức và thu nhập của nông dân còn quá thấp làm hạn chế sức mua và quy mô thị trường nội địa, ngăn cản việc hình thành hợp lý giá cả nông sản, thu hẹp khả năng tái sản xuất mở rộng của sản xuất nông lâm ngư nghiệp.

Thị trường xuất khẩu nông sản chưa ổn định, ít mặt hàng chủ lực, chưa có những bạn hàng lớn. Chất lượng nông sản thấp, công nghệ chế biến lạc hậu, vệ sinh môi trường và vệ sinh thực phẩm chưa tốt... làm giảm khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế, phải chịu nhiều thua thiệt trong buôn bán với bên ngoài.

Những thiếu hụt về ngân sách, những yếu kém trong chỉ đạo phương hướng sản xuất, quản lý điều hành thị trường

nông sản nhiều khi làm cho nông dân điêu đứng vì sản phẩm làm ra không có nơi tiêu thụ, bị ép cấp, ép giá.

Việc bảo hộ sản xuất nội địa chưa đúng mức, chưa chặt chẽ, để nhập khẩu những sản phẩm trong nước đã có đủ khả năng sản xuất và tệ buôn lậu trốn thuế tràn lan càng làm cho việc tiêu thụ sản phẩm trong nước làm ra thêm khó khăn.

Thị trường các yếu tố đầu vào của sản xuất nông nghiệp cũng chưa hoạt động thông suốt. Vật tư nông nghiệp có lúc thời vụ thì khan hiếm, có lúc hết vụ lại dư thừa. Ở nhiều nơi tư thương đầu nậu lợi dụng sự vắng bóng của thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, tìm cách tăng giá vật tư, hạ giá mua nông sản. Một số tổ chức dịch vụ của nhà nước và tập thể tùy tiện nâng giá điện, cước phí vận chuyển, phụ phí ngân hàng... Tương quan giá cả một số sản phẩm công nghiệp và nông sản chưa hợp lý cần tiếp tục xem xét để điều chỉnh.

7. Dân số tăng nhanh, lao động dư thừa đang là vấn đề kinh tế - xã hội nghiêm trọng ở nông thôn nước ta.

Dân cư nông nghiệp tăng bình quân 1,96% trong các năm 1980-1986, và 2,2% thời kỳ 1986-1991, có địa phương lên tới 3%.

Lao động nông nghiệp tăng tương ứng với các thời kỳ đó là 4,6% và 4,12%.

Trong điều kiện đất ít, người đông, công nghiệp, dịch vụ nông thôn chưa phát triển, công nghiệp hoá ở đô thị thậm chí chưa đủ sức thu hút hết lao động dư thừa tại chỗ, cộng thêm lực lượng bộ đội giải ngũ, cán bộ nhân viên thuộc khu vực nhà nước giảm biên chế trở về nông thôn sinh sống... đã làm cho vấn đề công ăn việc làm của lao động nông thôn càng trở

nên gay gắt. Hiện có tới 30% lao động nông thôn thiếu hoặc không có việc làm. Lao động dư thừa là một trong những nguyên nhân chính của nghèo đói, tăng thêm tiêu cực và tệ nạn xã hội trong nông thôn, thúc đẩy việc di dân tự do giữa các vùng trong những năm qua.

8. Đời sống nông dân còn nhiều khó khăn.

Nhìn chung đời sống nông dân nước ta có mặt được cải thiện, đã bước đầu loại trừ được đói rách, nhưng vẫn chưa thoát khỏi cảnh nghèo túng, mức sống vật chất và văn hoá còn rất thấp, một bộ phận không nhỏ còn phải sống dưới mức nghèo khổ, thiếu đói triền miên.

70% thu nhập của nông dân vẫn phải dành để lo giải quyết nhu cầu ăn. Chất lượng bữa ăn thấp, mức dinh dưỡng không bảo đảm yêu cầu cần thiết, 40% trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng, ở miền núi tỷ lệ này còn cao hơn.

Ở nhiều vùng, tỷ lệ nhà tranh tre nửa lá, nhà "đá", nhà "đáp" còn cao. Những phương tiện sinh hoạt cần thiết như giường, màn, chăn, chiếu không đủ. Nguồn nước sạch thiếu. Phong trào đào giếng nước, xây dựng hố xí hai ngăn, vệ sinh phòng bệnh chưa được quan tâm.

Các loại bệnh nguy hiểm như sốt rét, bấu cổ chưa được ngăn chặn có hiệu quả. Hệ thống y tế cơ sở bị xuống cấp nghiêm trọng. Thuốc men không đủ, chất lượng dịch vụ y tế thấp.

Giáo dục nông thôn phát triển chậm, tỷ lệ trẻ em bỏ học, diện người mù chữ còn cao, nhất là ở vùng miền núi, vùng dân tộc ít người.

Các tệ nạn ma chay cưới xin tốn kém, mê tín dị đoan phát triển.

Giao thông đi lại nhiều nơi còn rất khó khăn. Có vùng bị ách tắc suốt mùa mưa bão. Còn nhiều vùng nông thôn quá nghèo, cách biệt xa về trình độ phát triển các mặt so với những vùng khác, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng cao, vùng sâu, vùng trước đây là căn cứ cách mạng.

Có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến tình trạng trên đây, trong đó chủ yếu là do:

Một là, nền kinh tế nói chung vẫn đang trong tình trạng kém phát triển. Năng suất lao động xã hội thấp, nguồn tích lũy trong nước chưa đáng kể, khả năng thu hút vốn bên ngoài bị hạn chế, nguồn vốn và thị trường từ Liên Xô và Đông Âu bị cắt giảm đột ngột, Mỹ tiếp tục bao vây cấm vận về kinh tế... đã hạn chế quy mô đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, làm chậm tiến trình công nghiệp hoá; không đáp ứng đủ nhu cầu về năng lượng thuỷ lợi, giao thông, chế biến nông - lâm hải sản cho sự phát triển nông lâm ngư nghiệp, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu khai thác đất trống đồi trọc, mở mang kinh tế biển; không thu hút được lao động dôi thừa; không cho phép phát triển nhanh các sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hoá xã hội, hỗ trợ đúng mức cho việc xoá đói giảm nghèo, đưa miền núi tiến kịp miền xuôi, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển giữa thành thị và nông thôn.

Hai là, nhận thức, quan điểm, chủ trương, giải pháp về một số vấn đề phát triển kinh tế - xã hội trong nông nghiệp và nông thôn chưa quán triệt đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, chưa bám sát Cương lĩnh và Chiến lược mà Đại hội VII đã đề ra; một số vấn đề mới nảy

sinh chưa được bàn định để thống nhất quan điểm và hướng xử lý.

Những cách nhìn, cách nghĩ cũ, xa rời thực tế khách quan, trong việc xem xét các vấn đề ruộng đất, kinh tế hợp tác xã, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản, tư nhân và sự phân hoá giàu nghèo trong nông thôn còn khá nặng nề trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Mặt khác, xuất hiện khá phổ biến khuynh hướng hạ thấp vai trò của kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác xã, thổi phồng vai trò của kinh tế hộ, coi nhẹ sự lãnh đạo của Đảng, vai trò can thiệp của Nhà nước nhằm dẫn dắt nông thôn theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tâm lý bao cấp, trông chờ, ỷ lại vào nhà nước, vào cấp trên chưa được giữ bỏ. Đồng thời lại có xu hướng kinh doanh đơn thuần, đề cao một chiều quan hệ thị trường, không cân nhắc kỹ các khía cạnh chính trị - xã hội trong các quyết định về chính sách, tổ chức và cơ chế quản lý.

Ba là, tổ chức thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước còn nhiều yếu kém.

Bệnh quan liêu, xa thực tế, cửa quyền, tham nhũng và tiêu cực trong bộ máy nặng nề, hiệu lực quản lý và điều hành thấp.

Chậm tổng kết thực tiễn, nhân điển hình tiên tiến, bổ sung, điều chỉnh kịp thời những điểm không còn phù hợp của các luật lệ, chính sách, quy chế, khắc phục những biến động xấu, những mặt trái của cơ chế thị trường.

Nhiều ngành kinh tế chưa tập trung phục vụ tốt cho sự phát triển nông nghiệp và nông thôn. Công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ tách rời nông nghiệp, nông thôn, làm chậm tốc độ phát triển, hạn chế hiệu quả, cản trở quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Bốn là, Đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân ở cơ sở chậm và lúng túng trong đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động phù hợp với sự nghiệp đổi mới ở nông thôn. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, lựa chọn cán bộ không theo kịp sự phát triển của tình hình. Tình trạng này có ở tất cả các cấp, các ngành, các vùng, đặc biệt là đối với vùng miền núi, vùng có nhiều khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Giải quyết được những trở ngại trên đây sẽ có ý nghĩa then chốt để chuyển nông nghiệp, nông thôn sang một thời kỳ phát triển mới.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU VÀ QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2000

I- MỤC TIÊU

1. Giải phóng sức sản xuất, phát huy mọi tiềm năng con người, tài nguyên đất đai, rừng, biển, khí hậu, sinh thái và kinh tế - xã hội, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ sinh học, từng bước công nghiệp hoá và hiện đại hoá nông nghiệp và kinh tế nông thôn, phát triển toàn diện với tốc độ cao và vững chắc các ngành nông lâm ngư nghiệp, công thương nghiệp và dịch vụ nông thôn phù hợp với đặc điểm và thế mạnh của từng vùng, thu hút đại bộ phận lao động dôi thừa bằng chính sự phát triển đa dạng của kinh tế nông thôn, tăng năng suất lao động xã hội, tăng thu nhập

cho nông dân, tạo ra khối lượng sản phẩm lớn, năng suất cây trồng và vật nuôi cao, chất lượng tốt, chi phí thấp, đảm bảo giải quyết vững chắc nhu cầu lương thực, thực phẩm cho nhân dân thành thị và nông thôn, khắc phục cơ bản nạn suy dinh dưỡng, đáp ứng yêu cầu nguyên liệu cho công nghiệp, tăng kim ngạch xuất khẩu và tăng tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp hoá, bảo vệ môi trường sinh thái.

2. Khắc phục kinh tế tự nhiên, tự cấp tự túc, thúc đẩy phân công lại lao động, phân bố lại dân cư, hình thành và phát triển mạnh nền kinh tế hàng hoá trong nông nghiệp và nông thôn vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, với nhiều dạng sở hữu, nhiều hình thức kinh doanh, trong đó kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác xã được đổi mới và phát triển có hiệu quả, từng bước vươn lên làm nên tảng và tạo điều kiện huy động tối đa tiềm năng của kinh tế hộ xã viên, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế hợp tác liên doanh với nước ngoài; hỗ trợ, thúc đẩy, hướng dẫn nông nghiệp, nông dân và nông thôn thực hiện dân giàu nước mạnh, xã hội văn minh, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

3. Cải thiện một bước cơ bản đời sống của nông dân, tăng thêm diện giàu và đủ ăn, thu hẹp diện nghèo và giảm mức độ nghèo. Tạo điều kiện và phương tiện cho bước phát triển mới ở vùng nghèo, nhất là các vùng núi cao, vùng đồng bào thiểu số, vùng sâu căn cứ cách mạng cũ.

Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - văn hoá - xã hội từng bước được phát triển theo hướng đô thị hoá nông thôn một cách hợp lý; cải thiện điều kiện ăn, mặc, ở, nước sinh hoạt, đi lại, học tập, chăm sóc sức khoẻ, hưởng thụ

văn hoá - thông tin; xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá mới.

Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; phát huy dân chủ, đảm bảo công bằng xã hội; tăng cường ổn định chính trị, giữ vững trật tự xã hội, củng cố vững chắc quốc phòng và an ninh.

II- QUAN ĐIỂM

1. Phát triển sản xuất nông lâm ngư nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội nông thôn là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và có ý nghĩa chiến lược lâu dài, gắn liền với quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.

Phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn đang là hướng chủ yếu để giải quyết công ăn việc làm và đời sống trực tiếp của 80% dân số cả nước, là nhân tố chủ yếu của sự ổn định xã hội và là cơ sở cho sự nghiệp công nghiệp hoá.

Từ nay đến năm 2000, phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn vẫn là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và có tầm chiến lược hết sức quan trọng. Nhưng, bản thân nông nghiệp không thể phát triển nếu không có sự thúc đẩy, hỗ trợ đắc lực của các ngành kinh tế khác, đặc biệt là của công nghiệp. Hơn nữa, chỉ riêng phát triển nông nghiệp không cho phép thoát khỏi đói nghèo. Phải đặt sự phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn trong tiến trình công nghiệp hoá, dành quan tâm thích đáng đến việc phát triển những ngành công nghiệp có tác động quyết định đến sự phát triển nông nghiệp, các ngành thuỷ lợi, giao thông, sự nghiệp giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường, nhằm đẩy nhanh quá trình điện khí hoá, thuỷ lợi

hoá, hoá học hoá, cơ giới hoá, sinh học hoá... nông nghiệp và nông thôn, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đa canh, đa ngành, gắn nông, lâm, ngư nghiệp với công thương nghiệp, dịch vụ, được từng bước công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

2. Thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách kinh tế nhiều thành phần trong nông nghiệp và kinh tế nông thôn; xây dựng, đổi mới quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất, trình độ và yêu cầu phát triển không ngừng của lực lượng sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đổi mới và phát triển kinh tế quốc doanh trong nông lâm ngư nghiệp, công nghiệp chế biến, thương nghiệp dịch vụ phục vụ nông nghiệp và nông thôn; phát huy vai trò trung tâm kinh tế - văn hoá - khoa học - kỹ thuật trên từng địa bàn, liên kết và hỗ trợ hộ nông dân cùng các thành phần kinh tế khác phát triển có hiệu quả; làm phương tiện và chỗ dựa về kinh tế của nhà nước nhằm quản lý, điều tiết thị trường; kết hợp kinh tế quốc doanh trong nông lâm ngư nghiệp với kinh tế quốc doanh thuộc các ngành và lĩnh vực khác để làm tốt vai trò chủ đạo của mình trong nền kinh tế nhiều thành phần.

Đổi mới phương hướng, tổ chức và cơ chế hoạt động của hợp tác xã, khuyến khích, hỗ trợ, thúc đẩy và hướng dẫn sự ra đời và phát triển các loại hình kinh tế hợp tác đa dạng, trong nhiều khâu, lĩnh vực, ngành nghề, mà từng hộ riêng lẻ, không làm được hoặc làm kém hiệu quả về kinh tế - xã hội, dựa trên nguyên tắc dân chủ, tự nguyện, cùng có lợi; làm cho hình thức kinh tế hợp tác ngày càng trở nên phổ biến trong nông nghiệp và nông thôn.

Tạo điều kiện thuận lợi để phát huy mọi tiềm năng đơn vị kinh tế tự chủ, tồn tại ổn định, lâu dài của hộ xã viên và hộ nông lâm trường viên.

Khuyến khích kinh tế cá thể, tư bản tư nhân phát triển kinh doanh hợp pháp, trong nông lâm ngư nghiệp, công thương nghiệp dịch vụ nông thôn, được đối xử bình đẳng trước pháp luật, không bị ép buộc phải chuyển hình thức sở hữu.

Khuyến khích các loại hình liên doanh liên kết giữa các thành phần, các ngành nghề, các địa phương trong nước và với nước ngoài trong việc phát triển nông lâm ngư nghiệp, công thương nghiệp - dịch vụ nông thôn.

3. Gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội nông thôn bảo vệ tài nguyên môi trường sinh thái. Đổi mới kinh tế đi đôi với đổi mới hệ thống chính trị trong nông thôn, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa.

Tranh thủ khai thác lợi thế và hiệu quả đầu tư cao của một số vùng trọng điểm, làm đòn xeo hỗ trợ và thúc đẩy các vùng khác cùng phát triển. Đồng thời có những giải pháp mạnh khắc phục những khó khăn cơ bản, tạo điều kiện cho những vùng nghèo có đà vươn lên. Khuyến khích làm giàu hợp pháp, đi đôi với tích cực xoá đói giảm nghèo bằng những chương trình thiết thực, có hiệu quả.

4. Đặt sự phát triển nông nghiệp và kinh tế xã hội nông thôn trong bối cảnh mở cửa và cạnh tranh trong khu vực và trên thị trường quốc tế. Tính đến động thái của thị trường, chiến lược và chính sách của các bạn hàng, các đối thủ cạnh tranh để xác định cơ cấu sản xuất hợp lý, có chiến lược thị trường, chiến lược khoa học và công nghệ đúng đắn, chính

sách khuyến khích và bảo hộ sản xuất có hiệu quả, vừa tăng khả năng đáp ứng nhu cầu trong nước, vừa bảo đảm cạnh tranh thắng lợi trên thị trường nước ngoài, nâng cao không ngừng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Phần III

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP

Theo mục tiêu và định hướng nêu trên, nội dung phương hướng cụ thể và giải pháp được thể hiện là:

I- ĐỔI MỚI CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

Sau hơn sáu năm đổi mới, sản xuất lúa gạo đạt được tiến bộ mới, an toàn lương thực quốc gia bước đầu được thiết lập, tạo ra điều kiện quan trọng để chuyển nông nghiệp sang cơ cấu mới đa dạng, phát triển tổng hợp nông - lâm - ngư nghiệp, khai thác lợi thế so sánh của nền nông nghiệp nhiệt đới trên các vùng sinh thái, đưa nông nghiệp phát triển vừa theo chiều rộng, vừa đi vào chiều sâu nhằm tăng nhanh năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp sẽ chuyển dịch theo hướng tiếp tục coi trọng đúng mức sản xuất lương thực, tăng nhanh tỷ trọng giá trị sản lượng chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, ngành nghề. Dưới đây là định hướng một số ngành sản xuất và vùng chủ yếu.

1. Cơ cấu ngành

1- Sản xuất *lương thực* vẫn là trọng tâm và thế mạnh

trong nông nghiệp nước ta. Tiếp tục thâm canh diện tích gieo trồng lương thực, đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật, áp dụng công nghệ mới, đưa năng suất lúa lên trên 40 tạ/ha. Chỉ mở rộng diện tích cây lương thực ở những vùng có điều kiện, có hiệu quả, giảm diện tích lúa ở những nơi ít hiệu quả, có tác hại đến môi trường sinh thái nhất là tệ nạn phá rừng trồng lúa nương rẫy. Mở rộng diện tích ngô, ứng dụng giống mới, nhất là ngô vụ đông ở các tỉnh phía Bắc, thâm canh ngô đưa năng suất lên 30 tạ/ha. Coi trọng các cây sắn, khoai lang, khoai tây ở những vùng, những vụ có điều kiện. Phấn đấu tăng nhanh hơn nữa bình quân lương thực đầu người, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia, đủ nhu cầu lương thực cho toàn xã hội, cho yêu cầu phát triển chăn nuôi và xuất khẩu hàng năm từ 1,5 triệu đến 2 triệu tấn gạo trở lên, nâng cao chất lượng gạo, hạ giá thành, giữ được vị trí một nước xuất khẩu gạo lớn, có đủ sức cạnh tranh trên thị trường gạo thế giới.

2- Phát triển *chăn nuôi*, tăng nhanh giá trị sản lượng ngành chăn nuôi trọng tâm là chăn nuôi lợn, bò thịt, bò sữa, gia cầm; phát triển nuôi gia súc đặc sản, nuôi ong ở vùng có điều kiện. Đổi mới phương thức chăn nuôi, coi trọng việc cải tạo để nâng cao chất lượng con giống, áp dụng công nghệ chăn nuôi mới; kết hợp chăn nuôi công nghiệp với chăn nuôi truyền thống theo quy mô thích hợp trong các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, trong các hộ gia đình. Đặc biệt chú trọng công nghiệp chế biến thức ăn gia súc, công nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi, bảo đảm đạt tiêu chuẩn cao về thú y và vệ sinh thực phẩm, nâng cao mức tiêu dùng thịt trong nước, đáp ứng khá hơn về nhu cầu thịt, cá, trứng trong

bữa ăn của nhân dân, tìm thị trường tiêu thụ ở nước ngoài, nhằm phát triển chăn nuôi với mức cao hơn, đưa sản lượng thịt hơi các loại lên 1,6 triệu tấn/năm, xuất khẩu mỗi năm trên 100 ngàn tấn thịt thành phẩm.

3- Tiếp tục thâm canh diện tích cà phê hiện có, tăng nhanh năng suất, sản lượng. Mở rộng diện tích trồng cà phê Arabica ở các tỉnh miền núi phía Bắc để tăng thêm cà phê có chất lượng cao. Đổi mới công nghệ chế biến, nâng cao giá trị xuất khẩu. Đến năm 2000 đưa diện tích cà phê cả nước từ 13 vạn ha lên 20 vạn ha hiện nay xuất khẩu 15 vạn tấn đạt kim ngạch khoảng 150-200 triệu USD/năm.

4- Mở rộng diện tích trồng chè mới, tiếp tục thâm canh diện tích chè hiện có, đưa diện tích chè từ 70 ngàn ha hiện nay lên 150 ngàn ha vào năm 2000, đạt sản lượng 10 vạn tấn chè búp khô, đổi mới nhanh thiết bị và công nghệ chế biến nâng nhanh giá trị xuất khẩu để đạt khoảng 100 triệu USD/năm.

5- *Cao su* loại cây có ưu thế về nhiều mặt, phạm vi thích ứng rộng, nhất là miền Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư trồng cao su, chú trọng phát triển mạnh vườn cao su nhân dân. Phấn đấu đến năm 2000 đưa diện tích cao su đạt khoảng 30 vạn ha, đưa cao su đi vào thâm canh cao, nhanh chóng đổi mới công nghệ chế biến, đa dạng hoá các sản phẩm chế biến từ cao su, có kim ngạch xuất khẩu đạt 150 triệu USD/năm.

6- *Dâu tằm tơ* là ngành có ưu thế lớn về sử dụng lao động và thị trường tiêu thụ, lại thích hợp với đất đai, khí hậu nhiều vùng nước ta. Phải có những biện pháp tích cực, có hiệu quả trồng đạt 10 vạn ha dâu vào năm 2000, sử dụng

được 1 triệu đến 1,5 triệu lao động, đạt kim ngạch xuất khẩu trên 200 triệu USD/năm.

7- Nâng cao chất lượng giống *bông*, mở rộng diện tích trồng bông ở miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, duyên hải miền Trung, miền núi phía Bắc, phấn đấu cung ứng ngày càng nhiều hơn nguyên liệu cho công nghiệp sợi và dệt trong nước.

8- Mở rộng diện tích trồng *mía* tập trung ở các vùng thích hợp, gắn các vùng nguyên liệu với công nghệ chế biến đường, nâng cao chất lượng và hạ giá thành, bảo hộ sản xuất đường trong nước, phấn đấu đến năm 2000 đáp ứng nhu cầu tiêu thụ đường trong nước, chấm dứt việc nhập khẩu đường.

9- Phát triển mạnh các loại cây *ăn quả* trên tất cả các vùng theo hướng cải tạo vườn tạp, xây dựng vườn chuyên canh, mở rộng vườn trang trại ở trung du miền núi. Nhanh chóng cải tạo giống, nâng cao chất lượng các loại quả, ứng dụng công nghệ mới về bảo quản, chế biến, cung cấp các sản phẩm giàu dinh dưỡng cho tiêu dùng xã hội, tạo ra nhiều mặt hàng xuất khẩu. Cùng với các loại quả cần chú trọng đúng mức đến việc sản xuất rau, hoa, sinh vật cảnh tạo điều kiện cho quả, rau, hoa Việt Nam trở thành mặt hàng xuất khẩu lớn, vươn ra nhiều nước trong khu vực và trên thế giới.

10- Phát triển mạnh *cây có dầu*, các loại *đậu đỗ* nhất là lạc, đậu tương trở thành mặt hàng chủ yếu cung cấp dầu và đạm thực vật cho nhu cầu bữa ăn. Với những tiến bộ mới về giống, đậu tương đang trở thành cây trồng quan trọng trong hệ thống canh tác nhiều vụ trên các vùng, phát triển đậu tương vừa cung cấp cho đời sống, vừa là nguồn thức ăn đạm quan trọng cho chăn nuôi, nhất là chăn nuôi theo kiểu công nghiệp.

11- Xây dựng *thủy sản* ngành kinh tế mũi nhọn, có hiệu quả cao có kim ngạch xuất khẩu lớn, có chỗ đứng xứng đáng trên thị trường thế giới. Cần tiếp tục có chính sách thu hút vốn đầu tư của các thành phần kinh tế trong nước, liên danh với nước ngoài, ứng dụng nhanh tiến bộ kỹ thuật mới về nuôi trồng, đánh bắt, bảo quản, chế biến nâng cao số lượng chất lượng thủy sản. Phát huy tiềm năng các vùng nước ngọt, nước lợ, nước mặn, tiềm lực nghề cá nhân dân, thế mạnh kinh tế biển, khả năng kết hợp nông - lâm - ngư - thủy lợi và du lịch, kết hợp tuyến ven bờ, tuyến đảo, tuyến khơi tạo ra bước phát triển mới về kinh tế thủy sản. Phấn đấu đến năm 2000 đạt sản lượng 1,7 triệu tấn thủy hải sản các loại, kim ngạch xuất khẩu đạt 900-1000 triệu USD/năm.

12- *Ngành lâm nghiệp* với nhiệm vụ trọng tâm là ra sức phát triển lâm sinh, nâng cao tỷ lệ rừng che phủ, bảo vệ rừng hiện có, quản lý chăm sóc tốt rừng tái sinh. Bảo tồn quỹ gen động thực vật rừng, bảo đảm tác dụng phòng hộ của rừng và nhu cầu lâm sản.

Lâm nghiệp là một bộ phận quan trọng để đổi mới cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp. Rừng và đất rừng chiếm khoảng 2/3 diện tích đất đai của cả nước, là tư liệu và đối tượng lao động chủ yếu của trên 21 triệu đồng bào thuộc 50 dân tộc sinh sống, đồng thời cũng là nhân tố quyết định hàng đầu góp phần bảo vệ môi trường sinh thái. Do vậy nhiệm vụ hàng đầu là bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng. Chuyển từ một ngành đang còn nặng về độc canh, bóc lột tài nguyên rừng và đất rừng sang một ngành sản xuất đa dạng hoá, phải có quy hoạch ổn định lâu dài để hình thành ba loại rừng bao gồm khoảng 6 triệu ha rừng phòng hộ đầu nguồn và ven biển,

11 triệu ha rừng sản xuất, và trên dưới 2 triệu ha rừng đặc dụng nhằm tạo ra hệ sinh thái bền vững bảo vệ đất, nguồn nước, quỹ gen động vật, thực vật rừng và môi trường sinh thái. Đẩy nhanh tốc độ phủ xanh đất trống đồi trọc, đồng thời bảo vệ bằng được 9,3 triệu ha rừng hiện còn, trong đó có 8,7 triệu ha rừng tự nhiên. Phấn đấu trong 10-15 năm nâng độ che phủ của cả nước đạt 40% diện tích toàn lãnh thổ bằng cây lâm nghiệp kết hợp với cây công nghiệp dài ngày, gắn bó lâm - nông - ngư thành một cơ cấu tối ưu tạo ra hiệu quả cộng sinh, tăng năng suất các loại sản phẩm nông - lâm - ngư một cách lâu bền trên một đơn vị diện tích phù hợp với từng vùng sinh thái cụ thể. Gắn sản xuất lâm nghiệp với phát triển tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp chế biến, từng bước phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hoá của nông dân miền núi.

Đổi mới quản lý ngành lâm nghiệp cho phù hợp với quy hoạch phát triển ba loại rừng. Phải đổi mới lâm trường quốc doanh để liên kết với dân, với kinh tế hộ thành sức mạnh tổng hợp ngăn chặn nạn suy thoái rừng, thu hút các thành phần kinh tế cùng tham gia phát triển rừng.

- Về rừng phòng hộ đầu nguồn và ven biển: trên diện tích 6 triệu ha rừng này có khoảng 3 triệu nhân khẩu, đại bộ phận là đồng bào các dân tộc sống xen kẽ trong rừng ở các vùng núi cao xa xôi hẻo lánh, đời sống còn rất nghèo đói, chủ yếu dựa vào phát nương làm rẫy. Đối với vùng này, không thể di chuyển đồng bào đi nơi khác mà cần phát triển kinh tế hộ gia đình theo các mô hình:

+ Rừng + nương cố định.

+ Rừng + nương cố định + vườn + ruộng.

+ Rừng + nương cố định + vườn + ruộng + ao mặt nước.

Cơ cấu rừng phòng hộ trong kinh tế hộ gồm hai phần chính, một phần diện tích rừng phân tán giao lẫn lâu dài đến hộ gắn liền với đất thổ cư và đất canh tác của hộ để làm nông - lâm kết hợp, phần thứ hai là diện tích mà các hộ nhận khoán quản theo kế ước trông coi từng lô khoảnh của rừng phòng hộ tập trung.

Để nâng cao giá trị của rừng phòng hộ, khuyến khích và hỗ trợ vốn để dân trồng các cây đặc sản lâu năm mà không cần phải đốn cây (ví dụ như quế, hồi, cây ăn quả...) đan xen trong rừng phòng hộ, khoanh nuôi những thảm cỏ bụi cây cỏ để làm thức ăn chăn nuôi đại gia súc, phát triển nghề nuôi ong...

Đọc theo bờ biển trồng rừng chống cát bay bằng cây phi lao và một số loài cây con phù hợp có nhiều công dụng như cố định cát, cải tạo đất và tạo nguồn nước ngọt tại chỗ để trồng lúa, trồng màu, chống gió bão và cung cấp gỗ củi gia dụng cho dân.

- Về rừng đặc dụng.

Rừng đặc dụng có nhiều loại như vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên. Để bảo tồn nguồn gen động thực vật rừng, diện tích dành cho rừng đặc dụng phải đủ lớn và thường có dân sống trong các khu rừng này. Vì vậy cần rà soát lại quy hoạch rừng này, khi xét thấy có đủ điều kiện mới thành lập để tập trung vốn đầu tư có hiệu quả. Ưu tiên tổ chức cho dân địa phương trở thành đội ngũ trông coi bảo vệ rừng đặc dụng, không điều dân nơi khác đến. Để đảm bảo đời sống cho dân, mỗi hộ được giao hẳn một diện tích đất nhất định (1-2 ha) để canh tác nông - lâm kết hợp ngoài phần thu nhập từ làm

công cho vườn quốc gia. Nếu mật độ dân số quá mức cho phép thì tổ chức di dân ra vùng đệm lân cận.

- Về rừng sản xuất.

Rừng sản xuất có diện tích khoảng 11 triệu ha. Giao hẳn đất trống đồi trọc của rừng sản xuất cho kinh tế hộ gia đình tiến hành nông - lâm kết hợp. Đối với rừng gỗ tự nhiên thì khoán quản theo kế ước đến hộ (hoặc một dòng họ, một bản làng). Bảo vệ 6 triệu ha rừng sản xuất hiện còn bằng biện pháp lâm sinh thích hợp (nuôi dưỡng, khai thác đảm bảo tái sinh...). Trên diện tích 5 triệu ha đất trống của rừng sản xuất cần phủ xanh, phải:

+ Tập trung thâm canh 2 triệu ha để sau 10-15 năm bảo đảm nguyên liệu sản xuất hàng năm 30 vạn tấn giấy; 12 vạn tấn nhựa thông, 25 ngàn tấn quế vỏ; 1,5 vạn tấn hoa hồi (quy hoa); 35 ngàn tấn hạt trâu, 15 vạn tấn song mây; 15-20 vạn tấn nguyên liệu tre trúc; 1,5 triệu m³ gỗ.

+ Rừng ngập mặn: 73 ngàn ha theo cơ cấu lâm - nông - ngư với tỷ lệ % diện tích tương ứng là 70-20-10, tạo ra hệ sinh thái bền vững đồng thời tạo ra năng suất cây con tăng trưởng ổn định.

+ Khoanh nuôi tái sinh 70 vạn ha rừng sản xuất (còn cây bụi che phủ, rừng non đang tái sinh), phòng chống cháy nghiêm ngặt, kết hợp trông tra dặm thêm cây gỗ lớn.

+ Giải quyết nhu cầu củi đun (hàng năm lên tới 15 triệu tấn chất đốt) ngoài việc tận dụng củi khi khai thác rừng hiện có, phát triển rộng rãi trồng cây phân tán ở khắp miền nông thôn theo kinh tế hộ gia đình, phấn đấu mỗi người dân ở nông thôn bình quân mỗi năm trồng 10 cây phân tán.

Với cơ cấu ba loại rừng như đã nêu ở trên, sau 10 đến 15

năm khi định hình ngoài việc đáp ứng nhu cầu nội địa, kim ngạch xuất khẩu lâm đặc sản đạt 500-600 triệu USD/năm.

2. Hướng phát triển trên các vùng

Đồng bằng giữ vị trí hàng đầu về sản xuất lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả, chăn nuôi và phát triển mạnh công nghiệp nông thôn, mở mang dịch vụ.

- Huy động sức mạnh tổng hợp trung ương và địa phương, các thành phần kinh tế đầu tư đồng bộ cho vùng sản xuất và xuất khẩu lúa gạo lớn nhất cả nước trên các mặt: tiếp tục cải tiến chế độ canh tác, hoàn thiện cơ cấu mùa vụ, đẩy nhanh việc ứng dụng tiến bộ sinh học vào sản xuất lương thực. Phát triển cơ sở hạ tầng: giao thông thuỷ, bộ, nâng cấp hệ thống kho tàng, áp dụng tiến bộ mới về bảo quản, chế biến nhằm nâng nhanh hiệu quả sản xuất lúa gạo. Cần tập trung sức đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật vào kinh tế vườn, phát triển mạnh cây ăn quả, chăn nuôi và nuôi trồng thuỷ sản. Xây dựng đồng bằng sông Cửu Long thành vùng sản xuất lúa gạo, vùng cây ăn quả, vùng chăn nuôi và cây trồng thuỷ sản có tỷ suất hàng hoá lớn. Phấn đấu để thay đổi một bước bộ mặt nông thôn trên các mặt: nhà ở, điều kiện giao thông, đưa điện về nông thôn, mở mang mạnh công nghiệp chế biến ở nông thôn.

- Đồng bằng sông Hồng, cùng với thâm canh lương thực, đẩy mạnh chăn nuôi, tập trung sức phát triển mạnh vụ đông gắn liền với mở mang công nghiệp chế biến, phát triển mạnh ngành nghề công nghiệp dịch vụ nông thôn. Tìm mọi giải pháp để thực hiện một bước phân công lại lao động theo hướng vươn ra khai thác kinh tế biển; tiến quân lên trung

du miền núi làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng đất chật người đông.

Trung du và miền núi (bao gồm cả Tây Nguyên).

Từ nay đến năm 2000 huy động các nguồn lực, các thành phần kinh tế của trung ương và địa phương, của trong nước và liên doanh hợp tác với nước ngoài tập trung phát triển các vùng cây công nghiệp dài ngày (cao su, cà phê, dâu tằm, chè, mía), cây ăn quả, cây đặc sản, phát huy thế mạnh lâm nghiệp theo hướng đổi mới kinh tế quốc doanh năm khâu then chốt (kế hoạch và quy hoạch, vốn, kỹ thuật và công nghệ mới, thị trường) tác động đến các thành phần kinh tế, đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thúc đẩy sự phát triển toàn diện các vùng trung du, miền núi.

Nhà nước tổ chức lại hệ thống thương nghiệp, giải quyết khâu cung ứng cho miền núi đủ nhu cầu thiết yếu và thu mua, tiêu thụ sản phẩm cho miền núi. Hỗ trợ đầu tư mở mang giao thông, bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng, bảo vệ môi trường, tài trợ cho y tế, giáo dục, đào tạo cán bộ, ưu đãi về tài chính và tín dụng, tạo điều kiện cho các vùng miền núi có bước phát triển mới chuyển sang sản xuất hàng hoá.

Vùng ven biển và hải đảo hướng mạnh vào khai thác biển khơi, nuôi trồng và chế biến thuỷ sản, phát triển dịch vụ hàng hải, du lịch... Từng bước khai thác toàn diện tiềm năng to lớn của kinh tế biển làm chủ lãnh hải và thềm lục địa, thực hiện đưa dân ra phát triển kinh tế và làm chủ các đảo, xây dựng trừ phú một số vùng đảo quan trọng như: cung đảo Hạ Long - Cô Tô, Côn Cỏ, Phú Quý, Côn Đảo, Phú Quốc...

Các tỉnh ven biển phát huy mạnh việc mở cửa ra bên ngoài, chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế, xây dựng các tỉnh

ven biển thành vùng phát triển kinh tế năng động gắn với củng cố an ninh quốc phòng.

II- CÁI BIẾN CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG THÔN

Đi đôi với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp, phải tạo ra bước phân công lại lao động, tạo ra thể chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng *phát triển mạnh công nghiệp - dịch vụ tại nông thôn, đặc biệt là công nghiệp chế biến với nguồn nguyên liệu từ nông - lâm - ngư nghiệp làm thay đổi cơ cấu kinh tế và bộ mặt nông thôn*.

Thực hiện bước chuyển dịch cơ cấu này phải bắt đầu từ nguồn lực tại nông thôn, nâng cao thu nhập nông dân, tăng tích lũy của nông dân, tăng sức mua và thay đổi cơ cấu tiêu dùng nông thôn để kích thích phát triển sản xuất. Phát triển mạnh thị trường nông thôn, gắn thị trường nông thôn với thị trường cả nước và thị trường thế giới. Phát huy nhân tố con người, nâng cao dân trí, nâng cao tay nghề, trình độ quản lý sản xuất kinh doanh.

Quá trình công nghiệp hoá trong tương lai sẽ thu hút nhiều lao động vào phát triển công nghiệp, dịch vụ ở đô thị; trong giai đoạn trước mắt chủ yếu vẫn là thúc đẩy sự phân công lại lao động ngay tại nông thôn, tạo ra cơ cấu mới nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ. Sự ra đời cơ cấu kinh tế mới sẽ là nội dung chủ yếu để từng bước hiện đại hoá nền nông nghiệp và nông thôn nước ta.

Công nghiệp nông thôn cần tập trung có chọn lọc phù hợp với điều kiện từng vùng vào các ngành sau đây: công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế rộng rãi và tinh chế

nơi tập trung); công nghiệp chế biến thức ăn gia súc, công nghiệp sản xuất công cụ lao động và sửa chữa cơ khí và máy móc nông nghiệp; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, thi công xây dựng; phát triển giao thông vận tải, hệ thống điện và thông tin liên lạc; phát triển ngành nghề truyền thống theo hướng đổi mới công nghệ và mẫu mã; gia công hàng tiêu dùng và xuất khẩu; gia công những bộ phận, chi tiết cho sản phẩm công nghiệp ở đô thị và khu công nghiệp.

Dịch vụ nông thôn cần tập trung đáp ứng đầu vào - đầu ra cho sản xuất như: dịch vụ kỹ thuật, phổ biến công nghệ mới, thông tin kinh tế, dịch vụ cung ứng vốn, vật tư và công cụ sản xuất, dịch vụ tiêu thụ sản phẩm.

Sự phát triển công nghiệp dịch vụ nông thôn phải được hình thành từng bước vững chắc với quy mô nhỏ và vừa, tiến lên hình thành các trung tâm công nghiệp dịch vụ ở nông thôn, trước hết là ở các vùng sản xuất hàng hoá, vùng ven đô, ven thị, các vùng gần đường giao thông, ven biển, tạo thành cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng. Phát triển công nghiệp nông thôn phải đi đôi với việc xử lý chất thải, làm sạch và bảo vệ môi trường ở nông thôn.

III- THỰC HIỆN NHẤT QUÁN LÂU DÀI CHÍNH SÁCH KINH TẾ CÓ CƠ CẤU NHIỀU THÀNH PHẦN. HÌNH THÀNH CƠ CHẾ LIÊN KẾT GIỮA CÁC THÀNH PHẦN VỚI KINH TẾ QUỐC DOANH ĐÓNG VAI TRÒ CHỦ ĐẠO

1. Đổi mới kinh tế hợp tác xã, phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ xã viên

a) *Phát triển mạnh mẽ kinh tế hộ xã viên*

Tiếp tục giải phóng và phát huy tiềm năng to lớn và năng

lực sáng tạo về vốn và lao động của kinh tế hộ xã viên. Có những chính sách cần thiết để tạo môi trường xã hội, pháp lý để hộ xã viên yên tâm đầu tư phát triển nông nghiệp - nông thôn theo hai hướng: một là, tích tụ về quy mô kinh tế để từng bước áp dụng công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, sớm thoát khỏi thế tự cấp, tự túc, trở thành hộ sản xuất hàng hoá. Hai là, thúc đẩy quá trình chuyên môn hoá trong kinh tế nông thôn, từng bước hình thành những hộ có một phần kinh doanh ngoài nông nghiệp, những hộ làm công nghiệp nông thôn và những hộ làm dịch vụ sản xuất và đời sống. Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất, vốn, tài sản, quyền kinh doanh của kinh tế hộ, tạo điều kiện cho hộ xã viên thực sự là đơn vị kinh tế tự chủ.

b) Phương hướng *đổi mới kinh tế hợp tác xã* là phát huy cao độ năng lực sáng tạo, vai trò tự chủ của kinh tế hộ xã viên, kinh tế hợp tác xã phải nhằm hỗ trợ, bảo vệ lợi ích của kinh tế hộ xã viên. Hợp tác xã kinh doanh, dịch vụ những khâu, những lĩnh vực mà hộ xã viên không làm được hoặc làm không có hiệu quả. Từ nội dung kinh tế đó mà xác định cơ cấu tổ chức hợp tác xã, cơ chế quản lý tương ứng. Hợp tác xã không được hoạt động dựa trên cơ sở thu đóng góp bắt buộc theo đầu mẩu, đầu sào của hộ xã viên. Hợp tác xã không bắt xã viên đóng góp để nuôi bộ máy quản lý, không quản lý ruộng đất của hộ xã viên. Hoạt động của hợp tác xã tập trung trên mấy nội dung chủ yếu: hướng dẫn kế hoạch sản xuất, thời vụ, hướng dẫn kỹ thuật, dịch vụ thuỷ lợi, bảo vệ thực vật, thú y, giống mới, cung ứng vật tư sản xuất, phát triển ngành nghề, và công nghiệp nông thôn, dịch vụ tiêu thụ sản phẩm. *Hợp tác xã phải vươn lên kinh doanh năng động,*

nguồn thu nhập chủ yếu dựa vào kinh doanh dịch vụ và phục vụ cho hộ xã viên theo hợp đồng thoả thuận.

Theo hướng nêu trên, việc đổi mới và phát triển các hình thức hợp tác đa dạng phải nắm vững nguyên tắc: quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ lực lượng sản xuất, phải đi từ thấp lên cao, từ hợp tác một khâu đến nhiều khâu với nhiều quy mô và trình độ, không phụ thuộc vào địa giới hành chính, một hộ có thể tham gia nhiều hợp tác xã, cũng có quyền rút ra hợp tác xã. Quá trình đổi mới hợp tác xã phải được thực hiện và chỉ đạo chặt chẽ dân chủ, công khai đưa ra đại hội xã viên dân chủ bàn bạc quyết định, nhất thiết không được áp đặt, vi phạm quyền làm chủ của xã viên.

a) Đối với những hợp tác xã đã đổi mới có hiệu quả được xã viên đồng tình, cần phát huy kinh doanh năng động, bảo toàn và tăng trưởng vốn, quản lý tốt và nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, vươn lên chiếm lĩnh thị trường nông thôn, dịch vụ đầu vào - đầu ra. Không ngừng nâng cao hiệu quả kinh tế hộ xã viên và kinh tế hợp tác xã.

b) Những hợp tác xã chưa đổi mới hoặc mới đổi mới từng khâu, từng mặt cần tiến hành kiểm kê lại toàn bộ tài sản, vốn, quỹ, kiên quyết đổi mới hình thức tổ chức, nội dung hoạt động, lựa chọn cán bộ quản lý thực sự đưa hợp tác xã đi vào dịch vụ có hiệu quả cho kinh tế hộ xã viên theo nguyên tắc thoả thuận song phẳng về kinh tế.

c) Những hợp tác xã trên thực chất tồn tại chỉ là hình thức phải được cấp uỷ đảng và chính quyền phân tích, đánh giá kỹ lưỡng, đưa ra đại hội xã viên bàn bạc, giải quyết dứt điểm việc giao quyền sử dụng ruộng đất đến hộ theo luật định, giải quyết đúng đắn có lý, có tình về tài sản và nợ nần

hợp tác xã, các hộ tự chủ sản xuất kinh doanh và lựa chọn hình thức hợp tác phù hợp.

d) Khuyến khích phát triển các hình thức hợp tác đa dạng trong nông thôn do nông dân tự nguyện lập ra - đa dạng gồm nhiều hình thức, nhiều quy mô, trình độ, kể cả hình thức các hội nghề nghiệp, các dạng hợp tác do nông dân tự nguyện góp cổ phần hùn vốn kinh doanh, hoạt động theo đúng luật pháp, nhằm mục tiêu phát triển kinh tế nông thôn, bảo vệ lợi ích nông dân.

Ban Kinh tế Trung ương, Bộ Nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm cùng các ban ngành có liên quan kịp thời tổng kết thực tiễn, xây dựng giáo trình, huấn luyện và đào tạo lại cán bộ, phổ biến kịp thời nhân tố mới, thúc đẩy quá trình đổi mới và phát triển các hình thức hợp tác đa dạng trên tất cả các vùng. Chính phủ sớm nghiên cứu để từng bước hình thành hệ thống các hợp tác xã dọc trong cả nước, cần sớm nghiên cứu soạn thảo luật hợp tác xã nông nghiệp để bảo đảm các hợp tác xã phát triển trong khuôn khổ luật pháp và chính sách của Nhà nước.

2. Đổi mới hệ thống doanh nghiệp nhà nước

Phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn trong cơ chế thị trường, bên cạnh mặt tích cực cũng có những mặt tiêu cực làm phương hại đến lợi ích nông dân. Vì vậy, phải đổi mới đồng bộ hệ thống kinh tế quốc doanh bao gồm: quốc doanh nông nghiệp, quốc doanh công nghiệp, quốc doanh thương nghiệp và dịch vụ. Phải đổi mới hình thức tổ chức, cơ chế quản lý làm cho kinh tế quốc doanh thực sự kinh doanh năng động, có hiệu quả đóng vai trò chủ đạo thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

a) Đối với quốc doanh nông lâm ngư nghiệp

Các doanh nghiệp cần được tổ chức lại theo hướng chuyển giao các hoạt động trực tiếp sản xuất gắn với đất đai, cây trồng, mặt nước, vật nuôi cho hộ thành viên đảm nhận. Lấy hộ làm đơn vị kinh tế tự chủ (hộ công nhân, hộ nông dân ngoài doanh nghiệp, trong nghề cá lấy thuyền nghề làm đơn vị kinh tế tự chủ) thông qua nhiều hình thức: giao khoán dài hạn, giao quyền sử dụng đất, chuyển quyền sử dụng vườn cây, đàn gia súc... đến hộ theo phương thức và khế ước chặt chẽ bảo đảm thu hồi vốn, thu hút vốn của kinh tế hộ để tái đầu tư mở rộng sản xuất. Quan hệ giữa doanh nghiệp với các hộ sản xuất dựa trên sự thoả thuận, gắn bó với nhau bằng lợi ích kinh tế, bình đẳng.

Phần đất đai doanh nghiệp không sử dụng hết phải chuyển giao lại cho địa phương để giao quyền sử dụng đất cho các thành phần kinh tế sử dụng theo luật định. Từ sự đổi mới trên, doanh nghiệp tập trung sức nắm khâu then chốt: xây dựng quy hoạch, kế hoạch, phương hướng sản xuất kinh doanh, tạo vốn lớn, có kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, chiếm lĩnh thị trường để dịch vụ đầu vào đầu ra thúc đẩy kinh tế phát triển.

Trên cơ sở nắm các khâu then chốt nêu trên, doanh nghiệp nhà nước đóng vai trò hướng dẫn các thành phần kinh tế theo định hướng của vùng, qua đó mà đóng vai trò trung tâm thúc đẩy kinh tế - xã hội của vùng phát triển. Ở những nơi có điều kiện cần hình thành hình thức hiệp hội kinh tế theo ngành, sản phẩm theo vùng bao gồm: doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, cá thể, tư nhân; bao quát các khâu: dịch vụ sản xuất, đầu tư phát triển, cung cấp tín dụng,

chế biến tiêu thụ, bảo hiểm sản xuất để phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh trong nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần.

b) Đối với doanh nghiệp công nghiệp

Các ngành công nghiệp phải hướng hoạt động của ngành về nông thôn, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng nông dân, nhằm thúc đẩy quá trình cơ giới hoá, điện khí hoá, hoá học hoá trong sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn. Ngành cơ khí phải đổi mới kỹ thuật, mẫu mã cung ứng cho nông nghiệp các loại máy động lực, công nghệ chế biến bảo quản nông sản. Ngành giao thông vận tải, xây dựng phải thúc đẩy quá trình phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn. Ngành hoá chất phải tìm mọi nguồn đầu tư phát triển công nghiệp sản xuất phân bón, thuốc sát trùng phục vụ yêu cầu phát triển nông nghiệp. Công nghiệp nhẹ cần tìm kiếm công nghệ mới, phát triển mạnh công nghệ chế biến nông lâm thủy hải sản, nâng nhanh chất lượng hàng hoá cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

c) Đối với quốc doanh thương nghiệp, dịch vụ

Thương nghiệp quốc doanh cần kiện toàn tổ chức, đổi mới cơ chế quản lý, nắm vững trận địa, tổ chức đại lý cung ứng đến nông thôn những nhu cầu thiết yếu cho sản xuất, đời sống, khai thông thị trường và có thực lực về vốn để bảo đảm tiêu thụ nông sản hàng hoá chủ lực do nông dân sản xuất ra với giá có lãi hợp lý cho người sản xuất, làm cho thương nghiệp quốc doanh đóng vai trò chủ đạo, cạnh tranh có hiệu quả trong nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần.

3. Kinh tế cá thể tồn tại còn phạm vi tương đối lớn và thời gian lâu dài cần được khuyến khích phát triển, được liên

doanh, liên kết hợp tác với các thành phần kinh tế khác. Khắc phục mọi biểu hiện mặc cảm, hẹp hòi, dè dặt đối với kinh tế cá thể; khuyến khích các hộ cá thể làm ăn hợp tác bằng nhiều hình thức khác nhau, có chính sách hỗ trợ về vốn, kinh nghiệm làm ăn cho các hộ nghèo, gặp nhiều khó khăn.

4. Kinh tế tư bản tư nhân được phát triển theo chính sách và luật pháp, được khuyến khích kinh doanh trên những địa bàn, lĩnh vực có lợi cho dân sinh kinh tế như đầu tư vào phát triển lâm nghiệp, cây công nghiệp dài ngày, ngư nghiệp, công nghiệp nông thôn... Kinh tế tư bản tư nhân được hợp tác liên doanh với kinh tế quốc doanh, kinh tế hợp tác xã. Từng bước hình thành kinh tế tư bản nhà nước trong nông nghiệp và nông thôn.

5. Khuyến khích và tạo điều kiện phát triển sang các loại hình kinh tế hợp tác liên doanh với nước ngoài trong nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp và dịch vụ phục vụ nông nghiệp và nông thôn trên tất cả các vùng.

IV- THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIAO QUYỀN SỬ DỤNG RUỘNG ĐẤT DÀI HẠN CHO HỘ NÔNG DÂN

Trên cơ sở ruộng đất là sở hữu toàn dân, theo Hiến pháp 1992 và Nghị quyết Trung ương 2 (Khoá VII) cần xác định rõ năm nội dung của quyền sử dụng đất đai (sửa đổi): giao sử dụng lâu dài, chuyển nhượng, thừa kế, thế chấp, cho thuê. Năm quyền trên cần được thiết chế cụ thể trong luật. Để nông dân yên tâm đầu tư thâm canh cần quy định thời gian sử dụng dài hạn hợp lý đối với cây ngắn ngày, cây dài ngày. Hết thời hạn đó, người sử dụng đất có hiệu quả, chấp hành

đúng luật pháp, có nhu cầu và điều kiện được quyền sử dụng tiếp. Chính sách hạn điền cần được quy định phù hợp với đặc điểm từng vùng; đối với đất trống đồi núi trọc, đất khai hoang, lấn biển để sản xuất kinh doanh nông, lâm, ngư nghiệp Luật đất đai không quy định hạn điền. Về quỹ đất để lại cho xã nơi có nhu cầu thì mức để lại không quá 5% tổng diện tích canh tác của xã đó.

V- ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH VĨ MÔ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Chính sách thị trường tiêu thụ nông sản hàng hoá

Xây dựng tổ chức và đầu tư thích đáng cho công tác dự báo thị trường bao gồm thị trường trong nước, thị trường khu vực và thế giới, thị trường vật tư phục vụ nông nghiệp, thị trường tiêu thụ nông sản. Mở rộng và tăng cường thông tin kinh tế, thị trường, giá cả cho nông dân, các thành phần kinh tế để tăng thêm khả năng tiếp thị của các hộ kinh doanh, các tổ chức kinh tế hoạch định được kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thích ứng với thị trường.

Tăng nhanh sức mua của thị trường trong nước theo hướng thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, phân công lại lao động trong nông thôn; tạo điều kiện và cơ sở vật chất kỹ thuật để mở rộng sản xuất; Nhà nước cung ứng đủ vốn, khai thông thị trường và tạo điều kiện cho nông dân tiêu thụ ổn định nông sản hàng hoá với giá hợp lý cho người sản xuất; bảo hộ sản xuất đối với nông sản trong nước. Hướng dẫn nông dân sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập, tăng sức mua; phát triển hợp tác xã mua bán do nông dân tự nguyện lập ra, cùng với các thành phần kinh tế khác hình

thành mạng lưới lưu thông hàng hoá giữa nông thôn và thành thị, ngăn chặn nạn đầu cơ, ép giá, bảo vệ lợi ích người sản xuất và người tiêu dùng. Khuyến khích hình thành các thị tứ ở thôn xã, phát triển chợ nông thôn, tạo điều kiện đưa hàng đến tay người tiêu dùng, nhất là miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Đẩy mạnh việc tìm thị trường xuất khẩu nông sản. Muốn chiếm lĩnh thị trường, khâu then chốt cần phải nâng cao chất lượng nông phẩm, hiện đại hoá công nghệ chế biến và bao bì, mẫu mã, nâng cao năng suất lao động và hạ giá thành sản xuất để nông sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường thế giới. Tiếp tục duy trì, phát triển quan hệ thương mại và thị trường truyền thống (SNG và Đông Âu) tích cực mở rộng quan hệ thương mại với Đông Á, Trung Đông, Bắc Phi, Tây Âu. Xây dựng các hiệp hội sản xuất và xuất khẩu trước hết là những mặt hàng chủ yếu, đưa các hiệp hội này tham gia các hiệp hội thế giới, khắc phục tình trạng quá nhiều đầu mối xuất, nhập tạo kẽ hở cho khách hàng ép cấp, ép giá. Phấn đấu giải quyết cho được thị trường tiêu thụ lớn, ổn định, lâu dài cho những mặt hàng nông sản quan trọng như: gạo, tơ tằm, cao su, cà phê, chè, thịt, rau quả, thuỷ hải sản, sớm thoát khỏi tình trạng xuất khẩu từng chuyến, từng món qua trung gian. Khuyến khích các đơn vị trực tiếp sản xuất được giao dịch, tiếp xúc với thị trường nước ngoài để học tập kinh nghiệm kinh doanh, lựa chọn thiết bị công nghệ tiên tiến, nhanh chóng đổi mới công nghệ sản xuất, làm ra sản phẩm có giá trị xuất khẩu cao, kinh doanh nông lâm ngư nghiệp có hiệu quả.

Nhà nước cần tăng cường thực lực kinh tế, nắm bắt

nhảy bèn biến động thị trường, kịp thời can thiệp chi phối thị trường khi có biến động lớn về cung - cầu, giá cả gây thiệt hại cho người sản xuất, ảnh hưởng xấu đến ổn định kinh tế - xã hội.

2. Chính sách đầu tư và tín dụng

a) Về đầu tư:

Nhà nước tăng mức đầu tư cho nông lâm ngư nghiệp tương xứng với vị trí và yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn mới. Vốn từ ngân sách tập trung đầu tư vào các lĩnh vực, các khâu then chốt như: phát triển cơ sở hạ tầng (giao thông, thủy lợi, điện), đầu tư cho việc phân bổ lại lao động, xây dựng vùng kinh tế mới, định canh, định cư, khai hoang, phủ xanh đất trống đồi trọc, công tác nghiên cứu khoa học, đào tạo cán bộ, phát triển giáo dục, văn hoá, y tế nông thôn. Nhà nước cũng dành một phần vốn trong nước, tranh thủ vốn nước ngoài để đầu tư vào các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp như sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu, cơ khí và thiết bị chế biến nông sản, tạo điều kiện cho nông nghiệp sớm được hiện đại hoá.

Trên cơ sở đầu tư của Nhà nước, tạo điều kiện và môi trường để khuyến khích các thành phần kinh tế bỏ vốn vào đầu tư phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp nông thôn, đặc biệt là phát triển kinh tế trên các vùng đất trống đồi núi trọc, mua sắm phương tiện đánh bắt thủy sản biển khơi.

Có chính sách hấp dẫn để thu hút các nguồn vốn nước ngoài đầu tư vào nông, lâm, ngư nghiệp như: hợp tác liên doanh sản xuất, chế biến và bao tiêu sản phẩm, cho thuê đất để mở cơ sở sản xuất, vay vốn nước ngoài gắn với bao tiêu sản

phẩm, tranh thủ sự tài trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ theo các dự án. Đặc biệt tranh thủ các nguồn vốn ưu đãi của các tổ chức quốc tế đầu tư vào các vùng miền núi, vùng nghèo, vùng có nhiều khó khăn.

b) Về tín dụng

Nhà nước cân đối các nguồn, tạo đủ vốn cho dân vay, không ngừng nâng cao doanh số và tỷ lệ hộ nông dân được vay vốn để phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, ngành nghề công nghiệp dịch vụ nông thôn. Cùng với cho vay ngắn hạn, mở rộng việc cho vay trung hạn, dài hạn để phát triển cây công nghiệp dài ngày, trồng rừng, trồng cây đặc sản, chăn nuôi gia súc, phát triển công nghiệp nông thôn và mua sắm phương tiện đánh bắt biển khơi. Cần có chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, vùng nghèo nhất là vùng dân tộc thiểu số, vùng cao biên giới. Khuyến khích các hình thức hợp tác tự nguyện của nông dân trong khâu tín dụng để nông dân có điều kiện vay vốn theo hình thức tín chấp, đơn giản hoá các thủ tục cho vay tạo điều kiện cho nông dân vay vốn.

Nhà nước khuyến khích các hình thức tín dụng do dân lập ra như: hợp tác xã tín dụng, ngân hàng cổ phần, các hình thức tín dụng truyền thống trong nông thôn như: phường, họ có nội dung lành mạnh, hỗ trợ lẫn nhau.

Trên cơ sở khai thác mọi nguồn vốn, mở rộng diện và hình thức cho vay, phát triển đa dạng các hình thức tín dụng trong nông thôn mà sớm loại trừ nạn cho vay nặng lãi trong nông thôn.

Sửa đổi pháp lệnh ngân hàng tạo ra căn cứ pháp lý cho hệ thống tín dụng nông thôn hoạt động an toàn và có hiệu

quả; ngăn chặn những tiêu cực trong nội bộ ngân hàng tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân vay vốn và góp vốn.

3. Chính sách bảo trợ nông nghiệp và bảo hiểm sản xuất

Trong điều kiện ngân sách còn hạn hẹp, để sản xuất nông nghiệp được phát triển trong cơ chế thị trường cần có thêm các giải pháp tổng hợp sau đây: Nhà nước phải tăng cường thực kinh tế về tài chính, vật tư thiết yếu, hàng hoá để chủ động, kịp thời can thiệp khi có biến động về quan hệ cung cầu, về giá cả thị trường nhằm bảo vệ lợi ích người sản xuất và người tiêu dùng. Nhà nước tạo điều kiện tiêu thụ hết nông sản hàng hoá chủ yếu cho nông dân, cho nông dân vay vốn với lãi suất hợp lý, với doanh số ngày càng lớn, tỷ lệ hộ được vay ngày càng tăng. Nhà nước trợ giúp một phần cho các vùng bị thiên tai, giảm thuế khi mất mùa. Đồng thời khuyến khích nông dân tham gia các hình thức bảo hiểm sản xuất hoặc bảo trợ tự nguyện do nông dân, các hợp tác xã, các doanh nghiệp nhà nước cùng lập ra để ứng phó với rủi ro thiên tai và biến động thị trường.

4. Chính sách thuế sử dụng đất và thuỷ lợi phí

Nội dung cơ bản về đổi mới chính sách thuế trong nông nghiệp lần này là chuyển từ thuế nông nghiệp sang thuế sử dụng đất. Mỗi hộ sản xuất, mỗi thành phần kinh tế sử dụng đất đều phải nộp thuế cho Nhà nước. Chính phủ dành nguồn thu từ thuế sử dụng đất để đầu tư lại cho nông nghiệp và phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn. Miễn thuế đối với vùng cao biên giới và một số vùng đặc biệt khó khăn. Nhà nước kiểm tra chặt chẽ các khoản đóng góp ở nông thôn, ngăn

chặn việc bắt nông dân phải đóng góp những khoản thu bất hợp lý và bất hợp pháp, sử dụng công quỹ chi tiêu tuỳ tiện, lãng phí.

Về thuỷ lợi phí, ngành thuỷ nông phải sắp xếp lại tổ chức, đổi mới quản lý, giảm nhẹ biên chế, tiết kiệm chi phí để bảo đảm giảm giá thành dịch vụ thuỷ nông. Ngành điện thực hiện giảm giá điện trong giờ thấp điểm để bơm nước tưới, giảm giá điện tiêu úng cho nông nghiệp, không tính giá điện tiêu úng cho địa bàn dân cư vào cho sản xuất nông nghiệp.

Các cấp chính quyền và hợp tác xã có trách nhiệm giúp đỡ, hỗ trợ để bảo đảm thu đúng, thu đủ, kịp thời các khoản thuỷ lợi phí, tiền điện cho doanh nghiệp nhà nước.

5. Chính sách khuyến nông (bao gồm cả khuyến lâm, khuyến ngư...)

Khuyến nông là thông tin truyền bá kiến thức, đào tạo tay nghề cho nông dân giúp họ có thêm khả năng tự giải quyết các vấn đề đặt ra trong sản xuất, kinh doanh, đời sống và xã hội. Trong cơ chế mới, khuyến nông được coi là một biện pháp cấp bách và lâu dài có tác động sâu sắc đến quá trình phát triển sản xuất hàng hoá của các hộ nông dân và xây dựng nông thôn mới.

Phải xây dựng hệ thống tổ chức mạnh và đa dạng từ trung ương đến cơ sở, tập hợp được nhiều ngành chuyên môn, nhiều cán bộ quản lý, kỹ thuật, kinh tế, xã hội và những nông dân sản xuất giỏi, có kinh nghiệm làm giàu, vừa đảm bảo công tác khuyến nông đạt hiệu quả cao, vừa phù hợp với khả năng ngân sách của Nhà nước.

Đi đôi với phát triển hệ thống khuyến nông quốc gia, Nhà nước khuyến khích việc thành lập các tổ chức khuyến nông

tự nguyện do các nhà khoa học, các nhà kinh tế, các doanh nghiệp và các cá nhân khác đứng ra tổ chức và hoạt động như: Xây dựng các mô hình trình diễn; tổ chức cho nông dân đến thăm trao đổi kinh nghiệm với những nông dân sản xuất giỏi; tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật do cán bộ khuyến nông hướng dẫn; phổ biến các kỹ thuật mới, kiến thức mới trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức các hội nghị trên bờ ruộng, trong trại chăn nuôi theo phương châm "Trăm nghe không bằng một thấy"; tổ chức các cuộc hội thảo kỹ thuật, các cuộc hội nghị sơ kết, tổng kết; phát động thi đua; tuyển chọn, khen thưởng những nông dân sản xuất giỏi; tổ chức các câu lạc bộ nghề nghiệp và câu lạc bộ nông dân sản xuất giỏi... thu hút rộng rãi nông dân tham gia...

Nhà nước đầu tư thoả đáng cho chương trình khuyến nông, đồng thời có chính sách thu hút vốn của các ngành hàng, các cơ sở kinh doanh nông sản và nguồn tài trợ của quốc tế để tham gia đầu tư vào công tác khuyến nông, làm cho khuyến nông trở thành công cụ hữu hiệu thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội nông thôn.

6. Đổi mới chính sách khoa học và công nghệ

Nền nông nghiệp nước ta muốn phát triển thành nền nông nghiệp có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao phải dựa trên cơ sở của những thành tựu mới về khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ sinh học mà lâu nay ta còn yếu kém.

Khoa học kỹ thuật nông nghiệp nước ta vừa phải phát huy những tinh hoa của kỹ thuật cổ truyền của dân tộc và từng bước được hiện đại hoá theo hướng cơ giới hoá, điện khí hoá, tin học hoá, và áp dụng thành tựu mới nhất của công nghệ sinh học, sớm đuổi kịp trình độ khoa học của thế giới,

trước hết là các nước trong khu vực. Trong những năm trước mắt, khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp cần tập trung nghiên cứu về những lĩnh vực có ý nghĩa thiết thực: Tạo giống cây trồng, vật nuôi tốt, kể cả áp dụng những công nghệ mới trong sinh học để tạo ra những giống mới, hệ thống biện pháp kỹ thuật tổng hợp về thâm canh trong trồng trọt, chăn nuôi, lâm sinh, công nghệ chế biến và tổ chức quản lý nền nông nghiệp nhiều thành phần theo cơ chế thị trường với định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện những nhiệm vụ trên, các cấp các ngành phải tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Xây dựng và phát huy tiềm lực khoa học, công nghệ. Tăng mức đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất nông nghiệp và nông thôn. Ngoài vốn ngân sách nhà nước, cần có chính sách động viên sự đóng góp của mọi thành phần kinh tế, mở rộng hợp tác quốc tế với các tổ chức quốc tế và các nước để có thêm nguồn vốn, trang thiết bị cho nghiên cứu khoa học, đổi mới kỹ thuật, công nghệ và đào tạo nhân tài; nhất là chuyên gia đầu ngành trong khoa học nông nghiệp.

Sắp xếp lại các cơ sở nghiên cứu phục vụ sản xuất nông nghiệp - nông thôn theo hướng: Phân công hợp lý chức năng, nhiệm vụ, tránh tình trạng phân tán, chồng chéo. Kiên quyết xoá bỏ các cơ sở yếu kém không cần thiết, sàng lọc đội ngũ cán bộ khoa học. Tập trung sức (vốn - thiết bị - cán bộ giỏi) xây dựng một số trung tâm nghiên cứu có tầm cỡ quốc gia và quốc tế, đủ khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn do sản xuất nông nghiệp - nông thôn đặt ra.

Tổ chức đào tạo thêm và đào tạo lại đội ngũ cán bộ khoa

học phục vụ nông nghiệp - nông thôn bằng nhiều hình thức và phương pháp đa dạng, trong đó cần hết sức chú ý việc đào tạo tại chức, bồi dưỡng ngắn hạn, tham quan, khảo sát thực tế ở trong và ngoài nước.

Khuyến khích các cá nhân và tập thể mở rộng trao đổi hợp tác khoa học và công nghệ với nước ngoài. Tạo điều kiện thuận lợi hình thành các cơ quan nghiên cứu hỗn hợp giữa ta và nước ngoài theo các hướng chúng ta quan tâm.

Đổi mới chính sách sử dụng và chế độ đãi ngộ với cán bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn. Có chính sách đãi ngộ thoả đáng đối với những sáng tạo về khoa học, công nghệ và làm cho các tiến bộ khoa học - công nghệ được ứng dụng có hiệu quả vào thực tiễn sản xuất.

7. Chính sách đặc biệt đối với vùng núi

Tiến hành tổng kết việc thực hiện Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị Khoá VI và chuẩn bị các đề án toàn diện vấn đề dân tộc và miền núi. Trước mắt, thực hiện tốt một số chủ trương, chính sách như sau:

a) Ổn định sản xuất, ổn định đời sống, trên cơ sở đó, ổn định tư tưởng, trước hết là đối với đồng bào vùng cao, vùng sâu, tăng cường đoàn kết dân tộc và bảo đảm sự ổn định chính trị.

- Khẩn trương thực hiện giao đất, giao rừng đến hộ nông dân. Kết hợp với giao đất giao rừng giải quyết có tình có lý vấn đề tranh chấp đất đai và dẫn dân ở những vùng thiếu quỹ đất đi xây dựng vùng kinh tế mới, bảo đảm mọi nông dân vùng dân tộc thiểu số đều có ruộng (đất) sản xuất.

- Nhà nước hỗ trợ vốn cho hộ nghèo, đồng thời trợ giá đầu ra, đầu vào đối với sản xuất ở vùng cao và tổ chức tốt hệ

thống dịch vụ sản xuất ở miền núi, tài trợ kinh phí giải quyết nước sinh hoạt cho các dân tộc ở các vùng thiếu nước ngọt và nước sạch.

b) Hướng dẫn cơ cấu sản xuất và kỹ thuật sản xuất phù hợp với từng vùng, tiểu vùng, trước hết là đối với vùng đất dốc, đất khô (cả vùng núi đá và núi đất). Hình thành hệ thống thương nghiệp nhà nước, bảo đảm cung ứng vật tư sản xuất và hàng tiêu dùng thiết yếu và thu mua sản phẩm hàng hoá của đồng bào sản xuất ra. Thực hiện chính sách miễn giảm thuế đã ban hành. Có chính sách miễn, giảm thuế thoả đáng đối với những ngành, nghề sản xuất cần khuyến khích và những mặt cần đẩy mạnh lưu thông.

c) Thực hiện đúng chính sách tự do tín ngưỡng, nhưng nghiêm cấm lợi dụng tự do tín ngưỡng để dụ dỗ, ép buộc đồng bào các dân tộc theo đạo.

d) Xây dựng hệ thống tổ chức quản lý nhà nước ở cấp huyện và xã phù hợp với luật pháp và điều kiện cụ thể của từng vùng, không máy móc, dập khuôn mô hình tổ chức chung. Có chính sách và hình thức thích hợp (như trường nội trú, vừa học vừa làm...) đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ cán bộ dân tộc thiểu số và cán bộ công tác trong vùng dân tộc. Thống nhất tổ chức và đổi mới công tác của hệ thống tổ chức làm công tác dân tộc từ trung ương đến tỉnh, bảo đảm sự liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, làm cho đường lối, chính sách của Đảng đi vào cuộc sống của đồng bào dân tộc. Phát triển đảng trong các dân tộc thiểu số.

8. Đổi mới chính sách xã hội nông thôn

Từ cơ chế cũ chuyển sang cơ chế mới dưới tác động nhiều

mặt của cơ chế thị trường, nông thôn nước ta đang biến đổi nhiều mặt về cơ cấu kinh tế, về cơ cấu thành phần, về sự phân tầng thu nhập. Tất cả các yếu tố đó đang đặt ra đòi hỏi phải có những giải pháp về chính sách xã hội phù hợp. Nắm vững quan điểm của Đại hội VII là dân giàu, nước mạnh, đi đôi với xóa đói giảm nghèo, theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Làm cho người nghèo thì đủ ăn, người đủ ăn thì khá giàu, người khá giàu thì giàu thêm" và những quan điểm cơ bản của Nghị quyết Trung ương 4 (Khoá VII) những giải pháp về chính sách xã hội nông thôn cần dựa trên một số định hướng sau đây:

a) *Đôi với gia đình có công với nước, thân nhân liệt sĩ, thương binh*

Phát huy truyền thống dân tộc tốt đẹp, với thái độ "uống nước nhớ nguồn" cần xây dựng quỹ "toàn dân đên ơn đáp nghĩa" trên phạm vi toàn quốc, đặt chính sách này thành nghĩa vụ công dân thuộc mọi thành phần kinh tế, ở cả nông thôn và thành thị và dựa một phần từ ngân sách để có cơ sở kinh tế vững chắc đền đáp lại cho các đối tượng đã chịu nhiều hy sinh trong sự nghiệp giành độc lập và bảo vệ Tổ quốc.

b) *Đôi với người nghèo*

Từ thực tiễn xã hội cần đặt lại cách tiếp cận tìm ra nguyên nhân, đề ra giải pháp phù hợp để xóa đói giảm nghèo, chuyển từ cách trợ giúp bằng bao cấp sang giáo dục, thuyết phục, kèm cặp, hỗ trợ để người nghèo cùng cộng đồng tự chủ vươn lên làm ăn khá giỏi, thực hiện một bước công bằng xã hội.

Nội dung của xóa đói giảm nghèo là:

- Từng cấp uỷ đảng, chính quyền phải nắm vững diện và mức độ nghèo đói ở từng thôn, xã, làm rõ nguyên nhân dẫn đến nghèo đói với từng loại hộ.

- Dựa trên cơ sở dân giúp dân, Nhà nước giúp dân, tranh thủ các nguồn tài trợ nhân đạo quốc tế và trong nước hình thành quỹ xóa đói giảm nghèo ở từng địa phương.

- Các tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể chính trị phải tham gia vào chương trình xóa đói giảm nghèo một cách thiết thực. Phải căn cứ vào nguyên nhân mà đề ra giải pháp cụ thể, dứt điểm trong từng thời gian, đến từng hộ như: cấp đất, cho mượn vốn, dạy nghề, kèm cặp hướng dẫn cách sản xuất kinh doanh, phổ biến kinh nghiệm để hộ nghèo chủ động vươn lên thoát khỏi nghèo túng. Với vùng núi dân tộc thiểu số nhất là vùng cao biên giới cần có chương trình xóa đói giảm nghèo đặc biệt, được sự quan tâm và chỉ đạo chặt chẽ từ trung ương đến cơ sở.

c) Khuyến khích Hội nông dân các cấp, nhất là cấp huyện đến cơ sở lập "quỹ bảo hiểm tuổi già", quỹ được nông dân tự nguyện đóng góp hàng năm khi còn sức lao động. Quỹ được quản lý dân chủ và chặt chẽ, hướng dẫn nghiệp vụ tín dụng để các cấp quản lý quỹ (khi chưa sử dụng đến) cho vay phát triển sản xuất nhằm bảo tồn và tăng trưởng; khi đến tuổi già được quỹ trợ cấp lại, tạo điều kiện cho người già bảo đảm cuộc sống.

d) Khuyến khích lập các quỹ tương tế, quỹ bảo thọ, quỹ từ thiện để trợ giúp các đối tượng neo đơn cô quả, gặp hoạn nạn trong nông thôn phù hợp với truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

e) Nâng cao dân trí nông thôn, xoá nạn mù chữ, phát huy những truyền thống tốt đẹp thuần phong mỹ tục, tình làng nghĩa nước, xây dựng khối đoàn kết nông thôn, bài trừ hủ tục mê tín, dị đoan, tệ nạn xã hội, xây dựng đời sống văn minh tinh thần phù hợp với nông thôn Việt Nam. Cần tổng kết những truyền thống tốt đẹp của nông thôn Việt Nam trong các hương ước, khoán ước nhằm góp phần xây dựng và hoàn thiện quy chế tự quản lành mạnh trong nông thôn.

Xây dựng một xã hội nông thôn dân chủ, công bằng, phát huy đầy đủ quyền dân chủ về kinh tế, về chính trị của mỗi người dân, mỗi gia đình, mỗi tổ chức. Kiên quyết chống các hiện tượng chuyên quyền, độc đoán, trù dập, ức hiếp dân, bắt dân phải đóng góp quá nhiều khoản phụ thu một cách tuỳ tiện.

VI- ĐỔI MỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, VAI TRÒ QUẢN LÝ CỦA CHÍNH QUYỀN CƠ SỞ, MẶT TRẬN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ Ở NÔNG THÔN

Để xây dựng nông thôn mới, một vấn đề có tính then chốt là phải đổi mới hệ thống chính trị - xã hội ở nông thôn, mà hạt nhân là sự lãnh đạo của các tổ chức đảng và vai trò quản lý của chính quyền cơ sở.

1. Về Đảng, các tổ chức cơ sở đảng nông thôn tập trung sức thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (Khoá VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng phải thực sự trong sạch và vững mạnh, đổi mới phương thức lãnh đạo và nội dung hoạt động cho phù hợp với yêu cầu mới mà nhiệm vụ trung tâm là chuyển nông nghiệp sang sản xuất hàng hoá, phát triển kinh

tế - xã hội nông thôn theo Quy định chức năng nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ nông thôn số 50-QĐ/TW ngày 19-11-1992 của Ban Bí thư.

- Nhiệm vụ hàng đầu của tổ chức đảng ở nông thôn là quán triệt quan điểm đổi mới đến từng đảng viên, đề ra định hướng phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với đặc điểm từng địa phương. Phát huy quyền dân chủ của dân, động viên, giáo dục, lãnh đạo nông dân trên từng địa bàn phát triển kinh tế, khuyến khích làm giàu đi đôi với xóa đói giảm nghèo, thực hiện công bằng xã hội, xây dựng nông thôn giàu có, văn minh, tiến bộ, giữ vững an ninh, quốc phòng.

- Đảng viên gương mẫu đi đầu trong việc phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật, chính sách của Nhà nước.

- Bồi dưỡng phát hiện nhân tố con người mới, đào tạo, lựa chọn những quần chúng tiên tiến có năng lực, phẩm chất ở nông thôn bổ sung vào hàng ngũ Đảng làm cho tổ chức đảng thực sự là hạt nhân lãnh đạo để chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu ở nông thôn. Đảng phải phát huy cao độ quyền dân chủ của dân, tạo ra cơ chế để nhân dân giám sát công việc chính quyền.

2. Về chính quyền

Trong thời gian tới, công tác quản lý nhà nước của chính quyền cấp xã cần hướng vào những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Dựa theo sự hướng dẫn của Nhà nước và chính quyền cấp trên, căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương để xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và an

ninh quốc phòng trên địa bàn xã. Khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh, phát triển các hình thức kinh tế hợp tác đa dạng trong nông thôn, xây dựng các giải pháp "xóa đói giảm nghèo", thi đua làm giàu theo chính sách và luật pháp.

b) Xây dựng ngân sách xã, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn (giao thông, thuỷ lợi, điện...), các cơ sở văn hoá, giáo dục, y tế, thiết thực phục vụ nhân dân phù hợp với khả năng kinh tế của địa phương theo bước đi hợp lý.

c) Thực hiện quản lý nhà nước đối với tất cả các thành phần kinh tế, tổ chức kinh tế trên các mặt: Hướng dẫn, giáo dục, kiểm tra việc thi hành luật pháp, các chính sách kinh tế, chính sách xã hội ở nông thôn. Trên cơ sở việc giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài đến hộ nông dân, chính quyền xã phải quản lý chặt chẽ đất đai theo luật pháp. Ủy ban nhân dân xã hướng dẫn, quản lý, tạo điều kiện để các thành phần, các tổ chức trên địa bàn đăng ký kinh doanh với cấp có thẩm quyền, chủ trì phối hợp các hoạt động kinh tế hoặc giải quyết các mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh trên địa bàn theo quy định của luật pháp.

d) Do sự biến đổi của đối tượng quản lý và đổi mới cơ chế quản lý trên địa bàn xã, Nhà nước cần nghiên cứu và có quy định hợp lý về chức danh và vai trò trưởng thôn (ấp, bản) và tranh thủ các già làng ở vùng dân tộc thiểu số.

Thôn (ấp) không phải là một cấp hành chính, không có bộ máy hành chính. Trưởng thôn, trưởng ấp, trưởng bản được nhân dân tín nhiệm bầu ra, được Ủy ban nhân dân xã quyết định có chức năng nhiệm vụ:

- Vận động nhân dân thi hành luật pháp, chính sách Nhà nước, giữ gìn trật tự an ninh, thực hiện nếp sống mới, phát

huy truyền thống tình làng nghĩa xóm, tương thân, tương ái, cùng nhau đoàn kết xây dựng cuộc sống mới.

- Tổ chức, vận động nhân dân phát triển cơ sở hạ tầng, công trình văn hoá, phúc lợi trên địa bàn thôn, phù hợp với khả năng và ý nguyện của nhân dân trên địa bàn thôn.

3. Mặt trận và các đoàn thể

Nhằm mục tiêu phương hướng phát triển kinh tế - xã hội nông thôn đến năm 2000 cần đổi mới và phát huy vai trò các đoàn thể, củng cố đoàn kết nông thôn, đoàn kết dân tộc trong mặt trận thống nhất thực hiện "dân giàu, nước mạnh". Chú trọng xây dựng tổ chức Hội nông dân, để Hội có đủ năng lực đại diện cho nông dân, xứng đáng là một lực lượng xây dựng nông thôn mới. Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, các Hội nghề nghiệp dựa theo chức năng của tổ chức mình mà giác ngộ, vận động, tổ chức cho đoàn viên nhằm thi đua làm giàu, giúp đỡ, tương trợ người nghèo về vốn, về kinh nghiệm sản xuất, xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án phù hợp với điều kiện từng vùng, từng địa bàn, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, củng cố an ninh, quốc phòng.

VII- ĐÀO TẠO CÁN BỘ NÔNG THÔN

Nông thôn nước ta có đổi mới nhanh được hay không, cán bộ giữ vai trò quyết định. Bởi vậy, Nhà nước cần có chính sách tuyển lựa và đào tạo cho nông thôn một đội ngũ cán bộ đồng bộ về ngành nghề, vững vàng về chính trị, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, tương xứng với yêu cầu phát triển nông thôn trong giai đoạn mới. Có chế độ đãi ngộ thoả đáng

đối với cán bộ nông thôn để họ thực sự yên tâm làm việc vì sự nghiệp phát triển nông thôn.

*
* * *

Tổng kết những nhân tố mới trong thực tiễn quá trình thực hiện đường lối đổi mới của nước ta, tiếp thu có chọn lọc bài học kinh nghiệm của các nước trên thế giới, Đảng và Nhà nước ta có đủ khả năng đề ra những quyết sách để đưa nền nông nghiệp và nông thôn nước ta thoát khỏi tình trạng nghèo nàn và lạc hậu, xây dựng một nền nông nghiệp theo hướng hiện đại hoá, phát triển nông thôn giàu đẹp và văn minh, đem lại ấm no và hạnh phúc cho nông dân ta, góp phần to lớn vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, cùng cả nước vững bước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn.

Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Về những vấn đề Trung ương thảo luận tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (Khoá VII)

Ngày 10 tháng 6 năm 1993

Tại Hội nghị đã có 192 lượt đồng chí phát biểu ở tổ và 42 đồng chí phát biểu ở hội trường. Các ý kiến đề cập tới nhiều vấn đề từ đánh giá tình hình đến mục tiêu, quan điểm, giải pháp tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn nước ta.

Nhìn chung nhiều ý kiến đồng tình với báo cáo của Bộ Chính trị trình ra Trung ương, cho rằng báo cáo đã được chuẩn bị công phu, tiếp thu được nhiều ý kiến đóng góp của các ngành, các địa phương; nội dung trình bày tương đối toàn diện, sát với tình hình thực tiễn. Song một số đồng chí cho rằng phần phương hướng và giải pháp còn dàn trải, chưa nêu bật những vấn đề cốt lõi cần tập trung xử lý để tạo nên sự chuyển biến mới. Các đồng chí Trung ương cũng đã góp nhiều ý kiến xác đáng để bổ sung, sửa đổi một số nội dung đã được trình bày trong bản báo cáo.

Bộ Chính trị tán thành với nhiều ý kiến các đồng chí đã

phát biểu, đã tiếp thu một bước những ý kiến đó vào dự thảo nghị quyết và sau đây còn tiếp tục nghiên cứu ý kiến của các đồng chí, đồng thời căn cứ vào kết quả biểu quyết của Trung ương để hoàn chỉnh nghị quyết trước khi ban hành.

Tại Hội nghị này, Trung ương cũng còn có ý kiến khác nhau về một số vấn đề quan trọng. Dưới đây Bộ Chính trị xin trình bày quan điểm của mình về những vấn đề đó.

Một vấn đề bao trùm và có ý nghĩa xuyên suốt đối với các chủ trương chính sách được đề cập đến trong Hội nghị này là *vấn đề định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển nông nghiệp và nông thôn*.

Đây cũng là vấn đề nhiều đồng chí quan tâm và yêu cầu làm rõ. Bộ Chính trị quan niệm về vấn đề này như sau:

Cương lĩnh của Đảng đã nêu ra bảy đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng. Định hướng xã hội chủ nghĩa chính là quá trình từng bước thực hiện trên thực tế những đặc trưng đó. Đối với nông nghiệp và nông thôn, cũng phải quán triệt nội dung đó, trước mắt tập trung thực hiện tốt mấy điểm sau đây:

- Không ngừng giải phóng và phát triển sức sản xuất, tạo ra nhiều công ăn việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống vật chất, văn hoá của nông dân, từng bước xoá đói giảm nghèo, làm cho mọi gia đình trở nên khá giả.

- Trong quá trình đó, đồng thời phải xây dựng, đổi mới từng bước quan hệ sản xuất cho phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, từng bước phát huy vai trò nền tảng của kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác xã trong nền kinh tế nhiều thành phần; phát huy quyền làm chủ của

người lao động, thực hiện công bằng xã hội, dân chủ, và đoàn kết trong nông thôn.

Để đạt tới một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với những đặc trưng mà Cương lĩnh của Đảng đã nêu ra, đòi hỏi một thời kỳ khá lâu dài, phải trải qua nhiều nấc thang quá độ, vận dụng nhiều hình thức trung gian. Vì chưa có tiền lệ lịch sử để tham khảo, chúng ta phải vừa làm vừa rút kinh nghiệm để kịp thời điều chỉnh nhận thức và hành động cho phù hợp với quy luật khách quan và hoàn cảnh lịch sử cụ thể của đất nước, sao cho vừa không chệch đích cuối cùng, vừa không giản đơn, nóng vội, tự trói buộc mình bởi những quan niệm cũ, những mô hình không phù hợp.

- Để nông nghiệp nông thôn phát triển không thể bỏ mặc cho các thành phần kinh tế tự thân vận động, mà nhất thiết phải có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, vai trò quản lý, điều hành có hiệu lực của Nhà nước. Nhà nước bằng các công cụ như luật pháp, kế hoạch, chính sách, lực lượng kinh tế của mình, phải điều tiết, can thiệp vào thị trường nông thôn một cách hợp lý để phát huy tác động tích cực, ngăn ngừa các tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, khai thác mặt mạnh, hạn chế mặt yếu của từng thành phần, bảo đảm cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội trong nông nghiệp, nông thôn nói riêng, trong nền kinh tế quốc dân nói chung đi theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Về vấn đề các thành phần kinh tế trong quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn.

Đại hội VII chủ trương: "Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng

được củng cố và mở rộng. Kinh tế cá thể còn có phạm vi tương đối lớn, từng bước đi vào con đường làm ăn hợp tác trên nguyên tắc tự nguyện, dân chủ và cùng có lợi. Tư bản tư nhân được kinh doanh trong những ngành có lợi cho quốc kế dân sinh do luật pháp quy định. Phát triển kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức. Kinh tế gia đình được khuyến khích phát triển mạnh...".

Qua thực tiễn, chúng ta ngày càng khẳng định tác động to lớn của chính sách kinh tế nhiều thành phần và sự cần thiết phải tiếp tục thực hiện nhất quán, ổn định và lâu dài chính sách đó trong nền kinh tế nói chung, trong nông nghiệp và nông thôn nói riêng.

Vừa qua, bên cạnh khuynh hướng ít nhiều muốn duy trì kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể theo kiểu cũ, tư tưởng bao cấp còn nặng lại có khuynh hướng buông lỏng, và tình trạng lúng túng trong việc chuyển đổi, chưa coi trọng đúng mức vai trò của kinh tế quốc doanh, kinh tế hợp tác xã. Bộ Chính trị cho rằng, cả hai khuynh hướng trên đều không đúng. Tới đây cần tiếp tục thực hiện tốt hơn chính sách kinh tế nhiều thành phần theo các định hướng sau đây:

- Đối với kinh tế hợp tác xã, chúng ta khẳng định phải đổi mới căn bản các hợp tác xã theo hướng vừa phát huy vai trò đơn vị kinh tế tự chủ của hộ xã viên, vừa làm tốt công tác quy hoạch, hướng dẫn sản xuất, tập trung phát triển những loại hình sản xuất - kinh doanh - dịch vụ mà từng hộ xã viên không làm được hoặc làm không có hiệu quả. Làm như vậy không mâu thuẫn, mà trái lại chính là để tạo điều kiện và hỗ trợ hộ xã viên phát huy cao độ tiềm năng của đơn vị kinh tế tự chủ, tăng thêm việc làm và thu nhập cho hộ xã viên, phối

hợp với chính quyền trong sự nghiệp phúc lợi xã hội và xây dựng nông thôn mới.

Trải qua nhiều năm xây dựng, kinh tế hợp tác xã đã tạo lập được những cơ sở vật chất và tâm lý xã hội nhất định trong nông thôn. Sự phát triển của nông thôn không thể không cần đến các hình thức kinh tế hợp tác. Vì vậy, chúng ta cần nỗ lực giúp đỡ, hướng dẫn, thúc đẩy những hợp tác xã đã được xây dựng trước đây đổi mới cho có hiệu quả. Trong quá trình này cần phát huy sáng kiến, tìm ra những cách làm phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương, từng ngành nghề, không quy định cứng nhắc cấm làm điều này điều nọ. Điều quan trọng là phải luôn tuân thủ nguyên tắc "tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi".

Những hợp tác xã chỉ tồn tại trên hình thức, sau nhiều lần tiến hành sửa đổi, nhưng vẫn không có khả năng chuyển biến tốt thì cấp uỷ, chính quyền ở đó xem xét kỹ, làm rõ nguyên nhân, tìm giải pháp xử lý, để nông dân tổ chức các hình thức hợp tác mới phù hợp với yêu cầu của họ.

Bên cạnh các hợp tác xã đã có, những năm vừa qua, ở nông thôn đã xuất hiện nhiều loại hình kinh tế hợp tác. Đối với những loại hình kinh tế hợp tác mới này, cần có sự nghiên cứu tổng kết, rút kinh nghiệm mặt được, mặt chưa được, để khuyến khích và hướng dẫn phát triển đúng hướng.

- Đối với kinh tế quốc doanh, phải thừa nhận rằng bên cạnh một số doanh nghiệp phát triển tốt, cho đến nay, còn nhiều doanh nghiệp quốc doanh trong nông - lâm - ngư nghiệp hoạt động kém hiệu quả. Từ đó đã có ý kiến muốn thu hẹp hoặc xoá bỏ các doanh nghiệp này. Nhưng kinh tế quốc doanh là một công cụ quan trọng của Nhà nước để hỗ trợ và

lôi cuốn nông dân và các thành phần kinh tế khác ở nông thôn đi nhanh lên sản xuất lớn trong cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Một số mô hình quốc doanh hoạt động tốt chứng tỏ rằng kinh tế quốc doanh trong nông - lâm - ngư nghiệp có khả năng đảm nhiệm được vai trò đó.

Vì vậy, chúng ta chủ trương phải đổi mới để phát triển có hiệu quả kinh tế quốc doanh trong nông - lâm - ngư nghiệp. Hướng đổi mới là: tùy điều kiện cụ thể mà có hình thức khoán hợp lý, nhằm phát huy tốt vai trò tự chủ của công nhân viên chức, các hộ thành viên, và hộ dân cư ở địa phương, sử dụng có hiệu quả nhất vốn liếng tài sản của Nhà nước, vươn lên làm tốt chức năng trung tâm công nghiệp - dịch vụ, nhất là công nghiệp chế biến, trung tâm khoa học kỹ thuật, trung tâm văn hoá - xã hội cho các thành phần kinh tế và dân cư trên địa bàn.

Đồng thời cũng phải xác định rõ trách nhiệm của quốc doanh công nghiệp - thương nghiệp và dịch vụ đối với nông nghiệp và nông thôn. Việc các ngành kinh tế quốc doanh này ở nhiều nơi bỏ trống trận địa nông thôn, buông lỏng liên minh công nông, để cho tư thương thao túng thị trường, chèn ép nông dân như vừa qua là một thiếu sót lớn. Quốc doanh công nghiệp - thương nghiệp - dịch vụ phải coi trọng phục vụ nông nghiệp và nông thôn, xây dựng mạng lưới và cơ chế hoạt động thích hợp để cùng các thành phần khác đáp ứng ngày càng tốt hơn các nhu cầu sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản và nhu cầu đời sống của nông dân, góp phần ổn định thị trường làm nòng cốt trong sự nghiệp công nghiệp hoá nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Việc phát huy vai trò đơn vị kinh tế tự chủ của hộ nông

dân trong thời gian qua là một nhân tố quyết định đem lại sự chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp và nông thôn. Chủ trương đổi mới và phát triển kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác không có nghĩa là đánh giá thấp tiềm năng rất to lớn và vị trí quan trọng lâu dài của kinh tế hộ nông dân.

Chúng ta chủ trương đổi mới hợp tác xã để phát huy đầy đủ hơn vai trò của hộ xã viên. Chúng ta coi kinh tế hộ nông dân cá thể có vị trí quan trọng lâu dài, giúp đỡ phát triển và hướng dẫn từng bước tham gia các loại hình kinh tế hợp tác một cách tự nguyện; khuyến khích các nhà kinh tế tư nhân đầu tư kinh doanh nhiều hơn nữa để phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn; tạo điều kiện và hoan nghênh các nhà đầu tư nước ngoài bỏ vốn hợp tác liên doanh vào công cuộc phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam. Chúng ta khẳng định các thành phần kinh tế, các loại hộ nông dân đều bình đẳng trước pháp luật, được bảo hộ lợi ích hợp pháp.

Việc phân biệt các loại hộ không nhằm mục đích phân biệt đối xử, nhưng là cần thiết để quan tâm đến các đặc điểm, tính chất khác nhau của mỗi loại hình kinh tế hộ, có chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển của mỗi loại hộ và để có cơ sở phân tích, dự báo những xu hướng biến đổi trong kinh tế - xã hội nông thôn, để lãnh đạo nông nghiệp, nông thôn phát triển đúng hướng.

Vấn đề ruộng đất.

Cương lĩnh của Đảng và Hiến pháp hiện hành đã khẳng định "đất đai thuộc sở hữu toàn dân". Không một tổ chức, cá nhân nào có quyền sở hữu riêng đối với đất đai ở Việt Nam hoặc viện bất cứ lý do lịch sử nào để đòi quyền sở hữu đó.

Để bảo đảm cho đất đai có người làm chủ cụ thể, được sử dụng có hiệu quả, bảo đảm công bằng và ổn định xã hội, thúc đẩy quá trình phân công lại lao động theo hướng ai giỏi nghề gì làm nghề ấy, chúng ta chủ trương giao ruộng đất cho nông dân sử dụng lâu dài: nông dân được quyền thừa kế, cho thuê, chuyển đổi, chuyển nhượng, thế chấp theo những quy định cụ thể của pháp luật. Những quyền nói trên là khá rộng rãi và đủ để khuyến khích nông dân yên tâm đầu tư phát triển kinh doanh, sử dụng đất có hiệu quả, nhưng không phải là quyền sở hữu, vì Nhà nước có quyền định đoạt tối cao đối với ruộng đất, và nếu người sử dụng không làm tròn nghĩa vụ của mình, vi phạm các quy định của luật pháp thì đất đai có thể sẽ bị Nhà nước thu hồi.

- Về thời hạn giao đất còn có những ý kiến khác nhau. Bộ Chính trị cho rằng cần quy định thời hạn đủ dài và phân biệt tùy theo loại đất trồng cây ngắn ngày hay cây lâu năm. Thời hạn cụ thể là bao nhiêu năm thì để Quốc hội quyết định. Hết thời hạn đó, nếu người sử dụng có nhu cầu và đủ điều kiện sẽ được sử dụng tiếp.

- Có ý kiến đồng ý nông dân được giao quyền chuyển nhượng ruộng đất, nhưng chỉ được chuyển nhượng lại cho Nhà nước, để Nhà nước giao cho người khác sử dụng. Bộ Chính trị cho rằng việc chuyển nhượng phải theo đúng quy định của luật pháp, được cấp chính quyền có thẩm quyền kiểm tra và xác nhận, song không nên gò ép người muốn chuyển nhượng phải chuyển nhượng cho Nhà nước, vì điều đó sẽ ngăn cản việc phát triển các giao dịch trực tiếp giữa nông dân với nhau, để ra một khâu trung gian không cần thiết, và dễ nảy sinh tiêu cực.

- Có ý kiến đề nghị không nên có hạn điền. Bộ Chính trị cho rằng tư tưởng chỉ đạo nêu trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 (Khoá VII) là đúng và cần tuân thủ. Nghị quyết Trung ương 2 viết: "quy định rõ các điều kiện cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ngăn ngừa tình trạng người sống bằng nghề nông không còn ruộng đất, người mua quyền sử dụng đất không phải để sản xuất mà để buôn bán ruộng đất, phát canh thu tô. Mức tập trung ruộng đất vào một hộ cũng phải quy định giới hạn tối đa tùy vùng và loại đất".

Theo tinh thần đó, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương khẳng định cần có hạn điền; mức hạn điền cụ thể là bao nhiêu do Quốc hội quy định trong Luật đất đai, Chính phủ hướng dẫn thực hiện phù hợp với đặc điểm từng vùng và có giải pháp thích hợp đối với những người đang canh tác số ruộng đất trên mức hạn điền.

Riêng đối với đất đồi núi trọc, đất khai hoang lấn biển để sản xuất kinh doanh nông - lâm - ngư nghiệp, Bộ Chính trị tán thành ý kiến của nhiều đồng chí Trung ương là Luật đất đai lần này chưa nên quy định hạn điền để khuyến khích việc đầu tư khai thác; đồng thời, Chính phủ cần nghiên cứu để có chính sách và quy định hợp lý, bảo đảm cả yêu cầu trước mắt và lâu dài.

- Trên thực tế hiện nay đang có một bộ phận nông dân không có ruộng. Cấp uỷ và chính quyền địa phương cần xem xét kỹ từng trường hợp nếu họ thực sự có nhu cầu về ruộng đất để trực tiếp sản xuất, thì cấp đất cho họ từ quỹ đất dự trữ, từ đất đai thu hồi được do lấn chiếm trái phép, hoặc tạo điều kiện cho họ đi đến làm ăn sinh sống ở vùng kinh tế mới, v.v..

- Về quỹ đất dự trữ để lại cho xã, còn nhiều ý kiến khác nhau, xuất phát từ thực tế là có nơi không có nhu cầu để lại quỹ này, những nơi để lại thì theo mức khác nhau, việc sử dụng cũng có một số tiêu cực, Bộ Chính trị chủ trương tùy nhu cầu cụ thể mà địa phương quyết định có để lại quỹ đất này hay không, và nếu để thì cũng không quá 5% tổng quỹ đất canh tác của xã và việc sử dụng phải theo đúng Luật đất đai và các quy định, hướng dẫn của Chính phủ.

Về bố trí cơ cấu sản xuất nông nghiệp và vấn đề thị trường.

Một số đồng chí nhận xét phần trình bày về đổi mới cơ cấu sản xuất nông nghiệp trong báo cáo của Bộ Chính trị quá chi tiết, quá đi sâu vào từng cây, con cụ thể không thuộc những vấn đề Trung ương phải bàn và không cân xứng với các phần khác. Bộ Chính trị tiếp thu những ý kiến đó để tiếp tục xem xét chỉnh lý dự thảo nghị quyết.

Có một số ý kiến cho rằng khi đã chuyển sang sản xuất hàng hoá theo cơ chế thị trường thì việc phân vùng, xác định trước phương hướng sản xuất đối với từng cây, con là việc làm cứng nhắc và không cần thiết. Bộ Chính trị nhận thức rằng: đúng là trong kinh tế hàng hoá, thị trường là căn cứ quan trọng nhất để định hướng phát triển sản xuất. Mọi phương án sản phẩm trước hết phải xuất phát từ nhu cầu thị trường thì mới đảm bảo hiệu quả kinh tế. Nhưng nói như vậy không có nghĩa là không thể nghiên cứu, dự báo thị trường để xây dựng quy hoạch và định hướng cơ cấu sản xuất, nhất là cho những vùng và những sản phẩm quan trọng thiết yếu. Hơn nữa việc đó là rất cần thiết để có căn cứ xác định hướng ưu tiên đầu tư, nghiên cứu khoa học - công nghệ phục vụ sản xuất, bố trí hợp lý mạng lưới các xí nghiệp công nghiệp chế

biến, dịch vụ... Cần hiểu quy luật của thị trường nông sản hàng hoá là thường xuyên dao động, từ đó mà nắm bắt xu hướng phát triển chính để lựa chọn cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tìm cách xử lý những biến động bất thường khó tránh khỏi để giảm bớt rủi ro, thua thiệt, phát triển sản xuất kinh doanh ổn định. Một số loại sản phẩm nông nghiệp chủ yếu của nước ta như gạo, thủy sản dự kiến trong nhiều năm tới nhu cầu trong nước và thế giới vẫn còn lớn và ổn định. Một số loại như cà phê, cao su, chè, sản phẩm chăn nuôi... tuy nhu cầu có thay đổi trong từng giai đoạn nhưng không phải là thay đổi cơ bản. Vì vậy việc xác định phương hướng và quy hoạch phát triển các loại cây, con này là có cơ sở và cần thiết. Song Bộ Chính trị cũng đồng ý là không nên quy định quá chi tiết chỉ tiêu số lượng và trong quá trình thực hiện cũng cần tùy tình hình cụ thể mà có sự điều chỉnh linh hoạt.

Trong thảo luận, rất nhiều đồng chí Trung ương bày tỏ sự quan tâm, lo ngại vấn đề thị trường tiêu thụ nông sản, coi đây là trở ngại lớn cho sự phát triển nông nghiệp, nông thôn. Bộ Chính trị tán thành với những ý kiến đó của Trung ương, nhận thức rõ đây là vấn đề bức xúc nhưng cũng là vấn đề phức tạp. Phương hướng và giải pháp cơ bản để giải quyết vấn đề thị trường là phải kết hợp tăng sức mua của thị trường trong nước với tích cực mở rộng thị trường ngoài nước, đẩy mạnh xuất khẩu đi đôi với thay thế nhập khẩu. Để mở rộng thị trường trong nước, phải đẩy mạnh đầu tư phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp xây dựng, dịch vụ, tạo thêm việc làm, tăng thêm thu nhập, từ đó tăng sức mua xã hội. Để mở rộng thị trường ngoài nước, phải đẩy mạnh áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, nhất là

giống mới và công nghệ chế biến, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, kết hợp việc duy trì các thị trường truyền thống với khai thông các thị trường mới, v.v..

Trước mắt cần tập trung làm tốt công tác tiếp thị và thông tin thị trường cho nông dân, phát triển các hoạt động thương nghiệp giúp nông dân đẩy mạnh tiêu thụ hàng hoá, có chính sách khuyến khích hơn nữa việc xuất khẩu nông sản, có chính sách tỷ giá hối đoái đúng đắn, miễn giảm thuế xuất khẩu nông sản, bảo hộ sản xuất nông nghiệp nội địa, bảo vệ thị trường trong nước, bảo trợ giá một số nông sản chủ yếu.

Việc giải quyết vấn đề thị trường đòi hỏi sự phối hợp cố gắng của các ngành các cấp từ trung ương đến cơ sở, nhất là các cơ quan quản lý vĩ mô, và sự năng động sáng tạo của người sản xuất, các nhà kinh doanh.

Về vấn đề công nghiệp hoá và phát triển công nghiệp nông thôn.

Nhiều ý kiến thảo luận của Trung ương đã làm rõ hơn tính chất cấp bách của việc cần phải đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hoá. Đã đến lúc nếu không đẩy mạnh công nghiệp hoá thì nông nghiệp và nông thôn cũng không thể tiếp tục phát triển nhanh và có hiệu quả. Vấn đề này có nội dung rất rộng lớn, sẽ được Trung ương bàn riêng trong một hội nghị chuyên đề về công nghiệp.

Tuy nhiên vì có một số đồng chí còn băn khoăn về tính khả thi của chủ trương đẩy mạnh phát triển công nghiệp nông thôn và công nghiệp phục vụ nông nghiệp trong mấy năm tới, Bộ Chính trị thấy cần trình bày thêm một số ý kiến về vấn đề này.

Hiện nay nhu cầu công nghiệp hoá nông nghiệp, để nâng cao giá trị hàng hoá nông sản, tăng năng suất lao động phân công lại lao động xã hội nông thôn nước ta đang hết sức bức bách. Chúng ta đang phải xuất khẩu nông sản hầu hết dưới dạng thô, giá rẻ; lại phải nhập vật tư kỹ thuật, hàng hoá công nghiệp rất nhiều, vừa không có việc làm, mất thu nhập, lại lệ thuộc vào bên ngoài, chịu thiệt thòi do cánh kéo giá cả có lợi cho các nước công nghiệp. Trong khi đó thì nhiều năng lực sản xuất, nhiều nguồn lực chưa được huy động để đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá nông nghiệp, nông thôn.

Nhiều cơ sở công nghiệp hiện có, bao gồm công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp hoá chất, phân bón, công nghiệp cơ khí, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, v.v. chưa huy động hết công suất sản xuất, chưa định hướng phục vụ nông nghiệp, nông thôn có hiệu quả. Nhiều vùng nông thôn đã có điện về tận nơi, nhưng mới chủ yếu dùng để thắp sáng. Nếu chúng ta dành một phần vốn của Nhà nước để hỗ trợ đầu tư chiều sâu, đổi mới một số trang thiết bị cần thiết, có chính sách khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh tốt hơn, bảo hộ sản xuất trong nước đúng mức hơn thì chúng ta hoàn toàn có thể tăng năng lực sản xuất công nghiệp phục vụ nông nghiệp một cách đáng kể trong thời gian tương đối ngắn.

Nhiều ngành nghề, làng nghề truyền thống trong nông thôn đang được khôi phục và phát triển ở nhiều nơi trong cả nước, chứng minh rằng còn nhiều tiềm năng có thể khai thác tốt hơn để phân công lại lao động, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tiến bộ. Sắp tới cần điều tra, tổng kết về những điển hình này để có sự hướng dẫn, giúp đỡ của Nhà nước, tạo điều kiện nhân rộng ra nhiều nơi khác.

Tất nhiên chỉ tận dụng các năng lực sản xuất hiện có, phát triển các ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp không thôi thì chưa đủ. Sắp tới, chúng ta phải xúc tiến xây dựng mới một số cơ sở công nghiệp thiết yếu, từng bước hiện đại hoá công nghệ - kỹ thuật. Khó khăn chính là vốn. Nhưng nguồn vốn trong dân, nguồn lực của Nhà nước đang bị lãng phí hoặc chưa được huy động là không nhỏ. Nếu có chính sách tích lũy, tiêu dùng hợp lý, động viên tiết kiệm và đầu tư, kết hợp với thu hút vốn bên ngoài dưới nhiều hình thức, chúng ta có thể đẩy mạnh hơn quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

Cùng với việc mở rộng quan hệ đối ngoại, phát triển hợp tác làm ăn với bên ngoài, chúng ta ngày càng có thêm điều kiện tranh thủ nguồn vốn tiếp thu tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, thúc đẩy cạnh tranh, mở rộng thị trường cho việc phát triển công nghiệp nông thôn và công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Cần nhạy bén, chủ động, tranh thủ tận dụng có hiệu quả những khả năng này.

Vấn đề động lực phát triển nông nghiệp và nông thôn trong giai đoạn mới.

Nhiều ý kiến muốn làm sáng tỏ động lực phát triển nông nghiệp và nông thôn trong giai đoạn mới là gì. Đặt vấn đề như vậy là rất cần thiết.

Kinh nghiệm cho thấy mỗi khi Đảng đề ra được đường lối, chủ trương đúng quy luật, hợp lòng dân đáp ứng những nguyện vọng tha thiết của nhân dân thì sẽ tạo ra động lực cách mạng to lớn, đưa phong trào đến những chuyển biến mạnh mẽ. Vấn đề then chốt để tạo được động lực chính là có chủ trương, chính sách đúng đắn bảo đảm đem lại lợi ích cho nhân dân.

Những chủ trương, chính sách lớn nêu trong Nghị quyết Trung ương lần này về xác nhận quyền sử dụng ruộng đất lâu dài của nông dân, định hướng phát triển các thành phần kinh tế, về đẩy mạnh công nghiệp hoá, phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn, đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, nhất là công nghệ sinh học, đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài, phát huy dân chủ ở nông thôn... đều là nhằm đáp ứng những nguyện vọng và lợi ích của nông dân, của đất nước, gắn lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và lợi ích xã hội, lợi ích trước mắt với lợi ích lâu dài.

Thực hiện đồng bộ những chủ trương biện pháp đề cập trong nghị quyết chính là nhằm tạo ra hiệu quả tổng hợp thúc đẩy sản xuất phát triển, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nông dân, tạo nên điều kiện và động lực để phát triển nông nghiệp và nông thôn trong giai đoạn mới.

Điều quan trọng là những chủ trương đó phải sớm được Nhà nước cụ thể hoá thành hệ thống chính sách và tổ chức thực hiện có hiệu quả, trước hết là các chính sách sau đây:

- Dành phần đầu tư ngân sách thoả đáng, kết hợp với các nguồn vốn khác để tăng mức đầu tư cho việc xây dựng các cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn.

- Khai thác, phát triển các nguồn vốn tín dụng của Nhà nước và nhân dân, tạo điều kiện để tăng tỷ lệ hộ nông dân được vay vốn sản xuất, ưu tiên cho hộ nghèo vay, các đối tượng chính sách - xã hội và các vùng khó khăn.

- Tính toán lại giá điện, thuỷ lợi phí loại bỏ các chi phí bất hợp lý.

- Thực hiện việc giảm hoặc miễn thuế nông nghiệp đối với một số vùng, nhất là vùng cao và một số đối tượng ưu tiên.

- Thực hiện việc bảo hộ sản xuất trong nước và bảo trợ giá một số nông sản chủ yếu, xử lý vấn đề tỷ giá hối đoái cho hợp lý, miễn giảm thuế xuất khẩu nông sản, v.v. để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

Nhu cầu, nguyện vọng của nông dân là rất lớn, nhưng mặt khác cũng phải thấy nền kinh tế nói chung đang gặp nhiều khó khăn, ngân sách thâm hụt lớn, vốn trong nước huy động được chưa nhiều, vốn vay bên ngoài vẫn gặp nhiều trở ngại... vì vậy Nhà nước phải cố gắng đáp ứng, song chưa thể như mong muốn được. Nhà nước và nhân dân, các ngành, các cấp đều phải cố gắng cùng nhau tháo gỡ khó khăn.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này phải thực sự thúc đẩy các ngành, các cấp hướng mạnh vào phục vụ sự nghiệp phát triển nông nghiệp và nông thôn.

Vấn đề miền núi và vùng đồng bào dân tộc:

Trong hội nghị, nhiều đồng chí Trung ương đã phát biểu đồng tình với bản báo cáo của Chính phủ về tình hình và phương hướng tiếp tục thực hiện Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị và Nghị định 72 của Chính phủ về phát triển kinh tế miền núi và vùng đồng bào dân tộc; bổ sung nhiều ý kiến để thực hiện sát hợp với từng vùng, từng khu vực. Nhưng cũng có nhiều đồng chí bản khoản thấy vấn đề miền núi rất quan trọng và bức xúc nhưng nhiều chủ trương, chính sách đề ra chưa được thực hiện tốt. Tình hình miền núi và đời sống của đồng bào các dân tộc ở nhiều nơi còn quá lạc hậu, khó khăn. Một số đồng chí đề nghị sắp tới có Hội nghị Trung ương bàn chuyên đề về vấn đề miền núi.

Bộ Chính trị nhận thấy điều quan trọng nhất hiện nay để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội miền núi là phải dựa trên các nghị quyết đã có, xây dựng các chương trình cụ thể cho từng vùng và tổ chức tốt việc triển khai thực hiện. Vì vậy Bộ Chính trị đề nghị Trung ương giao cho Bộ Chính trị căn cứ vào các nghị quyết đã có và ý kiến của Trung ương tại Hội nghị này để chỉ đạo Chính phủ bàn với các địa phương có liên quan giải quyết trực tiếp các vấn đề kinh tế - xã hội cấp bách của từng vùng.

Vấn đề xây dựng nông thôn mới cũng là một nội dung quan trọng của Nghị quyết Trung ương lần này. Một số đồng chí có ý kiến đóng góp, Bộ Chính trị sẽ tiếp thu để đưa vào nghị quyết.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VII)

Số 05-NQ/HNTW, ngày 10 tháng 6 năm 1993

Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội
nông thôn

I- THỰC TRẠNG NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN NƯỚC TA
QUA NHỮNG NĂM ĐỔI MỚI

Trải qua các thời kỳ cách mạng từ khi thành lập đến nay, Đảng ta luôn luôn khẳng định tầm quan trọng của vấn đề nông dân, nông nghiệp và nông thôn. Công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo trong những năm qua cũng lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu và là khâu đột phá. Chỉ thị 100 của Ban Bí thư (Khoá IV), Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (Khoá VI) được triển khai cùng các chỉ thị, nghị quyết khác của các Đại hội và Hội nghị Trung ương các khoá V, VI, VII đã đưa đến những thành tựu to lớn trong nông nghiệp, nông thôn nước ta.

Sức sản xuất ở nông thôn được giải phóng một bước quan trọng, tiềm năng của nông dân được phát huy, cơ sở vật chất

kỹ thuật trong nông nghiệp và phục vụ nông nghiệp được tăng cường làm cho sản xuất đạt mức tăng trưởng khá và tương đối ổn định. Nổi bật nhất là sản lượng lương thực tăng mấy năm liền, đã giải quyết được về cơ bản nhu cầu lương thực cho nhân dân và hàng năm có khối lượng gạo xuất khẩu lớn. Sản phẩm cây công nghiệp, cây ăn quả, cây đặc sản, chăn nuôi, trồng rừng, nghề cá, tiểu thủ công nghiệp đều tăng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Chính sách kinh tế nhiều thành phần đã đi vào cuộc sống, khơi dậy nhiều nguồn lực, làm cho sản xuất kinh doanh ở nông thôn phát triển năng động hơn.

Đời sống nông dân và bộ mặt nông thôn có nhiều biến đổi tích cực.

Thắng lợi trên mặt trận nông nghiệp góp phần quyết định đưa nước ta thoát dần ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị.

Đạt được những thành tựu đó là do đường lối, chủ trương, chính sách đổi mới đúng đắn của Đảng hợp quy luật, hợp lòng dân, đúc kết được kinh nghiệm sáng tạo của quần chúng; nhờ có sự nỗ lực vượt bậc của toàn dân, nhất là của nông dân; tiến bộ về quản lý, điều hành của Nhà nước và hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân; sự cố gắng đầu tư và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất kỹ thuật trong nông nghiệp và phục vụ nông nghiệp, ứng dụng tốt hơn một số tiến bộ khoa học - kỹ thuật, quan tâm hơn đến công tác khuyến nông. Sự giúp đỡ quốc tế cũng góp phần vào thành tựu đã đạt được.

Mặc dầu có bước phát triển, song nhìn chung nông nghiệp nước ta vẫn chưa thoát khỏi tình trạng sản xuất nhỏ,

cơ sở vật chất kỹ thuật còn nhiều mặt yếu kém, công nghệ lạc hậu, năng suất lao động, năng suất cây trồng và vật nuôi còn thấp. Nông nghiệp chưa đáp ứng nhu cầu cải thiện đời sống của nhân dân, nguyên liệu cho công nghiệp, hàng hoá cho xuất khẩu, thị trường và nguồn tích lũy để đẩy mạnh công nghiệp hoá.

Tiềm năng về nhân lực, đất đai, rừng, biển, hệ sinh thái, tiền vốn và cơ sở vật chất kỹ thuật chưa được sử dụng có hiệu quả. Một bộ phận lớn lao động nông thôn còn thiếu việc làm. Khoảng 10 triệu ha đồi núi trọc, bãi bồi ven biển còn bị hoang hoá, hàng chục vạn ha mặt nước ao, hồ chưa được sử dụng tốt; vùng biển khơi rộng lớn chưa được khai thác bao nhiêu. Các nguồn tài nguyên còn bị khai thác bừa bãi, nhiều nơi trở nên cạn kiệt, phá hoại cân bằng sinh thái, đe dọa môi trường sống.

Cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn chưa thoát khỏi độc canh và thuần nông. Chăn nuôi chưa phát triển mạnh. Lâm nghiệp nặng về khai thác, bóc lột tài nguyên, để lại nhiều hậu quả nặng nề; trồng rừng và bảo vệ rừng chưa trở thành ngành kinh doanh làm giàu cho người lao động. Thủy sản chủ yếu tập trung đánh bắt ven bờ, chưa vươn được ra khơi để làm chủ lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế.

Công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ nông thôn chưa phát triển. Các ngành công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, thương nghiệp, dịch vụ... chuyển hướng chậm, chưa phục vụ tốt kinh tế nông nghiệp, nông thôn và đời sống nông dân, nhất là các vùng xa, vùng sâu, vùng cao.

Kinh tế hợp tác xã thiếu sự chỉ đạo, lãnh đạo từ trung ương đến cơ sở, ở nhiều nơi bị buông lỏng hoặc lúng túng

chưa có biện pháp tích cực để đổi mới tổ chức, phương hướng hoạt động và cơ chế quản lý; các loại hình hợp tác đa dạng đang xuất hiện ở nông thôn chưa được quan tâm tổng kết, hướng dẫn và thúc đẩy phát triển.

Kinh tế cá thể, tư nhân vừa chưa được khuyến khích phát triển đúng mức, vừa thiếu sự quản lý, hướng dẫn cần thiết để hạn chế, ngăn ngừa những mặt tiêu cực.

Phần lớn doanh nghiệp nhà nước trong nông lâm ngư nghiệp chưa đổi mới hoặc đổi mới chưa thành công, làm ăn kém hiệu quả. Một số cơ sở quốc doanh hoạt động tốt chưa được tổng kết và nhân ra diện rộng.

Quốc doanh thương nghiệp nhiều nơi bỏ trống thị trường nông thôn. Quốc doanh phục vụ nông nghiệp như điện lực, thủy nông, ngân hàng, giao thông vận tải, chế biến nông sản, xuất nhập khẩu... tuy có nhiều cố gắng, song cũng còn không ít tiêu cực như cửa quyền, ép cấp ép giá, làm phương hại đến quan hệ liên minh công - nông.

Chưa thực hiện tốt chủ trương giao đất, giao rừng ổn định, lâu dài cho hộ nông dân sử dụng, chậm ban hành những quy định pháp lý về các quyền và nghĩa vụ của nông dân đối với ruộng đất để nông dân yên tâm đầu tư phát triển và sử dụng đất đai có hiệu quả hơn. Tranh chấp đất đai ở nhiều nơi vẫn chưa được giải quyết dứt điểm. Việc cấp, mua bán, chuyển nhượng đất trái phép, sử dụng đất không đúng mục đích diễn ra khá phổ biến.

Thị trường tiêu thụ nông sản đang là vấn đề gay gắt. Thị trường trong nước chưa được quan tâm khai thác, sức mua thấp. Thị trường ngoài nước thiếu những bạn hàng lớn, ổn định. Chưa có những chính sách, biện pháp đủ để khuyến khích xuất khẩu, bảo hộ đúng mức sản xuất nội địa, can

thiệt và điều tiết thị trường, để cho giá cả một số loại nông sản và vật tư kỹ thuật phục vụ nông nghiệp biến động thất thường, gây khó khăn cả cho người sản xuất, nhà kinh doanh lẫn người tiêu dùng.

Đời sống nông dân ở một số vùng nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng cao, vùng sâu, vùng trước đây là căn cứ cách mạng còn quá nghèo, gặp nhiều khó khăn, cả về ăn, mặc, ở, đi lại, chăm sóc sức khỏe, học hành, văn hoá. Một bộ phận không nhỏ, trong đó có nhiều gia đình thuộc diện chính sách còn nghèo khổ, một số thiếu đói triền miên. Dân chủ và công bằng xã hội trong nông thôn còn bị vi phạm.

Những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng trên đây là:

1. Nền kinh tế nước ta vẫn kém phát triển, hậu quả chiến tranh còn lớn, tích lũy trong nước chưa đáng kể, vốn bên ngoài thu hút được chưa nhiều, nguồn đầu tư để đẩy mạnh công nghiệp hoá, phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn còn hạn chế.

2. Đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp và nông thôn chưa được quán triệt sâu sắc. Chủ trương, chính sách cũng có những điểm chưa nhất quán, cản trở việc giải phóng sức sản xuất. Một số vấn đề mới nảy sinh chưa được thảo luận kỹ để thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng, toàn dân.

Những cách nhìn, cách nghĩ cũ còn tồn tại ở một bộ phận cán bộ, đảng viên trong việc xem xét các vấn đề ruộng đất, kinh tế hợp tác xã, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân, sự phân hoá giàu nghèo trong nông thôn... Mặt khác, có khuynh hướng đánh giá quá cao kinh tế hộ, đánh giá chưa đúng mức vị trí của

kinh tế quốc doanh, kinh tế hợp tác xã, sự lãnh đạo của Đảng và vai trò của Nhà nước trong việc phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tâm lý bao cấp, trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, vào cấp trên chưa được giữ bỏ. Đồng thời lại có xu hướng kinh doanh đơn thuần, chỉ chú trọng lời lỗ, coi nhẹ các lợi ích chính trị - văn hoá - xã hội.

3. Việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước còn nhiều yếu kém. Quản lý vĩ mô còn nhiều lúng túng, nhất là trong việc giải quyết vấn đề thị trường tiêu thụ nông sản. Các ngành, các cấp chưa thật sự tập trung sức chỉ đạo, tổ chức và hỗ trợ phát triển nông nghiệp và nông thôn. Bệnh quan liêu, xa thực tế, cửa quyền, tham nhũng trong bộ máy Nhà nước còn nặng, hiệu lực quản lý và điều hành còn thấp. Chậm tổng kết thực tiễn, nhân điển hình tiên tiến, bổ sung, điều chỉnh những điểm không còn phù hợp của các luật lệ, chính sách, khắc phục những biến động xấu, những mặt trái của cơ chế thị trường.

4. Đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân ở cơ sở chậm và lúng túng trong đổi mới tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động. Chính sách đãi ngộ, công tác đào tạo, bồi dưỡng lựa chọn và sử dụng cán bộ chưa đáp ứng với tình hình và nhiệm vụ mới.

II- MỤC TIÊU VÀ QUAN ĐIỂM TIẾP TỤC ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

A- Mục tiêu đến năm 2000

1. Trên cơ sở phát triển nhanh và vững chắc nông, lâm,

ngư nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông thôn, nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh doanh, mà thu hút được đại bộ phận lao động dôi thừa, tăng năng suất lao động xã hội, giải quyết vững chắc nhu cầu lương thực và thực phẩm cho nhân dân, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu nông lâm thủy sản cho công nghiệp, tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu, bảo vệ tài nguyên, bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

2. Tăng thu nhập, cải thiện một bước cơ bản đời sống vật chất - văn hoá của nông dân; giảm mức tăng dân số, khắc phục nạn suy dinh dưỡng; tăng thêm diện giàu và đủ ăn, xoá đói giảm nghèo, nhất là ở các vùng cao, vùng đồng bằng các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng trước đây là căn cứ cách mạng.

3. Xây dựng nông thôn mới có kinh tế phát triển, đời sống văn hoá phong phú, lành mạnh, có cơ sở hạ tầng vật chất và xã hội đáp ứng được những nhu cầu cơ bản của nông dân, có hệ thống chính trị vững mạnh; phát huy dân chủ, bảo đảm công bằng xã hội; tăng cường đoàn kết và ổn định chính trị trong nông thôn, giữ vững trật tự xã hội, củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh.

B- Quan điểm

1. Đặt sự phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, coi đó là nhiệm vụ chiến lược có tầm quan trọng hàng đầu.

2. Thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách kinh tế nhiều thành phần trong nông nghiệp và kinh tế nông thôn

theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó kinh tế quốc doanh, kể cả kinh tế quốc doanh trong công nghiệp và dịch vụ phục vụ nông nghiệp cùng với kinh tế hợp tác xã được đổi mới và phát triển có hiệu quả, từng bước vươn lên làm nền tảng, tạo điều kiện để củng cố liên minh công nhân - nông dân - trí thức, huy động tối đa tiềm năng của kinh tế hộ xã viên, hộ cá thể, hộ tư nhân, kinh tế hợp tác liên doanh với nước ngoài.

3. Gắn sản xuất với thị trường, mở rộng sản xuất đi đôi với mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản: đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, nhất là công nghệ sinh học, để nâng cao năng suất, tăng chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước, tăng sức mua của thị trường nội địa; đẩy mạnh xuất khẩu; thay thế nhập khẩu những mặt hàng trong nước sản xuất có hiệu quả, có chính sách khuyến khích và bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước.

4. Gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài; bảo vệ và phát triển tài nguyên, cải thiện môi trường sinh thái, xây dựng nông thôn mới. Đổi mới kinh tế đi đôi với đổi mới hệ thống chính trị trong nông thôn.

III- PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Đổi mới cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Sản xuất lương thực giữ vị trí rất quan trọng để bảo đảm nhu cầu cơ bản của nhân dân và ổn định xã hội. Cần tập

trung phát triển sản xuất lương thực ở những vùng và tiểu vùng trọng điểm; phấn đấu tăng sản lượng lương thực bình quân đầu người, nâng cao chất lượng sản xuất và chế biến lương thực đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, chăn nuôi, dự trữ và xuất khẩu.

Tăng nhanh tỷ trọng chăn nuôi trong giá trị tổng sản lượng nông nghiệp. Đa dạng hoá sản phẩm chăn nuôi. Coi trọng việc cải tạo giống. Áp dụng công nghệ chăn nuôi mới, kết hợp chăn nuôi công nghiệp với chăn nuôi truyền thống theo quy mô thích hợp. Đặc biệt coi trọng công nghiệp chế biến thức ăn gia súc, công nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi, bảo đảm các tiêu chuẩn về vệ sinh thực phẩm. Đáp ứng tốt hơn các nhu cầu về thịt, cá, trứng, sữa trong bữa ăn của nhân dân; tăng nhanh sản phẩm chăn nuôi xuất khẩu.

Tập trung thâm canh kết hợp mở rộng diện tích một số *cây công nghiệp* chủ lực, như cao su, chè, cà phê, dâu tằm, v.v. đi đôi với ứng dụng công nghệ chế biến tiên tiến. Mở rộng diện tích trồng bông, mía loại giống có chất lượng cao. Phát triển cây có dầu, các loại đậu đỗ để cung cấp nguồn dầu và đạm thực vật cho bữa ăn của người và bổ sung thêm nguồn thức ăn cho chăn nuôi.

Phát triển mạnh các loại *cây ăn quả* trên tất cả các vùng. Chú trọng việc sản xuất *rau, hoa, sinh vật cảnh* để đáp ứng nhu cầu trong nước và từng bước nâng lên thành mặt hàng xuất khẩu lớn. Đẩy mạnh cải tạo giống và ứng dụng công nghệ mới trong các khâu bảo quản, chế biến rau quả.

Xây dựng *thủy sản* thành ngành kinh tế mũi nhọn. Tận dụng các vùng nước ngọt, nước lợ, nước mặn, các tuyến ven bờ, tuyến đảo; vươn mạnh ra đánh bắt ngoài khơi; áp dụng

các kỹ thuật tiến bộ mới về nuôi trồng, đánh bắt, bảo quản, chế biến để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu thủy sản.

Ngành *lâm nghiệp* phải chú trọng bảo vệ rừng hiện có, bảo vệ, cải tạo và chăm sóc tốt rừng tái sinh; đẩy mạnh trồng rừng, phủ xanh đồi núi trọc, phát triển lâm sinh để nâng cao tỷ lệ rừng che phủ, bảo tồn quỹ gen động, thực vật rừng, bảo đảm tác dụng phòng hộ của rừng và đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về lâm sản. Hình thành ổn định ba loại rừng (phòng hộ, sản xuất và đặc dụng), tạo ra hệ sinh thái bền vững bảo vệ đất, nguồn nước, quỹ gen và môi trường thiên nhiên. Đổi mới cơ chế quản lý ngành lâm nghiệp, thực hiện phổ biến việc giao, khoán rừng và đất rừng phù hợp với quy hoạch và phương hướng phát triển từng vùng, từng loại rừng.

2. Cải biến cơ cấu kinh tế nông thôn

Trên cơ sở xúc tiến công cuộc công nghiệp hoá nói chung, công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn nói riêng mà thực hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng *phát triển mạnh, vững chắc, có hiệu quả công nghiệp - dịch vụ ở nông thôn*; tăng nhanh tỷ trọng những ngành này trong cơ cấu nông - công nghiệp - dịch vụ.

Phát triển đa dạng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nông thôn, trước hết là công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, với quy mô nhỏ và vừa là chủ yếu. Khôi phục và phát triển các làng nghề. Tranh thủ công nghệ hiện đại, tận dụng công nghệ truyền thống; chú trọng những công nghệ tạo nhiều việc làm. Các cơ sở phục vụ xuất khẩu cần nhanh chóng áp dụng công nghệ hiện đại, để tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường thế giới.

Đi đôi với việc tận dụng năng lực sản xuất công nghiệp hiện có, cần tập trung vốn của Nhà nước và huy động thêm các nguồn vốn khác để xúc tiến xây dựng những cơ sở công nghiệp thiết yếu, phục vụ quá trình công nghiệp hoá nông nghiệp, nông thôn.

Đẩy mạnh phát triển dịch vụ nông thôn với sự tham gia tích cực hơn của kinh tế quốc doanh và các tổ chức hợp tác của nông dân để cho vay vốn, cung ứng vật tư kỹ thuật, hàng tiêu dùng và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân, khắc phục tình trạng cho vay nặng lãi, đầu cơ, lũng đoạn thị trường ở nông thôn. Kết hợp đầu tư của Nhà nước với huy động sức dân ở những khâu cần thiết và có điều kiện để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, văn hoá trong nông thôn.

3. Kiên trì và nhất quán thực hiện chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước

Khẳng định sự tồn tại các thành phần kinh tế khác nhau là một tất yếu khách quan trên con đường đi lên của đất nước. Tất cả mọi người, mọi doanh nghiệp, mọi thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật. Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp, phục vụ quốc kế dân sinh đều được hoan nghênh, khuyến khích. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý, điều hành của Nhà nước để định hướng quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn theo con đường xã hội chủ nghĩa. Theo tinh thần đó cần thực hiện tốt các chủ trương sau đây:

a) Đổi mới kinh tế hợp tác xã, phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ xã viên

Tiếp tục đổi mới các hợp tác xã theo hướng phát huy hơn

nữa tiềm năng to lớn và vị trí quan trọng lâu dài của kinh tế hộ xã viên, đồng thời làm tốt công tác quy hoạch, hướng dẫn sản xuất, phát triển kinh doanh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ mà từng hộ xã viên không làm được hoặc làm không có hiệu quả, cùng với chính quyền địa phương chăm lo sự nghiệp phúc lợi xã hội. Thực hiện đúng nguyên tắc "tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi" trong tổ chức, quản lý và phát triển kinh tế hợp tác xã.

Tổng kết đầy đủ hơn về tình hình biến động của các hợp tác xã từ khi thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị để có giải pháp xử lý phù hợp đối với từng loại như sau:

Những hợp tác xã đã đổi mới có hiệu quả, được xã viên đồng tình, cần tiếp tục đổi mới theo hướng chung đã xác định trên đây để không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động.

Những hợp tác xã mới đổi mới từng khâu, từng mặt cần phát huy mặt mạnh, khắc phục mặt yếu, tiếp tục đổi mới tổ chức, nội dung hoạt động và cơ chế quản lý để vươn lên thực hiện tốt chức năng của mình.

Những hợp tác xã chỉ tồn tại trên nhiều hình thức, sau nhiều lần tiến hành đổi mới, nhưng vẫn không có khả năng chuyển đổi thì cấp uỷ, chính quyền ở đó xem xét kỹ, làm rõ nguyên nhân, tìm giải pháp xử lý, để nông dân tổ chức các hình thức hợp tác mới phù hợp với yêu cầu của họ.

Ở những nơi mà hợp tác xã và tập đoàn sản xuất tan rã, nông dân đang làm ăn cá thể thì cần tạo điều kiện để các hộ cá thể phát triển sản xuất, làm ăn có hiệu quả, dần dần đi vào con đường hợp tác một cách tự nguyện.

Nghiên cứu, đúc kết kinh nghiệm về các loại hình kinh tế hợp tác mới xuất hiện để hướng dẫn, giúp đỡ hoạt động

có hiệu quả, thực sự vì lợi ích của nông dân, phát triển đúng hướng.

b) Đổi mới hệ thống doanh nghiệp Nhà nước

Các quốc doanh nông, lâm, ngư nghiệp phải nghiên cứu và áp dụng các hình thức giao và khoán thích hợp đến công nhân viên, hộ thành viên và hộ dân cư tại địa phương, phát huy tốt tiềm năng đơn vị kinh tế tự chủ của hộ. Đồng thời làm tốt quy hoạch, xác định phương hướng sản xuất, kinh doanh, phát huy có hiệu quả cơ sở vật chất kỹ thuật và tiền vốn, vươn lên làm tốt chức năng trung tâm công nghiệp - dịch vụ, nhất là công nghiệp chế biến, trung tâm khoa học kỹ thuật, trung tâm văn hoá - xã hội cho các thành phần kinh tế và dân cư trên địa bàn.

Quốc doanh công nghiệp, giao thông vận tải phải thực sự đóng vai trò nòng cốt trong việc xây dựng kết cấu hạ tầng, mở mang ngành nghề, phục vụ đắc lực công cuộc công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn.

Quốc doanh thương nghiệp, tín dụng phải vươn lên giữ vai trò chủ đạo, để cùng các thành phần kinh tế khác làm tốt việc cung ứng vốn, vật tư, hàng hoá và tiêu thụ sản phẩm; mở rộng các quan hệ trực tiếp với nông dân, thực hiện trao đổi ngang giá, nhất thiết không được độc quyền, cửa quyền, mặt khác phải tăng cường thực lực vật chất của mình để can thiệp vào thị trường khi cần thiết nhằm bảo vệ quyền lợi của nông dân và người tiêu dùng.

c) Khuyến khích phát triển kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân

Nhà nước khuyến khích phát triển kinh tế cá thể, tư nhân trong nông lâm ngư nghiệp, công nghiệp dịch vụ nông

thôn. Đặc biệt khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các loại giống mới có hiệu quả kinh tế cao; khai thác đồi núi trọc, bãi bồi ven biển, nuôi trồng thủy sản, đánh bắt ngoài khơi; xây dựng các nông lâm ngư trại với quy mô thích hợp; phát triển tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp, dịch vụ nông thôn tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng. Khuyến khích các nhà kinh doanh từ thành phố, thị xã về nông thôn lập nghiệp.

4. Thực hiện chính sách giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ nông dân

Khẳng định đất đai thuộc sở hữu toàn dân. Luật đất đai (sửa đổi) quy định rõ nội dung các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, bảo đảm cho người sống bằng nghề nông, nhất là những gia đình chính sách phải có ruộng đất, được quyền sử dụng lâu dài, được chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, cho thuê, thế chấp theo những điều kiện cụ thể do pháp luật quy định, nhằm khuyến khích sử dụng và phát triển quỹ đất có hiệu quả làm cho đất đai ngày càng màu mỡ, bảo đảm giữ ổn định chính trị - xã hội trong nông thôn, thực hiện công bằng xã hội, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ. Quy định thời gian sử dụng đất hợp lý đối với cây ngắn ngày và cây lâu năm. Khi hết thời hạn, người sử dụng đất có nhu cầu và đủ điều kiện sẽ được quyền tiếp tục sử dụng. Chính sách hạn điền phải phù hợp với đặc điểm của từng vùng. Đối với những người đang canh tác trên mức hạn điền, Chính phủ có quy định và hướng dẫn riêng để họ an tâm sản xuất. Nhà nước có chính sách bảo đảm kết hợp lợi ích trước mắt với lợi ích lâu dài trong việc khai thác và sử dụng đất đồi núi trọc, đất khai hoang, lán

biển. Đối với quỹ đất công ích, nơi nào có nhu cầu thì được để lại không quá 5% diện tích canh tác của xã, nhưng phải đảm bảo quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả.

5. Đổi mới chính sách vĩ mô của Nhà nước

a) Chính sách thị trường tiêu thụ nông sản hàng hoá

Hình thành tổ chức dự báo thị trường. Mở rộng các hình thức thông tin kinh tế thích hợp để tăng thêm khả năng tiếp thị của các hộ kinh doanh, và các tổ chức kinh tế, điều chỉnh sản xuất cho phù hợp với nhu cầu thị trường.

Bằng nhiều biện pháp đẩy mạnh công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, giải quyết việc làm, tăng thu nhập để tăng sức mua của thị trường trong nước. Mở rộng lưu thông hàng hoá giữa các vùng, các miền, trong nước và ngoài nước để đẩy mạnh tiêu thụ nông sản.

Mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản. Duy trì, phát triển quan hệ với thị trường truyền thống, đồng thời mở rộng các thị trường mới; tìm thị trường tiêu thụ lớn, ổn định lâu dài cho những mặt hàng quan trọng như gạo, cao su, cà phê, chè, tơ tằm, thịt, rau quả, thuỷ hải sản... Xây dựng các hiệp hội sản xuất và xuất khẩu những mặt hàng chủ yếu; tham gia các hiệp hội thế giới; tổ chức hợp lý các đầu mối xuất, nhập khẩu. Khuyến khích các đơn vị sản xuất trực tiếp giao dịch với thị trường nước ngoài.

Mở rộng việc áp dụng giống mới và kỹ thuật canh tác tiến bộ, hiện đại hoá công nghệ chế biến, bao bì, nâng cao chất lượng và hạ giá thành để tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường trong nước và thế giới.

Điều hành tỷ giá hối đoái một cách linh hoạt, hợp lý. Miễn hoặc giảm thuế xuất khẩu để khuyến khích xuất khẩu

nông sản, đặc biệt là nông sản chế biến. Khuyến khích việc thay thế nhập khẩu những mặt hàng sản xuất trong nước có hiệu quả. Chú trọng bảo hộ sản xuất trong nước. Nhà nước cùng các thành phần kinh tế có biện pháp thu mua, chế biến, dự trữ, điều hoà cung cầu để giữ ổn định giá cả một số nông sản thiết yếu, bảo vệ lợi ích chính đáng của người sản xuất và người tiêu dùng. Phát triển các hình thức bảo hiểm để khắc phục rủi ro trong sản xuất kinh doanh.

b) Chính sách đầu tư và tín dụng

Khuyến khích toàn dân tiết kiệm để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

Nhà nước dành phần đầu tư ngân sách thoả đáng, đồng thời có chính sách và hình thức huy động nguồn đầu tư của các thành phần kinh tế khác cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn, như thuỷ lợi, giao thông, điện, thông tin liên lạc, các cơ sở văn hoá, giáo dục, y tế. Tập trung đầu tư đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế hàng hoá ở một số vùng trọng điểm, đồng thời có giải pháp thiết thực giúp các vùng khó khăn vươn lên. Mở rộng việc thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào việc phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

Mở rộng tín dụng của Nhà nước và của nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi để tăng tỷ lệ hộ nông dân nhất là nông dân nghèo được vay vốn, phát triển sản xuất kinh doanh. Có chế độ tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ chính sách, vùng nghèo, vùng dân tộc thiểu số, vùng cao, vùng căn cứ cách mạng. Đơn giản hoá các thủ tục cho vay. Mở rộng hình thức cho vay thông qua tín chấp đối với các hộ nghèo. Khuyến khích các hình thức tín dụng hợp tác tự nguyện của nông

dân, tạo cơ sở pháp lý cho hệ thống tín dụng nông thôn hoạt động an toàn và có hiệu quả. Loại trừ nạn cho vay nặng lãi.

c) Chính sách thuế sử dụng đất và thuỷ lợi phí

Thay thuế nông nghiệp bằng thuế sử dụng đất. Dùng toàn bộ nguồn thu từ thuế sử dụng đất để đầu tư lại cho nông nghiệp và phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn. Thực hiện việc miễn hoặc giảm thuế đối với một số vùng cao, vùng xa, vùng sâu, hải đảo, những gia đình thuộc diện chính sách và những hộ nông dân... gặp nhiều khó khăn.

Sắp xếp lại tổ chức, đổi mới quản lý các xí nghiệp thuỷ nông, các công ty, chi nhánh điện, loại bỏ các chi phí bất hợp lý để giảm giá dịch vụ thuỷ lợi và giá điện cho nông dân.

d) Đẩy mạnh công tác khuyến nông (bao gồm cả khuyến lâm, khuyến ngư...)

Tổ chức khuyến nông thành hệ thống mạnh và đa dạng từ trung ương đến cơ sở. Khuyến khích việc thành lập các tổ chức khuyến nông tự nguyện do các đoàn thể, các nhà khoa học, các doanh nghiệp và cá nhân đứng ra tổ chức và hoạt động. Có chính sách thu hút sự đóng góp của các ngành hàng, các cơ sở kinh doanh nông sản và nguồn tài trợ quốc tế vào công tác khuyến nông.

e) Chính sách khoa học và công nghệ

Khoa học và công nghệ phải tập trung nghiên cứu lai tạo, tuyển chọn các giống cây, con mới có năng suất cao, chất lượng tốt, thích nghi với các vùng sinh thái khác nhau. Đổi mới kỹ thuật canh tác. Phấn đấu đến năm 2000 đưa năng suất lúa và các cây lương thực chủ yếu tăng trên 30% so với hiện nay. Chú trọng nâng cao chất lượng gạo... phát triển cây ăn quả, cây công nghiệp. Có chương trình nghiên cứu, ứng

dụng các giải pháp khoa học và công nghệ để phát triển có hiệu quả từng loại rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất. Quy hoạch các khu bảo tồn thiên nhiên ở từng vùng khai thác và phát triển quỹ gien động, thực vật, lựa chọn giống cây rừng thích hợp, có hiệu quả kinh tế cao, khoan nuôi tái sinh kết hợp với cải tạo để tăng hiệu quả kinh tế trên mỗi hecta, nghiên cứu xử lý vấn đề rừng khộp. Thực hiện các biện pháp nông lâm kết hợp, nhanh chóng phủ xanh đất đồi núi trọc. Tăng độ che phủ của rừng lên 40%. Cải tạo các đàn gia súc gia cầm, giải quyết tốt vấn đề thức ăn, thú y, công nghệ chăn nuôi. Tiếp tục phát triển công nghệ và kỹ thuật nuôi trồng thuỷ hải sản, đánh bắt ngoài khơi; quản lý việc đánh bắt trong lòng đúng quy trình, quy phạm, bảo vệ tài nguyên, tăng nhanh giá trị xuất khẩu hải sản.

Tận dụng công nghệ truyền thống và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến trong thu hoạch, chế biến, bảo quản, vận chuyển nông sản, tạo nhiều ngành nghề mới, nhiều việc làm ở nông thôn, thúc đẩy nhanh sự chuyển dịch cơ cấu nông thôn theo hướng công nghiệp hoá.

Nghiên cứu giải quyết các vấn đề về quy hoạch xây dựng nông thôn mới, bố trí các điểm dân cư, kết cấu hạ tầng, kiến trúc nông thôn, tổ chức cuộc sống, bảo vệ và cải thiện môi trường sống.

Tăng cường đầu tư có trọng điểm cho nghiên cứu khoa học; ứng dụng nhanh các thành tựu mới nhất của sinh học và công nghệ sinh học cũng như của các lĩnh vực khoa học và công nghệ khác vào phát triển nông nghiệp nông thôn. Đưa công nghệ mới về nông thôn phải gắn với việc nâng cao dân trí, cải tiến tổ chức quản lý và các chính sách đầu tư vào nông thôn.

Sắp xếp lại các cơ quan nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ, tập trung xây dựng một số cơ sở mạnh đảm nhận các nhiệm vụ nghiên cứu trọng điểm. Gắn các viện nghiên cứu ứng dụng với các tổ chức sản xuất kinh doanh; xây dựng các trung tâm khoa học vùng (Tây Bắc, Việt Bắc, đồng bằng sông Hồng, miền Trung, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long...).

Tổ chức đưa cán bộ khoa học về nông thôn giúp nông dân ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật.

Tổ chức các trung tâm hoặc các điểm chuyển giao công nghệ, các công ty hỗ trợ phát triển nông thôn ở các tỉnh (có thể ở một số huyện) kết hợp với hệ thống khuyến nông.

Khuyến khích và tạo điều kiện cho cá nhân và tập thể hợp tác với các tổ chức khoa học nước ngoài.

Xây dựng chế độ đãi ngộ thoả đáng đối với các tập thể, cá nhân có những sáng tạo về khoa học và công nghệ và các tiến bộ khoa học và công nghệ được ứng dụng có hiệu quả.

f) Chính sách xã hội nông thôn.

Thực hiện tốt các chủ trương, chính sách xã hội sau đây: Xoá nạn mù chữ, phấn đấu phổ cập cấp I, nâng cao dân trí. Phát triển hệ thống truyền thanh, truyền hình, thư viện, nhà văn hoá ở nông thôn. Đẩy mạnh phong trào vệ sinh phòng bệnh, thực hiện kế hoạch hoá gia đình, phát động rộng rãi phong trào thể dục thể thao; phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp, thuần phong mỹ tục, bài trừ hủ tục, mê tín, dị đoan, tệ nạn xã hội, phát huy tình làng nghĩa xóm, bảo đảm đoàn kết nông thôn. Khuyến khích xây dựng và thực hiện các hương ước, các quy chế về nếp sống văn minh ở các thôn, xã.

Xây dựng quỹ "toàn dân đên ơn đáp nghĩa" để có thêm phương tiện thực hiện tốt các chính sách đối với gia đình có công với nước, gia đình liệt sĩ, thương binh.

Trợ giúp người nghèo chủ yếu bằng cách cho vay vốn, hướng dẫn cách làm ăn. Hình thành quỹ xoá đói giảm nghèo ở từng địa phương trên cơ sở dân giúp dân, Nhà nước giúp dân và tranh thủ các nguồn tài trợ nhân đạo trong nước và quốc tế. Phấn đấu tăng số hộ giàu đi đôi với xoá đói giảm nghèo.

Phát triển các hình thức bảo hiểm sản xuất và đời sống trong nông thôn. Khuyến khích lập các loại quỹ bảo hiểm tuổi già, quỹ tương tế, quỹ từ thiện, do nông dân tự nguyện đóng góp.

g) Chính sách đối với miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số.

Các ngành, các cấp có chương trình kế hoạch cụ thể hoá Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 về phát triển kinh tế - xã hội nông thôn vào các địa phương miền núi và vùng đồng bào dân tộc, gắn với việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị Khoá VI và Quyết định 72 của Hội đồng Bộ trưởng. Trước mắt cần làm tốt một số chủ trương sau:

Khẩn trương thực hiện giao hoặc khoán đất, rừng đến hộ nông dân, kết hợp giải quyết có lý có tình những tranh chấp về đất đai.

Giúp đỡ các địa phương miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số xây dựng và thực hiện tốt các dự án thuộc chương trình của Chính phủ ta và do quốc tế tài trợ về giải quyết công ăn việc làm, định canh, định cư, chương trình phủ xanh đồi núi trọc, chương trình thay thế cây thuốc phiện,

chương trình chống sốt rét, bấu cổ, xoá đói giảm nghèo, xoá mù chữ, chương trình nước sinh hoạt cho vùng cao, v.v.. Giảm bớt các thủ tục phiền hà, các tầng nấc trung gian, bảo đảm đưa vốn, vật tư đến với dân đủ và kịp thời.

Có chương trình xây dựng công nghiệp ở các vùng trung du, miền núi, vùng đồng bào dân tộc để làm đòn bẩy phát triển kinh tế - xã hội trên từng địa bàn.

Khôi phục và mở rộng hoạt động của hệ thống thương nghiệp và tín dụng nhà nước ở miền núi để cùng các thành phần khác giúp đồng bào phát triển sản xuất, cải thiện đời sống. Thực hiện miễn, giảm thuế đối với những ngành, nghề cần khuyến khích và những mặt hàng cần đẩy mạnh lưu thông phục vụ miền núi.

Khôi phục, củng cố và nâng cấp các trục đường giao thông nối liền miền núi với miền xuôi; phát triển giao thông nội tỉnh.

Tạo điều kiện cho các địa phương miền núi mở cửa làm ăn với các địa phương trong nước và nước ngoài.

Có chính sách và hình thức thích hợp để đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ cán bộ dân tộc thiểu số và cán bộ công tác ở miền núi và vùng dân tộc thiểu số. Thống nhất tổ chức và đổi mới hoạt động của các cơ quan làm công tác dân tộc, bảo đảm tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào dân tộc.

Ban Chấp hành Trung ương giao cho Bộ Chính trị chỉ đạo Chính phủ cùng với các địa phương có liên quan giải quyết trực tiếp các vấn đề kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng cấp bách của từng vùng và từng dân tộc.

6. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

- Các tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn phải thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 3 (Khoá VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng và Quy định số 50-QĐ/TW ngày 19-11-1992 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ nông thôn.

Tổ chức đảng ở nông thôn phải thực sự đóng vai trò hạt nhân lãnh đạo mọi lĩnh vực đời sống xã hội trên địa bàn, phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng quan hệ sản xuất mới trong nông thôn, đảm bảo an ninh, quốc phòng của địa phương; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện công bằng xã hội, kiểm tra việc chấp hành pháp luật và chính sách của Đảng và Nhà nước, chống tham nhũng, ức hiếp quần chúng, đoàn kết xây dựng nông thôn.

- Chính quyền cấp xã cần thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội ở địa phương, hướng vào những nội dung chủ yếu là: Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng trên địa bàn xã, chăm lo giải quyết việc làm, thu nhập và đời sống của nhân dân ngày một tốt hơn. Chỉ đạo việc xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và kiến thiết nông thôn. Thực hiện quản lý nhà nước đối với tất cả các thành phần, tổ chức kinh tế trên địa bàn theo nhiệm vụ được giao. Thi hành luật pháp, giữ gìn trật tự, kỷ cương, ổn định nông thôn. Nhà nước cần sớm nghiên cứu đề ra quy chế thích hợp về chức năng vai trò của cấp thôn, ấp, bản phù hợp tình hình của từng vùng.

- Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của mặt trận và các đoàn thể một cách thiết thực. Tổng Liên đoàn Lao động, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh

niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, các hội nghề nghiệp hoạt động theo chức năng của tổ chức mình, hướng vào phục vụ mục tiêu, chương trình kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng ở nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới giàu mạnh, văn minh, tiến bộ. Trong đó, Hội Nông dân phải đóng vai trò nòng cốt.

Có chính sách và kế hoạch tuyển lựa, bồi dưỡng và đào tạo cho nông thôn một đội ngũ cán bộ đồng bộ về ngành nghề, vững vàng về chính trị, có phẩm chất, đạo đức tốt, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, tương xứng với yêu cầu phát triển nông thôn trong giai đoạn mới. Xây dựng chính sách đãi ngộ thoả đáng đối với đội ngũ cán bộ để họ yên tâm làm việc vì sự nghiệp phát triển nông thôn.

Ban Chấp hành Trung ương tin tưởng sâu sắc rằng nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này sẽ đẩy lên phong trào cách mạng sâu rộng, động viên toàn dân phát huy mọi tiềm năng, cần kiệm xây dựng đất nước, tạo ra bước chuyển biến mới trong sự nghiệp phát triển nông nghiệp và kinh tế - xã hội nông thôn, góp phần đưa công cuộc đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh tiến tới những thắng lợi to lớn hơn nữa.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
ĐỖ MƯỜI

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Số 05-NQ/HNTW, ngày 10 tháng 6 năm 1993**

**Về giao cho Bộ Chính trị và Ban Bí thư hướng dẫn
một số vấn đề trong Điều lệ Đảng**

Thi hành Điều lệ Đảng,

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Khoá VII quyết nghị:

Giao cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định, quy định, hướng dẫn những điều cụ thể sau đây:

1. Ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp (Điều 3, điểm 2).
2. Người xin vào Đảng có vấn đề lịch sử chính trị (Điều 4, điểm c).
3. Việc phát và quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên và thủ tục chuyển sinh hoạt đảng (Điều 6).
4. Ngành có đặc điểm riêng được tổ chức đảng bộ ngành dọc (Điều 10).
5. Trường hợp cần thiết Ban Chấp hành Trung ương có thể quyết định thành lập đảng bộ (gồm một số tổ chức đảng có tính chất đặc điểm riêng) trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương (Điều 10).

Ở các tỉnh, thành phố nếu được sự đồng ý của Trung ương cũng được thành lập đảng bộ tương tự trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ... (Điều 10).

6. Việc chỉ định đại biểu chỉ thực hiện đối với tổ chức đảng hoạt động trong điều kiện đặc biệt không thể mở đại hội để bầu cử được (Điều 11).

7. Số lượng uỷ viên Ban Chấp hành đảng bộ cấp nào do đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên của đảng bộ cấp đó quyết định (Điều 12).

8. Ban Chấp hành các cấp lập ra cơ quan giúp việc (ban, tiểu ban) và quy định tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế làm việc của cơ quan này (Điều 14).

9. Quyết định và thực hiện chính sách cán bộ và quản lý cán bộ; lập các ban, đảng đoàn, ban cán sự và chỉ đạo các cơ quan đó hoạt động (Điều 18).

10. Số lượng uỷ viên ban thường vụ và uỷ viên uỷ ban kiểm tra do hội nghị Ban Chấp hành quyết định (Điều 23).

11. Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam (Điều 28, 29, 31).

12. Việc tạm đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, sinh hoạt của cấp uỷ viên, hoạt động của tổ chức đảng chỉ được áp dụng trong trường hợp đặc biệt và phải được cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra có thẩm quyền chuẩn y (Điều 38).

13. Nguyên tắc, chế độ thu chi, quản lý tài chính của Đảng, mức đóng đảng phí của đảng viên, chế độ thu nộp và sử dụng đảng phí (Điều 45).

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

TỔNG BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Số 05-NQ/HNTW, ngày 10 tháng 6 năm 1993
Về triệu tập Hội nghị đại biểu toàn quốc
của Đảng giữa nhiệm kỳ (Khoá VII)

Thi hành Điều lệ Đảng,

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Khoá VII quyết nghị:

1. Triệu tập Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng giữa nhiệm kỳ (Khoá VII) trong tháng 12 năm 1993 tại Hà Nội.

2. Số lượng đại biểu Hội nghị không quá 660 đồng chí. Việc phân bổ đại biểu theo các đảng bộ trực thuộc Trung ương, theo số lượng đảng viên và theo vị trí quan trọng của một số đảng bộ.

3. Hội nghị đại biểu được bầu bổ sung số Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương thiếu và bầu tăng thêm không quá 10% số Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương do Đại hội VII đã bầu.

4. Ban Chấp hành Trung ương giao cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định việc phân bổ đại biểu cho các đảng bộ

trực thuộc Trung ương và chuẩn bị nhân sự trình Ban Chấp hành Trung ương giới thiệu để Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

TỔNG BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

MỤC LỤC

- *Lời giới thiệu tập 52*
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 06-CT/TW, ngày 21 tháng 2 năm 1992, về việc chỉ đạo Đại hội các cấp Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể
- Thông tri của Ban Bí thư, số 04-TT/TW, ngày 24 tháng 2 năm 1992, về tiến hành sơ kết hai năm thực hiện Nghị quyết 8 Trung ương, Khoá VI
- Thông báo, số 18-TB/TW, ngày 9 tháng 3 năm 1992, kết luận của Bộ Chính trị về vấn đề điều chỉnh địa giới hành chính cấp tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương
- Thông báo, số 20-TB/TW, ngày 25 tháng 3 năm 1992, ý kiến của Bộ Chính trị về việc điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng Thủ đô Hà Nội
- Quyết định của Ban Bí thư, số 26-QĐ/TW, ngày 26 tháng 3 năm 1992, về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Ban Khoa giáo Trung ương
- Quyết định của Ban Bí thư, số 27-QĐ/TW, ngày 26 tháng 3 năm 1992, về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Ban Kinh tế Trung ương
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 01-NQ/TW, ngày 28 tháng 3 năm 1992, về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay

Trang

V

1

5

8

10

12

15

18

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 08-CT/TW, ngày 31 tháng 3 năm 1992, tăng cường sự lãnh đạo và quản lý nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác báo chí, xuất bản 30
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 09-CT/TW, ngày 31 tháng 3 năm 1992, về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá IX 39
- Thông báo, số 21-TB/TW, ngày 2 tháng 4 năm 1992, ý kiến của Bộ Chính trị về một số vấn đề trong dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1980 43
- Quyết định của Ban Bí thư, số 28-QĐ/TW, ngày 28 tháng 4 năm 1992, về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Ban Tổ chức Trung ương 47
- Quyết định của Ban Bí thư, số 29-QĐ/TW, ngày 5 tháng 5 năm 1992, về tên gọi, chức năng, nhiệm vụ mới của Viện Mác - Lênin 50
- Thông báo số 24-TB/TW, ngày 28 tháng 5 năm 1992, ý kiến của Ban Bí thư về đề án đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy các bộ môn khoa học Mác - Lênin 53
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 11-CT/TW, ngày 13 tháng 6 năm 1992, về đổi mới và tăng cường công tác thông tin đối ngoại 56
- Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười khai mạc Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá VII, ngày 18 tháng 6 năm 1992, thời cuộc hiện nay và nhiệm vụ của chúng ta 63
- Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá VII, về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng 83
- Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá VII, về phát triển kinh tế đối ngoại trong tình hình mới 122

- Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến Trung ương, về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng 176
- Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến Trung ương, về bản kết luận tiếp tục thi hành Nghị quyết Trung ương 8 (Khoá VI) về công tác quần chúng của Đảng 185
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá VII, số 03-NQ/HNTW, ngày 29 tháng 6 năm 1992, về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng 188
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá VII, số 03-NQ/HNTW, ngày 29 tháng 6 năm 1992, về nhiệm vụ quốc phòng và bảo vệ an ninh quốc gia, chống diễn biến hoà bình của địch 221
- Quyết định của Ban Bí thư, số 32-QĐ/TW, ngày 9 tháng 7 năm 1992, về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Ban Dân vận Trung ương 249
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 13-CT/TW, ngày 21 tháng 7 năm 1992, về việc quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VII) 252
- Quyết định của Ban Bí thư, số 37-QĐ/TW, ngày 29 tháng 8 năm 1992, về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương 258
- Quyết định của Ban Bí thư, số 33-QĐ/TW, ngày 7 tháng 9 năm 1992, về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương 261
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 02-NQ/TW, ngày 10 tháng 9 năm 1992, về chế độ đảng phí 264
- Điện của Ban Bí thư, số 40-ĐK:HT, ngày 29 tháng 9 năm 1992 267
- Thông báo, số 33-TB/TW, ngày 5 tháng 10 năm 1992, quyết định của Bộ Chính trị về việc hợp nhất hai cơ

- quan Ban Dân tộc Trung ương và Văn phòng Miền núi và dân tộc của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (cũ) 270
- Thông báo của Ban Bí thư, số 32-TB/TW, ngày 30 tháng 10 năm 1992, ý kiến của Ban Bí thư về một số việc cấp bách cần thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 về xây dựng Đảng 271
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 42-QĐ/TW, ngày 14 tháng 11 năm 1992, về việc lập Đảng đoàn Quốc hội 273
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 43-QĐ/TW, ngày 14 tháng 11 năm 1992, về việc lập Ban Cán sự đảng Chính phủ 276
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 45-QĐ/TW, ngày 14 tháng 11 năm 1992, về việc lập Ban Cán sự đảng Toà án nhân dân tối cao 279
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 46-QĐ/TW, ngày 14 tháng 11 năm 1992, về việc lập các đảng đoàn đoàn thể nhân dân ở cấp trung ương 282
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 47-QĐ/TW, ngày 14 tháng 11 năm 1992, về việc lập Ban Cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao 285
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 48-QĐ/TW, ngày 14 tháng 11 năm 1992, về việc lập ban cán sự đảng ở các bộ và cơ quan ngang bộ 288
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 14-CT/TW, ngày 19 tháng 11 năm 1992, về việc tổ chức tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương (Khoá VII) 291
- Quy định của Ban Bí thư, số 49-QĐ/TW, ngày 19 tháng 11 năm 1992, về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ trong các doanh nghiệp nhà nước 294
- Quy định của Ban Bí thư, số 50-QĐ/TW, ngày 19 tháng 11 năm 1992, về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ ở nông thôn 300

- Quy định của Ban Bí thư, số 51-QĐ/TW, ngày 19 tháng 11 năm 1992, về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ trong các đơn vị sự nghiệp (trường học, viện nghiên cứu, bệnh viện) 307
- Quy định của Ban Bí thư, số 52-QĐ/TW, ngày 19 tháng 11 năm 1992, về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ ở phường 314
- Quy định của Ban Bí thư, số 54-QĐ/TW, ngày 19 tháng 11 năm 1992, về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ quan 321
- Quyết định của Ban Bí thư, số 53-QĐ/TW, ngày 20 tháng 11 năm 1992, về việc thành lập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia 328
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 15-CT/TW, ngày 20 tháng 11 năm 1992, về việc tiếp tục ngăn chặn và bài trừ tệ tham nhũng, buôn lậu 331
- Thông báo của Ban Bí thư, số 37-TB/TW, ngày 20 tháng 11 năm 1992, về tổ chức và hoạt động của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam 335
- Thông báo số 36-TB/TW, ngày 23 tháng 11 năm 1992, ý kiến của Bộ Chính trị về đề án Quy hoạch tổng thể xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh 338
- Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười khai mạc Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VII), ngày 4 tháng 1 năm 1993, chăm sóc, bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh 343
- Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VII), về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng 371

- Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VII), tình hình văn hoá, văn nghệ hiện nay và nhiệm vụ văn hoá, văn nghệ trong những năm trước mắt 397
- Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VII), những vấn đề cấp bách về chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân trong tình hình hiện nay 418
- Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VII), chính sách về dân số và kế hoạch hoá gia đình 435
- Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VII), về công tác thanh niên của Đảng 448
- Ý kiến của Bộ Chính trị, về những vấn đề Trung ương thảo luận tại Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (Khoá VII) 461
- Báo cáo kết quả biểu quyết, một số vấn đề về nội dung các nghị quyết của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VII), ngày 14 tháng 1 năm 1993 487
- Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười bế mạc Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VII), ngày 14 tháng 1 năm 1993 496
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VII), số 04-NQ/HNTW, ngày 14 tháng 1 năm 1993, về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo 504
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VII), số 04-NQ/HNTW, ngày 14 tháng 1 năm 1993, về một số nhiệm vụ văn hoá, văn nghệ những năm trước mắt 513

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VII), số 04-NQ/HNTW, ngày 14 tháng 1 năm 1993, về những vấn đề cấp bách của sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân 521
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VII), số 04-NQ/HNTW, ngày 14 tháng 1 năm 1993, về chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình 529
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VII), số 04-NQ/HNTW, ngày 14 tháng 1 năm 1993, về công tác thanh niên trong thời kỳ mới 536
- Thông báo của Ban Bí thư, số 41-TB/TW, ngày 6 tháng 3 năm 1993, về việc tiến hành tổng kết công tác xây dựng Đảng 543
- Quyết định của Ban Bí thư, số 64-QĐ/TW, ngày 10 tháng 3 năm 1993, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Văn phòng Trung ương Đảng 547
- Quyết định của Ban Bí thư, số 62-QĐ/TW, ngày 15 tháng 3 năm 1993, về việc thành lập Đảng đoàn, Ban cán sự đảng ở các cơ quan cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh 551
- Quyết định của Ban Bí thư, số 67-QĐ/TW, ngày 6 tháng 4 năm 1993, về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Ban Cán sự đảng ngoài nước 554
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 16-CT/TW, ngày 7 tháng 4 năm 1993, về lãnh đạo thực hiện chủ trương chống nạn maïi dâm và ma tuý 557
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 17-CT/TW, ngày 8 tháng 4 năm 1993, về tăng cường chỉ đạo công tác văn phòng tỉnh uỷ, thành uỷ 559
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 18-CT/TW, ngày 14 tháng 4 năm 1993, về việc lãnh đạo lấy ý kiến nhân dân đối với dự án Luật đất đai (sửa đổi) 563

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 19-CT/TW, ngày 19 tháng 4 năm 1993, về việc lãnh đạo công tác Hội Luật gia Việt Nam 566
- Thông báo của Ban Bí thư, số 46-TB/TW, ngày 20 tháng 4 năm 1993, về công tác kiểm tra 569
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 03-NQ/TW, ngày 6 tháng 5 năm 1993, về một số nhiệm vụ phát triển kinh tế biển trong những năm trước mắt 573
- Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười khai mạc Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VII), ngày 3 tháng 6 năm 1993, tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ kinh tế - xã hội nông thôn 584
- Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VII), tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn đến năm 2000 614
- Ý kiến của Bộ Chính trị, về những vấn đề Trung ương thảo luận tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (Khoá VII), ngày 10 tháng 6 năm 1993 678
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá VII), số 05-NQ/HNTW, ngày 10 tháng 6 năm 1993, tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn 695
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, số 05-NQ/HNTW, ngày 10 tháng 6 năm 1993, về giao cho Bộ Chính trị và Ban Bí thư hướng dẫn một số vấn đề trong Điều lệ Đảng 718
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, số 05-NQ/HNTW, ngày 10 tháng 6 năm 1993, về triệu tập Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng giữa nhiệm kỳ (Khoá VII) 720

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. LÊ VĂN YÊN

Biên tập nội dung: TRƯƠNG DIỆP BÍCH

VŨ HỒNG THẮM

ĐÀO NGA MY

Biên tập kỹ, mỹ thuật: NGUYỄN THỊ HOÀ

Trình bày bìa: NGUYỄN THỊ HOÀ

Chế bản vi tính: LÂM THỊ HƯƠNG

Sửa bản in, đọc sách mẫu: BAN SÁCH

NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ ĐẢNG

Mã số: 3KV1 (060) "1992-1993"
CTQG - 2007

In 3.000 cuốn, khổ 15 x 22 cm, tại Công ty in Tiến bộ.

Giấy phép xuất bản số: 288-2007/CXB/23-24CTQG.

Quyết định xuất bản số: 1398-QĐ/NXBCTQGST.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2007.